TIỀN GIẤY BẮT ĐẦU LƯU HÀNH TỪ NĂM 1661

CÓ 180 LOẠI TIỀN TỆ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRÊN TOÀN THẾ GIỚI

10% DÂN SỐ THẾ GIỚI SỐNG DƯỚI MỨC 1,9 ĐÔ LA MỘT NGÀY

GẤY QUỸ ĐẦM ĐÔNG XUẤT HIỆN TỪ KHOẢNG NHỮNG NĂM 1700

QUỸ HƯU TRÍ TUỔI GIÀ ĐƯỢC RA MẮT VÀO NĂM 1891

92% TIỀN TỆ TOÀN CẦU LÀ TIỀN ĐIỆN TỬ

107 TỶ EURO LÀ SỐ TIỀN NỢ MÀ HY LẠP ĐƯỢC XÓA SỔ VÀO NĂM 2012

21 NGHÌN TỶ ĐÔ ĐƯỢC XEM LÀ SỐ TIỀN ĐANG ĐƯỢC GIẤU Ở CÁC THIÊN ĐƯỜNG TRỐN THUẾ

HOW MONEY WORKS

1.311 BẢNG LÀ MỨC LƯƠNG THÁNG TRUNG BÌNH TRÊN TOÀN CẦU

NẶNG 3,4 TẤN, TIỀN ĐÁ RAI STONE LÀ ĐỒNG TIỀN NẶNG NHẤT THẾ GIỚI

HIỂU HẾT VỀ TIỀN

2,5 TỶ NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH KHÔNG CÓ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

7% LÀ LỢI NHUẬN TRUNG BÌNH HÀNG NĂM CỦA THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN KỂ TỪ SAU THẾ CHIẾN 2

TỪ NĂM 1970, GDP TOÀN CẦU ĐÃ TĂNG HƠN GẤP ĐÔI

BÙI THỊ QUỲNH CHI dịch

nhà nam
NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

www.dk.com

Cẩm nang giới thiệu đơn giản, dễ hình dung nhất từ trước đến nay về tiền tệ và hệ thống tài chính thế giới.

Tiền đến từ đâu? Sự khác biệt giữa giàu có và thu nhập là gì? Các chính phủ kiểm soát tiền tệ như thế nào? Tại sao một khoản nợ lại là tốt?

How money works – Hiểu hết về tiền **tìm hiểu cách thức các chính phủ kiểm soát tiền tệ, cách các công ty kiếm ra tiền, cách các thị trường tài chính vận hành, cách các cá nhân tối đa hóa thu nhập thông qua đầu tư...**

Đưa ra định nghĩa cho hàng trăm khái niệm, cùng với những kiến thức nền tảng nhất về các hệ thống tài chính, như trái phiếu, cổ phiếu, tiền mã hóa, bitcoin, quản lý nợ, tránh vỡ nợ trực tuyến và gây quỹ cộng đồng, cũng như cách tiền vận hành thế giới.

BECOME A MEMBER!

Nhà Nam Reading Club

nhà nam
www.nhanam.vn
Mua bán sách giả là giết chết sách thật

ISBN: 978-604-77-8853-8
9 786047 788538
Giá: 300.000đ
8 935235 223066

HOW MONEY WORKS

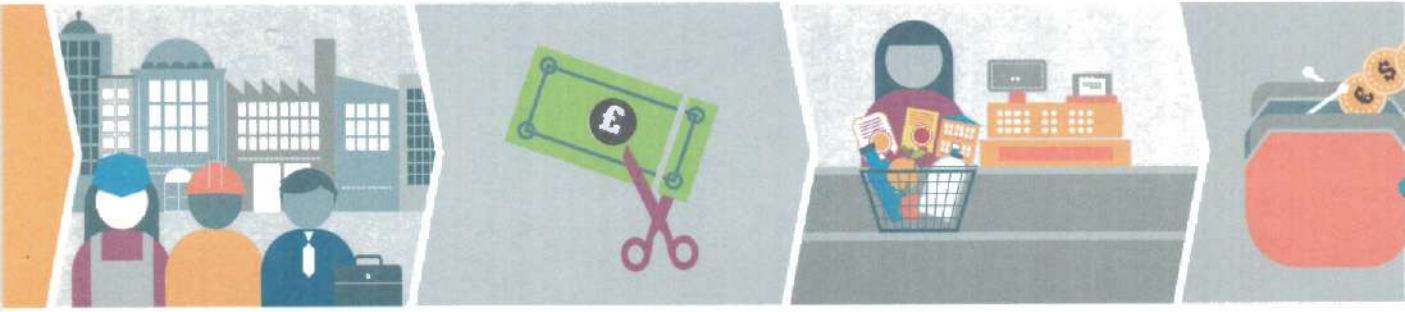

HOW MONEY WORKS

HIỂU HẾT VỀ TIỀN

Bùi Thị Quỳnh Chi *dịch*

DK

nhà nam

NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI

Penguin Random House

How Money Works
Copyright © Dorling Kindersley Limited, 2017
A Penguin Random House Company

Bản quyền bản tiếng Việt © Công ty Văn hóa & Truyền thông Nhã Nam, 2019.

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hình thức xuất bản, sao chụp, phân phối dưới dạng in ấn hoặc văn bản điện tử, đặc biệt là việc phát tán trên mạng Internet mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản là vi phạm pháp luật và làm tổn hại đến quyền lợi của nhà xuất bản và tác giả. Không ủng hộ, khuyến khích những hành vi vi phạm bản quyền. Chỉ mua bản bản in hợp pháp.

A WORLD OF IDEAS: SEE ALL THERE IS TO KNOW
www.dk.com

Mục lục

Giới thiệu 8

NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ TIỀN 10

Sự tiến hóa của tiền 12
Hàng đổi hàng, tín phiếu (IOU) và tiền 14
Các đồ tạo tác được dùng làm tiền 16
Sự trỗi dậy của kinh tế học hiện đại 20
Các học thuyết kinh tế và tiền 22

TẠO RA LỢI NHUẬN VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH 24

Kế toán doanh nghiệp 26
Doanh thu ròng 28
Chi tiêu và vốn hóa 30
Khấu hao, khấu trừ dần, hao tổn 32
Giảm biến thiên doanh thu 34
Dòng tiền 36
Tỷ lệ nợ trên vốn sở hữu và rủi ro 40
Các công ty sử dụng những khoản vay như thế nào 42
Báo cáo tài chính 44

Các công cụ tài chính 46
Cổ phần 48
Trái phiếu 50
Các công cụ tài chính phái sinh 52

Các thị trường tài chính 54
Thị trường tiền tệ 56
Trao đổi và mua bán ngoại tệ 58
Thị trường sơ cấp và thứ cấp 60
Dự đoán những thay đổi của thị trường 62
Kinh doanh chênh lệch giá 64
Thao túng thị trường chứng khoán 66
Giao dịch trong ngày 68

Các định chế tài chính 70
Các ngân hàng thương mại và thế chấp 72
Các ngân hàng đầu tư 74
Môi giới 76
Rủi ro và quy định về bảo hiểm 78
Các công ty đầu tư 80
Các tổ chức tài chính phi ngân hàng 82

HOW MONEY WORKS - HIỂU HẾT VỀ TIỀN

Chịu trách nhiệm xuất bản GIÁM ĐỐC – TỔNG BIÊN TẬP: TS. TRẦN ĐOÀN LÂM
Biên tập: Nguyễn Trung Dũng | Biên tập viên Nhà Nam: Bùi Thu Hà | Thiết kế bìa, trình bày: Kim Oanh | Sửa bản in: Phạm Thủy.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THẾ GIỚI
46 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội | Điện thoại: 0084.24.38253841
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh: Số 7 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP Hồ Chí Minh | Điện thoại: 0084.28.38220102 | Email: marketing@thegioipublishers.vn | Website: www.thegioipublishers.vn

CÔNG TY VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THÔNG NHÀ NAM:
59 Đỗ Quang, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội | Điện thoại: 024 35146875 | Fax: 024 35146965 | Website: www.nhanam.vn | Email: nhanambook@vnn.vn | http://www.facebook.com/nhanampublishing.
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh: Nhà 015 Lô B chung cư 43 Hồ Văn Huê | Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh | Điện thoại: 028 38479853 | Fax: 028 38443034 | Email: hcm@nhanam.vn.

In 2.000 cuốn, khổ 19,5x23cm tại Công ty CP In Viễn Đông (km19+400, Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên). Căn cứ trên số đăng ký xuất bản: 97-2021/CXBIPH/18-03/ThG. và quyết định xuất bản số 126/QĐ-ThG của Nhà xuất bản Thế Giới ngày 04.02.2021. Mã ISBN: 978-604-77-8853-8. In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

TÀI CHÍNH CHÍNH PHỦ VÀ TIỀN CÔNG 84

Cung tiền **86**
Tăng lưu thông tiền tệ 88
Dự trữ ngân hàng 90
Suy thoái và cung tiền 92
Từ suy thoái đến khủng hoảng 94

Quản lý tài chính nhà nước **96**
Chính phủ và tiền 98
Ngân hàng trung ương 100
Ràng buộc ngân sách 104
Thuế vận hành như thế nào 106
Nợ chính phủ 108
Nợ công 110
Khả năng quy trách nhiệm (Accountability) 112

Nỗ lực kiểm soát **114**
Đọc các chỉ số kinh tế 116
Quyết định các chính sách kinh tế 118
Các mức lãi suất 120
Nới lỏng định lượng 124
Các mức thuế 126
Chi tiêu của chính phủ 128
Các chính phủ chuẩn bị cho tương lai như thế nào? 130
Lạm phát 132
Cán cân thanh toán 136
Biến động tiền tệ quốc tế 138
Quản lý quỹ hưu trí quốc gia 140

Tại sao các chính phủ phá sản **142**
Chính phủ phá sản như thế nào: siêu lạm phát 144
Chính phủ phá sản như thế nào: mất khả năng trả nợ 146

Đội ngũ tác giả

Tiến sĩ Julian Sims (cố vấn biên tập) tham gia giới học thuật sau sự nghiệp thành công trong ngành công nghiệp tại Mỹ và Vương quốc Liên hiệp Anh. Ông là giảng viên của Khoa Quản lý tại trường nghiên cứu Birkbeck, Đại học London, Vương quốc Liên hiệp Anh; một kế toán viên giám định (CPA Úc); một nhà thực hành công nghệ thông tin giám định (CITP). Các công trình của ông được công bố rộng rãi trên các tạp chí chuyên ngành.

Marianne Curphey: tác giả, blogger và nhà báo viết về tài chính từng đoạt giải thưởng. Bà đã làm việc với tư cách tác giả và biên tập viên cho tờ *The Guardian*, *The Times* và *The Telegraph* cũng như một loạt trang web và tạp chí tài chính khác.

Emma Lunn: nhà báo chuyên viết về tài chính cá nhân từng giành giải thưởng, bài viết của bà thường xuyên xuất hiện trên những tờ báo chất lượng như *The Guardian*, *The*

TÀI CHÍNH CÁ NHÂN 148

Giá trị, của cải và thu nhập 150
Tính và phân tích giá trị ròng 152
Thu nhập và của cải 154
Chuyển đổi thu nhập thành của cải 156
Tạo thu nhập 158
Tạo ra của cải 160

Đầu tư để có thu nhập 162
Cổ tức 164
Kiếm thu nhập từ các khoản tiết kiệm 166
Đầu tư vào các quỹ được quản lý 168
Thu nhập từ cho thuê bất động sản 170
Bảo hiểm sinh mạng 172

Các khoản đầu tư gây dựng của cải 174
Đầu tư vào bất động sản 176
Giá trị tài sản thế chấp 180
Cổ phần 182
Các quỹ được quản lý 184

Quản lý các khoản đầu tư 186
Phân bổ và đa dạng hóa tài sản 188
Trung bình hóa chi phí đầu tư 190
Khả năng chịu đựng rủi ro 192
Danh mục đầu tư tối ưu 194

Lương hưu và hưu trí 196
Tiết kiệm và đầu tư cho lương hưu 198
Biến lương hưu thành thu nhập 202

Nợ 204
Tại sao người ta vay nợ 206
Lãi đơn và lãi kép 208
Tiền vay 210
Vay thế chấp 212
Hiệp hội tín dụng 216
Thẻ tín dụng 218

Tiền trong kỷ nguyên điện tử 220
Tiền mã hóa 222
Bitcoin 224
Gây quỹ cộng đồng 226
Cho vay ngang hàng 228

Tiền tại Vương quốc Anh 230
CHỈ MỤC 248
Lời cảm ơn 256

Independent và *The Telegraph* cũng như một số nhà xuất bản và trang web chuyên môn khác.

James Meadway: nhà kinh tế và cố vấn chính sách từng làm việc với Quỹ Các nền kinh tế mới - một viện nghiên cứu độc lập của Anh, Ngân khố Vương quốc Liên hiệp Anh, Hiệp hội Hoàng gia và Đồng lý Văn phòng Anh.

Philip Parker: nhà sử học, nhà cựu ngoại giao và xuất bản người Anh, từng theo học trường John Hopkins of Advance International Studies. Là một tác giả nhận được nhiều lời khen ngợi, ông đã viết nhiều cuốn sách tập trung vào lịch sử giao thương thế giới.

Alexandra Black: nhà nghiên cứu truyền thông kinh doanh trước khi viết cho các tờ báo tài chính của tập đoàn Nikkei tại Nhật Bản và làm việc với tư cách biên tập viên tại ngân hàng đầu tư JP Morgan. Bà đã viết vô số cuốn sách và bài báo về những chủ đề đa dạng như tài chính, kinh doanh, công nghệ và thời trang.

ĐÃ
BÁN

GIỚI THIỆU

Tiền là dầu giúp cỗ máy thế giới của chúng ta chuyển động. Bằng cách mang tới cho hàng hóa và dịch vụ một giá trị dễ dàng đo lường, tiền tạo điều kiện cho hàng tỷ giao dịch diễn ra mỗi ngày. Không có tiền, các ngành công nghiệp và thương mại là nền tảng cơ bản của các nền kinh tế hiện đại sẽ bị hủy hoại và dòng của cải trên khắp thế giới sẽ ngừng chảy.

Tiền đã thực hiện trọn vẹn nhiệm vụ thiết yếu này hàng nghìn năm qua. Trước khi tiền được phát minh, con người trao đổi hàng hóa do tự mình sản xuất để lấy những thứ mà họ cần từ người khác. Trao đổi hàng phù hợp với những giao dịch đơn giản nhưng lại không thuận tiện khi những thứ được trao đổi có giá trị khác nhau hoặc không sẵn có cùng lúc. Trái lại, tiền có một giá trị đồng nhất đã được nhận diện và chấp nhận rộng rãi. Quả thực, một khái niệm đơn giản, trải qua nhiều nghìn năm, đã trở nên rất phức tạp.

Đầu giai đoạn hiện đại, các cá nhân và chính phủ bắt đầu thành lập các ngân hàng và những tổ chức tài chính khác cũng ra đời. Cuối cùng, những người bình thường cũng có thể gửi tiền vào một tài khoản ngân hàng và kiếm được tiền lãi, vay tiền và mua tài sản, đầu tư tiền lương vào công việc kinh doanh hay mở doanh nghiệp của chính mình. Các ngân hàng cũng có thể đảm bảo cho những tai ương có thể hủy hoại các gia đình hay doanh nghiệp, khuyến khích người ta mạo hiểm theo đuổi lợi nhuận.

Ngày nay, chính phủ và ngân hàng trung ương kiểm soát nền kinh tế của một đất nước. Ngân hàng trung ương phát hành tiền, quyết định có bao nhiêu tiền trong lưu thông và lãi suất sẽ áp dụng cho các ngân hàng khi họ vay tiền từ ngân hàng trung ương. Trong khi các chính phủ vẫn in và bảo lãnh tiền mặt, trên thế giới ngày nay, tiền không cần phải hiện diện ở dạng xu hay giấy nữa mà có thể tồn tại thuần túy ở dạng điện tử.

Cuốn sách này xem xét mọi khía cạnh vận hành của tiền, bao gồm lịch sử của nó, các thị trường và tổ chức tài chính, tài chính chính phủ, lợi nhuận, tài chính cá nhân, của cải, cổ phiếu và lương hưu. Thông qua những diễn giải trực quan và các ví dụ thực tế khiến khái niệm phức tạp nhất cũng ngay lập tức trở nên dễ tiếp cận, cuốn sách *Hiểu hết về tiền* mang lại những kiến thức rõ ràng về tiền và cách nó định hình thế giới ngày nay.

NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN **VỀ TIỀN**

› Sự tiến hóa của tiền

Sự tiến hóa của tiền

Từ xa xưa, con người đã trao đổi hàng hóa dư thừa với nhau thông qua một quy trình gọi là hàng đổi hàng. Tuy nhiên, giá trị của mỗi loại hàng hóa trao đổi có thể được thương lượng, và tiền tham gia vào quá trình này như một giải pháp thiết thực giúp đối phó với sự phức tạp của việc trao đổi hàng trăm loại hàng hóa khác nhau. Qua nhiều thế kỷ, tiền đã xuất hiện dưới nhiều hình thức nhưng dù có vỏ bọc là gì đi nữa, dù dưới dạng hữu hình là tiền xu hay tiền giấy hay tiền điện tử, nó vẫn luôn mang lại một giá trị cố định giúp so sánh bất cứ món hàng nào.

Ngược dòng lịch sử của tiền

Theo thời gian, tiền ngày càng trở nên phức tạp. Thứ từng bắt đầu với tư cách là phương tiện ghi nhận trao đổi thương mại hiện diện ở dạng xu và giấy, giờ đây lại chủ yếu ở dạng điện tử.

Hàng đổi hàng

(10.000-3.000 năm trước Công nguyên)

Trong những hình thức thương mại đầu tiên, các hàng hóa cụ thể được trao đổi với nhau và được các bên thương lượng đồng ý là có giá trị tương đương. *Xem trang 14-15.*

Bằng chứng của các ghi chép giao thương

(từ năm 7.000 trước Công nguyên)

Người ta dùng tranh vẽ những mặt hàng để ghi lại các trao đổi thương mại, vốn đã trở nên phức tạp hơn khi giá trị đã được thiết lập và ghi chép lại. *Xem trang 16-17.*

Tiền đúc

(năm 600 trước Công nguyên đến năm 1100 sau Công nguyên)

Một số thương nhân sử dụng các phần khối lượng định trước của các kim loại quý làm tiền; sau này, chúng được chính thức hóa thành tiền xu và thường do chính phủ phát hành. *Xem trang 16-17.*

CUNG VÀ CẦU

Quy luật cung cầu giải thích sự sẵn có của một loại hàng hóa (lượng cung) và nhu cầu đối với hàng hóa đó ảnh hưởng đến giá của nó như thế nào. Khi cung thấp và cầu cao, giá của một sản phẩm có xu hướng tăng; trong khi đó, một sản phẩm có số lượng dồi dào (cung cao) nhưng nhu cầu thấp thì giá của nó có xu hướng giảm. Trong thị trường tự do, giá của một sản phẩm chỉ ổn định khi lượng cầu bằng với lượng cung và đó là điểm cân bằng của thị trường. *Xem trang 20-21.*

80,9 nghìn tỷ đô la

– lượng tiền ước tính hiện đang tồn tại

Tiền giấy

(1100-2000)

Chính phủ bắt đầu sử dụng tiền giấy, phát hành các tín phiếu (IOU) có thể được trao đổi như tiền và đổi lấy tiền xu bất cứ lúc nào. *Xem trang 18-19.*

Tiền điện tử

(từ năm 2000)

Giờ đây, tiền có thể tồn tại "ảo" trên máy tính và những giao dịch lớn có thể được diễn ra mà không cần sự hiện diện của tiền mặt trao tay. *Xem trang 220-225.*

Kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô

Kinh tế vĩ mô nghiên cứu tác động của những thay đổi trong toàn bộ nền kinh tế. Kinh tế vi mô xem xét hành vi của những nhóm nhỏ hơn.

Kinh tế vĩ mô

Kinh tế vĩ mô đo những thay đổi dựa vào các chỉ số tác động đến toàn bộ nền kinh tế.

› **Cung ứng tiền tệ** Lượng tiền lưu thông trong một nền kinh tế.

› **Thất nghiệp** Số người không thể tìm được việc làm.

› **Lạm phát** Mức tăng giá mỗi năm.

Kinh tế vi mô

Kinh tế vi mô xem xét tác động do quyết định của các công ty và cá nhân gây ra đối với nền kinh tế.

› **Tổ chức công nghiệp** Tác động của các tổ chức tư bản độc quyền và các-ten đối với nền kinh tế.

› **Lương** Tác động mà các mức lương, vẫn chịu ảnh hưởng của chi phí lao động và sản xuất, gây ra với hoạt động chi tiêu của người tiêu dùng.

Hàng đổi hàng, tín phiếu (IOU) và tiền

Hàng đổi hàng – trao đổi hàng hóa trực tiếp – hình thành cơ sở của thương mại trong hàng nghìn năm. Adam Smith, tác giả của cuốn sách *The Wealth of Nations* (Sự thịnh vượng của các quốc gia) hồi thế kỷ 18, là một trong những người đầu tiên nhận ra nó là tiền thân của tiền.

Hàng đổi hàng trong thực tiễn

Về cơ bản, hàng đổi hàng bao gồm việc trao đổi một hàng hóa (một con bò chẳng hạn) cho một hay nhiều hàng hóa có "giá trị" được coi là ngang bằng với nó (ví dụ như một giạ lúa mì). Trong hầu hết các trường hợp, hai bên mang hàng hóa và trao đổi chúng với nhau tại thời điểm diễn ra giao dịch. Đôi khi, một trong hai bên sẽ chấp nhận một tín phiếu (IOU - "I owe you", tức "tôi nợ bạn") hay thậm chí một thẻ đổi tiền mà hai bên đồng thuận là có thể trao đổi cho cùng một lượng hàng hóa hay thứ gì khác vào hôm sau.

Ưu và nhược điểm của hàng đổi hàng

Ưu điểm

› Các mối quan hệ thương mại Nuôi dưỡng mối liên hệ giữa các đối tác trao đổi.

› Hàng hóa hữu hình được trao đổi Không phải phụ thuộc vào niềm tin rằng tiền sẽ giữ nguyên giá trị của nó.

Nhược điểm

› Cần có thị trường Cả hai bên phải muốn thứ mà người kia cung cấp.

› Khó thiết lập được một giá trị cố định cho các hàng hóa Một con dê có thể có một giá trị nhất định đối với người này vào ngày này, nhưng có thể có giá trị thấp hơn vào một tuần sau đó.

› Hàng hóa có thể không dễ phân chia Ví dụ, một con vật sống thì không thể chia ra được.

› Các giao dịch quy mô lớn có thể khó xảy ra Vận chuyển một con dê thì dễ dàng nhưng một nghìn con thì không.

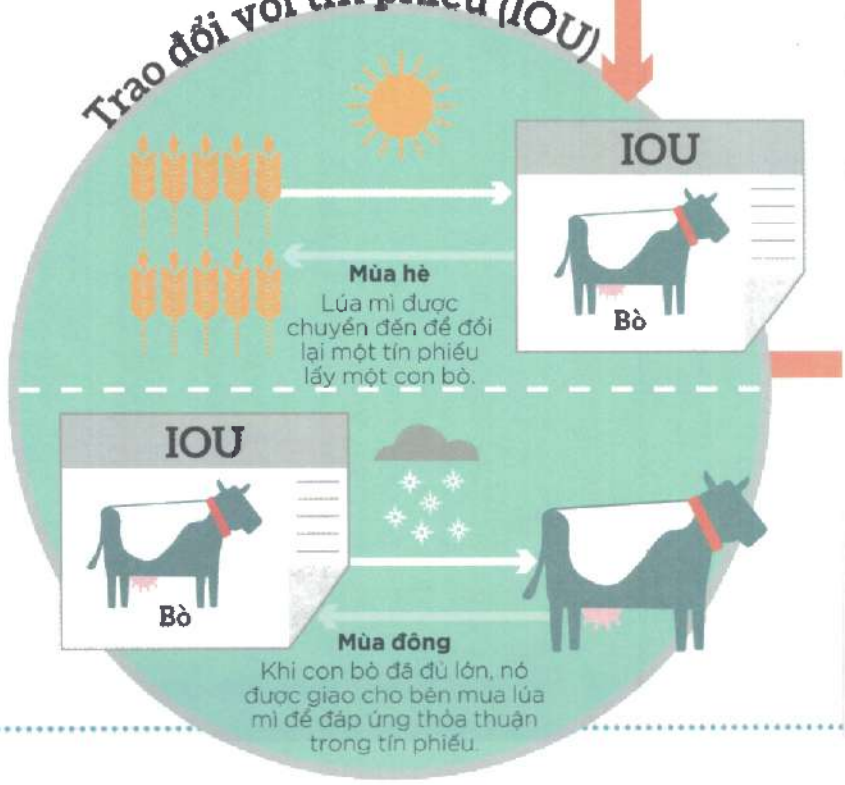

Nó diễn ra như thế nào

Ở hình thức đơn giản nhất, hai bên thực hiện một giao dịch hàng đổi hàng đồng ý một mức giá (ví dụ một con bò lấy một giạ lúa mì) và trực tiếp trao hàng cho nhau tại thời điểm đã thỏa thuận. Tuy nhiên, điều này không phải lúc nào cũng có thể thực hiện, ví dụ như lúa mì vẫn chưa sẵn sàng để thu hoạch, do đó một bên có thể chấp nhận tín phiếu để trao đổi hàng hóa thật sau đó. Cuối cùng, những tín phiếu này có được giá trị của riêng chúng và người sở hữu tín phiếu có thể trao đổi nó để lấy những thứ khác nữa có cùng giá trị như hàng hóa gốc (có thể là táo thay vì lúa mì). Lúc này, tín phiếu thực hiện chức năng tương tự tiền thật.

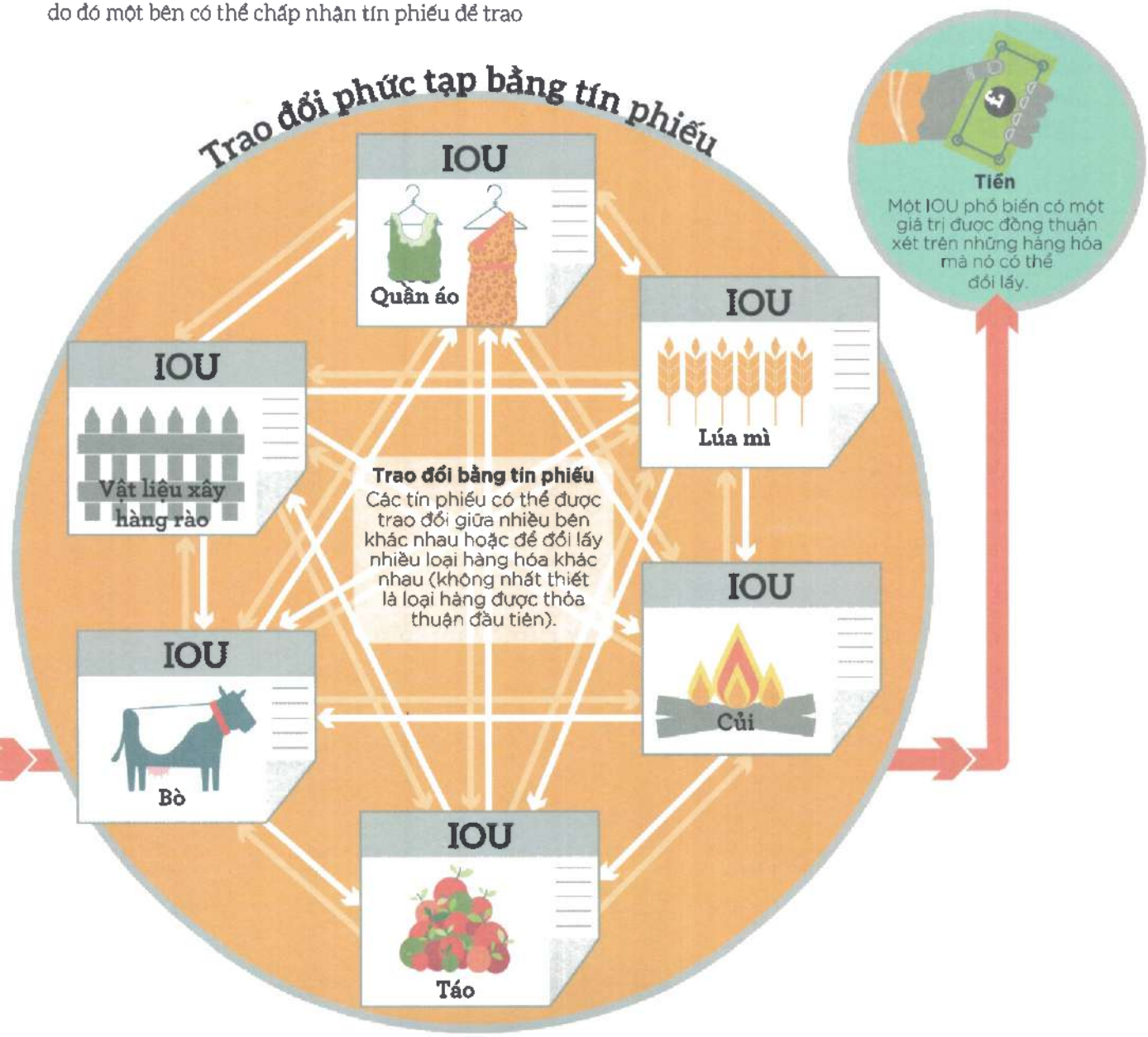

Các đồ tạo tác được dùng làm tiền

Từ những nỗ lực đầu tiên nhằm thiết lập giá trị cho hàng hóa để đổi hàng lấy hàng, "tiền" đã xuất hiện dưới rất nhiều hình thức, từ tín phiếu cho đến vật tượng trưng. Bò, vỏ ốc và những kim loại quý đều đã được sử dụng.

Đặc điểm của tiền

Tiền không phải là tiền nếu nó không có tất cả những đặc điểm nhất định sau: phải có giá trị, bền, có thể mang theo, đồng nhất, có thể chia nhỏ ra, có nguồn cung giới hạn và có thể sử dụng làm phương tiện trao đổi. Ẩn dưới tất cả những đặc điểm này là sự tin tưởng: mọi người phải tin rằng nếu họ chấp nhận tiền, họ có thể dùng nó để đổi lấy các loại hàng hóa.

Nó vận hành ra sao

Hàng đổi hàng là hình thức giao thương trực tiếp nhất. Từ khi chữ viết ra đời, các ghi chép giúp lưu lại chi tiết "giá trị" của hàng hóa đã được trao đổi cũng như các tín phiếu có liên quan. Cuối cùng, những vật tượng trưng như hạt, vỏ ốc được tô màu hay những mẩu vàng được ấn định cho một giá trị cụ thể, có nghĩa là chúng có thể được dùng để trao đổi trực tiếp lấy hàng hóa. Từ giai đoạn này đến thời điểm tạo ra những vật tượng trưng rõ ràng thể hiện giá trị ở dạng miếng kim loại tròn – những đồng tiền xu đầu tiên – tại Lydia, Tiểu Á khoảng 650 năm trước Công nguyên chỉ là một bước đi rất nhỏ. Trong hơn 2.000 năm, tiền xu làm từ những kim loại quý như vàng, bạc, và đồng (cho những giao dịch nhỏ) đã tạo ra môi trường trao đổi tiền tệ trọng yếu.

Món đồ có giá trị

Ban đầu, hầu hết tiền đều có một giá trị nội tại, ví dụ như giá trị của loại kim loại quý đã được sử dụng để tạo ra tiền xu. Tự nó đã đóng vai trò như một sự đảm bảo rằng đồng xu đó sẽ được chấp nhận.

Mốc thời gian của những đồ tạo tác được dùng làm tiền

5.000 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

Hàng đổi hàng

Thương mại thuở ban đầu bao gồm việc trao đổi hàng hóa trực tiếp, thường là những loại dễ hư hỏng hay chết như bò, lúa.

4.000 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

Các tấm chữ hình nêm của người Sumer

Những người ghi chép thuê đã ghi lại những giao dịch hàng hóa trên các tấm đất sét; chúng cũng đóng vai trò như những biên lai.

1.000 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

Tiền vỏ ốc

Vỏ ốc với nhiều màu sắc và hình dạng khác nhau đã được dùng như một loại tiền ở khắp Ấn Độ và Nam Thái Bình Dương.

600 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

Đồng tiền vàng ở Lydia

Tại Lydia, một hỗn hợp vàng và bạc được tạo hình thành những đĩa nhỏ, hay đồng xu, trên có dập nổi chữ viết.

600 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

Đồng dracma ở Athen

Những người Athen dùng bạc từ vùng Lavrion để đúc thành một loại tiền được sử dụng khắp Hy Lạp.

Georg Simmel và *The Philosophy of Money* (Triết lý về tiền bạc)

Xuất bản năm 1900, cuốn sách *The Philosophy of Money* của nhà xã hội học người Đức Georg Simmel đã xem xét ý nghĩa của giá trị trong tương quan với tiền. Simmel nhận thấy trong các xã hội tiền hiện đại, con người đã tạo ra các đồ vật nhưng rất khó có định giá trị mà họ gán cho chúng vì chúng được đánh giá bởi các hệ thống không tương thích với nhau (dựa vào thanh danh, thời gian và sức lao động). Tiền giúp việc gán những giá trị nhất quán cho đồ vật trở nên dễ dàng hơn, điều mà Simmel tin rằng đã khiến các tương tác giữa người với người trở nên khách quan hơn, vì nó giải thoát họ khỏi những ràng buộc cá nhân và mang lại nhiều tự do lựa chọn hơn.

Lưu trữ giá trị
Tiền đóng vai trò như một phương tiện mà con người có thể dùng để lưu trữ của cải của họ cho tương lai. Do đó, nó sẽ hữu ích khi không dễ bị phá hủy và có kích thước phù hợp để có thể lưu trữ và vận chuyển dễ dàng.

Phương tiện trao đổi
Việc trao đổi tiền lấy hàng hóa một cách tự do và rộng khắp phải khả thi và giá trị của nó càng ổn định càng tốt. Giá trị tiền dễ chia nhỏ và có đủ các mệnh giá để thực hiện những giao dịch có giá trị thấp hay sử dụng tiền lẻ.

Đơn vị tính toán
Tiền có thể được sử dụng để ghi lại lượng của cải sở hữu, buôn bán hay tiêu dùng ở mức cá nhân cũng như quốc gia. Nó hữu ích nếu chỉ có duy nhất một cơ quan có thẩm quyền được công nhận phát hành tiền; nếu ai cũng có thể in tiền, niềm tin vào giá trị của tiền sẽ biến mất.

Tiền xu triều Hán
Thường được làm từ đồng thau hoặc đồng đỏ, các loại tiền xu Trung Quốc có đục lỗ ở chính giữa.

200 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

27 NĂM TRƯỚC CÔNG NGUYÊN

Tiền xu La Mã
Mang hình ảnh bán thân của hoàng đế, những đồng xu này được lưu hành khắp Đế chế La Mã.

Tiền xu Byzantine
Những đồng xu Byzantine thuở ban đầu là vàng ròng; sau đó được làm bằng những kim loại khác như đồng.

700 NĂM SAU CÔNG NGUYÊN

900 NĂM SAU CÔNG NGUYÊN

Tiền xu Anglo-Saxon
Đồng xu bằng bạc thế kỷ 10 này có một dòng chữ ở trên "Offa là Vua ("rex") của Mercia".

Đồng dirham của Ả Rập
Nhiều đồng xu bằng bạc từ đế quốc Hồi giáo đã được người Viking mang đến vùng Scandinavia.

900 NĂM SAU CÔNG NGUYÊN

Kinh tế học của tiền

Từ thế kỷ 16, những hiểu biết về bản chất của tiền đã trở nên phức tạp hơn. Kinh tế học nổi lên với tư cách một ngành nghiên cứu, một phần là để giải thích hiện tượng lạm phát xảy ra tại châu Âu do việc nhập khẩu bạc quy mô lớn từ vùng đất châu Mỹ vừa được khám phá. Các ngân hàng quốc gia đã được thành lập vào cuối thế kỷ 17 với nhiệm vụ điều hòa nguồn cung tiền của đất nước.

Đến đầu thế kỷ 20, tiền tách khỏi mối quan hệ trực tiếp của nó với những kim loại quý. Bản vị vàng hoàn toàn sụp đổ vào những năm 1930. Đến giữa thế kỷ 20, các hình thức giao dịch mới sử dụng tiền đã xuất hiện như thẻ tín dụng, giao dịch điện tử và thậm chí cả các dạng tiền như tiền mã hóa và các công cụ tài chính phái sinh. Kết quả là số lượng tiền đang tồn tại và có trong lưu thông tăng lên chóng mặt.

1540-1640
Lạm phát Potosi
Người Tây Ban Nha phát hiện ra bạc ở Potosi, Bolivia và gây ra một thế kỷ lạm phát do vận chuyển tới 350 tấn bạc về châu Âu mỗi năm.

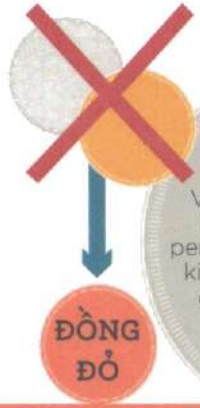

1542-1551
Cuộc Đại mất giá
Vua Henry VIII của Anh làm giảm giá trị đồng penny bạc khi dùng tới 3/4 kim loại đúc tiền là đồng đỏ. Lạm phát gia tăng do lòng tin vào tiền sụt giảm nghiêm trọng.

Từ năm 1844
Bản vị vàng
Đồng bảng Anh phải tuân theo với một lượng vàng tương đương nhất định. Những nước khác cũng áp dụng "bản vị vàng" tương tự.

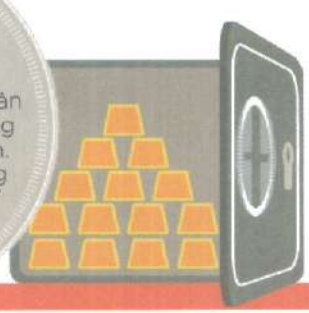

Đầu những năm 1970
Đại lạm phát
Giá dầu mỏ và chi phí lao động tăng khiến lạm phát tăng mạnh, đặc biệt là tại Vương quốc Liên hiệp Anh (UK), nơi tỷ lệ lạm phát đạt đỉnh là 25% vào năm 1975.

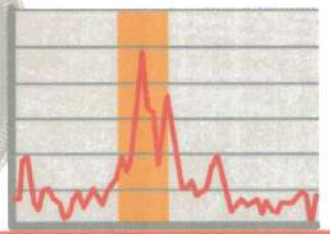

Những năm 1970
Thẻ tín dụng
Sự ra đời của thẻ tín dụng cho phép người tiêu dùng tiếp cận tín dụng ngắn hạn để thực hiện những khoản mua sắm nhỏ. Điều này dẫn đến việc nợ cá nhân tăng lên.

Những năm 1990
Tiền điện tử
Việc chuyển khoản dễ dàng và tiện lợi của thanh toán điện tử ngày càng trở nên phổ biến khi việc sử dụng Internet tăng.

ĐỊNH LUẬT GRESHAM

Nguyên tắc tiền tệ "tiền xấu đuổi tiền tốt" đã được nhà tài chính người Anh, Sir Thomas Gresham (1519-1571), đưa ra. Ông quan sát thấy nếu một đất nước làm giảm giá trị đồng tiền của nó – giảm lượng kim loại quý trong tiền – thì các đồng tiền ấy sẽ có giá trị thấp hơn phần kim loại làm ra nó. Kết quả là người ta dùng tiền "xấu" và tích trữ những đồng tiền "tốt" bị mất giá.

22 carat

vàng đã được sử dụng trong tất cả các đồng sovereign vàng của Anh từ năm 1816

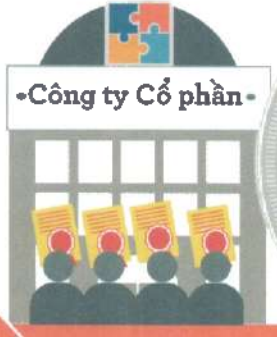

Năm 1553
Những công ty cổ phần sơ khai
Các thương nhân tại Anh bắt đầu thành lập các công ty, trong đó nhà đầu tư mua phần đóng góp (cổ phần) và cùng chia sẻ tiền lãi từ đó.

Năm 1694
Ngân hàng Anh
Ngân hàng Anh được thành lập như một tổ chức có thể gọi vốn đầu tư với mức lãi suất thấp và quản lý nợ quốc gia.

Năm 1775
Đồng đô la Mỹ
Quốc hội Lục địa cho phép phát hành đồng đô la Mỹ vào năm 1775, nhưng mãi đến năm 1794, Bộ Tài chính Mỹ mới đúc ra đồng tiền quốc gia đầu tiên.

Năm 1696
Sở Đúc tiền Hoàng gia
Issac Newton trở thành người giám sát Sở Đúc tiền. Ông cho rằng việc giảm chất lượng tiền làm suy yếu độ tin cậy của tiền, do đó nên đúc những đồng xu bạc mới.

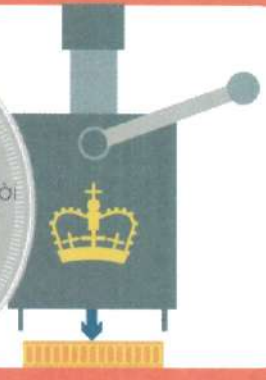

Năm 1999
Đồng Euro
Mười hai nước thuộc Liên minh châu Âu cùng nhau thay thế đồng tiền của mỗi quốc gia bằng đồng Euro. Tiền giấy và tiền xu được phát hành sau đó ba năm.

Năm 2008
Bitcoin
Bitcoin được công bố, đây là một dạng tiền điện tử chỉ tồn tại ở dạng dữ liệu mã hóa trên các máy chủ. Giao dịch đầu tiên diễn ra vào tháng Một năm 2009.

Sự trỗi dậy của kinh tế học hiện đại

Đến thế kỷ 18, người ta bắt đầu nghiên cứu kinh tế sâu hơn, các nhà tư tưởng cố gắng tìm hiểu xem các quyết định thương mại và đầu tư của các cá nhân có thể tác động lên giá cả và lương bổng trên toàn đất nước như thế nào.

Nó diễn ra như thế nào

Với sự mở mang nhanh chóng của giao thương kèm theo sự kiện khám phá ra châu Mỹ cùng sự phát triển của các nhà nước ở châu Âu vào thế kỷ 16 và 17, một số cá nhân bắt đầu nghĩ đến những chi tiết liên quan tới ý tưởng về kinh tế học. Họ đề xuất rằng việc kiểm soát mức độ nhập khẩu (chủ nghĩa trọng thương), chỉ trao đổi những loại hàng hóa tốt nhất mà nước đó sản xuất ra (lợi thế so sánh) hay chọn cách không can thiệp vào các thị trường (kinh tế tự do) có lẽ đã cải thiện sức khỏe kinh tế của người dân.

Vào thế kỷ 18, nhà kinh tế học Adam Smith tuyên bố rằng sự can thiệp của chính phủ – kiểm soát lương và giá cả – là không cần thiết vì những quyết định tư lợi của mỗi cá nhân, những người muốn có ngày càng nhiều tiền, tựu trung đều đảm bảo sự phồn vinh của toàn xã hội. Bên cạnh đó, ông tin rằng trong một thị trường cạnh tranh tự do, động lực tạo lợi nhuận sẽ đảm bảo cho việc hàng hóa được ấn định ở một mức giá thỏa đáng.

"Bàn tay vô hình" của Adam Smith

Trong cuốn sách *The Wealth of Nations* (1776) của mình, nhà kinh tế học người Scotland Adam Smith đề xuất rằng toàn bộ quyết định do mỗi cá nhân đưa ra, những người đều muốn có ngày càng nhiều tiền, đưa lại kết quả là đất nước trở nên thịnh vượng hơn mà không cần những cá nhân đó chủ đích mong muốn như vậy. Theo Smith, ở đâu có nhu cầu hàng hóa, ở đó người bán hàng sẽ xuất hiện. Để theo đuổi lợi nhuận, họ sẽ tăng sản xuất hàng hóa đó, do đó hỗ trợ sự phát triển của ngành.

Ngoài ra, trong một thị trường cạnh tranh, sự tư lợi của người bán sẽ giới hạn mức tăng giá mà họ đòi hỏi: nếu họ đề giá cao quá, người mua sẽ ngừng mua hàng hóa của họ, hoặc họ sẽ bị mất doanh số bán vào tay những đối thủ cạnh tranh sẵn sàng đề giá thấp hơn. Việc này có tác động giảm lạm phát đối với giá cả và đảm bảo rằng nền kinh tế được giữ ở trạng thái cân bằng. Smith cho rằng cơ chế thị trường biến sự tư lợi của mỗi cá nhân thành sự thịnh vượng kinh tế rộng hơn này là một "bàn tay vô hình" dẫn dắt nền kinh tế.

Người bán A đặt mức giá quá cao cho hàng hóa của mình nhưng vẫn bán được hàng vì anh ta là người bán duy nhất và được hưởng độc quyền hiệu quả.

Người bán B nhận thấy cơ hội bước vào thị trường và mở quầy hàng, bán với mức giá thấp hơn so với của người bán A.

Người mua giảm lượng mua sắm vì giá cao.

Khi giá của người bán B thấp hơn, người mua bắt đầu mua hàng của B thay vì của A.

CHỦ NGHĨA BẢO HỘ VÀ CHỦ NGHĨA TRỌNG THƯƠNG

Sự khuyến khích thương mại và cạnh tranh tự do của Adam Smith rất khác với những học thuyết kinh tế chiếm ưu thế ở thời kỳ đó. Hầu hết các nhà tư tưởng ủng hộ kiểu chủ nghĩa bảo hộ - một chính sách kinh tế trong đó chính phủ áp đặt thuế thương mại cao để bảo vệ ngành công nghiệp của mình trước sự cạnh tranh. Tại châu Âu thời kỳ đó, kinh tế đang tồn tại dưới dạng chủ nghĩa trọng thương, nghĩa là để trở nên vững mạnh, một đất nước phải tăng xuất khẩu và làm mọi việc có thể để giảm nhập khẩu, vì xuất khẩu mang lại tiền của cho quốc gia trong khi nhập khẩu làm giàu cho thương nhân nước ngoài. Học thuyết này dẫn tới các biện pháp kiểm soát thương mại ngặt nghèo của chính phủ, ví dụ như Luật Hàng hải cấm mọi giao thương giữa Anh và các thuộc địa trên những tàu không phải của Anh.

Chủ nghĩa trọng thương bắt đầu lỗi thời vào cuối thế kỷ 18, dưới áp lực của những ý tưởng mới về chuyên môn hóa kinh tế do Adam Smith và các nhà kinh tế học khác đưa ra.

"Khi theo đuổi lợi ích cho bản thân, người ta thường thúc đẩy lợi nhuận của xã hội hiệu quả hơn là khi có chủ đích thúc đẩy nó."

Adam Smith, *The Wealth of Nations* (1776)

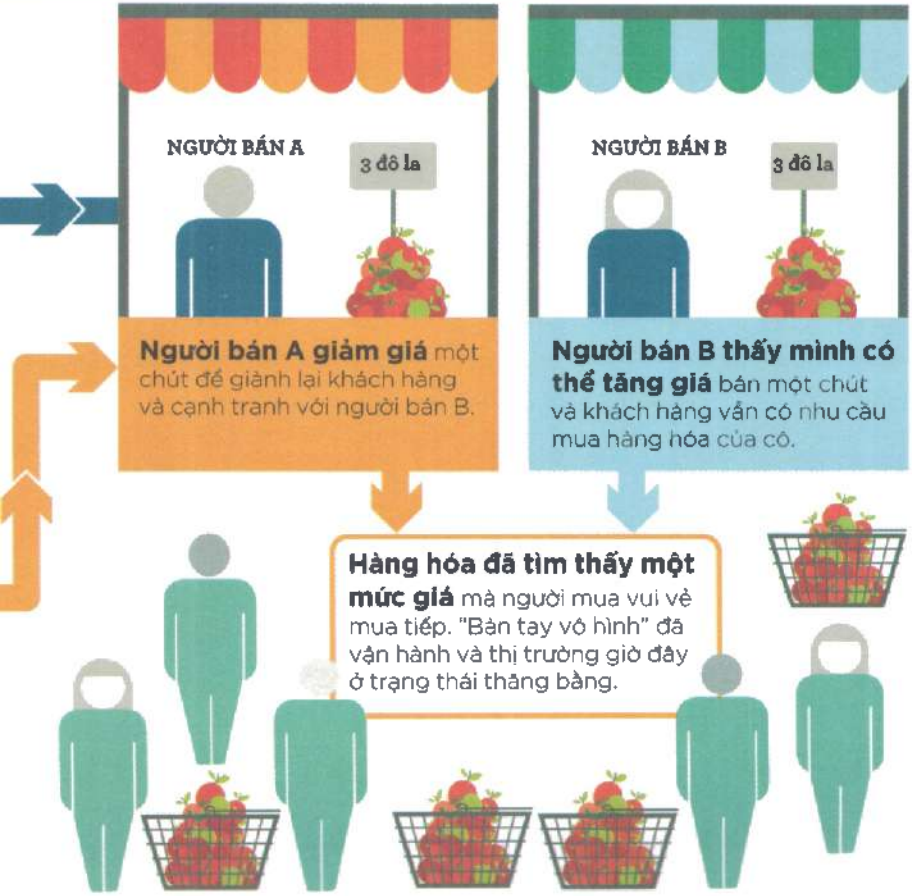

CẦN BIẾT

- **Cân bằng thị trường** Khi số lượng nhu cầu đối với những loại hàng hóa nhất định cân bằng với lượng hàng người bán cung cấp - điểm mà tại đó tất cả các bên đều thỏa mãn với một mức giá nào đó.
- **Kinh tế tự do** Một học thuyết kinh tế nói rằng thị trường sẽ tạo ra những giải pháp tốt nhất khi không có sự can thiệp của chính phủ. Thương mại, giá cả và lương không cần phải điều hòa vì bản thân thị trường sẽ điều chỉnh những sự bất cân bằng bên trong nó.
- **Lợi thế cạnh tranh** Ý tưởng rằng các nước nên chuyên sản xuất những loại hàng hóa mà họ có thể làm ra với chi phí thấp nhất. Nhờ không sản xuất những hàng hóa mà họ không có lợi thế cạnh tranh, các nước sẽ trở nên hiệu quả hơn và do đó, thịnh vượng hơn.

Các học thuyết kinh tế và tiền

Từ khi những tư tưởng về kinh tế hiện đại ra đời, con người đã cố tìm hiểu xem lượng tiền trong một nền kinh tế tác động tới giá cả và hành vi của người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp như thế nào.

Học thuyết tổng quát về tiền của Keynes

Trong cuốn sách *General Theory* (Học thuyết tổng quát) (1935) của mình, John Maynard Keynes lập luận rằng chi tiêu của chính phủ và các mức thuế ảnh hưởng đến giá cả nhiều hơn lượng tiền có trong nền kinh tế. Ông đề xuất trong những khoảng thời gian suy thoái, chính phủ nên tăng chi tiêu để khuyến khích việc làm và giảm thuế để kích thích nền kinh tế.

CHÍNH PHỦ

Khi đầu ra (chi tiêu) giảm và tình trạng thất nghiệp tăng, chính phủ phải quyết định cách thức hành động.

ĐẦU TƯ VÀ CHI TIÊU

Khi nhu cầu giảm, các công ty giảm sản xuất, khiến tình trạng thất nghiệp tăng và nhu cầu giảm.

KÍCH THÍCH NHU CẦU

Chính phủ tăng chi tiêu, ví dụ như vào cơ sở hạ tầng. Điều này làm giảm tình trạng thất nghiệp.

Học thuyết số lượng tiền tệ của Fisher

Học thuyết của nhà kinh tế học người Mỹ Irvine Fisher phát biểu rằng có một mối liên hệ trực tiếp giữa lượng tiền trong nền kinh tế và mức giá, cụ thể là càng nhiều tiền trong lưu thông thì giá càng tăng.

Học thuyết giá trị lao động của Marx

Nhà kinh tế học người Đức Karl Marx lập luận rằng giá trị thật sự (hay giá trị kinh tế) của hàng hóa, thay vì được xác định bằng nhu cầu dành cho nó, nên được tính bằng giá trị lao động cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

Nó diễn ra như thế nào

Các học giả đầu thế kỷ 16 là những người đầu tiên nhận thấy sự dư thừa bạc tràn vào Tây Ban Nha từ Tân Thế giới dẫn tới việc giá cả tăng lên. Các nhà kinh tế học của Trường phái Cổ điển thế kỷ 18 tin rằng thị trường sẽ điều chỉnh những hiện tượng như vậy và tự đạt tới một mức giá cân bằng. Đến đầu thế kỷ 20, một số nhà kinh tế học tin rằng sự can thiệp của chính phủ là cần thiết để duy trì một nền kinh tế cân bằng, lập luận rằng việc chi tiêu của chính phủ có thể thúc đẩy việc làm bằng cách tăng nhu cầu nói chung.

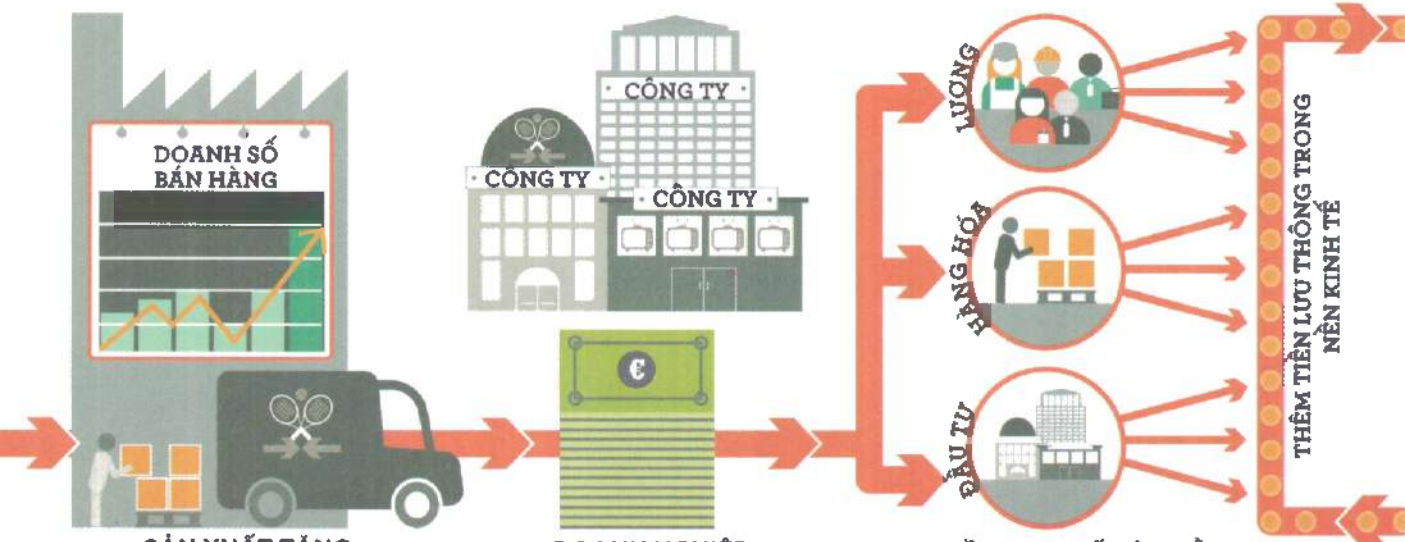

SẢN XUẤT TĂNG
Khi nhiều người có việc làm hơn, chi tiêu của người tiêu dùng tăng. Nhu cầu tăng dẫn tới hoạt động sản xuất cũng tăng.

DOANH NGHIỆP CHI TIÊU NHIỀU HƠN
Khi nhu cầu tăng, các công ty tăng đầu tư, mở thêm nhiều nhà máy và mang đến nhiều việc làm hơn.

NỀN KINH TẾ CÂN BẰNG
Khi mức đầu tư và sản xuất cao, số người có việc làm và có lương tăng, việc kích thích bằng cách tăng chi tiêu của chính phủ không còn cần thiết.

Chu kỳ kinh doanh Hayek

Nhà kinh tế học người Áo Friedrich Hayek nhận thấy một chu kỳ trong nền kinh tế, theo đó lãi suất giảm trong một đợt suy thoái. Điều này dẫn đến việc tăng tín dụng quá mức, kéo theo việc buộc phải tăng lãi suất để cân đối với nhu cầu dư thừa.

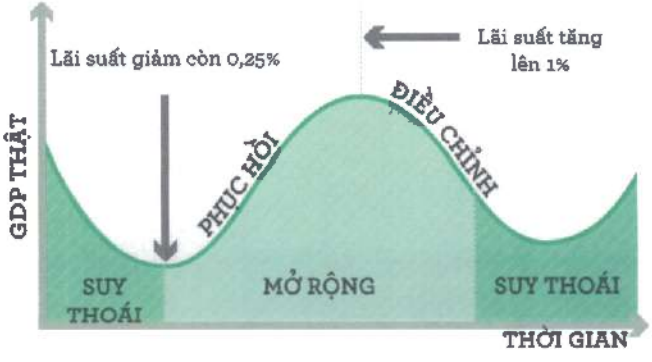

Chủ nghĩa tiền tệ của Friedman

Nhà kinh tế học người Mỹ Milton Friedman nói rằng các chính phủ có thể thay đổi lãi suất để tác động đến nguồn cung tiền. Cắt giảm lãi suất sẽ kích thích người tiêu dùng chi tiêu; tăng lãi suất hạn chế chi tiêu và giảm nguồn cung tiền.

TẠO RA LỢI NHUẬN VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH

- Kế toán doanh nghiệp
- Các công cụ tài chính
- Các thị trường tài chính
- Các định chế tài chính

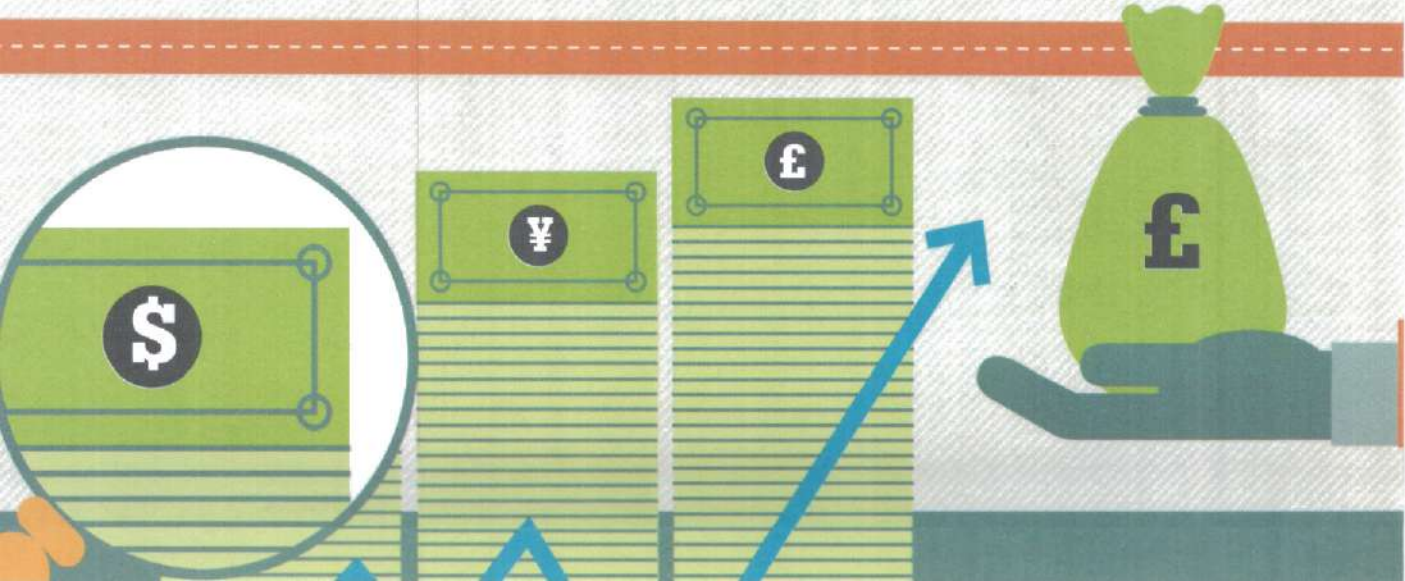

Kế toán doanh nghiệp

Các công ty sử dụng tiền theo các cách khác nhau – một số vay tiền để trả cho các khoản đầu tư nhằm phát triển lớn hơn, số khác thích giữ thật nhiều tiền mặt và mở rộng dựa trên doanh thu tạo ra thay vì vay mượn. Điều này phụ thuộc nhiều vào hình thức kinh doanh và phong cách quản lý. Các công ty khởi nghiệp và các doanh nghiệp nhỏ hơn có xu hướng cần rất nhiều tiền mặt trong những ngày đầu còn những công ty lớn hơn, vững chắc hơn giỏi tăng doanh thu nội tại hơn và có thể tích trữ tiền mặt.

Dòng tiền

Thuật ngữ này chỉ số lợi tức mà một doanh nghiệp đang tạo ra và so với những chi phí phải trả thì như thế nào. Một công ty được nói là có dòng tiền dương nếu doanh thu lớn hơn chi phí. *Xem trang 36-39.*

Giảm biến thiên doanh thu

Với mục tiêu giảm tính dễ biến động của doanh thu và lợi nhuận báo cáo, biện pháp kinh doanh này sử dụng các kỹ thuật kế toán để hạn chế dao động trong doanh thu của công ty. *Xem trang 34-35.*

Thu nhập ròng

Đây là doanh thu mà một công ty báo cáo cuối năm tài chính sau khi đã trừ tất cả các chi phí. Nó được tính bằng cách lấy tổng doanh thu kiếm được trừ đi tổng chi phí thuế, chi tiêu, phí ngân hàng và tiền lãi, khấu hao tài sản, chi phí nhân sự và bất kỳ chi phí nào liên quan đến quá trình vận hành doanh nghiệp. *Xem trang 28-29.*

Thu nhập = 10.000 bảng

1,7 nghìn tỷ đô la Mỹ

là số lượng tiền mặt, và tương đương tiền mặt, nằm trong tay các công ty phi tài chính của Mỹ năm 2015

Chi tiêu

Đây là những chi phí mà một doanh nghiệp đều đặn phải trả. Chúng có thể bao gồm lương cho nhân viên, tiền đóng bảo hiểm, hóa đơn điện nước và những chi phí khác liên quan đến quá trình vận hành của công ty.

Tài sản

Đây là những hạng mục thuộc sở hữu của công ty, một số tạo ra thu nhập và nhiều hạng mục cũng có thể tăng giá trị. Các doanh nghiệp thường lựa chọn giữa việc hoặc mua tài sản, những thứ sẽ giảm giá trị theo thời gian, hoặc thuê thiết bị.

Chi tiêu và vốn hóa

Khi phát sinh một khoản chi hoặc một chi phí nào đó, doanh nghiệp cần phải ghi chép lại khoản chi đó trong sổ sách kế toán của công ty, bằng cách phản ánh tổng số tiền chi ra tại thời điểm phát sinh hoặc phân bổ chi phí ra một số năm nhất định.
Xem trang 30-31.

Tỷ suất vay nợ trên vốn đầu tư

Tỷ suất vốn vay là cán cân giữa vốn của công ty (tiền hoặc tài sản khả dụng) và nguồn tiền do các khoản nợ ngắn hoặc dài hạn mang lại, thể hiện dưới dạng phần trăm. Một công ty có đòn bẩy tương đối thấp được coi là có rủi ro thấp hơn và ít phải đương đầu với suy thoái kinh tế.
Xem trang 40-41.

Nợ = 2.000 bảng

Khấu hao

Đây là một công cụ cho thấy giá trị của một tài sản giảm đi bao nhiêu theo thời gian, thường là do sử dụng hay "hao mòn". Các công ty có thể ghi chép lại sự sụt giảm giá trị của tài sản như xe cộ, máy móc hay các thiết bị khác như sự khấu hao trong sổ sách kế toán của mình. Khi đó, nợ thuế và lợi nhuận bị đánh thuế của công ty sẽ thấp đi.
Xem trang 32-33.

Doanh thu ròng

Khi một doanh nghiệp báo cáo tình hình kinh doanh về mặt tài chính, nó cung cấp cho các nhà đầu tư một con số về doanh thu ròng. Đây là cách tốt để hiểu một doanh nghiệp đang tạo ra được bao nhiêu lợi nhuận thật sự.

Nó diễn ra như thế nào

Nếu các công ty chỉ đơn giản báo cáo số tiền họ kiếm được, con số đó sẽ mang lại một bức tranh phi thực tế về sức khỏe thật sự của doanh nghiệp. Ví dụ, một doanh nghiệp có thể kiếm được doanh thu rất lớn nhưng đồng thời cũng mất rất nhiều chi phí đầu tư vào thị trường, cơ sở kinh doanh hay máy móc mới.

Do đó, để các nhà đầu tư biết được liệu một doanh nghiệp có thật sự khỏe mạnh về mặt tài chính hay không, họ cần biết được công ty đó đang quản lý chi phí của mình như thế nào và liệu nó có đang tiêu tiền đúng cách hay không.

Doanh thu ròng là cách tốt để hiểu một doanh nghiệp đang tạo ra bao nhiêu lợi nhuận thật sự và liệu lợi nhuận đó có khả năng bền vững trong tương lai không. Nó cũng là một cách tính toán thu nhập trên mỗi cổ phiếu *(xem bên phải)*, tiêu chí mà các nhà đầu tư sử dụng để đánh giá giá trị của công ty và cổ phiếu của nó.

Phân tích cán cân giữa doanh thu kiếm được so với chi phí thuế, đầu tư và những chi phí khác là một trong nhiều cách đánh giá hiệu quả kinh doanh của một công ty so với các đối thủ cạnh tranh và xem liệu doanh nghiệp đó có cơ sở tài chính vững chắc để phát triển tiếp hay không.

Tính toán thu nhập ròng

Với những nhà đầu tư đang cố gắng quyết định xem liệu một công ty cụ thể có đang thể hiện một cơ hội đầu tư tốt hay không, doanh thu ròng mang đến một phương thức để hiểu doanh nghiệp đang hoạt động ra sao và là kim chỉ nam cho lợi nhuận thực mà công ty đang tạo ra chứ không phải chỉ là doanh thu. Doanh thu kiếm được là điểm khởi đầu; chi phí thuế, phí ngân hàng và lãi suất, khấu hao tài sản, chi phí nhân lực và bất kỳ chi phí liên quan đến việc vận hành doanh nghiệp đều được trừ khỏi con số này.

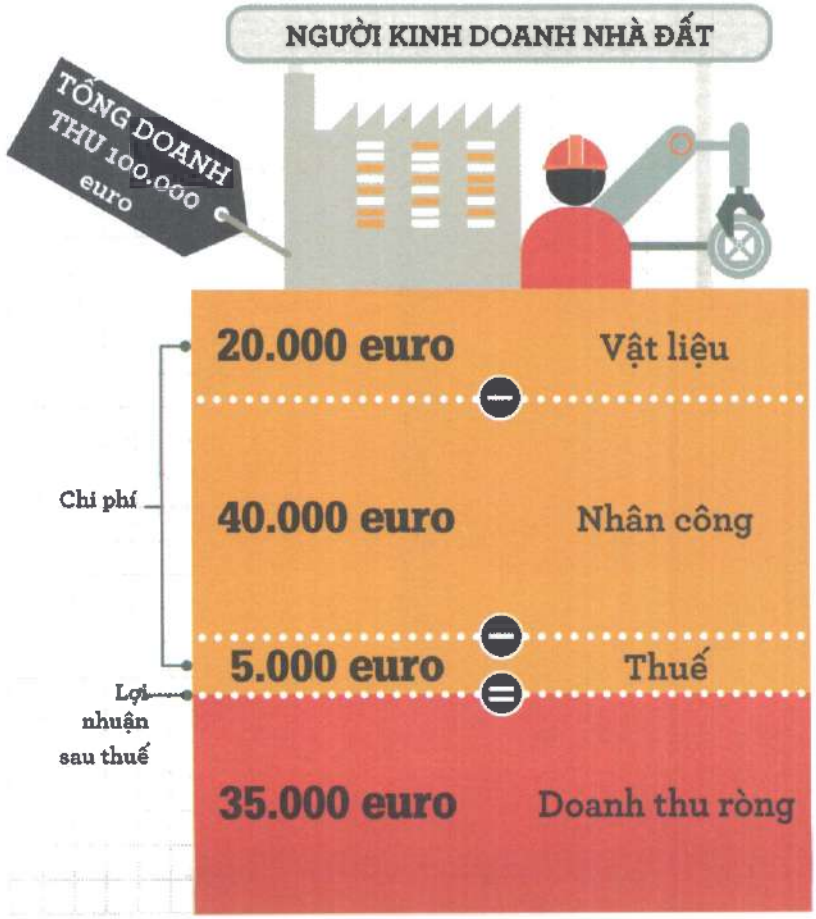

DOANH THU – CHI PHÍ = DOANH THU RÒNG

THỔI PHỒNG DOANH THU

Một số công ty loại một số chi phí nhất định ra khỏi việc tính toán doanh thu ròng để khiến nó cao hơn trong khi những công ty khác thổi phồng doanh thu để khiến lợi nhuận trông nhiều hơn, ví dụ như bằng cách đưa vào doanh thu tương lai dự kiến. Năm 2014, Tesco khởi động một cuộc điều tra sau khi phát hiện ra một nửa ước tính doanh thu của mình đã bị thổi phồng khoảng 250 triệu bảng do lỗi kế toán. Do đó, dù doanh thu ròng là một chỉ số quan trọng cho thấy sức khỏe tài chính doanh nghiệp, nhưng nó không nên được dùng là phương tiện đánh giá duy nhất.

18,4 tỷ đô la Mỹ

là thu nhập ròng của Apple trong quý I năm 2016 – lợi nhuận quý cao nhất trong lịch sử

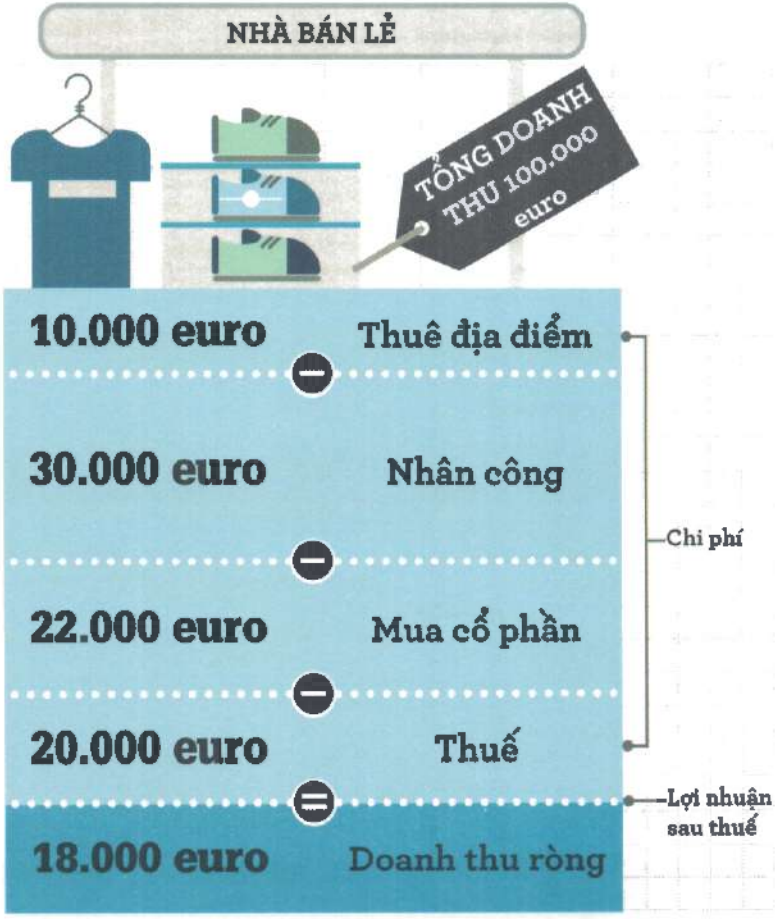

CẦN BIẾT

- **Lợi nhuận sau thuế** Thuật ngữ nói đến số liệu ở dòng cuối cùng của một báo cáo kết quả kinh doanh và là một cách gọi khác của doanh thu ròng.
- **Tỷ suất lợi nhuận trên mỗi cổ phần** Được tính bằng doanh thu ròng chia cho số cổ phiếu được phát hành; nó được xem là một dấu hiệu về khả năng sinh lãi của một công ty.
- **Chi tiêu** Các chi phí phát sinh khi vận hành một doanh nghiệp cần được thanh toán ngay lập tức thay vì chi trả dần trong vài năm.
- **Khấu hao tài sản** Sự giảm giá trị của tài sản mà công ty đã mua; đó có thể là một nhà máy dành cho các quá trình sản xuất hay máy móc chuyên môn.
- **Phí ngân hàng và tiền lãi** Những chi phí tài chính, bao gồm các khoản vay, các khoản nợ, tiền thế chấp và các khoản chưa trả khác.

Chi tiêu và vốn hóa

Khi phát sinh một khoản chi nào đó, doanh nghiệp cần ghi chép lại khoản chi đó trong sổ sách kế toán của công ty. Công ty có thể làm như vậy bằng cách phản ánh toàn bộ chi phí tại thời điểm phát sinh hoặc phân bổ chi phí đó trong một số năm nhất định.

Vốn hóa và chi tiêu trong thực tế

Tất cả các công ty đều có những chi phí và phí tổn nhất định. Một số như điện và chi phí sinh hoạt khác, bảo hiểm, lương nhân viên và thực phẩm cần được thanh toán trước: đây là những khoản chi tiêu. Để đủ tiêu chuẩn là chi phí vốn, tài sản phải có thời gian khả dụng hơn một năm. Các doanh nghiệp phải quyết định phương án nào phù hợp nhất với mô hình kinh doanh của mình. Ví dụ như một khu nghỉ dưỡng trượt tuyết chọn cách vốn hóa chi phí của thang kéo trượt tuyết, xe ủi tuyết, xe buýt và trang thiết bị mới.

CẢNH BÁO

Liệu một chi phí xảy ra có thể được ghi nhận hợp pháp là một tài sản hay không có thể được diễn giải theo các cấp độ khác nhau. Một số bê bối tài chính gần đây có liên quan đến các công ty ghi chép các khoản chi kinh doanh chỉ xảy ra một lần là các khoản đầu tư cho các thị trường mới mà họ dự tính sẽ thanh toán hết trong tương lai. Trong những trường hợp này, một lệnh đặt hàng hay một chi phí chưa thanh toán được ghi là doanh thu kiếm được và kết quả là doanh thu của công ty cao hơn mức thực tế. Các công ty này làm vậy để thổi phồng hay "tăng bốc" lợi nhuận của họ thay vì đưa ra những con số thật.

TÀI SẢN

THANG KÉO TRƯỢT TUYẾT
Chi phí đáng kể của việc xây dựng thang kéo được phân bổ trong vài năm.

XE ỦI TUYẾT
Xe ủi tuyết được thanh toán trong vòng vài năm dưới dạng khấu trừ vào doanh thu hằng năm.

TRANG THIẾT BỊ
Trang thiết bị xuất hiện trên bảng cân đối kế toán dưới dạng chi phí phân bổ trong vòng ba năm.

XE BUÝT CHỞ KHÁCH
Xe buýt chở khách được ghi là một tài sản đang khấu hao do giá trị của nó sẽ giảm dần.

Vốn hóa

Một doanh nghiệp có thể quyết định vốn hóa một chi phí, sau đó phân bổ nó trong vòng vài năm. Vốn hóa nghĩa là ghi nhận chi phí đó như một tài sản và cho phép nó khấu hao, hay giảm giá trị, theo thời gian. Phản ánh vào sổ sách theo cách này sẽ cho thấy sự khác biệt giữa việc báo cáo một khoản lợi nhuận hay một khoản thua lỗ nếu chi phí hay phí tổn là đặc biệt lớn.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Khi vốn hóa

Đối với các doanh nghiệp muốn có một dòng doanh thu ổn định hơn trong báo cáo và đối với các công ty khởi nghiệp, việc vốn hóa các mục mua sắm có thể hấp dẫn vì bằng cách giữ cho chi phí ở mức thấp, doanh nghiệp có thể báo cáo một mức doanh thu cao hơn trong những năm đầu bỡ ngỡ. Tuy nhiên, việc đó sẽ kéo theo những vấn đề liên quan đến thuế nếu kết quả là lợi nhuận cao hơn.

Khi chi tiêu

Nếu một công ty phát sinh một số khoản chi phí, khả năng sinh lời của nó có thể giảm đi. Điều này có thể hữu ích trong việc giảm thuế; lợi nhuận giảm đồng nghĩa với thuế giảm. Một công ty cũng có thể chọn chi tiêu một khoản nếu nó đã có một năm kinh doanh thuận lợi và muốn thể hiện khả năng sinh lãi cao trong những năm kế tiếp. Một số chi phí là bắt buộc như trả lương cho nhân viên.

Nó diễn ra như thế nào

Chủ sở hữu và quản lý doanh nghiệp có một lựa chọn. Họ có thể phản ánh một chi phí tại thời điểm thanh toán và theo đó giảm lợi nhuận thường niên tương ứng. Thông lệ này, được gọi là chi tiêu, sẽ ngay lập tức xuất hiện trong sổ sách kế toán. Một phương án khác là, họ có thể ghi vào sổ như một khoản chi nhưng phản ánh nó như một tài sản, sau đó tính khấu hao cho nó trong vài năm. Được biết đến với cụm từ "vốn hóa", cách này có ưu điểm là khấu trừ dần chi phí của doanh nghiệp thay vì trừ ngay lập tức một khoản lớn. Do đó, bản báo cáo kết quả kinh doanh không bị ảnh hưởng đáng kể.

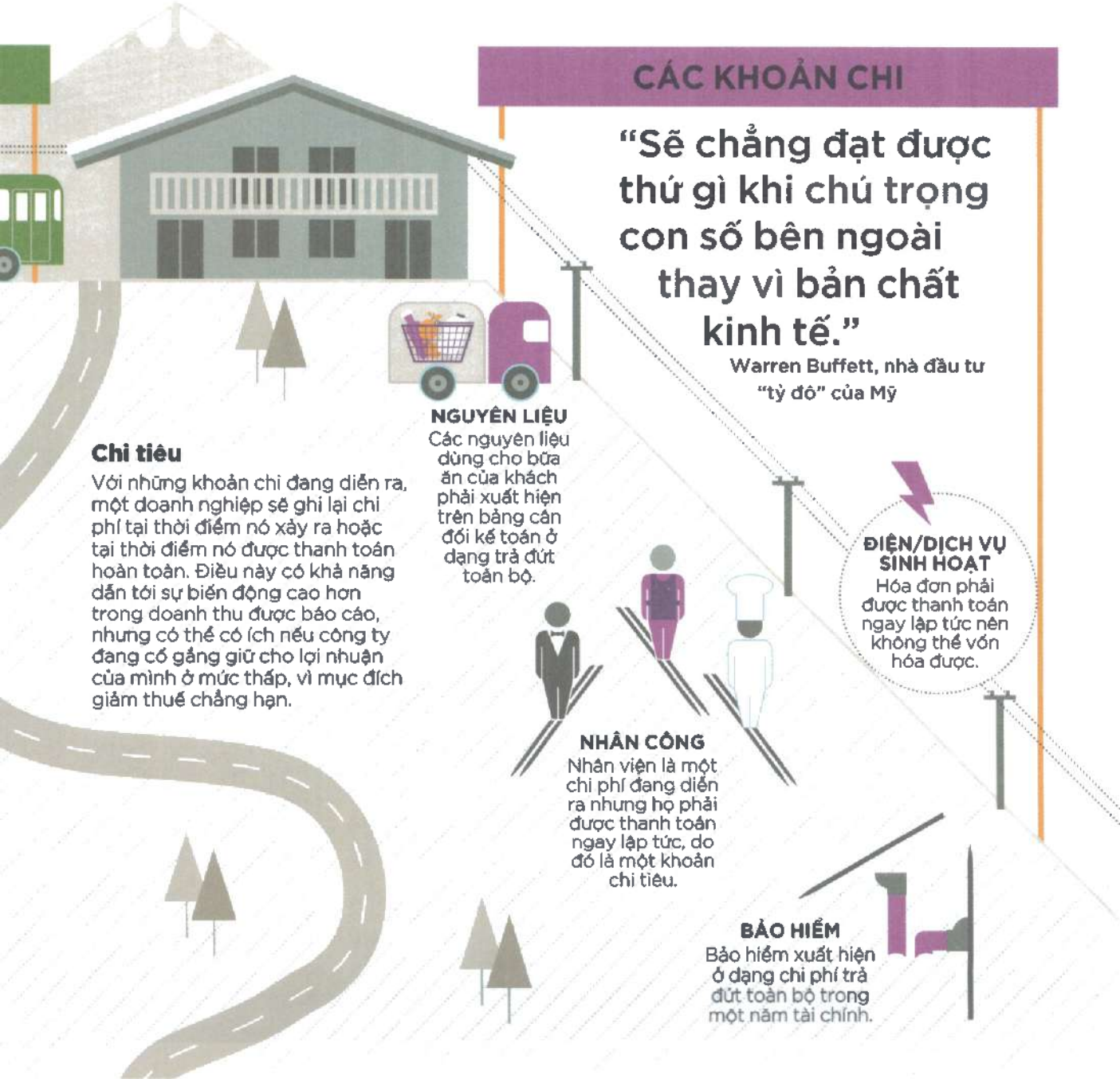

Khấu hao, khấu trừ dần, hao tổn

Chi phí của một tài sản doanh nghiệp và việc sử dụng các nguồn tài nguyên tự nhiên có thể được trừ khỏi doanh thu khi ghi chép vào sổ sách và tính thuế. Khấu hao, khấu trừ dần và hao tổn cho phép công ty dàn trải chi phí này.

Tính toán khấu hao

Một công ty giao hàng mua một xe tải với giá 25.000 euro. Theo thời gian, chiếc xe này cần phải thay thế. Công ty có thể ghi lại sự giảm giá trị của phương tiện này trong tài khoản của mình là khấu hao.

$$\frac{\text{GIÁ TRỊ MUA} - \text{GIÁ TRỊ PHẾ LIỆU}}{\text{TUỔI THỌ KINH TẾ HỮU DỤNG (NĂM)}} = \text{KHẤU HAO HẰNG NĂM (\%)}$$

$$\frac{25.000 \text{ euro} - 5.000 \text{ euro}}{5} = 4.000 \text{ euro}$$

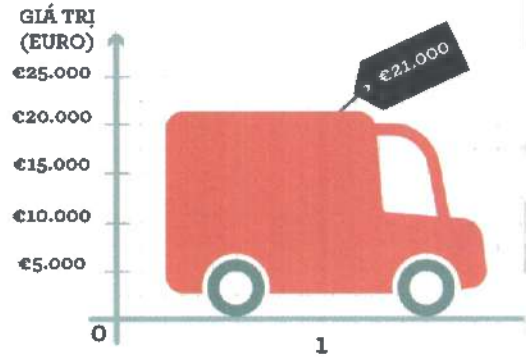

Tính toán khấu trừ dần

Một công ty mua bằng sáng chế cho một thiết kế máy vi tính. Chi phí ban đầu cho tài sản vô hình này có thể mất dần đi sau vài năm và có thể được dùng để giảm lợi nhuận chịu thuế của công ty.

$$\frac{\text{CHI PHÍ BAN ĐẦU}}{\text{TUỔI THỌ HỮU DỤNG}} = \text{KHẤU TRỪ DẦN HẰNG NĂM (EURO)}$$

$$\frac{21.000 \text{ euro}}{7} = 3.000 \text{ euro}$$

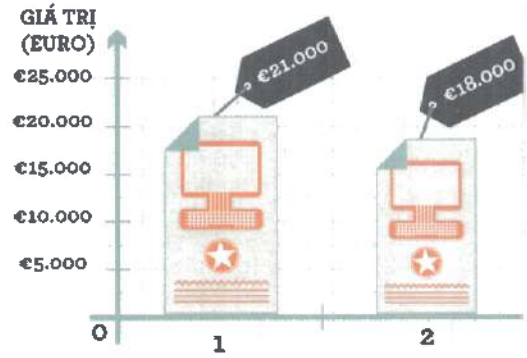

Tính toán hao tổn

Một công ty khai thác rừng biết mình có một số lượng cây hữu hạn. Hao tổn ghi lại sự sụt giảm giá trị của khu rừng với trữ lượng còn lại khi sản phẩm, bột gỗ, được khai thác theo thời gian.

$$\frac{\text{CHI PHÍ} - \text{GIÁ TRỊ CÒN LẠI}}{\text{TỔNG SỐ ĐƠN VỊ}} \times \text{SỐ ĐƠN VỊ ĐÃ KHAI THÁC} = \text{CHI PHÍ HAO TỔN (EURO)}$$

$$\frac{10.000.000 \text{ euro} - 1.000.000 \text{ euro}}{60.000} \times 6.000 = 900.000 \text{ euro}$$

Nó diễn ra như thế nào

Khấu hao dùng để tính toán giá trị giảm dần của những tài sản hữu hình (như máy móc hoặc xe cộ). Nó là công cụ cho biết giá trị của một tài sản giảm đi bao nhiêu theo thời gian, cụ thể là do sử dụng, hay "hao mòn". Khấu trừ dần là thuật ngữ được sử dụng trong kế toán để mô tả chi phí ban đầu của một tài sản vô hình (tài sản không hiện hữu về mặt vật chất, chẳng hạn như bằng sáng chế) có thể được thanh toán dần trong vài năm. Hao tổn là sự giảm giá trị của một tài sản là tài nguyên thiên nhiên. Không giống như khấu trừ dần áp dụng cho những tài sản vô hình, hao tổn ghi lại sự giảm giá trị của những dự trữ thực tế. Nó có thể áp dụng cho các mỏ than đá hay kim cương, dầu và khí đốt, hay rừng chẳng hạn.

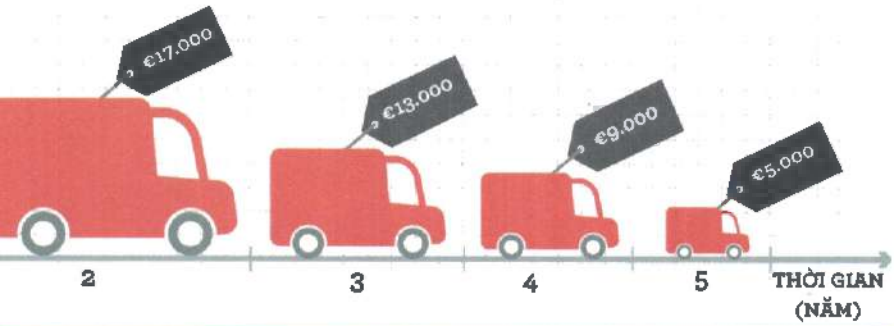

CẢNH BÁO

› Sự khác biệt giữa các nước
Mỗi nước có cách thức cho phép mức hao tổn khác nhau và phương pháp tính toán cũng khác nhau. Khi tính xem một công ty đang cho phép chi phí khấu hao là bao nhiêu, điều quan trọng là biết phương pháp nào đang được sử dụng trong cách tính toán của công ty đó.

› Tài sản mua và tài sản thuê
Chủ doanh nghiệp phải lựa chọn giữa mua tài sản (họ sở hữu nhưng giá trị bị giảm dần theo thời gian) hay thuê thiết bị (họ phải trả tiền thuê). Vì không sở hữu thiết bị đi thuê nên họ không thể đưa khấu hao giá trị tài sản đó theo thời gian vào tính toán và không được dùng phí khấu hao để giảm lợi nhuận chịu thuế của công ty.

60%
giá trị của một chiếc xe ô tô phổ thông bị mất đi sau 3 năm chạy trên đường

Giảm biến thiên doanh thu

Một biện pháp kinh doanh nhằm giảm tính dễ biến động của doanh thu và lợi nhuận báo cáo; giảm biến thiên doanh thu bao gồm việc sử dụng các kỹ thuật kế toán để hạn chế biến động trong doanh thu của doanh nghiệp.

Nó diễn ra như thế nào

Các nhà đầu tư thích nhìn thấy các công ty thể hiện sự tăng trưởng ổn định về mặt doanh thu và lợi nhuận theo thời gian thay vì dao động lớn về doanh thu giữa những năm thuận lợi và trì trệ.

Các công ty có thể giảm biến thiên doanh thu để tránh những kiểu dao động lớn này. Ví dụ, các nhà quản lý có thể tác động vào các con số này bằng cách chọn khi nào phải dự phòng (để tiền sang một bên) cho các khoản chi lớn. Thay vì có các khoản đầu tư lớn, trả lại các khoản vay hay dự phòng cho các khoản chi lớn trong một năm có doanh thu thấp, họ có thể quyết định dự phòng cho những chi phí này trong năm tiếp theo, khi doanh thu của công ty đã tăng lên.

Nói chung, giảm biến thiên doanh thu là một phương thức hợp pháp và chính thống, giúp dàn trải lợi nhuận trong vài năm. Bằng cách sử dụng công cụ kế toán này, báo cáo tài chính của một công ty sẽ cho thấy mức tăng trưởng đều đặn và vững chắc, khuyến khích mọi người đầu tư vào nó. Tuy nhiên, đôi khi nó bị sử dụng trái luật để ngụy trang hoặc che đậy thua lỗ, khuyến khích các nhà đầu tư bỏ tiền vào một công ty không có khả năng trả nợ.

CẦN BIẾT

- **Dự phòng** Việc để tiền sang một bên để phục vụ các khoản chi trong tương lai hoặc các khoản nợ tiềm năng.
- **Bảng cân đối kế toán** Doanh thu, chi tiêu, dự trữ vốn và các khoản nợ của một công ty.
- **Báo cáo kinh doanh** Một báo cáo tài chính cho thấy lợi nhuận ròng hay thua lỗ ròng của một công ty trong khoảng thời gian 6 hoặc 12 tháng.
- **Tính dễ biến động** Sự tăng và giảm doanh thu hay lợi nhuận được báo cáo.

Doanh thu không ổn định

Công ty A không dự trữ tiền để trả cho những khoản chi lớn hay để trang trải chi phí vận hành trong trường hợp lợi nhuận giảm sút. Do đó, nó dễ bị biến động về mặt doanh thu.

- Giảm khả năng tính thu chi trong cùng bàn đó lợi nhuận.
- Có những sự hiệu quả khi cân bằng đến Bảng cân đối kế toán.

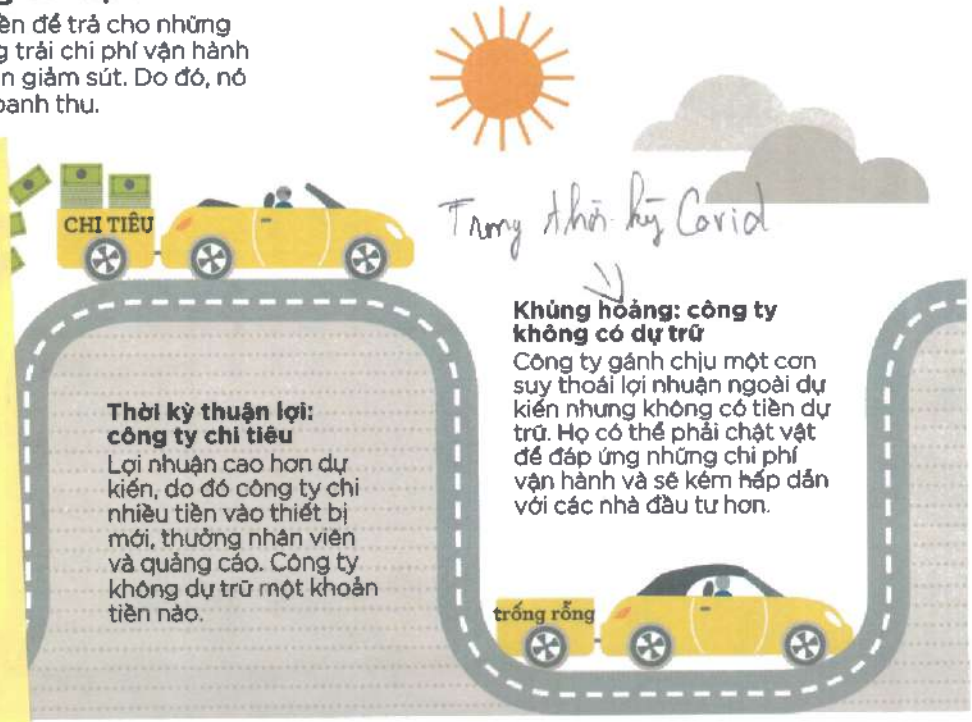

CÁC VỤ BÊ BỐI KẾ TOÁN NỔI TIẾNG

Ngay cả những công ty lớn, nổi tiếng cũng có thể bị buộc tội gian lận báo cáo kinh doanh. Những vụ bê bối lớn nhất trong những năm gần đây bao gồm cả Enron, một trong bảy công ty lớn nhất của Mỹ khi đó.

ENRON (2001)
Các cổ đông của công ty Mỹ này đã mất tổng cộng 74 tỷ đô la Mỹ. Khi công ty sụp đổ, các kế toán viên phát hiện ra bảng cân đối kế toán đã có những khoản nợ ngầm khổng lồ không được công bố.

WORLDCOM (2006)
Công ty truyền thông này có vẻ có nhiều tài sản hơn rất nhiều so với thực tế nhờ những hạng mục giả đề cập chi tiết đến những khoản kinh doanh chưa bao giờ tồn tại. Nó có thể đã thổi phồng khối tài sản của công ty lên tới 11 tỷ đô la Mỹ.

BERNIE MADOFF (2008)
Các nhà đầu tư đã được trả tiền lãi từ chính những khoản tiền của họ và doanh nghiệp chỉ được duy trì nhờ việc chiêu mộ thêm các nhà đầu tư mới. Các nhà đầu tư này đã bị mất khoảng 65 tỷ đô la Mỹ.

LEHMAN BROTHERS (2008)
Ngân hàng đầu tư được thành lập vào năm 1850 này đã thua lỗ 50 tỷ đô la Mỹ dưới dạng tài sản vô giá trị trong bảng cân đối kế toán. Sự phá sản của nó là một trong những nhân tố chính gây nên cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu.

Doanh thu ít biến động hơn
Công ty B giảm biến động doanh thu bằng cách để riêng ra một khoản tiền trong những năm sinh lợi nhằm sử dụng vào thời điểm nào đó sau này, ví dụ như để trả một khoản vay hay trang trải bất kỳ khoản chi lớn ngoài dự kiến nào.

Số liệu được quản lý
Doanh thu cao hơn thông thường, do đó công ty dự trữ phần doanh thu dư ra và đẩy nó sang năm tiếp theo. Do đó, lợi nhuận có vẻ tăng lên một cách ổn định.

! CẢNH BÁO

Đọc báo cáo tài chính của một công ty không phải lúc nào cũng mang lại một bức tranh hoàn chỉnh. Một số vụ bê bối tài chính lớn nhất của các công ty toàn cầu liên quan đến các khoản thua lỗ, các khoản nợ bị làm ra vẻ như doanh thu và những khoản lợi nhuận tuyên bố sai, đã khiến một công ty đáng nghi ngờ trông lại có vẻ như có khả năng thanh toán trong khi không phải vậy.

"Chúng ta không quản lý lợi nhuận, chúng ta quản lý việc kinh doanh."

Jack Welch, cựu CEO của General Electric

Dòng tiền (Important)

Tiền vào và ra khỏi một doanh nghiệp được gọi là dòng tiền. Dòng tiền vào là do huy động vốn, vận hành và đầu tư, trong khi dòng tiền ra bao gồm chi phí, thanh toán cho vật liệu thô và chi phí vốn.

Vốn

Tiền đầu tư và vốn

- Nguồn chính của dòng tiền vào của các doanh nghiệp khởi nghiệp √
- Rót tiền mặt bổ sung sau khởi nghiệp ban đầu √
- Doanh thu từ việc khai trương (công bố) các công ty tư nhân và từ các cổ phiếu do các công ty đại chúng phát hành √
- Được gọi là dòng tiền từ các hoạt động đầu tư √

Doanh thu kinh doanh

Tiền mặt từ các hàng hóa và dịch vụ bán được

- Doanh thu tạo ra từ những vận hành cốt lõi
- Lợi nhuận không phải hoàn trả, không giống như tiền vay hay vốn
- Các khoản thanh toán nhận được từ những hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp
- Được gọi là dòng tiền từ các hoạt động vận hành

TIỀN RA

Tiền lương và tiền công

Các khoản chi cho nhân viên

- Tiền trả cho nhân viên, những người trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ
- Tiền lương trả cho nhân viên dưới dạng một khoản tiền cố định hằng tháng hoặc hằng tuần (dựa vào một mức hằng năm)
- Tiền công trả cho nhà thầu theo số giờ, ngày hoặc tuần làm việc

TIỀN RA

Chi phí quản lý chung

Các khoản chi hóa đơn

- Tiền thuê tài sản thương mại; các hóa đơn tiện ích (nước, điện, gas, điện thoại và Internet); văn phòng phẩm và đồ dùng văn phòng
- Tiền lương và tiền công cho những nhân viên không trực tiếp tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm và dịch vụ (được gọi là lao động gián tiếp)

TIỀN RA

Tiền trả các khoản vay

Trả nợ và lãi, lợi nhuận của cổ đông

- Lãi suất của các khoản vay dài hạn để mua tài sản và các khoản vay ngắn hạn để có vốn hoạt động
- Tiền trả các khoản vay
- Tiền hoa hồng trả cho các công ty bao thanh toán (nhờ thu)
- Mua lại cổ phiếu và trả cổ tức cho các cổ đông

Nó diễn ra như thế nào

"Dòng tiền là sự luân chuyển của tiền mặt vào và ra của một doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định. Dòng tiền vào là từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ, từ tiền vay, vốn đầu tư và các nguồn khác. Dòng tiền ra là để thanh toán tiền thuê, chi phí sinh hoạt, nhân công, các nhà cung cấp và lãi của các khoản vay. Tính toán để doanh thu tương xứng với chi phí đầu ra là yếu tố then chốt."

Các khoản vay

Vay và vay thấu chi từ ngân hàng

- Các khoản vay vốn lưu động để đáp ứng thiếu hụt, sử dụng doanh thu dự toán trước làm thế chấp
- Ứng trước hóa đơn bán hàng từ các công ty bao thanh toán (nhờ thu)
- Các khoản vay thấu chi ngắn hạn
- Được gọi là dòng tiền từ các hoạt động tài chính

Các khoản thu khác

Trợ cấp, quà tặng và khoản thu bất thường

- Trợ cấp từ các tổ chức hay chính phủ, thường dành cho nghiên cứu và phát triển
- Quà biếu và quà tặng (các tổ chức phi lợi nhuận)
- Doanh thu từ tài sản và đầu tư
- Thu lại các khoản vay từ các tổ chức khác
- Hoàn thuế

TIỀN VÀO

TIỀN VÀO

HAY CỔ PHẦN

TIỀN RA

Các nhà cung cấp

Tiền vật liệu và dịch vụ

- Chi phí cho vật liệu thô cần thiết để sản xuất hàng hóa
- Chi phí lưu kho – tại địa phương hoặc nhập khẩu
- Phí dịch vụ (tư vấn hoặc quảng cáo) để tạo doanh thu
- Các khoản chi cho các nhà thầu tham gia quá trình cung cấp hàng hóa và dịch vụ

TIỀN RA

Thuế

Tiền trả cho cơ quan thuế

- Thuế doanh nghiệp dựa trên lợi nhuận thể hiện trong báo cáo tài chính thường niên
- Thuế thu nhập cá nhân mà người thuê lao động chi trả nhân danh người lao động
- Thuế bán hàng và/hoặc thuế giá trị gia tăng trên hàng hóa và dịch vụ
- Loại thuế và mức thuế khác nhau tùy theo luật thuế của mỗi nước

TIỀN RA

Thiết bị

Mua các tài sản cố định

- Chi phí cho các tòa nhà và thiết bị của công ty như điện thoại, máy vi tính, đồ văn phòng, xe cộ, cây cối và máy móc
- Những chi phí này được bù đắp bởi khấu hao. *Xem trang 32-33.*

Quản lý dòng tiền

Sự sống còn của một doanh nghiệp phụ thuộc vào cách doanh nghiệp đó quản lý dòng tiền của mình. Khả năng biến doanh thu thành tiền – tính thanh khoản – của công ty đó cũng quan trọng không kém. Bất kể doanh nghiệp đó có khả năng tạo ra lợi nhuận đến đâu, tính thanh khoản của nó sẽ bằng không nếu không thể trả hóa đơn đúng hạn. Một doanh nghiệp mới thậm chí có thể trở thành nạn nhân của thành công của chính mình và thất bại vì "không có khả năng trả nợ do đầu cơ quá khả năng"; ví dụ như doanh nghiệp đó chi quá nhiều vào việc mở rộng trước khi có các khoản thanh toán, và do đó không còn tiền để trả nợ và công nợ.

Để quản lý dòng tiền, việc cấp thiết là các công ty phải dự đoán được dòng tiền vào và ra. Dự đoán doanh thu và tỷ lệ chuyển đổi tiền mặt là rất quan trọng. Một kế hoạch cho các khoản thanh toán đến hạn của khách hàng, khi nào doanh nghiệp phải trả tiền lương, các khoản tiêu dùng, tiền cho các nhà cung cấp, nợ và các chi phí khác có thể giúp dự báo thâm hụt. Nếu dòng tiền không được quản lý hợp lý, doanh nghiệp có thể phải chi tiền trước khi có khoản thu, dẫn tới việc thiếu tiền mặt. Các doanh nghiệp thông minh, như các siêu thị chẳng hạn, nhập hàng chịu tiền nhưng lại được thanh toán bằng tiền mặt – tạo ra thặng dư tiền mặt.

! CẢNH BÁO

Năm vấn đề hàng đầu của dòng tiền

- **Thanh toán hóa đơn** chậm.
- **Khoảng cách giữa các điều kiện tín dụng,** ví dụ như tiền chi tiêu là 30 ngày trong khi hóa đơn là 60 ngày.
- **Doanh thu giảm** do xu hướng kinh tế, cạnh tranh hay sản phẩm dần lỗi mốt.
- **Sản phẩm bị định giá quá thấp,** thường xảy ra ở các công ty khởi nghiệp đang cạnh tranh.
- **Thậm chí** vào lương và chi phí quản lý chung – ví dụ như mua thay vì thuê tài sản.

Dòng tiền dương và dòng tiền âm

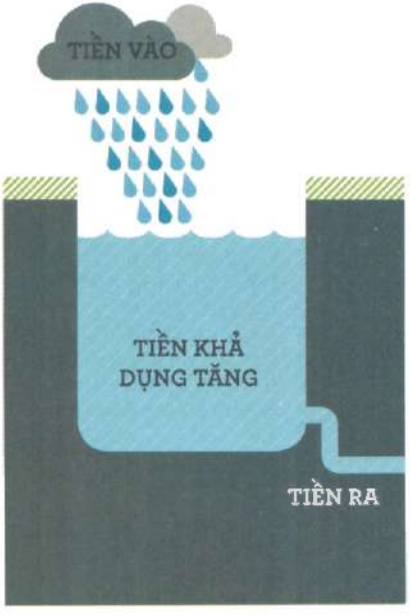

Dòng tiền dương

Là khi dòng tiền vào doanh nghiệp lớn hơn dòng tiền ra. Dự trữ; hay tiền dự phòng, tăng. Ở trạng thái này tức là doanh nghiệp đang ăn nên làm ra.

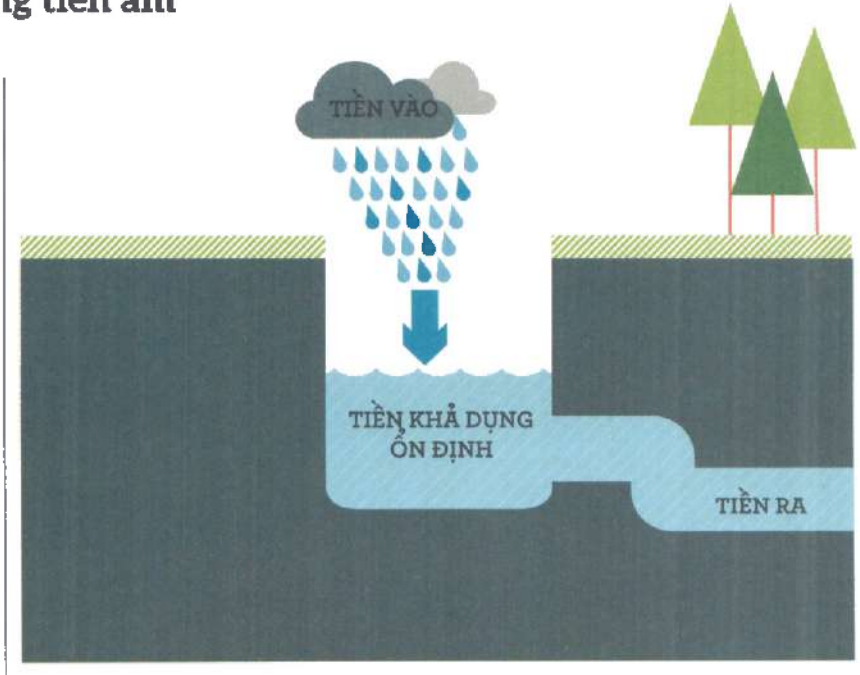

Dòng tiền ổn định

Tức là dòng tiền vào doanh nghiệp với tốc độ tương đương với dòng tiền ra. Một doanh nghiệp làm ăn tốt có thể quyết định là mình có khả năng tăng các khoản đầu tư hoặc trả cổ tức cao hơn. Dù có những khoản chi tăng thêm này, thực tế là cổ phần của doanh nghiệp vẫn ổn định là tín hiệu cho thấy doanh nghiệp khỏe mạnh.

CẦN BIẾT

- **Đại lý** Một bên thứ ba thu tiền từ khách hàng của một công ty và hưởng hoa hồng.
- **Khoản phải trả** Các khoản tiền một doanh nghiệp phải trả cho người khác.
- **Khoản phải thu** Các khoản tiền một doanh nghiệp được nhận.
- **Bảng cân đối theo thời gian** Một biểu đồ các khoản phải thu và khoản phải trả theo các ngày tương ứng
- **Khoảng cách dòng tiền** Khoảng thời gian giữa ngày chi và ngày thu tiền.
- **Chuyển đổi tiền mặt** Các doanh nghiệp thành công chuyển đổi sản phẩm hay dịch vụ của họ thành dòng tiền vào trước thời hạn thanh toán hóa đơn.
- **Dòng tiền vận hành** Dòng tiền vào và ra liên quan đến hoạt động hằng ngày của một công ty.
- **Dòng tiền đầu tư** Sự chuyển động của tiền vào và ra khỏi một công ty từ các khoản đầu tư vào trái phiếu, doanh nghiệp hay thị trường cổ phiếu.
- **Dòng tiền tài chính** Các khoản chi dành cho hoặc đến từ các con nợ và chủ nợ.

80% - 90%

các công ty khởi nghiệp cỡ nhỏ thất bại do quản lý dòng tiền kém

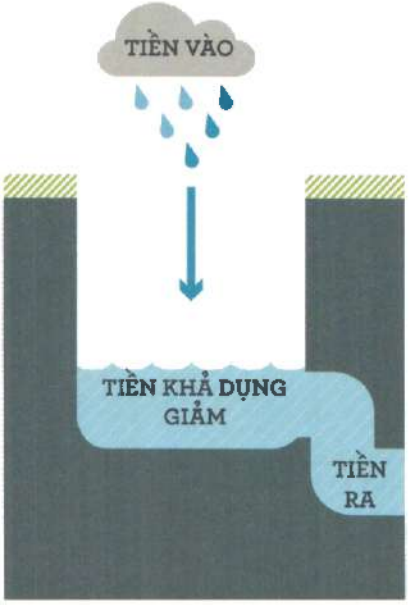

Dòng tiền âm
Là dòng tiền vào doanh nghiệp nhỏ hơn dòng tiền ra. Theo thời gian, lượng tiền mặt khả dụng giảm và doanh nghiệp sẽ phải đối diện với nhiều khó khăn.

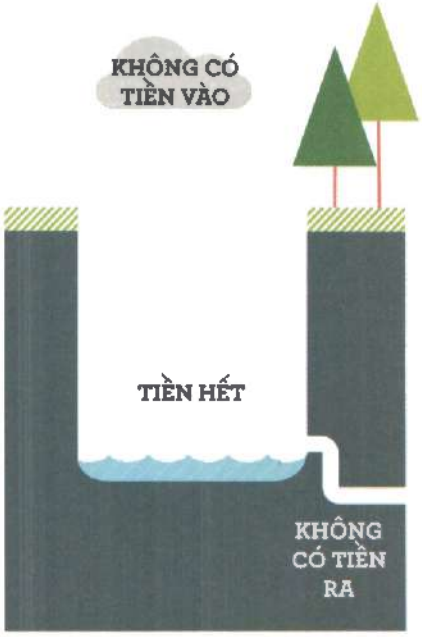

Phá sản
Nếu dòng tiền ra tiếp tục lớn hơn dòng tiền vào, mức tiền khả dụng sẽ giảm thấp đến mức doanh nghiệp không còn tính thanh khoản, không có tiền để chi trả hóa đơn.

QUẢN LÝ DÒNG TIỀN

Một doanh nghiệp có thặng dư tiền mặt có thể:

- Đầu tư hay đổ thêm tiền vào một tài khoản nào đó để kiếm lãi.
- Nâng cấp thiết bị để cải thiện năng suất sản xuất.
- Tuyển nhân viên mới, phát triển sản phẩm hoặc mua các công ty khác để mở rộng kinh doanh.
- Trả tiền cho chủ nợ sớm hơn hoặc thanh toán nợ trước hạn để nâng cao uy tín tín dụng.

Một doanh nghiệp có tiền mặt thâm hụt có thể:

- Giảm giá bán để tăng doanh số hay tăng giá bán để tăng lợi nhuận.
- Trả hóa đơn đúng kỳ hạn và theo dõi sát sao các khoản tiền chưa thanh toán.
- Đề nghị các nhà cung cấp gia hạn tín dụng.
- Chiết khấu để thu tiền về nhanh hơn.
- Sử dụng một khoản vay thấu chi hay vay ngắn hạn để trả những khoản chi cấp bách.
- Tiếp tục dự báo dòng tiền và lập kế hoạch ngăn ngừa các vấn đề trong tương lai.

Tỷ lệ nợ trên vốn sở hữu và rủi ro

CÔNG TY NỢ NHIỀU HƠN
Tỷ lệ vay nợ trên vốn sở hữu cao cũng được mô tả là mức độ đòn bẩy tài chính cao. Những ví dụ điển hình về các hình thức nợ là các khoản vay và trái phiếu.

Tỷ suất vốn vay là sự cân bằng giữa số vốn một công ty sở hữu với nguồn tiền công ty đó có được từ các khoản vay ngắn hoặc dài hạn. Các nhà đầu tư và những người cho vay sử dụng con số này để đánh giá rủi ro.

Nó diễn ra như thế nào

Hầu hết các doanh nghiệp vận hành theo một cơ chế bánh xe nhất định (hay còn được gọi là đòn bẩy tài chính), cấp tiền cho một phần quá trình vận hành bằng cách mượn tiền thông qua các khoản vay hoặc trái phiếu. Nếu tỷ suất vốn vay cao (nghĩa là doanh nghiệp gánh một khoản nợ lớn so với tiền vốn), các nhà đầu tư sẽ quan ngại về khả năng trả nợ của doanh nghiệp đó. Tuy nhiên nếu lợi nhuận của công ty đủ để trang trải các khoản lãi suất, tỷ suất vốn vay cao có thể mang lại thu nhập tốt hơn cho cổ đông. Tỷ suất vốn vay tối ưu phụ thuộc vào việc lĩnh vực kinh doanh của công ty rủi ro đến đâu, tỷ suất vốn vay của các đối thủ cạnh tranh và kỳ hạn thanh toán của công ty. Các nước khác nhau có tỷ suất vốn vay khác nhau. Các công ty ở Đức và Pháp thường có tỷ suất này cao hơn các công ty ở Mỹ và Anh.

Huy động vốn bằng việc phát hành cổ phiếu

Ưu điểm

- Tỷ suất vốn vay thấp được xem là một phương thức đo lường sức khỏe tài chính.
- Rủi ro thấp hấp dẫn nhiều nhà đầu tư hơn và thúc đẩy xếp hạng tín dụng.
- Vốn từ cổ phiếu không phải trả lại.
- Các cổ đông chịu thua lỗ.
- Các nhà đầu tư thiên thần chia sẻ bí quyết của mình.
- Tốt cho các công ty khởi nghiệp mà phải mất một khoảng thời gian trước khi thu được lợi nhuận.

Nhược điểm

- Chia sẻ quyền làm chủ nên quyền kiểm soát các quyết định của các nhà sáng lập và giám đốc công ty bị hạn chế.
- Lợi nhuận được chia sẻ để đổi lại việc các nhà đầu tư mạo hiểm tiền của họ.
- Có nghĩa vụ hành động vì lợi ích của các cổ đông theo luật định.
- Có thể phức tạp khi thiết lập.

Tính tỷ suất vay nợ trên vốn sở hữu

Các nhà phân tích và các nhà đầu tư tiềm năng đánh giá rủi ro tài chính của một công ty bằng công thức sau, trình bày ở dạng phần trăm.

$$\left(\frac{\text{NỢ DÀI HẠN}}{\text{(VỐN CỔ PHẦN + DỰ TRỮ + NỢ DÀI HẠN)}}\right) \times 100$$

Tỷ suất vốn vay thấp

Một công ty phần mềm chuẩn bị phát hành cổ phiếu. Tỷ suất vốn vay 21,2% của công ty cho các nhà đầu tư biết rằng nó có tỷ suất vốn vay tương đối thấp và có vị thế vững vàng để đương đầu với suy thoái kinh tế.

$$\left(\frac{\text{1,2 TRIỆU EURO}}{\text{2 TRIỆU EURO + 2,455 TRIỆU EURO + 1,2 TRIỆU EURO}}\right) \times 100 = 21{,}2\%$$

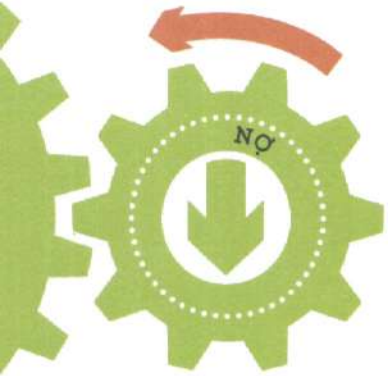

CÔNG TY NỢ ÍT HƠN
Tỷ suất vay nợ trên vốn sở hữu thấp cũng được mô tả là mức độ đòn bẩy tài chính thấp. Vốn sở hữu thường đến từ tiền dự trữ và vốn cổ phần.

HUY ĐỘNG VỐN VAY

Ưu điểm

- Các khoản trả nợ không thay đổi theo khả năng sinh lợi.
- Tiền lãi suất được giảm trừ thuế.
- Vay vốn không làm giảm quyền sở hữu.
- Công ty giữ nguyên quyền kiểm soát quá trình ra quyết định.
- Tiền trả cho khoản vay là một khoản đã biết nên có thể lập kế hoạch cho nó.
- Thiết lập nhanh và đơn giản hơn.
- Các khoản vay cho doanh nghiệp nhỏ với lãi suất hấp dẫn cũng có thể được áp dụng cho các công ty khởi nghiệp.

Nhược điểm

- Tỷ suất vốn vay cao được xem là một phương thức cho thấy khả năng dễ bị tổn thương về mặt tài chính do phải thanh toán các khoản tiền liên quan đến nợ dù lợi nhuận thấp.
- Nguy cơ có thể khiến các nhà đầu tư lảng tránh và tác động tiêu cực đến xếp hạng tín dụng.
- Phải trả các khoản vay và lãi suất, dù lợi nhuận vận hành giảm.
- Các khoản nợ có thể được đảm bảo trên các tài sản cố định của công ty. Những người cho vay nhưng chưa được thanh toán có thể tịch biên tài sản và buộc công ty phải phá sản.
- Cơ quan thuế và người cho vay là những người được trả tiền đầu tiên trong trường hợp công ty không còn khả năng thanh khoản.

✓ CẦN BIẾT

- **Hệ số khả năng thanh toán lãi vay** Một phương pháp khác để tính toán tỷ suất vốn vay: lợi nhuận hoạt động chia cho lãi suất phải trả.
- **Đòn bẩy tài chính quá mức** Tình huống một doanh nghiệp nợ quá nhiều và không thanh toán được tiền lãi của số tiền đã vay.
- **Tháo gỡ đòn bẩy tài chính** Thanh toán ngay lập tức bất kỳ khoản nợ hiện có nào để giảm tỷ suất vốn vay.
- **Chủ nợ** Những người nhận được tiền khi khoản nợ hoặc khoản phải trả đến hạn thanh toán (cổ đông luôn đứng sau chủ nợ trong thứ tự trả tiền).
- **Giảm quyền sở hữu** Các nhà đầu tư thiên thần – những người cung cấp tài chính và đầu tư vào tương lai của một công ty khởi nghiệp – thường sẽ nhận được cổ phần. Điều này được hiểu là giảm bớt quyền sở hữu, vì các nhà đầu tư thiên thần này sở hữu một phần công ty và có thể giữ đủ cổ phần để có quyền kiểm soát.

Tỷ suất vay nợ trên vốn sở hữu cao
Một công ty nước là nhà cung cấp nước duy nhất trong một khu vực có vài triệu khách hàng. Tỷ suất vay nợ trên vốn của họ cao, 64%, nhưng điều này có thể chấp nhận được với một công ty hạ tầng kỹ thuật có vị thế độc quyền trong khu vực và danh tiếng tốt.

$$\left(\frac{\text{360 TRIỆU EURO}}{\text{82 TRIỆU EURO + 120 TRIỆU EURO + 360 TRIỆU EURO}}\right) \times 100 = 64\%$$

25%
hoặc thấp hơn là mức một công ty sẽ được coi là có tỷ suất vốn vay thấp

Các công ty sử dụng những khoản vay như thế nào

Khi một công ty muốn mở rộng, nó có hai phương án vốn chính: vay tiền hoặc phát hành cổ phiếu cho các nhà đầu tư. Vay tiền ở một mức giá cố định cho phép công ty lập ngân sách cho các chi phí và tính toán được mức lợi nhuận tiềm năng.

Nó diễn ra như thế nào

Bằng cách vay nợ – nói cách khác là mượn tiền – một công ty nhận được một khoản tiền, khi trả lại sẽ là số tiền đó và lãi suất định kỳ trong một kỳ hạn cố định. Công ty vẫn duy trì được sự kiểm soát đối với chiến lược kinh doanh, không giống như khi phát hành cổ phiếu.

Khi phát hành cổ phiếu, công ty bán đi quyền sở hữu (vốn cổ phần) đối với việc kinh doanh. Công ty kiếm tiền bằng cách phát hành cổ phiếu có thể sẽ phải cho phép những cổ đông lớn hơn có tiếng nói trong việc vận hành doanh nghiệp. Nếu sau đó công ty sinh lợi, nó có thể phải chia cổ tức cho các cổ đông. Không giống như các khoản vay, cổ phần không được "trả đứt" mà được trả cổ tức chừng nào cổ phần còn tồn tại.

Các công ty có thể sử dụng cả hai phương pháp này để gây vốn đầu tư và mỗi phương pháp có những ưu, nhược điểm riêng; nhưng nếu không có nơi để vay thì một công ty sẽ không thể thực hiện được các dự án lớn và có những cam kết dài hạn.

Nếu người cho vay băn khoăn về cách một công ty đang được vận hành hay khả năng trả nợ của công ty đó trong tương lai, người này có thể có phương án rút tiền vay về hoặc yêu cầu công ty điều chỉnh thời biểu trả nợ, do đó phải trả mức lãi suất cao hơn để bù đắp cho rủi ro tiềm ẩn cao hơn của người cho vay.

Mở rộng kinh doanh

Một số công ty, ví dụ như các công ty vận tải hàng không, sản xuất ô tô hay xây dựng nhà, có xu hướng nợ nhiều hơn vì họ phải mua hàng hóa, vật liệu thô cũng như đất đai trước khi bán các sản phẩm và dịch vụ của mình.

AIR Planes muốn mở rộng hoạt động vì họ nhìn thấy trước nhu cầu lớn hơn từ khách hàng trong tương lai.

Họ lập kế hoạch xây dựng một nhà máy sản xuất mới và cần kiếm tiền để mua địa điểm cũng như xây dựng nhà máy.

CẦN BIẾT

- **Người cho vay** Các ngân hàng, công ty cho vay và các cá nhân mà một công ty nợ tiền.
- **Cổ tức** Lợi nhuận trả cho cổ đông của một công ty.
- **Trả lãi** Số tiền lãi phải trả cho một khoản vay. Khoản này thường là cố định và phải được trả dần theo đúng thời hạn – thậm chí công ty đang chật vật và mất tiền.
- **Vòng đời** Là "giai đoạn nợ" mà một công ty đang phải trải qua. Các công ty khởi nghiệp có xu hướng được nhận tiền từ các khoản vay của ngân hàng và vốn hạt giống và ở giai đoạn sau của vòng đời, họ chuyển sang vốn mạo hiểm, có thể bao gồm việc phát hành cổ phiếu.

ĐIỀU CHỈNH CÂN CÂN HỢP LÝ

Một công ty vay tiền, trái với việc phát hành cổ phiếu, có các khoản tiền phải trả cố định và thang thời gian để hoàn trả. Nó giữ được tính độc lập cao hơn khi các chủ nợ không được chia phần lợi nhuận hay có tiếng nói trong cách vận hành công ty. Bên cạnh đó còn có các lợi thế về thuế – một công ty gánh các chi phí nợ nần vẫn rẻ hơn là vốn cổ đông.

Nợ quá nhiều và những người cho vay tiềm năng sẽ nghĩ là công ty này quá rủi ro. Nhưng các khoản nợ này cho phép công ty giữ được nhiều lợi nhuận hơn.

Nợ quá ít và công ty có thể buộc phải trao rất nhiều quyền kiểm soát và lợi nhuận cho các cổ đông mới.

Để duy trì quyền kiểm soát với các quyết định của mình, AIR chọn vay ngân hàng thay vì bán cổ phần của công ty.

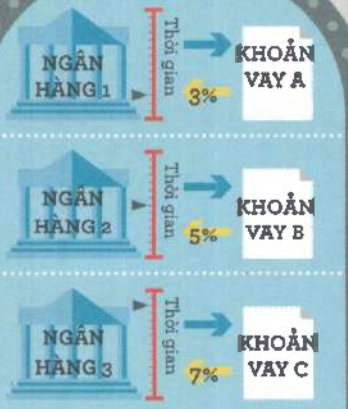

Công ty chọn các gói nợ từ ba ngân hàng khác nhau. Mỗi khoản nợ có mức lãi suất và kỳ hạn khác nhau. Một hợp đồng được ký kết.

Trong năm năm, AIR sinh lãi.

AIR không cần trả bất cứ khoản lợi nhuận nào cho chủ nợ. Công ty chỉ phải trả từng khoản nợ ở cuối các kỳ hạn tương ứng.

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính là khi một công ty công bố một bộ báo cáo cho thấy các tài sản (những thứ công ty sở hữu), các khoản phải trả (những thứ công ty nợ) và tình trạng tài chính của họ. Thông tin này được các nhà đầu tư sử dụng để theo dõi tiến độ của công ty.

Nó diễn ra như thế nào

Có những điều khoản luật pháp đối với báo cáo tài chính nhằm đảm bảo rằng một công ty đưa ra một báo cáo đầy đủ và trung thực về tình hình tài chính của mình. Công ty phải trình bày tình hình hoạt động trong một năm hoặc nửa năm, bất kỳ thay đổi quan trọng nào xảy ra với vị thế tài chính của công ty và trong năm đó, công ty đã kiếm được tiền, mắc nợ hay thua lỗ.

Có hai báo cáo tài chính thường được công bố mỗi năm – báo cáo nửa năm và báo cáo thường niên. Với những công ty đại chúng – nghĩa là cổ phiếu của họ được mua bán trên thị trường chứng khoán – báo cáo thường niên phải được công khai và cung cấp miễn phí cho các nhà đầu tư.

Các công ty thường công bố một số tài liệu: một báo cáo thường niên trình bày các hoạt động của công ty trong một năm; một bảng cân đối kế toán thể hiện tài sản lưu động và khoản nợ hiện tại công ty, và vốn lưu động (hiệu của hai số trên); những chi tiết tài chính trên trang web của công ty để các nhà đầu tư biết. Thông tin này được các nhà đầu tư sử dụng để theo dõi tiến độ của công ty.

! CẢNH BÁO

Một bảng cân đối kế toán là một ghi chép nhanh về tình hình tài chính của một công ty vào một ngày cụ thể. Mặc dù đó là một chỉ dẫn có ích cho biết sức khỏe tài chính của một công ty, những báo cáo giả mạo có thể, và trong quá khứ từng được sử dụng, để che giấu những khoản nợ hay khoản phải trả lớn và không tiết lộ chúng với các kiểm toán viên, những người kiểm tra báo cáo thường niên hay bảng cân đối kế toán. Các kiểm toán viên có thể nhận ra gian lận bằng một số "cờ đỏ" hay dấu hiệu cảnh báo – những dấu hiệu này có thể là bất cứ thứ gì, từ dòng tiền âm đột nhiên trở thành dương trong năm tiếp theo đến doanh số được ghi nhận trước khi việc bán hàng được thực hiện, đến việc biên lợi nhuận gộp tăng bất thường.

Nghiên cứu tình huống: bảng cân đối kế toán

Ví dụ từ một công ty nước này cho thấy một bảng cân đối kế toán được trình bày ra sao.

TÀI SẢN, CÁC KHOẢN NỢ VÀ VỐN
Tài sản cố định
Tài sản vô hình
Tài sản hữu hình
Đầu tư
Tài sản lưu động
Cổ phần và công việc đang triển khai
Khách nợ
Tiền ở ngân hàng và tiền hiện có
Tổng tài sản lưu động
Chủ nợ - số tiền phải trả trong một năm
Tài sản lưu động ròng
Tổng tài sản trừ các khoản nợ hiện tại
Chủ nợ - số tiền phải trả sau hơn một năm
Tiền dự phòng để trả nợ và chi dùng
Nghĩa vụ phúc lợi hưu trí
Thu nhập trả sau
Tài sản ròng
Vốn và dự trữ vốn
Vốn từ những cổ phiếu đã phát hành
Lợi nhuận còn lại
Vốn do cổ đông cung cấp

CÁC KÝ HIỆU CHO GHI NỢ VÀ TÍN DỤNG

Kế toán sử dụng một số thuật ngữ và ký hiệu để biểu thị các khoản ghi nợ và tín dụng. Một số dùng "Dr" cho ghi nợ và "Cr" cho tín dụng, một số dùng "+" cho ghi nợ và "-" cho tín dụng. Trên bảng cân đối kế toán này, dấu ngoặc được dùng để chỉ các khoản tín dụng (số âm).

Năm 2013 (triệu bảng)	Năm 2012 (triệu bảng)
0	0
2.167,1	2.069,2
–	–
7,0	6,3
162,6	153,9
181,0	211,0
350,6	371,2
(198,8)	(171,7)
151,8	199,5
2.318,9	2.268,7
(1.891,5)	(1.811,9)
(114,9)	(115,3)
(93,1)	(83,0)
(17,2)	(17,9)
202,2	240,6
81,3	81,3
120,9	159,3
202,2	240,6

Tài sản cố định (hay tài sản bất lưu động) không thể dễ dàng chuyển thành tiền mặt và thường được mua để sử dụng dài hạn. Chúng có thể hữu hình, như đất đai hay vô hình, như logo thương hiệu.

Tài sản vô hình là những tài sản không hiện hữu về mặt vật lý – ví dụ như tài sản trí tuệ (IP) hay đăng ký thương hiệu. Chúng có giá trị nhưng phân biệt với các tài sản hữu hình như hàng hóa, bất động sản và nhà cửa.

Tài sản lưu động bao gồm tất cả những tài sản có thể chuyển thành tiền mặt – tiền mặt dự trữ trong doanh nghiệp và quỹ chi vặt; cổ phần; tiền đòi bồi thường bảo hiểm; thiết bị văn phòng; tài khoản thu.

Khách nợ là những cá nhân hay công ty nợ tiền của công ty. Khách nợ thường sẽ có một thỏa thuận với chủ nợ về điều khoản thanh toán.

Chủ nợ là những cá nhân hay tổ chức mà công ty nợ tiền. Ở đây, khoản tiền phải được hoàn trả trong năm tài chính hiện tại.

Tài sản lưu động ròng là những tài sản lưu động sau khi trừ đi tiền phải trả cho chủ nợ.

Tổng tài sản trừ các khoản nợ hiện tại là tất cả tài sản mà công ty sở hữu không có khả năng đổi thành tiền mặt cũng như tiền mặt và các tài sản lưu động khác, trừ đi các khoản nợ.

Các khoản nợ đến hạn là các khoản vay, thế chấp hay nợ phải thu mà công ty có và tiền lãi có thể phải trả.

Tài sản ròng là tổng tài sản của công ty trừ đi tổng nợ mà công ty có. Đây là giá trị còn lại và đôi khi được gọi là vốn cổ đông.

Vốn trên mỗi cổ phiếu là tổng số cổ phiếu do các cổ đông của công ty nắm giữ.

Lợi nhuận còn lại là lợi nhuận không phải chi trả dưới dạng cổ tức cho các cổ đông và có thể được dùng để tái đầu tư hay trả nợ trong dài hạn.

Vốn cổ đông, hay vốn chủ sở hữu, là phần vốn ròng còn lại của công ty; nó có thể được dùng để tái đầu tư hay trả cổ tức hằng năm.

Các công cụ tài chính

Công cụ tài chính là thứ có giá trị và có thể được mua bán. Nó có thể là tiền mặt hay tiền tệ, cổ phiếu, tài sản hay các khoản nợ, khoản vay. Nó có thể bao gồm bằng chứng của việc sở hữu lợi tức trong một công ty hay một thực thể khác. Hiện nay, nhiều sổ sách ghi chép về các công cụ tài chính được lưu trữ dưới dạng điện tử.

Chúng hoạt động ra sao

Các công cụ tài chính là những thỏa thuận hợp pháp yêu cầu một bên phải trả (hoặc hứa trả) tiền – hoặc một thứ có giá trị nào khác – cho một người hoặc tổ chức. Thông thường, thỏa thuận đó có các điều kiện ràng buộc. Những điều kiện này có thể bao hàm số lượng và thời gian chi trả lãi suất, tiền mặt, thặng dư vốn, phí bảo hiểm hay tiền dự phòng bảo hiểm. Để chứng minh là bạn sở hữu một công cụ tài chính, bạn có thể giữ một tài liệu thực, như chứng nhận cổ phiếu, chính sách bảo hiểm hay hợp đồng nợ hoặc vay; tuy nhiên, cổ phiếu cũng có thể được lưu giữ trong một tài khoản trực tuyến.

TẠI SAO CHÚNG TA GIỮ CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tăng trưởng và cổ tức

Các nhà đầu tư mua và bán các công cụ tài chính để nhận một khoản thặng dư vốn dễ dàng hoặc để nhận lãi từ một trái phiếu hay cổ phần.

Kiểm soát rủi ro

Mua các tài sản vận hành độc lập với nhau (như mua cổ phần từ một nước và mua trái phiếu chính phủ ở một nước khác) có thể giúp giảm bớt rủi ro của một danh mục đầu tư.

Chuẩn bị cho những sự kiện bất ngờ

Một nhà đầu tư muốn phòng hộ cho danh mục đầu tư của mình có thể sẽ mua bảo hiểm để ngăn danh mục đầu tư giảm giá trị. Giữ trong tay chứng nhận bảo hiểm sẽ tạo ra lớp bảo vệ trước những tổn thất đã được chỉ ra và thống nhất về mặt chính sách.

Giá trị cổ phiếu của Google tăng

16%

trong thứ Sáu ngày 17 tháng Bảy năm 2015

Các công cụ tài chính phái sinh – các quyền chọn và giao dịch kỳ hạn

Giá trị của các công cụ tài chính phái sinh phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động của tài sản gốc. Chúng có thể được mua bán để mang lại tăng trưởng vốn hoặc hạn chế rủi ro cho một doanh nghiệp hoặc một danh mục đầu tư. Các nhà đầu tư chuyên nghiệp có thể sử dụng chúng để phòng hộ cho các danh mục đầu tư của mình.

Xem trang 52-53.

Trái phiếu và các khoản vay

Đây là những tín phiếu giữa một công ty và một nhà đầu tư. Nhà đầu tư cho một công ty hay chính phủ vay tiền và đổi lại, người đi vay phải trả lãi suất cho nhà đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định, ở một mức nhất định và hoàn trả vốn vào một ngày nhất định.

Xem trang 50-51.

Bảo hiểm

Một chính sách bảo hiểm bao gồm một công ty hay cá nhân trả tiền bảo hiểm cho một công ty bảo hiểm, trong hợp đồng đó hứa hẹn sẽ có đền bù bằng tiền trong trường hợp xảy ra mất mát theo những kịch bản đã thỏa thuận trước. *Xem trang 78-79.*

Quỹ

Một quỹ đầu tư (như một công ty đầu tư tín thác) là quỹ vốn thuộc về một nhóm các nhà đầu tư. Khoản tiền này được quỹ đầu tư với hy vọng giá trị của quỹ sẽ tăng lên, mang lại cho nhà đầu tư thặng dư vốn. Nó cũng có thể phải trả tiền lãi. *Xem trang 80-81*

✓ CẦN BIẾT

- **Thặng dư vốn** Lãi suất thu được từ việc bán các tài sản như cổ phần.
- **Rủi ro** Khả năng lợi nhuận từ khoản đầu tư thấp hơn hay khác với kỳ vọng.
- **Danh mục đầu tư** Một loạt các khoản đầu tư của một cá nhân hay tổ chức.

Cổ phần

Cổ phần là các miếng bánh nhỏ của một cái bánh công ty, sẵn sàng để cho các nhà đầu tư mua hoặc bán. Các công ty tạo cổ phần để tăng vốn và dùng vốn đó đầu tư để phát triển kinh doanh.

Nó hoạt động ra sao

Cổ đông là các nhà đầu tư mua cổ phần do một công ty phát hành và do vậy, sở hữu một phần công ty đó. Khi các cổ đông mua một cổ phần, thường đó là "cổ phần phổ thông", nghĩa là họ có thể bỏ phiếu để bầu ra nhóm giám đốc điều hành công ty, thông qua hoặc chống lại việc phát hành cổ phần mới và các hoạt động gây vốn khác và trong một số trường hợp, nhận những khoản chi trả lợi nhuận được gọi là cổ tức. Các cổ đông được nhập thông tin vào danh sách đăng ký cổ phần của công ty, một danh sách gồm tất cả các nhà đầu tư góp tiền vào đó. Các nhà đầu tư mua cổ phần vì tăng trưởng vốn (hy vọng giá trị hoặc giá bán gốc của cổ phần sẽ tăng), và vì thu nhập nếu cổ phần được trả lãi. Giá cổ phần tăng và giảm tùy theo tình hình tài chính của công ty, tin tức kinh tế nói chung và cảm giác của nhà đầu tư về một công ty hay nền kinh tế nói chung. Nếu giá cổ phần dao động trong một khoảng thời gian ngắn, nó được gọi là bất ổn định. Nếu cổ phần của một công ty bất ổn định, có thể cho thấy các nhà đầu tư đang lo lắng về công ty đó; nếu tính biến động ảnh hưởng đến tất cả giá cổ phần, có thể đó là dấu hiệu của sự bất ổn định của toàn bộ thị trường.

✓ CẦN BIẾT

- **Đã niêm yết** Một cổ phần xuất hiện trên bảng đăng ký (danh sách) của sàn giao dịch chứng khoán, nơi nó được giao dịch (mua hoặc bán).
- **Định giá** Giá mới nhất mà một cổ phần được giao dịch. Giao dịch chứng khoán hiện nay đều được thực hiện điện tử và người ta có thể thấy giá thay đổi qua từng phút trong suốt cả ngày.
- **Cổ phiếu** mô tả sự sở hữu cổ phần nói chung. Cổ phiếu nói đến việc sở hữu cổ phần trong một công ty cụ thể.

Phát hành cổ phiếu

Các công ty phát hành cổ phiếu khi họ cần tiền để đầu tư hay thanh toán các chi phí. Khi nhà đầu tư mua một cổ phiếu, người đó trở thành cổ đông và sở hữu một phần nhỏ của công ty.

Một công ty cần tiền để mở rộng hoạt động. Họ quyết định bán cổ phần ra công chúng thông qua việc ra mắt trên thị trường chứng khoán.

Công ty phát hành cổ phiếu với giá 100 xu một cổ phiếu. Cổ phiếu được phát hành thông qua một buổi phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO) ở mức giá đã định trước.

Các nhà đầu tư cá nhân nhận được cổ phiếu ở mức giá phát hành, trong trường hợp này là 100 xu. Sau đó, các cổ phiếu có thể được mua và bán trên sàn chứng khoán.

HIỂU VỀ CỔ PHẦN

Một khi được phát hành, cổ phần có thể được giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Các cổ đông mua một phần của công ty. Nếu giá trị của cổ phần giảm, không có gì đảm bảo là họ sẽ lấy lại được tiền.

Giá của một cổ phiếu ưu đãi có xu hướng tăng; nếu giá có xu hướng giảm nghĩa là các nhà đầu tư không tin tưởng nó nữa.

Nếu một công ty phá sản, có thể các cổ đông sẽ mất hết hoặc gần hết vốn đầu tư ban đầu.

Nếu một công ty hoạt động tốt, các cổ đông chia nhau lợi nhuận. Đó là lý do việc mua cổ phần trở nên thú vị đến vậy với các nhà đầu tư.

Nếu một công ty thất bại, các cổ đông mất khoản đầu tư nhưng họ không phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty đó.

2,25 nghìn tỷ yên **là doanh thu trung bình mỗi ngày của sàn giao dịch chứng khoán Tokyo**

Sau các đợt IPO, công ty mở bán cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán, nơi giá cả chịu tác động của tình hình thị trường.

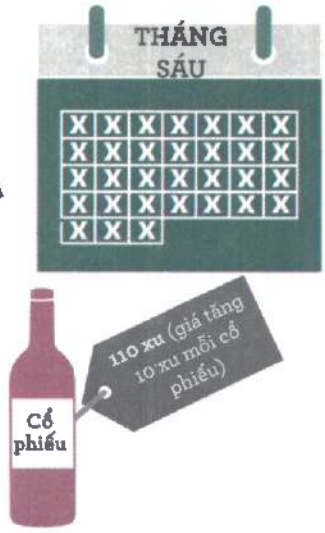

Sau sáu tháng giá mỗi cổ phiếu tăng 10 xu. Các cổ đông bán cổ phiếu mà họ đã mua với giá 100 xu sẽ thu về lợi nhuận là 10 xu một cổ phiếu.

Sau sáu tháng nữa, công ty trả một khoản cổ tức là 5 xu cho mỗi cổ phiếu. Các nhà đầu tư đang giữ cổ phiếu của công ty sẽ nhận khoản lãi 5 xu này cho mỗi cổ phiếu.

Trái phiếu

Các công ty và các chính phủ bán trái phiếu để gây vốn mà không cần phát hành cổ phiếu. Đây là các khoản vay có kỳ hạn cố định hiệu quả mà các nhà đầu tư mua để nhận lãi suất vào cuối kỳ hạn đó.

Trái phiếu hoạt động ra sao

Trái phiếu là chứng khoán dành cho các khoản nợ dài hạn, mặc dù không phải lúc nào chúng cũng được giữ cho đến cuối kỳ hạn. Giá của một trái phiếu tăng và giảm phụ thuộc vào mức lãi suất hiện tại và cách các nhà đầu tư cảm nhận việc người phát hành trái phiếu có khả năng hoàn trả khoản tiền đầu tư ban đầu không. Có các loại trái phiếu khác nhau, ví dụ như trái phiếu tiết kiệm, trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu chính phủ (còn được gọi là chứng khoán viền vàng) và một số loại có thể được giao dịch giữa các nhà đầu tư. Với trái phiếu tiết kiệm, các nhà đầu tư gửi một khoản tiền vào một tổ chức tiết kiệm bán lẻ (như một ngân hàng hay hiệp hội nhà ở), nhận lãi đều đặn và được trả lại đầy đủ khoản tiền gốc. Với các loại trái phiếu khác, không đảm bảo là khoản tiền gốc sẽ được hoàn trả do tổ chức phát hành trái phiếu có thể bị phá sản. Vì nguy cơ sai hẹn của chính phủ là rất nhỏ nên chứng khoán viền vàng được coi là loại trái phiếu có rủi ro thấp nhất.

Đầu tư vào trái phiếu

Khi lựa chọn trái phiếu, các nhà đầu tư phải cân bằng tổng số tiền nhận được bao gồm lãi suất với khả năng số vốn đó (khoản tiền mặt đầu tư ban đầu) thật sự được trả vào cuối kỳ hạn. Họ cũng phải quyết định xem liệu một trái phiếu có mang lại giá trị tốt không bằng cách phân tích lợi tức hiện tại của nó. Việc này nghĩa là so sánh lãi suất được trả bởi trái phiếu với giá trị hiện tại của nó trên thị trường thứ cấp. Mặc dù người sở hữu trái phiếu có khả năng được trả tiền cao hơn cổ đông khi một công ty phá sản, nhưng không có gì đảm bảo là việc chi trả như vậy sẽ được thực hiện.

Nhà đầu tư rót tiền vào một công ty và đổi lại nhận được một chứng nhận trái phiếu.

100 xu từ nhà đầu tư

CÔNG TY NƯỚC

Bằng việc phát hành trái phiếu ở mức giá 100 xu, một công ty nhận được khoản vay 100 xu từ các nhà đầu tư cho mỗi trái phiếu mà họ mua. Bên cạnh việc hứa hẹn trả lại khoản vay, công ty đều đặn trả lãi suất, còn gọi là cuống lãi, cho người sở hữu trái phiếu.

Công thức tính lợi nhuận

$$\frac{\text{Số cuống lãi}}{\text{Giá trái phiếu}} \times \frac{100}{1} = \text{lợi nhuận \%}$$

Tính toán lợi tức

$$\frac{10\text{ xu}}{100\text{ xu}} \times \frac{100}{1} = 10\%$$

Lợi tức hiện tại

Lãi trả cho trái phiếu được thể hiện dưới dạng phần trăm giá trị thị trường của nó.

Công ty nước

NĂM 1

Cuống lãi là 10%, nghĩa là công ty nước đều đặn trả tiền lãi là 10% mệnh giá của trái phiếu – giá mà trái phiếu đó đã được bán. Do mệnh giá là 100 xu nên cuống lãi là 10 xu. Các nhà đầu tư cũng có thể bán chứng nhận trái phiếu của mình để lấy 100 xu.

Giá thị trường của trái phiếu: 100 xu

10 xu lãi

Lợi nhuận năm 1 = 10%

Do giá thị trường của lãi suất trái phiếu là không đổi, lợi nhuận là 10%.

CẦN BIẾT

- **Mệnh giá** Giá ban đầu mà trái phiếu được phát hành.
- **Giá thị trường** Giá trái phiếu được mua bán.
- **Cuống lãi** Số tiền lãi được trả cho nhà đầu tư trái phiếu.
- **Lợi tức** Một thuật ngữ chung liên quan đến số tiền thu về từ số vốn đầu tư vào một trái phiếu.
- **Trái phiếu tiết kiệm** Ký gửi tiền mặt với một khoản lãi suất đều đặn.
- **Chứng khoán** Các công cụ tài chính, như trái phiếu chẳng hạn, có thể được giao dịch.
- **Trái phiếu rác** Trái phiếu của các công ty nhiều rủi ro.
- **Vỡ nợ** Khi một công ty không trả tiền cho một trái phiếu mà họ đã bán cho một nhà đầu tư.

10,8%

là mức lãi trái phiếu cao nhất từng được các ngân hàng Đức đưa ra do mức lãi suất cao vào những năm 1980

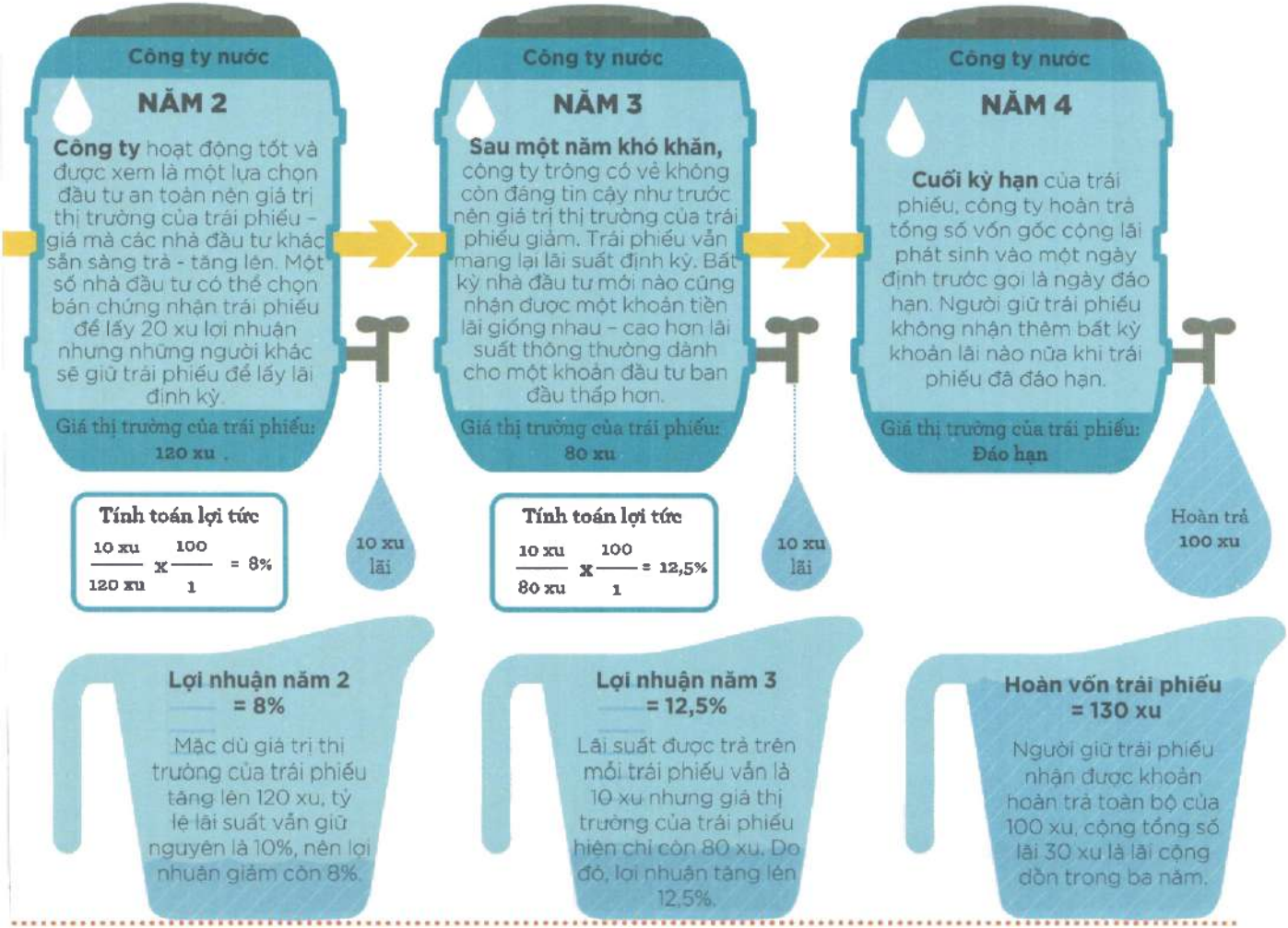

Các công cụ tài chính phái sinh

Một loại đồng tài chính giữa hai hoặc nhiều bên hơn, giá trị của một công cụ tài chính phái sinh là kết quả của những biến động về giá của một tài sản gốc. Chúng được sử dụng để đảm bảo ngăn ngừa rủi ro và đầu cơ trước những biến động về giá.

Chúng hoạt động ra sao

Được sử dụng để cố định trước một mức giá cho một giao dịch trong tương lai, các công cụ tài chính phái sinh có thể được dùng để phòng hộ trước những biến động trong thị trường ngoại hối, tỷ lệ lãi suất hay giá của cổ phiếu hoặc sản phẩm chẳng hạn. Các công cụ tài chính phái sinh cũng có thể được dùng để đầu cơ, về cơ bản là đánh cược vào giá của một tài sản trong tương lai. Các nhà đầu tư có thể mua các công cụ tài chính phái sinh để giảm tính bất ổn cho danh mục đầu tư của mình, bởi họ có thể nhận sự nguy hiểm tài chính đối với một thị trường thông qua một khoản chi nhỏ hơn khi mua một tài sản dưới mức thực tế. Thông thường, các sản phẩm phái sinh có đòn bẩy cao, phổ biến nhất là các giao dịch kỳ hạn và các quyền chọn.

Giao dịch kỳ hạn

Được các công ty sử dụng để tối thiểu hóa rủi ro, với một hợp đồng giao dịch kỳ hạn, các bên đồng thuận với mức giá hiện tại cho một thương vụ sẽ diễn ra trong tương lai. Ví dụ, các công ty phụ thuộc rất nhiều vào một sản phẩm và muốn ổn định chi phí có thể mua một công cụ tài chính phái sinh là giao dịch kỳ hạn để ngăn ngừa những tình huống tăng hoặc giảm giá bất ngờ đối với sản phẩm đó.

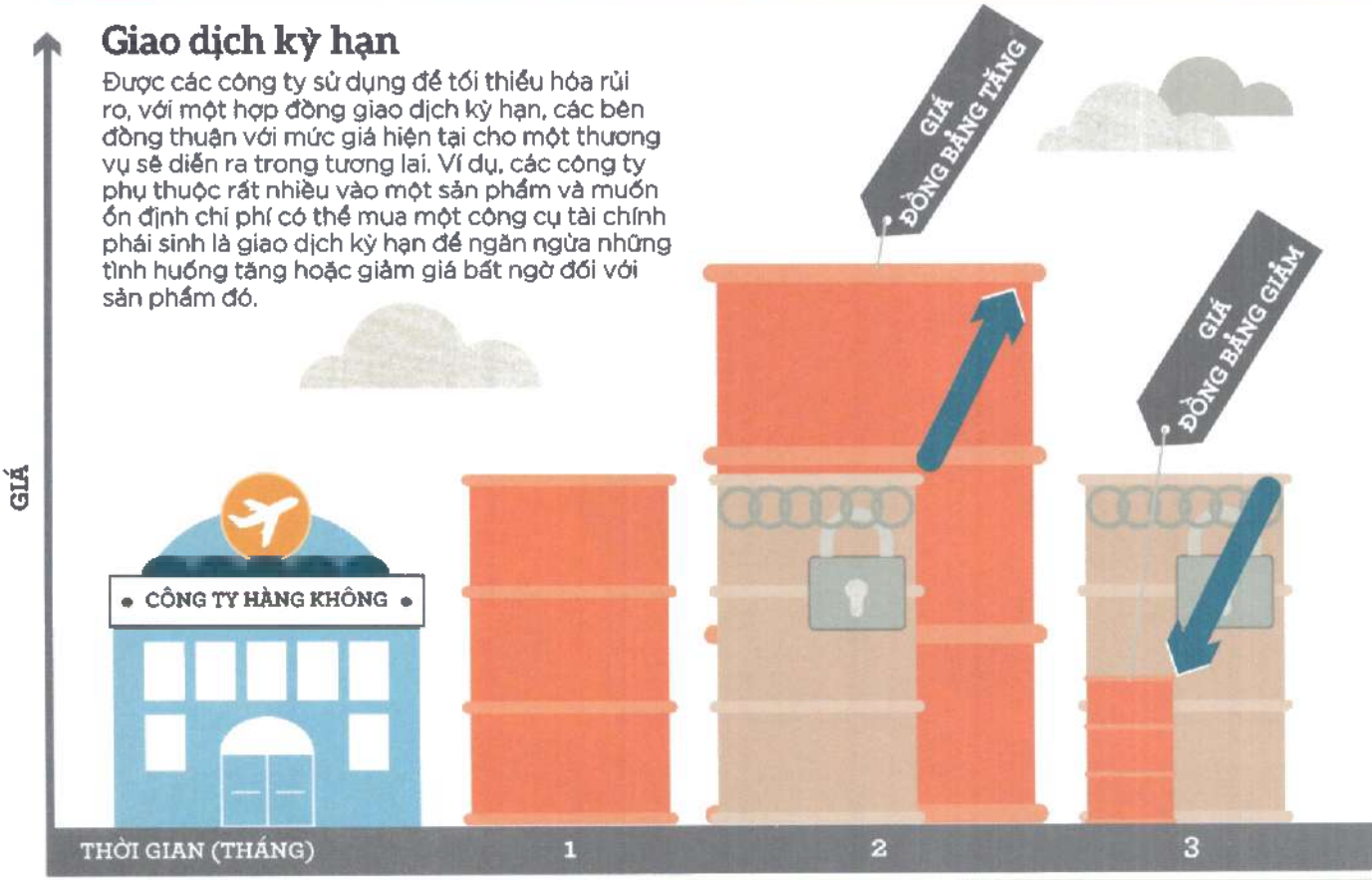

Một công ty hàng không có trụ sở tại Anh xem xét số lượng cổ phiếu của mình và quyết định là họ cần mua nhiên liệu cho đội bay trong ba tháng.

Để tự bảo vệ trước việc tăng giá trong tương lai, công ty có thể thu xếp mua nhiên liệu ở mức giá của ngày hôm nay để hàng hóa được giao và chi trả vào một ngày nào đó trong tương lai, được gọi là giao dịch kỳ hạn, hay giao dịch trả trước. Tuy nhiên, nếu sau đó giá nhiên liệu giảm thay vì tăng, công ty sẽ bị kẹt trong tình thế phải trả tiền với mức giá cao hơn.

CẢNH BÁO

Được coi là các vũ khí tài chính mang tính hủy diệt hàng loạt, các công cụ tài chính phái sinh có thể biến động. Tùy thuộc vào đòn bẩy nợ, các công cụ này sử dụng các mô hình toán học phức tạp và không phải tất cả những người mua bán đều hiểu rõ được những rủi ro mà họ đang đón nhận. Họ có thể hứng chịu hậu quả là những thua lỗ lớn và thảm khốc.

827 triệu bảng

đã bị mất đi trong các giao dịch công cụ tài chính phái sinh từ Barings Bank vào năm 1995

Quyền chọn

Giống như giao dịch kỳ hạn, quyền chọn cố định giá cho một giao dịch trong tương lai nhưng với những lựa chọn trong đó người mua không có nghĩa vụ phải giao dịch. Với một chi phí nhỏ, quyền chọn mang đến cơ hội cho các nhà đầu cơ tạo ra lợi nhuận bằng cách đặt cược vào những thay đổi trong tương lai của giá trị của một tài sản, và quy mô cũng như thời gian của những thay đổi đó.

Một nhà đầu tư nhận ra giá cổ phiếu của một công ty đang tăng và mua một quyền chọn cho những cổ phiếu này – quyền mua cổ phiếu vào một ngày nào đó trong tương lai.

Nếu giá cổ phiếu thật sự tăng, nhà đầu tư có thể hưởng lợi nhờ việc mua được giá chọn đã định và bán với mức giá cao hơn ở hiện tại.

Nếu giá cổ phiếu giảm, nhà đầu tư có thể bán quyền chọn hoặc để nó mất hiệu lực, và mất đi một phần giá trị của chính cổ phiếu này.

Các thị trường tài chính

Dòng tiền trên toàn thế giới cực kỳ cần thiết để các doanh nghiệp vận hành và phát triển. Các thị trường chứng khoán là nơi các nhà đầu tư cá nhân và các công ty trao đổi tiền tệ, đầu tư vào các công ty và dàn xếp các khoản vay. Không có các thị trường tài chính toàn cầu, các chính phủ sẽ không thể mượn tiền, các công ty sẽ không thể tiếp cận nguồn vốn mà họ cần để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và các nhà đầu tư cũng như các cá nhân sẽ không thể mua và bán ngoại tệ.

Hoạt động của các thị trường tài chính

Nhờ các thị trường tài chính toàn cầu, tiền luân chuyển khắp thế giới giữa các nhà đầu tư, các doanh nghiệp, người tiêu dùng và các thị trường chứng khoán. Các nhà đầu tư không bị giới hạn đầu tư tiền vào những công ty tại nước mà họ sống và những doanh nghiệp lớn hiện nay đã có văn phòng quốc tế nên tiền cần được di chuyển hiệu quả giữa các nước và lục địa. Việc người ta có khả năng đầu tư tiền vào những thị trường quốc tế cũng quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu.

Bên trong thị trường chứng khoán

Việc mua và bán xảy ra trong thời gian thực và giá cả thay đổi từng giây.

Những người môi giới mua bán cổ phiếu, trái phiếu và hàng hóa (nguyên vật liệu thô) và các sản phẩm tài chính chuyên biệt trên thị trường. *Xem trang 60-61.*

Người mua định rõ cổ phiếu hay tài sản mà họ muốn mua, với mức giá và khối lượng bao nhiêu.

Các nhà đầu tư mua thông qua người môi giới, những người đặt giá và được ủy nhiệm mua.

Khi cổ phiếu dễ mua và bán, thị trường được cho là dễ thanh khoản. Khi có ít người mua và bán hơn, thị trường được gọi là khó thanh khoản.

Một cổ phiếu được phân biệt bởi "mã chứng khoán" – thường là viết tắt tên giao dịch của nó.

Mua cổ phiếu hoặc quyền chọn

Các nhà đầu tư nghiên cứu dữ liệu để quyết định có mua hay bán các tài sản tài chính hay không. Dữ liệu được cập nhật đều đặn để phản ánh những thay đổi của cung và cầu. *Xem trang 62-63.*

CÁC THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH TRÊN THẾ GIỚI

New York, Mỹ

Sàn giao dịch chứng khoán New York (New York Stock Exchange - NYSE) là sàn giao dịch lớn nhất thế giới (giá trị vốn hóa thị trường – giá trị thị trường của những cổ phiếu chưa được chi trả của nó là 14,14 nghìn tỷ bảng), tiếp theo là NASDAQ cũng có trụ sở tại New York (5,63 nghìn tỷ bảng).

Toronto, Canada

Sàn chứng khoán Toronto (Toronto Stock Exchange - TSE) ở Canada do TMX Group quản lý (1,45 nghìn tỷ bảng).

Tokyo, Nhật Bản

Sàn giao dịch chứng khoán Nhật Bản (Japan Exchange Group - JPX) có trụ sở tại Tokyo là sàn giao dịch chứng khoán lớn nhất châu Á (3,73 nghìn tỷ bảng).

Trung Quốc

Trung Quốc có ba sàn giao dịch chứng khoán: sàn chứng khoán Thượng Hải (Shanghai Stock Exchange - SSE, 2,9 nghìn tỷ đô la), sàn chứng khoán Thâm Quyến (Shenzen Stock Exchange - SZSE, 2,36 nghìn tỷ bảng) và sàn chứng khoán Hồng Kông (Stock Exchange of Hong Kong - SEHK, 2,32 nghìn tỷ bảng).

London, Anh

Sàn giao dịch chứng khoán London (London Stock Exchange - LSE) là sàn giao dịch lớn nhất châu Âu (2,68 nghìn tỷ bảng).

Liên minh châu Âu

Euronext có trụ sở ở Amsterdam, Brussels, Lisbon, London và Paris (2,56 nghìn tỷ bảng).

Frankfurt, Đức

Deutsche Borse đặt tại Frankfurt (FWB, 1,24 nghìn tỷ bảng).

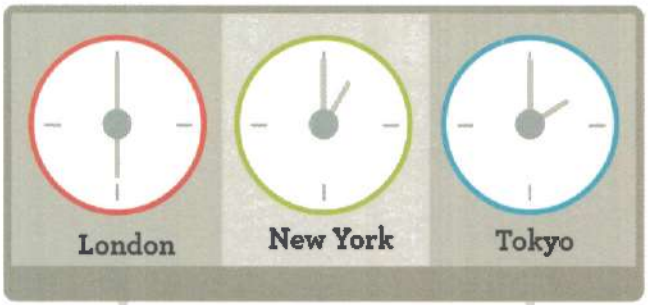

Kiểm tra giá trong toàn thị trường

Người giao dịch kiểm tra giá trị và giá cổ phiếu hiện tại, tìm kiếm những biến động trên toàn thị trường. Các thị trường toàn cầu kết nối với nhau và việc tăng nhanh hay giảm sâu ở châu Á, hay Mỹ, có thể ảnh hưởng đến giá tại London và phần còn lại của châu Âu. *Xem trang 58-59, 64-65.*

Kẻ giao dịch lừa đảo

Người giao dịch tạo ra những giao dịch rủi ro cao, mang tính đầu cơ và trái phép, thường là các giao dịch tài chính. *Xem trang 66-67.*

Trục lợi

Người ta có thể kiếm được những khoản tiền lớn bằng cách mua cổ phiếu ở mức giá thấp và bán đi khi giá đang tăng nhưng trước khi giá giảm. *Xem trang 68-69.*

Thị trường tiền tệ

Các ngân hàng và công ty dùng thị trường tiền tệ để mua và bán các tài sản tài chính có ngày đáo hạn ngắn và có thể trao đổi dễ dàng, nhanh chóng.

Nó hoạt động ra sao

Không giống như thị trường chứng khoán, nơi có sàn giao dịch hữu hình, những giao dịch trên thị trường tiền tệ được thực hiện điện tử hoặc qua điện thoại. Ngân hàng, các tổ chức tài chính và chính phủ trực tiếp giao dịch trên thị trường tiền tệ, không cần người môi giới, và dùng thị trường để tiếp cận các khoản vay mà họ cần để triển khai các hoạt động thường ngày. Ví dụ, các ngân hàng đôi khi có thể cần vay tiền trong một thời gian ngắn để hoàn thành nghĩa vụ đối với khách hàng và họ dùng thị trường tiền tệ để làm như vậy.

Hầu hết các tài khoản tiền gửi tại ngân hàng có một thời hạn thông báo tương đối ngắn và cho phép khách hàng tiếp cận tiền của họ ngay lập tức hoặc trong vòng vài ngày hoặc vài tuần. Vì thời gian thông báo ngắn này mà các ngân hàng không thể có những cam kết dài hạn với tất cả số tiền mà họ giữ. Họ cần đảm bảo rằng một phần tiền đó luân chuyển (dễ dàng tiếp cận), và việc đầu tư vào thị trường tiền tệ cho phép họ làm như vậy.

Các ngân hàng có thể nhận ra mình có nhu cầu thế chấp tài sản hay vay nhiều hơn tài khoản tiết kiệm tại những thời điểm nhất định. Điều này tạo ra sự bất tương ứng giữa số tiền sẵn có của họ và số tiền họ đã cho vay, do đó ngân hàng sẽ cần vay tiền để có thể đáp ứng nhu cầu vay của khách hàng.

Ai sử dụng thị trường tiền tệ?

Chức năng cơ sở của thị trường tiền tệ là để các ngân hàng và những nhà đầu tư có tiền mặt có được lợi nhuận từ tiền hoặc các khoản vay của họ. Những nhà đầu tư này giúp những người đi vay, như các ngân hàng khác, người môi giới và các quỹ phòng hộ tiếp cận được những nguồn vốn ngắn hạn. Thị trường tiền tệ bị chi phối và chiếm ưu thế bởi các nhà đầu tư chuyên nghiệp mặc dù những nhà đầu tư nhỏ lẻ với số tiền trên 50.000 bảng cũng có thể đầu tư. Các khoản tiền gửi nhỏ hơn có thể được đầu tư thông qua các quỹ thị trường tiền tệ. Ngân hàng và các công ty sử dụng các công cụ tài chính giao dịch trên thị trường tiền tệ vì những lý do khác nhau và chúng chứa những rủi ro khác nhau.

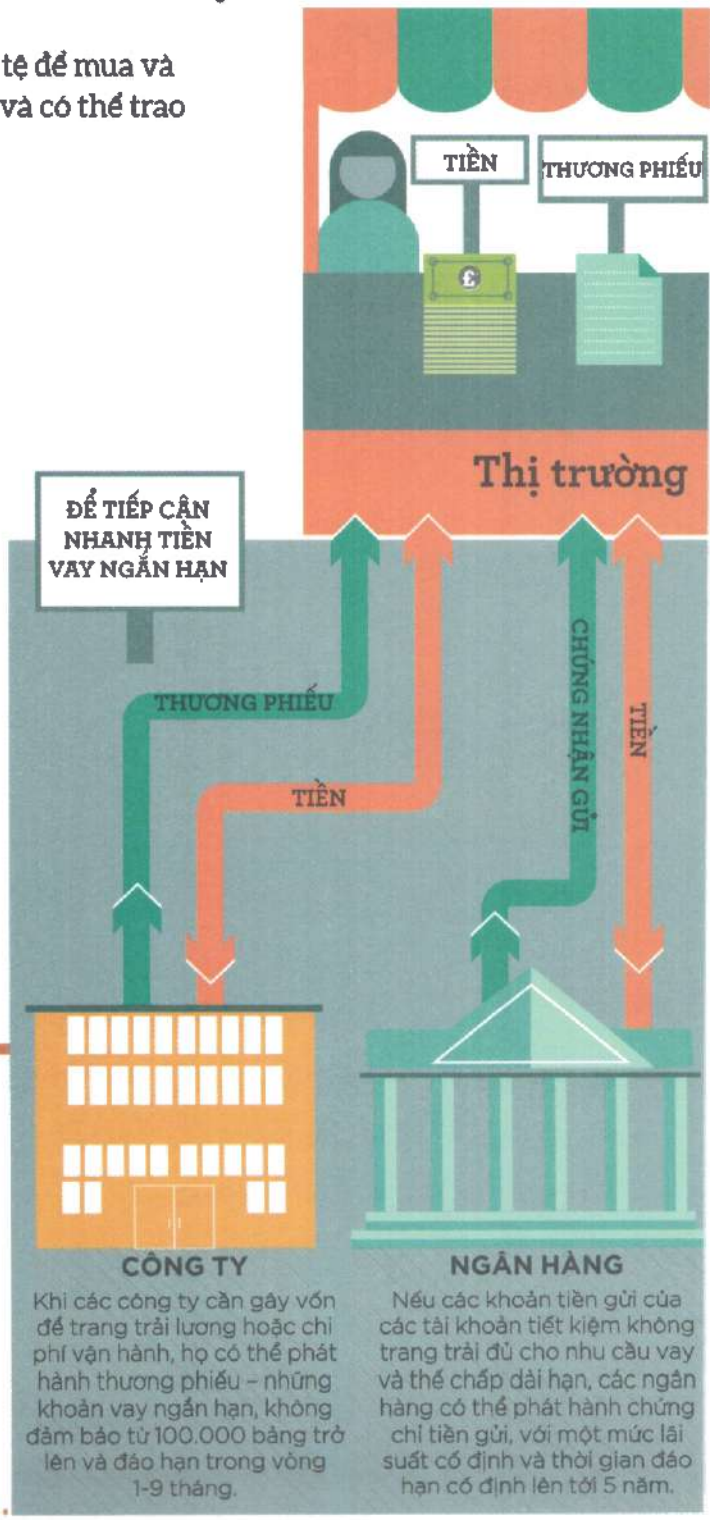

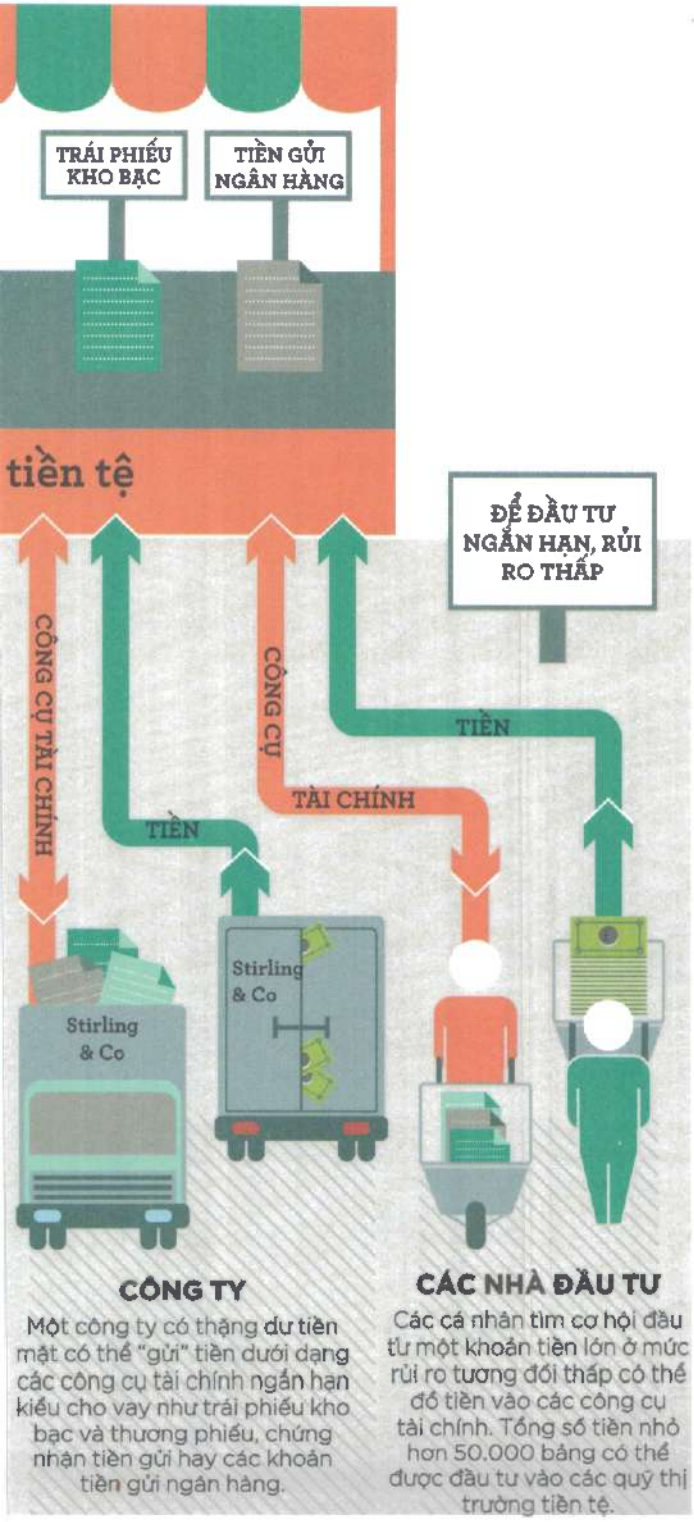

NHỮNG GÌ ĐƯỢC GIAO DỊCH TRÊN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ?

RỦI RO THẤP NHẤT

› **Trái phiếu kho bạc** Trái phiếu ngắn hạn của chính phủ mãn hạn trong vòng ba tháng tới một năm sau khi phát hành, còn được gọi là tín phiếu kho bạc (T-bill). Người ta mua nó với mức chiết khấu so với mệnh giá hoặc giá trị "danh nghĩa" và sau đó được hoàn trả toàn bộ khi đáo hạn. Trái phiếu kho bạc được coi là hoàn toàn không có rủi ro.

RỦI RO TRUNG BÌNH

› **Chứng chỉ tiền gửi** Chứng chỉ tiết kiệm kỳ hạn cố định được các ngân hàng phát hành với một mức lãi suất cố định. Mức lãi suất phụ thuộc vào kỳ hạn, kỳ hạn càng dài thì lãi suất càng cao. Những rủi ro chính là bị kẹt với mức lãi suất thấp nếu sau đó lãi suất tăng lên và bị phạt khi rút tiền trước kỳ hạn.

› **Tiền gửi ngân hàng** Tiền gửi trong ngân hàng, thường với một kỳ hạn cố định. Mức lãi suất có thể thay đổi tùy vào lượng tiền gửi và tính thanh khoản của tiền gửi. Rủi ro phụ thuộc vào uy tín trả nợ của ngân hàng và liệu nó có thuộc một chương trình bảo vệ tiền gửi do chính phủ quản lý không.

RỦI RO CAO

› **Thương phiếu** Một khoản nợ ngắn hạn không đảm bảo do một công ty phát hành. Chỉ các công ty với xếp hạng uy tín tốt mới phát hành thương phiếu vì các nhà đầu tư ngần ngại mua các khoản nợ của các công ty đã thỏa hiệp về mặt tài chính. Chúng có xu hướng được phát hành bởi các ngân hàng xếp hạng cao và được mua bán theo cách tương tự như chứng khoán. Giá trị tài sản là hàng chục hoặc trăm nghìn bảng.

✓ CẦN BIẾT

› **Các quỹ thị trường tiền tệ** Nhóm cung cấp "các gió" công cụ tài chính cho các nhà đầu tư cá nhân, cho phép họ đầu tư vào thị trường tiền tệ với một khoản tiền ít hơn 50.000 bảng.

› **Libor** Liên ngân hàng tại London cung cấp xếp hạng - một xếp hạng chuẩn để mượn tiền giữa các ngân hàng quốc tế, có tác động đến tính thanh khoản.

Trao đổi và mua bán ngoại tệ

Còn được gọi là ngoại hối, trao đổi và mua bán ngoại tệ nói đến việc mua và bán tiền tệ. Việc mua bán tiền tệ này có thể diễn ra giữa các ngân hàng, tổ chức tài chính, chính phủ và các cá nhân.

Lợi nhuận và thua lỗ của thị trường ngoại hối

Một nhà giao dịch muốn bán một số đồng bảng Anh (GBP) và mua euro (EUR) vì người này nghĩ rằng giá trị của đồng bảng sẽ giảm so với đồng euro. Nếu dự đoán đúng, họ có thể bán euro để thu lợi nhuận, nhưng nếu dự đoán sai, họ sẽ bị lỗ khi bán euro đi. Những nhà đầu tư muốn đầu cơ trên thị trường ngoại hối có thể sử dụng một người môi giới ngoại hối và đưa họ một khoản tiền gửi, hay cho họ mượn tiền (hay còn gọi là vay ký quỹ) để mua tiền.

CẢNH BÁO

Thị trường ngoại hối thường giao dịch với những chênh lệch nhỏ - ví dụ như tỷ giá đô la Mỹ euro thay đổi vài xu - do đó những nhà đầu tư không chuẩn bị trước có thể đột ngột dính phải những cú sốc. Ngày 15 tháng Một năm 2015, Ngân hàng Quốc gia Thụy Sĩ (SNB) bất ngờ công bố họ sẽ không tiếp tục giữ đồng franc Thụy Sĩ ở một tỷ giá trao đổi cố định so với đồng euro. Điều này gây hoang mang trên thị trường ngoại hối; nghĩa là có thời điểm trong ngày hôm đó, đồng franc Thụy Sĩ tăng 30% so với đồng euro và 25% so với đồng đô la Mỹ.

1

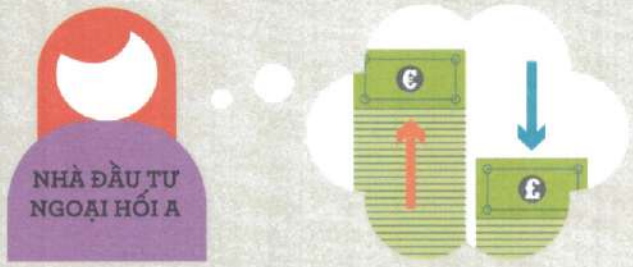

Nhà đầu tư A xem xét giá của hai đồng tiền trên thị trường ngoại hối. Tỷ giá EUR/GBP được trao đổi ở mức 0,79 bảng khi mua vào và 0,77 bảng khi bán ra.

2

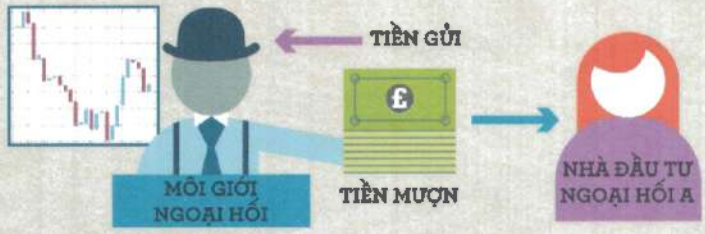

Nhà đầu tư A nghĩ đây là mức giá tốt và quyết định giao dịch, mượn 79.000 bảng để thực hiện.

3

Giao dịch ngoại tệ ở mức: mua vào 0,79 bảng/1 euro; bán ra 0,77 bảng/1 euro

Nhà đầu tư A dùng 79.000 bảng để mua 100.000 euro từ nhà đầu tư B. Họ làm điều đó thông qua một người môi giới ngoại hối, người này thu từ cả hai bên một khoản hoa hồng.

Cách thức hoạt động

Thị trường ngoại hối cung cấp một dịch vụ cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính, cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ cần mua hoặc bán loại tiền khác với loại tiền đang được dùng tại đất nước họ. Việc này có thể để đầu tư tại một nước khác, trả tiền mua các sản phẩm nhập khẩu, quy đổi doanh thu xuất khẩu hay để du lịch nước ngoài. Nó cũng là thị trường mà các loại tiền tệ được mua và bán thuần túy chỉ để thu lợi nhuận thông qua đầu cơ. Khi mua bán với lượng tiền lớn, thậm chí chỉ những dao động nhỏ về giá cũng có thể tạo lợi nhuận hay gây thua lỗ.

Thị trường ngoại hối mở cửa 24 giờ, năm ngày mỗi tuần; chính điều này khiến nó đặc biệt, vì thị trường cổ phiếu có thời gian giao dịch cố định và đóng cửa vào ban đêm.

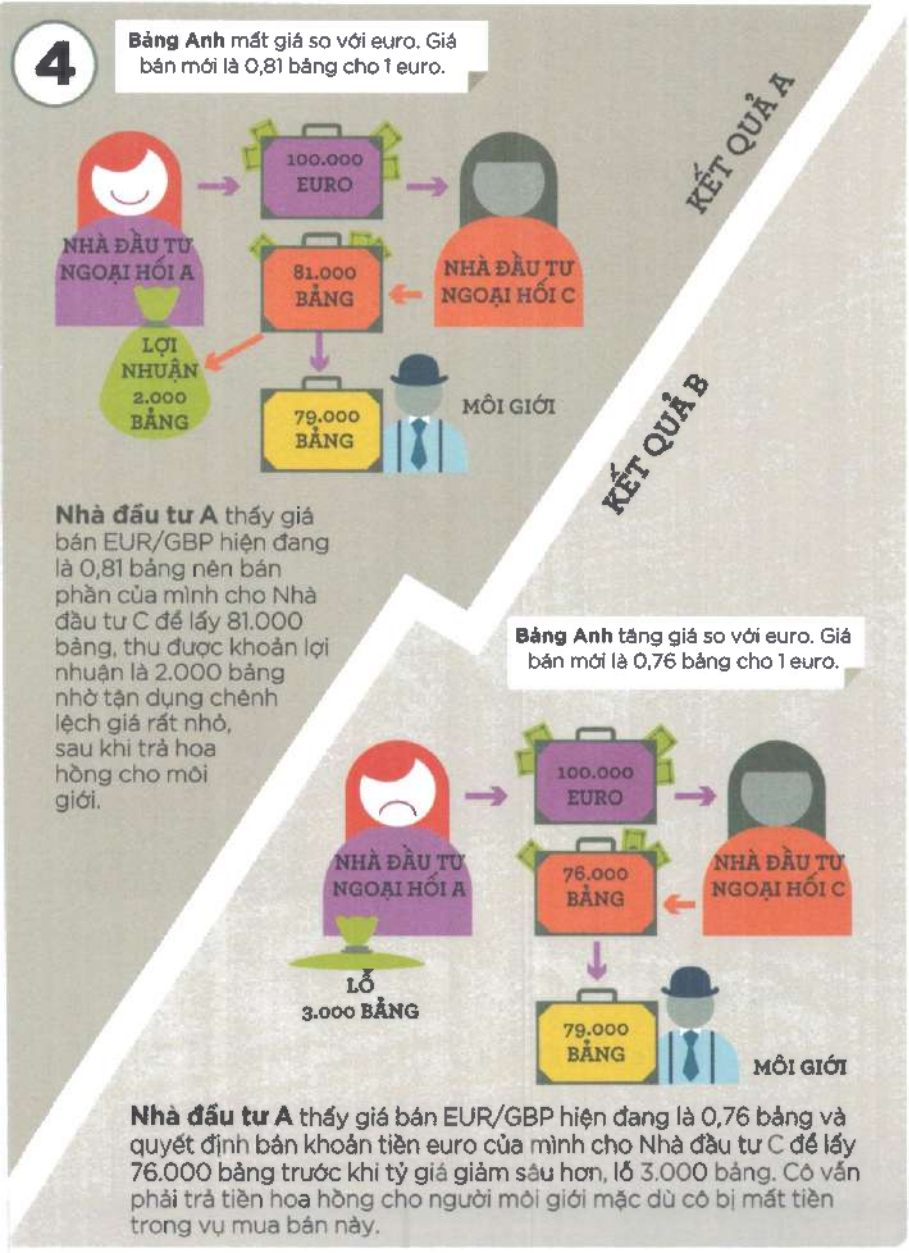

Đồng bảng Anh mất 10% giá trị so với đồng đô la Mỹ vào buổi sáng sau khi bỏ phiếu thông qua Brexit

CẦN BIẾT

- **Cặp tiền tệ** Hai ngoại tệ đang được mua bán – ví dụ như đồng đô la Mỹ và euro.
- **Chênh lệch giá** Sự khác biệt giữa giá của một trong hai loại tiền tệ khi nó được bán và giá của nó khi nó được mua; chênh lệch giá thay đổi phụ thuộc vào tính thanh khoản của thị trường và nhu cầu đối với những loại tiền đang được mua bán.
- **Đòn bẩy** Quyền chọn cho phép các cá nhân giao dịch những giá trị tiền tệ cao hơn mức tiền mặt mà họ có trong tài khoản ngoại hối của họ.
- **Dừng lỗ** Một lệnh bán đưa ra với người môi giới khi đạt đến một mức giá nhất định, để hạn chế thua lỗ cho các nhà đầu tư khi thị trường biến động trái với mong muốn của họ.
- **Yêu cầu bảo chứng** Một yêu cầu từ người môi giới ngoại hối đối với một nhà đầu tư nhằm tăng khoản tiền gửi của họ, khi giá trị đầu tư của họ rơi xuống dưới một điểm nhất định.

Thị trường sơ cấp và thứ cấp

Để có thể mua và bán cổ phiếu, cần có một thị trường để việc mua bán xảy ra. Có nhiều kiểu thị trường khác nhau phụ thuộc vào loại cổ phiếu tham gia và quy mô giao dịch.

Thị trường sơ cấp

Một công ty tư nhân có thể quyết định phát hành cổ phiếu vì họ cần tiền để mở rộng và phát triển, và họ muốn tiếp cận với một lượng lớn các nhà đầu tư tiềm năng. Công ty bán (hoặc "lưu hành") những cổ phiếu mới này ở thị trường sơ cấp trong buổi chào bán lần đầu ra công chúng (IPO). Công ty đang chuẩn bị lưu hành cổ phiếu sẽ sử dụng dịch vụ của một số ngân hàng đầu tư để đo lường và thu thập sự ủng hộ phát hành cổ phiếu từ các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trước khi định giá. Cổ phiếu sau đó được công ty bán ra cho công chúng và cho các nhà đầu tư tổ chức thông qua dịch vụ của một nhà môi giới chuyên biệt.

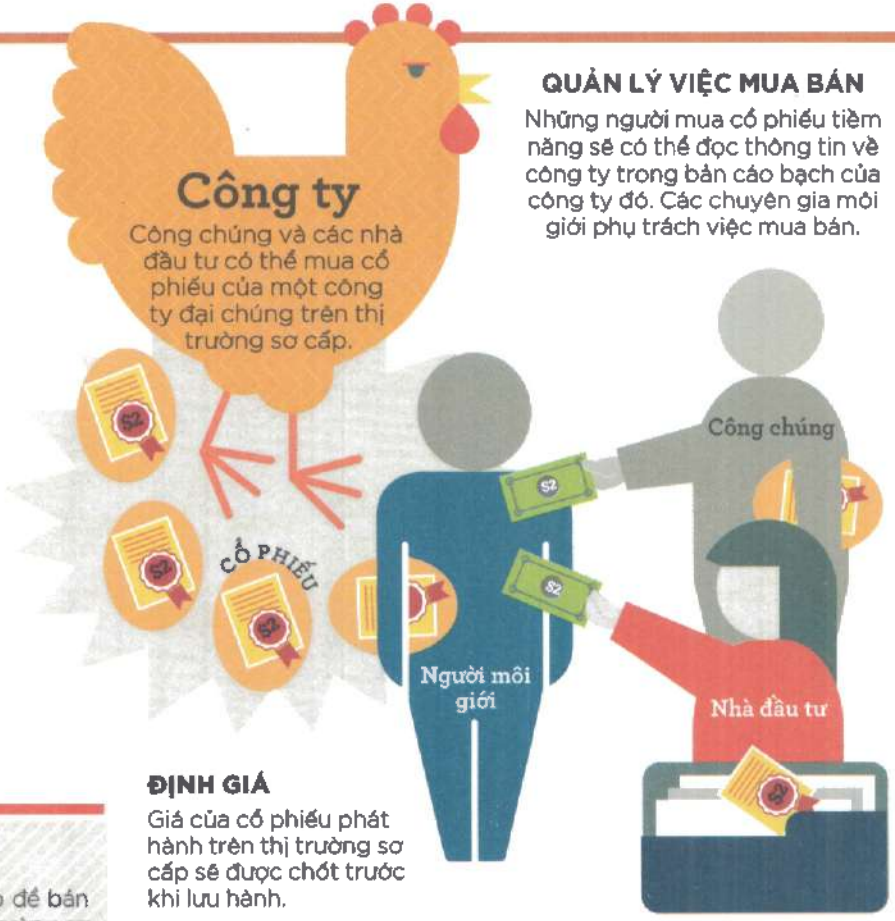

QUẢN LÝ VIỆC MUA BÁN

Những người mua cổ phiếu tiềm năng sẽ có thể đọc thông tin về công ty trong bản cáo bạch của công ty đó. Các chuyên gia môi giới phụ trách việc mua bán.

ĐỊNH GIÁ

Giá của cổ phiếu phát hành trên thị trường sơ cấp sẽ được chốt trước khi lưu hành.

! CẢNH BÁO

Phải có một thị trường thứ cấp để bán các cổ phiếu đã được mua ở thị trường sơ cấp. Nếu không ai muốn mua chúng, hoặc không có địa điểm để mua bán chúng, thị trường cho những cổ phiếu này sẽ không còn tính thanh khoản. Các vụ đầu tư lừa đảo thường liên quan đến những nhà đầu tư bị bán cho những cổ phiếu không thể bán trong thị trường thứ cấp vì chúng không được lên sàn hoặc không có giá trị nội tại hoặc tiềm năng. Một cổ phiếu chỉ có thể mua bán được khi những nhà đầu tư khác muốn mua hoặc bán nó.

25 tỷ đô la

là lượng tiền thu được từ lần phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Alibaba Group, lớn nhất trong lịch sử

Cách thức hoạt động

Thị trường sơ cấp là nơi những cổ phiếu mới được tạo ra và phát hành lần đầu trong khi thị trường thứ cấp là nơi những cổ phiếu đã phát hành được mua bán giữa các nhà đầu tư. Khi một công ty chuẩn bị phát hành trên thị trường sơ cấp, các ngân hàng đầu tư sẽ đặt ra một mức giá chào bán cho các cổ phiếu này. Họ cũng có thể cam kết tài trợ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO) và đảm bảo sẽ thu mua những cổ phiếu chưa được bán. Giá công bố là cố định, nhưng cổ phiếu có thể được bán lại ở một mức giá khác trên sàn giao dịch (thị trường thứ cấp) từ ngày đầu tiên phát hành.

Giá cổ phiếu

Giá không cố định mà thay đổi tùy theo sự thịnh vượng của công ty, cung và cầu đối với cổ phiếu và các tin tức tài chính, kinh tế.

Thị trường thứ cấp

Khi các nhà đầu tư nói về các cổ phiếu đang được mua bán, họ thường nói về các giao dịch diễn ra trên thị trường thứ cấp. Đây là nơi các cổ phiếu được mua bán giữa các nhà đầu tư. Việc mua bán này được các nhà môi giới hay giao dịch viên, những người hưởng hoa hồng trên những lần giao dịch, hỗ trợ. Những người môi giới có thể kiếm được lợi nhuận trên chênh lệch giá giữa mức mà họ mua vào và mức họ bán ra những cổ phiếu đó. Những người môi giới này được gọi là "người tạo lập thị trường" và duy trì tính thanh khoản bằng cách đưa ra những giá mua và bán mà họ sẽ chấp nhận giao dịch. Thị trường thứ cấp bao gồm Sàn giao dịch chứng khoán London, Nasdaq, Sàn giao dịch chứng khoán New York và các sàn giao dịch chứng khoán khác tại các nước trên khắp thế giới.

THỊ TRƯỜNG CẤP BA VÀ CẤP BỐN

Các nhà đầu tư tổ chức, như quỹ hưu trí hoặc quỹ phòng hộ, có xu hướng giao dịch cổ phiếu và cổ phần với số lượng lớn. Các thị trường cấp ba và cấp bốn phục vụ những giao dịch khối lượng lớn hơn này. Thị trường cấp ba vận hành giữa các nhà đầu tư lớn và các môi giới-giao dịch viên. Thị trường cấp bốn phục vụ cho việc mua bán giữa những nhà đầu tư lớn với nhau. Chi phí của những giao dịch có xu hướng thấp hơn so với thị trường sơ cấp và thứ cấp, do không có hoa hồng trả cho môi giới. Mặc dù cổ phiếu và cổ phần có thể được lên sàn tại các sàn giao dịch lớn, nhưng các giao dịch diễn ra trong những thị trường này không kết nối với nhau và những giao dịch lớn có thể được thực hiện ẩn danh.

Dự đoán những thay đổi của thị trường

Khả năng dự đoán được điều gì có thể xảy ra trong thị trường chứng khoán là cực kỳ hữu ích đối với những nhà đầu tư đang tìm kiếm lợi nhuận từ việc mua các tài sản tài chính.

Cách thức hoạt động

Các nhà đầu tư sử dụng các phân tích để cố gắng hiểu một công ty, một cổ phiếu hay thị trường chứng khoán có thể đang đi về đâu. Họ muốn xác định xem có khả năng tăng giá trị không hoặc liệu có những yếu tố báo hiệu một đợt giảm giá sắp đến hay chu kỳ lao dốc không. Các nhà đầu tư cũng cần biết cách các thị trường và các nền kinh tế đang vận hành, và cách vận hành đó có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động của các ngành khác hay công ty khác ra sao trước khi quyết định mua cổ phiếu của các công ty mà họ nghĩ là đang làm ăn tốt với hy vọng sẽ đạt được sự tăng trưởng vốn.

Tuy nhiên, các phương pháp dự đoán vẫn còn xa mới cho ra được một kết quả rõ ràng, và không có bằng chứng đáng tin cậy về mặt thống kê nào cho thấy những dự đoán chính xác được dựa trên điều gì khác ngoài vận may.

Dự đoán thị trường chứng khoán

Những người giao dịch cố gắng sử dụng các phân tích thị trường chính xác để dẫn dắt những quyết định của mình. Về lý thuyết, phân tích có thể chỉ ra khi nào nên mua hoặc bán cổ phiếu, nhận diện những vùng có khả năng sinh lợi để đầu tư và cảnh báo những nguy cơ thua lỗ.

Những nhà giao dịch chuyên nghiệp đã phát triển nhiều phương pháp khác nhau để đánh giá chiều hướng, cổ phiếu hay chỉ số tương lai của một công ty. Hai phương pháp thường được sử dụng là phân tích kỹ thuật và phân tích cơ bản.

Phân tích kỹ thuật

Phân tích kỹ thuật bao gồm việc kiểm tra dữ liệu giá cả và khối lượng giao dịch nhằm cố gắng dự đoán những biến động của cổ phiếu, chỉ số hay những công cụ tài chính khác. Phương pháp này nhằm mục đích xác định các mô hình có thể cho biết những cách thức vận hành trong tương lai. Các nhà đầu tư sử dụng nó để giúp họ xác định xu hướng của một cổ phiếu và chuẩn bị sẵn sàng phản ứng trước những tín hiệu của thị trường cho thấy liệu cổ phiếu đó đang tăng giá hay giảm giá trị.

DỮ LIỆU GIÁ CẢ TOÀN CẦU

Vì thị trường cổ phiếu, trái phiếu và tiền tệ trên khắp thế giới liên hệ mật thiết với nhau nên các nhà đầu tư tìm kiếm tín hiệu từ châu Á để xác định hướng đi của các thị trường tại châu Âu và Mỹ.

DỰ BÁO KỸ THUẬT

Thay vì nhìn vào dữ liệu tài chính chi tiết của một công ty để xác định giá trị của nó, các nhà đầu tư dùng biểu đồ giá để giúp dự đoán biến động.

KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH

Các nhà đầu tư dùng khối lượng giao dịch cùng như dữ liệu giá để giúp dự đoán biến động của cổ phiếu, chỉ số hay các công cụ tài chính khác.

PHÂN TÍCH DỮ LIỆU TOÀN CẦU

Các thị trường tại châu Á mở cửa trước các thị trường ở châu Âu và Mỹ tới 8 giờ do chênh lệch múi giờ. Vì các thị trường chứng khoán, trái phiếu và tiền tệ trên khắp thế giới có liên hệ mật thiết với nhau nên những gì xảy ra ở thị trường châu Á có thể tác động đến các thị trường ở khu vực đồng euro, Anh hoặc Mỹ, và ảnh hưởng đến giá mở cửa khi những thị trường này bắt đầu giao dịch nửa ngày sau đó. Vì lý do này, các nhà đầu tư thường tìm kiếm tín hiệu từ châu Á để xác định hướng đi có thể xảy ra với các thị trường khác.

CẦN BIẾT

- **Đầu tư bảo đảm** Một chiến lược trong đó các nhà đầu tư mua cổ phiếu mà họ nghĩ có khả năng tăng giá trong khi bán những cổ phiếu họ nghĩ sẽ hạ giá để duy trì trạng thái điều hòa theo thị trường.
- **Phân tích kỹ thuật** Nghiên cứu hướng đến việc xác định được những mô hình giúp cho thấy một cổ phiếu đang có xu hướng tăng giá hoặc giảm giá.
- **Phân tích cơ bản** Đánh giá doanh thu, chi phí, nợ, biên lợi nhuận và việc quản lý.

Kinh doanh chênh lệch giá

Khi có sự khác biệt về giá giữa hai tài sản tương tự nhau đang được mua bán trên các thị trường chứng khoán khác nhau trên khắp thế giới, các nhà đầu tư có thể tìm cách tận dụng sự khác biệt này để kiếm lợi nhuận. Thủ thuật này được gọi là kinh doanh chênh lệch giá (hay còn gọi là nghiệp vụ ác-bit).

Giao dịch xuyên Đại Tây Dương

Khi một công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán ở cả Anh và Mỹ, việc kinh doanh chênh lệch giá có thể xảy ra. Ví dụ, nếu một người có thể mua cổ phiếu của Công ty A trên thị trường chứng khoán Mỹ với giá 2,99 đô la mỗi cổ phiếu và bán chúng trên thị trường Anh với giá 2,30 bảng mỗi cổ phiếu – tương đương với 3,013 đô la Mỹ – người giao dịch sẽ kiếm được lợi nhuận là 0,023 đô la Mỹ trên mỗi cổ phiếu. Trong thực tế, kinh doanh chênh lệch giá được thực hiện bằng cách tận dụng những chênh lệch rất nhỏ về giá như trên với khối lượng giao dịch lớn, sử dụng các chương trình máy tính để mua bán gần như ngay lập tức. Những giao dịch này diễn ra nhanh đến mức những khoản lợi nhuận lớn nhất được tạo ra bởi những tổ chức có máy tính nhanh nhất.

CÁC NHÀ GIAO DỊCH TẦN SUẤT CAO (HFT)

Sức mạnh máy tính cho phép HFT tìm kiếm khắp các thị trường để tận dụng những bất thường nhỏ nhất. Một chương trình máy tính đánh giá và tiến hành một lượng giao dịch lớn với tốc độ cao – nhanh hơn bất cứ người nào. Người ta có thể kiếm được rất nhiều tiền từ những chênh lệch giá rất nhỏ bằng cách này.

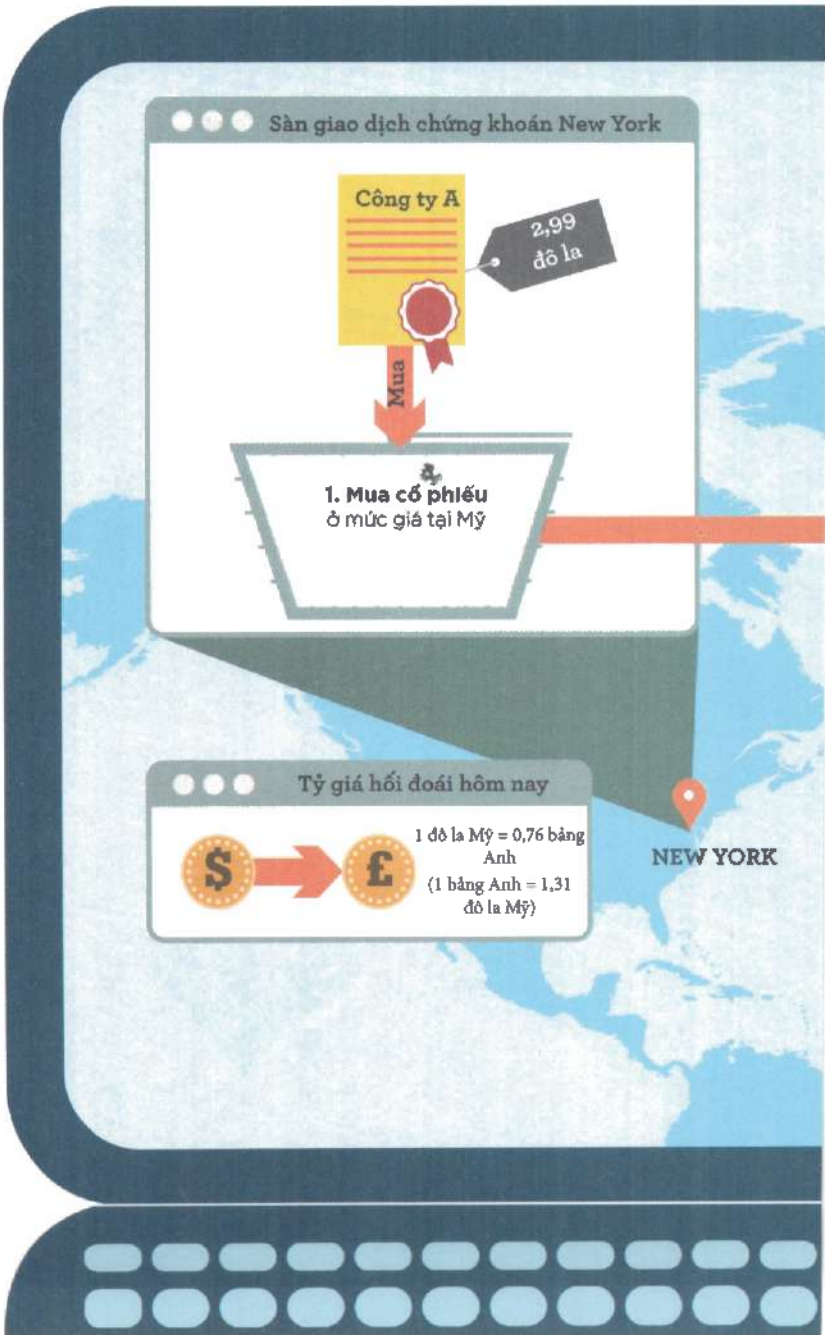

Cách thức hoạt động

Kinh doanh chênh lệch giá là thủ thuật mua một tài sản có thể giao dịch được tại một thị trường và gần như ngay lập tức bán nó với mức giá cao hơn ở một thị trường khác. Ngược lại, nó cũng là thủ thuật bán một tài sản ở thị trường này và mua nó với giá rẻ hơn ở thị trường kia. Kinh doanh chênh lệch giá, như đang được thực hiện tại các thị trường cổ phiếu và trái phiếu, chỉ có thể diễn ra nhờ sức mạnh điện toán hiện nay; do đó, những giao dịch với khối lượng lớn có thể tranh thủ những chênh lệch giá rất nhỏ chỉ trong vài mili giây.

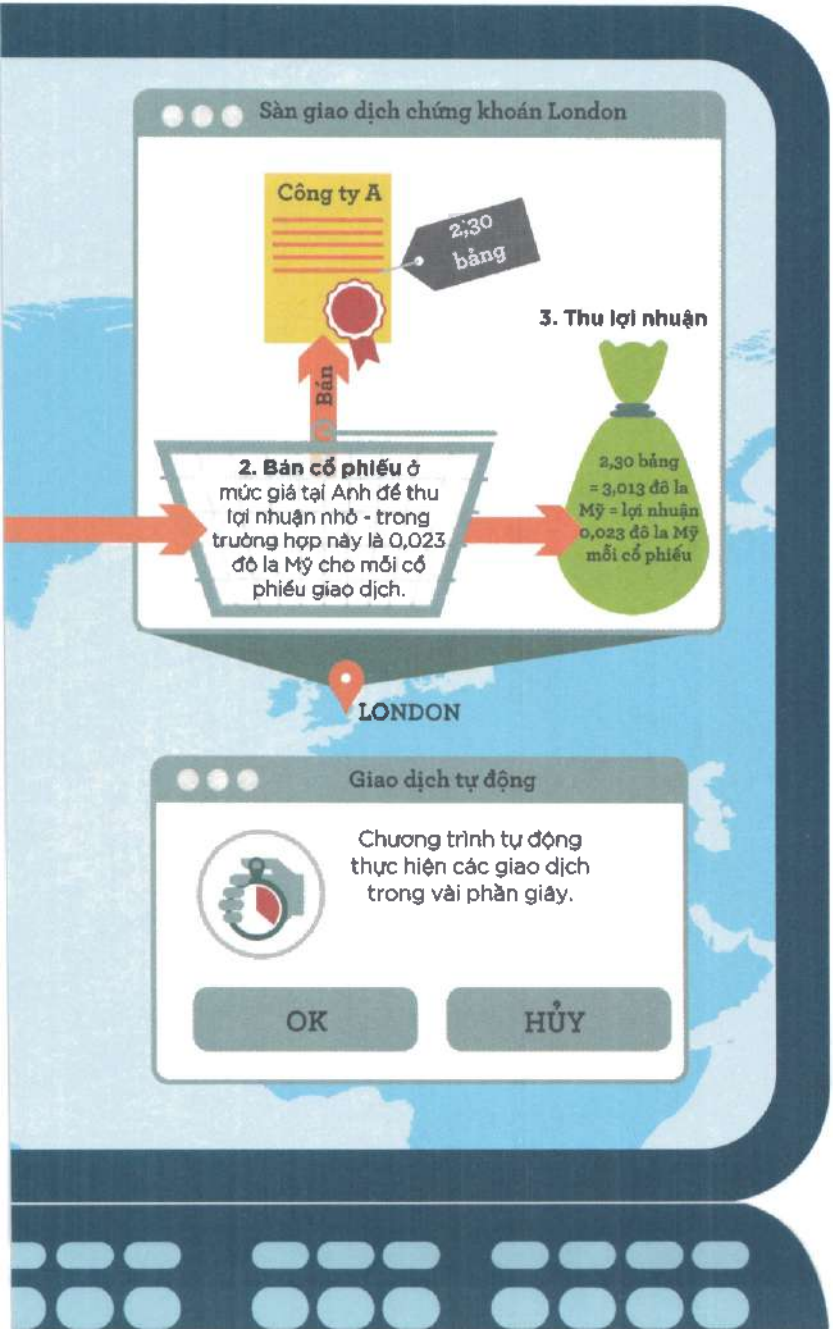

KHI KINH DOANH CHÊNH LỆCH GIÁ THẤT BẠI

Năm 1998, quỹ phòng hộ Long-Term Capital Management (LTCM) mất 4,6 tỷ đô la Mỹ do những giao dịch chênh lệch giá trái phiếu thất bại.

Chênh lệch giá giữa các trái phiếu đang được giao dịch là tương đối nhỏ nên để có được lợi nhuận, LTCM đã thực hiện những khối lượng giao dịch lớn. Những giao dịch này cũng có đòn bẩy tài chính rất cao – LTCM đã mượn hàng tỷ đô la từ các công ty tài chính khác.

Đòn bẩy tài chính cao này kết hợp với cuộc khủng hoảng tài chính tại Nga năm 1998 đã khiến các nhà đầu tư thu hồi các khoản vay và chuyển vốn vào những món đầu tư ít rủi ro hơn. LTCM đã chống đỡ được những thua lỗ khổng lồ và đứng trước nguy cơ vỡ nợ do các khoản vay. Chính phủ Mỹ đã phải can thiệp để ngăn chặn sự sụp đổ của các thị trường vay nợ và phá hủy nền kinh tế toàn cầu.

Ở giai đoạn đỉnh cao năm 2009,

60%

giao dịch cổ phiếu tại Mỹ được coi là giao dịch tần suất cao

Thao túng thị trường chứng khoán

Việc thao túng thị trường chứng khoán có thể diễn ra dưới nhiều hình thức – như điều chỉnh giá cao lên hoặc thấp xuống – với mục đích can thiệp vào thị trường để thu lợi cá nhân.

Cách thức hoạt động

Một nhà giao dịch có thể thao túng thị trường bằng cách tiến hành một loạt lệnh đặt bán nhỏ để cố gắng kéo giá của một cổ phiếu xuống. Điều này có thể làm cho các cổ đông khác hoảng loạn và bán cổ phiếu của mình đi, khiến giá cổ phiếu thậm chí còn giảm sâu hơn.

Ngược lại, một số lượng lớn lệnh mua nhỏ có thể đẩy giá một cổ phiếu lên cao để thuyết phục những nhà giao dịch khác rằng tin tốt sẽ sớm được công bố. Thao túng thị trường là trái đạo đức nhưng không phải lúc nào cũng phạm pháp.

Đẩy giá cổ phiếu xuống

- **Bán lớn** Nếu một nhà đầu tư lớn bán toàn bộ cổ phiếu của mình, giá của cổ phiếu có thể giảm vì nguồn cung tăng. Vấn nhà đầu tư đó sau đấy có thể mua lại cổ phiếu ở mức giá thấp hơn, thu lợi nhuận từ việc bán ban đầu.
- **Bán khống** Các nhà giao dịch mượn các cổ phiếu để bán ở mức giá cao rồi thao túng để giá giảm xuống giúp họ có thể mua lại cổ phiếu với mức giá thấp hơn rồi trả lại cho người sở hữu gốc.
- **Tin xấu** Nếu một công ty công bố một dự báo xấu về lợi nhuận, hay một báo cáo tiêu cực, cổ phiếu có thể bị giảm giá.

CẢNH BÁO

Các nhà đầu tư thường thích nói đến những cổ phiếu mà họ sở hữu hay nghĩ đến việc mua với những cá nhân có suy nghĩ tương đồng trên các diễn đàn thông tin và đầu tư. Trong khi đây có thể là những nguồn ý tưởng đầu tư có giá trị, chúng cũng được những kẻ giao dịch vô đạo đức sử dụng để đăng thông tin tiêu cực hoặc tích cực nhằm thổi phồng hoặc hạ thấp giá cả.

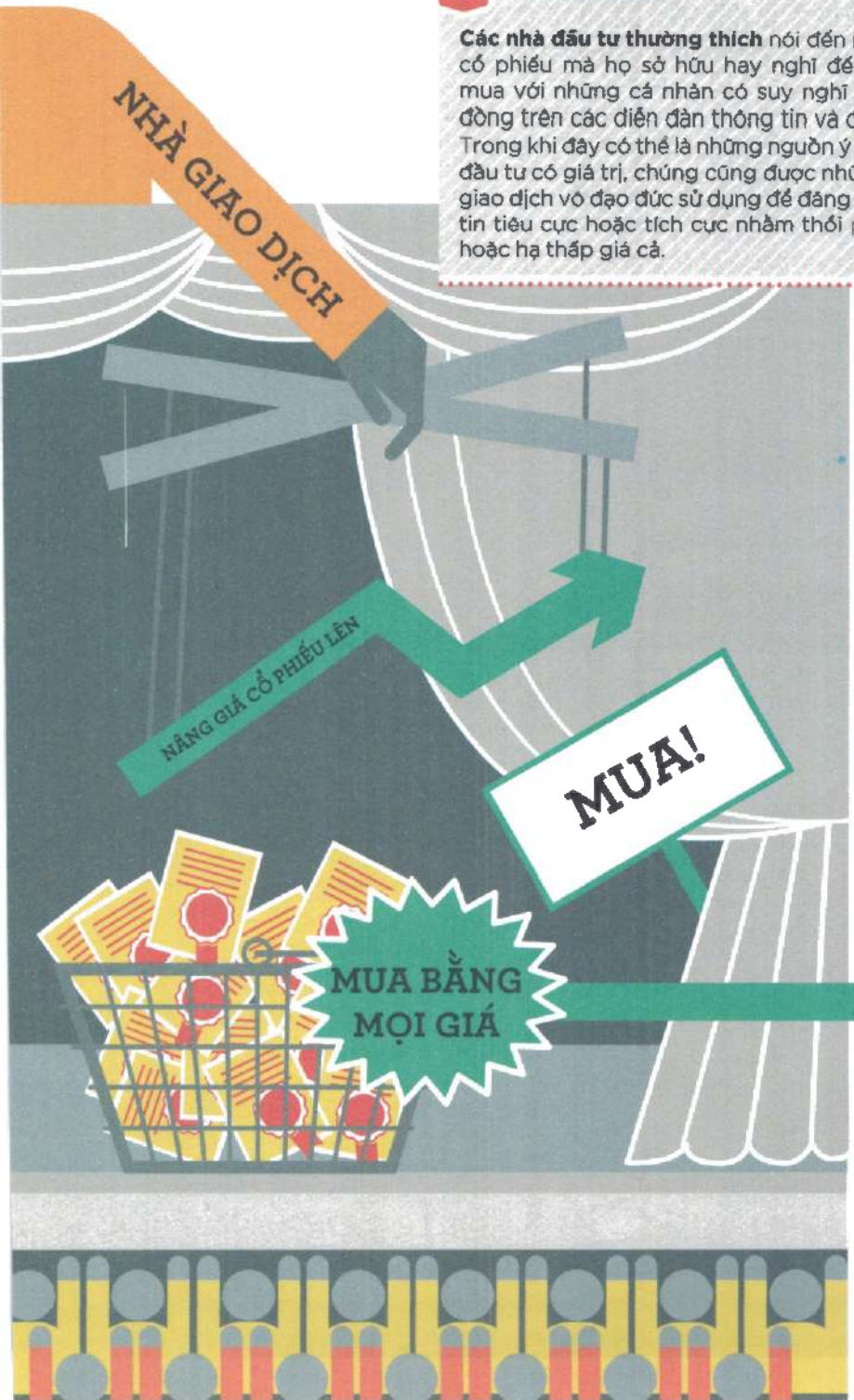

VỤ BÊ BỐI LIBOR

Việc thao túng cũng có thể ảnh hưởng tới những lĩnh vực khác của thị trường. Một ví dụ gần đây là vụ bê bối thao túng Libor. Libor là một hệ thống xếp hạng chuẩn mà các ngân hàng tính phí lẫn nhau đối với những khoản vay ngắn hạn và được coi là một biện pháp tín thác quan trọng giữa các ngân hàng toàn cầu lớn. Vụ bê bối liên quan đến việc những nhà giao dịch tại 10 công ty mà Văn phòng Gian lận Nghiêm trọng của Anh (UK's Serious Fraud Office) cho là đã kết hợp với nhau để thao túng bảng xếp hạng Libor từ năm 2006 đến 2010 khiến chỉ số này ở mức thấp giả tạo.

Nâng giá cổ phiếu lên

- **Tính thanh khoản của cổ phiếu** Với những cổ phiếu có tính thanh khoản thấp hơn, một số lượng tương đối nhỏ lệnh đặt mua cũng có thể nâng giá cổ phiếu lên. Điều này khiến việc phóng đại biến động giá thông qua những giao dịch mang tính chất sắp đặt như "bơm và rút" (một người giao dịch khuyến khích các nhà đầu tư mua cổ phiếu, nâng giá cổ phiếu lên để sau đó người này có thể bán cổ phiếu của chính họ với giá cao) trở nên dễ dàng hơn.
- **Tin tốt** Đăng những thông tin tích cực về một công ty hay cổ phiếu trên một bản tin hay một phòng chat của các nhà đầu tư có thể khuyến khích các nhà đầu tư khác mua cổ phiếu.

Giao dịch trong ngày

Giao dịch trong ngày tức là mua và bán cổ phiếu, tiền tệ hay các công cụ tài chính khác trong vòng một ngày. Mục đích là để kiếm lời từ những dao động giá nhỏ – đôi khi những người giao dịch giữ cổ phiếu chỉ trong vài phút.

Cách nó diễn ra

Thông thường, các nhà đầu tư mua hoặc bán một cổ phiếu dựa trên phân tích xu hướng kinh tế hay thị trường của mình, nghiên cứu các công ty cụ thể hay như một phần của chiến lược hưởng lợi từ cổ tức định kỳ mà các công ty phát hành. Không giống những nhà đầu tư đó, những người giao dịch trong ngày tìm kiếm những biến động giá nhỏ mà họ có thể tận dụng để kiếm lời nhanh. Họ có thể giữ cổ phiếu chỉ trong giây lát, mua ở một giá và bán khi giá tăng thêm vài xu, có thể chỉ vài phút sau đó.

Những người giao dịch trong ngày kiếm lời bằng cách mua bán lượng cổ phiếu lớn trong một giao dịch, hoặc tạo nhiều giao dịch trong một ngày. Họ mua (hoặc bán) cổ phiếu rồi sau đó bán (hoặc mua) lại chúng trước khi đến hạn chi trả và thường "khóa sổ" tất cả các giao dịch (bán cổ phiếu họ đã mua hoặc ngược lại) vào cuối ngày để bảo vệ bản thân khỏi những biến động ngoài giờ trên thị trường. Điều này khác với đầu tư dài hạn, khi mà tài sản được giữ trong những khoảng thời gian dài hơn để tạo tăng trưởng vốn hoặc thu nhập.

Cổ phiếu lưu động

Những người giao dịch trong ngày thích các cổ phiếu lưu động – dễ mua và bán ở thị trường thứ cấp.

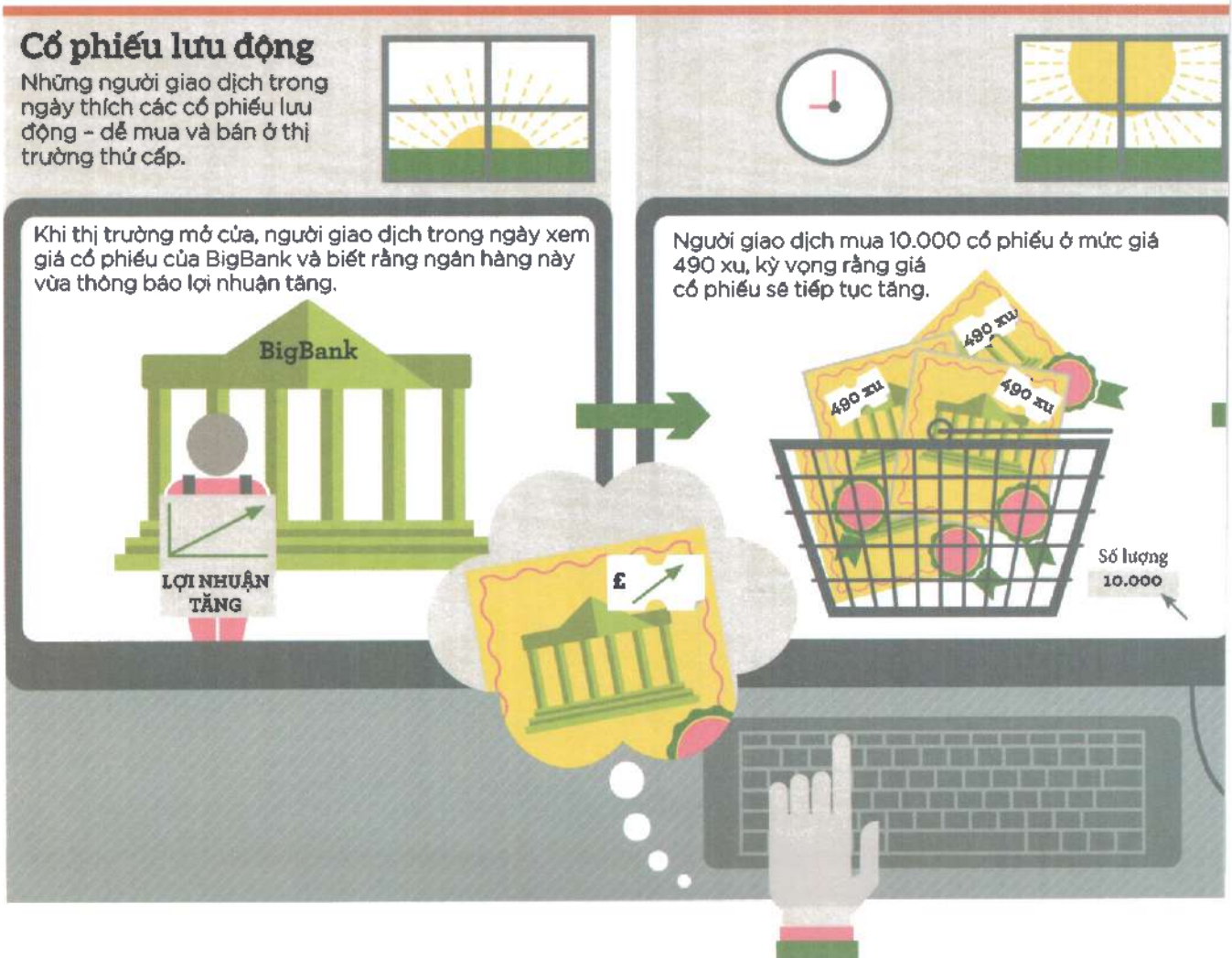

CẢNH BÁO

- **Rủi ro cao** Thông thường, những người giao dịch trong ngày gánh chịu thua lỗ nghiêm trọng trong những tháng giao dịch đầu tiên và nhiều người không bao giờ đạt đến thế kiếm lời.
- **Căng thẳng** Những người giao dịch trong ngày phải không ngừng theo dõi thị trường trong suốt một ngày, tập trung vào vô số chỉ số biến động với hy vọng nhận ra các xu hướng thị trường.
- **Chi phí** Những người giao dịch trong ngày chi những khoản rất lớn vào chi phí hoa hồng, đào tạo và máy vi tính.

CẦN BIẾT

- **Lướt sóng** Một chiến lược mà trong đó các nhà giao dịch giữ cổ phiếu hay tài sản của mình (được biết là "thế" của họ) chỉ trong vài phút hay thậm chí vài giây.
- **Giao dịch ký quỹ** Một phương thức mua cổ phiếu, liên quan đến việc người giao dịch trong ngày mượn một phần tiền cần thiết từ môi giới đang tiến hành giao dịch.
- **Chênh lệch mua vào-bán ra** Sự khác nhau giữa giá cổ phiếu được bán và giá nó được mua.
- **Dữ liệu thị trường** Thông tin giao dịch hiện tại về mỗi thị trường giao dịch trong ngày. Thay vì sử dụng dữ liệu thị trường sẵn có không mất phí nhưng có thể trễ so với thực tế tới một giờ, những người giao dịch trong ngày trả một khoản phí để được tiếp cận dữ liệu thời gian thực. Những người giao dịch trong ngày phải có khả năng mua bán dựa trên những thông tin hoặc thông báo một cách nhanh chóng, do đó họ lúc nào cũng phải theo dõi thị trường và luôn ở gần màn hình giao dịch.

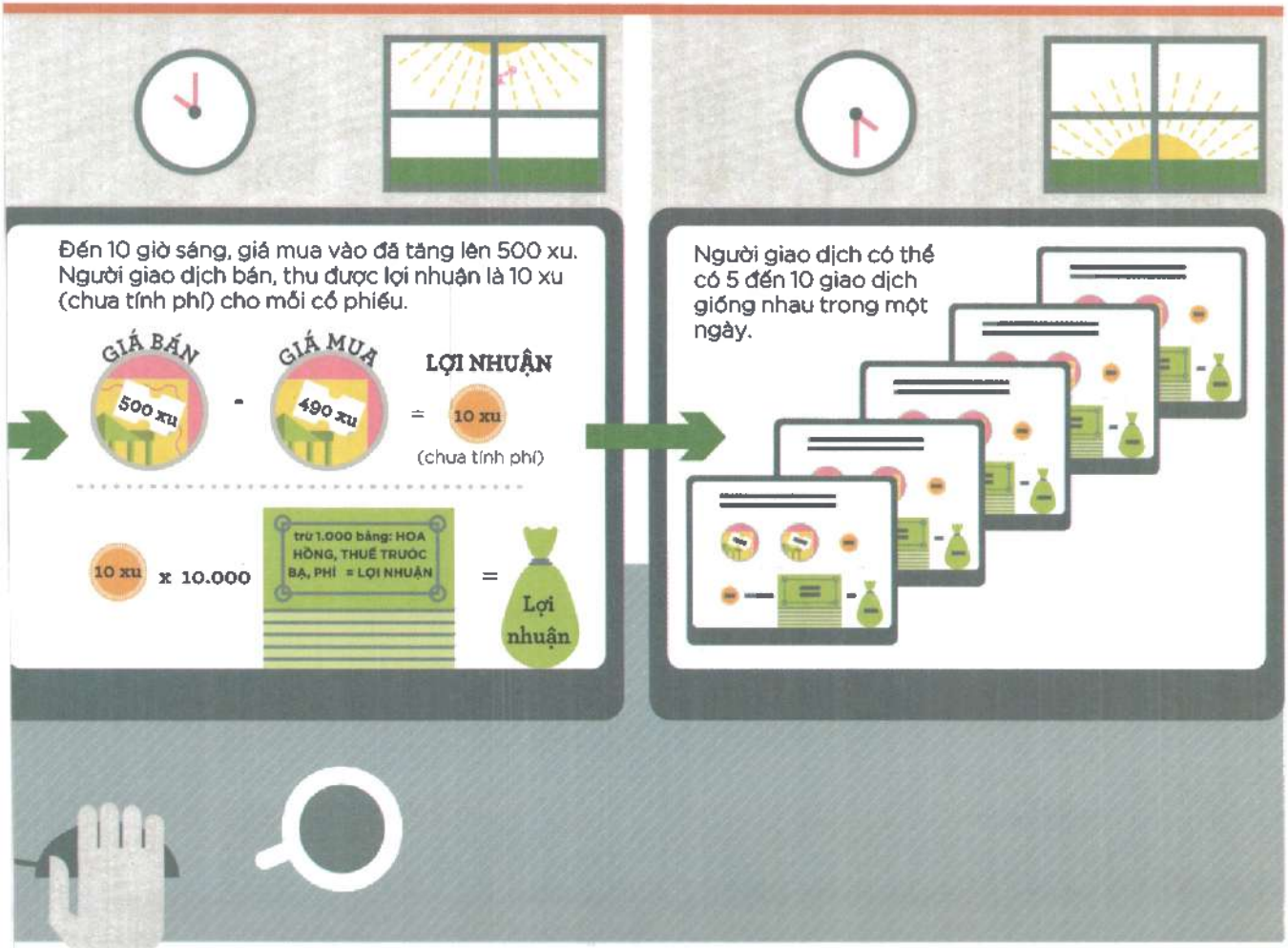

Các định chế tài chính

Trên khắp toàn cầu, tiền luân chuyển giữa các ngân hàng, doanh nghiệp, chính phủ, tổ chức và cá nhân, qua các múi giờ, lục địa và văn hóa. Ở trung tâm của các hệ thống tài chính toàn cầu là các ngân hàng, quỹ phòng hộ, quỹ hưu trí và các công ty bảo hiểm giữ và đầu tư tiền của thế giới. Không có tính thanh khoản mà các ngân hàng mang lại, các tổ chức và cá nhân sẽ thấy việc mượn hoặc tiết kiệm tiền, đầu tư vào những doanh nghiệp đang hoạt động hay bắt đầu những công ty mới rất khó khăn.

Dịch vụ và phí

Các định chế tài chính kiếm tiền chủ yếu bằng cách cho vay tiền với mức lãi suất cao hơn mức mà họ trả cho những người cho họ vay tiền. Họ cũng kiếm tiền bằng cách đầu tư số tiền mà khách hàng tin tưởng trao cho họ, mua và bán các tài sản cho khách hàng và thu phí dịch vụ này. Họ mất tiền khi các khoản nợ không được hoàn trả, hay chỉ hoàn trả một phần, hoặc trong trường hợp có các quyết định đầu tư sai lầm.

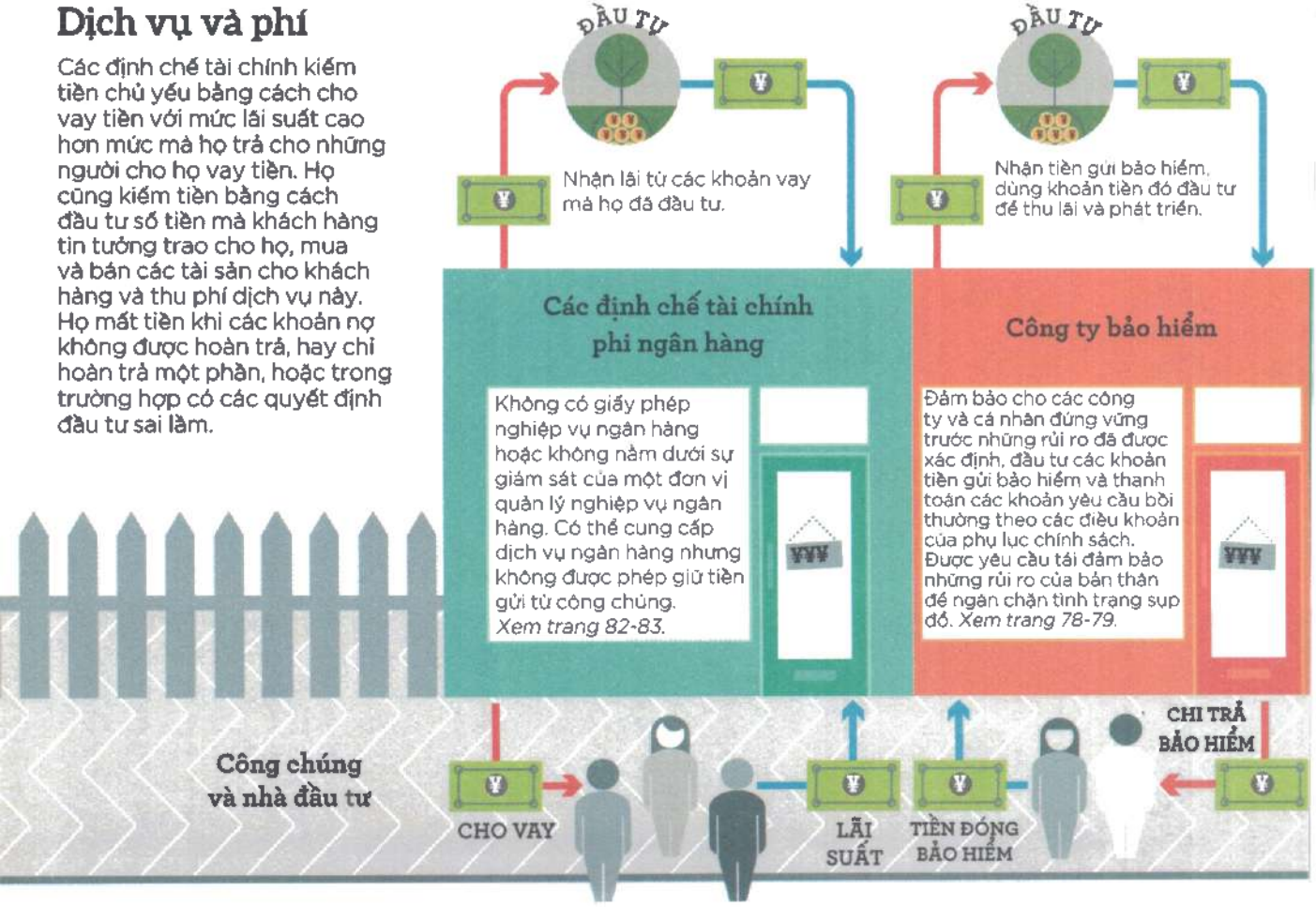

NHỮNG ĐỊNH CHẾ CÓ QUAN HỆ CHẶT CHẼ

Các thị trường trên toàn cầu đều có quan hệ với nhau và phụ thuộc vào nhau. Một cú sốc ở thị trường này có thể có tác động tiêu cực tới thị trường kia.

- **Khi Hy Lạp thương lượng lại** các khoản nợ của mình, các thị trường tài chính ở châu Âu đã bị ảnh hưởng tiêu cực, đặc biệt khi có vẻ như Hy Lạp sẽ rời khỏi khu vực dùng đồng euro.
- **Mối lo sợ rằng nền kinh tế Trung Quốc** đang phát triển chậm lại đã làm tăng thêm nỗi lo lắng về sự phát triển thị trường toàn cầu.
- **Tình trạng thiếu rõ ràng sau cuộc bỏ phiếu Brexit** năm 2016 dẫn tới một cú lao dốc ngoạn mục của giá trị đồng bảng Anh.

639 tỷ đô la Mỹ

là giá trị của ngân hàng đầu tư Lehman Brothers khi nộp hồ sơ xin phá sản vào năm 2008

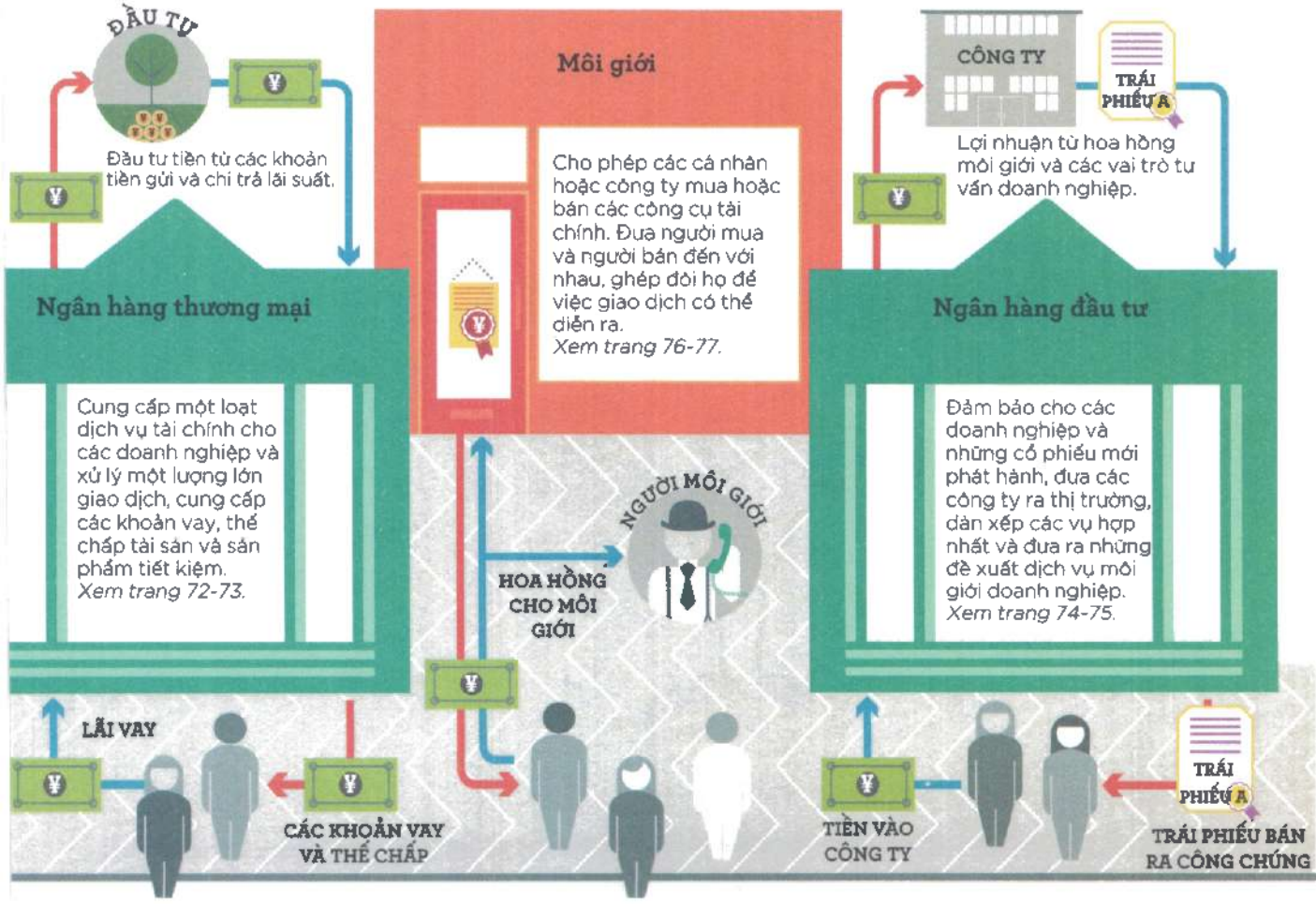

Các ngân hàng thương mại và thế chấp

Các ngân hàng kiếm tiền bằng cách cung cấp các khoản vay và thu lãi suất. Họ cũng trả tiền lãi – ở mức thấp hơn – cho những khoản tiền gửi mà họ đang giữ hộ người gửi tiết kiệm. Để duy trì khả năng thanh khoản, các ngân hàng cần giữ được sự cân bằng giữa các khoản vay và khoản trả lãi.

Chúng hoạt động như thế nào

Các ngân hàng cần liên tục kiếm tiền để trang trải chi phí và phí tổn, duy trì hoặc tăng thị phần, tạo lợi nhuận và thanh toán cổ tức định kỳ cho các cổ đông.

Các ngân hàng thương mại cung cấp các khoản vay cho các cá nhân và bán các sản phẩm cho khách hàng như khoản vay, tài khoản tiết kiệm, thẻ tín dụng, thấu chi và thế chấp cho những người mua nhà tiềm năng.

Các ngân hàng thương mại tư vấn và cho vay tiền đối với các doanh nghiệp, các khách hàng bán lẻ hoặc kinh doanh nhỏ, các công ty khởi nghiệp cần vốn để phát triển và những doanh nghiệp lớn cần những khoản tiền khổng lồ cho các dự án lớn.

Ngân hàng có thể thay đổi tỷ giá đề xuất cho khách hàng để thúc đẩy nhu cầu đối với sản phẩm của họ. Họ làm điều này vì mức lãi suất của ngân hàng trung ương tăng hoặc giảm, hoặc vì họ muốn hạ gục đối thủ và tăng thị phần của mình. Ví dụ, để thu hút khách hàng, một ngân hàng có thể đưa ra một gói vay thế chấp ở mức lãi suất thấp hơn mức đang được các đối thủ áp dụng.

Cân bằng tốt

Kinh doanh dịch vụ ngân hàng luôn trong trạng thái biến động nhưng các ngân hàng phải tự bảo vệ bản thân trước khả năng tiền của người gửi đột ngột chảy ra ngoài với số lượng lớn. Nếu điều này xảy ra, nó có thể dẫn tới một sự đột biến rút tiền gửi, chính là nguyên nhân khiến ngân hàng sụp đổ. Để đề phòng hệ quả này, các ngân hàng giữ một lượng vốn dự trữ lớn và đề xuất những mức lãi suất cạnh tranh trong các tài khoản thông báo. Thông thường trong khoảng 30 và 180 ngày, phải đưa ra thông báo trước khi tiền có thể được rút khỏi những tài khoản như vậy.

CÁC MỨC LÃI SUẤT CÓ LỜI

Các ngân hàng liên tục điều chỉnh mức lãi suất đối với các khoản vay và lãi suất họ trả cho các tài khoản tiết kiệm và tài khoản hiện hành, tùy thuộc vào các yếu tố thị trường và mục tiêu kinh doanh của họ. Để sinh lời, ngân hàng cần áp mức lãi suất lên số tiền họ cho vay cao hơn mức mà họ trả cho các tài khoản tiết kiệm và tiền gửi. Trong ví dụ bên phải, ngân hàng trả cho người gửi tiết kiệm và chủ tài khoản tiền gửi 2% trên số tiền họ đang giữ. Cùng lúc đó, họ tính phí những người vay thế chấp 5%, cho phép họ đạt được biên lợi nhuận là 3%.

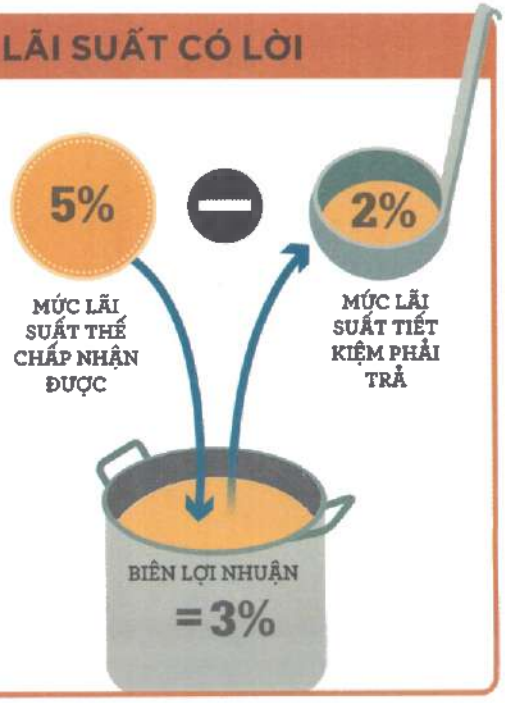

10%

là mức dự trữ vốn mà các ngân hàng lớn nhất của Mỹ phải có

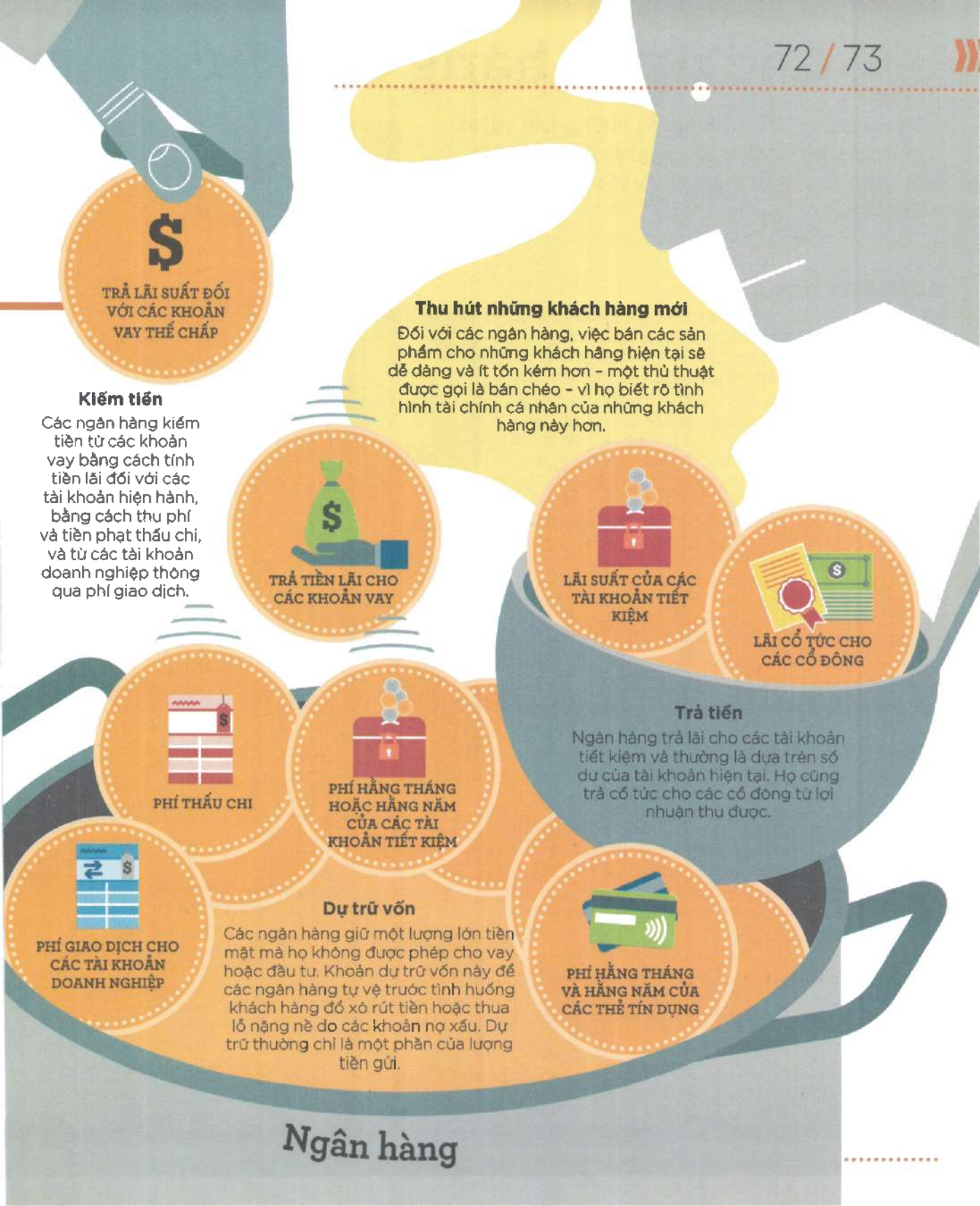
TRẢ LÃI SUẤT ĐỐI VỚI CÁC KHOẢN VAY THẾ CHẤP
Thu hút những khách hàng mới
Đối với các ngân hàng, việc bán các sản phẩm cho những khách hàng hiện tại sẽ dễ dàng và ít tốn kém hơn – một thủ thuật được gọi là bán chéo – vì họ biết rõ tình hình tài chính cá nhân của những khách hàng này hơn.
Kiếm tiền
Các ngân hàng kiếm tiền từ các khoản vay bằng cách tính tiền lãi đối với các tài khoản hiện hành, bằng cách thu phí và tiền phạt thấu chi, và từ các tài khoản doanh nghiệp thông qua phí giao dịch.
TRẢ TIỀN LÃI CHO CÁC KHOẢN VAY
LÃI SUẤT CỦA CÁC TÀI KHOẢN TIẾT KIỆM
LÃI CỔ TỨC CHO CÁC CỔ ĐÔNG
Trả tiền
Ngân hàng trả lãi cho các tài khoản tiết kiệm và thường là dựa trên số dư của tài khoản hiện tại. Họ cũng trả cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận thu được.
PHÍ THẤU CHI
PHÍ HẰNG THÁNG HOẶC HẰNG NĂM CỦA CÁC TÀI KHOẢN TIẾT KIỆM
PHÍ GIAO DỊCH CHO CÁC TÀI KHOẢN DOANH NGHIỆP
Dự trữ vốn
Các ngân hàng giữ một lượng lớn tiền mặt mà họ không được phép cho vay hoặc đầu tư. Khoản dự trữ vốn này để các ngân hàng tự vệ trước tình huống khách hàng đổ xô rút tiền hoặc thua lỗ nặng nề do các khoản nợ xấu. Dự trữ thường chỉ là một phần của lượng tiền gửi.
PHÍ HẰNG THÁNG VÀ HẰNG NĂM CỦA CÁC THẺ TÍN DỤNG

Ngân hàng

Các ngân hàng đầu tư

Một ngân hàng đầu tư cung cấp những dịch vụ tài chính đặc thù và xử lý những giao dịch tài chính lớn hơn, phức tạp hơn rất nhiều so với các ngân hàng bán lẻ.

Cách thức hoạt động

Các ngân hàng đầu tư làm việc với các công ty lớn, các định chế tài chính khác như các hãng đầu tư, công ty bảo hiểm, quỹ hưu trí, quỹ phòng hộ, chính phủ và các cá nhân cực kỳ giàu có sở hữu những quỹ tư nhân.

Các ngân hàng đầu tư có hai vai trò đặc thù. Thứ nhất là phòng tư vấn doanh nghiệp, nghĩa là bộ phận giúp các công ty trong quá trình sáp nhập và mua lại, tạo ra các sản phẩm tài chính để bán và đưa các công ty mới ra thị trường. Thứ hai là phòng môi giới, nơi các hoạt động giao dịch và tạo thị trường – ngân hàng đầu tư đóng vai trò trung gian giữa những người muốn mua cổ phiếu và những người muốn bán – diễn ra. Hai vai trò này được xem là tách biệt và đặc thù, do đó trong một ngân hàng đầu tư, có cái được gọi là "bức tường" giữa hai bộ phận này để ngăn ngừa mâu thuẫn về lợi ích. Các khu vực trách nhiệm khác nhau được gọi là "phòng giao dịch" và "khu vực văn phòng".

Lĩnh vực kinh doanh

Trong khi về mặt lý thuyết, các phòng môi giới và tư vấn doanh nghiệp của một ngân hàng đầu tư được coi là tách biệt, nhưng không thể tránh khỏi sự chồng chéo giữa hai lĩnh vực này, ví dụ như tạo thị trường và bảo lãnh cổ phiếu mới phát hành, hoặc sáp nhập và mua lại, và hoạt động nghiên cứu.

! CẢNH BÁO

- **Các ngân hàng đầu tư** giúp tiền luân chuyển khắp thế giới nên nếu họ gặp khó khăn, dòng tiền xuyên các biên giới địa lý cũng sẽ bị ảnh hưởng.
- **Các ngân hàng đầu tư** có thể gánh chịu rủi ro vốn có trong những tài sản mà họ nắm giữ cũng như rủi ro là các công ty tài chính đang liên kết với họ có thể thất bại. Điều này được gọi là rủi ro đối tác.

Môi giới

Giao dịch tự doanh

Các ngân hàng đầu tư có những quỹ riêng của họ và họ có thể đồng thời đầu tư và mua bán tiền của bản thân theo những điều kiện nhất định.

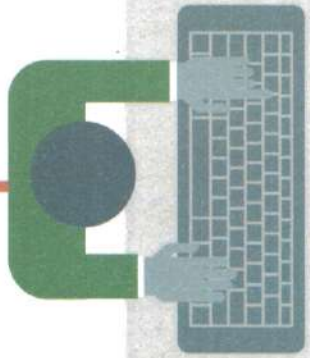

Đóng vai trò là người môi giới

Các ngân hàng có thể kết nối những nhà đầu tư muốn mua cổ phiếu với những công ty muốn bán chúng để tạo ra thị trường cho những cổ phiếu này (được gọi là tạo thị trường).

Nghiên cứu

Các nhà phân tích nhìn vào các xu hướng kinh tế và thị trường, đưa ra những đề xuất mua hoặc bán, công bố kết quả nghiên cứu và đưa ra những lời khuyên về đầu tư cho những khách hàng doanh nghiệp có giá trị tài sản ròng cao.

Tư vấn doanh nghiệp

Đưa các công ty ra thị trường

Các ngân hàng đầu tư có thể gây quỹ cho những buổi phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO); đổi lại, họ nhận được một phần quỹ mà họ đã kêu gọi được.

Đưa các công ty đến với nhau

Các ngân hàng tạo điều kiện cho các vụ mua lại và sáp nhập (M&A) bằng cách tư vấn về giá trị của các công ty, cách tốt nhất để tiến hành M&A và cách gọi vốn.

Cấu trúc các sản phẩm

Các khách hàng muốn bán một sản phẩm tài chính ra thị trường có thể nhờ một ngân hàng đầu tư lên kế hoạch cho nó, và đối tượng nhờ nên là ngân hàng bán lẻ hoặc thương mại.

CẦN BIẾT

- **Quỹ phòng hộ** Một hợp doanh đầu tư bao gồm một nhà quản lý quỹ và những nhà đầu tư giàu có, mục tiêu là kiếm tiền dù thị trường lên hay xuống bằng cách sử dụng các kỹ thuật đầu tư để "phòng" thua lỗ.
- **Bảo lãnh** Bảo đảm cho một rủi ro tiềm ẩn – đổi lại là một khoản phí hay phần trăm nào đó.
- **Thỏa thuận trách nhiệm** Cam kết rằng khi một cổ phiếu mới được phát hành, cổ phiếu sẽ được bán với mức giá thấp nhất. Nếu cổ phiếu đó không phổ biến, ngân hàng có thể phải giữ cổ phiếu đó trong sổ sách của mình và bán lỗ trong tương lai; nếu có nhu cầu cho cổ phiếu mới và giá của nó trên thị trường tự do cao hơn giá phát hành, ngân hàng sẽ kiếm được lợi nhuận.

CÁC NGÂN HÀNG KIẾM TIỀN VÀ MẤT TIỀN NHƯ THẾ NÀO

Kiếm tiền

- Ngân hàng nhận phí khi cung cấp dịch vụ tư vấn, bảo lãnh, cho vay và thỏa thuận trách nhiệm, nghiên cứu và phân tích.
- Họ cũng nhận tiền cổ tức từ các khoản đầu tư mà họ nắm giữ, lãi từ những khoản cho vay và phí trên những giao dịch tài chính mà họ thực hiện.

Mất tiền

- Rốt cuộc, phòng tư vấn có thể có những cổ phiếu không mong muốn nếu kết quả IPO thấp hơn dự kiến.
- Bộ phận giao dịch của một ngân hàng có thể ra những quyết định sai và kết quả là làm mất tiền của ngân hàng.
- Trong một năm ít hoạt động doanh nghiệp, các ngân hàng phải dựa vào lợi nhuận giao dịch để bù vào cho doanh thu.
- Các ngân hàng có thể tạo các sản phẩm tài chính mà họ không bán được cho các nhà đầu tư khác, khiến họ giữ những mã cổ phiếu hoặc khoản vay thua lỗ – như trong thời gian dẫn đến khủng hoảng tài chính 2007-2008.

Môi giới

Một nhân viên môi giới là người trung gian đưa người mua, người bán cổ phiếu và những người giao dịch chứng khoán khác đến với nhau, đóng vai trò là trung gian giao dịch.

Cách thức hoạt động

Một công ty môi giới giúp các công ty và cá nhân mua hoặc bán các công cụ tài chính khác nhau. Theo truyền thống, các công ty môi giới nghiên cứu thị trường, đề xuất bán hoặc mua chứng khoán và tạo điều kiện thuận lợi cho những giao dịch này của khách hàng diễn ra. Sau đó, một nhân viên môi giới chứng khoán thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch trên thị trường để hưởng hoa hồng. Những giao dịch lớn hơn của các tổ chức vẫn thường được tiến hành theo cách này, với một môi giới viên thay mặt khách hàng mua hoặc bán một lượng lớn cổ phiếu.

Với sự ra đời của Internet, những nhà môi giới chiết khấu và trực tuyến đã tự động hóa quá trình này cho thị trường bán lẻ rộng hơn (các nhà đầu tư tư nhân), phân phối nhu cầu tìm người môi giới để thực hiện giao dịch trực tiếp hoặc qua điện thoại. Những người môi giới trực tuyến cho phép các khách hàng lẻ mua bán các chứng khoán tài chính ngay lập tức thông qua một nền tảng thương mại trực tuyến, nhưng những công ty môi giới này có thể không cung cấp lời khuyên hay nghiên cứu. Điều này cho phép họ đưa ra dịch vụ chỉ-giao-dịch rẻ hơn rất nhiều.

Các công ty môi giới cũng có thể kiếm tiền bằng cách thu phí quản lý danh mục đầu tư của khách hàng và thực hiện giao dịch cho họ. Việc này được gọi là dịch vụ tùy nghi và có thể gồm cả các phí giao dịch, và một khoản phí quản lý được tính theo phần trăm giá trị danh mục đầu tư của khách hàng.

TẠI SAO CHÊNH LỆCH MUA VÀO-BÁN RA LẠI QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư cần chú ý đến chênh lệch mua vào-bán ra khi giao dịch chứng khoán hay các sản phẩm tài chính khác. Đây là sự khác biệt giữa giá mua vào và bán ra của một cổ phiếu. Ví dụ, một nhà đầu tư muốn mua cổ phiếu và được chào một mức giá – giá chào bán – là 210 xu. Một nhà đầu tư khác muốn bán và đưa ra mức giá 208 xu, hay giá bán. 2 xu khác biệt chính là chênh lệch mua vào-bán ra. Các mã chứng khoán thường xuyên được mua bán, ví dụ như những cổ phiếu niêm yết trong chỉ số FTSE 100, có xu hướng có chênh lệch nhỏ hơn và được gọi là "thanh khoản" vì người ta dễ dàng tìm được người mua hoặc người bán chúng. Những cổ phiếu được giao dịch ít thường xuyên hơn – ví dụ những cổ phiếu của các công ty nhỏ hơn – có thể có chênh lệch lớn hơn và do đó, kém thanh khoản hơn. Tính thanh khoản nhìn chung được định nghĩa theo "quy mô thị trường thông thường", nghĩa là số lượng cổ phiếu mà một nhà đầu tư cá nhân có thể nhận được định giá ngay lập tức.

1994 là năm đầu tiên các nhà môi giới trực tuyến xuất hiện

Vai trò của người môi giới

Khi một nhà đầu tư muốn bán một ít cổ phiếu của mình, trước tiên, họ liên lạc với người môi giới và đề nghị người này báo một mức giá. Người môi giới kiểm tra thị trường và nói cho họ biết giá bán mà cổ phiếu đang được giao dịch – đó là giá mà người môi giới sẵn lòng mua từ một khách hàng. Nhìn chung, giá này thấp hơn mức giá mà người môi giới sẵn lòng bán cho một khách hàng. Sự khác biệt về giá này được gọi là chênh lệch mua vào-bán ra, và đó là cách để những người môi giới kiếm tiền từ các giao dịch của họ. Sau đó, người bán chỉ rõ là họ muốn triển khai ở mức giá đó và đợi, hay họ muốn bán "ở giá tốt nhất", tức là mức giá bất kỳ mà người môi giới có thể đảm bảo cho họ tại thời điểm hiện tại (giá cho những cổ phiếu nhất định có thể thay đổi trong vòng vài giây vào những ngày giao dịch nhộn nhịp). Khi ấy, người môi giới thay mặt nhà đầu tư tiến hành giao dịch.

Bán với giá 400 bảng

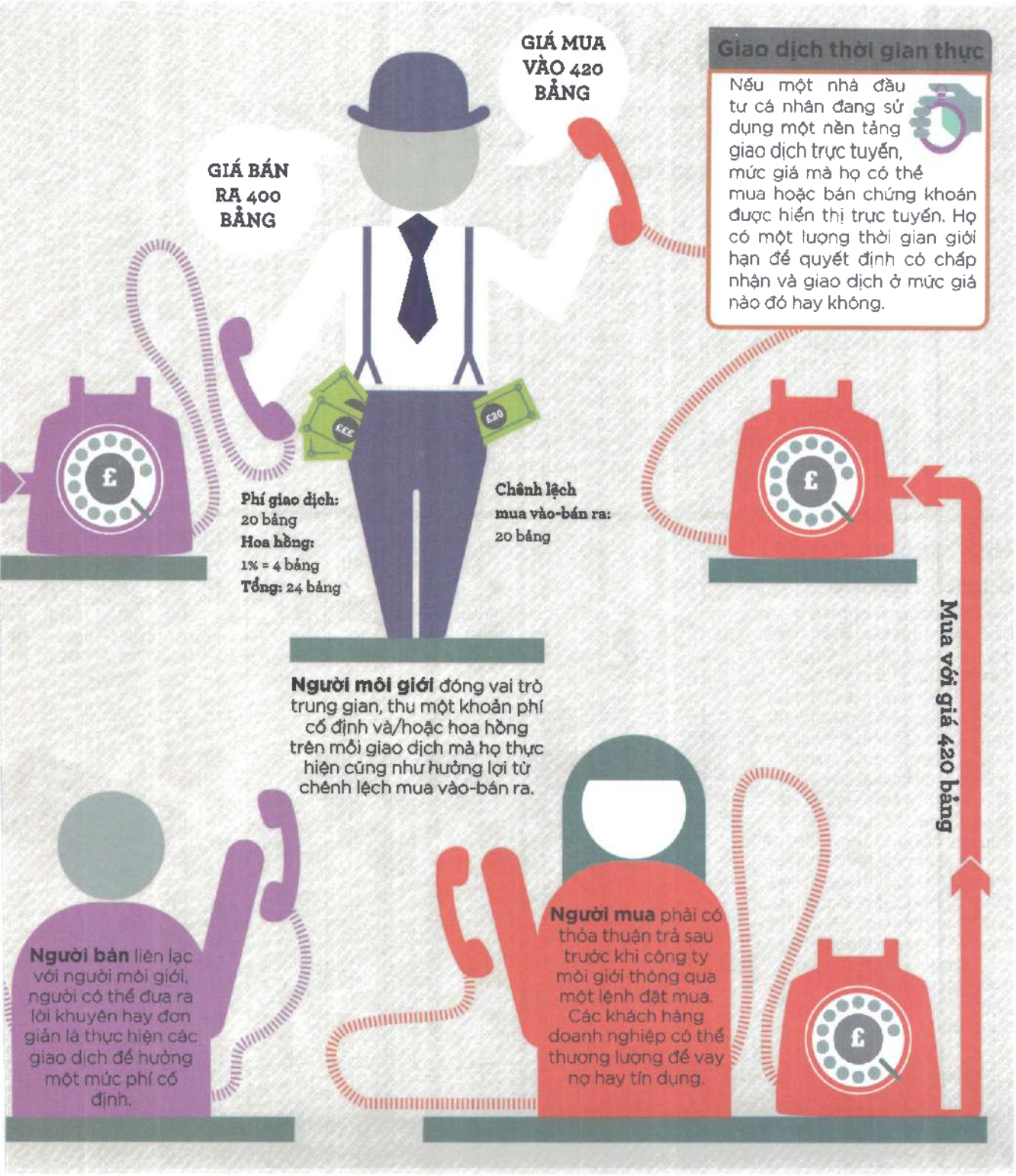

Giao dịch thời gian thực

Nếu một nhà đầu tư cá nhân đang sử dụng một nền tảng giao dịch trực tuyến, mức giá mà họ có thể mua hoặc bán chứng khoán được hiển thị trực tuyến. Họ có một lượng thời gian giới hạn để quyết định có chấp nhận và giao dịch ở mức giá nào đó hay không.

Rủi ro và quy định về bảo hiểm

Về bản chất, bảo hiểm là một dạng quản lý rủi ro, trong đó các cá nhân và tổ chức trả một khoản phí để chuyển một thua lỗ tài chính tiềm ẩn sang người bảo hiểm để lấy khoản đền bù nếu thua lỗ xảy ra.

Cách thức hoạt động

Bảo hiểm giảm bớt rủi ro có thể định lượng và được dự đoán là có tiềm năng hoặc có thể xảy ra. Tất cả các dạng bảo hiểm – nhân thọ, nhà cửa, doanh nghiệp, kinh doanh và xe cộ – đều vận hành theo cùng một cách là chia sẻ rủi ro.

Không có bảo hiểm, các cá nhân có thể sẽ gặp những sự kiện nằm ngoài dự kiến dẫn tới khó khăn tài chính, ví dụ như chết yểu, tai nạn, hỏa hoạn và trộm cắp. Các doanh nghiệp sẽ có khả năng bị đóng cửa, chính phủ bị phá sản và các công ty không thể tăng trưởng và phát triển.

Các công ty bảo hiểm gánh những rủi ro của cá nhân, công ty và chính phủ để đổi lấy một khoản phí, hay tiền bảo hiểm, tượng trưng cho một phần nhỏ giá trị rủi ro mà họ đồng ý chi trả. Số tiền bảo hiểm được dựa trên kinh nghiệm quá khứ của công ty bảo hiểm, được gọi là lịch sử yêu cầu bồi thường, thứ liên quan tới rủi ro cụ thể đó, vừa liên quan tới mức độ rủi ro của khách hàng, cả cá nhân lẫn doanh nghiệp.

Các khoản tiền bảo hiểm tương đối nhỏ do một nhóm nhiều người đóng góp được sử dụng để chi trả cho những yêu cầu bồi thường của các khách hàng nhỏ.

Bảo hiểm cho một doanh nghiệp

Nếu một doanh nghiệp muốn bảo hiểm cho bản thân trước nguy cơ gặp phải những sự kiện bất lợi, ví dụ như hỏa hoạn thiêu hủy nhà cửa của công ty, họ sẽ trả một khoản tiền bảo hiểm cho một công ty bảo hiểm, đơn vị hứa sẽ chi trả một khoản tiền nhất định khi một sự kiện bất lợi như vậy xảy ra. Các trường hợp mà công ty bảo hiểm sẽ chi trả được liệt kê trong hợp đồng giữa doanh nghiệp và công ty bảo hiểm, được gọi là điều khoản hợp đồng. Tiền bảo hiểm bao gồm tất cả những rủi ro được chỉ ra cụ thể trong hợp đồng. Các rủi ro không bao hàm trong đó được gọi là "miễn trừ".

ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC BẢO HIỂM

Các cá nhân hay doanh nghiệp sẽ trả một khoản tiền bảo hiểm – một phần giá trị tài chính của rủi ro được bảo hiểm – để trang trải cho tổn thất khi những sự kiện như hỏa hoạn, tử vong, thiệt hại do tai nạn xảy ra với tài sản của họ và trộm cắp.

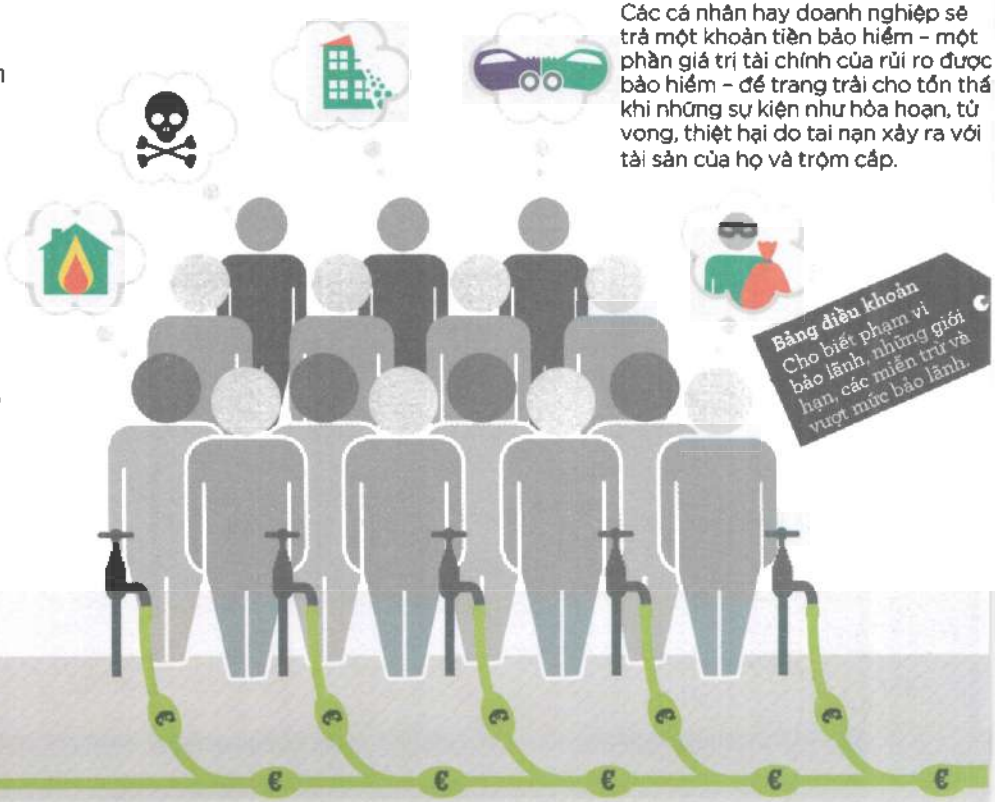

QUY ĐỊNH

Việc quản lý chặt chẽ ngành bảo hiểm là hết sức quan trọng để đảm bảo rằng nó sẽ hoạt động đúng đắn. Các nhà quản lý giám sát ngành bảo hiểm để đảm bảo rằng công ty bảo hiểm có thể thanh toán các yêu cầu bồi thường cho người đóng bảo hiểm. Họ yêu cầu các công ty bảo hiểm mua bảo hiểm cho chính mình - được gọi là tái bảo hiểm - để đảm bảo là họ có thể đáp ứng toàn bộ nghĩa vụ tài chính của mình.

Việc tái bảo hiểm giúp bảo lãnh cho những rủi ro của chính công ty bảo hiểm để nếu họ có nhiều yêu cầu bồi thường cùng một lúc hay nếu một khách hàng bất ngờ tổn thất lớn, họ vẫn có thể trang trải các khoản chi đó mà không vướng phải những khó khăn tài chính.

CẦN BIẾT

- **Tiền bảo hiểm** Là khoản tiền mà công ty bảo hiểm yêu cầu khách hàng nộp để cung cấp sự bảo lãnh như được mô tả trong phần chính sách hoặc trái phiếu.
- **Vượt mức bồi thường** Phần đóng góp tài chính mà khách hàng phải chịu đối với một khoản tiền bảo hiểm.
- **Mức dôi** Các công ty bảo hiểm được yêu cầu phải có một khoản tiền dư ra để dự trữ.
- **Lợi nhuận** Doanh thu mà công ty bảo hiểm nhận được từ sự tăng trưởng và lãi suất của các khoản đầu tư, hay bằng cách bán bảo hiểm cho khách hàng ở mức giá phù hợp, hoặc có ít yêu cầu bồi thường.
- **Thua lỗ** Kết quả của việc không thu đủ phí cho các khoản bảo hiểm, giá đầu tư tụt dốc hay có một lượng lớn yêu cầu bồi thường từ khách hàng.
- **Danh mục đầu tư** Một tập hợp các tài sản được mua bằng tiền mà công ty bảo hiểm nhận được từ các khoản bảo hiểm của khách hàng. Danh mục đầu tư kiếm tiền từ lãi suất, cổ tức và thặng dư thu được vốn từ các giao dịch chứng khoán.
- **Thu nhập đầu tư** Thu nhập mà công ty bảo hiểm nhận được từ việc đầu tư các khoản tiền đóng bảo hiểm của khách hàng và dự trữ.
- **Điều khoản hợp đồng** Hợp đồng giữa một công ty bảo hiểm và khách hàng của họ.

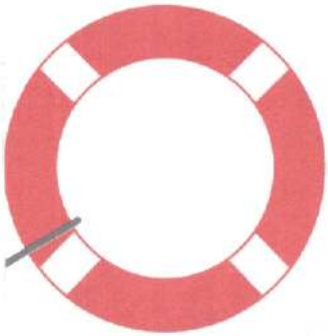

NGƯỜI YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Nếu một sự kiện bất lợi xảy ra với người yêu cầu bồi thường, họ sẽ nhận được tiền đền bù từ công ty bảo hiểm. Như trong hợp đồng được ký kết giữa công ty bảo hiểm và người mua bảo hiểm, tất cả rủi ro phải được quy định ở phần đầu của các điều khoản hợp đồng, nếu không, yêu cầu bồi thường có thể không có hiệu lực.

Bảo hiểm chung phần

Công ty bảo hiểm tích góp số tiền bảo hiểm khách hàng đóng, đầu tư số tiền đó với kỳ vọng sẽ kiếm được tiền từ doanh thu đầu tư. Nó chỉ chi trả khi có yêu cầu từ khách hàng.

CHI TRẢ

Không phải tất cả các khách hàng đều sẽ trải qua một sự kiện bất lợi nên công ty bảo hiểm có thể chi trả cho những người có yêu cầu thanh toán hợp lệ.

Các công ty đầu tư

Các công ty bảo hiểm thay mặt khách hàng mua và bán cổ phiếu, trái phiếu và những tài sản tài chính khác bằng tiền của khách hàng. Các nhà đầu tư mua một phần trong quỹ và tiền của họ được gộp lại để mua một khối lượng lớn tài sản.

Các công ty đầu tư và sự đa dạng hóa

Các công ty đầu tư đa dạng hóa đầu tư vào một loạt tài sản và vào các dạng chứng khoán khác nhau (tiền, trái phiếu và cổ phiếu) trong mỗi tài sản đó, ngược lại các công tư không đa dạng hóa chỉ đầu tư vào một ngành hay tài sản duy nhất. Một danh mục đầu tư đa dạng hóa sẽ dàn trải rủi ro và hạn chế tác động của bất kỳ tính thanh khoản thị trường nào.

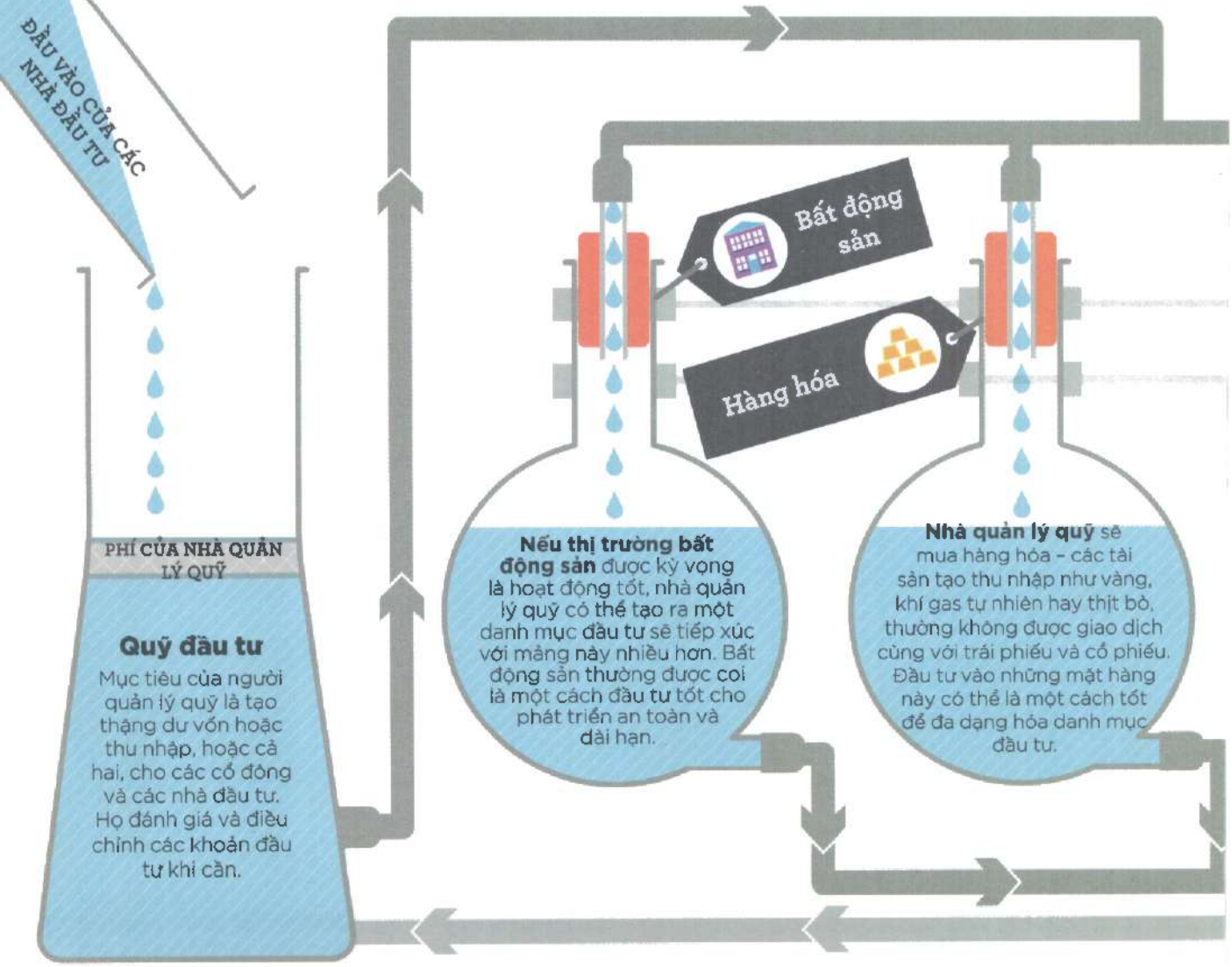

Cách thức hoạt động

Các công ty đầu tư dồn tiền quỹ của các nhà đầu tư để đầu tư vào các doanh nghiệp và tài sản khác nhau, cho phép khách hàng tiếp cận được những thị trường mà một mình họ không đủ khả năng xâm nhập. Các nhà quản lý quỹ phân tích thị trường, quyết định khi nào mua, bán hay giữ. Họ phản ứng trước các thông tin kinh tế và thế giới, cố gắng hành động trước những biến động của các thị trường chứng khoán toàn cầu để kiếm tiền cho khách hàng.

5% là phần trăm tổng tài sản tối đa mà một công ty đầu tư đa dạng hóa được phép dành cho một cổ phiếu duy nhất, theo luật pháp Mỹ

CẢNH BÁO

- **Phí** Đầu tư vào một quỹ có thể bao gồm các phí hành chính, phí quản lý, phí tham gia và rời khỏi quỹ, ngoài ra còn có chi phí của các bộ phận trong quỹ.
- **Hiệu quả** Mặc dù thực tế là các quỹ được những người chuyên nghiệp quản lý tích cực, nhưng nhiều quỹ không mang lại doanh thu cao hơn những người theo dõi thị trường cơ bản.

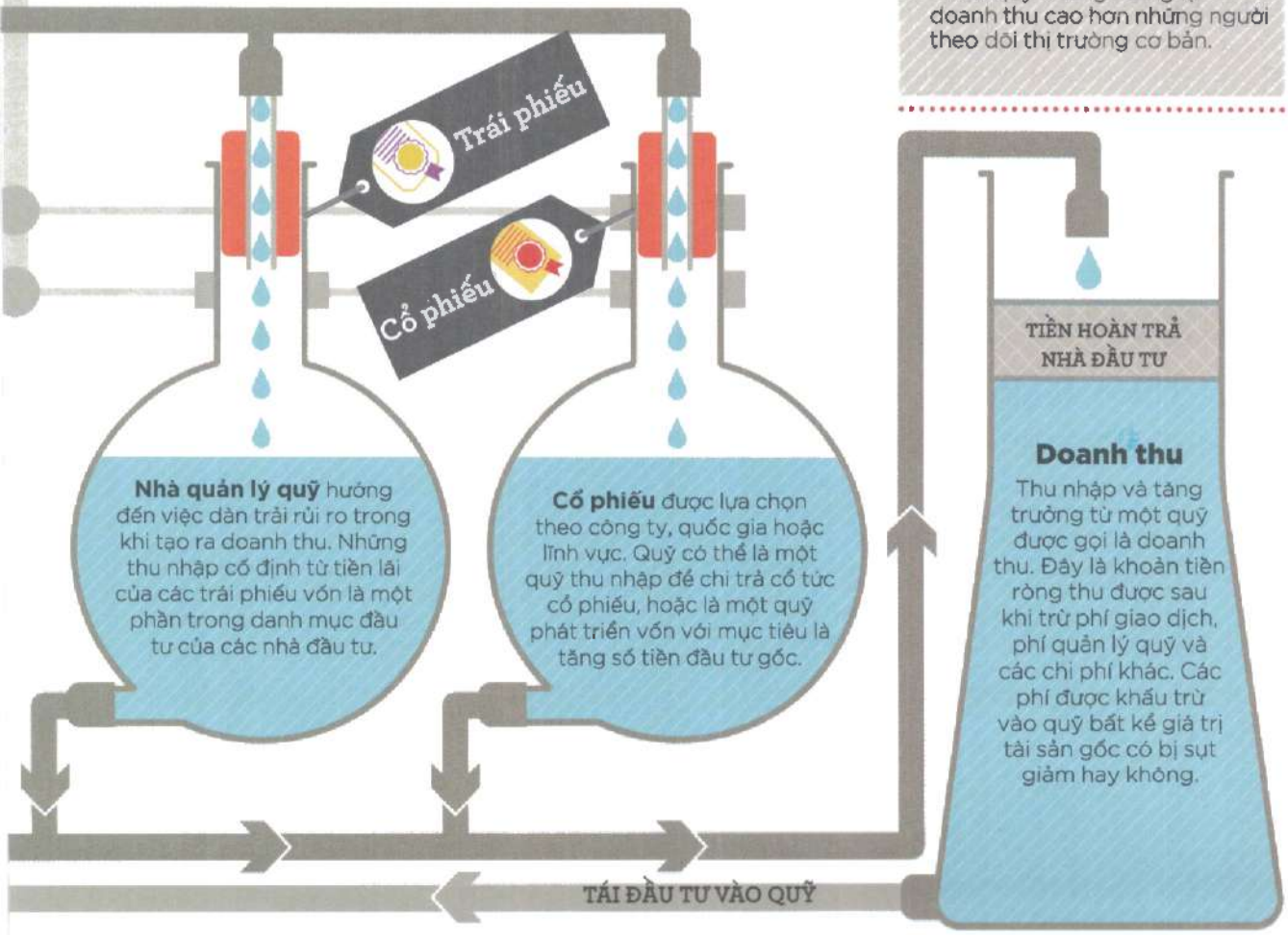

Các tổ chức tài chính phi ngân hàng

Một tổ chức tài chính phi ngân hàng (NBFI) là một tổ chức không có giấy phép ngân hàng và không chịu giám sát của một nhà quản lý ngân hàng. Nó có thể cung cấp các dịch vụ ngân hàng nhưng không thể giữ các khoản tiền gửi của công chúng.

Như một hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính 2008-2009, các nhà chức trách đã tái xem xét cách thức giám sát tài chính của chính quyền. Ở Anh, giờ đây các ngân hàng phải chặt chẽ hơn trong các tiêu chí cho vay và duy trì mức dự trữ tiền mặt cao hơn. Họ cũng phải tiến hành kiểm tra tín dụng của những người đi vay. Để đáp ứng những yêu cầu này, các ngân hàng truyền thống có xu hướng giảm số lượng khách hàng trong sổ sách, những người có nguy cơ ở mức trung bình hoặc có nguy cơ cao trong việc không hoàn trả được các khoản nợ hoặc thế chấp. Những tổ chức cho vay phi ngân hàng dần dần lấp vào những khoảng trống mà các ngân hàng bỏ lại.

Các dạng NBFI và các lĩnh vực kinh doanh của chúng

Trong vài năm qua, số lượng các công ty NBFI đang tăng lên nhanh chóng. NBFI không phải tuân theo những tiêu chí chặt chẽ mà các ngân hàng truyền thống phải đáp ứng khi cho vay cá nhân hoặc doanh nghiệp; họ cũng có thể đưa ra mức lãi suất thấp hơn và những khoản tín dụng lớn hơn so với mức các ngân hàng được phép cung cấp. Có rất nhiều dạng NBFI.

Cho vay thương mại

Những công ty này sẽ cung cấp vốn cho các doanh nghiệp nhưng có thể không chấp nhận tiền gửi và không được phép cho vay thấu chi. Các tiêu chí cho vay của họ có thể không khắt khe như của ngân hàng. Những dịch vụ của họ không hướng đến các cá nhân.

Cho vay ngang hàng

Những người cho vay này đóng vai trò trung gian, tập hợp người cho vay và người đi vay lại. Ý tưởng là mỗi người sẽ nhận được một mức lãi suất tốt hơn – người cho vay nhận mức lãi suất cao hơn so với tài khoản tiết kiệm ngân hàng trong khi người đi vay thường sẽ trả mức lãi thấp hơn mức lãi ngân hàng.

CÁC DẠNG NBFI KHÁC

Các dạng NBFI được chấp nhận ở các nước có thể khác nhau.

LIÊN ĐOÀN TÍN DỤNG Những đoàn thể tài chính phi lợi nhuận do các thành viên làm chủ này tập hợp tiền gửi của các thành viên lại để cung cấp các khoản vay.

HIỆP HỘI NHÀ Ở Những công ty tương hỗ này cung cấp các tài khoản tiết kiệm cho các thành viên. Số tiền này sau đó được tập hợp lại để cho vay thế chấp.

CÁC HÃNG CHO VAY ĐẶC BIỆT Có khả năng thu mức lãi suất cao, những người này có thể nhắm đến những đối tượng có xếp hạng tín dụng thấp hoặc có những quyết định tiêu cực từ phía tòa án.

CẦM ĐỒ Những tổ chức cầm đồ này cung cấp các khoản vay bảo đảm cho những người đặt một tài sản nào đó, như ô tô hoặc trang sức, làm vật thế chấp cho khoản nợ.

CẢNH BÁO

NBFI không đi kèm với những đảm bảo giống như ở các sản phẩm và công ty được quản lý bởi các cơ quan giám sát của chính phủ, như Cơ quan Thực thi Tài chính (FCA) tại Anh. Đối với những người vay tiền, điều khoản vay có thể bất lợi hơn, trong khi người cho vay có thể thấy việc thiết lập mức uy tín tín dụng của những cá nhân mà mình định cho vay là rất khó khăn.

Gây quỹ cộng đồng

Đây là một phương thức gây vốn mới nổi, trong đó các dự án hay doanh nghiệp nhỏ có thể tìm kiếm đầu tư từ các cá nhân, bỏ qua các nguồn tài chính truyền thống. Các nền tảng gây quỹ cộng đồng cho phép các nhà đầu tư dàn trải rủi ro giữa các dự án, mặc dù có khả năng vụ đầu tư đó sẽ thất bại.

42% người tiêu dùng sẽ dùng NBFI trong thời gian một năm

Ngân hàng

Các ngân hàng có thể giữ tiền của các cá nhân ở các tài khoản tiền gửi; họ cũng có thể tiến hành các khoản chi trả, cho vay cá nhân và cung cấp những sản phẩm như thẻ tín dụng, cho vay, thế chấp và tài khoản lưu động. Họ phải tuân thủ theo những quy định nghiêm ngặt.

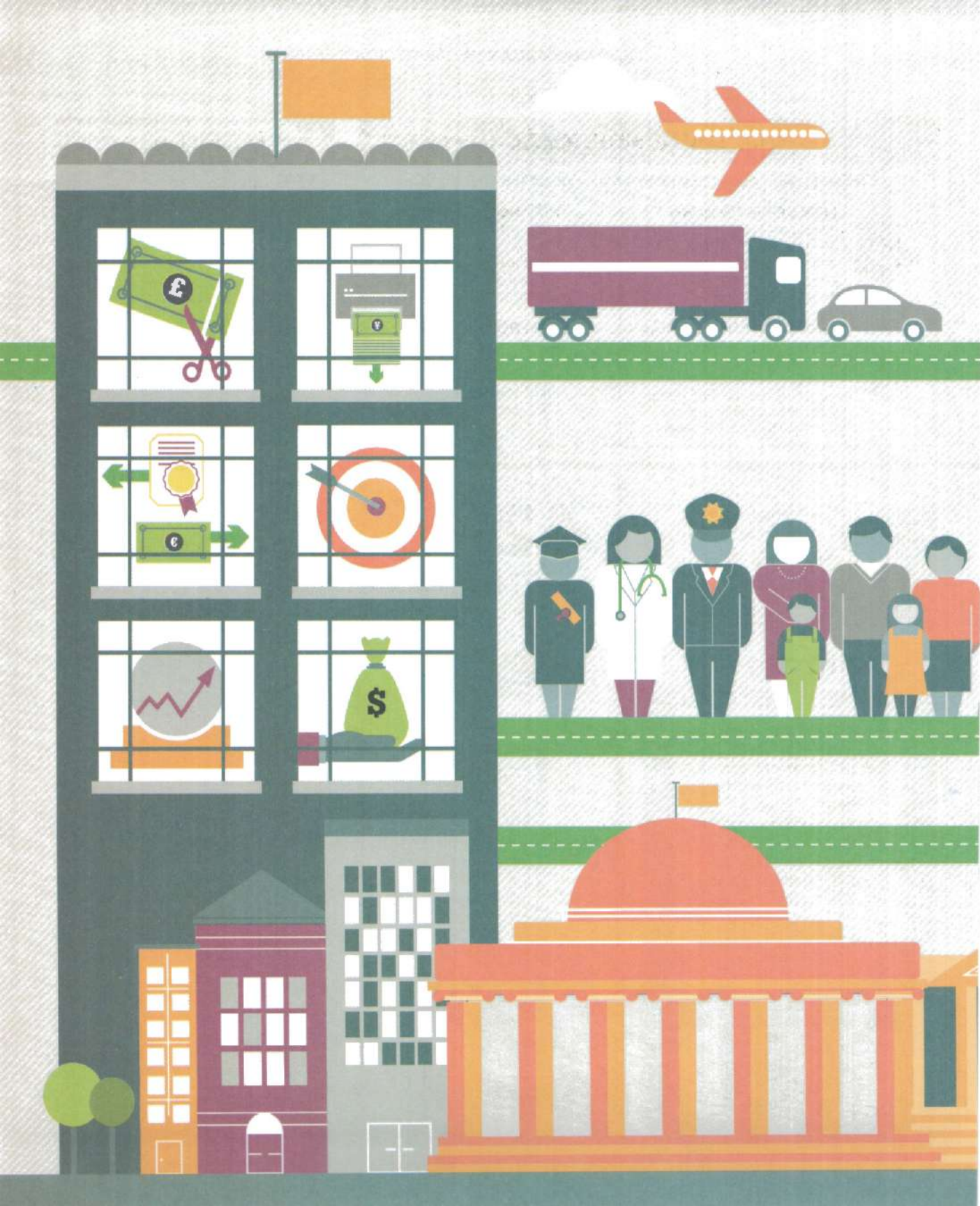

TÀI CHÍNH CHÍNH PHỦ VÀ TIỀN CÔNG

- Cung tiền
- Quản lý tài chính nhà nước
- Nỗ lực kiểm soát
- Tại sao các chính phủ phá sản

Cung tiền

Cung tiền là tổng số lượng tiền có trong nền kinh tế tại một thời điểm nhất định. Chính phủ giám sát nguồn cung này vì nó tác động đến hoạt động kinh tế và mức giá. Chính phủ có thể quyết định thay đổi chính sách tài chính để tác động đến cung tiền – ví dụ, bằng cách tăng hoặc giảm lượng tiền mặt có thực mà các ngân hàng phải duy trì trong dự trữ. Nếu cung tiền quá thấp, chẳng hạn như trong giai đoạn suy thoái hoặc khủng hoảng, chính phủ có thể tiến hành các bước cải thiện và nâng cao nó.

Cung tiền được đo lường như thế nào

Các loại tiền trong một nền kinh tế được phân loại thành các nhóm "M". Những dạng tiền thanh khoản nhất, hay dễ lưu hành nhất, được gọi là tiền "hẹp" bao gồm nhóm M0 và M1. Định nghĩa tiền "rộng" là những loại kém thanh khoản hơn, gồm các nhóm M2, M3 và cả M4. Những nhóm này được xác định ra sao và chúng bao gồm hoặc không bao gồm những gì được quy định khác nhau giữa các quốc gia.

> "Người nào kiểm soát cung tiền của một quốc gia sẽ kiểm soát quốc gia đó."
>
> **James Garfield, tổng thống Mỹ, năm 1841**

TIỀN PHÁP ĐỊNH (FIAT CURRENCY) VÀ TIỀN ĐẠI DIỆN (REPRESENTATIVE CURRENCY)

Từ *fiat* trong tiếng Latin có nghĩa "để nó được thực hiện" và ý nói đến thực tế: tiền là công cụ hợp pháp duy nhất vì nó được chống lưng bởi một nghị định của chính phủ. Không giống như tiền có một loại hàng hóa nào đó đứng sau, như vàng chẳng hạn, tiền theo luật định không đại diện cho bất cứ thứ gì hoặc nó không thể được đổi lấy một lượng hàng hóa nhất định khác. Về bản chất, nó không có giá trị.

Tiền có hàng hóa đứng sau

Tiền tệ từng được chống lưng bằng vàng, còn được gọi là bản vị vàng.

- **Dựa trên một loại hàng hóa** Giá trị của tiền được gắn chặt với giá trị của hàng hóa đó, ví dụ như vàng.
- **Có thể trao đổi** Tiền tệ có thể trao đổi để lấy một lượng vàng tương ứng.
- **Giới hạn** Cung tiền bị giới hạn bởi cung vàng.

Tiền có chính phủ đứng sau

Nhà nước bảo trợ tiền giấy và tiền điện tử - một dạng tiền pháp định khác *(xem trang 88-89)*.

- **Không dựa trên một loại hàng hóa nào** Giá trị dựa trên niềm tin vào chính phủ và nền kinh tế.
- **Không thể trao đổi được** Tiền pháp định không thể trao đổi lấy bất cứ thứ gì.
- **Không giới hạn** Chính phủ tự do in thêm loại tiền này nếu muốn.

Tài khoản tiền gửi Các tài khoản chuyên dành cho tiền gửi thay vì sử dụng hằng ngày.

Tiền gửi với thời gian thông báo ngắn Các tài khoản tiết kiệm với thời gian thông báo ngắn, như 30 ngày, trước khi có thể tiếp cận khoản tiền đó.

Quỹ thị trường tiền tệ có kỳ hạn 24 giờ Các quỹ tương hỗ đầu tư vào thị trường tiền tệ với thời gian đáo hạn ngắn là 24 giờ.

Thỏa thuận mua lại của chính phủ Chứng khoán được bán rồi được mua lại sau một ngày.

Tiền gửi với thời gian thông báo dài hơn Các khoản tiền gửi không thể tiếp cận trong một khoảng thời gian dài.

Quỹ thị trường tiền tệ có kỳ hạn trên 24 giờ Các quỹ tương hỗ được đầu tư trên thị trường tiền với thời gian đáo hạn trên 24 giờ.

Tiền rộng

M2, M3 và M4 tạo thành tiền rộng. Nhóm này bao gồm các dạng tiền không hiện hữu ở dạng tiêu dùng được ngay lập tức và cần thời gian mới tiếp cận được.

KÉM THANH KHOẢN HƠN

ĐO LƯỜNG NỀN KINH TẾ

Chính phủ hay ngân hàng trung ương quyết định sử dụng định nghĩa nào về tiền khi đánh giá cung tiền. Ví dụ, chính phủ Mỹ đo cung tiền theo M2 và từ năm 2006, không còn đưa dữ liệu về M3 vào nữa. Một khi dữ liệu đã được tập hợp lại, nhà nước có thể quyết định điều chỉnh số lượng tiền dự trữ mà các ngân hàng phải có *(xem trang 90-91)* hoặc tăng cung tiền *(xem trang 92-93)*.

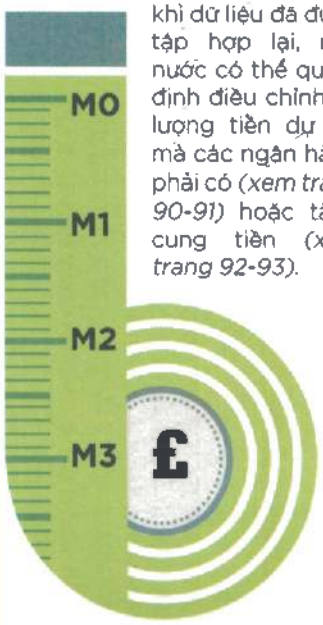

Tăng lưu thông tiền tệ

Hầu hết tiền trong nền kinh tế xuất hiện ở dạng tiền gửi ngân hàng – sự hiện diện của tiền trong tài khoản ngân hàng. Các ngân hàng tăng lưu thông tiền mỗi khi họ cho vay.

Cách thức hoạt động

Khi một ngân hàng cung cấp một khoản vay cho khách hàng, họ sẽ ghi vào tài khoản một lượng tiền đã thỏa thuận. Từ thời điểm khoản vay xuất hiện trong tài khoản điện tử của khách hàng, người ta kỳ vọng có thể rút được nó ra thành tiền mặt, do đó ngân hàng phải có sẵn tiền mặt để có thể trao cho khách hàng có nhu cầu. Tương tự, nếu khách hàng muốn dùng khoản vay đó để trả cho một tài khoản ngân hàng tại một ngân hàng khác – ví dụ như để thanh toán hàng hóa bằng thẻ tín dụng – ngân hàng cấp thẻ phải thuyết phục được ngân hàng thứ hai chấp nhận việc chuyển khoản tiền tín dụng. Vì ngân hàng cấp thẻ chịu trách nhiệm đáp ứng những yêu cầu như vậy, nên khoản tiền gửi được ghi vào tài khoản của khách hàng được coi là trách nhiệm pháp lý mà ngân hàng sẽ phải trả khi khoản tiền này được rút ra. Trái lại, khoản vay được coi là một tài sản của ngân hàng. Đó là vì ngân hàng có thể kỳ vọng thu lại được số tiền mình đã cho vay, cùng với lãi suất cộng dồn, và nó có quyền lợi hợp pháp là cưỡng chế hoàn trả nếu khách hàng từ chối trả nợ. Ngân hàng ghi lại giao dịch này bằng một hệ thống kế toán gọi là ghi sổ kép, phản ánh các nghiệp vụ phát sinh theo quan hệ đối ứng mà việc cho vay sẽ tác động lên sổ sách kế toán của ngân hàng *(Xem hình bên phải)*.

TÀI SẢN VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ CỦA NGÂN HÀNG

Tài sản

Một tài sản là thứ gì đó được sở hữu và có thể được dùng để trả nợ. Tài sản thường tạo ra doanh thu theo thời gian. Tài sản quan trọng nhất của một ngân hàng là số vay nợ của khách hàng vì khách hàng trả lãi cho các khoản vay của họ.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là nghĩa vụ phải trả theo pháp luật. Nợ phải trả chính của một ngân hàng là tài khoản ngân hàng của khách hàng, vì tất cả khách hàng đều kỳ vọng là có thể rút được tiền của họ tại một số thời điểm nào đó.

Cân đối sổ sách

Các ngân hàng tăng lưu thông tiền tệ khi cho vay dưới dạng tiền được gửi trong một tài khoản của khách hàng. Mặc dù khoản vay và việc hoàn trả nó là một tài sản, phần tiền dư ra trong tài khoản là trách nhiệm pháp lý, vì nếu ngân hàng không thể có sẵn tiền khi khách hàng cần thì nó có thể sụp đổ. Để ngăn chặn điều này, các ngân hàng duy trì việc kiểm soát chặt chẽ các bảng cân đối kế toán, đảm bảo nợ phải trả của họ luôn tương đương với tài sản. Họ cẩn thận đánh giá khách hàng xin vay nợ để đảm bảo khả năng hoàn trả của khách hàng. Các ngân hàng trung ương *(xem trang 100-103)* tồn tại để giám sát toàn bộ hệ thống và hỗ trợ các ngân hàng khi họ đối mặt với khó khăn.

97%

tiền trong lưu thông là ở dạng tín dụng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA NGÂN HÀNG: CÁC KHOẢN CHO VAY

Tạo tín dụng Một bảng cân đối kế toán cho thấy nợ phải trả cân đối với tài sản ra sao. Khi một ngân hàng cho khách hàng vay, tài sản của ngân hàng (số tiền cho vay) được cân bằng chính xác với nợ phải trả của ngân hàng (phần tín dụng gửi trong tài khoản khách hàng).

Bảng cân đối kế toán ghi lại tài sản ở một cột và nợ phải trả ở cột kia

Tài sản	Nợ phải trả
Cho khách hàng vay **1.000 bảng**	Tiền mới trong tài khoản của khách hàng **1.000 bảng**

Giá trị của khoản vay trong tài khoản ngân hàng của khách hàng

Khoản vay trao cho khách hàng là một tài sản mà khách hàng sẽ phải trả lãi suất cho nó.

Tín dụng trong tài khoản của khách hàng là một trách nhiệm pháp lý có thể được đòi hỏi hiện hữu ở dạng tiền mặt vào bất cứ lúc nào.

Giá trị tín dụng trong tài khoản ngân hàng của khách hàng

Tài sản	Nợ phải trả
Khoản vay thêm của khách hàng **100 bảng**	Tiền mới bổ sung trong tài khoản của khách hàng **100 bảng**
Tổng tiền vay của khách hàng **1.100 bảng**	Tổng số tiền mới **1.100 bảng**

Những khoản tiền mượn thêm của khách hàng được cộng thêm vào tài sản của ngân hàng

Ngân hàng hiện cho vay thêm 100 bảng và tiền lãi phải trả theo khoản tổng vay này.

Ngân hàng hiện có trách nhiệm trả thêm 100 bảng nữa.

Những khoản tiền được cho vay vào tài khoản của khách hàng cộng thêm vào nợ phải trả của ngân hàng

GHI SỔ KÉP

Trong kế toán, hệ thống sổ sách này đòi hỏi mọi giao dịch kinh doanh phải được nhập vào hai lần trong ít nhất hai tài khoản để phản ánh rằng mỗi lần nhập có cùng một lượng phát sinh trên hai tài khoản có quan hệ đối ứng với nhau. Trong thực tế, điều này có nghĩa là mỗi khoản nợ trong một tài khoản phải tương ứng và bằng với một khoản tín dụng. Do đó, tổng của tất cả khoản nợ bằng tổng của tất cả khoản tín dụng.

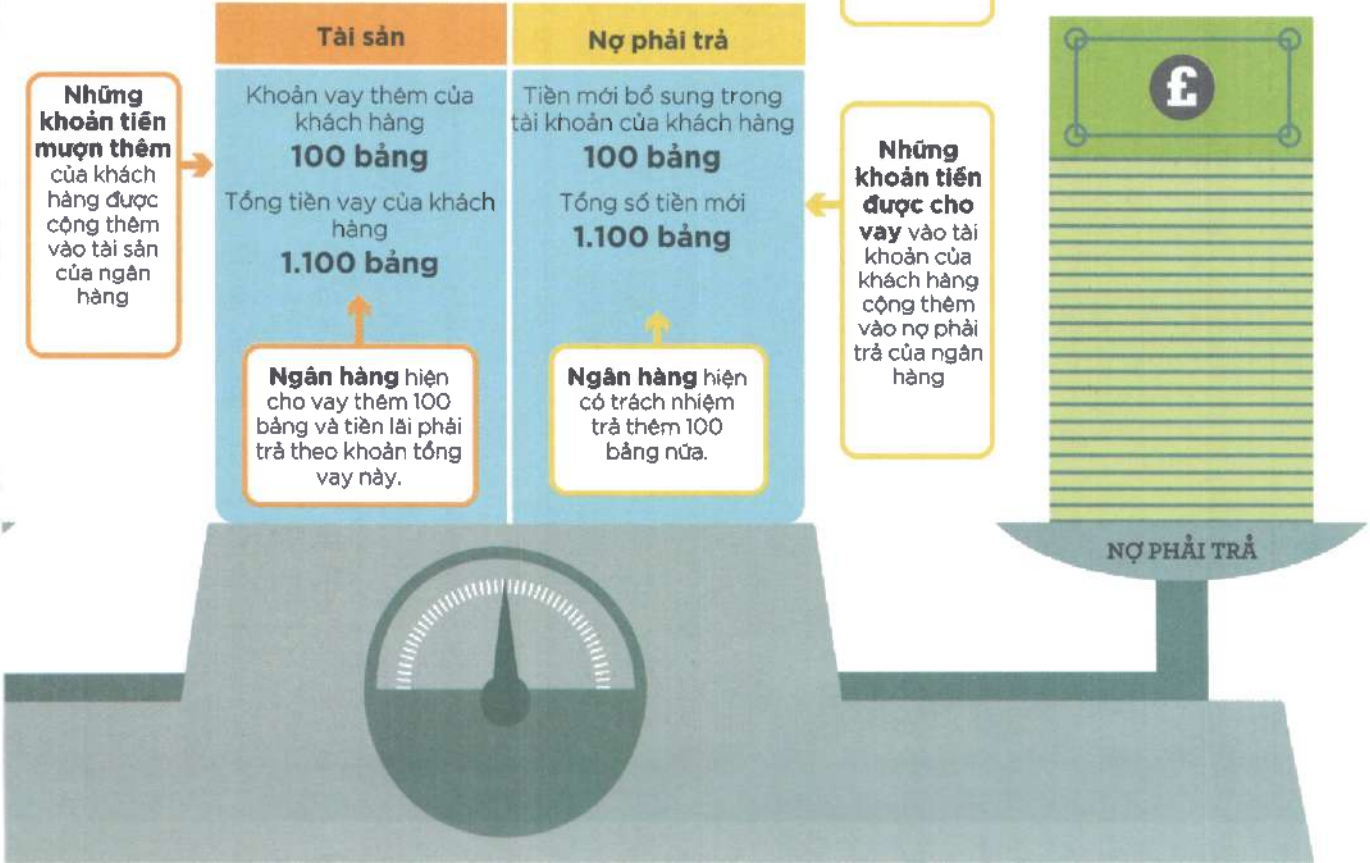

Dự trữ ngân hàng

Các ngân hàng không được phép cho vay hết số tiền họ nhận được dưới dạng tiền gửi; thay vào đó, theo luật, họ phải giữ lại một số phần trăm nhất định tiền gửi làm dự trữ ở dạng tiền mặt, để sẵn sàng cho người gửi tiền sử dụng.

Cách thức hoạt động

Ngân hàng trung ương đặt ra yêu cầu dự trữ đối với các ngân hàng thương mại. Đây là phần trăm tối thiểu của tổng lượng tiền gửi mà các ngân hàng phải giữ dưới dạng tiền mặt, phòng trường hợp một số người gửi tiền muốn rút tiền gửi ra dưới dạng tiền mặt. Lượng tiền cứng dự trữ có thể được giữ trong các hầm ngân hàng tại chỗ hoặc giữ tại ngân hàng trung ương dưới dạng các khoản tiền gửi. Lượng tiền dự trữ của ngân hàng thường vào khoảng 10% tổng số tiền gửi của họ; 90% còn lại, phần ngoài dự trữ, có thể dùng để cho các khách hàng khác vay. Giải phóng tư bản bằng cách cho vay giúp tạo ra sự thịnh vượng trong nền kinh tế. Tuy nhiên, nó cũng có nghĩa là các ngân hàng thương mại không thể thực hiện tất cả các lệnh rút tiền nếu tất cả người gửi tiền đều cố gắng rút tiền mặt cùng lúc. Đây là viễn cảnh mà các ngân hàng thương mại cho là rất khó xảy ra; tuy nhiên, trong tình huống như vậy, họ có thể xin ngân hàng trung ương để có các dự trữ bổ sung. Ngân hàng trung ương điều chỉnh tỷ lệ dự trữ để tác động đến lượng tiền mà các ngân hàng thương mại có thể cho vay. Theo lý thuyết, tỷ lệ dự trữ thấp khiến ngân hàng cho vay rẻ hơn và ngược lại *(xem trang 100-103)*. Các ngân hàng được trả lãi cho số tiền dự trữ mà ngân hàng trung ương giữ của họ.

CẦN BIẾT

- **Yêu cầu dự trữ hay tỷ lệ dự trữ** Phần trăm tổng lượng tiền gửi mà một ngân hàng phải dự trữ ở dạng tiền cứng.
- **Tiền hầm** Tiền cứng được dự trữ trong tầng hầm của ngân hàng.
- **Vượt mức dự trữ** Lượng tiền gửi còn lại sau khi phần dự trữ đã được tách riêng và có thể dùng để cho các khách hàng khác vay.
- **Nghĩa vụ nợ với tiền gửi** Tiền đã được gửi trong ngân hàng và ngân hàng phải trả lại trong tương lai.

Dự trữ một phần

Tỷ lệ trữ 5% có nghĩa là ngân hàng phải giữ 5% trong số tiền gửi 100.000 bảng; tức 5.000 bảng dự trữ. Do vậy, tài khoản của người gửi sẽ được ghi tín dụng với toàn bộ lượng tiền gửi là 100.000 bảng, sau đó ngân hàng cho một khách hàng khác vay 95.000 bảng, ghi tín dụng cho tài khoản của họ là 95.000 bảng. Bây giờ, ngân hàng giữ 5.000 bảng tiền mặt trong khi tuyên bố có 195.000 bảng.

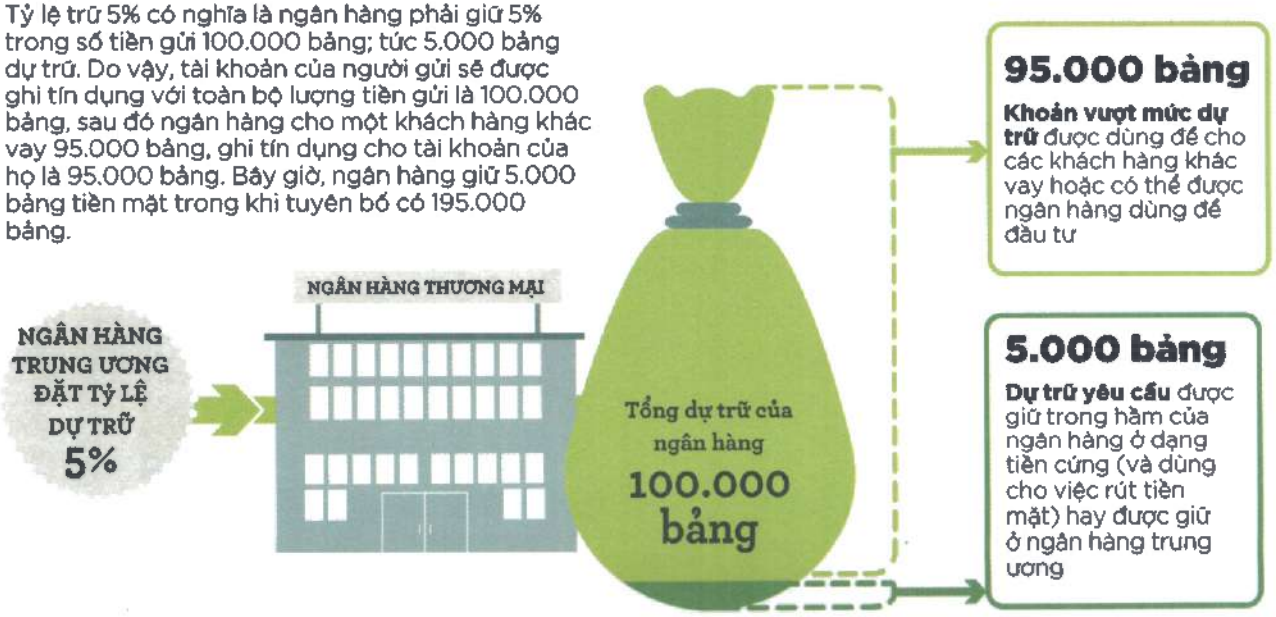

ĐÂY LÀ GIẢI THÍCH ĐƠN GIẢN VỀ HIỆU ỨNG SỐ NHÂN

Hiệu ứng số nhân của chu trình dự trữ một phần

Tiền được tạo ra bằng cách cho vay gần như phần lớn số tiền gửi. Số tiền gốc này sau đó được nhân lên nhiều lần khi người đi vay gửi tiền vay được vào các ngân hàng khác, rồi tiếp tục được chuyển cho những người đi vay khác.

1.000 bảng được Khách hàng A gửi ở Ngân hàng A và tài khoản của cô được ghi tín dụng là 1.000 bảng.

Ngân hàng A giữ **50 bảng** của khoản tiền gửi này làm 5% dự trữ.

950 bảng của khoản tiền gửi được ghi tín dụng vào tài khoản của Khách hàng B dưới dạng tiền cho vay.

Khoản tiền gửi **1.000 bảng** ban đầu đã được ghi tín dụng vào hai tài khoản cùng lúc (trừ **50 bảng** dự trữ), trong đó **950 bảng** chưa được hoàn trả. Ngân hàng A giữ **50 bảng** tiền mặt trong khi tuyên bố có tín dụng **1.950 bảng** – khoản tiền gửi và tiền cho vay.

Khách hàng B dùng **950 bảng** vào việc kinh doanh, và gửi tiền mặt vào Ngân hàng B.

Ngân hàng B giữ **47,50 bảng** của **950 bảng** tiền gửi làm 5% dự trữ.

902,50 bảng tiền gửi được Ngân hàng B đem cho Khách hàng C vay.

Ngân hàng B giữ **47,50 bảng** dự trữ và tuyên bố tín dụng **1.852,50 bảng**.

Khách hàng C dùng **902,50 bảng** vào việc kinh doanh, gửi tiền mặt vào Ngân hàng C.

Ngân hàng C giữ **45,13 bảng** của khoản tiền gửi **902,50 bảng** làm 5% dự trữ.

857,37 bảng của số tiền gửi bây giờ có thể được đem cho Khách hàng D vay.

Ngân hàng C giữ **45,13 bảng** làm tiền mặt dự trữ trong khi tuyên bố tín dụng **1.759,87 bảng**.

Khách hàng D dùng **857,37 bảng** vào việc kinh doanh, gửi tiền mặt vào Ngân hàng D.

Ngân hàng D giữ **42,87 bảng** của **857,37 bảng** tiền gửi làm 5% dự trữ và cho vay tiếp **814,50 bảng**.

Ngân hàng D giữ **42,87 bảng** dự trữ trong khi tuyên bố tín dụng **1.671,87 bảng**.

Kết quả là khoản tiền gửi ban đầu 1.000 bảng được ghi tín dụng (tất cả tiền gửi và tín dụng) là **7.234,24 bảng**. Tổng tiền mặt dự trữ là **185,50 bảng**.

Ngân hàng	Dự trữ	Tiền gửi	Cho vay
A	50 bảng	1.000 bảng	950 bảng
B	47,5 bảng	950,00 bảng	902,5 bảng
C	45,13 bảng	902,50 bảng	857,37 bảng
D	42,87 bảng	857,37 bảng	814,5 bảng
Tổng	185,5 bảng	3.709,87 bảng	3.524,37 bảng

Suy thoái và cung tiền

Cách tiền được sử dụng trong một nền kinh tế sẽ thay đổi tùy thuộc vào việc nền kinh tế đó đang vận hành tốt hay xấu ra sao. Trong giai đoạn suy thoái, cung tiền bị giới hạn, do đó ảnh hưởng tới toàn bộ nền kinh tế.

Chu trình suy thoái

Mọi thứ trong nền kinh tế được liên kết với các thứ khác thông qua hoạt động mua bán, do đó một sự suy giảm kinh tế có thể dẫn tới mô hình suy giảm phát triển – được gọi là chu trình suy thoái. Một khi vài hộ gia đình hoặc công ty (hoặc chính phủ) bắt đầu cắt giảm chi tiêu, các công ty khác cũng sẽ bán ít đi. Theo đó, họ sẽ muốn giảm lượng tiền đang chi cho nhân công, hoặc nguyên liệu thô, để hạn chế tác động của doanh số giảm. Họ cũng có thể ngừng đưa ra các quyết định đầu tư dài hạn hơn do lợi nhuận là không chắc chắn, có nghĩa là họ thậm chí đóng góp ít tiền hơn cho nền kinh tế. Điều này có thể làm tăng thêm một chu trình tiêu cực có tác động mạnh.

Nếu cung tiền chậm, các bánh xe của nền kinh tế sẽ quay chậm hơn, hạn chế chuyển động của tiền quanh nền kinh tế thêm nữa, tạo ra chu trình suy thoái.

Người tiêu dùng có ít tiền chi tiêu hơn. Họ cảm thấy ít tin tưởng vào tương lai hơn và do đó có thể cố tiết kiệm hơn, tiêu ít đi.

Đáp lại sự sụt giảm nhu cầu, các nhà sản xuất cắt giảm lương và giờ làm việc, sa thải người lao động và mua ít nguyên liệu thô hơn.

Các nhà đầu tư sợ rằng lợi nhuận của công ty, và giá trị của cổ phiếu, sẽ giảm nên ít sẵn sàng hơn trong việc đầu tư vào những công ty mới.

KHỦNG HOẢNG TÍN DỤNG

Vào những năm 2000, ngân hàng và các tổ chức tài chính khác bắt đầu cho vay tiền trên phạm vi rộng. Các quy định được nới lỏng và lãi suất thấp khuyến khích việc vay tiền. Mỹ và Anh đặc biệt chịu ảnh hưởng tiêu cực, việc dễ dàng vay tín dụng thúc đẩy khách hàng chi tiêu và tạo tăng trưởng kinh tế rất nhanh. Tuy nhiên, lượng tiền cho vay rất lớn mà các ngân hàng bung ra có nghĩa là một số khoản sẽ đến tay những người vay tiền có nhiều rủi ro hơn. Tại Mỹ, điều này xảy ra ở dạng "thế chấp dưới chuẩn", những người bị các ngân hàng từ chối thế chấp lại được những người cho vay nhất định cung cấp tiền. Khi một lượng nhất định những người vay này không có khả năng hoàn trả, sức khỏe của cả hệ thống sẽ bị đe dọa. Các tổ chức tài chính dừng cho nhau vay tiền và cùng lúc đó, việc cho khách hàng vay cũng bị dừng lại do "khủng hoảng tín dụng" vào năm 2008. Khi khó kiếm và giữ được tiền hơn, chi tiêu chậm lại và nền kinh tế thế giới rơi vào một cuộc suy thoái.

Cách thức hoạt động

Suy thoái là giai đoạn mà nền kinh tế được đo lường bởi sự suy giảm GDP, có nghĩa là ít hoạt động mua bán diễn ra trong nền kinh tế đó. Điều này cũng thường dẫn tới việc giảm lương và tăng tình trạng thất nghiệp. Khi có nhiều người không có việc làm hơn, hay kiếm được ít tiền hơn so với trước đó, họ có ít tiền để chi tiêu hơn. Họ bắt đầu tiết kiệm tiền, lo sợ cho tương lai kinh tế của mình; những điều này có tác động tiêu cực xa hơn nữa tới toàn bộ nền kinh tế vì nó giảm tổng cung tiền. Nhu cầu hàng hóa có thể giảm sâu hơn, các công ty có thể bị buộc phải cắt giảm chi phí và sản xuất, và suy thoái có thể diễn tiến xấu hơn, tạo ra một vòng xoáy sụt giảm nghiêm trọng.

Khi hoạt động kinh tế giảm, kỳ vọng của con người vào tương lai trở nên u ám hơn. Họ vay ít tiền hơn và theo đó, các ngân hàng có thể cắt giảm việc cho vay vì lo sợ những người vay tiền sẽ ít có khả năng hoàn trả.

Những người lao động thất nghiệp có ít tiền để chi tiêu hơn và với việc tiêu dùng ít đi, họ khiến nhu cầu hàng tiêu dùng giảm sâu hơn nữa. Người lao động bị giảm giờ làm và giảm lương cũng sẽ tiêu ít đi và cố gắng tiết kiệm hơn.

Các công ty sản xuất ít hàng tiêu dùng hơn do đó giảm sâu hơn nhu cầu lao động và nguyên liệu thô, giảm tốc độ phát triển và khiến lợi nhuận của họ giảm. Các công ty bắt đầu lo sợ cho tương lai của mình và thậm chí đầu tư ít hơn nữa.

Ít tư liệu sản xuất, ví dụ như máy móc và thiết bị, ít được bán hơn vì các công ty giảm đầu tư và chi tiêu. Điều này tác động đến lợi nhuận của những công ty sản xuất tư liệu sản xuất và giảm nhu cầu lao động của họ.

CẦN BIẾT

- **Chính sách mở rộng** Những nỗ lực của một chính phủ nhằm khiến nền kinh tế phát triển nhanh hơn – ví dụ như cắt giảm thuế, tăng chi tiêu công, giảm mức lãi suất hay khiến việc vay tiền dễ dàng hơn.
- **Chính sách thu hẹp** Những nỗ lực của một chính phủ để kìm tốc độ phát triển của một nền kinh tế, thường là cố gắng tránh lạm phát – ví dụ bằng cách tăng thuế, cắt giảm chi tiêu công, hoặc cả hai. Nó thường bao gồm việc tăng tỷ lệ lãi suất và khiến việc vay tiền trở nên khó hơn.

5%

là số phần trăm nền kinh tế Anh đã suy giảm vào năm 2009

Từ suy thoái đến khủng hoảng

Một giai đoạn suy thoái sâu kéo dài được coi là khủng hoảng. Trong thời kỳ khủng hoảng, GDP của một đất nước (giá trị của tất cả hàng hóa và dịch vụ mà nước đó sản xuất ra) có thể giảm tới 10% và tỷ lệ thất nghiệp tăng chóng mặt.

Nghiên cứu tình huống: cuộc Đại khủng hoảng, 1929-1941

Cuộc khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất thế kỷ 20, các nhà kinh tế học vẫn tranh cãi về nguyên nhân của cuộc Đại khủng hoảng, cách nó lan rộng trên toàn thế giới và tại sao việc phục hồi lại mất thời gian đến thế.

1. Sự thịnh vượng tại Mỹ trong giai đoạn "Roaring Twenties" (Những năm hai mươi gào thét) dẫn tới sự tự tin thái quá và đầu tư thiếu thận trọng. Hàng nghìn người Mỹ mua cổ phiếu và cổ phần, nhu cầu tăng cao thổi phồng giá trị của chúng.

2. Đến cuối năm 1929, có những tín hiệu cho thấy nền kinh tế Mỹ đang gặp vấn đề: tỷ lệ thất nghiệp tăng, chi tiêu của người tiêu dùng giảm và các trang trại thua lỗ. Tuy nhiên, tự tin rằng mình có thể làm giàu nhanh chóng, nhiều người vẫn tiếp tục đầu tư.

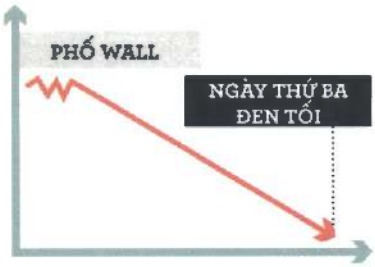

3. Trong vòng 6 ngày tháng Mười năm 1929, cổ phiếu trên thị trường chứng khoán New York tại Phố Wall sụp đổ. Tổng số 25 tỷ đô la Mỹ bị mất và cùng với nó là lòng tin của người dân vào thị trường chứng khoán. Nhiều nhà đầu tư phá sản, ngân hàng mất tiền và thương mại suy sụp.

4. Hàng loạt đợt rút tiền diễn ra tại các ngân hàng do người tiêu dùng hoang mang muốn giữ tất cả tiền mặt của mình *(xem bên phải)*. Nhiều ngân hàng mất đi lượng tiền dự trữ và đến năm 1933, hơn một nửa số ngân hàng phải đóng cửa. Ngân hàng giảm các khoản cho vay và số tiền gửi mà họ tạo ra làm giảm nguồn cung tiền của nước Mỹ sâu hơn nữa.

5. Mất niềm tin lượng tiền giảm và chi phí vay tiền tăng lên kết quả là sự sụt giảm chi tiêu và nhu cầu về hàng hóa. Sản xuất chậm lại, công nhân bị thôi việc, lương bị hạ thấp làm giảm sức mua xuống sâu hơn nữa.

Nó diễn ra như thế nào

Một cuộc đại khủng hoảng diễn ra sau một giai đoạn suy thoái sâu kéo dài và khi một nền kinh tế bị mắc kẹt trong chu kỳ suy giảm liên tục, những hậu quả thảm khốc có thể xảy ra. Ngân hàng sụp đổ, thị trường chứng khoán lao dốc, cung tiền thu hẹp, giá cả sụt giảm, các khoản đầu tư trở thành gần như vô giá trị, tình trạng không trả nợ đúng hạn và phá sản tăng, tỷ lệ thất nghiệp tăng do cá nhân cũng như doanh nghiệp dừng chi tiêu. Chính phủ cố gắng kích thích nền kinh tế bằng cách bơm tiền, nhưng biện pháp đó cũng không còn hiệu quả, tỷ lệ lãi suất thấp không còn khuyến khích người tiêu dùng chi tiêu. Thay vào đó, việc cần thiết là chính phủ phải đầu tư để kích thích tỷ lệ người có việc làm và phát triển kinh tế.

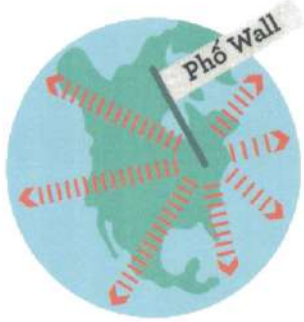

6. Đại khủng hoảng lan rộng ra khắp thế giới do Mỹ đã cho các nước châu Âu vay rất nhiều tiền; Mỹ đòi lại các khoản đã cho vay, rút các khoản đầu tư nước ngoài và tăng thuế đối với hàng nhập khẩu. Các ngân hàng châu Âu sụp đổ, tỷ lệ thất nghiệp tăng.

7. Năm 1932, tổng thống Mỹ Franklin D. Roosevelt giới thiệu Chính sách Kinh tế mới (New Deal) để chống lại Đại khủng hoảng thông qua việc tái cơ cấu kinh tế và xã hội. Tại châu Âu, các đảng cánh phải nổi lên, như Đảng Quốc gia Xã hội chủ nghĩa của Hitler, hứa hẹn sẽ khôi phục nền kinh tế.

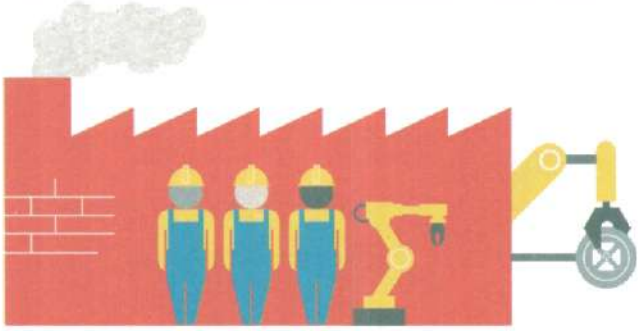

8. Những quốc gia sớm từ bỏ chế độ bản vị vàng, do đó có thể hạ giá đồng tiền của mình xuống để chống giảm phát, có xu hướng phục hồi sớm hơn. Với nước Mỹ, Chiến tranh Thế giới thứ hai mang lại nhiều việc làm hơn (trong sản xuất công nghiệp và dịch vụ quân đội) và tăng chi chính phủ, do đó cũng đẩy nhanh tốc độ phục hồi.

Trong khoảng từ 1929 đến 1932, thu nhập trung bình của người dân Mỹ giảm

40%

CÁI BẪY THANH KHOẢN

Người ta có xu hướng giữ tiền trong những giai đoạn kinh tế bất ổn vì đó là một cách dự trữ của cải đáng tin cậy, có thể trao đổi lấy những tài sản khác một cách nhanh chóng – một món bảo hiểm hữu ích chống lại tương lai bất định. Giữ tiền cũng mang lại nhiều lợi nhuận hơn khi giá sụt giảm, do một lượng tiền nhất định sẽ luôn mua được nhiều hàng hóa hơn.

Khi mong muốn tiết kiệm tiền quá lớn đến mức áp chế hoạt động chi tiêu thông thường, nền kinh tế có thể bị kẹt trong cái bẫy thanh khoản. Bất cứ sự gia tăng nào của cung tiền cũng không thể kích thích hoạt động kinh tế do người ta tiếp tục giữ tiền trong khi chờ đợi nền kinh tế cải thiện tình hình. Tuy nhiên, sự tích trữ này làm chậm nền kinh tế hơn nữa và nếu tiếp tục duy trì, nó có nguy cơ gây ra một cuộc đại khủng hoảng.

Quản lý tài chính nhà nước

Khi tiêu tiền để cung cấp dịch vụ mà người dân trông đợi, chính phủ phải hướng đến hiệu quả chi tiêu tối đa. Do đó, họ lập kế hoạch để cung cấp đủ ngân sách từ tập hợp các nguồn như tiền thuế, tiền vay và (rất hiếm khi) in tiền mới. Thuế ở tất cả các dạng là nguồn thu chính và tiền đi vay được coi là một biện pháp để bù vào phần thiếu hụt. Việc in tiền hiếm khi xảy ra do nó tiềm ẩn rủi ro làm suy giảm lòng tin của người dân vào giá trị của đồng tiền.

Cân bằng sổ sách

Việc chi tiêu của chính phủ ngày nay phần lớn là để đáp ứng các nhu cầu và thường chiếm khoảng một phần ba nền kinh tế của một nước. Tại một số quốc gia (như những nước vùng Scandinavia), việc chi tiêu của chính phủ chiếm phần lớn hơn như vậy rất nhiều. Cung cấp đủ tiền cho mức chi tiêu này có thể là một nhiệm vụ rất khó khăn. Trong khi các chính phủ tha thiết cân bằng được các ngân sách của mình thì hầu hết vẫn phải đi vay một phần. Điều quan trọng chính là mức độ vay được kiểm soát để người dân có lòng tin rằng nợ của chính phủ sẽ luôn trả được.

NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG
Ngân hàng trung ương của một nước quản lý tiền và cung tiền, giữ dự trữ và triển khai các mục tiêu kinh tế đã được chính phủ đề ra. *Xem trang 100-103.*

IN TIỀN

Các chính phủ có thể phát hành tiền của chính mình bằng cách in tiền hoặc tạo tiền điện tử. Tuy nhiên, tạo tiền theo cách này sẽ mang theo rủi ro. Vì tiền phụ thuộc vào lòng tin, nên khi một chính phủ phát hành lượng tiền tăng lên, người ta có thể giảm lòng tin vào giá trị của đồng tiền đó. Nếu lòng tin của người dân sụp đổ hoàn toàn, tình trạng siêu lạm phát có thể xảy ra *(xem trang 132-135)*. Điều này đã xảy ra tại nước Đức vào những năm 1920.

6,7 nghìn tỷ đô la Mỹ

là số tiền chính phủ Mỹ đã tiêu trong năm 2016

Chính phủ và tiền

Chính phủ của một nước và ngân hàng trung ương đóng vai trò then chốt đối với sự lưu thông tiền trong nền kinh tế. Họ giám sát cung tiền, gửi tiền ngân sách tới những lĩnh vực quan trọng của xã hội và đảm bảo rằng tiền quay trở lại để tiêu dùng quốc gia.

Chúng hoạt động ra sao

Một nền kinh tế khỏe mạnh đòi hỏi một nguồn cung tiền tốt. Mặc dù khó có thể trực tiếp kiểm soát nguồn cung tiền, nhưng chính sách tiền tệ của chính phủ có thể giúp tác động đến nó. Tổ chức quan trọng nhất trong việc quyết định chính sách tiền tệ là ngân hàng trung ương *(xem trang 100-103)*, tổ chức giữ vai trò cốt yếu trong điều chỉnh tỷ lệ lãi suất và có thể được dùng để bơm thêm tiền vào trong nền kinh tế thông qua các hoạt động của thị trường tự do *(xem trang 102-103)* hoặc nới lỏng định lượng *(xem trang 124-125)*. Các chính phủ cũng có thể kiểm soát dòng tiền thông qua các loại thuế và hạn chế việc vay và cho vay tiền. Tuy nhiên, những cơ chế này thiếu tác dụng trong hệ thống tiền tệ hiện đại vì các ngân hàng thương mại phần lớn là tự do quyết định điều khoản cho vay. Những nỗ lực kiểm soát trực tiếp nguồn cung tiền có xu hướng thất bại.

Cung tiền và một nền kinh tế khỏe mạnh

Giống như một cơ thể khỏe mạnh phụ thuộc vào nguồn cung cấp máu tốt mới có thể nhận được các chất dinh dưỡng, một nền kinh tế khỏe mạnh dựa vào nguồn cung tiền tốt để giữ cho chu trình tiêu dùng diễn ra: khi một người chi tiêu, người khác kiếm được tiền, rồi lại chi tiêu, và cứ như thế. Nếu chu trình này chậm lại, nền kinh tế có thể bắt đầu suy giảm. Chính phủ, thông qua ngân hàng trung ương – giống như trái tim đang đập của nền kinh tế giúp giữ cho dòng tiền lưu chuyển. Trong khi đó, chính phủ cũng đảm bảo rằng nguồn tiền đi tới những ngành trọng yếu của xã hội và mang doanh thu về cho nhà nước chi tiêu. Các chính sách kinh tế xoay quanh tỷ lệ lãi suất, tỷ lệ dự trữ, nghiệp vụ thị trường mở và nới lỏng định lượng đều nhằm duy trì nguồn cung tiền. Một cơ thể có thể có một nguồn cung cấp máu tối ưu nhưng vấn đề nằm ở việc các tế bào phải sử dụng hiệu quả các dưỡng chất. Tương tự, trong khi một chính phủ có thể cải thiện cung tiền thì sự phát triển kinh tế phụ thuộc vào việc các cá nhân và doanh nghiệp có khả năng chuyển lượng tiền ấy thành hàng hóa và dịch vụ hữu dụng nhằm nâng cao tiêu chuẩn sống hiệu quả đến mức nào.

Dòng tiền chảy ra
Ngân hàng trung ương sử dụng các tổ chức tài chính như những động mạch để tăng nguồn cung tiền. Cùng lúc đó, phần chi tiêu của chính phủ đóng góp một phần khổng lồ vào nền kinh tế.

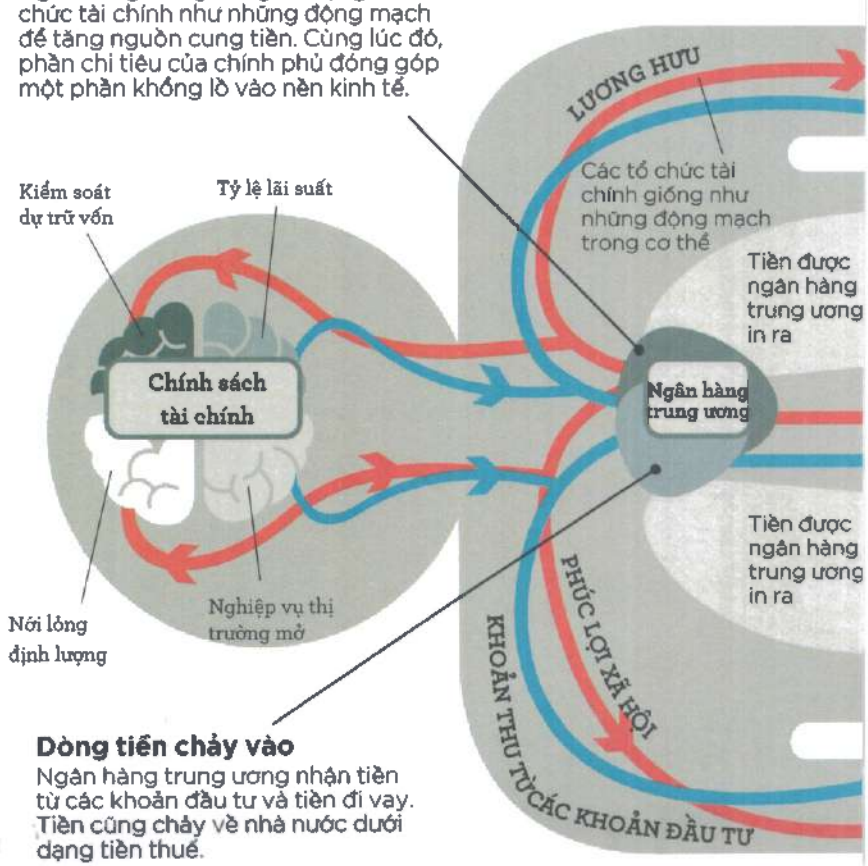

Dòng tiền chảy vào
Ngân hàng trung ương nhận tiền từ các khoản đầu tư và tiền đi vay. Tiền cũng chảy về nhà nước dưới dạng tiền thuế.

CẦN BIẾT

- **Cung tiền** Tổng lượng tiền lưu thông trong một đất nước, từ tiền cho đến những dạng kém thanh khoản hơn.
- **Ngân hàng trung ương** Một tổ chức cung cấp dịch vụ tài chính cho chính phủ và các ngân hàng thương mại, thực thi các chính sách tiền tệ, ấn định tỷ lệ lãi suất và kiểm soát cung tiền.
- **Tiền trong lưu thông** Tiền được sử dụng một cách tự nhiên để tiến hành các giao dịch giữa khách hàng và doanh nghiệp.

TRƯỜNG HỢP CÁC NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG ĐỘC LẬP

Nhiều ngân hàng trung ương được thiết lập độc lập với chính phủ vào đầu những năm 2000, mặc dù chúng vẫn được đòi hỏi phải minh bạch và khả quy trách nhiệm. Đợt phá sản năm 2008 đã dẫn một số người tới câu hỏi liệu các ngân hàng độc lập có đáng được mong muốn không.

Ưu điểm

- **Chính sách tiền tệ có thể** công bằng hơn do các ngân hàng không quan tâm đến việc duy trì sự ưu ái của quần chúng khi bầu cử.
- **Do họ không bị ảnh hưởng** bởi chu kỳ bầu cử nên họ có thể lập kế hoạch và thực thi những chính sách dài hạn.
- **Các ngân hàng độc lập** có xu hướng duy trì tỷ lệ lạm phát thấp hơn.

Nhược điểm

- **Những ngân hàng không được bầu chọn cũng không thể bị bãi bỏ,** khiến khả năng quy trách nhiệm cho chúng kém hơn.
- **Những biện pháp kiểm soát của ngân hàng trung ương** có thể không đủ ngăn chặn khủng hoảng nếu không có sự hỗ trợ của chính phủ.
- **Chính phủ** có thể đổ lỗi cho ngân hàng gây ra suy thoái, do đó làm xói mòn lòng tin của người dân.

"Chính sách tiền tệ không phải là một phương thuốc chữa bách bệnh."

Ben Bernanke, nhà kinh tế học người Mỹ

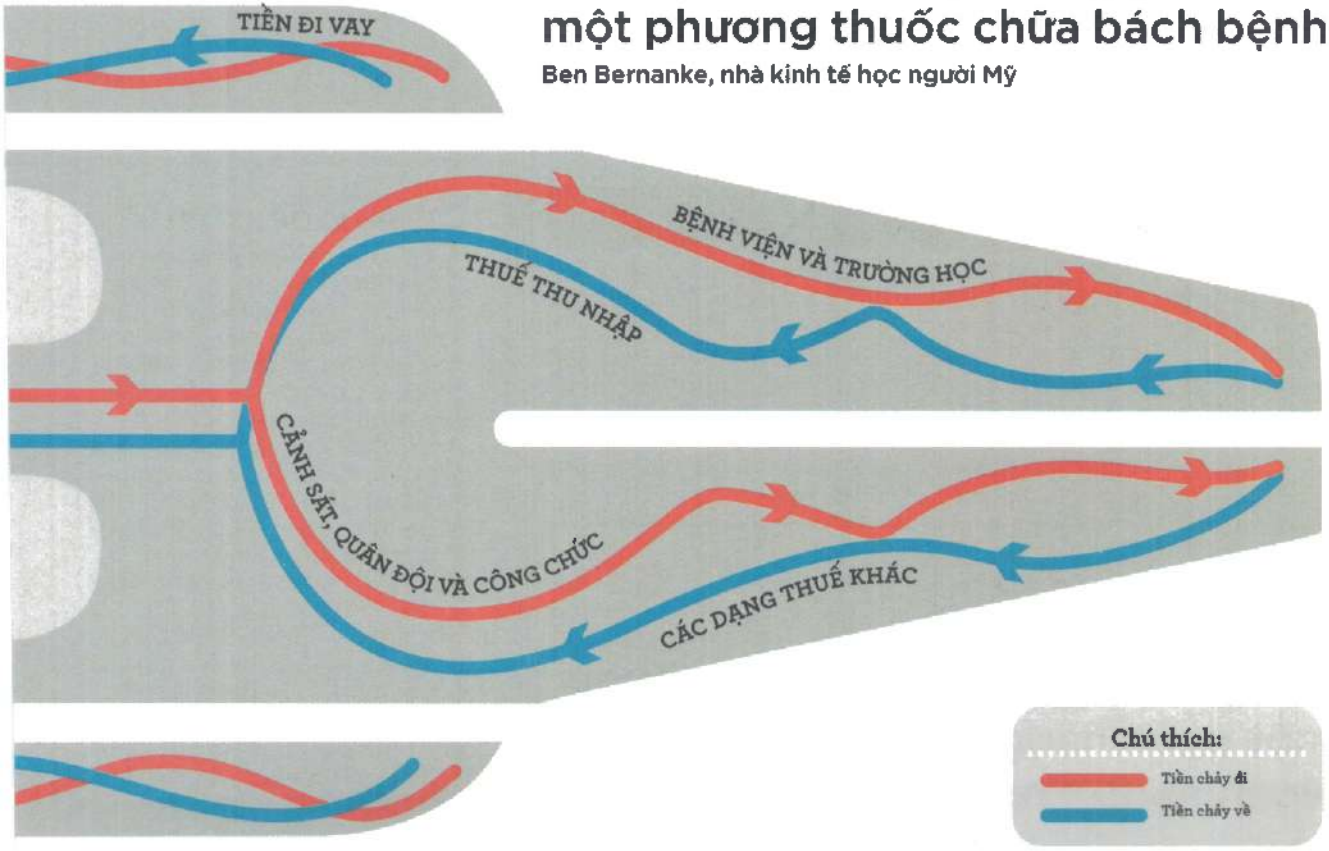

Ngân hàng trung ương

Ngân hàng trung ương là "ngân hàng của các ngân hàng", đóng vai trò như người bảo hộ cho phần còn lại của hệ thống ngân hàng. Ngân hàng trung ương đóng vai trò trọng yếu trong việc đặt ra chính sách tiền tệ của một đất nước và hỗ trợ các mục tiêu kinh tế của chính phủ.

Cách thức hoạt động

Ngân hàng trung ương quản lý tiền, tỷ lệ lãi suất và cung tiền của một đất nước, nắm giữ dự trữ của ngân hàng trung ương. Các ngân hàng thương mại dựa vào những dự trữ này để hỗ trợ hoạt động hàng ngày của mình. Bằng cách thay đổi cả lượng tiền dự trữ và chi phí vay tiền từ các khoản dự trữ đó (thông qua tỷ lệ lãi suất áp lên đó, được gọi là lãi suất dự trữ hay lãi suất cơ bản), các ngân hàng trung ương có thể khẳng định quyền kiểm soát đối với nguồn cung tiền của đất nước.

Lãi suất cơ bản *(xem trang 120-121)* thường là lãi suất rẻ nhất đối với tiền gửi và vì dự trữ của ngân hàng trung ương có ý nghĩa nền tảng đối với khả năng cho vay của các ngân hàng thương mại nên ngân hàng trung ương giúp ấn định lãi suất cho toàn bộ nền kinh tế. Khi lãi suất cơ bản tăng hoặc giảm, lãi suất đối với các khoản vay của ngân hàng thương mại cũng tăng hoặc giảm tương ứng. Cũng như với cung cầu của các loại hàng hóa khác, khi nhu cầu tiền dự trữ cao, giá của nó (ở đây là lãi suất dự trữ hay lãi suất cơ bản) tăng. Ngược lại, khi nhu cầu tiền dự trữ thấp, giá của nó giảm.

Các ngân hàng trung ương thường tập trung điều hòa các mục tiêu kinh tế cụ thể khác – điển hình nhất là tỷ lệ lạm phát. Họ làm điều này bằng cách đáp ứng những mục tiêu đã đặt ra và được công bố rộng rãi trước đó.

✓ CẦN BIẾT

- **Lãi suất dự trữ** Lãi suất được ngân hàng trung ương đặt ra và tất cả các ngân hàng thương mại phải trả để vay từ dự trữ của ngân hàng trung ương. Nó cũng được gọi là lãi suất cơ bản.
- **Nghiệp vụ thị trường mở** Việc mua hoặc bán cổ phiếu do ngân hàng trung ương thực hiện trên thị trường tự do để tác động đến nguồn cung tiền.
- **Mục tiêu lạm phát** Một chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, trong đó một tỷ lệ lạm phát mục tiêu cụ thể được đặt ra và công bố công khai với mục đích bình ổn giá cả.

NGƯỜI CHO VAY CUỐI CÙNG

Vì hoạt động ngân hàng tiềm ẩn rủi ro nên tính ổn định của hệ thống phụ thuộc vào một tổ chức có thể cung cấp sự bảo vệ cho các ngân hàng đang có nguy cơ thất bại. Các ngân hàng trung ương, với lượng tiền tiềm năng vô hạn nằm trong dự trữ trung ương, đóng vai trò "người cho vay cuối cùng". Khi một ngân hàng đang thất bại và cho thấy một viễn cảnh quá rủi ro đối với người vay tiền, ngân hàng đó vẫn có thể trông đợi vào khoản vay từ ngân hàng trung ương. Điều này cung cấp một sự bảo hộ chống lại sự sụp đổ tài chính có thể phá hủy nền kinh tế.

19 nước

trong Liên minh châu Âu có chung một ngân hàng trung ương duy nhất: Ngân hàng Trung ương châu Âu

Các mục tiêu tiền tệ

Mục tiêu của chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương thường là mang lại bình ổn giá (lạm phát thấp) và hỗ trợ chính phủ. Bình ổn giá giữ một vai trò trong việc đạt được sự ổn định kinh tế nói chung và mang lại những điều kiện cần thiết để phát triển bền vững. Các ngân hàng trung ương có một loạt chiến lược để đạt được điều này. Một trong số đó là xác định tổng lượng tiền trong nền kinh tế: cung tiền. Chiến lược thứ hai là xác định một tỷ giá hối đoái cụ thể bằng cách thay đổi lượng tiền trong lưu thông, qua đó tác động đến thị trường trao đổi ngoại tệ. Chiến lược thứ ba là xác định một tỷ lệ lãi suất cụ thể, như được minh họa ở trang bên.

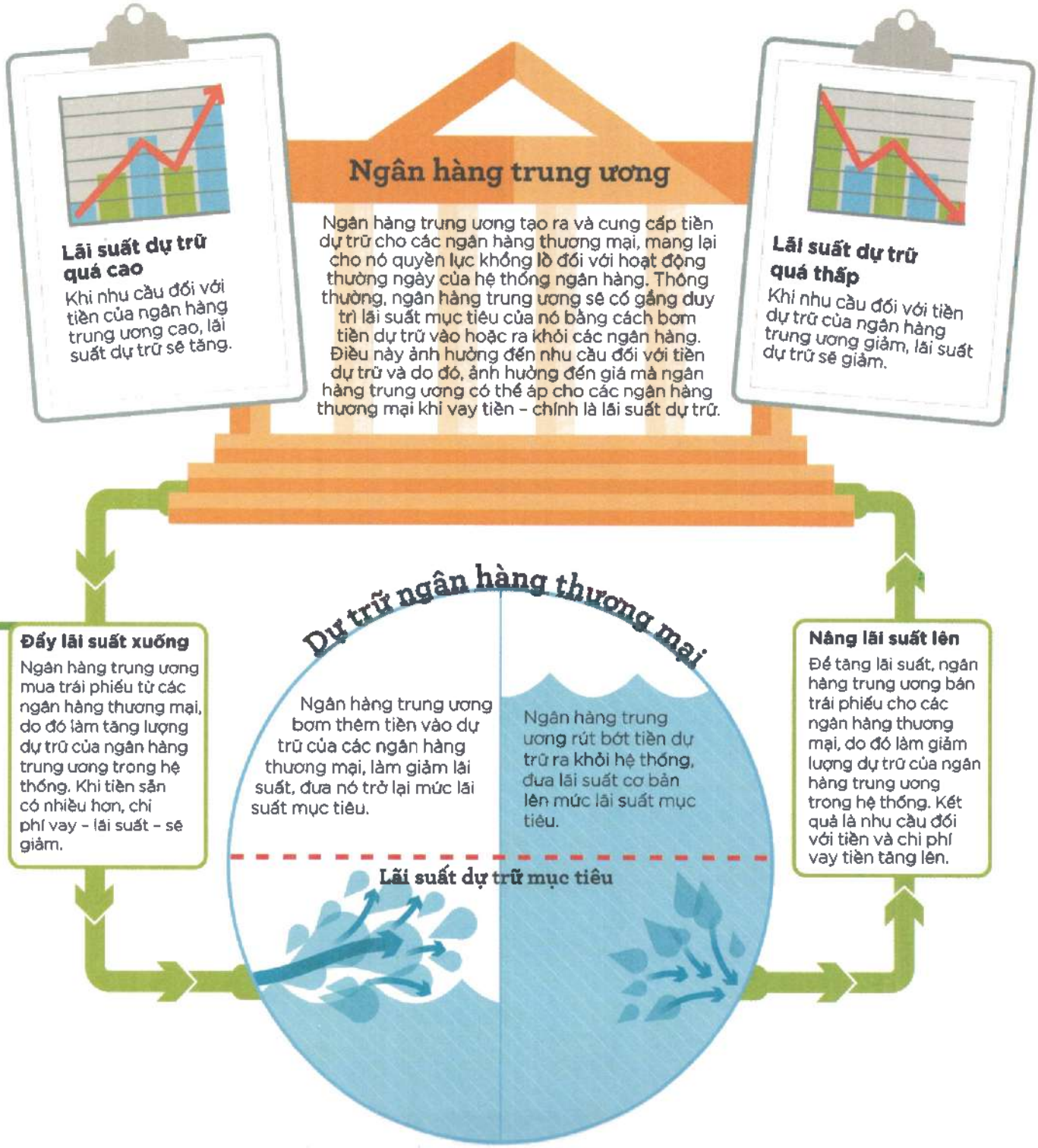
Lãi suất dự trữ quá cao
Khi nhu cầu đối với tiền của ngân hàng trung ương cao, lãi suất dự trữ sẽ tăng.
Ngân hàng trung ương
Ngân hàng trung ương tạo ra và cung cấp tiền dự trữ cho các ngân hàng thương mại, mang lại cho nó quyền lực khổng lồ đối với hoạt động thường ngày của hệ thống ngân hàng. Thông thường, ngân hàng trung ương sẽ cố gắng duy trì lãi suất mục tiêu của nó bằng cách bơm tiền dự trữ vào hoặc ra khỏi các ngân hàng. Điều này ảnh hưởng đến nhu cầu đối với tiền dự trữ và do đó, ảnh hưởng đến giá mà ngân hàng trung ương có thể áp cho các ngân hàng thương mại khi vay tiền – chính là lãi suất dự trữ.
Lãi suất dự trữ quá thấp
Khi nhu cầu đối với tiền dự trữ của ngân hàng trung ương giảm, lãi suất dự trữ sẽ giảm.
Đẩy lãi suất xuống
Ngân hàng trung ương mua trái phiếu từ các ngân hàng thương mại, do đó làm tăng lượng dự trữ của ngân hàng trung ương trong hệ thống. Khi tiền sẵn có nhiều hơn, chi phí vay – lãi suất – sẽ giảm.
Dự trữ ngân hàng thương mại
Ngân hàng trung ương bơm thêm tiền vào dự trữ của các ngân hàng thương mại, làm giảm lãi suất, đưa nó trở lại mức lãi suất mục tiêu.
Ngân hàng trung ương rút bớt tiền dự trữ ra khỏi hệ thống, đưa lãi suất cơ bản lên mức lãi suất mục tiêu.
Lãi suất dự trữ mục tiêu
Nâng lãi suất lên
Để tăng lãi suất, ngân hàng trung ương bán trái phiếu cho các ngân hàng thương mại, do đó làm giảm lượng dự trữ của ngân hàng trung ương trong hệ thống. Kết quả là nhu cầu đối với tiền và chi phí vay tiền tăng lên.

Quản lý hệ thống tiền tệ

Bằng cách nâng hoặc hạ lãi suất dự trữ, ngân hàng trung ương có thể tác động đến quy mô dự trữ của các ngân hàng thương mại và do đó, đến cả lãi suất vay và cho vay của chúng cũng như lượng tiền trong lưu thông. Điều này tác động tới chi tiêu và lạm phát, vì khi lãi suất thấp hơn, tiết kiệm kém hấp dẫn hơn và vay tăng lên; còn khi lãi suất cao hơn, điều ngược lại cũng đúng.

CẦN BIẾT

- **Thị trường thứ cấp** Là nơi các nhà đầu tư mua và bán trái phiếu do chính phủ phát hành.
- **Lạm phát** Sự tăng nói chung về giá cả và giảm giá trị mua bán của tiền.
- **Chênh lệch lãi** Sự khác biệt giữa mức lãi suất thấp nhất và cao nhất.
- **Chỉ đạo tín dụng** Một hình thức cho vay rẻ hơn của ngân hàng trung ương, được thiết kế để đáp ứng các mục tiêu rộng hơn của chính phủ như thúc đẩy những ngành then chốt.
- **Tỷ lệ dự trữ** Phần trăm số tiền của người gửi mà một ngân hàng thương mại phải giữ ở dạng tiền mặt. Tỷ lệ dự trữ được ngân hàng trung ương ấn định.

Tăng tiền trong lưu thông

Giảm lãi suất dự trữ (lãi suất gốc)

Ngân hàng trung ương có thể giảm lãi suất dự trữ để các ngân hàng thương mại có thể vay tiền dự trữ với chi phí rẻ hơn. Ý tưởng là theo đó, ngân hàng thương mại sẽ giảm lãi suất đối với công chúng.

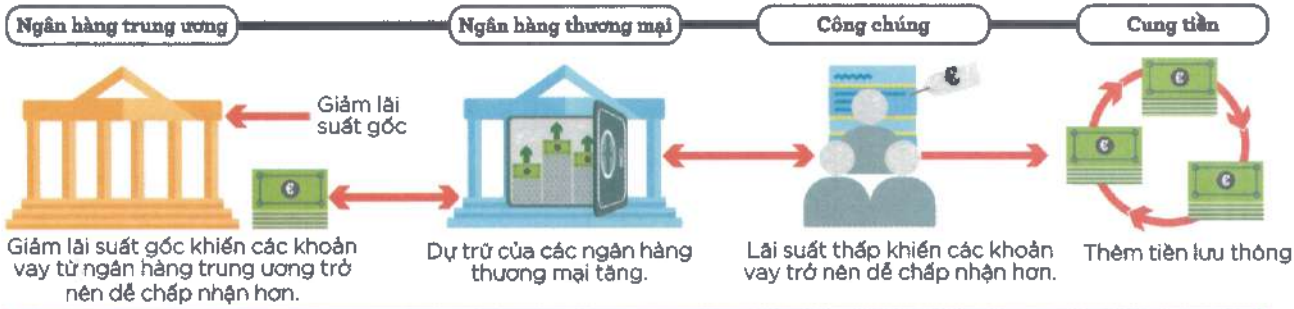

Nghiệp vụ thị trường mở: mua trái phiếu

Ngân hàng mua trái phiếu từ thị trường tự do. Các nhà đầu tư gửi vào ngân hàng số tiền bán được, làm tăng lượng tiền dự trữ trong thị trường tự do. Do đó, các ngân hàng thương mại sẽ phản ứng bằng cách giảm lãi suất cho vay.

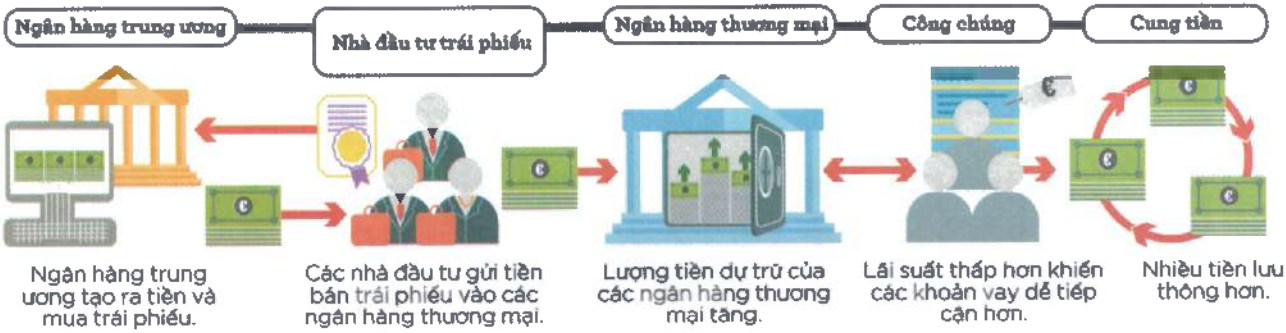

NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG KIỂM SOÁT

Chỉ đạo tín dụng

Sự kiểm soát của ngân hàng trung ương đối với giấy phép của các ngân hàng thương mại, nghĩa là nó có thể tác động đến cách các ngân hàng thương mại cho vay tiền. Ví dụ, nó có thể khuyến khích ngân hàng thương mại đưa ra mức lãi suất rất thấp đối với những lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế.

Nghiệp vụ thị trường mở

Ngân hàng trung ương mua và bán trái phiếu trên thị trường tự do để tác động đến các mức lãi suất ngắn hạn.

Tiếp cận tín dụng

Ngân hàng trung ương có thể hạn chế các ngân hàng thương mại tiếp cận tín dụng, ví dụ bằng cách tăng lượng tiền gửi mà họ phải giữ dưới dạng dự trữ.

1668

là năm mà ngân hàng trung ương lâu đời nhất thế giới, Sveriges Riksbank (ngân hàng trung ương Thụy Điển), được thành lập

Giảm tiền trong lưu thông

Tăng lãi suất dự trữ (lãi suất gốc)

Ngân hàng trung ương có thể cắt giảm tiền cho vay ra công chúng của các ngân hàng thương mại bằng cách tăng lãi suất dự trữ của mình. Điều này khiến việc vay tiền từ dự trữ ngân hàng quốc gia trở nên đắt đỏ hơn đối với các ngân hàng thương mại. Theo đó, các ngân hàng thương mại sẽ tăng lãi suất cho người đi vay.

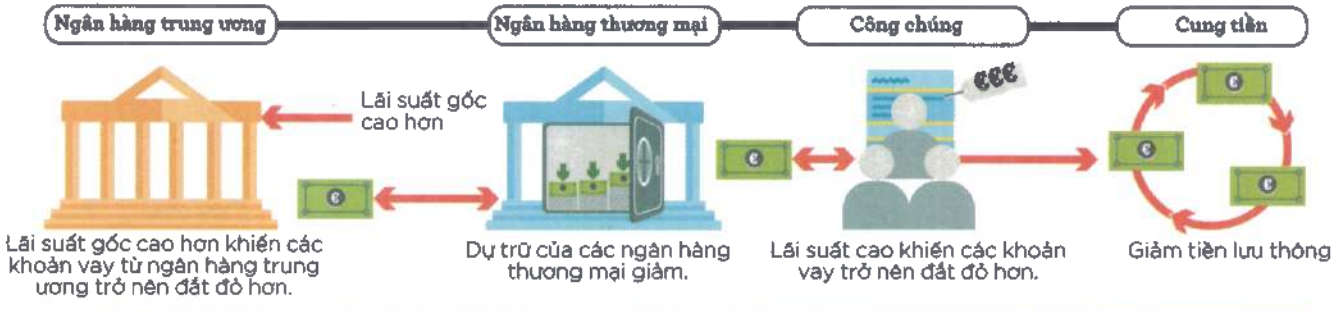

Nghiệp vụ thị trường mở: bán trái phiếu

Ngân hàng trung ương bán trái phiếu trở lại thị trường mở để lấy tiền, khiến các nhà đầu tư rút tiền để mua trái phiếu, giảm lượng tiền trong hệ thống ngân hàng. Các ngân hàng thương mại theo đó phản ứng lại bằng cách tăng lãi suất.

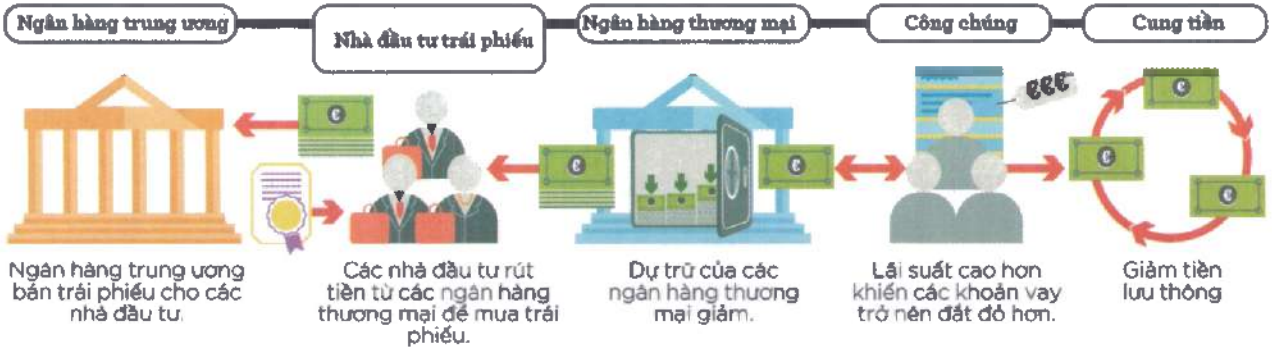

Ràng buộc ngân sách

Các chính phủ có các ràng buộc tài chính như bất kỳ cá nhân hay công ty nào. Khi chi tiêu vượt quá thu nhập, chính phủ có thể cần vay – hoặc thậm chí in – tiền để trang trải khoản thiếu hụt.

Cách thức hoạt động

Các chính phủ cần chi trả cho những dịch vụ công mà họ cung cấp và cho bất cứ cam kết tài chính nào khác của họ. Để làm như vậy, họ đánh thuế dân chúng và mượn tiền nếu cần ngân sách bổ sung. Cùng đường, chính phủ thậm chí có thể in tiền mặt. Mỗi chiến lược đều có cái giá của nó – nhưng in tiền rủi ro đến nỗi nó rất hiếm khi được các chính phủ sử dụng.

Sự chênh lệch giữa thu nhập từ thuế và các khoản chi tiêu của chính phủ được gọi là thâm hụt ngân sách (hay bội chi ngân khố). Thâm hụt ngân sách cho thấy chính phủ cần vay (hay in) bao nhiêu tiền nữa để cấp cho các khoản chi của mình. Việc một số chính phủ có một khoản thâm hụt ngân sách nhỏ và liên tục là rất phổ biến.

Chi tiêu và thâm hụt

Lý tưởng là những cam kết chi tiêu của chính phủ được trang trải đủ nhờ các khoản thu từ thuế và các dạng thu nhập khác. Tuy nhiên, khi không kiểm soát được một phần chi tiêu (thâm hụt), phần tiền thiếu hụt đó phải được thu xếp bằng cách đi vay hoặc in thêm tiền. Những khoản thâm hụt nhỏ thường có thể được dàn xếp chỉ bằng cách vay tiền, nhưng nếu thiếu hụt tăng lên quá lớn thì chính phủ sẽ rơi vào tình trạng tài chính khó khăn do có thể phải tăng lượng tiền vay chỉ để đơn giản duy trì những khoản chi hiện tại *(xem trang 146-147)*.

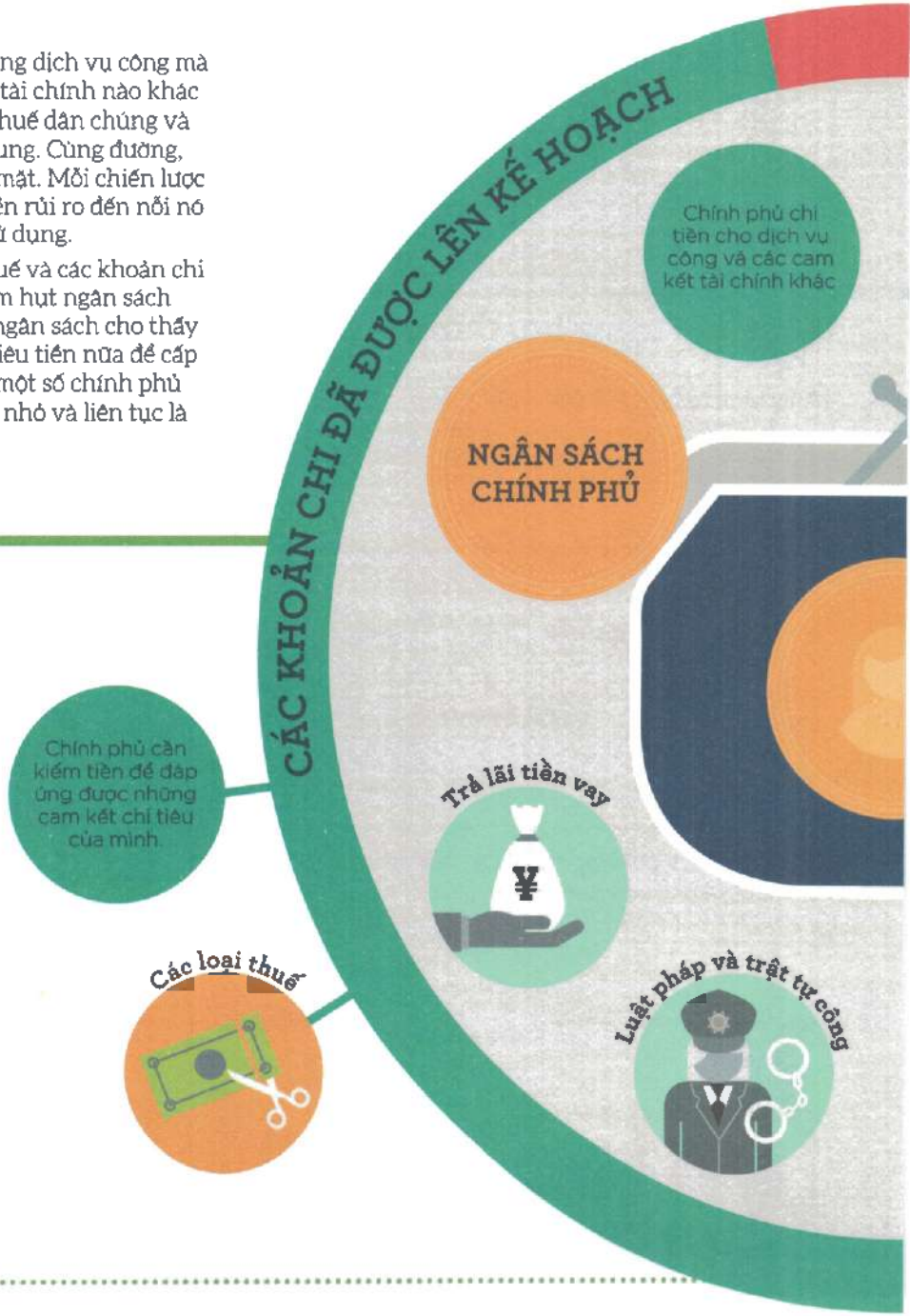

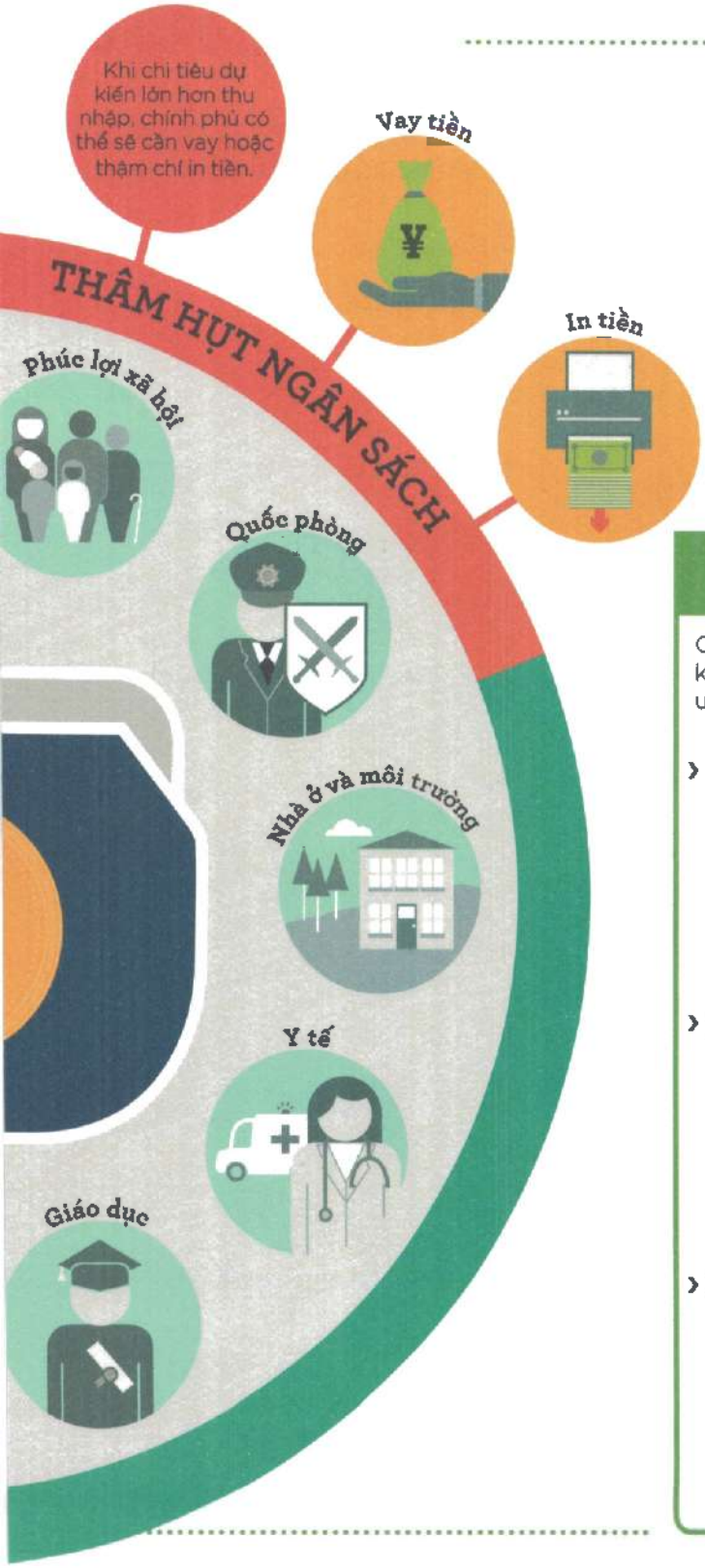

75%

GDP là thâm hụt ngân sách của Libya – mức tồi tệ nhất thế giới

CÁC CHÍNH PHỦ KIẾM TIỀN BẰNG CÁCH NÀO

Các chính phủ có thể kiếm tiền để đáp ứng những cam kết chi tiêu của mình theo ba cách. Mỗi chiến lược có ưu điểm và nhược điểm riêng.

› **Thuế** Chính phủ có thể áp thuế lên những gì người dân kiếm được và sở hữu, cũng như đối với ngoại thương. Các khoản thuế an toàn nhưng không được lòng dân chúng.

› **Vay tiền** Các chính phủ có thể vay tiền từ chính người dân của mình – thông qua các quỹ hưu trí chẳng hạn – hoặc từ nước ngoài. Nhưng tiền vay đi kèm tiền lãi phải trả.

› **In tiền** Chính phủ có thể in tiền. Giải pháp có vẻ đơn giản này hiếm khi được thực hiện vì những rủi ro kéo theo *(xem trang 144-145)*.

Thuế vận hành như thế nào

Thuế là phương pháp chủ yếu mà các chính phủ thực hiện để tăng ngân khố quốc gia cần thiết nhằm trang trải các khoản chi công. Chính phủ có thể áp thuế lên người dân trực tiếp (như thuế thu nhập) hay gián tiếp (như thuế giá trị gia tăng).

Thuế vận hành ra sao

Chính phủ có một đặc quyền độc đáo là có thể yêu cầu bất cứ ai trong đất nước đóng thuế. Thuế có thể được chia thành thuế "trực tiếp", được trả từ thu nhập của cá nhân hoặc tổ chức, và thuế "gián tiếp", được trả cho việc chi tiêu của người tiêu dùng. Thuế có thể được áp đặt như một phần của tiêu dùng hoặc thu nhập, hoặc theo một tỷ lệ cố định. Hệ thống thuế lũy tiến tức là những người nhiều tiền hơn sẽ đóng nhiều thuế hơn theo tỷ lệ.

Các vấn đề xoay quanh mức thuế vẫn được tranh cãi kịch liệt. Kết quả là các mức thuế và các luật quy định ai hay tổ chức nào đóng loại thuế gì có sự khác biệt đáng kể giữa các nước.

THUẾ VÀ HÀNH VI

Một số thuế được thiết lập nhằm giảm doanh thu mà hàng hóa đó mang lại. Vì một loại thuế mới được áp đặt hay tăng lên trên một sản phẩm khiến giá của nó tăng, nên mặt hàng đó trở nên kém hấp dẫn với người mua. Khi một sản phẩm, ví dụ như thuốc lá, có hại, mức thuế cao hơn có thể là một cách để giảm tiêu thụ của người dân. Tuy nhiên, trong những trường hợp mà hành vi của người tiêu dùng không thay đổi khi giá cả tăng, việc tăng thuế có khả năng mang lại nhiều tiền hơn. Điều này có thể khiến những loại thuế đó hấp dẫn đối với các chính phủ khi tìm kiếm nguồn thu.

Thuế trực tiếp và thuế gián tiếp

Người ta phải đóng thuế đối với thu nhập hoặc đối với những thứ mà họ chi tiêu. Một số loại thuế điển hình áp lên một cá nhân tại Anh được trình bày như dưới đây.

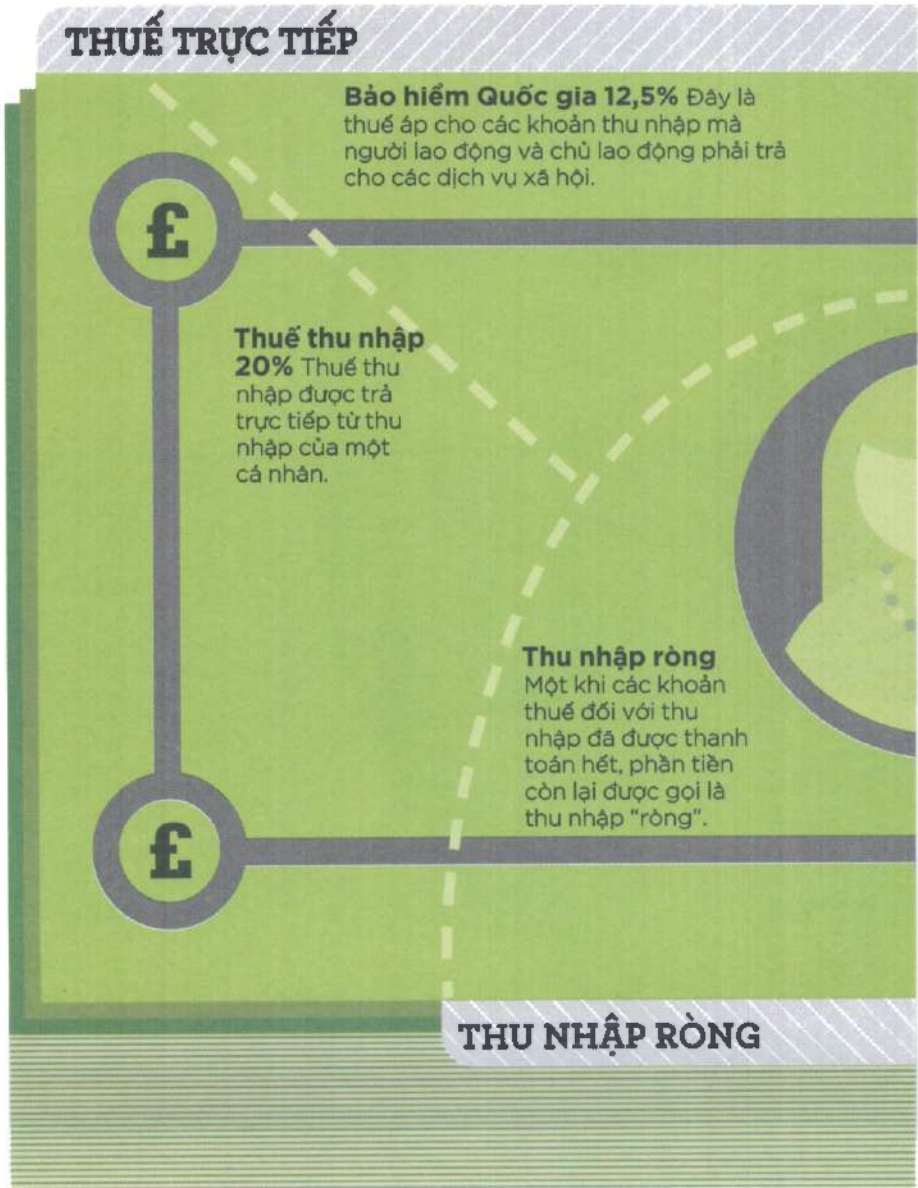

21 nghìn tỷ đô la

được cho là bị giấu ở các thiên đường thuế hải ngoại

THUẾ GIÁN TIẾP

Các biến thể khác Thuế có thể được áp cho bất cứ thứ gì. Đức có một loại thuế cho chó và Anh từng đánh thuế cửa sổ.

Thuế hàng hóa Nhiều hàng hóa, đặc biệt là hàng nhập khẩu, có thêm một loại thuế nữa được gọi là thuế hàng hóa.

VAT 20% Thuế giá trị gia tăng thêm 20% vào giá bán của một sản phẩm hoặc dịch vụ.

CẦN BIẾT

- **Tờ khai thuế** Một văn bản được dùng để ghi lại thu nhập của một cá nhân hoặc công ty và tính toán khoản thuế phải nộp.
- **Mức thuế** Số tiền thuế mà một cá nhân hay công ty phải nộp; mức thuế khác nhau tùy theo thu nhập của người đó hoặc doanh thu của công ty đó.
- **Hiệp định quốc tế** Các điều khoản đóng vai trò như một sự ràng buộc về thuế, ví dụ như ngừng áp thuế nhập khẩu.

TRỐN THUẾ VÀ TRÁNH THUẾ

Vì các hệ thống thuế rất khác nhau giữa các nước nên các công ty và một số cá nhân giàu có có thể lợi dụng sự khác nhau giữa các mức thuế quốc tế để giảm tổng số tiền thuế mà họ phải trả. Điều này được gọi là "trốn" thuế nếu được thực hiện một cách phi pháp, và gọi là "tránh" thuế nếu được thực hiện hợp pháp, mặc dù trên thực tế, ranh giới này rất mơ hồ. Một số khu vực có quyền tài phán chủ động áp mức thuế rất thấp để thu hút đầu tư; một số khác cũng giữ bí mật nhận diện của những người đầu tư ở đó. Điều này có nghĩa là thay vì mang lại một địa điểm hợp pháp cho các hoạt động kinh doanh, người ta cho phép các công ty chủ chốt và những người rất giàu tránh được việc phải trả những loại thuế mà họ phải nộp.

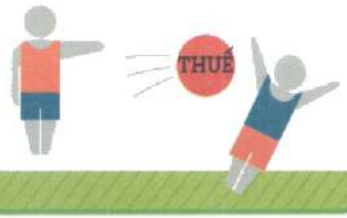

Nợ chính phủ

Cách chủ yếu để các chính phủ chi trả cho bất kỳ khoản chi nằm ngoài tiền thuế thu được là thông qua vay mượn. Tuy nhiên, vay mượn quá nhiều sẽ đem lại kết quả là mức nợ chính phủ cao.

Quản lý nợ

Chính phủ theo dõi sát sao tổng mức nợ của mình vì mức nợ cao đồng nghĩa với việc khoản tiền lãi lớn. Mỗi mức nợ bị nâng hạng thậm chí có thể trở thành bất khả chi trả nếu nguồn thu từ thuế đã chứng tỏ là không đủ để theo kịp tốc độ tăng của lãi suất. Hơn nữa, một đất nước phải gánh các khoản nợ nặng nề và bị các nhà đầu tư coi là tiềm ẩn rủi ro cao có thể khó vay đủ tiền để trang trải những khoản chi hằng ngày.

Vay tiền

Các chính phủ thường vay tiền bằng cách phát hành trái phiếu tới các cá nhân và tổ chức tài chính để đổi lấy một khoản vay. Sau đó, chính phủ sẽ trả một lãi suất cố định cho các nhà đầu tư trong một khoảng thời gian, và thanh toán toàn bộ giá trị trái phiếu khi đáo hạn.

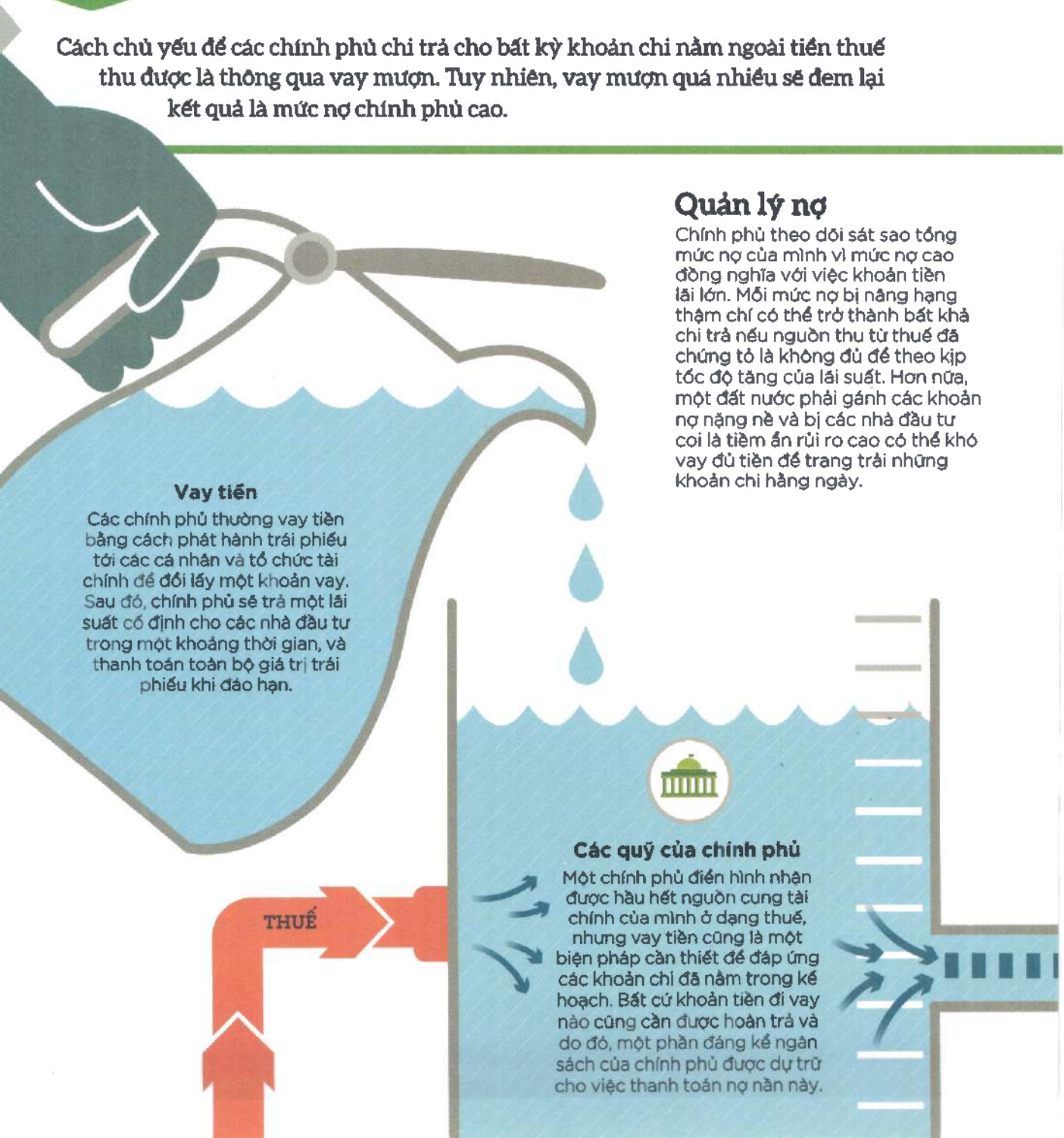

Các quỹ của chính phủ

Một chính phủ điển hình nhận được hầu hết nguồn cung tài chính của mình ở dạng thuế, nhưng vay tiền cũng là một biện pháp cần thiết để đáp ứng các khoản chi đã nằm trong kế hoạch. Bất cứ khoản tiền đi vay nào cũng cần được hoàn trả và do đó, một phần đáng kể ngân sách của chính phủ được dự trữ cho việc thanh toán nợ nần này.

Nó diễn ra như thế nào

Các chính phủ thường muốn chi tiêu nhiều hơn số thuế họ thu được. Điều này có thể xảy ra trong giai đoạn suy thoái, khi tỷ lệ thất nghiệp cao hơn, do đó nguồn thu từ thuế giảm. Chênh lệch giữa thu nhập từ thuế và chi tiêu của chính phủ được gọi là thiếu hụt. Các chính phủ vay tiền để trang trải phần thiếu hụt, duy trì chi tiêu và tiếp tục cung cấp các dịch vụ, với mục tiêu là cuối cùng sẽ trả được nợ bằng tiền thu từ thuế. Hầu hết các chính phủ đều bị thiếu hụt tại nhiều thời điểm khác nhau và có thể thiếu hụt liên tục. Nếu họ có thể trả nợ và tiền lãi không lớn thì đây không phải là vấn đề; nhưng họ có nguy cơ vỡ nợ khi việc trả nợ không theo kịp với tốc độ vay mới.

"Một khoản nợ quốc gia, nếu không quá mức, sẽ là một phước lành đối với dân tộc chúng ta."

Alexander Hamilton, bộ trưởng Ngân khố đầu tiên của Mỹ

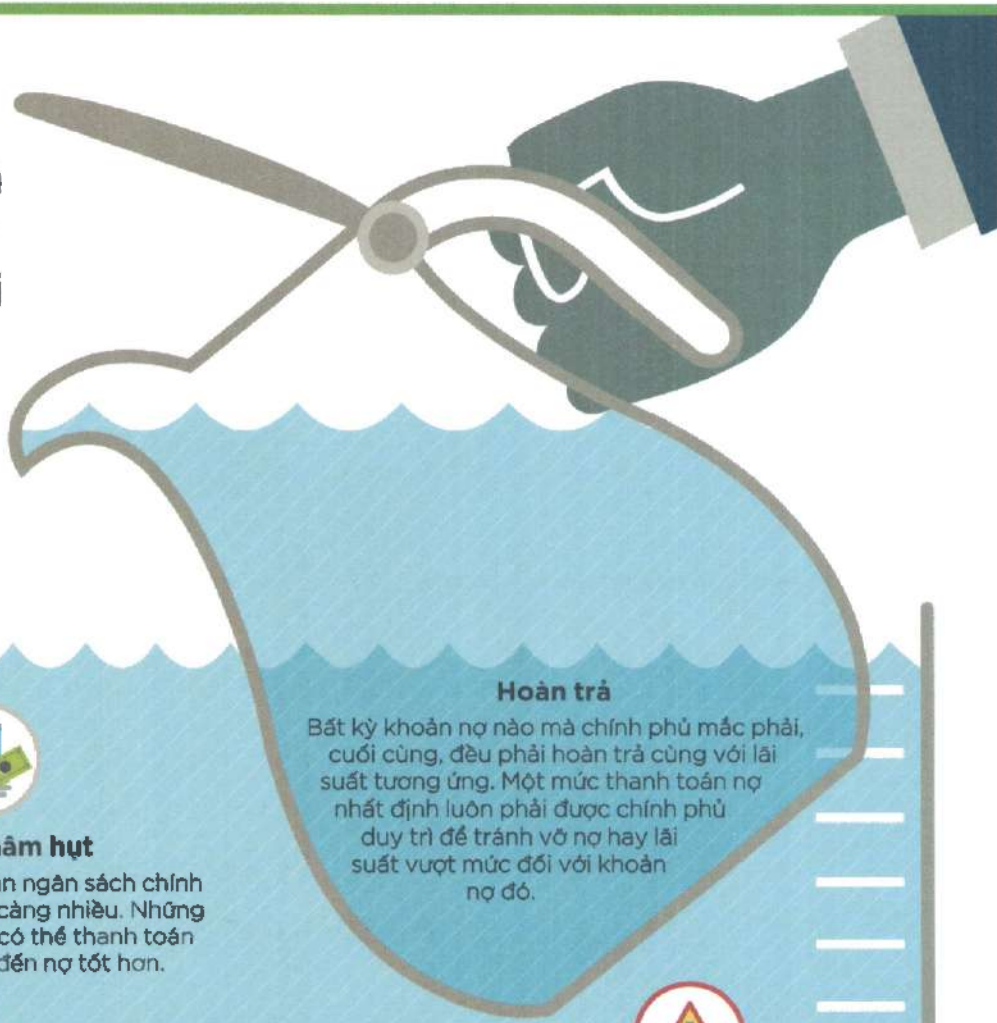

Hoàn trả

Bất kỳ khoản nợ nào mà chính phủ mắc phải, cuối cùng, đều phải hoàn trả cùng với lãi suất tương ứng. Một mức thanh toán nợ nhất định luôn phải được chính phủ duy trì để tránh vỡ nợ hay lãi suất vượt mức đối với khoản nợ đó.

Hoàn trả thâm hụt

Thâm hụt càng lớn, phần ngân sách chính phủ cần để hoàn trả nó càng nhiều. Những chính phủ có thặng dư có thể thanh toán các khoản liên quan đến nợ tốt hơn.

Vỡ nợ chính phủ

Nếu một chính phủ không thể hoặc từ chối hoàn trả toàn bộ khoản nợ, người ta gọi đó là vỡ nợ. Điều này có nghĩa là chính phủ đó không thể theo kịp các khoản hoàn trả của những khoản nợ mà họ đã vay.

NGUY CƠ VỠ NỢ

Nợ công

Nợ công là tổng số tiền mà chính phủ của một nước mắc nợ, bao gồm cả những khoản nợ lịch sử. Các quốc gia với nền kinh tế lớn và dân số đóng thuế đông đảo có thể gánh nợ nhiều hơn những quốc gia không có.

Nó diễn ra như thế nào

Tổng số tiền mà chính phủ một nước (và tất cả những chính phủ trước đó) đã vay được gọi là nợ công hay nợ quốc gia. Số nợ này thường được tính là tổng nợ trừ đi tài sản lưu động của chính phủ. Lãi suất được tính theo khoản nợ này và có thể rất đáng kể. Nếu chính phủ tiêu nhiều hơn những gì họ thu được từ thuế trong một năm, họ sẽ bị thâm hụt. Bất cứ khoản tiền nào được chính phủ vay mượn để trang trải cho phần này, sau đó sẽ được tính vào nợ công. Khi chính phủ chi tiêu ít hơn số tiền họ thu được từ thuế trong một năm, chính phủ đó có "thặng dư", phần có thể được dùng để trả nợ. Lạm phát có thể giúp giảm gánh nặng nợ nần. Một chính phủ không có khả năng thanh toán các khoản nợ của mình được gọi là "vỡ nợ" và sẽ khó có thể mượn tiền thêm nữa.

Gánh nợ

Các chính phủ thường dùng thuế để hoàn trả các khoản nợ. Họ càng kiếm được nhiều tiền, họ càng có khả năng trả nợ nhanh hơn. Nền kinh tế của một quốc gia càng lớn thì quốc gia đó càng có thể gánh nợ lớn hơn một cách an toàn hơn, vì nền kinh tế lớn hơn có thể thu về nhiều thuế hơn.

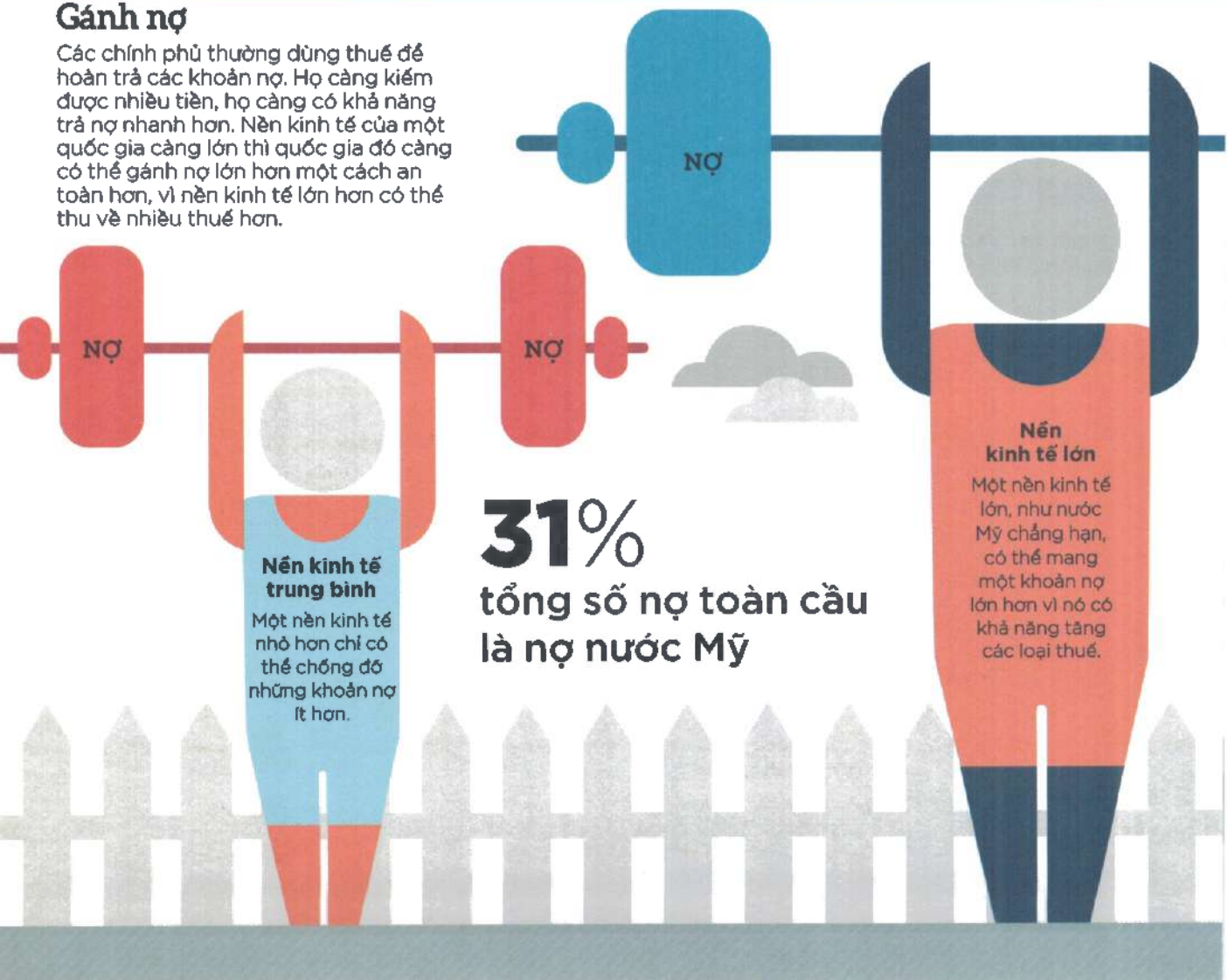

31%
tổng số nợ toàn cầu là nợ nước Mỹ

NỢ CHÍNH PHỦ TĂNG TRONG THỜI CHIẾN

Chiến tranh tạo ra những nhu cầu đặc biệt đối với việc chi tiêu của chính phủ. Các chính phủ điển hình cấp tiền cho nhu cầu này bằng cách đi vay. Những khoản nợ chính phủ đầu tiên, trong thế kỷ 17, là do vay tiền để cung cấp cho các chiến dịch quân sự.

CẦN BIẾT

- **Nợ công/quốc gia/ tối cao** Tổng số nợ của một chính phủ.
- **Nợ quốc nội** Số tiền được vay mượn từ chính đất nước của chính phủ đó.
- **Nợ bên ngoài** Số tiền vay từ nước ngoài.

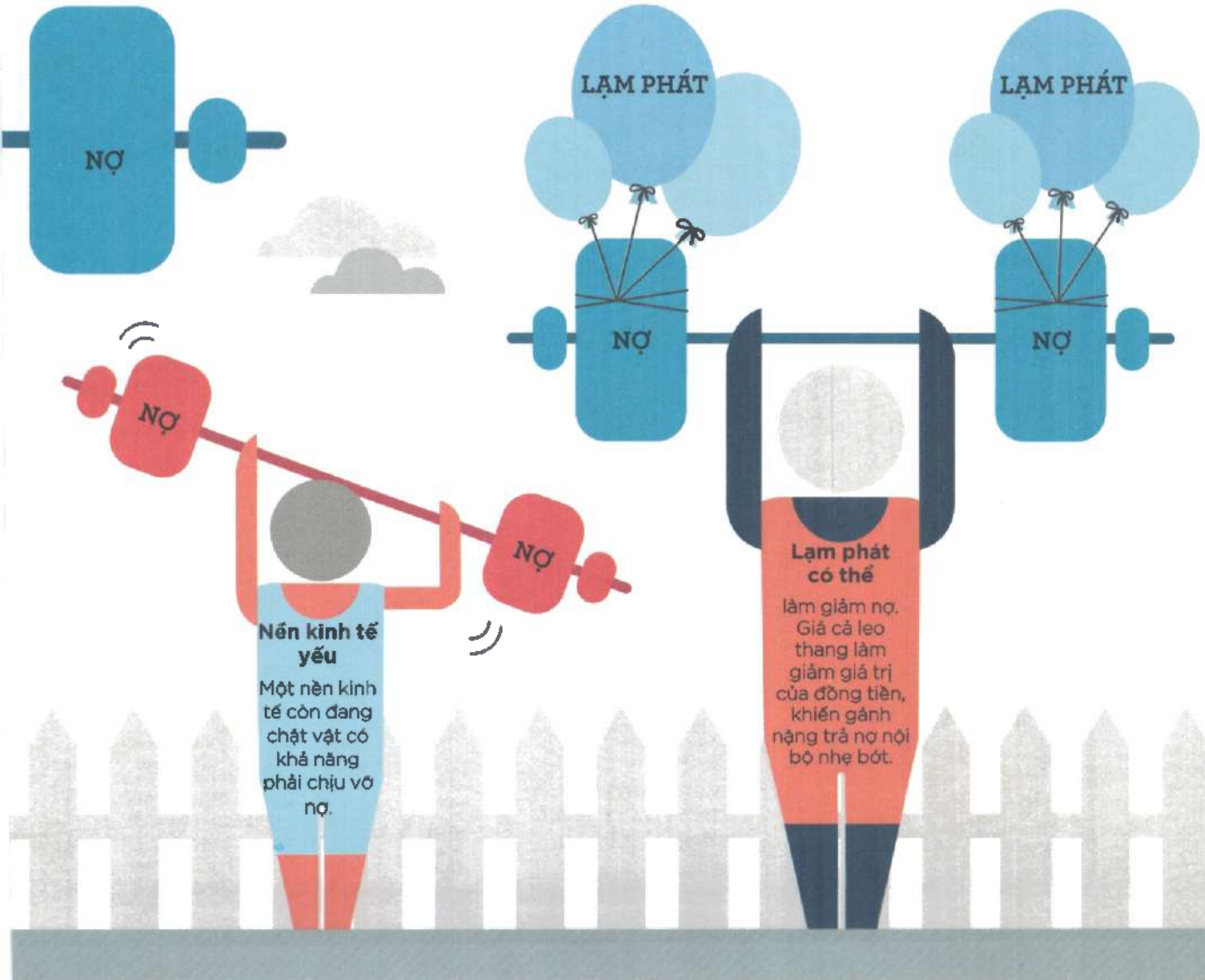

Khả năng quy trách nhiệm

Trách nhiệm đối với chính sách kinh tế thường được phân bổ cho cả chính phủ lẫn ngân hàng trung ương. Việc báo cáo các quyết định của mình cho công chúng và các tổ chức dân chủ khiến khả năng quy trách nhiệm cho họ trở nên rõ ràng hơn trong mắt người dân.

Nó hoạt động ra sao

Các nước dân chủ luôn nhấn mạnh rằng các chính phủ phải báo cáo thường niên cho các cơ quan lập pháp về các kế hoạch thuế và chi tiêu của mình – chính sách tài khóa. Ngân sách hằng năm đã trở thành công cụ trung tâm của chính sách kinh tế của các chính phủ, và nội dung của chính sách có xu hướng thống trị các cuộc tranh luận trong các kỳ bầu cử quốc gia. Trước khủng hoảng năm 2008, chính sách tiền tệ – thay đổi lãi suất và tác động đến cung tiền – đã ngày càng được chuyển sang cho ngân hàng trung ương. Tuy nhiên, sau khủng hoảng, chính sách và vai trò của hệ thống ngân hàng trong chính sách đã được đặt dưới sự kiểm tra gắt gao hơn.

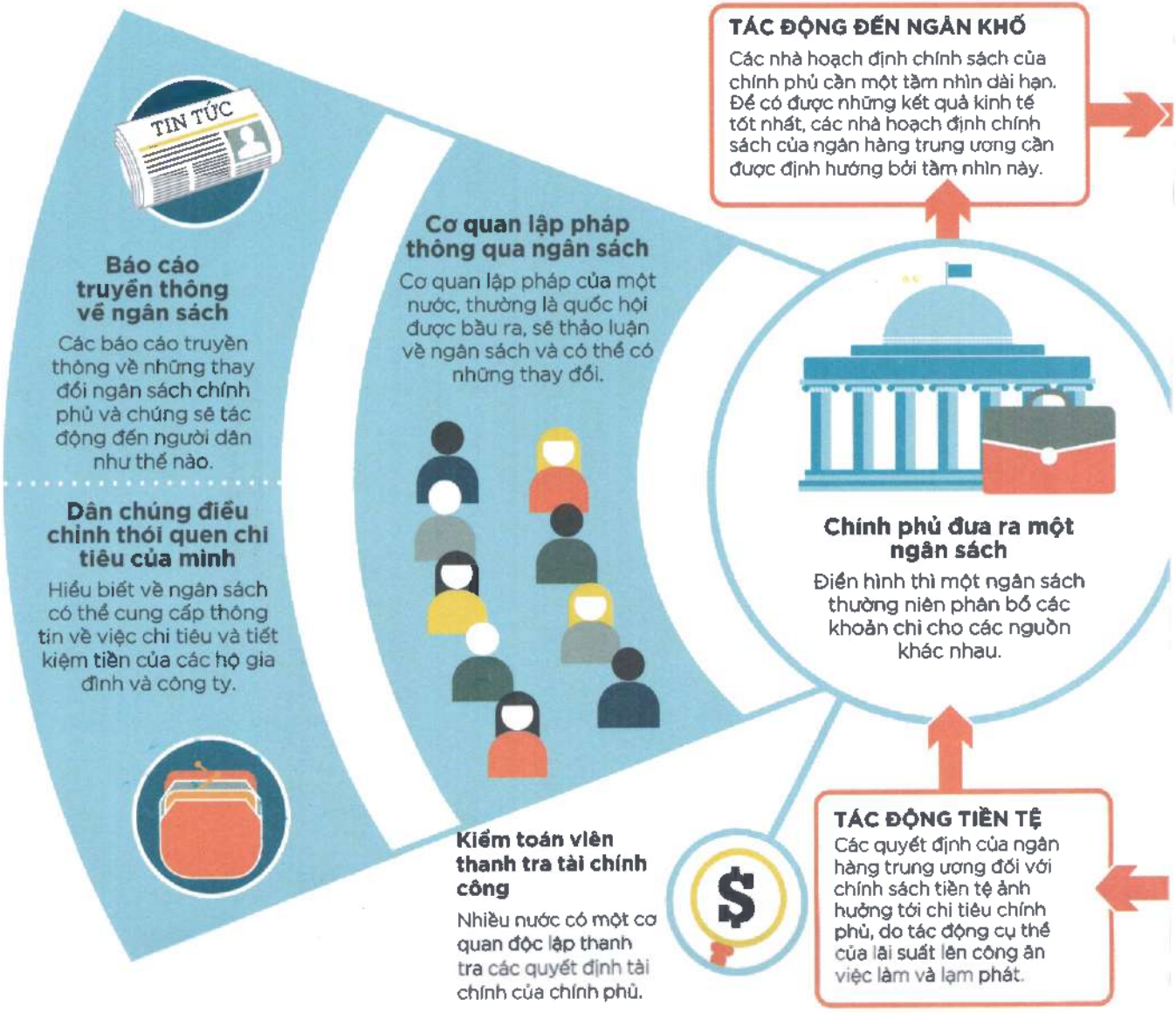

TÍNH MINH BẠCH VÀ KHẢ NĂNG QUY TRÁCH NHIỆM TRONG NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG

Xu hướng hiện tại ở nhiều nước là ủng hộ cho một ngân hàng trung ương độc lập. Điều cốt lõi là một ngân hàng trung ương tự quản có khả năng phối hợp hiệu quả với chính phủ và để nó, cũng như công chúng, đánh giá các đề án kinh tế. Xét cho cùng, một ngân hàng trung ương nên thể hiện được cả tính minh bạch cũng như khả năng quy trách nhiệm.

Tính minh bạch

- **Tăng cường sự cởi mở** được kỳ vọng là sẽ dẫn tới những quyết định dựa trên thông tin tốt hơn.
- **Các chính sách chính trị, kinh tế và thủ tục** tất cả nên được vạch ra một cách rõ ràng.
- **Các báo cáo định kỳ và tổng hợp** phải sẵn sàng được cung cấp cho công chúng và chính phủ.

Khả năng quy trách nhiệm

- **Các tiêu chuẩn quản lý chặt chẽ** đối với nhân viên của ngân hàng trung ương nên dẫn tới các quyết định tốt hơn.
- **Các báo cáo tài chính được kiểm toán** nên sẵn sàng được cung cấp cho công chúng.
- **Các chi phí vận hành và doanh thu** nên được công khai.

CÁC YẾU TỐ BÊN NGOÀI

Việc ra quyết định của ngân hàng trung ương cũng cần xem xét các yếu tố như quan điểm xã hội, những đánh giá kinh doanh và tính thanh khoản của thị trường tài chính.

Ngân hàng trung ương cũng giám sát các ngân hàng thương mại Việc giám sát các ngân hàng thương mại mang lại cho ngân hàng trung ương sức mạnh to lớn trong việc định hình nền kinh tế.

Ngân hàng trung ương áp các mức lãi suất

Sau khi tham khảo một loạt các chỉ số tài chính, ngân hàng trung ương quyết định một mức lãi suất cố định.

Báo cáo chứng minh và giải thích cho các quyết định

Thống đốc ngân hàng trung ương có mặt trước hội đồng để đưa ra những giải thích sâu hơn nếu được yêu cầu.

Biên bản của cuộc họp chính sách được công bố

Các báo cáo của quá trình ra quyết định của ngân hàng trung ương được công bố công khai.

Tác động của chính sách được giám sát và định lượng

Các tổ chức tài chính và truyền thông có chuyên môn quan tâm đặc biệt đến các quyết định của ngân hàng trung ương.

TÁC ĐỘNG LÊN CÔNG CHÚNG

Các mức lãi suất ảnh hưởng đến các các quyết định tiết kiệm, vay và chi tiêu. Những điều này tác động tới đầu ra và công ăn việc làm, chi phí của nhà sản xuất và giá cả, cuối cùng là giá tới tay người tiêu dùng.

TÁC ĐỘNG LÊN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Các mức lãi suất tác động đến giá của các tài sản tài chính và tỷ giá hối đoái, theo đó tác động đến nhu cầu của người tiêu dùng và doanh nghiệp cũng như doanh thu từ tài sản của một đất nước có liên quan tới quy đổi ngoại tệ.

Nỗ lực kiểm soát

Các chính phủ có thể nỗ lực quản lý nền kinh tế bằng cách điều chỉnh các chính sách như các loại thuế và tác động đến lãi suất. Mỗi cách điều chỉnh có thể ảnh hưởng đến một phần nhỏ của cả cỗ máy kinh tế hoàn chỉnh. Tuy nhiên, nền kinh tế thường vượt ngoài tầm kiểm soát trực tiếp của một chính phủ và các yếu tố của nó sẽ tương tác với nhau theo các cách riêng. Do đó, việc dự báo cách vận hành của nó và cố gắng cân bằng nhu cầu cạnh tranh để có được các nguồn lực vẫn luôn là một thách thức không ngừng.

Cỗ máy kinh tế

Thiết kế này được dựa trên một cỗ máy thực có tên là MONIAC, mô phỏng thủy lực nền kinh tế Anh, được nhà kinh tế học Bill Phillips tạo ra vào năm 1949. Dựa trên lý thuyết về thu nhập quốc dân, nó cho thấy các mối liên hệ giữa các phần khác nhau của nền kinh tế bằng cách dùng một hệ thống bể chứa, bơm, ống dẫn và có thể được dùng để đưa ra những dự báo đơn giản, từ đó dẫn tới các thay đổi về chính sách.

CÁC CHỈ SỐ KINH TẾ

Mỗi phần của cỗ máy có một con số gắn với nó. Trong một nền kinh tế thực, những chỉ số mà các số liệu này đại diện được cơ quan thống kê quốc gia thu thập và đưa ra, nhìn chung là sử dụng các dữ liệu khảo sát để đánh giá các mức chi tiêu, công ăn việc làm... Một vấn đề đối với chính phủ là sự chậm trễ giữa những sự kiện thực trong nền kinh tế và việc xử lý, tiếp nhận các chỉ số.
Xem trang 116-119

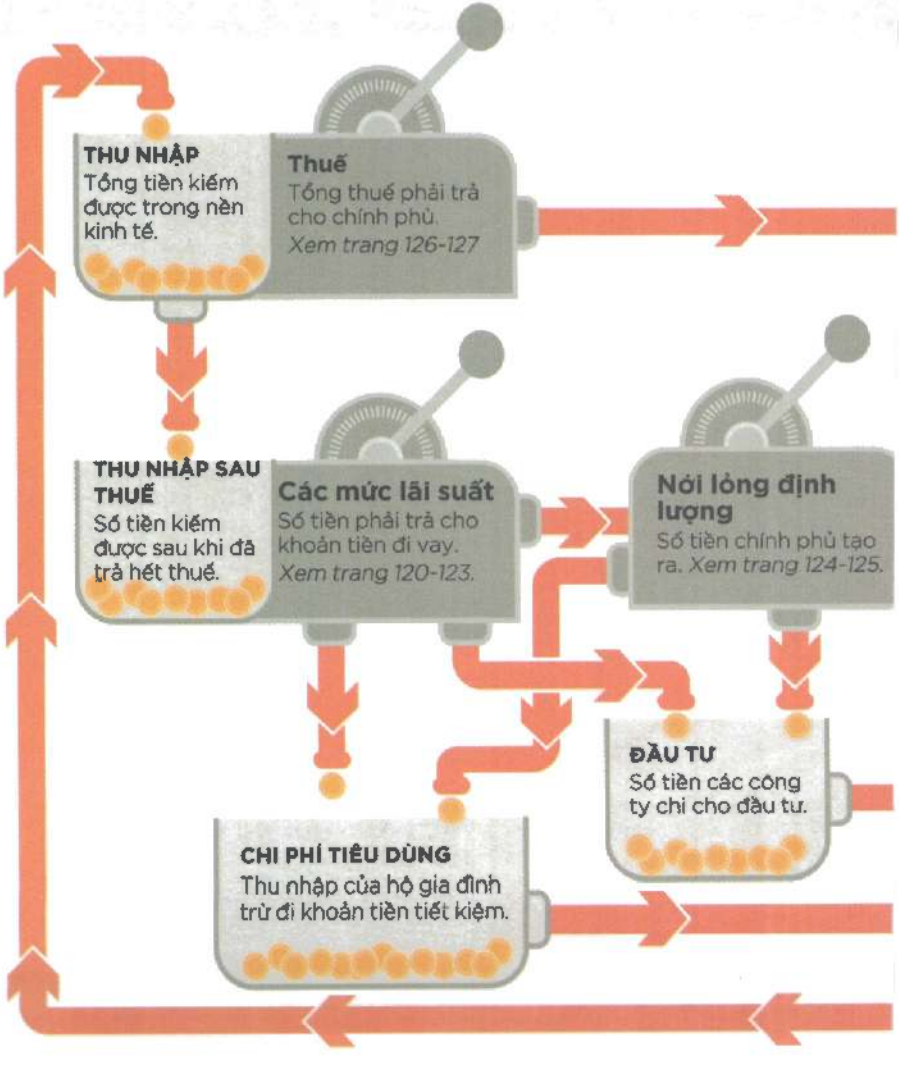

TÍNH TOÁN THU NHẬP QUỐC DÂN

Thu nhập quốc dân

Thu nhập quốc dân là tổng số tiền tất cả các ngành trong nền kinh tế kiếm được cộng với cán cân đối ngoại (còn được gọi là cán cân thanh toán). Tính toán thu nhập quốc dân là một phương pháp mà chính phủ quốc gia sử dụng để đo mức độ hoạt động kinh tế của một nước trong một khoảng thời gian nhất định.

Thu nhập tương đương chi tiêu

Ý tưởng về thu nhập quốc dân là mỗi xu được chi tiêu trong một phần của nền kinh tế phải ngang bằng với mỗi xu kiếm được ở đâu đó khác, và tổng tiền thu được của nền kinh tế phải bằng tổng tiền chi ra. Ý tưởng cơ bản này cho phép các nhà kinh tế xây dựng và nghiên cứu các mô hình như máy MONIAC.

4,29 nghìn tỷ đô la Mỹ

là thu nhập quốc dân (GNI) của Nhật Bản năm 2015

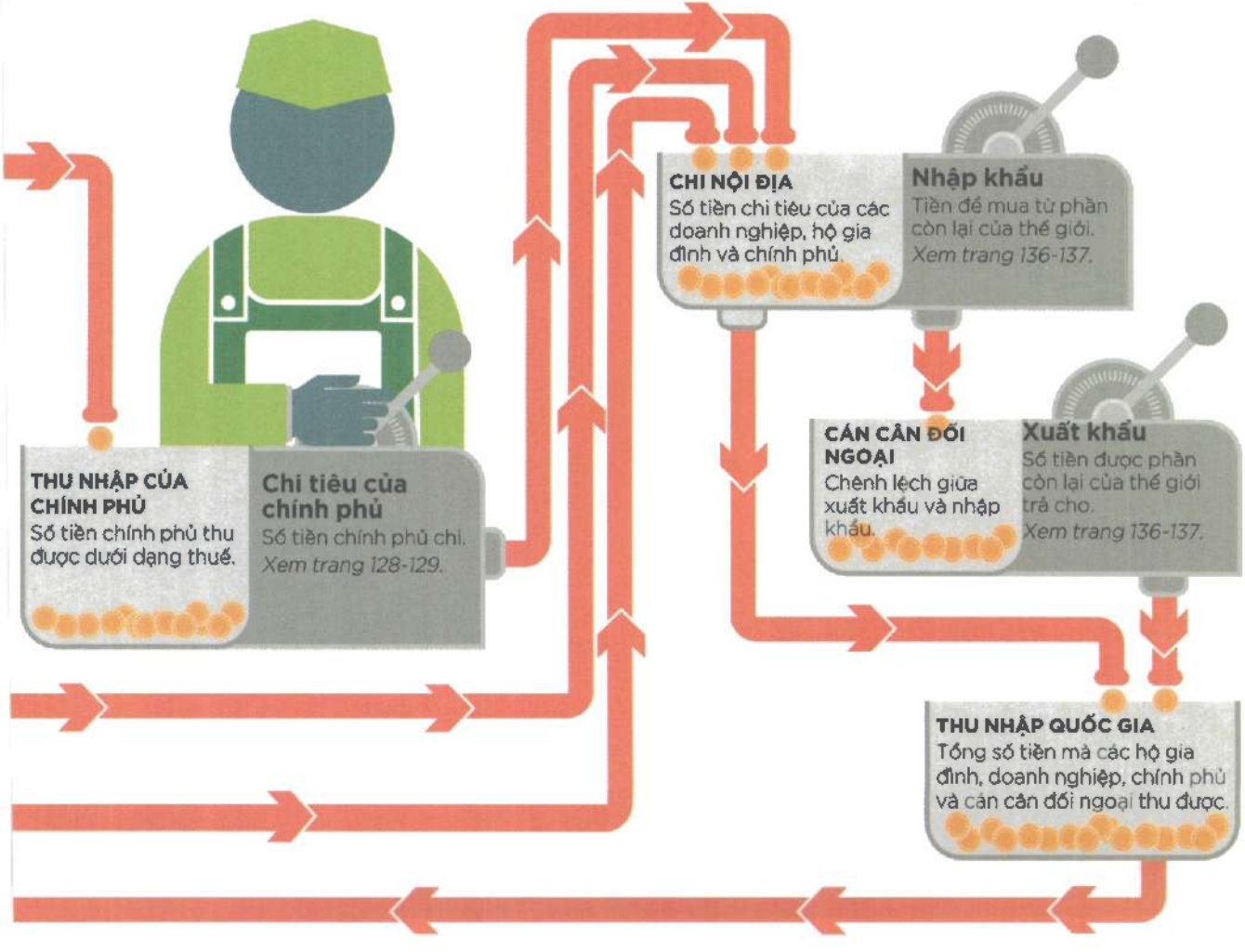

Đọc các chỉ số kinh tế

Bằng cách sử dụng một số chỉ số hiệu suất, chính phủ có thể theo dõi xem các bộ phận của nền kinh tế đang hoạt động như thế nào và liệu có các vấn đề tiềm ẩn nào sắp xảy ra không. Tuy nhiên, những chỉ số như vậy phải được xem xét thận trọng.

Đo lường hoạt động

Các chỉ số thường được thể hiện dưới dạng tỷ lệ thay đổi theo thời gian vì nền kinh tế rất năng động. Nhưng điều này cũng có nghĩa là các chỉ số chỉ là các ước tính dựa trên những khảo sát được tiến hành ở một thời điểm nhất định.

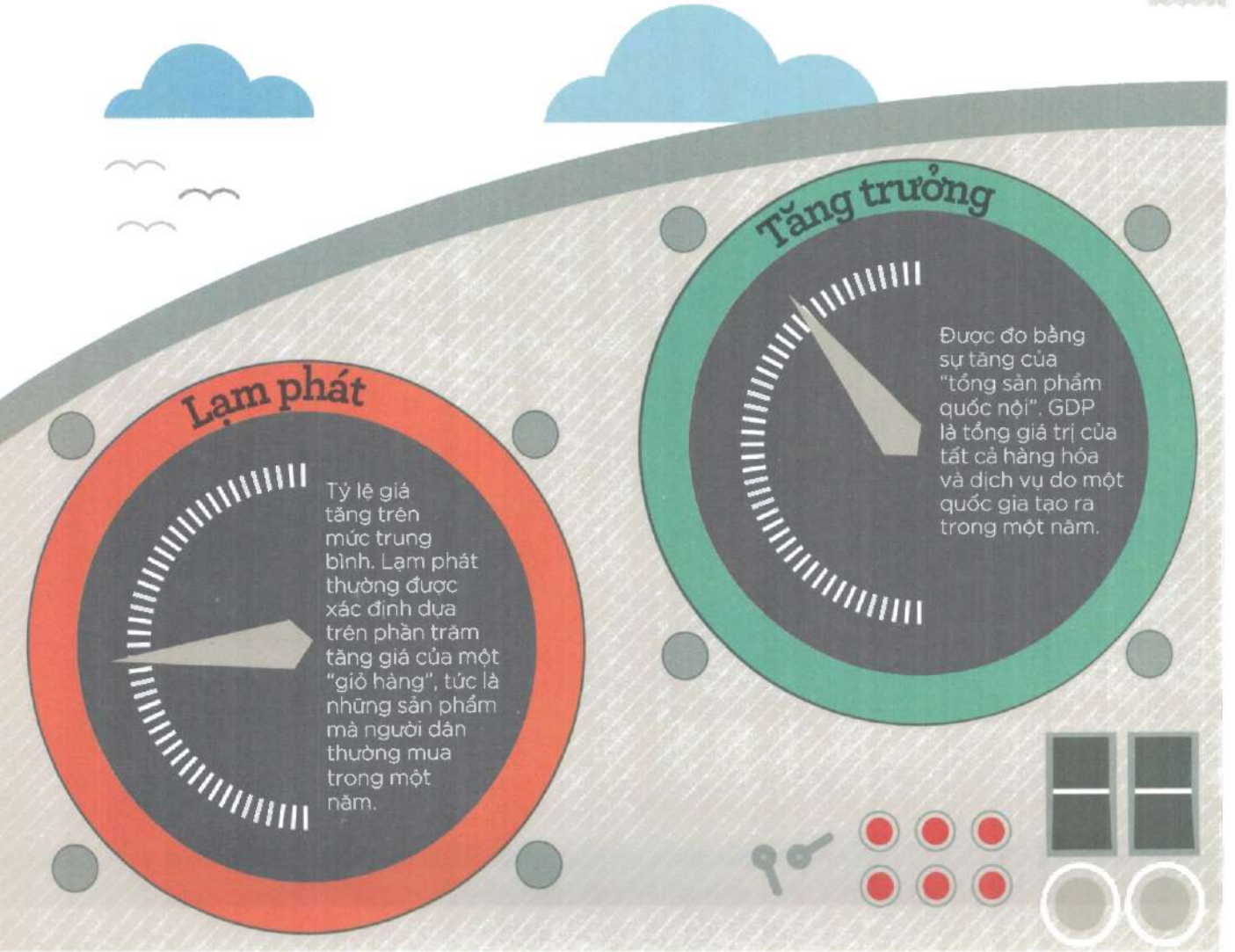

Chúng hoạt động ra sao

Những chỉ số chính mà chính phủ sử dụng để giám sát nền kinh tế được dựa trên những khảo sát thực hiện với các cá nhân, doanh nghiệp và ban, ngành của chính phủ. Một cơ quan thống kê quốc gia thường có trách nhiệm tiến hành khảo sát rồi tính toán các con số. Cơ quan này sẽ xem xét nền kinh tế, các doanh nghiệp, ngành công nghiệp và thương mại, tình trạng việc làm, thị trường lao động và xã hội nói chung. "Những chỉ số hàng đầu" nhìn chung liên quan đến những bộ phận của nền kinh tế có tác động lớn nhất đến cuộc sống hằng ngày của người dân, và có thể bao gồm những đánh giá về khả năng tìm được việc làm của các cá nhân, liệu lương của họ sẽ tăng hay giảm, liệu các doanh nghiệp có thể mở rộng hay không.

1884 là năm Cục Thống kê Lao động Hoa Kỳ được thành lập để phân tích dữ liệu

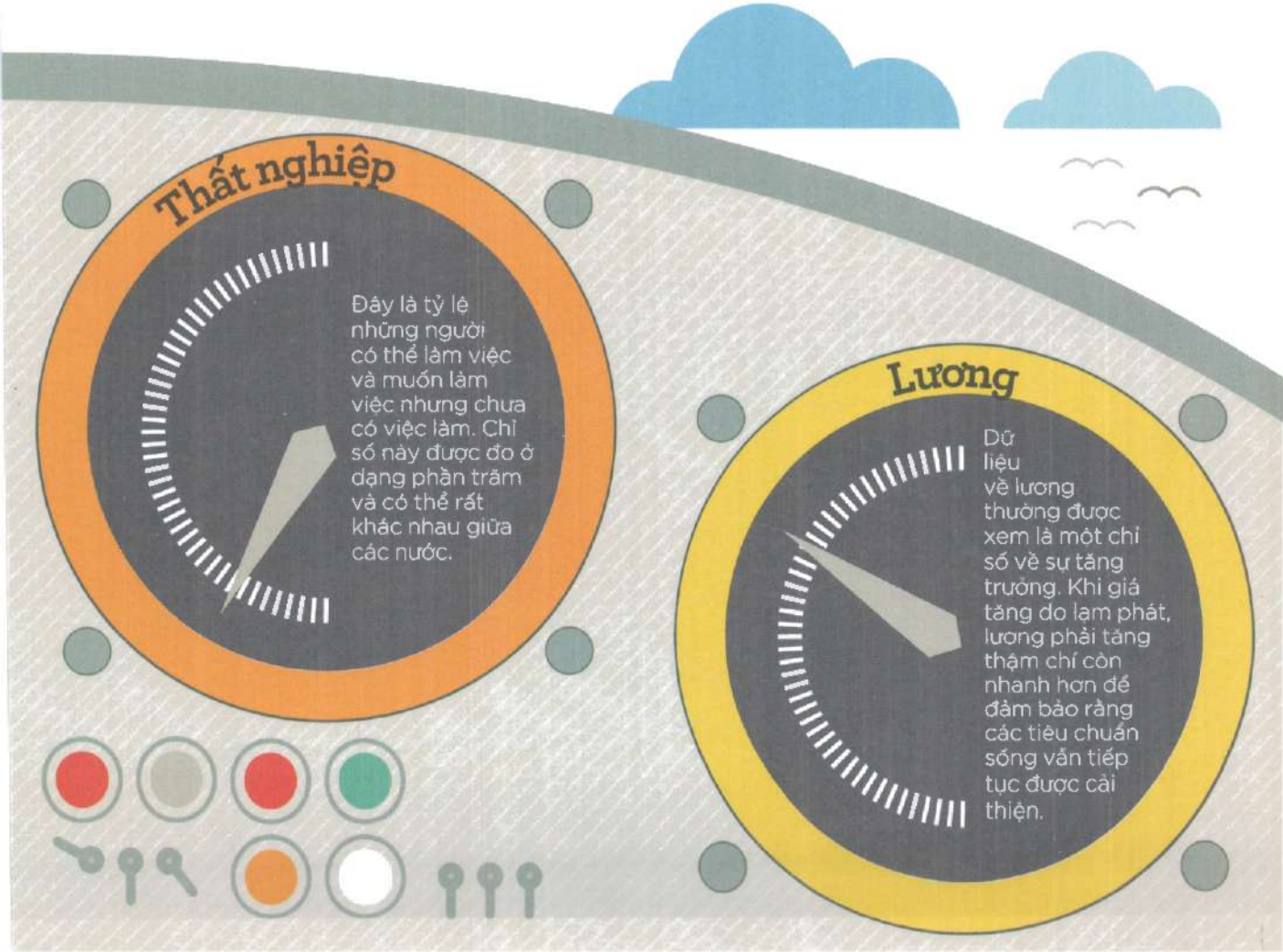

Quyết định các chính sách kinh tế

Các chính phủ theo dõi sát sao dữ liệu về nền kinh tế để thiết lập những chính sách có thể cải thiện hiệu suất. Có vô số cách can thiệp vào nền kinh tế, mỗi cách lại có ưu và nhược điểm riêng.

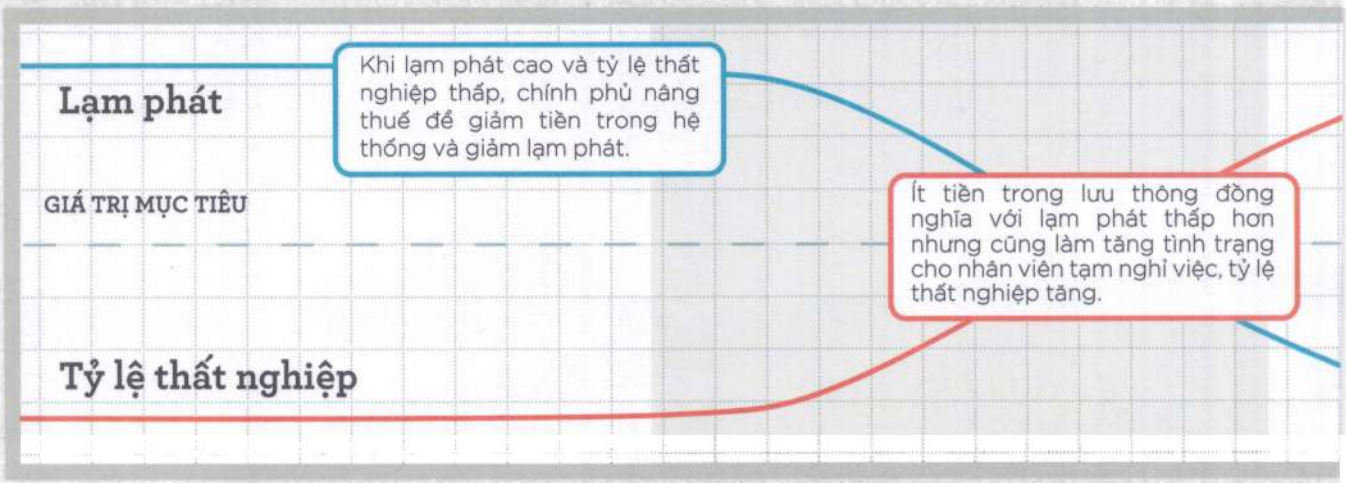

Hiệu chuẩn bộ máy kinh tế

Các chính phủ có một số biện pháp kiểm soát khác nhau mà họ có thể điều chỉnh để giúp nền kinh tế vận hành trôi chảy. Những biện pháp lớn nhất là thuế, các quyết định chi tiêu và lãi suất. Mỗi biện pháp này tác động lên nền kinh tế theo những cách khác nhau và chính phủ phải cân nhắc một loạt hệ quả tiềm ẩn khi thực hiện.

"Lạm phát là một trong những dạng đánh thuế có thể được áp đặt mà không cần luật định."

Milton Friedman, nhà kinh tế học Mỹ

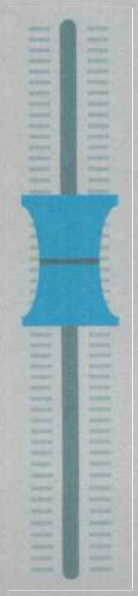

Tăng thuế

Chính phủ có thể làm chậm nền kinh tế bằng cách tăng các loại thuế, một biện pháp được triển khai khi có nguy cơ lạm phát. Khi tiêu dùng giảm, khả năng các nhà cung cấp tăng giá bán thấp hơn vì họ có nguy cơ mất thị trường và do đó, lạm phát bị chậm lại. Cắt giảm thuế có tác dụng ngược lại.

Nó diễn ra như thế nào

Việc quyết định chính sách kinh tế được so sánh với việc cố gắng vận hành một cỗ máy cân bằng tinh vi. Bằng cách điều chỉnh các "đĩa số" chính sách khác nhau, chính phủ hướng đến một sự kết hợp tốt nhất các biến số kinh tế chủ chốt – thường là sự kết hợp của mức độ lạm phát và thất nghiệp thấp. Tuy nhiên, các nhà kinh tế học chỉ ra phải lựa chọn giữa lạm phát và thất nghiệp, với thất nghiệp thấp kèm theo cái giá là lạm phát cao; và ngược lại. Gần đây, các nhà kinh tế đã kết luận rằng các nền kinh tế tự vận hành là tốt nhất, các tổ chức như ngân hàng trung ương kiểm soát chính sách tiền tệ trong khi nhà nước tập trung vào "các chính sách về cung" như khiến cho thị trường trở nên hiệu quả hơn.

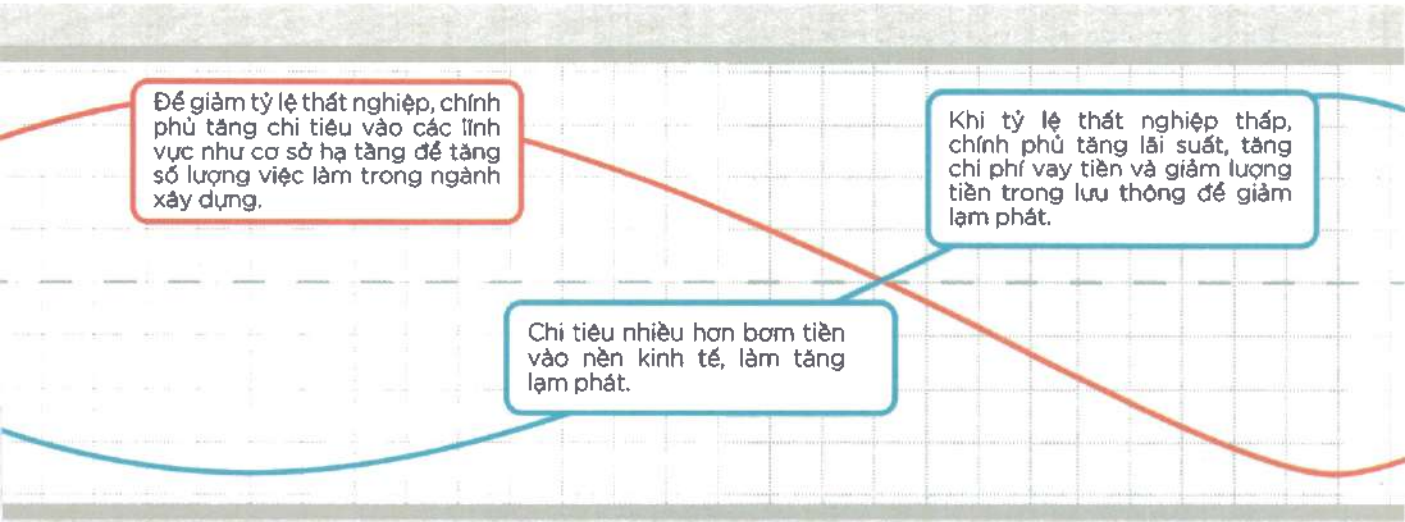

Tăng chi tiêu

Khi nền kinh tế chậm lại và tỷ lệ thất nghiệp có nguy cơ tăng, chính phủ có thể thử kích thích nền kinh tế bằng cách tăng chi tiêu. Bằng cách khuyến khích công chúng chi tiêu, nhà nước tăng khả năng tuyển dụng nhân lực của các công ty nhằm đáp ứng nhu cầu tăng lên. Cắt giảm chi tiêu có tác dụng ngược lại.

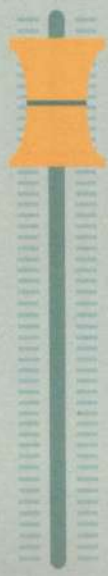

Tăng lãi suất

Bằng cách đặt ra các mục tiêu lạm phát, chính phủ chỉ đạo cho ngân hàng trung ương thay đổi lãi suất cơ bản, theo đó tác động đến các mức lãi suất khác. Khi lãi suất tăng, chi phí để vay được tiền trở nên đắt đỏ hơn, người ta chi tiêu ít đi và các doanh nghiệp cảm thấy mình cần giảm giá bán, theo đó giảm lạm phát. Giảm lãi suất có tác dụng ngược lại.

Các mức lãi suất

Lãi suất thực chất là số tiền mà người cho vay áp cho người vay tiền để được sử dụng một khoản tiền. Mức lãi suất dự trữ quốc gia do ngân hàng trung ương đặt ra sẽ ảnh hưởng đến mức độ dễ dàng vay hay mượn tiền trong một nước.

Nó hoạt động như thế nào

Người cho vay áp lãi suất lên khoản tiền hay các tài sản khác mà họ cho vay. Đây là một khoản phí được đặt ra để bảo hiểm cho những rủi ro của người cho vay nếu người vay tiền không có khả năng hoàn trả khoản vay. Người vay bị coi là có nguy cơ không thanh toán được một khoản vay lớn hơn có thể sẽ phải trả phí cao hơn. Các mức lãi suất cũng bù đắp lại những lợi nhuận mà người cho vay có thể kiếm được nếu đầu tư số tiền đó vào một nơi khác. Lãi suất áp cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính hay kinh doanh khác thường được tính toán là phần trăm của số tiền đã vay và được biểu thị như doanh thu thường niên – tỷ lệ phần trăm bình quân năm hay APR *(xem trang 210)*. Ngân hàng trung ương đóng vai trò chủ chốt trong việc đặt ra các mức lãi suất quốc gia *(xem trang 100-103)*.

Các mức lãi suất được áp như thế nào

Mức lãi suất cơ bản là do ngân hàng trung ương của một nước đặt ra nhằm đối phó các mục tiêu lạm phát mà chính phủ thiết lập. Các ngân hàng thương mại đối phó với những thay đổi của mức lãi suất cơ bản bằng cách điều chỉnh mức lãi suất của các sản phẩm khác nhau mà họ đưa ra.

Chính phủ

Mỗi năm, chính phủ đặt ra các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ có việc làm. Các mục tiêu này nhằm đạt được bình ổn giá do tăng trưởng kinh tế và có việc làm góp phần tạo ra tăng trưởng kinh tế ổn định. Giá cả được giữ ổn định khi lạm phát xảy ra ở một mức độ hạn chế và do đó, chính phủ đặt ra một mục tiêu lạm phát mà giá cả không nên tăng hay giảm quá mức đó. Con số này được công bố hằng năm dưới dạng phần trăm của Chỉ số giá tiêu dùng (CPI). CPI được đo như chi phí mua một loạt hàng hóa và dịch vụ mang tính đại diện của một hộ gia đình, bao gồm thực phẩm, đi lại, quần áo và giải trí.

Ngân hàng trung ương

Mục tiêu lạm phát của chính phủ được chuyển qua ngân hàng trung ương, đơn vị theo đó sẽ đặt ra lãi suất cơ bản – mức lãi suất mà ngân hàng trung ương áp cho các ngân hàng thương mại vay tiền của nó. Ngân hàng trung ương làm điều này để khuyến khích các ngân hàng thương mại điều chỉnh lãi suất của mình cho phù hợp với lãi suất cơ bản. Lãi suất của ngân hàng thương mại quyết định mức độ dễ dàng mà khách hàng và doanh nghiệp có thể vay được tiền, do đó nó ảnh hưởng đến đầu tư, chi tiêu, tỷ lệ có việc làm và mức lương trong nền kinh tế rộng hơn. Theo đó, những điều này ảnh hưởng đến giá bán của sản phẩm và lạm phát *(xem trang 122-123)*.

Lãi suất cơ bản

Tăng lãi suất cơ bản có nghĩa là các ngân hàng thương mại phải trả tiền lãi cao hơn cho khoản vay từ ngân hàng trung ương, khiến việc vay tiền của họ trở nên đắt đỏ hơn. Giảm lãi suất cơ bản có nghĩa là các ngân hàng thương mại phải trả lãi ít hơn cho các khoản dự trữ mà họ vay từ ngân hàng trung ương, theo đó việc vay tiền của họ trở nên rẻ hơn.

LẠM PHÁT ẢNH HƯỞNG ĐẾN LÃI SUẤT NHƯ THẾ NÀO

Lãi suất và lạm phát có quan hệ mật thiết với nhau; thay đổi của cái này tác động đến cái kia. Lạm phát là sự giảm sức mua của một loại tiền tệ do cung tiền quá lớn *(xem trang 132-135)*. Lượng cung hàng hóa và dịch vụ hạn chế, cùng với lượng cung tiền quá mức, có nghĩa là đồng tiền bị mất giá và cần nhiều tiền hơn để có được cùng những sản phẩm ấy. Một khoản vay là một sản phẩm và giá để được sử dụng khoản tiền là mức lãi suất; vì thế nếu giá trị của tiền giảm, các ngân hàng thương mại có thể áp một mức lãi suất cao hơn cho các khoản vay. Phí cao hơn sẽ khiến việc vay tiền trở nên đắt đỏ hơn, kết quả là có ít khoản vay được thực hiện hơn. Điều này về cơ bản tác động lên tiêu dùng, khiến cung tiền cũng như tỷ lệ lạm phát giảm.

CẦN BIẾT

- **Lãi suất danh nghĩa** Mức lãi suất được quảng cáo, không ảnh hưởng đến hiệu ứng lạm phát (hay phí hoặc hiệu ứng lãi suất kép).
- **Lãi suất thực** Nói về mức lãi suất cụ thể cho các nhà đầu tư, mức lãi suất này tính đến cả lạm phát và được tính bằng cách lấy lãi suất danh nghĩa trừ đi tỷ lệ lạm phát.

Các ngân hàng thương mại
Các ngân hàng cần có lợi nhuận, do đó nếu chi phí để họ vay tiền từ ngân hàng trung ương tăng (khi lãi suất cơ bản tăng) hoặc lãi suất vay liên ngân hàng tăng, họ cần phản ánh điều đó trong các mức lãi suất mà họ áp lên số tiền khách hàng của họ vay. Các ngân hàng thương mại đặt ra các mức lãi suất theo nhu cầu riêng của mình, nên một số ngân hàng có thể không chọn cách áp lãi suất thấp hơn với khách hàng vay tiền, trong khi các ngân hàng khác có thể đưa ra mức lãi suất tiết kiệm cao hơn để thu hút tiền gửi của các khách hàng mới.

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG

Các ngân hàng cho nhau vay tiền với mức lãi suất cao hơn lãi suất cơ bản một chút.

CÁC KHOẢN VAY CÓ MỨC LÃI SUẤT CAO HƠN LÃI SUẤT TIẾT KIỆM/TIỀN GỬI

CÁC MỨC LÃI SUẤT ĐIỂN HÌNH MÀ CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI ĐƯA RA

26% → **THẺ TÍN DỤNG**

8% → **VAY CÁ NHÂN**

Các khoản vay tín chấp/ không bảo đảm
Các khoản vay tín chấp không có người bảo lãnh hay tài sản đóng vai trò thế chấp. Điều này khiến chúng trở nên rủi ro hơn đối với người cho vay; do đó, người cho vay có thể áp mức lãi suất cao hơn.

5% → **THẾ CHẤP TÀI SẢN ĐẶT CỌC 10%**

2% → **THẾ CHẤP TÀI SẢN ĐẶT CỌC 50%**

Các khoản vay thế chấp / có bảo đảm
Các khoản vay thế chấp được đảm bảo bởi các khoản ký quỹ, như tài sản. Các khoản thế chấp tài sản được đảm bảo bởi nhà cửa. Ngân hàng không phải tiến hành thay đổi lãi suất cơ sở, trừ phi người vay có một khoản thế chấp mua nhà theo tỷ lệ lãi thông thường *(xem trang 214-215)*.

1% → **Tiết kiệm**
Lãi suất phải trả cho các khoản tiết kiệm được giữ ở mức thấp hơn lãi suất dành cho các khoản vay, nhờ đó ngân hàng có thể hưởng lợi nhuận từ chênh lệch giữa chúng.

Tác động của việc thay đổi lãi suất

Nếu lãi suất biến động liên tục, nền kinh tế sẽ trở nên bất ổn. Đó là lý do tại sao chính phủ và ngân hàng trung ương hợp tác với nhau để giữ cho lạm phát và lãi suất ổn định. Mỗi lần lãi suất thay đổi, nó gửi tín hiệu đến người tiêu dùng là nên chi tiêu hoặc tiết kiệm – và cũng có thể làm tăng hoặc giảm niềm tin vào tình trạng của nền kinh tế. Lãi suất tăng khuyến khích việc gửi tiết kiệm do lãi suất cao hơn sẽ được trả cho khoản tiền trong tài khoản tiết kiệm và đầu tư có thể phát triển. Trong khi đó, việc vay tiền trở nên kém hấp dẫn hơn do lãi suất phải trả cho tiền vay tăng lên và các ngân hàng sẽ kén chọn những người vay tiền hơn. Điều này tác động đến tính kinh tế của việc vay hay hoàn trả một khoản vay hiện hữu, ví dụ như thế chấp. Trái lại, lãi suất giảm được cho là sẽ kích thích tiêu dùng, vì người tiêu dùng có thể vay tiền với chi phí thấp hơn trong khi những người gửi tiền có xu hướng chi tiêu hoặc đầu tư đối với các khoản tiền gửi hiện chỉ mang lại số tiền lãi ít ỏi. Việc trả lãi cũng sẽ giảm đối với những người có vay thế chấp dựa trên lãi suất cơ sở, do đó còn lại nhiều tiền mặt để chi tiêu hơn. Khuyến khích việc tiêu dùng thông qua những mức lãi suất rất thấp có thể thúc đẩy nền kinh tế nhưng xét cho cùng, nó cũng có thể tác động tiêu cực tới các kế hoạch tiết kiệm lâu dài, ví dụ như tiền lương hưu.

Khi lãi suất tăng

Lãi suất cao hơn khiến việc vay tiền trở nên kém phải chăng hơn; trong khi đó, lãi suất cao đối với các tài khoản tiết kiệm khuyến khích người ta tiết kiệm hơn là chi tiêu. Khi tiêu dùng chậm lại, nền kinh tế cũng chậm theo, nhu cầu hàng hóa và dịch vụ giảm. Cuối cùng, điều này ảnh hưởng đến kinh doanh và số người có công ăn việc làm.

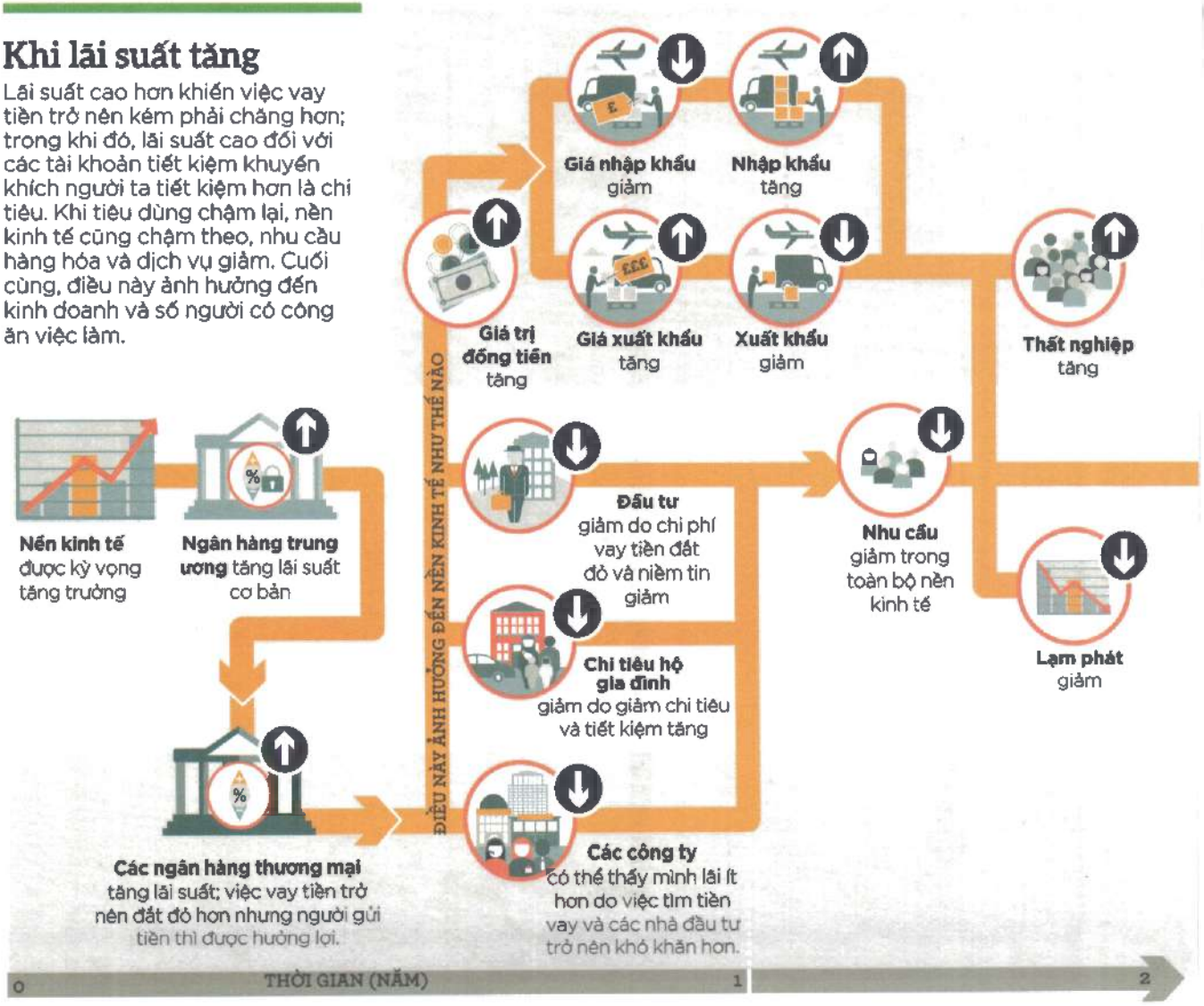

CHÍNH SÁCH LÃI SUẤT ÂM (NIRP)

Ở một số nước, ngân hàng trung ương từng trải qua việc cắt giảm lãi suất đến con số âm, ví dụ như -0,01%. Con số này được các ngân hàng thương mại thông qua đồng nghĩa với việc những người gửi tiền phải trả một phần trăm nào đó của khoản tiền gửi cho ngân hàng. Nhưng trong khi ngân hàng trung ương có thể đưa ra một mức lãi suất âm để khuyến khích chi tiêu và đầu tư cũng như hạn chế người gửi tiết kiệm tích trữ tiền mặt, các ngân hàng thương mại thường có xu hướng chần chừ khi phải đẩy lãi suất âm sang cho khách hàng đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ, do người gửi tiền có thể sẽ bị thôi thúc mà rút tiền tiết kiệm của mình ra thành tiền mặt để tránh phí. Tuy nhiên, những người gửi nhiều tiền có thể trả lãi suất âm cho chứng khoán và một tài khoản tiền tệ ổn định.

40,5%

là tỷ lệ lạm phát của Argentina vào tháng Tư năm 2016, mức cao nhất thế giới

Khi lãi suất giảm

Lãi suất thấp hơn khiến việc vay tiền trở nên rẻ hơn, do đó, người ta chi tiêu nhiều hơn trong khi việc gửi tiền tiết kiệm lại kém hấp dẫn do lãi suất thấp. Với lượng tiền trong lưu thông nhiều hơn, nhu cầu đối với sản phẩm và dịch vụ tăng, kích thích kinh doanh và tăng số người có công ăn việc làm.

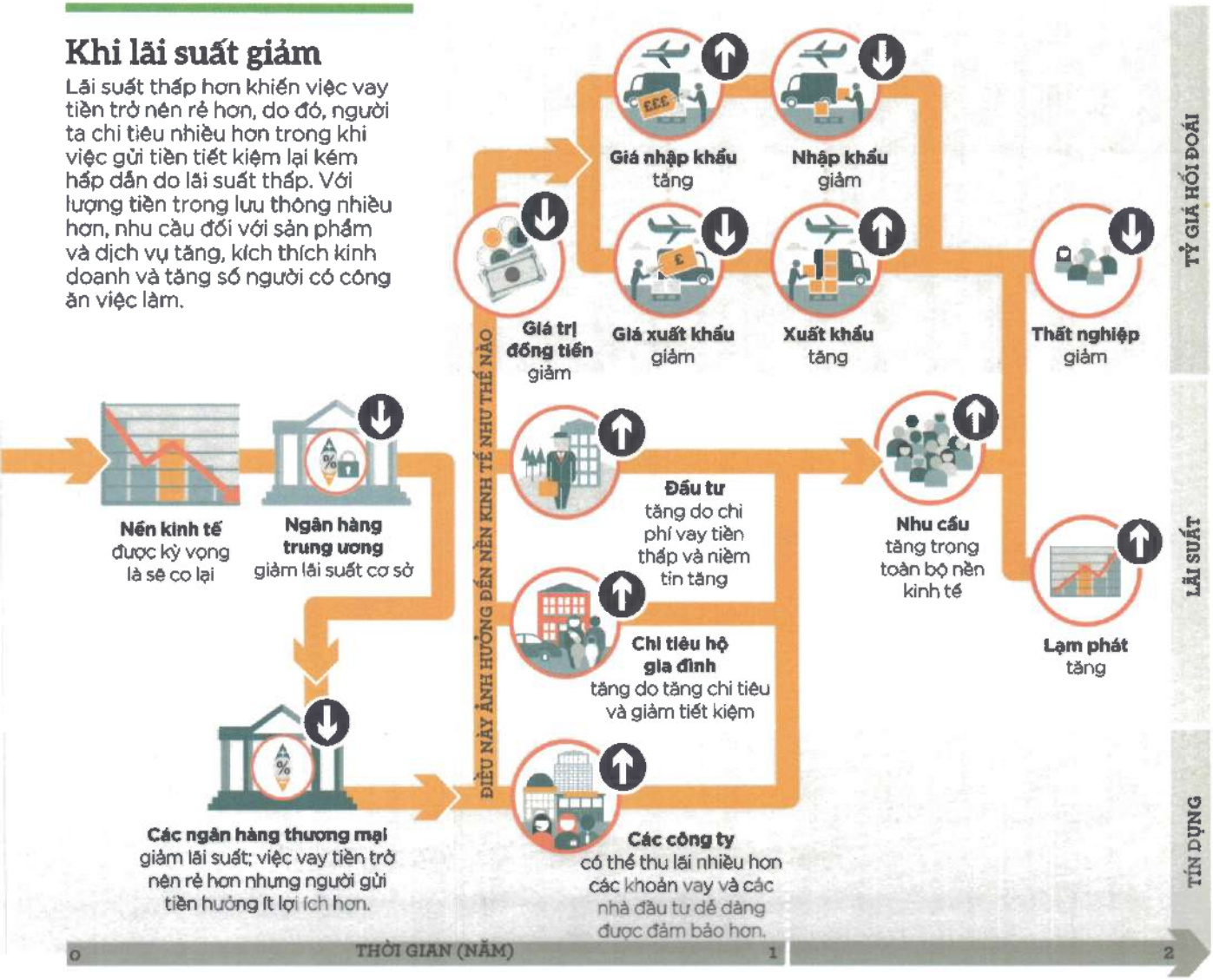

Nới lỏng định lượng

Nới lỏng định lượng là một chiến lược của thế kỷ 21 nhằm thúc đẩy nền kinh tế. Nó sử dụng sức mạnh của ngân hàng trung ương để tạo ra loại tiền mới trong nỗ lực giảm lãi suất, tăng đầu tư cũng như chi tiêu.

Nó diễn ra như thế nào

Chính phủ sử dụng một số công cụ để cố gắng quản lý sự tăng trưởng của nền kinh tế theo hướng ổn định, cân bằng. Một trong những công cụ chủ chốt là ảnh hưởng của chính phủ, thông qua ngân hàng trung ương, đối với các mức lãi suất. Giảm lãi suất có thể khuyến khích các tổ chức tài chính cho các doanh nghiệp và cá nhân vay nhiều hơn, theo đó khuyến khích họ chi tiêu thay vì tiết kiệm.

Trong thời gian gần đây, nới lỏng định lượng (QE) đã được sử dụng khi hoạt động kinh tế trì trệ và có nỗi sợ giảm phát hoặc suy thoái. QE bao gồm việc tạo ra một loại tiền mới – thường dưới dạng tiền điện tử - mà sau đó, ngân hàng trung ương sẽ dùng để mua trái phiếu của chính phủ, hoặc trái phiếu từ các nhà đầu tư như các ngân hàng hoặc quỹ hưu trí. Mục tiêu là tăng tính thanh khoản của tiền trong nền kinh tế, theo đó làm giảm lãi suất và khiến việc cho vay tiền trở nên dễ dàng và hấp dẫn hơn. Theo đó, nó khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư và người tiêu dùng chi tiêu nhiều hơn, do đó thúc đẩy nền kinh tế.

QE vẫn còn là một thử nghiệm chính sách tiền tệ đang trong quá trình hoàn thiện. Có nhiều quan ngại rằng nó có thể dẫn tới vấn đề lạm phát và người ta giềm pha rằng không thể cảm nhận được lợi ích của nó trong toàn bộ nền kinh tế.

QE được kỳ vọng sẽ hoạt động ra sao

Lý tưởng là tiền chuyển tới các ngân hàng sẽ chảy xuống tất cả các lĩnh vực, dẫn tới việc chi tiêu, do đó thúc đẩy nền kinh tế.

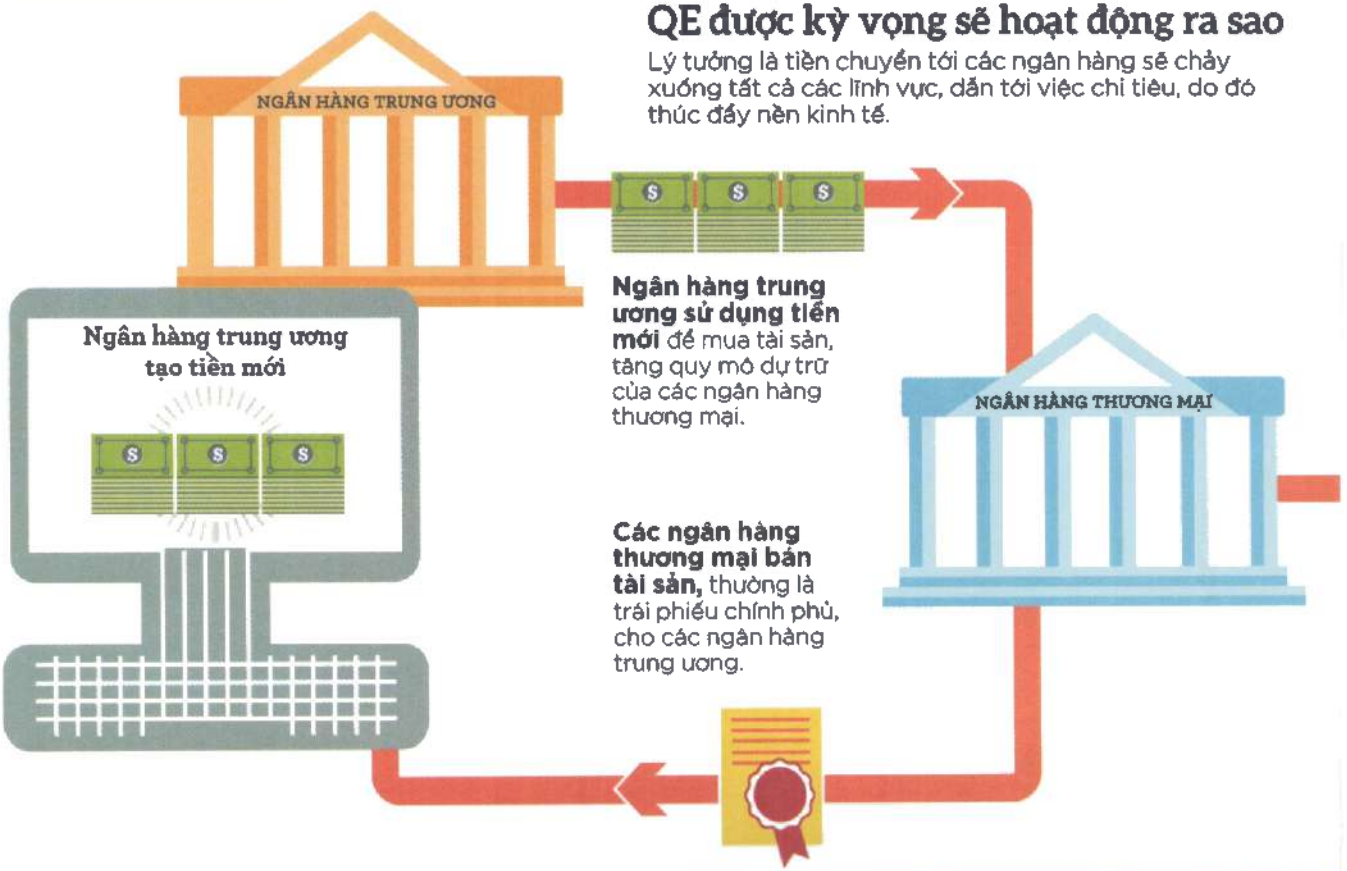

NHỮNG NGUY HIỂM TIỀM ẨN CỦA QE

QE là một chiến lược khá mới nên người ta khó đo được những tác động của nó. Do đó, người ta vẫn chưa biết nó có thể kích thích nền kinh tế mà không có rủi ro quá mức nào không.

Nền kinh tế có thể không phản ứng như kỳ vọng, thậm chí ngay cả khi những khoản lớn tiền mới được tạo ra.

Lạm phát có thể xảy ra do lượng cung tiền cao – dù hiếm có khả năng nó dẫn tới siêu lạm phát.

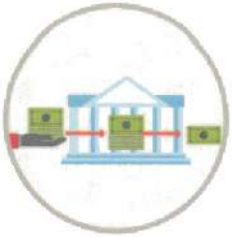

Các ngân hàng không phải lúc nào cũng chuyển tiền cho các doanh nghiệp đang cần tiền, mà tích trữ hoặc đầu tư ở đâu đó khác.

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG

VƯƠNG QUỐC LIÊN HIỆP ANH

Vương quốc Liên hiệp Anh bắt đầu một chương trình QE vào đầu năm 2009 sau khi lãi suất bị cắt giảm xuống gần bằng 0. Hầu hết lượng tiền mới được dùng để mua các khoản nợ chính phủ. Các tác dụng của QE phụ thuộc vào những người bán chuyển tiếp số tiền họ thu về từ việc bán tài sản, và các ngân hàng đầu tư khoản thanh khoản bổ sung mà họ nhận được. Ngân hàng Anh tin rằng QE đã kích thích tăng trưởng, nhưng cái giá phải trả là lạm phát cao hơn và tăng bất bình đẳng của cải do giá cả tăng.

3,5 nghìn tỷ đô la Mỹ

đã được chính phủ Mỹ dùng cho các giao dịch QE

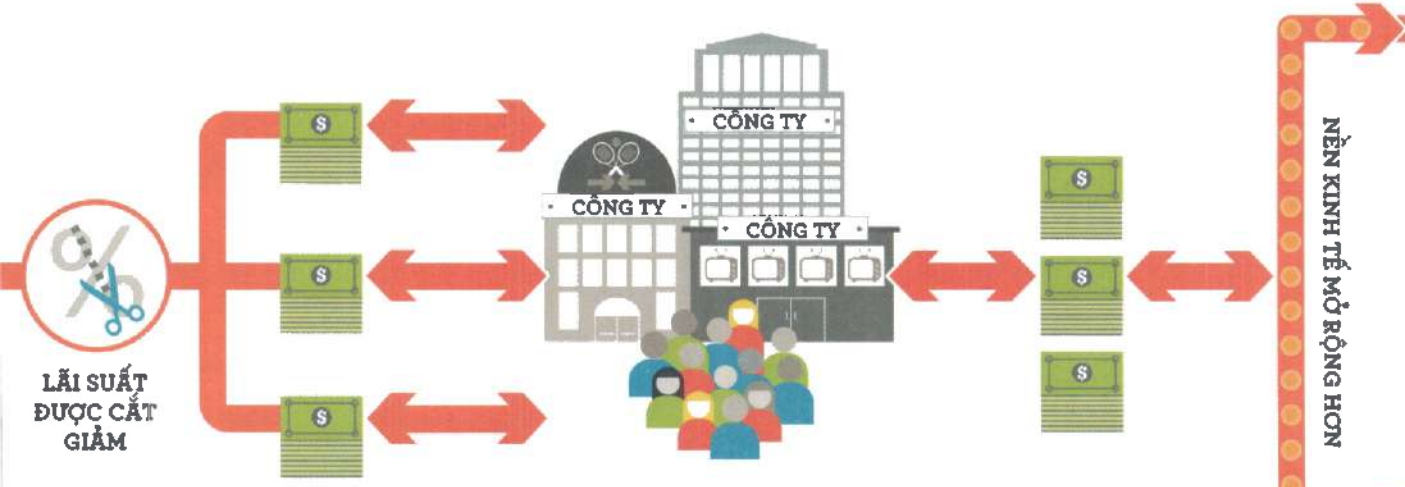

Dự trữ tăng làm giảm tỷ lệ lãi suất *(xem trang 100-101)*, dẫn tới việc cá nhân và doanh nghiệp vay tiền nhiều hơn.

Các cá nhân và doanh nghiệp sử dụng tiền vay để mua hàng hóa và dịch vụ và để đầu tư vào kinh doanh.

Chi tiêu và đầu tư kinh doanh tăng thúc đẩy hoạt động kinh tế.

Các mức thuế

Chính phủ rất khó thiết lập các mức thuế, quá thấp thì chính phủ không thể cung cấp được những dịch vụ mà mọi người muốn, quá cao thì mọi người sẽ không sẵn lòng đóng thuế.

Nó diễn ra như thế nào

Chính phủ có thể đánh thuế đối với thu nhập của một người, các công trình xây dựng và nhà cửa, tiền tiết kiệm và đầu tư, lương hưu, tài sản thừa kế hoặc những khoản mà họ chi tiêu. Hầu hết các chính phủ phụ thuộc rất nhiều vào thuế thu nhập, thường có các mức theo tỷ lệ khác nhau dành cho các mức thu nhập khác nhau. Điều này khiến hệ thống thuế công bằng hơn; tuy nhiên, đưa ra các mức thuế phức tạp cũng làm tăng khả năng người dân trốn thuế. Một số thuế được áp đặt để thay đổi hành vi của người tiêu dùng. Bằng cách đánh thuế những thứ bị coi là tiêu cực hoặc có hại cho sức khỏe, ví dụ như thuốc lá và đồ uống có cồn, chính phủ có thể thuyết phục người dân tiêu thụ những món đó ít đi.

Thuế Pigou trong thực tiễn

Lý thuyết kinh tế tiêu chuẩn phát biểu rằng nếu tiêu dùng hàng hóa hoặc dịch vụ gây nguy hại, một loại thuế nên được áp cho những thứ đó cho đến khi giá trị của thuế tương ứng với chi phí mà thứ nguy hại đó gây ra – ví dụ, thuế đánh vào lượng đường nên tương ứng với chi phí cho các dịch vụ y tế công cộng dành cho bệnh béo phì. Đây là "thuế Pigou", được đặt theo tên của nhà kinh tế đã đề xuất ý tưởng này, Arthur Pigou.

CẦN BIẾT

- **Thuế thực tiễn** Nhiều hệ thống thuế cho phép các mức giảm thuế khác nhau, ví dụ như giảm thuế đầu tư để khuyến khích đầu tư. Người ta cũng có thể áp cùng lúc nhiều hơn một loại thuế, ví dụ như thuế thu nhập và thuế doanh nghiệp. Kết quả là mức thuế hiệu lực (trung bình) có thể khác với mức thuế cơ bản.
- **Thuế suất biên** Mô tả tiền thuế gia tăng phải trả cho việc thực hiện một lượng nhỏ hoạt động gia tăng, ví dụ như thuế gia tăng phải trả khi kiếm thêm 1 bảng. Những quyết định "tại biên" ảnh hưởng tới hành vi của cá nhân và doanh nghiệp, ví dụ có đáng làm việc thêm giờ hay không.
- **Vùng kinh tế xám** Những người làm việc để kiếm lương hoặc tiền công ở dạng tiền mặt và không kê khai thu nhập để tránh phải đóng thuế.

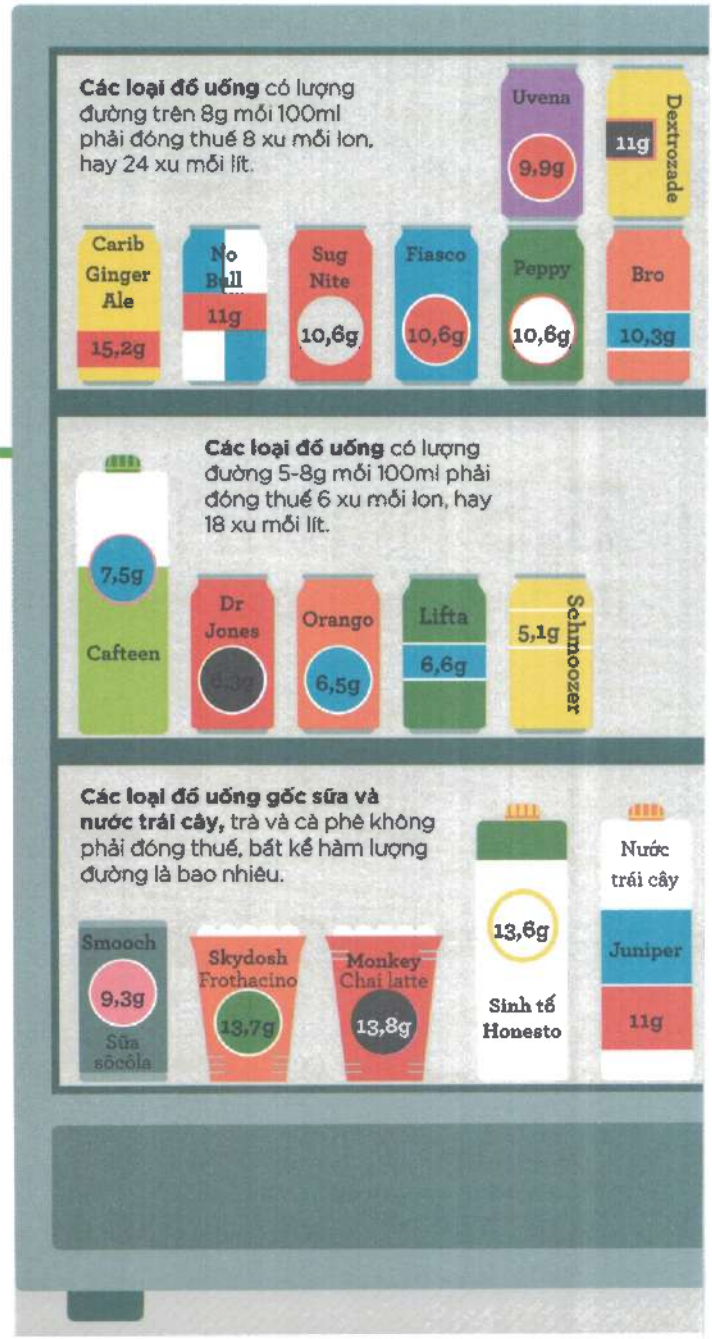

ĐƯỜNG CONG LAFFER

Đường cong Laffer được đặt tên theo nhà kinh tế học người Mỹ Arthur Laffer, minh họa khái niệm cho rằng có một mức thuế tối ưu để tối đa hóa thu nhập của chính phủ. Đó là vì với các mức thuế rất cao, nhiều người sẽ tìm cách tránh hoặc giảm thuế thay vì sẵn lòng chi trả. Do đó, dù ban đầu thu nhập từ thuế tăng khi các mức thuế tăng, những thu nhập đó cuối cùng cũng sẽ giảm. Nhiều tranh cãi xoay quanh ý tưởng này vì người ta khó biết điểm tối ưu này có thể nằm ở đâu và có vẻ như nó hợp pháp hóa những khoản thuế không nộp của các cá nhân có giá trị tài sản ròng cao, cũng như tình trạng trốn thuế của người bình thường khi họ bắt đầu tham gia "vùng kinh tế xám".

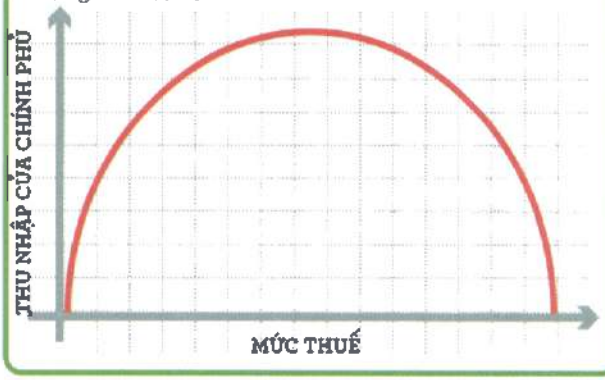

Những tác động ngoài dự tính của thuế

- Các loại đồ uống bị đánh thuế với mức cao hơn thật ra chịu thuế trên mỗi gam đường ít hơn so với các loại có mức thấp hơn, do đó người tiêu dùng có thể chuyển sang những loại đồ uống nhiều đường hơn.
- Người tiêu dùng có thể chuyển sang những loại đồ uống có đường nhưng không bị đánh thuế như sữa lắc hay sinh tố.
- Thuế tăng lên có thể ảnh hưởng đến người tiêu dùng nghèo nhiều hơn, khiến nó trở thành một loại thuế lũy thoái.
- Lợi nhuận của các công ty sản xuất đồ uống có thể giảm, ảnh hưởng đến doanh thu thuế của chính phủ.
- Các doanh nghiệp bị ảnh hưởng, điều này có thể dẫn tới tình trạng mất việc làm.
- Tại Mexico, khoản thuế 10% đối với đồ uống nhẹ giúp mang lại hơn 2 tỷ đô la Mỹ từ năm 2014. Ban đầu, doanh số bán giảm nhưng hiện tại đã bắt đầu tăng trở lại.

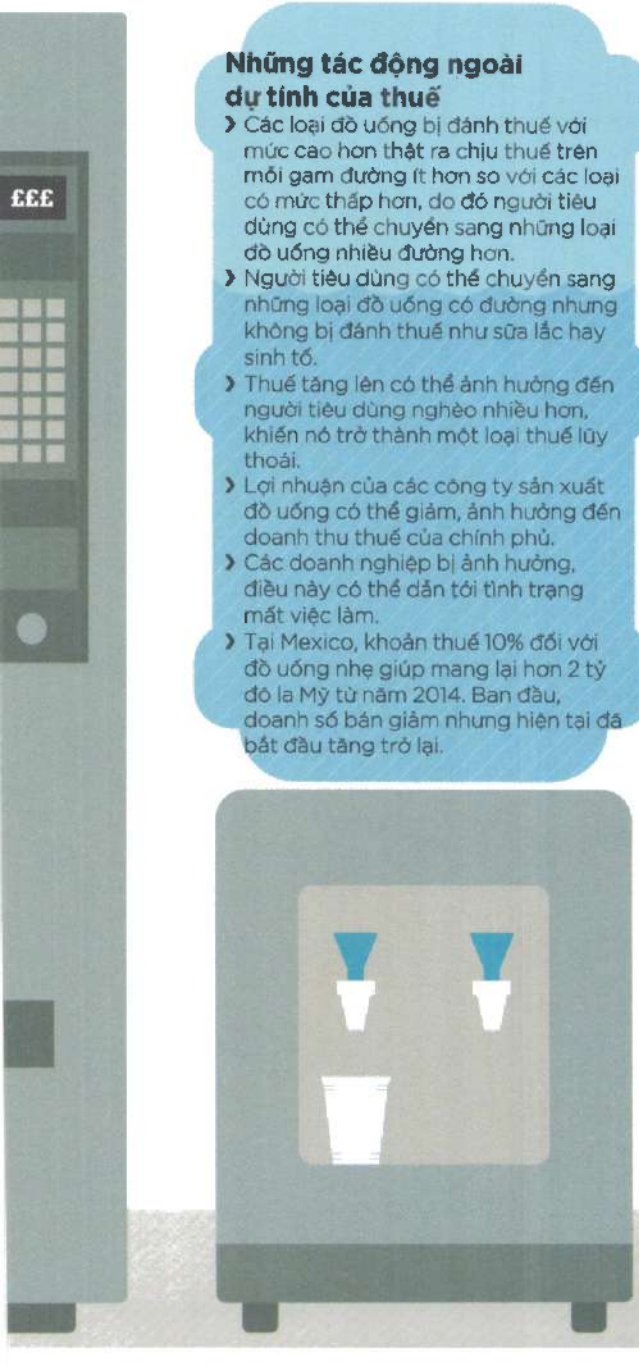

24%

hoạt động kinh tế tại Hy Lạp được ước tính là diễn ra mà không được kê khai và đánh thuế vào năm 2013

Chi tiêu của chính phủ

Ngày nay, các chính phủ chi tiêu phần lớn những gì nền kinh tế tạo ra, sử dụng tiền từ thuế để ưu tiên cho các cam kết chính trị của mình, và có tiềm lực thúc đẩy nền kinh tế của đất nước.

Nó diễn ra như thế nào

Các chính phủ hiện đại thường chi trả cho một loạt dịch vụ, điển hình có thể bao gồm giáo dục, y tế, hưu trí và phúc lợi. Toàn bộ cử tri cũng có thể kỳ vọng họ đầu tư vào đường sá, sân bay, nước, điện, xăng dầu và các cơ sở hạ tầng khác.

Tuy nhiên, chính phủ không thể đơn giản chi tiêu bất cứ thứ gì họ muốn. Thu nhập lành mạnh từ thuế phụ thuộc vào một nền kinh tế quốc gia phồn thịnh. Hầu hết các chính phủ nỗ lực phân bổ ưu tiên chi tiêu theo các cam kết chính trị, đặt ra một ngân sách hằng năm để phân bổ các khoản chi từ thuế mà họ kỳ vọng là sẽ thu được.

Các khoản chi chính phủ điển hình

Cách một chính phủ chi tiền phụ thuộc vào các ưu tiên chính trị của nó, quy mô của chính phủ so với nền kinh tế và mức nợ. Ví dụ, các nước Scandinavia nổi tiếng với việc ưu tiên phúc lợi cao. Việc chi tiêu của chính phủ cũng có thể thúc đẩy nền kinh tế. Bằng việc tăng chi cho cơ sở hạ tầng, các chính phủ có thể duy trì hoạt động kinh tế. Tài trợ cho các nghiên cứu khoa học hỗ trợ việc sáng chế sản phẩm, nuôi dưỡng tăng trưởng kinh tế, trong khi chi cho giáo dục có thể cung cấp việc đào tạo cho xã hội nhằm tạo ra một lực lượng lao động năng suất hơn.

CHI TIÊU VÀ CẮT GIẢM

Chi tiêu của chính phủ có thể trực tiếp hỗ trợ nền kinh tế, ví dụ như các khoản chi vào giao thông và liên lạc. Nghiên cứu khoa học thường được tài trợ bởi chính phủ và việc chi cho giáo dục giúp đào tạo nguồn lao động. Một số chính phủ cũng trợ giá và hỗ trợ các ngành trọng yếu của quốc gia. Tuy nhiên, từ sau khủng hoảng kinh tế năm 2008, nhiều chính phủ đã cắt giảm chi tiêu để giảm các khoản thâm hụt *(xem trang 146-147)*. Những quyết định này gây tranh cãi vì các tác động dài hạn của chúng lên nền kinh tế vẫn còn chưa được biết đến.

"Đừng bao giờ chi tiêu trước khi bạn có tiền."

Thomas Jefferson, cố tổng thống Mỹ

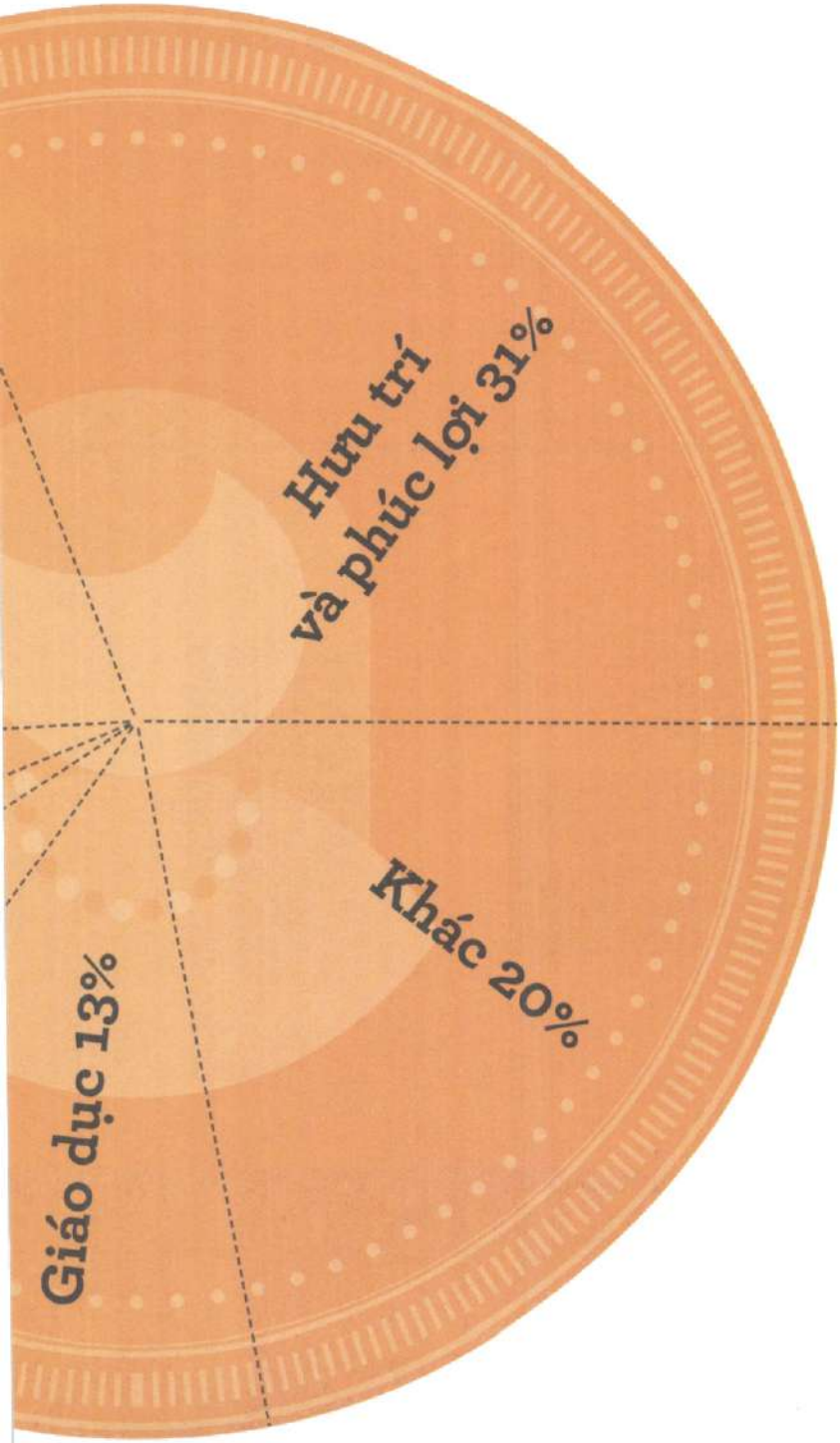

KHOẢN CHI CỦA CHÍNH PHỦ SO VỚI NỀN KINH TẾ

Quy mô ngân sách của một chính phủ so với nền kinh tế của quốc gia có thể biến động. Điển hình thì các chính phủ chi khoảng 40% GDP. Biểu đồ dưới đây cho thấy một số biến thể. Tại Hàn Quốc, chính phủ chi 30% GDP trong khi tại Đan Mạch, con số này là 58%.

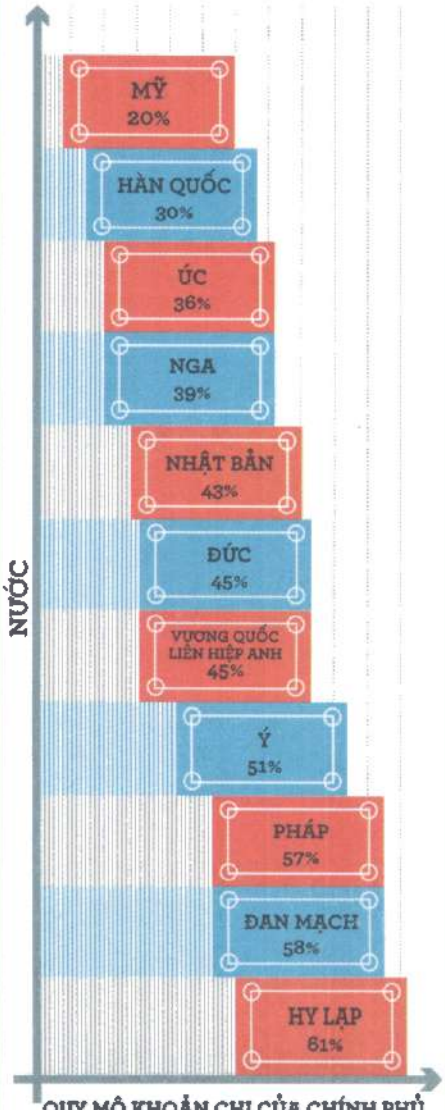

Các chính phủ chuẩn bị cho tương lai như thế nào?

Việc chi tiêu của chính phủ có thể giúp định hình cách thức phát triển của một nền kinh tế. Bằng cách đầu tư vào các hoạt động sinh lợi cũng như các công việc thường ngày, các chính phủ có thể giúp nền kinh tế của họ tăng trưởng.

Nó được thực hiện ra sao

Các chính phủ thường chịu trách nhiệm cung cấp các công trình mà các dịch vụ công sử dụng, xây dựng và duy tu cơ sở hạ tầng thiết yếu của quốc gia như đường sắt, nguồn cung điện và xăng dầu, đường sá. Đôi khi, các chính phủ cũng đầu tư vào việc xây dựng nhà ở mới hay tài trợ cho nghiên cứu.

Việc chi vào những hạng mục này gọi là đầu tư chính phủ và có vẻ như "vốn" của nó được tiêu vào ngân sách quốc gia. Nó tương đương với việc chi tiêu của các công ty tư nhân và các cá nhân vào các hạng mục như

Đầu tư chính phủ và phần thu về

Các chính phủ có thể đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác nhau của hoạt động kinh tế. Những gì thu về, như được trình bày dưới đây, có thể mang lại lợi ích cho chính phủ hay nói rộng hơn là xã hội.

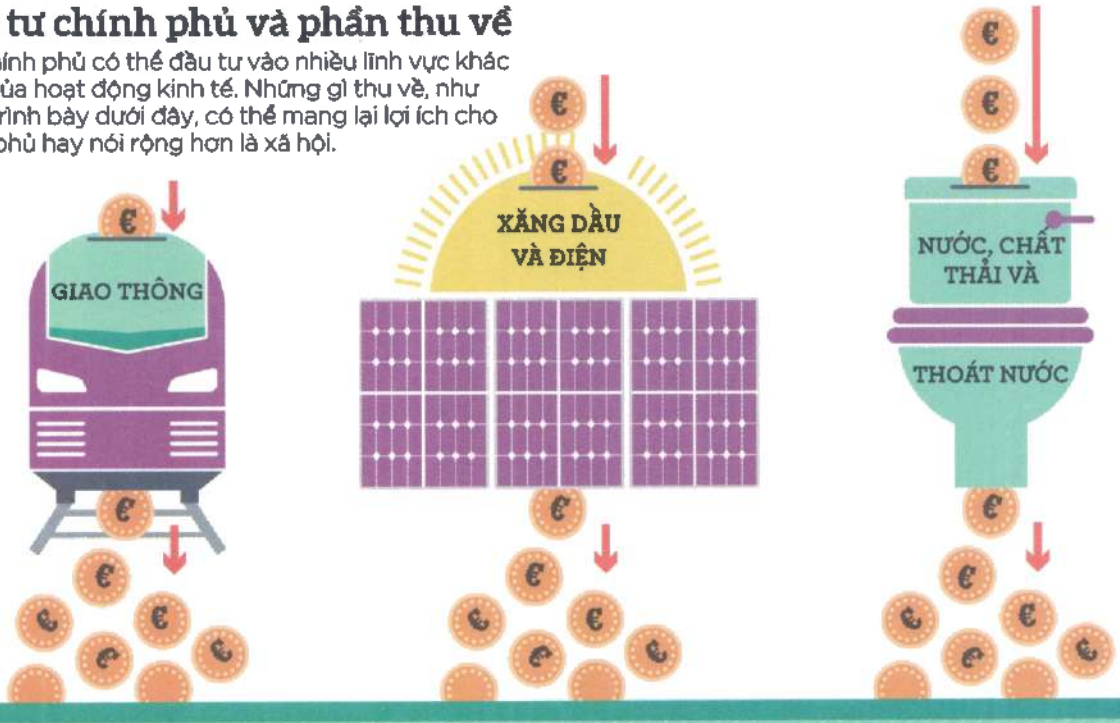

Phần thu về của chính phủ

- **Trực tiếp** Vé của hành khách
- **Ngắn hạn** Thuế thu được từ việc tăng chi tiêu gần các ga/bến tàu, bến xe
- **Dài hạn** Tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh
- **Gián tiếp** Tăng trưởng kinh tế

Phần thu về của chính phủ

- **Trực tiếp** Tiền mặt từ hóa đơn năng lượng
- **Ngắn hạn** Giảm chi phí năng lượng cho chính phủ
- **Dài hạn** Thêm đầu tư của doanh nghiệp vào cơ sở hạ tầng
- **Gián tiếp** Tăng trưởng kinh tế

Phần thu về của chính phủ

- **Trực tiếp** Tiền mặt từ hóa đơn dịch vụ tiện ích
- **Ngắn hạn** Giảm chi phí tiêu dùng cho chính phủ
- **Dài hạn** Những lợi ích về sức khỏe và môi trường
- **Gián tiếp** Sự phát triển của các thành phố

máy móc và nhà xưởng; tương tự, việc đầu tư sẽ tạo ra một khoản thu trong suốt vòng đời của nó. Trong một số trường hợp, khoản thu này được trả trực tiếp (ví dụ như vé của hành khách) và đôi khi, nó xuất hiện gián tiếp (ví dụ, nền kinh tế hưởng lợi từ một con đường mới, giúp các doanh nghiệp giao thương và kết quả là mang lại nhiều doanh thu từ thuế hơn). Các chính phủ giải trình cho những khoản chi này bằng cách chỉ ra chúng sẽ mang lại các khoản thu như thế nào.

CHI TIÊU VÀ VAY VỐN

Để có vốn cho việc chi tiêu, các chính phủ (cũng giống như các doanh nghiệp) thường sẽ vay tiền. Điều này có nghĩa là thêm vào khoản nợ tổng của chính phủ và do đó, các chính phủ quan tâm đến việc cắt giảm nợ, trước tiên, sẽ phải xem xét các phương pháp giảm chi tiêu vốn. Tuy nhiên, điều này đồng nghĩa với việc bỏ lỡ các khoản thu của một mục đầu tư; do đó, để giảm chi phí, nhiều chính phủ đã bắt đầu sử dụng nguồn vốn tư nhân. Điều này cho phép các nhà đầu tư tư nhân được chia sẻ các khoản thu về. Trong một số trường hợp, việc này đồng nghĩa với tư nhân hóa hoàn toàn, tức là chính phủ cho phép một công ty tư nhân xây dựng và vận hành toàn bộ một dự án đầu tư. Khi điều này là bất khả thi hoặc không được mong muốn, đầu tư tư nhân có thể dưới hình thức là một thỏa thuận giữa chính phủ và các nhà đầu tư tư nhân để chia sẻ các chi phí, rủi ro và lợi nhuận của việc xây dựng và vận hành một dự án đầu tư.

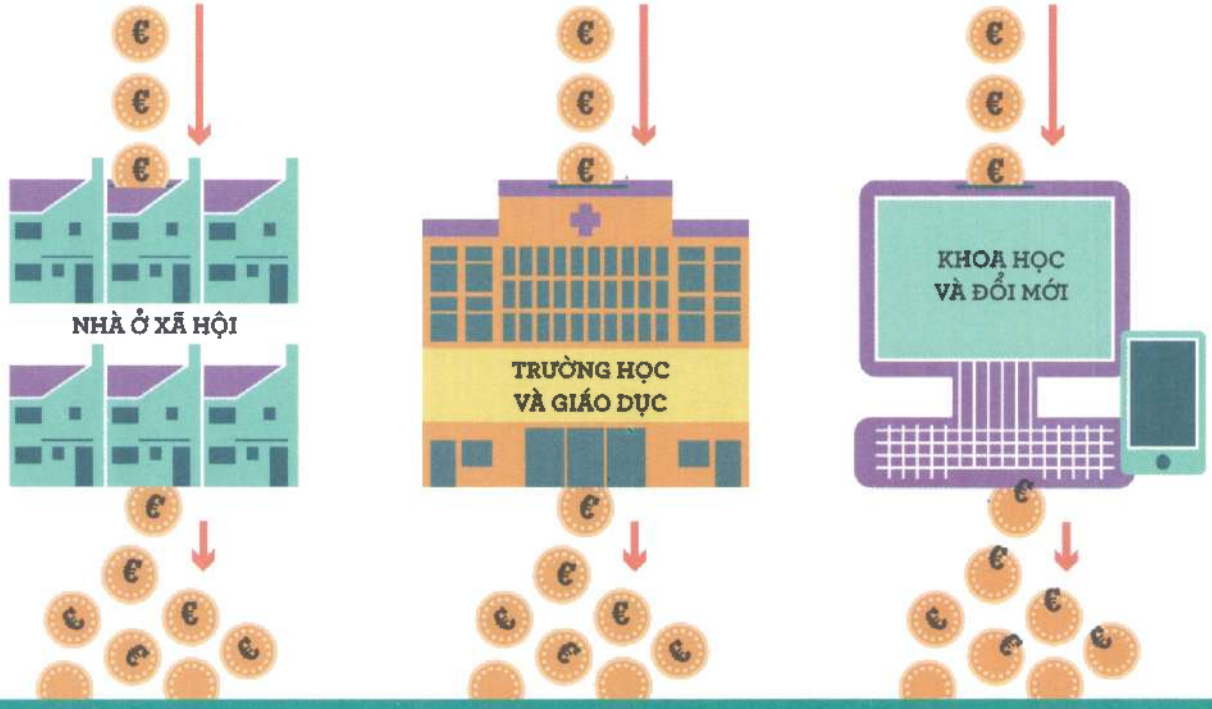

Phần thu về của chính phủ

- **Trực tiếp** Tiền từ các hộ thuê nhà
- **Ngắn hạn** Tiền thuê nhà rẻ hơn dẫn tới một xã hội ổn định hơn với ít người vô gia cư hơn
- **Dài hạn** Các thị trấn, thành phố phát triển
- **Gián tiếp** Tăng trưởng kinh tế

Phần thu về của chính phủ

- **Trực tiếp** Không có
- **Ngắn hạn** Sự ủng hộ của người dân
- **Dài hạn** Lực lượng lao động năng suất hơn; gắn kết xã hội tốt hơn
- **Gián tiếp** Tăng trưởng kinh tế

Phần thu về của chính phủ

- **Trực tiếp** Doanh thu từ nghiên cứu
- **Ngắn hạn** Doanh thu từ thuế
- **Dài hạn** Các thị trường mới; đầu tư vào doanh nghiệp
- **Gián tiếp** Tăng trưởng kinh tế

Lạm phát

Sự tăng nói chung của giá trung bình trong một nền kinh tế, đi kèm với sự giảm sức mua của đồng tiền, được gọi là lạm phát. Điều này dẫn tới sự tăng chi phí sinh hoạt.

Nó diễn ra như thế nào

Lạm phát là sự tăng giá nói chung qua từng năm. Sự tăng này thường được đo bằng chi phí của một giỏ hàng của một hộ gia đình tiêu biểu. Khi người ta cần nhiều tiền hơn để mua cùng một lượng hàng hóa và dịch vụ, giá trị của đồng tiền giảm và chi phí sinh hoạt hằng ngày trở nên đắt đỏ hơn. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến lạm phát, nhưng những thay đổi trong nguồn cung và cầu của hàng hóa và dịch vụ, và của tiền, có một tác động lớn. Có hai loại lạm phát chính: "chi phí đẩy" và "cầu kéo". Lạm phát do chi phí đẩy là do các doanh nghiệp trải qua việc tăng các chi phí, từ đó truyền sang cho khách hàng của họ. Các chi phí của một doanh nghiệp có thể tăng lên vì một số lý do, ví dụ như việc tăng chi phí sản xuất hay cần tăng lương cho nhân công. Lạm phát "cầu kéo" xuất hiện khi có nhu cầu hàng hóa cao, vượt quá năng lực hay sự sẵn sàng cung cấp của các công ty. Thay vì tăng cung để đáp ứng cầu tăng, các doanh nghiệp tăng giá bán. Chỉ riêng điều này không gây lạm phát do "cầu kéo" nhưng nếu cũng có lượng cung tiền cao quá mức trong nền kinh tế, người tiêu dùng sẽ tiếp tục chi trả cho các mức giá đã tăng, khiến giá cả càng tăng hơn nữa.

Lạm phát do chi phí đẩy

Có một vài yếu tố có thể khiến chi phí tăng. Sự tăng giá vật liệu thô chẳng hạn, có thể có một hiệu ứng dây chuyền, dẫn tới việc tăng giá cả xuyên suốt nền kinh tế. Chi phí năng lượng và vận tải tăng cũng có thể đẩy giá cả lên. Lương và thuế cao hơn là những ví dụ về chi phí khác, xét cho cùng, sẽ truyền sang người tiêu dùng ở hình thức giá cả tăng lên.

Chi phí cho những nguyên liệu thiết yếu tăng

Sự sẵn có của một loại hàng hóa thiết yếu, như dầu chẳng hạn, trở nên hạn chế, khiến giá của nó và chi phí cho vận tải, sưởi ấm và sản xuất tăng lên. Điều này có một tác động trực tiếp và sâu rộng lên chi phí cơ bản cho các doanh nghiệp, đặc biệt là những doanh nghiệp đòi hỏi hàng hóa này để sản xuất, ví dụ như nhà máy sản xuất ô tô dưới đây.

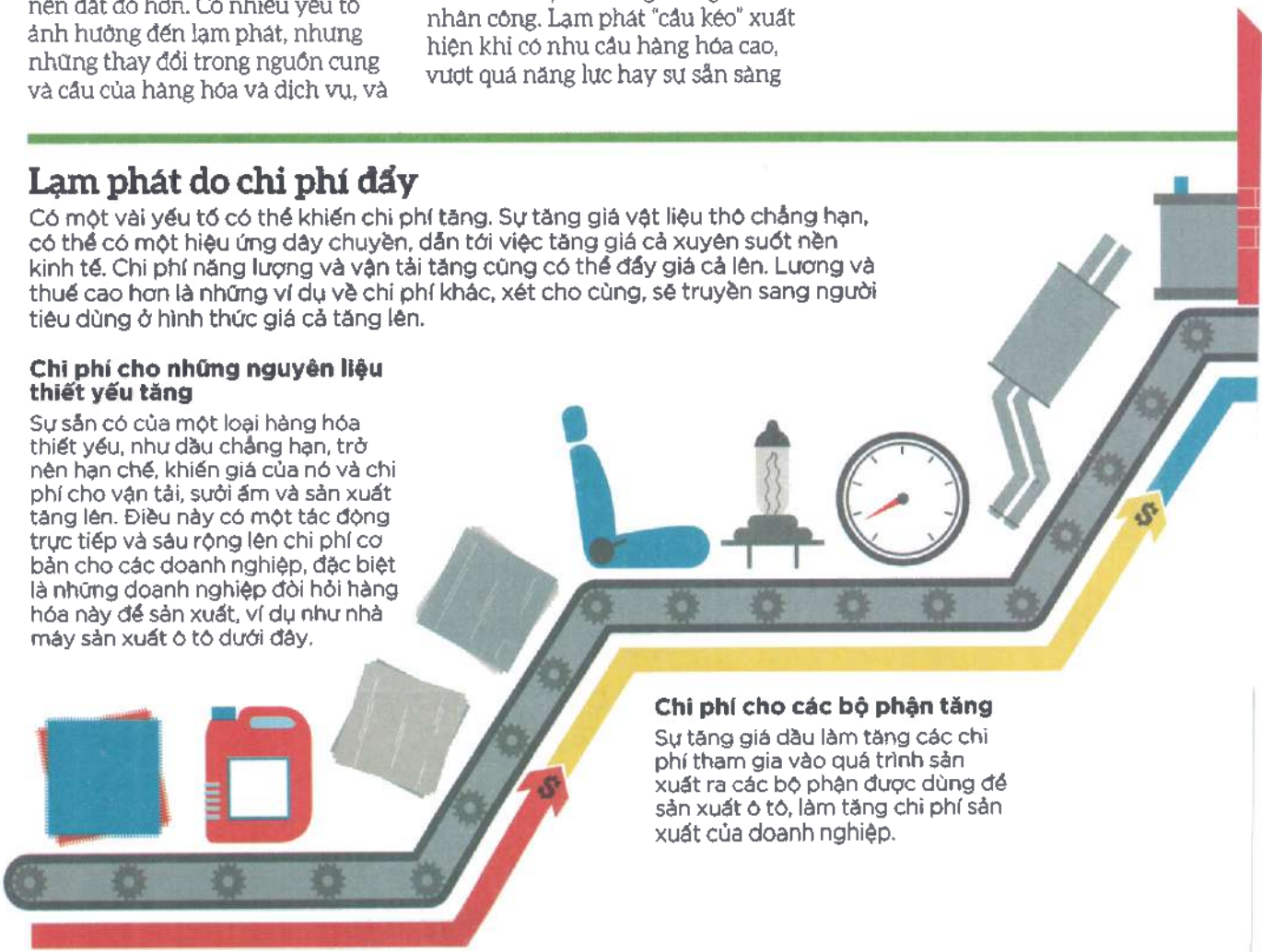

Chi phí cho các bộ phận tăng

Sự tăng giá dầu làm tăng các chi phí tham gia vào quá trình sản xuất ra các bộ phận được dùng để sản xuất ô tô, làm tăng chi phí sản xuất của doanh nghiệp.

"Lạm phát luôn luôn là một hiện tượng tiền tệ ở bất cứ nơi đâu."

Milton Friedman, nhà kinh tế học Mỹ

Giá của sản phẩm tăng
Các nhà sản xuất phản ứng với các chi phí sản xuất cao hơn bằng cách truyền một phần trong số đó sang cho khách hàng.

Mức độ lạm phát tăng
Nếu giá hàng hóa và dịch vụ tăng trong toàn bộ nền kinh tế, kết quả sẽ là mức độ lạm phát cao hơn.

Lương cao hơn
Người lao động đòi hỏi lương cao hơn vì dường như giá cả đang tăng lên. Công ty đồng ý và chi phí tổng của họ tăng.

✓ CẦN BIẾT

- **Giá trị danh nghĩa** Giá cả, lương và các biến kinh tế khác không bị điều chỉnh khi xét đến lạm phát.
- **Giá trị thực** Những con số được điều chỉnh theo lạm phát và được dùng khi xem xét các biến kinh tế trong một khoảng thời gian nhằm xác định xem liệu lạm phát hay tăng trưởng kinh tế có tác động đến sự gia tăng hay không.

NGUYÊN NHÂN CỦA LẠM PHÁT DO CHI PHÍ ĐẨY

Lạm phát do chi phí đẩy chịu sự điều khiển của sự tăng chi phí vận hành của các doanh nghiệp. Nó có thể gồm một số nguyên nhân sau:

- **Chi phí nhân công** Đình công, số người thất nghiệp thấp - đồng nghĩa với việc các công ty cần trả nhiều tiền hơn để thu hút những lao động có tay nghề - công đoàn mạnh và dự tính của nhân công rằng giá cả nhìn chung sẽ tăng, tất cả những điều này có thể dẫn tới kết quả các công ty tăng lương và chuyển các chi phí gia tăng cho người tiêu dùng.
- **Tỷ giá hối đoái** Khi đồng tiền của một quốc gia sụt giá so với đối tác thương mại, người ta sẽ cần nhiều tiền hơn để mua được hàng hóa từ nước ngoài, tức có thể gây lạm phát.
- **Các loại thuế gián tiếp** Sự tăng VAT hay các loại thuế khác áp lên một sản phẩm nào đó có thể sẽ bị truyền sang cho người tiêu dùng.

Lạm phát và tốc độ lưu thông tiền

Sự tăng trưởng trong một nền kinh tế không chỉ chịu ảnh hưởng của nguồn cung tiền mà cả tốc độ tiền chuyển từ tay người này sang tay người khác. Điều này được gọi là tốc độ tiền tệ. Đây là một phép đo cho biết một đơn vị tiền tệ đã được sử dụng trong các giao dịch hàng hóa và dịch vụ bao nhiêu lần trong một khoảng thời gian. Ví dụ, nếu với cùng một đơn vị tiền, chẳng hạn là 1 đô la, được chi tiêu ba lần một năm trong ba giao dịch riêng rẽ, tốc độ tiền tệ sẽ là ba. Nếu cung tiền, cũng như tốc độ tiền tệ, tăng nhanh chóng thì cung hàng hóa và dịch vụ có thể không theo kịp tốc độ cầu – có thể có nhiều tiền hơn đuổi theo ít hàng hóa hơn. Điều này có thể xảy ra nếu nền kinh tế mở rộng quá nhanh, có lẽ là do sự gia tăng đột ngột nguồn cung tiền, kết quả của chính sách tiền tệ. Các công ty phản ứng bằng cách nâng giá bán của họ, khởi động lạm phát do cầu kéo.

Tuy nhiên, một nguồn cung tiền cao hơn có thể không nhất thiết dẫn tới sự gia tăng tốc độ tiền tệ. Nếu niềm tin vào nền kinh tế thấp, các ngân hàng có thể hạn chế các khoản cho vay, trong khi các cá nhân và doanh nghiệp có thể tích trữ thay vì chi tiêu tiền của mình. Nếu ít tiền được lưu thông hơn trong một nền kinh tế thì lạm phát sẽ giảm.

CẦN BIẾT

- **Quyền lực ảnh hưởng thị trường** Khả năng tăng giá một sản phẩm của một công ty bằng cách chi phối các mức cung, cầu hoặc cả hai. Quyền lực ảnh hưởng thị trường tăng lên do một nhân hàng mạnh có thể dẫn đến kết quả là đầu ra thấp đi.
- **Nhu cầu có khả năng thanh toán** Đây là một chỉ số cho biết người tiêu dùng đang thật sự mua gì, được quyết định bởi sự sẵn sàng chi tiêu, thu nhập có sẵn và nhu cầu của họ.
- **Cầu tiềm ẩn** Điều này đại diện cho những khách hàng có mong muốn mua một sản phẩm, hơn là những người thật sự mua.

Lạm phát do cầu kéo

Trong một nền kinh tế đang mở rộng, một công ty sản xuất điện thoại trải qua một sự tăng cầu đột ngột đối với sản phẩm của họ. Tuy nhiên, do nguồn lực của công ty đã hoạt động ở mức tối đa, họ không thể tăng cung. Thay vào đó, họ tăng giá sản phẩm.

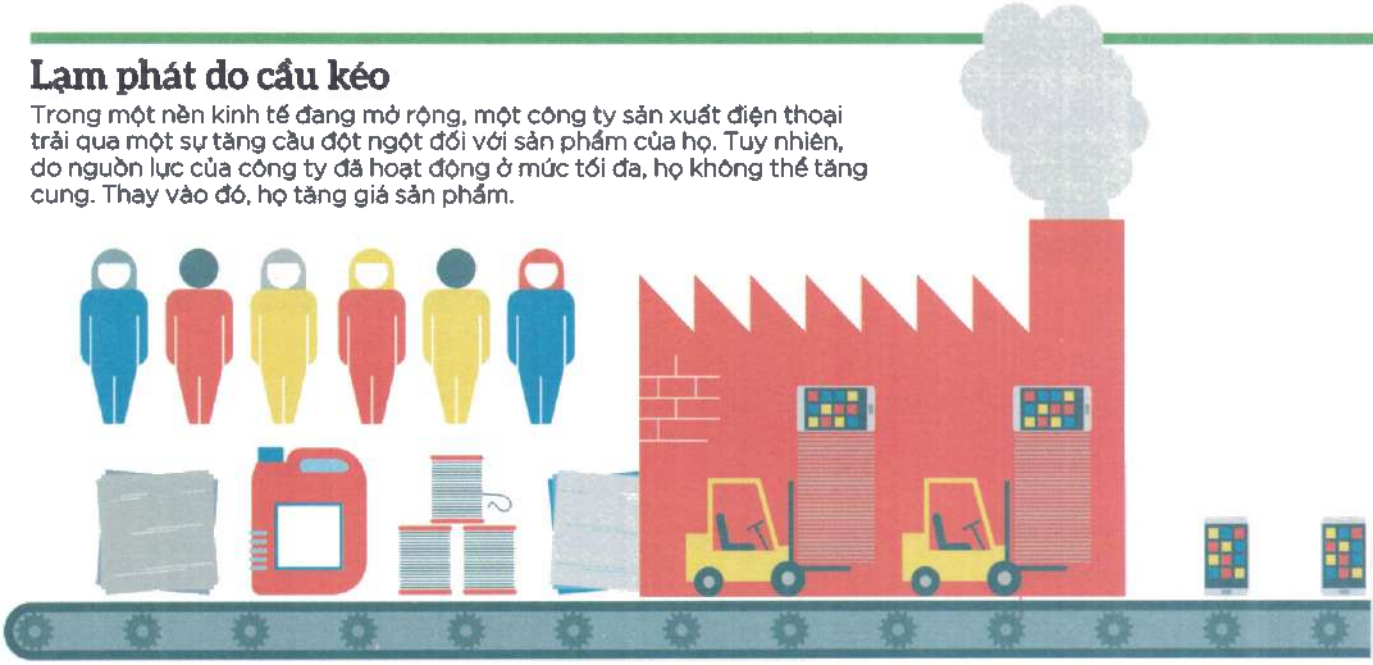

Cầu tăng

Khi có nhiều tiền khả dụng trong nền kinh tế hơn, nhìn chung, người ta sẵn lòng chi tiêu nhiều hơn vào các sản phẩm. Nhãn hàng điện thoại di động này, một nhà dẫn đầu thị trường, đặc biệt được nhiều người ưa chuộng.

Sản xuất ở năng suất cao nhất

Nhà máy đang sản xuất với năng suất cao nhất cùng toàn bộ nhân lực. Nếu không đầu tư để mở rộng sản xuất, nhà cung cấp không thể sản xuất nhiều hơn nữa.

Cầu vượt quá cung

Các nhà cung cấp không thể tăng số lượng đầu ra trong ngắn hạn, do đó nhu cầu của người tiêu dùng vượt quá số lượng sản phẩm có thể cung cấp.

2%

là mức lạm phát mục tiêu của chính phủ liên bang Mỹ

NGUYÊN NHÂN CỦA LẠM PHÁT DO CẦU KÉO

Khi một nền kinh tế mở rộng quá nhanh, hoặc không bền vững, một lượng cung tiền quá mức có thể khiến nhu cầu của người tiêu dùng vượt quá sức cung hàng hóa và dịch vụ. Sự tăng chi tiêu xảy ra do một vài yếu tố sau.

- **Chính sách tiền tệ** Cắt giảm các mức lãi suất, dẫn tới nới lỏng các hạn chế vay tiền, có thể làm tăng cung tiền, kết quả là việc vay tiền và chi tiêu tăng lên.
- **Chi tiêu chính phủ** Chính phủ tăng đầu tư và chi tiêu có thể làm cung tiền, kết quả là có nhiều hoạt động của người tiêu dùng hơn.
- **Thuế thấp hơn** Sự giảm thuế trực tiếp hoặc gián tiếp có thể làm tăng thu nhập.
- **Niềm tin của người tiêu dùng** Nếu người tiêu dùng và các công ty cảm thấy tin tưởng vào tương lai, họ có thể sẽ chi tiêu số tiền mà họ hẳn là sẽ tiết kiệm trong một bối cảnh khác.
- **Giá bất động sản** Giá nhà cao có thể khiến những người sở hữu nhà cảm thấy giàu có hơn, làm tăng mức độ sẵn lòng chi tiêu của họ, theo đó là cả nhu cầu hàng hóa tiêu dùng của họ.
- **Tăng trưởng xuất khẩu ra nước ngoài nhanh chóng** Doanh số xuất khẩu cao có thể làm tăng lượng tiền đổ vào đất nước, kèm theo hiệu ứng dây chuyền dẫn tới lạm phát.

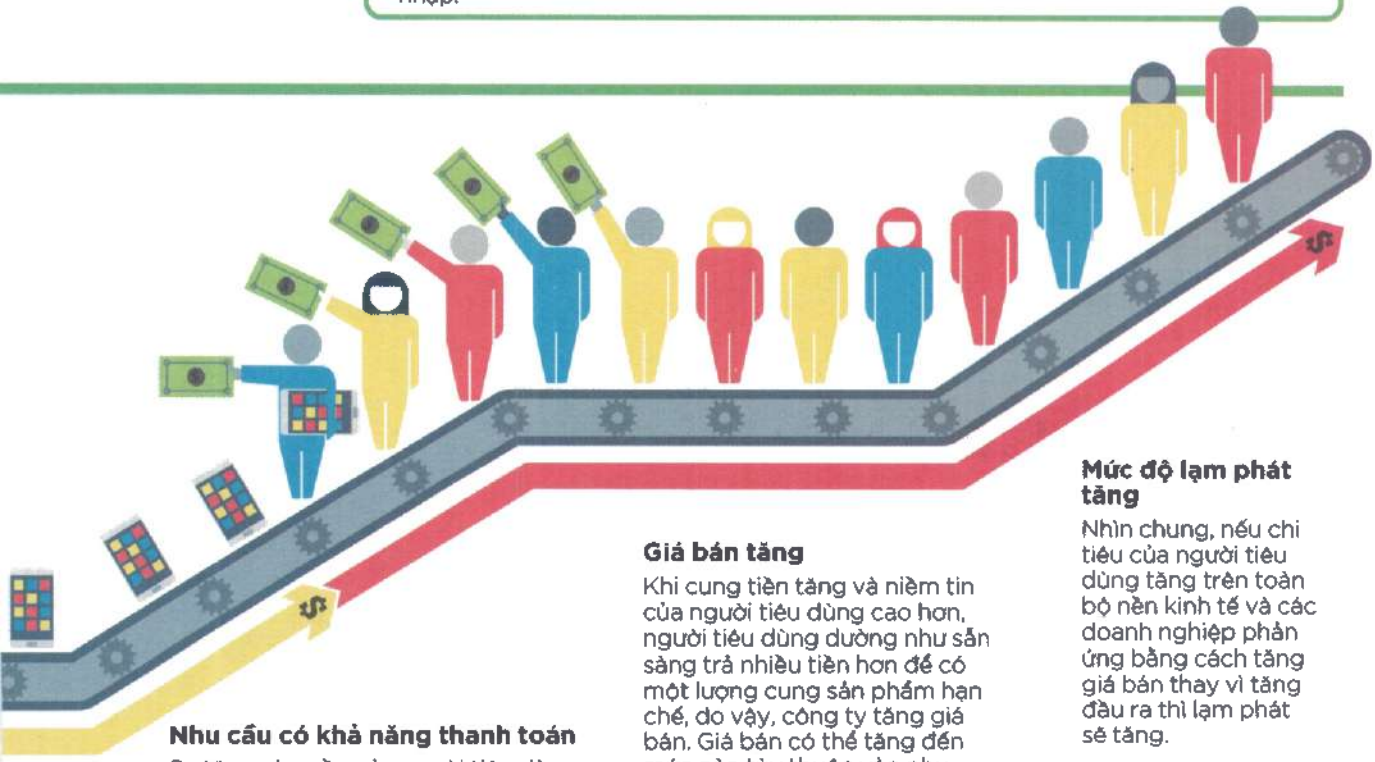

Nhu cầu có khả năng thanh toán

Sự tăng nhu cầu của người tiêu dùng tác động lên giá sản phẩm, do đó là "cầu có khả năng thanh toán": khách hàng có thu nhập đáp ứng một điểm giá cao hơn và sẵn sàng trả nhiều tiền hơn để có được một sản phẩm mà họ cho là có giá trị.

Giá bán tăng

Khi cung tiền tăng và niềm tin của người tiêu dùng cao hơn, người tiêu dùng dường như sẵn sàng trả nhiều tiền hơn để có một lượng cung sản phẩm hạn chế, do vậy, công ty tăng giá bán. Giá bán có thể tăng đến mức nào tùy thuộc vào nhu cầu của người tiêu dùng đối với sản phẩm; nếu nhu cầu không linh động – mặt hàng đó là thứ khách hàng cần và không thể không có – điểm giá có thể được đẩy lên cao hơn.

Mức độ lạm phát tăng

Nhìn chung, nếu chi tiêu của người tiêu dùng tăng trên toàn bộ nền kinh tế và các doanh nghiệp phản ứng bằng cách tăng giá bán thay vì tăng đầu ra thì lạm phát sẽ tăng.

Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán (BOP) của một quốc gia là bản báo cáo các giao dịch quốc tế của nước đó trong một khoảng thời gian nhất định. Báo cáo này theo dõi hàng hóa, dịch vụ và đầu tư vào và ra khỏi nước đó.

TRONG NƯỚC

Nó hoạt động ra sao

Một tài khoản cán cân thanh toán của một quốc gia cung cấp một báo cáo gồm tất cả ghi có và ghi nợ quốc tế của nó. Các giao dịch với kết quả là tiền chảy vào trong nước sẽ xuất hiện ở dạng ghi có, trong khi các giao dịch với kết quả là tiền chảy ra nước ngoài sẽ xuất hiện ở dạng ghi nợ. Tài khoản BOP có ba phần: tài khoản lưu động đo lường hàng hóa và dịch vụ; tài khoản vốn theo dõi sự dịch chuyển của vốn và các tài sản phi tài chính; tài khoản tài chính xem xét các khoản đầu tư.

Theo lý thuyết, BOP của một quốc gia nên có tổng bằng 0, nghĩa là mỗi giá trị ghi có trong tài khoản vãng lai sẽ tương ứng với một giá trị ghi nợ trong tài khoản vốn và ngược lại. Trên thực tế, do những khác nhau trong thực hành kế toán và tỷ giá hối đoái chính thức thường xuyên biến động, điều này hiếm khi xảy ra.

Dòng quốc tế

Cán cân thanh toán của một đất nước bao gồm những giao dịch của cá nhân, doanh nghiệp và chính phủ. Theo dõi những giao dịch này giúp chính phủ xác định có bao nhiêu tiền đang đi vào và ra khỏi đất nước, các khu vực kinh tế nào đang bị thiếu hụt hoặc thặng dư.

BA PHẦN CỦA MỘT TÀI KHOẢN BOP

Một tài khoản cán cân thanh toán được chia thành ba phần chính, mỗi tài khoản theo dõi các loại giao dịch quốc tế vào và ra khác nhau của nước đó. Tiếp đến, ba tài khoản chính này được chia thành các tài khoản con để ghi chép các lĩnh vực chi tiêu cụ thể.

Tài khoản vãng lai

- Các nguyên liệu thô và hàng hóa
- Các dịch vụ, như kinh doanh, du lịch hoặc vận tải
- Thu nhập, bao gồm từ tài sản và cổ phiếu
- Các chuyển khoản đơn phương hoặc một chiều, như cứu trợ nước ngoài hoặc quà tặng.

Tài khoản vốn

- Các chuyển khoản vốn, như chuyển khoản tiền hoặc tài sản của người di trú
- Các tài sản phi sản xuất, phi tài chính, như nguồn lợi tự nhiên và đất đai

Tài khoản tài chính

- Các tài sản được giữ ở nước ngoài, như trái phiếu, đầu tư và ngoại tệ
- Các tài sản sở hữu nước ngoài ở trong nước, bao gồm trái phiếu, đầu tư và nội tệ

CÁN CÂN THANH TOÁN CỦA ĐẤT NƯỚC

TÀI KHOẢN VÃNG LAI	TÀI KHOẢN VỐN	TÀI KHOẢN TÀI CHÍNH
Ghi có +2 tỷ bảng	Ghi nợ -1 tỷ bảng	Ghi nợ -1 tỷ bảng
TỔNG: 0		

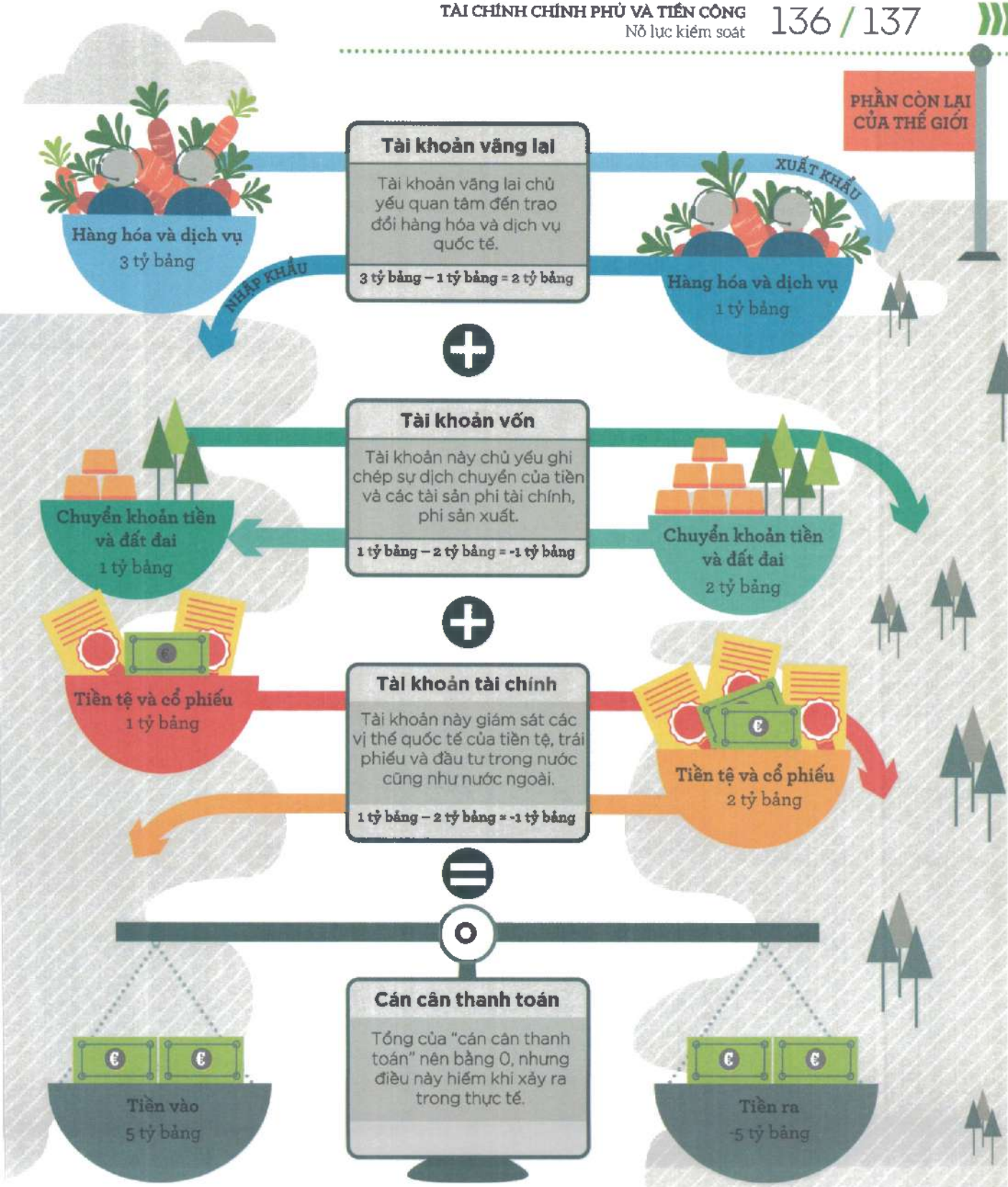
PHẦN CÒN LẠI CỦA THẾ GIỚI
Tài khoản vãng lai
Tài khoản vãng lai chủ yếu quan tâm đến trao đổi hàng hóa và dịch vụ quốc tế.
3 tỷ bảng – 1 tỷ bảng = 2 tỷ bảng
Hàng hóa và dịch vụ
3 tỷ bảng
NHẬP KHẨU
XUẤT KHẨU
Hàng hóa và dịch vụ
1 tỷ bảng
Tài khoản vốn
Tài khoản này chủ yếu ghi chép sự dịch chuyển của tiền và các tài sản phi tài chính, phi sản xuất.
1 tỷ bảng – 2 tỷ bảng = -1 tỷ bảng
Chuyển khoản tiền và đất đai
1 tỷ bảng
Chuyển khoản tiền và đất đai
2 tỷ bảng
Tài khoản tài chính
Tài khoản này giám sát các vị thế quốc tế của tiền tệ, trái phiếu và đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.
1 tỷ bảng – 2 tỷ bảng = -1 tỷ bảng
Tiền tệ và cổ phiếu
1 tỷ bảng
Tiền tệ và cổ phiếu
2 tỷ bảng
Cán cân thanh toán
Tổng của "cán cân thanh toán" nên bằng 0, nhưng điều này hiếm khi xảy ra trong thực tế.
Tiền vào
5 tỷ bảng
Tiền ra
-5 tỷ bảng

Biến động tiền tệ quốc tế

Tỷ giá hối đoái biến động tùy theo cung và cầu. Nếu một nước có nền kinh tế mạnh hơn, ổn định hơn các đối tác thương mại của mình thì đồng tiền của nước đó sẽ được định giá cao hơn.

Nó diễn ra như thế nào

Các điều kiện kinh tế của một nước thay đổi từng ngày, đó là lý do tại sao các tỷ giá hối đoái cũng liên tục dao động. Những dao động tiền tệ này được xác định tại các thị trường ngoại hối trên khắp thế giới khi tiền tệ được mua qua bán lại (người ta bán một loại tiền này để mua một loại tiền khác).

Những người mua đưa ra các quyết định mua bán chủ yếu dựa trên kết quả kinh tế của một nước. Họ xem xét các dữ liệu thời gian thực như các mức lãi suất và các sự kiện chính trị, thương mại sẽ ảnh hưởng đến tình hình kinh tế như các cuộc bầu cử, sự sụp đổ của một tổ chức tài chính hay tin tức về việc gia tăng đầu tư vào các cơ sở sản xuất. Bốn yếu tố kinh tế chủ chốt – GDP (tổng sản phẩm quốc nội), lạm phát, tình trạng việc làm và các mức lãi suất – cho thấy nền kinh tế của một nước đang diễn ra tốt đến đâu và xác định các tỷ giá hối đoái.

Ổn định chính trị cũng rất quan trọng. Nếu các nhà đầu tư lo ngại rằng chính phủ không đủ khả năng quản lý nền kinh tế của nước đó thì họ sẽ mất lòng tin, bán các khoản đầu tư tại nước đó và đổi nội tệ lấy các ngoại tệ khác. Theo đó, điều này đẩy giá trị của tiền địa phương xuống thấp bằng cách tăng nguồn cung tiền và giảm nhu cầu dành cho nó.

CẦN BIẾT

- **Bồ câu (Dovish)** Một chính sách tiền tệ thận trọng của chính phủ, khuyến khích các mức lãi suất thấp hơn.
- **Diều hâu (Hawkish)** Một chính sách tiền tệ hung hăng của chính phủ, có nhiều khả năng dẫn tới các mức lãi suất cao hơn.
- **Tháo chạy vốn** Sự dịch chuyển lượng tiền đã được đầu tư vào đồng tiền của một nước này sang đồng tiền của nước khác; thường gây ra do sự sụt giảm lòng tin của nhà đầu tư.

Các dao động tiền tệ

Tình trạng nền kinh tế của một đất nước sẽ quyết định đồng tiền của nước đó sẽ tăng hay giảm so với các đồng tiền khác. Các mức lãi suất, lạm phát, năng suất và tình trạng việc làm đều sẽ tác động đến tiền tệ. Lòng tin của nhà đầu tư cũng ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái – các nhà đầu tư hứng thú với các nước có chế độ chính trị ổn định vững vàng, cơ sở hạ tầng hiệu quả, lực lượng lao động được đào tạo và xã hội ổn định.

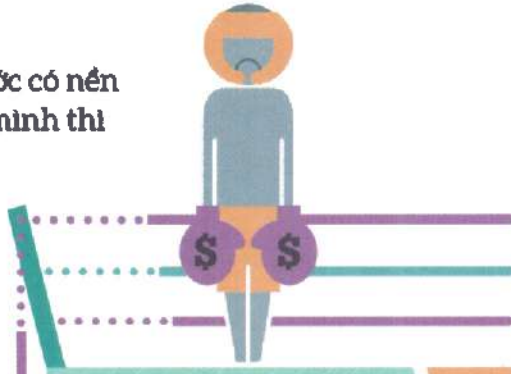

Đồng tiền yếu

Một số yếu tố kinh tế - do bản thân chúng hoặc do kết hợp với các yếu tố khác – có thể gây ra sự sụt giảm về giá trị đồng tiền của một nước.

CÁC MỨC LÃI SUẤT THẤP
Mức lãi suất thấp khuyến khích tăng trưởng nội địa nhưng không thu hút được các nhà đầu tư mua tiền.

LẠM PHÁT CAO
Lạm phát làm tăng chi phí của hàng hóa xuất khẩu, làm giảm nhu cầu đối với chúng cũng như với đồng tiền của nhà xuất khẩu.

GDP GIẢM
Sản xuất bị thu hẹp là dấu hiệu cho thấy nhu cầu đối với hàng hóa xuất khẩu của một nước, theo đó là đối với đồng tiền của nước đó, sụt giảm.

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP CAO
Tỷ lệ thất nghiệp cao có thể cho thấy tốc độ sản xuất giảm và thiếu sự cạnh tranh.

LÒNG TIN THẤP
Các nhà đầu tư lo lắng bán nội tệ và do đó, đẩy tỷ giá trao đổi xuống thấp hơn.

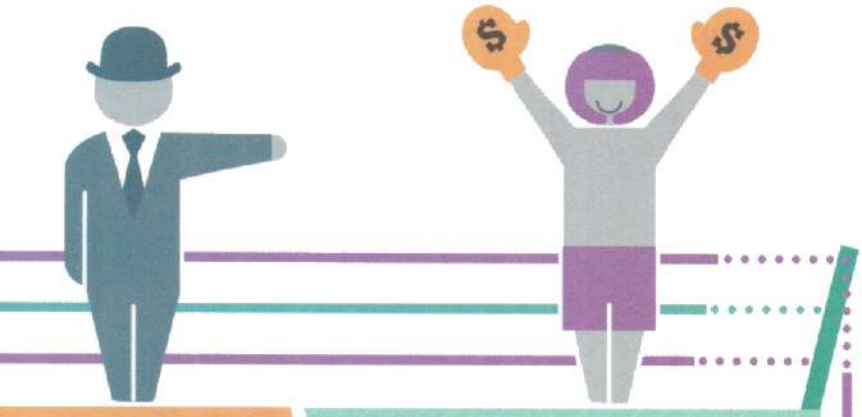

5,3 nghìn tỷ đô la Mỹ

là giá trị trao đổi ngoại tệ điển hình diễn ra mỗi ngày

Các hành động của ngân hàng

Khi ngân hàng trung ương của một quốc gia dự đoán giá trị đồng tiền của nước mình giảm, nó sẽ cố gắng thu hẹp nguồn cung tiền.

TĂNG MỨC LÃI SUẤT
Tăng mức lãi suất thu hút các nhà đầu tư mua đồng tiền của nước đó, do họ sẽ được hưởng lợi từ mức lãi suất cao hơn.

BÁN DỰ TRỮ NGOẠI TỆ
Bán dự trữ ngoại tệ và giữ lại nội tệ làm tăng cầu dành cho nội tệ.

Đồng tiền mạnh

Một số yếu tố có thể báo hiệu một nền kinh tế bùng nổ và thúc đẩy nhu cầu dành cho đồng tiền của quốc gia đó, làm tăng giá trị của đồng tiền.

CÁC MỨC LÃI SUẤT CAO
Mức lãi suất cao hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài và làm tăng giá trị của đồng tiền.

LẠM PHÁT ỔN ĐỊNH
Lạm phát ổn định hay giảm có thể giúp thúc đẩy giá trị của đồng nội tệ.

GDP TĂNG
Tốc độ sản xuất cao thể hiện nhu cầu lớn đối với các sản phẩm của một đất nước, theo đó là nhu cầu đối với đồng tiền của nước đó.

TỶ LỆ THẤT NGHIỆP THẤP
Tỷ lệ thất nghiệp gắn với GDP, chỉ ra rằng các sản phẩm của một đất nước đang được nhiều người ưa chuộng.

LÒNG TIN CAO
Lòng tin vào nền kinh tế của một quốc gia có thể đủ để giữ cho đồng tiền của nước ấy có xu hướng tăng giá.

TẦM QUAN TRỌNG CỦA ĐỒNG TIỀN DỰ TRỮ

Đồng tiền dự trữ là một loại ngoại tệ được nhận định là an toàn, do ngân hàng trung ương và các tổ chức tài chính của một quốc gia giữ và sử dụng cho các thanh toán thương mại. Sử dụng đồng tiền dự trữ giúp tránh việc phải thay đổi các thanh toán sang nội tệ, tối thiểu hóa rủi ro quy đổi cho cả hai nước. Nhiều ngân hàng trung ương định ra một tỷ lệ dự trữ - phần trăm khoản dự trữ mà ngân hàng phải duy trì. Đô la Mỹ là đồng tiền được giữ làm dự trữ phổ biến nhất trên toàn thế giới.

Quản lý quỹ hưu trí quốc gia

Hầu hết các chính phủ sử dụng tiền đóng thuế của người đang lao động để chuyển thành lương hưu cho những người đã nghỉ hưu. Một số chính phủ cũng đầu tư tiền đóng thuế để tăng cường quỹ hưu trí nói chung.

Cách thức vận hành

Tại hầu hết các quốc gia, lực lượng lao động hiện tại chính là nhóm tạo ra quỹ hưu trí cho những người đã đến tuổi nghỉ hưu cũng như nghỉ hưu do sức khỏe yếu. Đó là trường hợp của Vương quốc Anh, ở đây những đóng góp của Bảo hiểm Quốc gia lấy từ những lao động hiện tại được chuyển thành lương hưu cho những người đã nghỉ hưu. Các chính phủ cần đảm bảo có đủ tiền để xoay vòng, đây là một nhiệm vụ thậm chí còn thách thức hơn, vì tại hầu hết các nước phát triển, dân số đang già đi, đồng nghĩa với việc có ít người lao động đóng góp vào quỹ hưu trí của một lượng người cao tuổi ngày càng tăng. Việc đo lường xem các quỹ hưu trí có khả năng đáp ứng tốt việc hoàn trả hiện tại và tương lai đến đâu là chìa khóa để quản lý thành công các quỹ hưu trí quốc gia.

Quản lý các khoản đầu tư

Tại các nước có các quỹ đầu tư thuộc sở hữu nhà nước, chính phủ đầu tư phần góp của người đóng thuế để làm tăng lượng tiền khả dụng trong quỹ. Đầu tư thường là vào các tài sản cốt lõi, ít rủi ro hơn nhưng vẫn biến động. Nếu thị trường cổ phiếu tăng, các quỹ hưu trí cũng sẽ tăng và ngược lại.

Quản lý các phần góp

Tại một số nước như Chile và Nhật Bản, và ở cấp bang tại Mỹ, những người quản lý lương hưu đầu tư các quỹ thu được từ những người đóng thuế với mục tiêu giữ cho lượng tiền khả dụng đủ cao để đáp ứng các nhu cầu đã được dự đoán. Ở những nước khác, bất kỳ thặng dư nào trong quỹ hưu trí (như Quỹ Bảo hiểm Quốc gia của Vương quốc Anh) có thể đem cho chính phủ vay nhưng nhìn chung, đơn giản là nó được dùng để trả lương hưu cho những người đã nghỉ hưu.

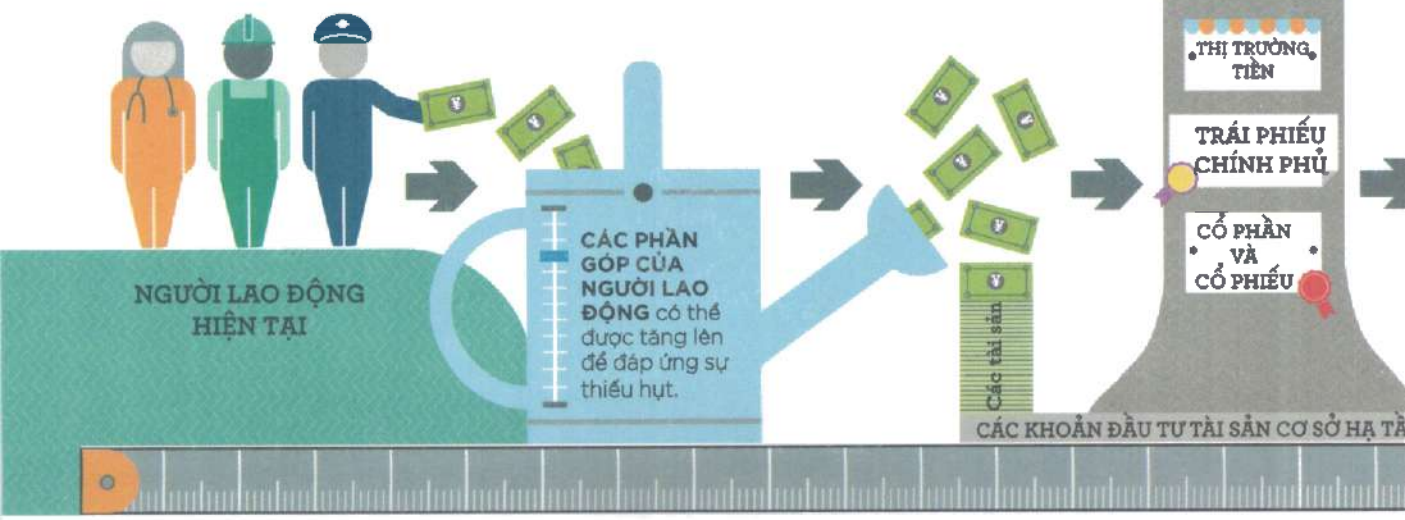

"Lương hưu, không gì khác là một khoản bồi thường trả chậm."

Elizabeth Warren, chính trị gia Mỹ

CẢNH BÁO

- Đầu tư quá mức vào vốn cổ phần (cổ phần và cổ phiếu) hứa hẹn doanh thu cao, nhưng cũng tiềm ẩn rủi ro cho bất kỳ quỹ hưu trí nào, có thể đặc biệt phá hoại các quỹ hưu trí quốc gia. Nhật Bản phát hiện ra điều này sau khi Quỹ Đầu tư Hưu trí Chính phủ mất 5,6% giá trị trong quý 3 năm 2015 do các khoản đầu tư vào thị trường cổ phiếu.
- Các ưu tiên của chính phủ có thể ảnh hưởng đến cách các phần đóng góp của quỹ hưu trí được đầu tư. Các ưu tiên này không phải lúc nào cũng đem lại mức lãi suất tốt nhất cho quỹ hưu trí hay khả năng chi trả tiền lương hưu trong tương lai. Tại một số nước, một phần quỹ hưu trí được cho chính phủ vay vì những mục đích khác hoặc đầu tư vào các dự án công cộng như nhà ở.

NGHĨA VỤ NỢ

Các khoản chi cho những người hưởng lương hưu sẽ xuất hiện như một khoản nợ trên bảng cân đối kế toán của chính phủ. Nhân khẩu học ảnh hưởng đến lượng tiền cần để đáp ứng khoản nợ này. Ví dụ, nếu dân số được dự đoán là sẽ sống thọ hơn, số tiền cần dùng cho các khoản chi trong tương lai sẽ tăng lên.

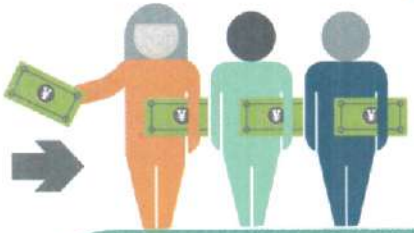

NHỮNG NGƯỜI NHẬN LƯƠNG HƯU

Đo lường sức khỏe

Một lượng tiền thỏa đáng phải đi vào quỹ hưu trí để duy trì hoặc làm nó tăng lên. Tình trạng của quỹ có thể được đánh giá theo hai cách sau:

- **Mức huy động tiền** Lượng tiền trong quỹ hưu trí được so sánh với lượng lương hưu cần được chi ra. Hệ số này có thể được thể hiện ở dạng phần trăm hoặc tỷ số (tài sản chia cho khoản nợ). Mức huy động tiền là 100% hay tỷ số bằng 1 nghĩa là sẽ có đủ tiền trong quỹ hưu trí để đáp ứng các nghĩa vụ thanh toán. Mức huy động tiền dưới 100%, hay tỷ lệ thấp hơn 1, nghĩa là không có đủ tiền.
- **Thâm hụt** Sự chênh lệch giữa các khoản nợ và tài sản trong một quỹ hưu trí, ví dụ sự thiếu hụt giữa tiền vào và tiền đến hạn phải trả ra. Điều này cũng được gọi là khoản nợ do chi tiêu không cân đối nguồn thu.

Tại sao các chính phủ phá sản

Các chính phủ có khả năng bị phá sản và điều này có thể xảy ra theo hai cách. Thứ nhất, khi chính phủ mất khả năng đáp ứng các trách nhiệm hoàn nợ, có khả năng dẫn tới không trả nợ đúng kỳ hạn. Thứ hai, khi chính phủ không thực hiện được cam kết với dân chúng rằng giá trị của đồng nội tệ, hay bản thân đồng tiền, vẫn có thể tin cậy được, có khả năng dẫn tới siêu lạm phát. Về cơ bản, cả hai nguyên nhân này là do mất lòng tin của dân chúng. Do đó, nếu người dân không thể tin tưởng một chính phủ thì chính phủ đó có nguy cơ thất bại cao hơn.

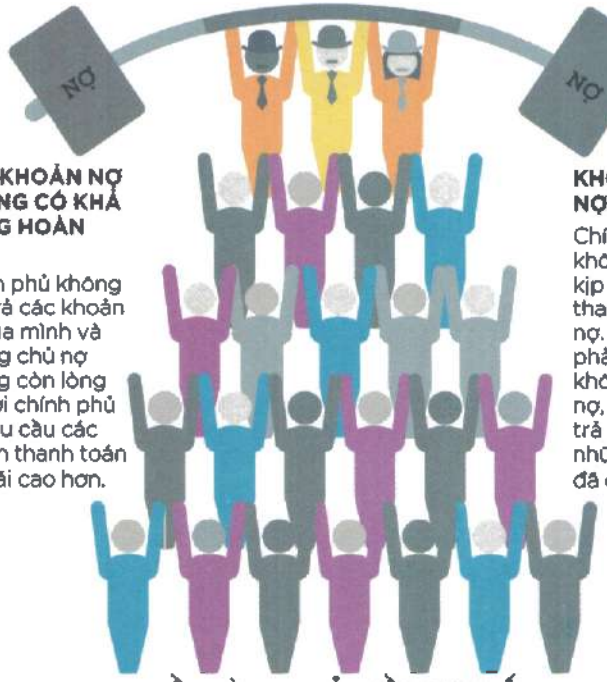

CÁC KHOẢN NỢ KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG HOÀN TRẢ

Chính phủ không thể trả các khoản nợ của mình và những chủ nợ không còn lòng tin với chính phủ ấy yêu cầu các khoản thanh toán tiền lãi cao hơn.

KHÔNG TRẢ NỢ

Chính phủ không thể theo kịp các khoản thanh toán trả nợ. Chính phủ phải tuyên bố không thể trả nợ, không thể trả lại tiền cho những chủ nợ đã cho họ vay.

Nợ mất kiểm soát và tình trạng không thể trả nợ

Nếu một chính phủ đã vay mượn quá mức và không thể hoàn trả các chủ nợ của mình, chính phủ đó có thể cắt giảm chi tiêu và tăng thuế, nhưng nếu nó không thể xoay xở được gánh nặng đó thì tình trạng không thể trả nợ sẽ là không tránh khỏi. *Xem trang 146-147.*

Sự mất tín nhiệm của người dân và thất bại tài chính

Khi một chính phủ và các tổ chức của chính phủ mất đi sự tín nhiệm do thiếu năng lực, tham nhũng hoặc bại trận, sẽ có một khủng hoảng nghiêm trọng xảy ra. Để ngăn ngừa sự mất lòng tin này trở thành thảm họa, chế độ dân chủ có thể tìm cách loại bỏ chính phủ.

6

nước chưa từng trả nợ sai kỳ hạn: New Zealand, Úc, Canada, Thái Lan, Đan Mạch và Mỹ

TẦM QUAN TRỌNG CỦA LÒNG TIN

Thu phục lòng tin

Lòng tin là yếu tố tiên quyết để tạo ra tiền và khiến các chính phủ hoạt động hiệu quả. Nó cũng hết sức quan trọng với tăng trưởng kinh tế. Nếu người ta không tin vào những lời hứa tài chính của một chính phủ thì chính phủ đó có thể mất kiểm soát kinh tế. Thu phục lòng tin là rất khó và thường xuất phát từ ổn định chính trị trong một khoảng thời gian nhất định.

Mất lòng tin

Các chính phủ có thể mất lòng tin theo nhiều cách khác nhau. Một chính phủ yếu có thể quyết định in thêm tiền để đáp ứng nhu cầu thay vì tăng thuế. Một chính phủ không thể hoàn trả các khoản nợ của chính mình, đặc biệt các khoản nợ các nước khác, có thể quyết định rằng không trả nợ đúng kỳ hạn sẽ dễ dàng hơn là cố gắng thu thêm thuế để trả nợ. Trong cả hai trường hợp, lòng tin vào chính phủ và đồng nội tệ sẽ bị giảm sút.

KẾT QUẢ B

IN TIỀN

Một chính phủ yếu in thêm tiền thay vì thu thuế.

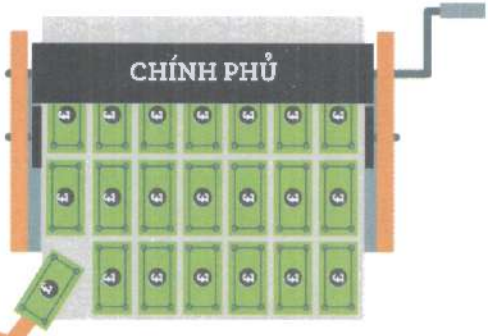

MẤT LÒNG TIN

Khi tiền dư thừa trong nền kinh tế, nó trở nên ngày càng ít giá trị hơn cho đến khi lòng tin vào nó sụp đổ hoàn toàn và siêu lạm phát xảy ra.

Siêu lạm phát

Khi giá trị của một đồng tiền sụt giảm nghiêm trọng, giá cả leo thang nhanh chóng và hàng hóa trở nên khan hiếm. Một chính phủ có thể in thêm tiền để bình ổn giá cả, nhưng điều này có thể hủy hoại niềm tin. *Xem trang 144-145*

Chính phủ phá sản như thế nào: siêu lạm phát

Nếu lòng tin của công chúng vào đồng tiền của một quốc gia sụp đổ, kết quả có thể là mức độ lạm phát cao bất thường. Những giai đoạn này của siêu lạm phát là tương đối hiếm nhưng luôn cực kỳ nghiêm trọng.

Nó diễn ra như thế nào

Lòng tin vào giá trị của một đồng tiền là điều tiên quyết để duy trì sự ổn định của giá cả trong các nền kinh tế hiện đại. Do đó, các chính phủ tìm cách kiểm soát cung tiền để ngăn ngừa những biến động giá đáng kể có thể gây xói mòn lòng tin. Nhưng khi chính phủ yếu hoặc không được tín nhiệm, những biện pháp kiểm soát này có thể vô nghĩa. Một chính quyền yếu chẳng hạn, có thể không sẵn lòng nâng thuế để chi trả cho các khoản chi công cộng, thay vào đó lại in thêm tiền để trang trải. Do đó, giá cả có thể tăng lên rất nhanh chóng do người dân không tin rằng đồng tiền có bất cứ giá trị gì; thế là họ yêu cầu thêm tiền trong bất cứ mua bán nào. Sau đó, chính phủ có thể cảm thấy áp lực phải in thêm nhiều tiền hơn nữa để giữ cho nền kinh tế vận hành. Khi điều này xảy ra, siêu lạm phát bắt đầu và chính phủ có thể sẽ rất khó giành lại sự kiểm soát.

Nghiên cứu tình huống: siêu lạm phát tại Đức, 1920-1924

Nước Đức đã trải qua một giai đoạn siêu lạm phát trứ danh sau Chiến tranh Thế giới thứ nhất.

1. Cuốn theo cuộc chiến, chính phủ mới của Đức đã không ổn định. Chính phủ cho in tiền để trang trải các khoản nợ chiến tranh, bồi thường thiệt hại và dịch vụ công.

2. Chính phủ Đức bắt đầu dùng tiền in ra để mua ngoại tệ, gây ra sự sụp đổ về giá trị của đồng mark Đức.

3. Đến năm 1922, nước Đức không thể trả các khoản bồi thường thiệt hại chiến tranh. Pháp và Bỉ chiếm giữ thung lũng Ruhr để ép Đức phải trả bằng hàng hóa thay vì tiền.

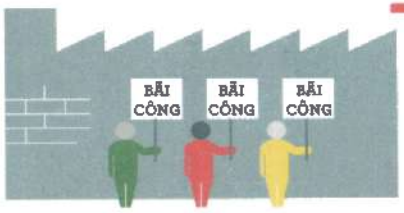

4. Công nhân Đức tại Ruhr bãi công. Chính phủ in thêm tiền để trả lương cho họ.

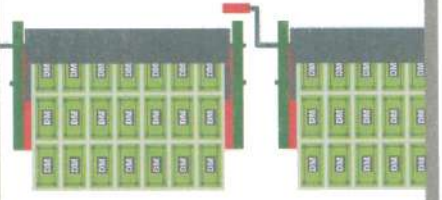

5. Khi nền kinh tế sụp đổ, chính phủ Đức tiếp tục in thêm tiền.

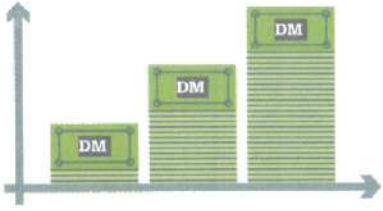

6. Giá cả nội địa tại Đức bùng nổ khi niềm tin vào đồng nội tệ biến mất.

Siêu lạm phát

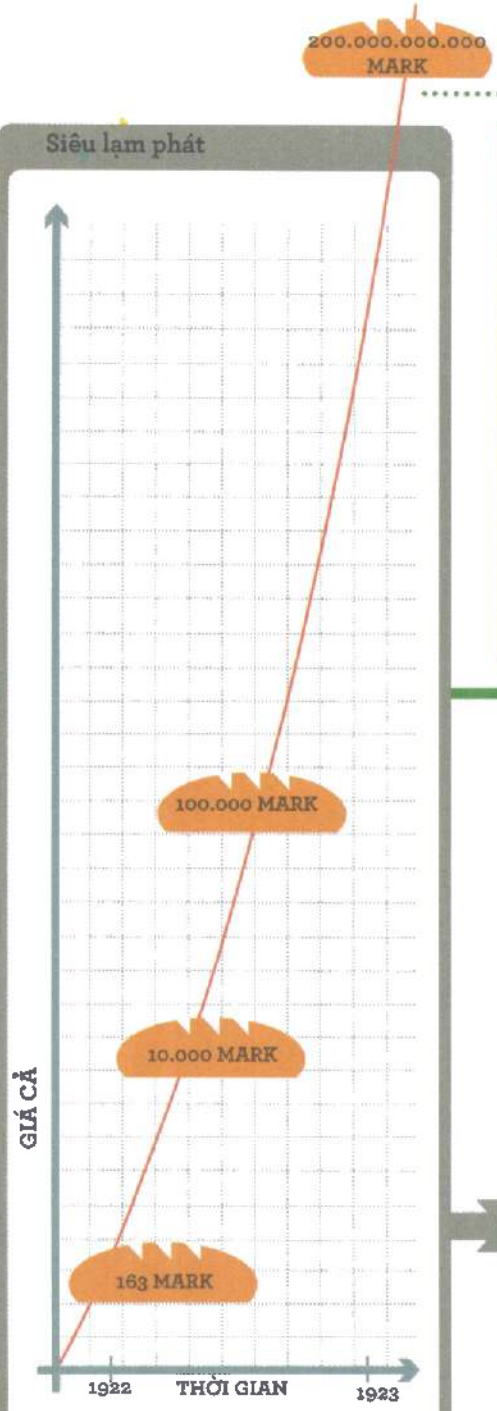

7. Siêu lạm phát bắt đầu và giá cả tăng nhanh hơn cả tốc độ người ta có thể chi tiêu. Năm 1922, một ổ bánh mì giá 163 mark, đến tháng Mười một năm 1923, con số này đã tăng lên thành 200.000.000.000 (hai trăm tỷ) mark.

CHẤM DỨT SIÊU LẠM PHÁT

Sự tín nhiệm

Vì siêu lạm phát dựa trên những kỳ vọng về tương lai, trong đó người ta tin rằng giá cả sẽ tiếp tục tăng lên nhanh chóng, nên nó cũng có thể được chấm dứt rất nhanh (theo lý thuyết). Nếu chính phủ có thể cam kết một cách xác tín là sẽ chấm dứt được lạm phát (ví dụ, bằng cách đưa ra một đồng tiền mới với những quy định chặt chẽ về việc phát hành), chính phủ đó có thể dừng siêu lạm phát với chi phí hạn chế. Tuy nhiên, việc hoàn thành cam kết đó có thể rất thách thức, đặc biệt là với những chính quyền yếu.

Chế độ độc tài

Một lập luận gây tranh cãi là: siêu lạm phát là kết quả của những chính quyền yếu nên việc chấm dứt siêu lạm phát đòi hỏi một chính quyền mạnh – thậm chí, có thể là một chính quyền chấm dứt nền dân chủ. Nhà kinh tế học Thomas Sargent đã nêu ra lý thuyết này cho khu vực Trung Âu vào những năm 1920, khi một loạt giai đoạn siêu lạm phát đã được chấm dứt bằng các chính quyền chuyên chế ở đây.

Vào thời kỳ cao điểm của siêu lạm phát, tháng Bảy năm 1946,

460 x 1042 pengö

Hungary mới đổi được 1 đô la Mỹ

CHÍNH QUYỀN MỚI

8. Một chính quyền mới được thành lập vào tháng Mười một năm 1923 với một giám đốc Ngân hàng Trung ương Đức mới. Ngân hàng trung ương ngừng trả các khoản nợ của chính phủ bằng tiền được in ra. Một đồng tiền mới, đồng rentenmark, được đưa ra, thay thế cho đồng mark cũ gần như vô giá trị. Đồng rentenmark được chống lưng bởi các khoản thế chấp trên đất đai, trong khi giám đốc ngân hàng trung ương mới hứa sẽ điều chỉnh tỷ giá hối đoái của nó so với đồng đô la. Những biện pháp này giúp phục hồi niềm tin của công chúng vào đồng tiền. Một số khoản nợ của Đức đã được xóa bỏ và các khoản bồi thường chiến tranh cũng được giảm bớt vào năm 1924-1925. Tình hình đã trở lại ổn định.

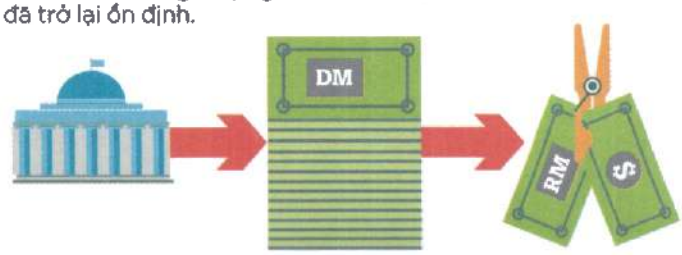

Chính phủ phá sản như thế nào: mất khả năng trả nợ

Một chính phủ có thể nhận thấy các khoản nợ của mình đang vuột dần khỏi tầm kiểm soát nếu các khoản thanh toán tiền lãi tăng nhanh hơn mức tăng thuế của chính phủ. Một khi điều này xảy ra, chính phủ đó đang trên đường tiến tới trạng thái mất khả năng trả nợ.

Nó diễn ra như thế nào

Một cách lý tưởng thì các khoản vay của chính phủ duy trì được sự ổn định. Tuy nhiên, đôi khi, thậm chí một chính phủ được vận hành trơn tru cũng có thể gặp phải một sự kiện tốn kém, ngoài dự kiến, ví dụ như một cuộc khủng hoảng tiền tệ hoặc một cuộc suy thoái đột ngột. Khi điều này xảy ra, chính phủ có thể nhận ra mình đang phải vay nhiều tiền hơn để cố gắng theo kịp các khoản thanh toán tiền lãi đến hạn của khoản nợ hiện có.

Để giảm nhẹ áp lực này, chính phủ có thể tăng thuế và cắt các chi tiêu công nhằm thu tiền về. Trong thực tế, chính phủ có thể giảm các dịch vụ công hoặc trả tín phiếu chính phủ cho các công chức của mình thay vì tiền mặt. Nếu những biện pháp này thất bại, rốt cuộc, chính phủ đó có thể buộc phải rơi vào tình trạng mất khả năng trả nợ và thừa nhận sẽ không trả tiền. Các chính phủ làm như vậy khó có thể vay được tiền trong tương lai vì niềm tin vào sự ổn định kinh tế của đất nước rất thấp. Tuy nhiên, những nước tuyên bố mất khả năng trả nợ đôi khi hồi phục rất nhanh sau đó.

THANH TOÁN TIỀN LÃI

Những nước cho vay tiền sẽ tính phí cao hơn nếu họ nghĩ nguy cơ không có khả năng trả nợ là cao để bù đắp lại rủi ro đó. Mối nguy đối với bất kỳ nước nào có những khoản nợ lớn là vòng xoáy nợ nần có thể trở thành một lời tiên tri tự ứng nghiệm. Khi chủ nợ mất niềm tin và yêu cầu các khoản thanh toán tiền lãi cao hơn, khoản nợ trở nên khó kiểm soát hơn và khả năng không trả được nợ cao hơn.

Argentina 1998-2001

Vòng xoáy nợ nần mà Argentina rơi vào từ năm 1998 đến 2001 đã mang lại kết quả là tình trạng mất khả năng trả nợ lớn nhất trong lịch sử tính tới thời điểm đó (nó được xem là gói "thắt lưng buộc bụng" cho tới cuộc tái cơ cấu nợ của Hy Lạp năm 2012). Argentina nợ một lượng tiền lớn và đang vay thêm từ những nước khác cũng như Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), cho đến khi một đợt suy thoái ngăn nó hoàn trả toàn bộ tiền nợ và nước này tuyên bố mất khả năng trả nợ.

1. Tiếp theo một thời kỳ siêu lạm phát vào những năm 1990, Argentina nỗ lực thực thi những quy định của IMF. Nước này phải vay nợ bền vững từ các tổ chức chính thức như IMF và các nước khác như Mỹ.

6. Nền kinh tế tụt dốc khi tình hình đất nước trở nên tồi tệ hơn.

5. Chính phủ Argentina thực thi các biện pháp khắc khổ trong nỗ lực cắt giảm chi phí.

107 tỷ euro

là khoản nợ được xóa năm 2012 của Hy Lạp

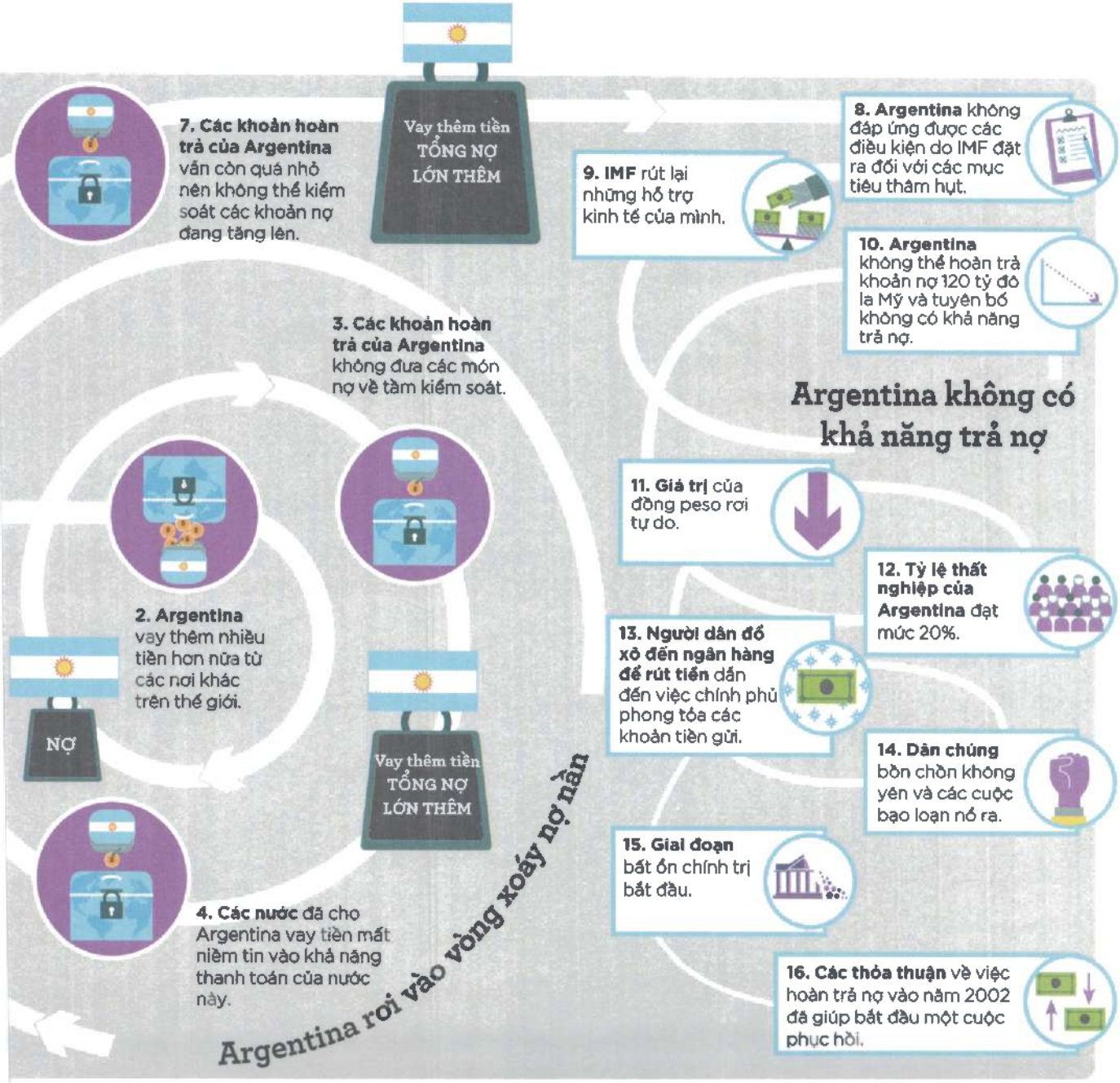

TÀI CHÍNH CÁ NHÂN

- Giá trị, của cải và thu nhập
- Đầu tư để có thu nhập
- Các khoản đầu tư gây dựng của cải
- Quản lý các khoản đầu tư
- Lương hưu và hưu trí
- Nợ
- Tiền trong kỷ nguyên điện tử

Giá trị, của cải và thu nhập

Của cải là một cách đo lường giá trị của tài sản do một cá nhân, nhóm hoặc đất nước sở hữu. Giá trị ròng của một cá nhân là giá trị của bất kỳ tài sản nào mà người đó sở hữu trừ đi bất kỳ khoản nợ hay nghĩa vụ cá nhân nào. Thu nhập kiếm được thông qua lao động và cũng có thể được thu về từ các sản phẩm thuộc sở hữu. Nhận thức rõ vị thế ròng của chúng có thể giúp cá nhân dễ dàng đặt ra các mục tiêu tài chính, thiết lập những chiến lược đầu tư hiệu quả và đạt được độc lập tài chính trước hoặc đúng thời điểm nghỉ hưu.

Lên kế hoạch để độc lập tài chính

Để đạt được độc lập tài chính, một người phải có đủ tiền để có thể trang trải những chi phí sinh hoạt mà không cần làm việc, ví dụ như sau khi nghỉ hưu. Điều này có thể đạt được bằng cách tiết kiệm và đầu tư hiệu quả nhằm tích lũy đủ của cải để sinh sống, hoặc bằng cách tạo ra một khoản thu nhập thụ động sẽ tiếp tục mang lại tiền trong quá trình nghỉ hưu.

Đánh giá tình hình

Các nhà đầu tư tính toán giá trị của các tài sản như tiền mặt, cổ phiếu, trái phiếu, bất động sản và quỹ hưu trí. Sau đó trừ đi nợ phải trả: tiền đi vay, các khoản nợ thẻ tín dụng và thế chấp. *Xem trang 152-153*

Đặt ra các mục tiêu tài chính

Những người tiết kiệm phải đặt ra một độ tuổi thực tế mà khi đó, họ sẽ nghỉ hưu. Để làm điều này, họ đánh giá xem mình sẽ cần thu nhập bao nhiêu để duy trì một mức sống ổn thỏa khi nghỉ hưu.

Tăng các khoản tiết kiệm từ thu nhập

Bằng cách chuyển một phần thu nhập sang tiết kiệm và đảm bảo rằng những khoản đầu tư của mình diễn ra hiệu quả, những người tiết kiệm có nhiều khả năng đạt được các mục tiêu tài chính hơn. *Xem trang 154-155*

ƯU VÀ NHƯỢC ĐIỂM CỦA CỐ VẤN TÀI CHÍNH

Ưu điểm

Một cố vấn tài chính đánh giá tình hình của khách hàng và chỉ ra những sản phẩm thế chấp, hưu trí và đầu tư nào đáp ứng mục tiêu tài chính của họ nhất. Điều này hữu ích cho những người không có thời gian nghiên cứu các thị trường. Khi một khách hàng cảm thấy cố vấn tài chính cung cấp những lời khuyên kém chất lượng hoặc có khả năng bán nhầm một sản phẩm thì người đó có thể khởi kiện.

Nhược điểm

Các cố vấn tài chính có một vai trò hạn chế và không tư vấn các vấn đề tiền bạc hằng ngày như tìm lãi suất tiết kiệm tốt nhất hoặc giảm chi phí sinh hoạt, nhưng người ta có thể dễ dàng tìm thấy thông tin này trên báo hoặc mạng. Lời khuyên tài chính cũng có thể rất đắt: điển hình thì các nhà cố vấn sẽ tính phí là 1% bất cứ tài sản nào mà họ quản lý.

52%

người chưa nghỉ hưu tại Mỹ sử dụng một cố vấn tài chính

Quản lý nợ

Những người tiết kiệm thông thái trả hết các khoản vay nợ và thẻ tín dụng nhanh nhất có thể và tìm kiếm các mức lãi suất rẻ hơn có thể sẽ làm giảm chi phí vay mượn, giảm nợ thế chấp nhanh hơn. *Xem trang 156-157*

Sử dụng số tiền thu được từ đầu tư

Khi các khoản đầu tư tạo ra thu nhập gia tăng, các cá nhân có thể sử dụng các quỹ này để giảm nợ cũng như tái đầu tư để gây dựng thêm tài sản. *Xem trang 160-161*

Độc lập tài chính

Đầu tư hiệu quả trong suốt cuộc đời giúp gây dựng của cải hoặc thu nhập thụ động. Nếu việc này thành công, một cá nhân có thể duy trì một tiêu chuẩn sống đầy đủ mà không cần làm việc.

Tính và phân tích giá trị ròng

Của cải – hay giá trị ròng – của một người có thể được tính bằng cách cộng toàn bộ tài sản mà họ sở hữu và trừ đi số tiền nợ mà họ đang chịu.

Báo cáo giá trị ròng

Các cá nhân có thể tính toán giá trị ròng của mình ở bất cứ thời điểm nào bằng cách lấy tài sản trừ đi các khoản nợ. Khi đó, họ có thể so sánh các con số tương ứng theo tháng hoặc năm để theo dõi bất cứ sự thay đổi nào.

TÀI SẢN – NỢ = GIÁ TRỊ RÒNG

Tài sản

Tài sản lưu động

Những nguồn tiền mặt dễ dàng tiếp cận

- Tiền mặt có trong tay
- Tiền mặt có trong tài khoản vãng lai
- Giá trị tiền mặt của bảo hiểm nhân thọ
- Các quỹ thị trường tiền
- Các chứng chỉ tiền gửi
- Những khoản đầu tư ngắn hạn

+

Tài sản đầu tư

Có khả năng chuyển thành tiền mặt trong kỳ hạn ngắn hoặc dài

- Các khoản tiền gửi có kỳ hạn ở ngân hàng
- Chứng khoán, cổ phiếu, cổ phần hoặc tín phiếu
- Bất động sản đầu tư
- Các chính sách bảo hiểm
- Các quỹ hưu trí

−

Nợ

Nợ ngắn hạn

Có thể trả trong vòng 12 tháng tới

- Lãi thẻ tín dụng và tiền hoàn trả vốn vay
- Tiền hoàn trả các món nợ cá nhân hoặc nợ học phí
- Hóa đơn sinh hoạt hằng tháng hiện tại, ví dụ như điện nước, liên lạc và bảo hiểm
- Thuế thu nhập cá nhân hằng năm chưa thanh toán

+

Nợ dài hạn

Có thể trả trong thời gian hơn 12 tháng

- Thanh toán thế chấp hoặc thuê nhà
- Hỗ trợ nuôi con hoặc cấp dưỡng nếu ly thân hoặc ly hôn
- Chi phí giáo dục cho con cái đến đại học
- Thanh toán cho quỹ hưu trí
- Hợp đồng thuê-mua hoặc cho thuê xe ô tô

Nó diễn ra như thế nào

Số liệu giá trị ròng cho các tổ chức tài chính biết rất nhiều về tình trạng tài chính của một cá nhân. Theo thời gian, giá trị ròng của một người có thể biến động, ví dụ, tổng tài sản của họ sẽ tăng lên nếu các khoản tiền gửi trong ngân hàng có lãi và mức nợ của họ cũng tăng nếu họ có một khoản thế chấp mới. Nếu giá trị ròng của một người tăng lên, điều đó có nghĩa là họ đang được tận hưởng đời sống tài chính lành mạnh; nếu giá trị đó giảm, điều ngược lại sẽ diễn ra.

Giá trị ròng là một chỉ số phản ánh sức khỏe tài chính chính xác hơn thu nhập hay của cải vì nó tính đến mọi khoản nợ người đó đang có.

30 triệu đô la Mỹ

là giá trị tài sản lưu động của những cá nhân có giá trị ròng siêu cao

Tài sản cá nhân

Có thể bán để thu về tiền mặt nhưng cần thời gian

- Nhà ở, có thể bán được nếu muốn chuyển sang nhà nhỏ hơn
- Bất động sản khác, như nhà để nghỉ mát
- Tác phẩm nghệ thuật, trang sức và các món đồ có giá trị khác
- Đồ đạc, đặc biệt là những món có thể sưu tập
- Phương tiện giao thông (mặc dù chúng mất giá rất nhanh)

Nợ tiềm ẩn

Có thể nợ trong tương lai

- Thuế trên thặng dư vốn
- Xe ô tô hoặc các khoản vay đảm bảo khác cho con cái mà không thể theo kịp các khoản hoàn trả
- Bồi thường thiệt hại, ví dụ như các trường hợp kiện cáo
- Phí cố vấn pháp luật cho những người đại diện trước pháp luật

CẦN BIẾT

- **Cá nhân có giá trị ròng cao (HNWI)** Một người có tài sản lưu động trị giá trên 1 triệu đô la Mỹ.
- **Cá nhân có giá trị ròng rất cao (VHNWI)** Một người có giá trị tài sản lưu động đạt mức tối thiểu là 5 triệu đô la Mỹ.

Giá trị ròng

- Con số sau khi lấy tài sản trừ đi nợ có thể được bất cứ ai sử dụng để đánh giá mức độ giàu có của một cá nhân tại bất kỳ thời điểm nào.
- Nếu con số này âm thì các khoản nợ của họ lớn hơn tài sản, và sức khỏe tài chính yếu.
- Nếu con số này dương thì tài sản của họ lớn hơn giá trị các khoản nợ, và sức khỏe tài chính của họ là tốt.
- Các cố vấn tài chính đề xuất rằng khách hàng nên tính toán giá trị ròng của mình mỗi năm một lần.

TÍNH LƯU ĐỘNG VÀ GIÁ TRỊ RÒNG

Mặc dù giá trị ròng là một công cụ đo lường của cải hiện tại hữu dụng, tính lưu động lại cho những người tiết kiệm tiền và các nhà đầu tư biết họ có thể tiếp cận với bao nhiêu tiền mặt trong trường hợp khẩn cấp. Việc giữ lại một phần các khoản đầu tư ở dạng có thể được chuyển đổi dễ dàng sang tiền mặt luôn đáng thực hiện.

Thu nhập và của cải

Hai trong số các khái niệm chính của vấn đề tài chính cá nhân, thu nhập và của cải, thể hiện các tình trạng tài chính khác nhau của một người. Thu nhập thì lưu động và thường không ổn định trong khi của cải chủ yếu là tĩnh và ổn định.

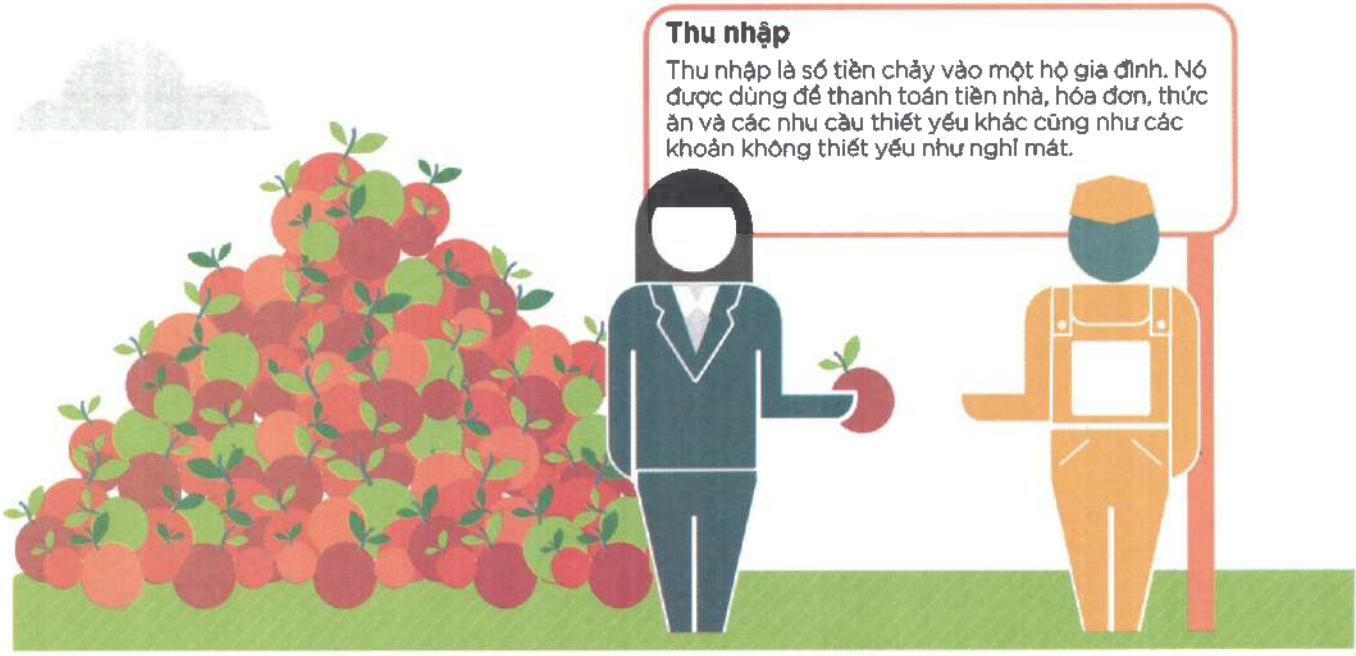

Biến thu nhập thành của cải

Trừ phi được thừa kế một khoản tiền lớn hoặc trúng xổ số, hầu hết mọi người cần phải dựa vào các khoản tiết kiệm để tạo ra của cải. Phương pháp này đơn giản nhưng đòi hỏi kiên nhẫn và kỷ luật. Lượng tiền chi ra mỗi tuần hoặc mỗi tháng (tiền chi tiêu) phải được giữ thấp hơn lượng tiền đi vào (thu nhập) trong cùng khoảng thời gian đó; khoản chênh lệch nên được giữ lại hoặc đầu tư càng sớm càng tốt.

THU NHẬP (SAU THUẾ)

Tiền kiếm được

Thu nhập bao gồm bất kỳ khoản phúc lợi hoặc ưu đãi thuế nào, cũng như tiền thu được từ các khoản đầu tư.

TIỀN CHI TIÊU

Chi phí

Các khoản chi sinh hoạt có thể được điều tiết thông qua một ngân sách, thứ sẽ giúp vạch ra những nơi có thể tiết kiệm tiền.

Nó diễn ra như thế nào

Của cải là giá trị tài sản, tiền tiết kiệm và đầu tư của một người; trong khi đó, thu nhập là số tiền người đó đều đặn nhận được do làm việc, từ các khoản đầu tư hoặc một khoản phúc lợi hay lương hưu. Việc nhận ra sự khác biệt giữa hai khái niệm này là chìa khóa để gây dựng và bảo vệ của cải. Thu nhập được quản lý sát sao và đầu tư thận trọng có thể tạo ra của cải theo thời gian.

Của cải

Của cải là giá trị tài sản thuộc sở hữu của một hộ gia đình hoặc một cá nhân. Nó có thể ở hình thức chỉ là các khoản tiết kiệm, hoặc có thể tích lũy từ các khoản tiết kiệm, đầu tư và thừa kế. Các cá nhân hiếm khi sử dụng của cải cho những chi phí hằng ngày, trừ phi không có thu nhập nữa.

CỦA CẢI

Nợ

Các khoản nợ nên được thanh toán hết càng sớm càng tốt, trừ phi có những ưu điểm nào đó khi dàn trải việc hoàn trả.

THẺ TÍN DỤNG

TIỀN VAY

THẾ CHẤP

GIÁO DỤC

Tiền tiết kiệm

Tiền còn lại sau khi trang trải các chi phí và cam kết nợ nần được gọi là tiền tiết kiệm. Số tiền này có thể được đầu tư vào tài sản.

ĐƯỢC ĐẦU TƯ VÀO

Tài sản

Những khoản đầu tư hữu dụng nhất tạo ra thu nhập gia tăng để giá trị được tăng lên.

BẤT ĐỘNG SẢN

CỔ PHIẾU

TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

TRANG SỨC

Chuyển đổi thu nhập thành của cải

Kiếm được nhiều tiền không đảm bảo cho của cải. Giữ cho tiền chi tiêu thấp hơn thu nhập, tích lũy tiền tiết kiệm và đầu tư chúng một cách thông minh là chìa khóa để có được sự đảm bảo tài chính dài hạn.

Nó diễn ra như thế nào

Không có cách thức dễ dàng nào giúp xác định bao nhiêu của cải là đủ cho giai đoạn nghỉ hưu. Điều đó phụ thuộc vào mỗi cá nhân. Những người kiếm được nhiều tiền có xu hướng có kỳ vọng cao hơn về phong cách sống so với những người có thu nhập thấp hơn. Do đó, họ phải tiết kiệm hơn, và đầu tư nhiều hơn, để tạo ra của cải mà họ cần để duy trì phong cách sống của mình khi nghỉ hưu. Mối nguy của nhóm này là lương bổng cao có thể dẫn tới một sự sung túc giả tạo, kết quả là chi tiêu nhiều cho phong cách sống nhưng giữ lại rất ít để tiết kiệm.

Để bắt đầu gây dựng của cải, các cá nhân nên đều đặn tiết kiệm một phần thu nhập sau thuế của mình. Nhiều nhà cố vấn tài chính khuyên là nên đặt ra mục tiêu tiết kiệm một phần ba thu nhập thường xuyên.

Khi thu nhập cao hơn không mang lại của cải

Thậm chí một cá nhân kiếm được lương cao cũng không đảm bảo được một giai đoạn nghỉ hưu an toàn nếu người đó không có những thói quen tiết kiệm tốt. Việc để sang bên một phần ba thu nhập sau thuế nghe có vẻ bất khả thi nhưng thậm chí tiết kiệm 10% cũng có thể tạo ra một khoản dự trữ tiền mặt đáng kể để đầu tư.

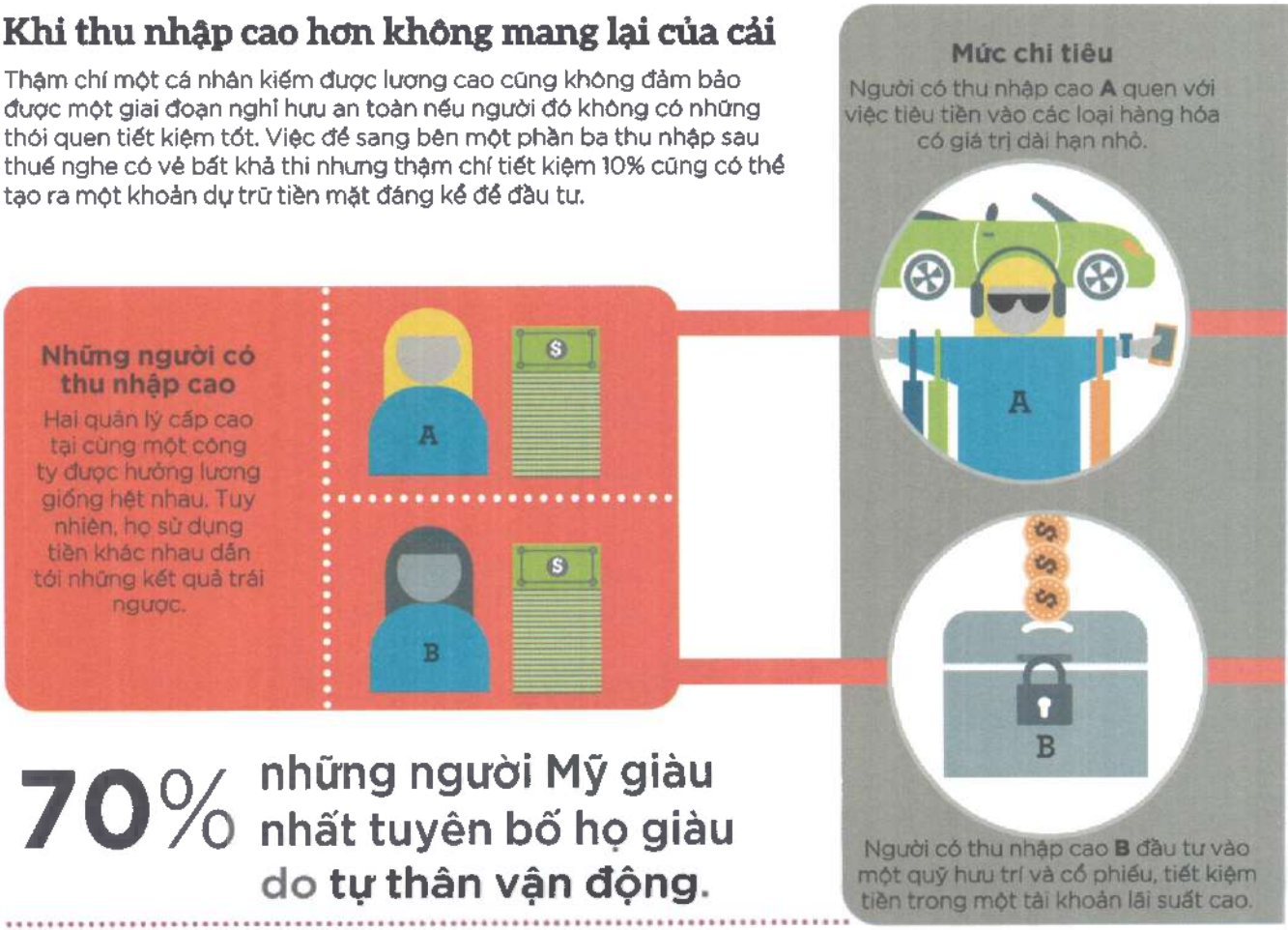

70% những người Mỹ giàu nhất tuyên bố họ giàu do tự thân vận động.

NGÂN SÁCH CÁ NHÂN

Chi tiêu hộ gia đình có thể được rút gọn theo nhiều cách để gây dựng được của cải, thậm chí những thay đổi nhỏ nhất cũng có thể là đáng kể khi được duy trì từ năm này qua năm khác, vì bất cứ việc cắt giảm chi tiêu nào cũng có thể được đầu tư vào các khoản tiết kiệm. Đặt ra một ngân sách và kiên trì với nó sẽ giúp đạt được những mục tiêu tiết kiệm. Những chiến lược tiết kiệm khác bao gồm:

- **Đặt ra các mục tiêu tài chính,** ví dụ như mua một ngôi nhà hoặc dành tiền theo học thạc sĩ.
- **Vạch ra một kế hoạch chi tiêu** cho các khoản chi như nhà ở, thức ăn, đi lại và hoàn trả nợ.
- **Giám sát các ngân sách** hàng tuần hoặc hằng tháng để theo dõi quá trình chi tiêu.
- **Quyết định số phần trăm** thu nhập sẽ để dành tiết kiệm mỗi tháng và đặt ra một tài khoản ghi nợ trực tiếp cho số tiền đó để nó đi thẳng vào tài khoản tiết kiệm.
- **Tìm nơi ở rẻ hơn** hoặc tái cơ cấu một khoản thế chấp để có mức lãi suất rẻ hơn.
- **So sánh các mức bảo hiểm** và chuyển sang một nhà cung cấp rẻ hơn; xem xét lại các thỏa thuận từ các nhà cung cấp năng lượng khác nhau để cắt giảm hóa đơn tiện ích.
- **Lập danh sách những thứ cần mua khi đi mua sắm** để loại trừ việc mua hàng bốc đồng và mua với số lượng lớn để tranh thủ các mức giá rẻ hơn hoặc đợt giảm giá.

Thái độ với nợ nần

Vì thẻ tín dụng rất sẵn có với những người có thu nhập cao nên **A** lún sâu vào nợ nần.

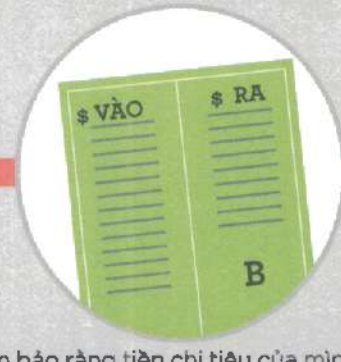

B đảm bảo rằng tiền chi tiêu của mình luôn thấp hơn thu nhập.

Đầu tư

Vì thu nhập cao nên **A** không cảm thấy cần phải tiết kiệm cho giai đoạn nghỉ hưu.

B sử dụng một phần tiền tiết kiệm của mình để đầu tư vào một ngôi nhà.

Nghỉ hưu

Khi nghỉ hưu, **A** chứng kiến thu nhập của mình sụt giảm đáng kể. Không có của cải để dựa dẫm, cô trải qua thời kỳ nghỉ hưu trong nghèo khó.

B tận hưởng những năm tháng hưu trí sung túc.

Tạo thu nhập

Kiếm đủ thu nhập để đảm bảo những khoản tiết kiệm và đầu tư định kỳ là nền tảng của việc gây dựng của cải. Càng có nhiều nguồn thu nhập càng tốt, đặc biệt nếu một số nguồn trong đó là thụ động, hoặc không phải đi kiếm cũng có.

Nó hoạt động như thế nào

Người ta có thể tích lũy của cải bằng nhiều cách, nhưng hầu như mọi cách đó đều dựa vào thu nhập. Thừa kế tiền bạc, bất động sản hoặc những tài sản khác là con đường nhanh chóng dẫn đến của cải, nhưng với những người không thể dựa dẫm vào một khoản thừa kế lớn thì tiết kiệm và đầu tư là hai chiến lược chủ yếu. Người ta có thể kiếm được thu nhập bằng hai cách chính. Con đường phổ biến nhất là thông qua thu nhập chủ động hay kiếm được, như tiền lương, tiền công, thường đòi hỏi một mức độ nỗ lực để tạo ra. Thu nhập thụ động bao gồm tiền cho thuê bất động sản và thu nhập từ danh mục đầu tư, như cổ tức và cổ phiếu hoặc tiền lãi từ trái phiếu. Bất kể nguồn thu nhập là gì, nếu số tiền kiếm được của một cá nhân không đủ cao để trang trải tất cả chi phí và vẫn còn lại một chút thì việc gây dựng của cải gần như là bất khả thi. Khi nhớ được điều này, mục tiêu gây dựng của cải phải được củng cố bằng một chiến lược tạo ra đủ thu nhập, cho phép để ra một phần dành dụm.

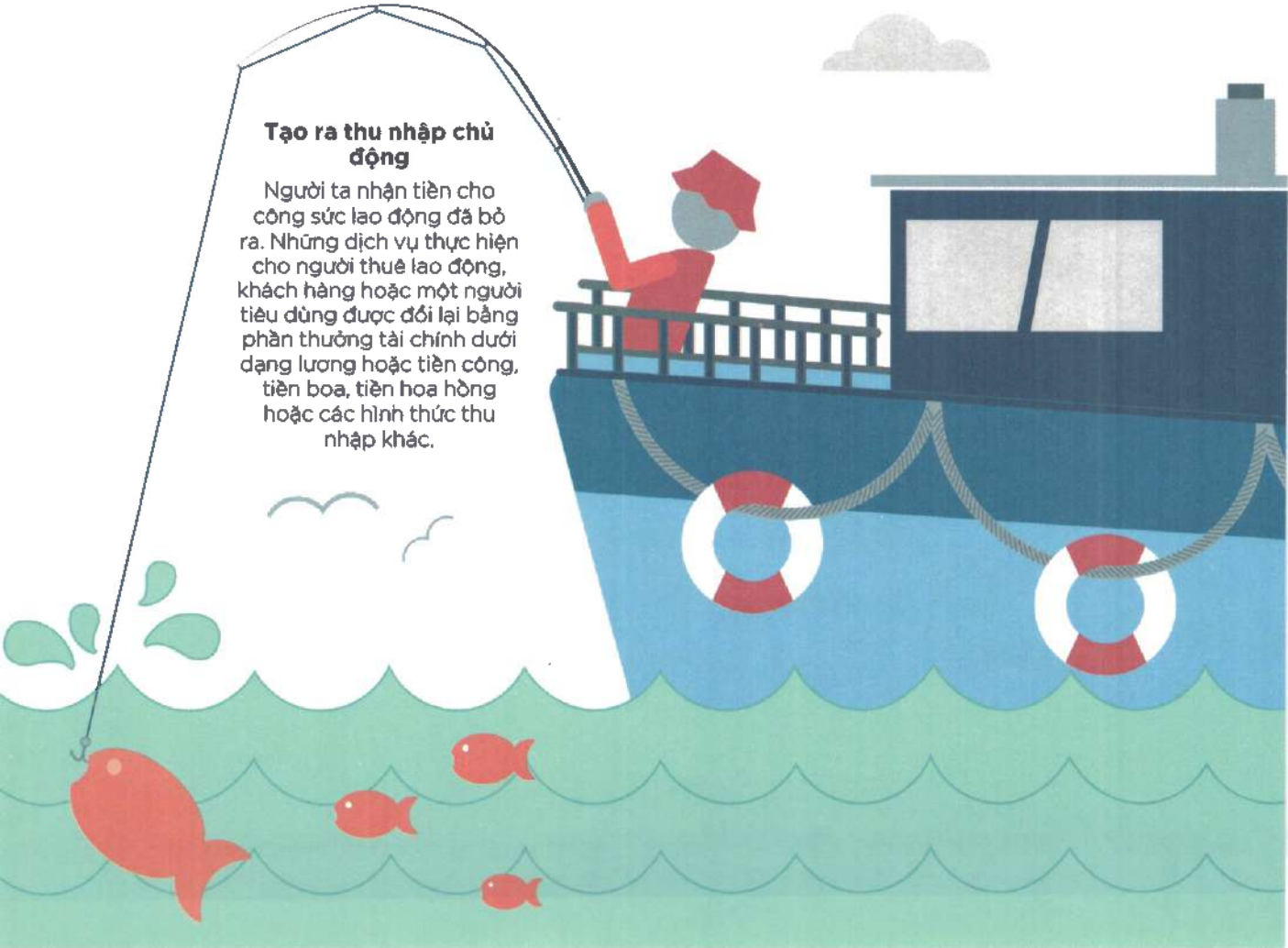

TẠO RA THU NHẬP THỤ ĐỘNG

Các tài khoản tiết kiệm có thể mang lại lãi suất cao nhưng điều quan trọng là phải biết khả năng tiếp cận tiền dễ dàng đến mức nào.

Lập blog về một chủ đề được ưa thích có thể kiếm ra tiền theo nhiều cách khác nhau.

Tiền bản quyền có thể được thương lượng đối với các tác phẩm nhiếp ảnh, viết hoặc sáng tạo khác.

Tiền cho thuê nhà hoặc một phòng còn trống có thể mang lại cho các cá nhân một nguồn thu nhập định kỳ.

Các thị trường trực tuyến, thanh lý đồ gia dụng và bán đấu giá có thể gây quỹ thông qua việc bán những món đồ không còn cần thiết.

Phỏng vấn nhóm và các nhóm nghiên cứu thị trường trả tiền cho các cá nhân để thử những sản phẩm mới.

CẦN BIẾT

- **Thu nhập từ danh mục đầu tư** Tiền kiếm được từ lãi, cổ tức hoặc thặng dư vốn. Dạng thu nhập này được các cơ quan thuế tại một số quốc gia xem là một dạng thu nhập, ví dụ như tại Mỹ.
- **Thặng dư vốn** Lợi nhuận thu được từ việc bán một tài sản, như một ngôi nhà hoặc một tác phẩm nghệ thuật, do nó đã tăng về giá trị kể từ khi được mua về.
- **Thu nhập không phải kiếm cũng có** Thu nhập thụ động từ các khoản đầu tư, quỹ hưu trí, tiền cấp dưỡng, tiền lãi hoặc tiền cho thuê bất động sản.

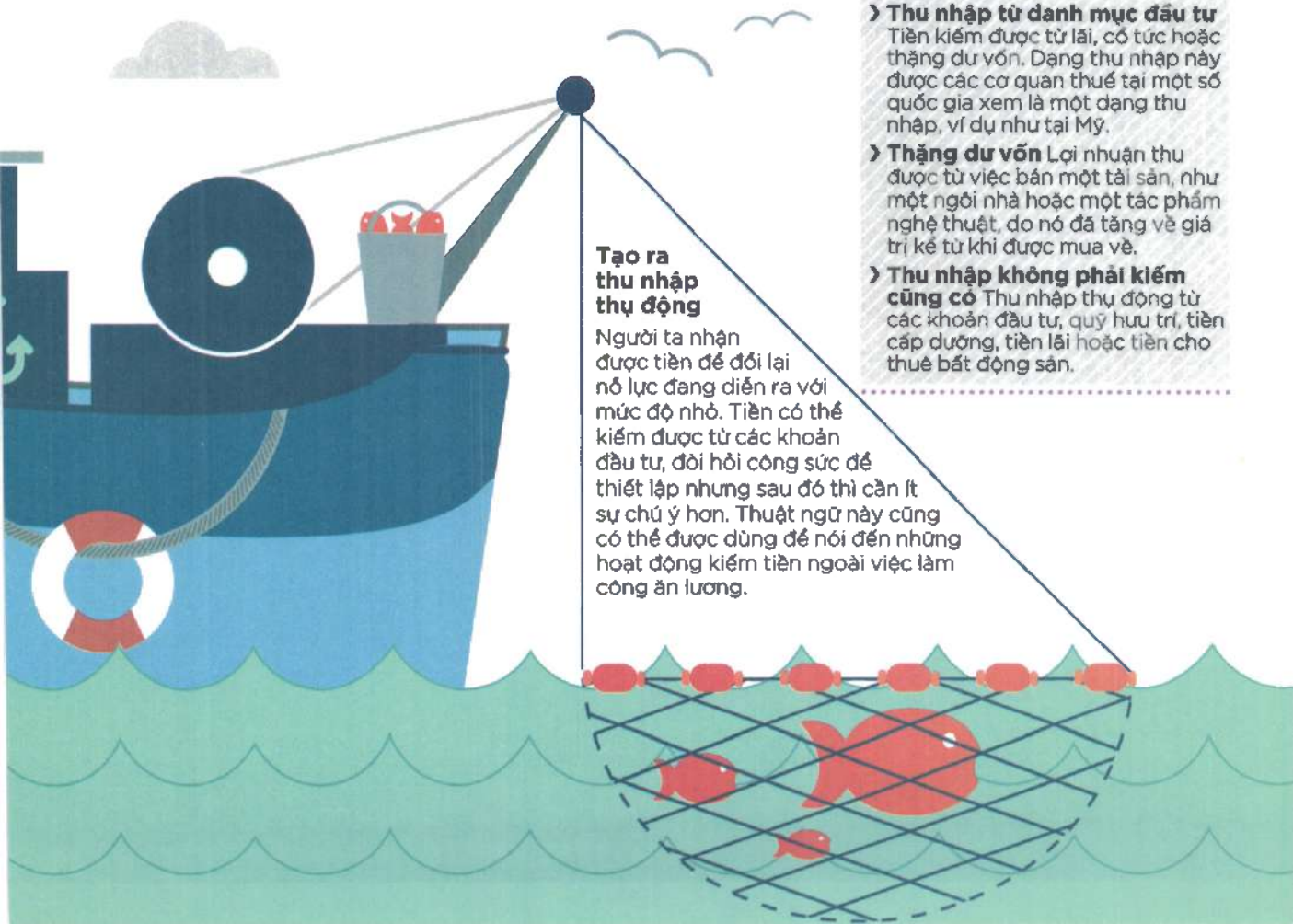

Tạo ra thu nhập thụ động

Người ta nhận được tiền để đổi lại nỗ lực đang diễn ra với mức độ nhỏ. Tiền có thể kiếm được từ các khoản đầu tư, đòi hỏi công sức để thiết lập nhưng sau đó thì cần ít sự chú ý hơn. Thuật ngữ này cũng có thể được dùng để nói đến những hoạt động kiếm tiền ngoài việc làm công ăn lương.

Tạo ra của cải

Những tỷ phú xuất hiện trong danh sách những người giàu nhất thế giới hàng năm có thể đã xây dựng đế chế của họ theo các cách khác nhau, nhưng hầu như tất cả đều bắt đầu với ít nhất một chút tiền mặt để đầu tư.

Gây dựng của cải

Hầu hết mọi người bắt đầu bằng cách kiếm được một nguồn thu nhập và tiết kiệm một phần thu nhập đó để gây dựng của cải, đảm bảo rằng họ có được sự đảm bảo về tài chính trong tương lai. Việc kiếm đủ tiền cho các thương vụ mạo hiểm hoặc đầu tư luôn song hành với việc tạo ra của cải. Tạo ra những thay đổi nhỏ trong cách sống có thể hạn chế chi tiêu và làm tăng tiết kiệm để ngay cả những người có thu nhập thấp nhất cũng có thể tiến những bước đầu tiên trên con đường dẫn tới sự sung túc.

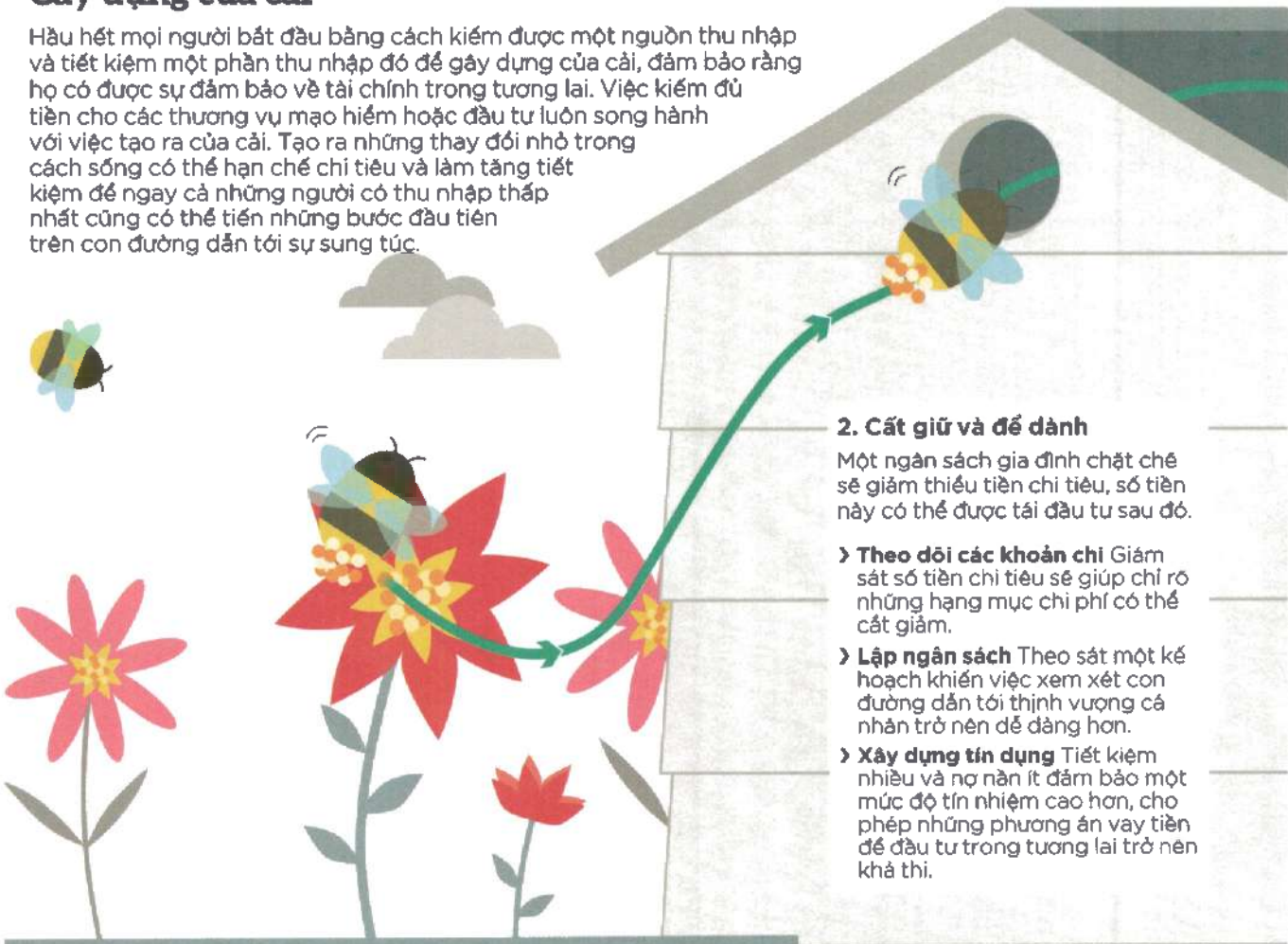

2. Cất giữ và để dành

Một ngân sách gia đình chặt chẽ sẽ giảm thiểu tiền chi tiêu, số tiền này có thể được tái đầu tư sau đó.

- **Theo dõi các khoản chi** Giám sát số tiền chi tiêu sẽ giúp chỉ rõ những hạng mục chi phí có thể cắt giảm.
- **Lập ngân sách** Theo sát một kế hoạch khiến việc xem xét con đường dẫn tới thịnh vượng cá nhân trở nên dễ dàng hơn.
- **Xây dựng tín dụng** Tiết kiệm nhiều và nợ nần ít đảm bảo một mức độ tín nhiệm cao hơn, cho phép những phương án vay tiền để đầu tư trong tương lai trở nên khả thi.

1. Kiếm nguồn thu nhập

Việc chuyển đổi thu nhập thành của cải mang ý nghĩa tiên quyết. Làm việc để kiếm thu nhập, dù là chủ động, thụ động hay kết hợp cả hai, đều mang lại số tiền cần thiết cho hộ gia đình một cách đều đặn.

- **Thu nhập chủ động** Việc để dành có thể tối đa hóa số tiền người ta nhận được, và người lao động có thể thay đổi địa điểm để có được thu nhập có khả năng cao hơn.
- **Thu nhập thụ động** Thu nhập có thể được xúc tiến bằng các khoản đầu tư và bằng cách mua, bán các tài sản thuộc sở hữu.

Nó diễn ra như thế nào

Gây dựng của cải đòi hỏi tính kỷ luật và chiến lược dài hạn để có được những kết quả tối ưu. Với hầu hết mọi người, của cải được tích lũy theo thời gian bằng cách sử dụng các quỹ tiết kiệm được từ thu nhập, tiếp theo, các quỹ này được đầu tư để tạo ra còn nhiều tiền hơn nữa. Dàn trải các khoản đầu tư ra nhiều công cụ tài chính khác nhau là một ý tưởng thông minh và nếu ban đầu, cá nhân đó chưa hoàn toàn tự tin thì tìm kiếm một chỉ dẫn chuyên nghiệp là việc đáng làm.

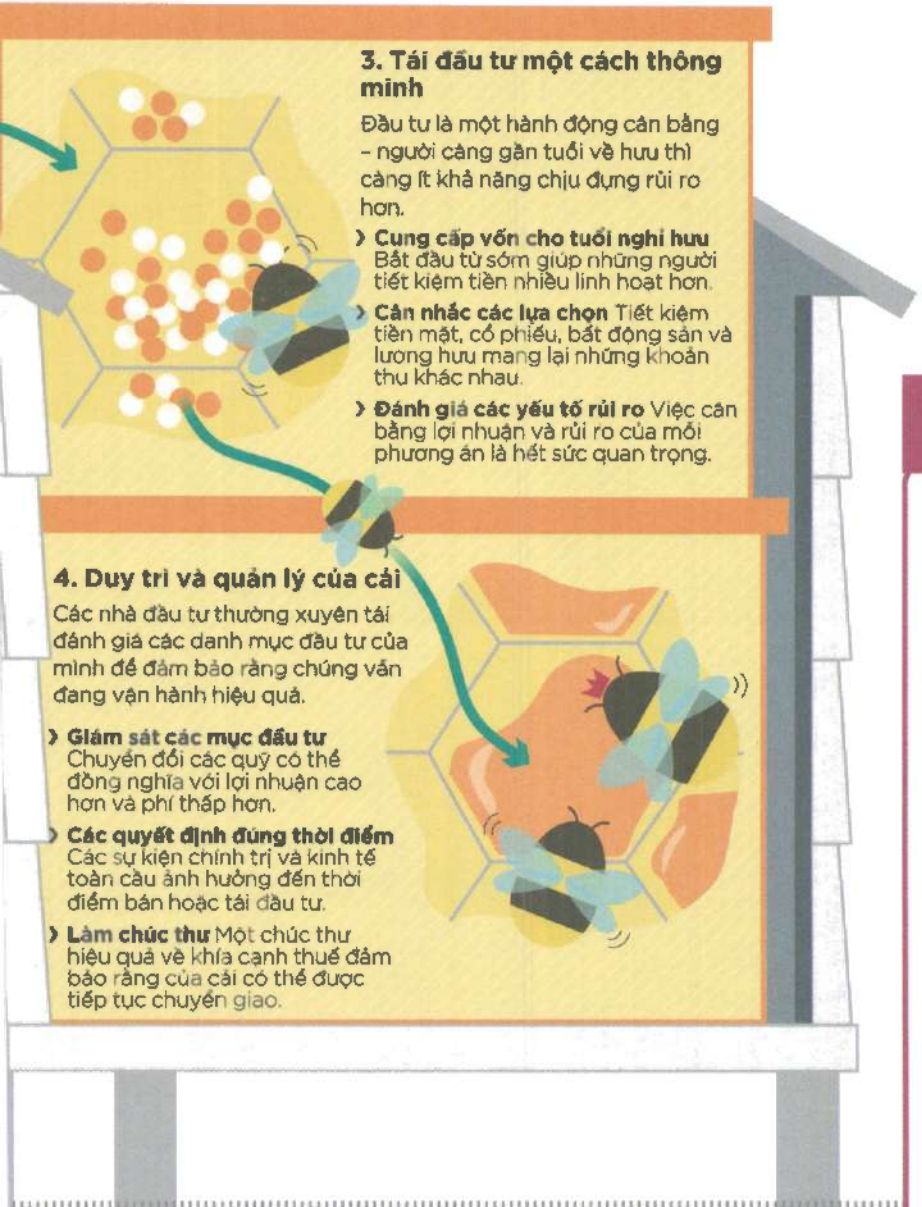

3. Tái đầu tư một cách thông minh

Đầu tư là một hành động cân bằng – người càng gần tuổi về hưu thì càng ít khả năng chịu đựng rủi ro hơn.

- **Cung cấp vốn cho tuổi nghỉ hưu** Bắt đầu từ sớm giúp những người tiết kiệm tiền nhiều linh hoạt hơn.
- **Cân nhắc các lựa chọn** Tiết kiệm tiền mặt, cổ phiếu, bất động sản và lương hưu mang lại những khoản thu khác nhau.
- **Đánh giá các yếu tố rủi ro** Việc cân bằng lợi nhuận và rủi ro của mỗi phương án là hết sức quan trọng.

4. Duy trì và quản lý của cải

Các nhà đầu tư thường xuyên tái đánh giá các danh mục đầu tư của mình để đảm bảo rằng chúng vẫn đang vận hành hiệu quả.

- **Giám sát các mục đầu tư** Chuyển đổi các quỹ có thể đồng nghĩa với lợi nhuận cao hơn và phí thấp hơn.
- **Các quyết định đúng thời điểm** Các sự kiện chính trị và kinh tế toàn cầu ảnh hưởng đến thời điểm bán hoặc tái đầu tư.
- **Làm chúc thư** Một chúc thư hiệu quả về khía cạnh thuế đảm bảo rằng của cải có thể được tiếp tục chuyển giao.

"Nếu bạn muốn có của cải, hãy nghĩ đến việc để dành tiền cũng như kiếm tiền."

Benjamin Franklin, học giả Mỹ

CÁC LỘ TRÌNH GÂY DỰNG CỦA CẢI

Mục tiêu của việc đầu tư là kiếm ra tiền. Có nhiều phương án khác nhau phù hợp với các phong cách sống khác nhau.

Đầu tư truyền thống
Giá trị tài sản biến động cùng với những thay đổi kinh tế, do đó nhiều nhà đầu tư theo dõi sát sao các sự kiện để cố gắng xác định đúng thời điểm đầu tư.

Bất động sản
Bất động sản lưu trú có thể mang lại tăng trưởng vốn hoặc một thu nhập ổn định từ tiền cho thuê. Nhà xây để nghỉ dưỡng tạo ra ít tăng trưởng vốn hơn nhưng có tiềm năng mang lại thu nhập cao.

Kinh doanh
Các ý tưởng đòi hỏi ít hoặc không cần đầu tư và có thể có tiềm năng dài hạn. Đầu tư vào một dự án khởi nghiệp có thể mang lại những lợi nhuận lớn, nhưng nhiều dự án đã thất bại, nên đây là một hướng đi rủi ro.

Đầu tư để có thu nhập

Mục tiêu chính của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân là đảm bảo có đủ tiền để mua một ngôi nhà lớn hơn nếu gia đình phát triển, mang lại cho con cái nền giáo dục chất lượng, và cuối cùng là có thu nhập ổn định khi nghỉ hưu. Để đạt được điều này, các cá nhân nên đầu tư vào các tài sản sẽ tạo ra một dòng tiền mặt trong tương lai. Nhiều nhà đầu tư sử dụng một dịch vụ quản lý để trông nom tiền bạc cho họ, đổi lại là vài phần trăm tiền lãi thu được; những người khác lại thích tự nghiên cứu và đầu tư trực tiếp hơn.

Tiền thu về và rủi ro

Các khoản đầu tư có thể được sử dụng để gây dựng của cải từ từ, nhưng chúng cũng có thể mang lại thu nhập. Các khoản đầu tư hứa hẹn thu nhập cao thường rủi ro cao, trong khi những phương án an toàn hơn, như bỏ tiền dư thừa vào một tài khoản tiết kiệm, thường mang lại mức thu nhập thấp hơn. Một chiến lược phổ biến là tạo ra một danh mục đầu tư dàn trải trên nhiều loại tài sản khác nhau với các mức độ rủi ro khác nhau, ví dụ như cổ phần, bất động sản và trái phiếu.

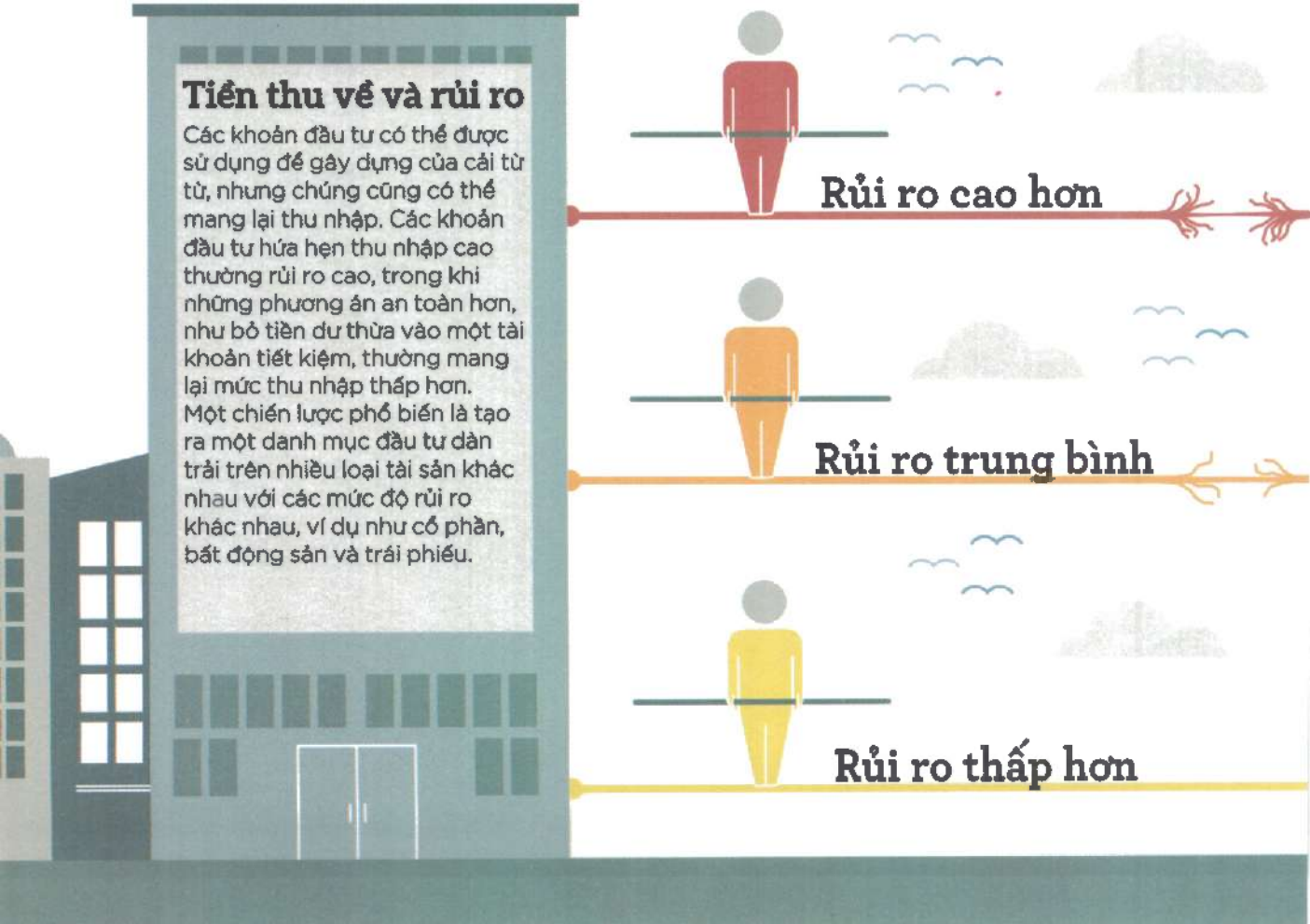

"Rủi ro đến từ việc không biết mình đang làm gì."

Warren Buffett, nhà đầu tư tỷ phú Mỹ

PHONG CÁCH SỐNG

Đây là một chiến lược đầu tư thay đổi tỷ lệ các tài sản khác nhau dựa trên tuổi của cá nhân sở hữu. Việc chuyển tiền từ những khoản đầu tư rủi ro cao hơn sang rủi ro thấp hơn có thể được thiết lập trước để tự động thực hiện. Ví dụ, khi còn trẻ, một nhà đầu tư có thể đặt 100% tài sản của mình vào những khoản đầu tư rủi ro cao như các giao dịch kỳ hạn. Nhưng ngày càng nhiều phần quỹ của người này sẽ được chuyển sang những khoản đầu tư an toàn hơn, ít rủi ro hơn như trái phiếu chính phủ khi tuổi nghỉ hưu tới gần.

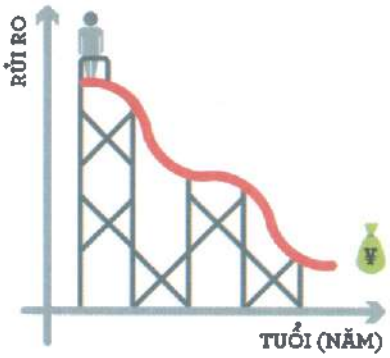

Cổ phiếu

Có thể nợ trong tương lai

- **Cổ phiếu phổ thông** *Xem trang 182-183*
- **Cổ phiếu ưu đãi** *Xem trang 164-165*
- **Cổ phiếu quyền chọn** *Xem trang 52-53*
- **Cổ phiếu kỳ hạn** *Xem trang 52-53*

Các đơn vị trong các quỹ cổ phần được quản lý *Xem trang 168-169*

Bất động sản

Rủi ro trung bình, có tiềm năng mang lại thu nhập ổn định

- **Tiền cho thuê từ nơi lưu trú, thương mại, công nghiệp** *Xem trang 170-171*
- **Lợi nhuận từ việc bán và mua** *Xem trang 176-179*

Trả lãi suất

Rủi ro thấp hơn, có tiềm năng mang lại chút ít thu nhập

- **Tài khoản tiết kiệm** *Xem trang 166-167*
- **Tiền gửi có kỳ hạn** *Xem bên phải*
- **Trái khoán** *Xem bên phải*
- **Trái phiếu** *Xem trang 166-167*

✓ CẦN BIẾT

- **Tiền gửi có kỳ hạn** Khoản đầu tư tiền mặt được giữ tại một ngân hàng hoặc một tổ chức tài chính trong một kỳ hạn cố định, thường là từ một tháng đến vài năm. Theo truyền thống, kiểu gửi tiền này có lãi suất cao hơn một chút so với các tài khoản tiết kiệm thông thường.
- **Trái khoán** Một vật thế chấp dài hạn do một công ty phát hành, mang lại một mức lãi suất cố định. Tại Anh, trái khoán được đảm bảo bằng tài sản của công ty; tại Mỹ, chúng không được đảm bảo.

Cổ tức

Cổ tức là một khoản thanh toán định kỳ dành cho các cổ đông của một công ty, thường là được dựa trên lợi nhuận mà công ty đã kiếm được trong năm đó. Cổ tức cung cấp một dòng thu nhập đáng tin cậy cho nhiều nhà đầu tư.

Nó hoạt động như thế nào

Các nhà đầu tư mua cổ phần vì hai nguyên nhân chính. Thứ nhất là do họ lường trước việc giá trị cổ phiếu sẽ tăng, nghĩa là nó có thể được bán đi để thu lợi nhuận về. Thứ hai là để kiếm thêm thu nhập từ các khoản thanh toán cổ tức. Với các nhà đầu tư phụ thuộc vào thu nhập từ cổ tức, điều quan trọng là lựa chọn cổ phần của các công ty ưu tiên thanh toán cổ tức cho các cổ đông một cách hào phóng, và cân nhắc các dạng cổ phần được mua, vì không phải tất cả các cổ phần đều đảm bảo được chia lãi. Các nhà đầu tư có thể chọn cổ phần ưu tiên (xem trang bên) hoặc dựa vào phán đoán nghiên cứu của mình để chọn các loại cổ phần mang lại tiền lãi chia tương ứng.

Trên 3% là lợi tức của cổ tức trung bình của FTSE 100

Thanh toán cổ tức một cách hào phóng có nhiều khả năng là do:

- **Số tiền** thu về được công ty thanh toán ở dạng cổ tức (tỷ suất trả cổ tức) là ổn định.
- **Số tiền trả cổ tức của công ty** tăng trên 5% sau mỗi năm.
- **Lợi tức của cổ tức** - giá cổ tức chia cho giá cổ phần - là trên 2%.
- **Công ty** có một hạn ngạch lợi nhuận thoải mái (đủ để trả cổ tức mà không phải đi vay).
- **Lợi nhuận gia tăng của công ty** đủ để duy trì mức cổ tức hiện tại.

Điều gì khiến một công ty có thể trả cổ tức?

Các nhà đầu tư có thể sử dụng một vài biện pháp để tìm ra cổ phần nào sẽ là khoản đặt cược an toàn nhất, với thu nhập có vẻ đều đặn trong hiện tại và cả tương lai. Nói chung, họ sẽ tìm kiếm những công ty có tình hình tài chính lành mạnh với lịch sử thanh toán cổ tức đều đặn trong vài năm.

Công ty A

- Lịch sử thanh toán lãi chia cổ phần (tiền mặt) thỏa đáng, không có sự tăng hoặc giảm đáng kể.
- Dự trữ tiền mặt lành mạnh để dự phòng.

Một công ty có thể đáp ứng các khoản cổ tức mà nó hứa hẹn không?

Bằng cách so sánh lợi nhuận của một công ty với số tiền công ty đó dành để trả cổ tức trong vài năm, các nhà đầu tư có thể phán đoán liệu công ty đó có phải là món đầu tư dài hạn hợp lý, cung cấp một dòng thu nhập tương lai hay không. Những công ty lâu năm hơn, lớn hơn và vững vàng hơn, với doanh thu ổn định hơn có xu hướng thanh toán những khoản cổ tức lành mạnh, mặc dù giá trị cổ phần của họ có thể không tăng mấy.

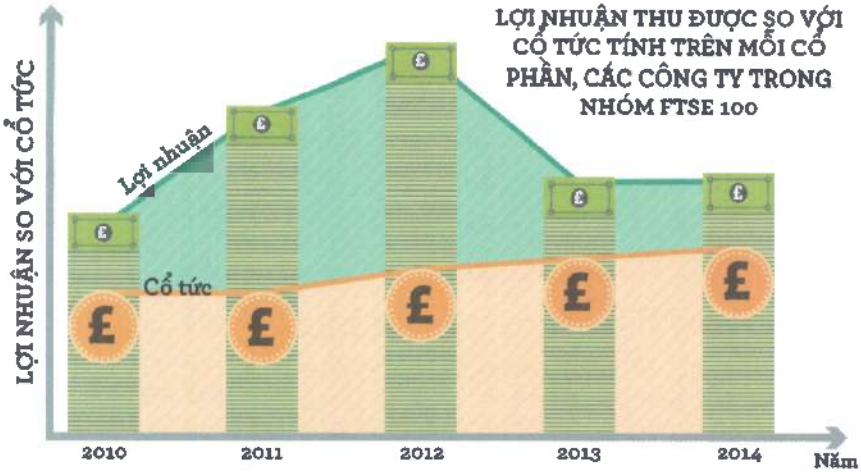

CẦN BIẾT

- **Cổ phần ưu tiên** Cổ phần trao cho cổ đông quyền nhận một khoản cổ tức cố định, ưu tiên hơn cổ tức thông thường.
- **Mức bảo chứng cổ tức** Lợi nhuận của công ty có thể thanh toán cổ tức bao nhiêu lần.

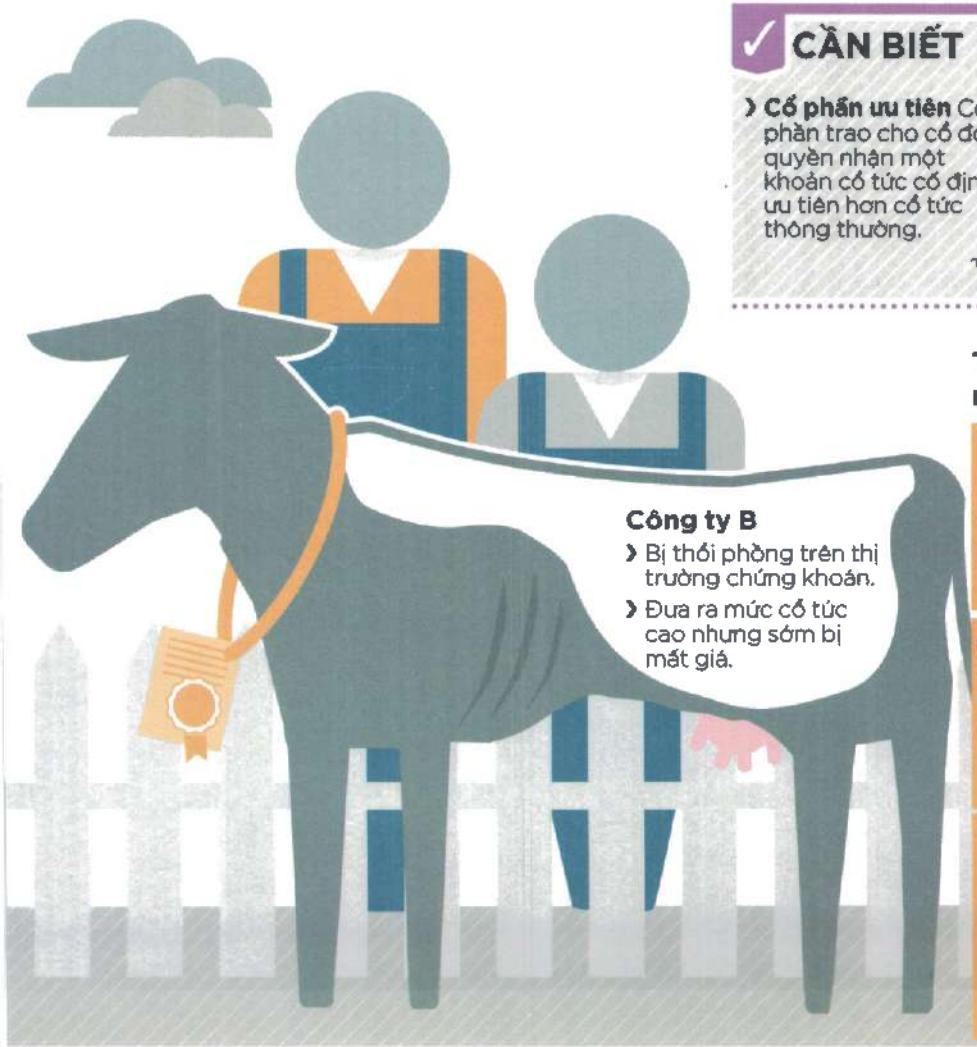

Công ty B

- Bị thổi phồng trên thị trường chứng khoán.
- Đưa ra mức cổ tức cao nhưng sớm bị mất giá.

Thanh toán cổ tức thấp có nhiều khả năng là do:

- **Công ty** giảm cổ tức, một dấu hiệu của thời kỳ tài chính khó khăn ở phía trước.
- **Có sự sụt giảm** về lợi nhuận và công ty phải vay tiền để trang trải đủ việc thanh toán cổ tức.
- **Giá trị cổ phần** giảm, đồng nghĩa với việc lợi nhuận cao được đưa ra ban đầu cho các cổ tức chỉ tồn tại trong thời gian ngắn.

Kiếm thu nhập từ các khoản tiết kiệm

Gửi tiền vào các tài khoản tiết kiệm và tài khoản gửi kỳ hạn cố định có rủi ro thấp, khiến chúng trở thành những phương án an toàn hơn cho các nhà đầu tư thận trọng. Nhưng các nhà đầu tư cũng cần cân nhắc xem liệu tiền của họ có khả năng "kiếm" đủ thu nhập để sống không.

Tài khoản tiết kiệm hay tài khoản tiền gửi?

Tất cả các sản phẩm đầu tư đều có sự đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận; tài khoản tiết kiệm hay tiền gửi cũng không ngoại lệ. Như một quy tắc, những đầu tư như vậy chứa đựng rủi ro tối thiểu nhưng chúng có thể không mang lại lợi nhuận cao, mức lợi nhuận ấy có thể bị lạm phát vượt mặt; và những sản phẩm dựa trên nền tảng gửi tiết kiệm có lãi suất cao nhất này cũng có xu hướng rủi ro nhất.

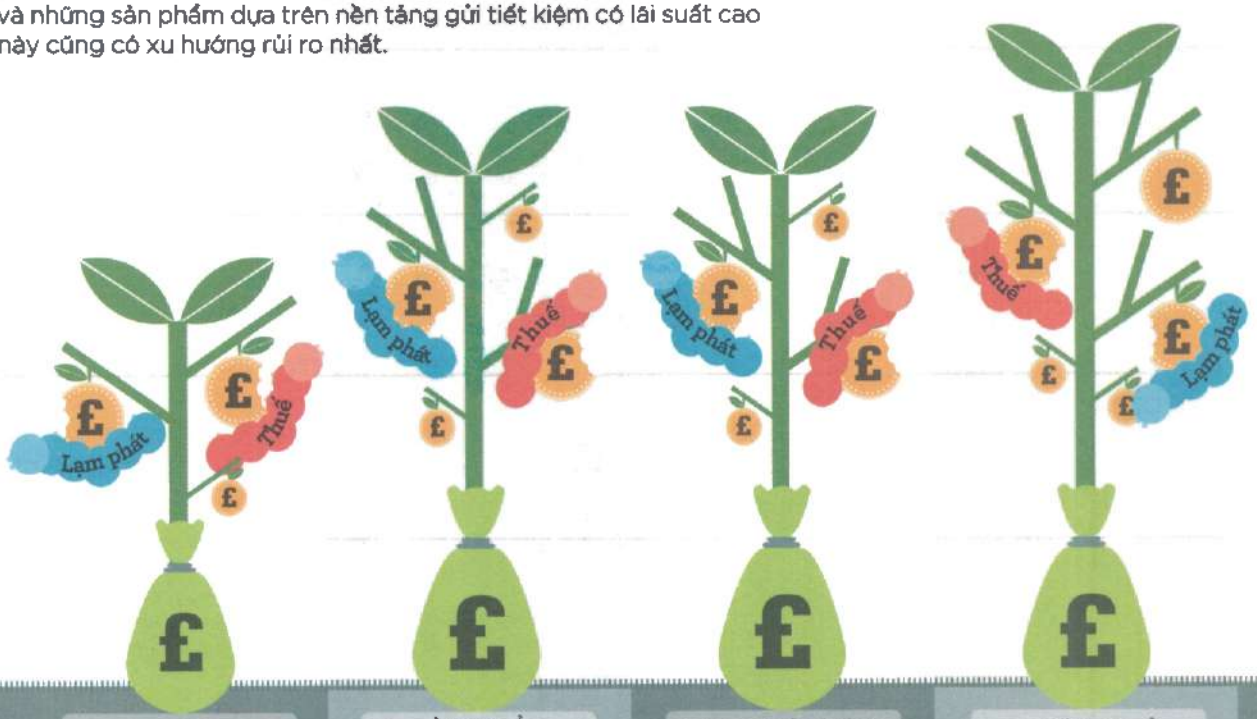

TÀI KHOẢN TIẾT KIỆM ĐƯỢC RÚT TIỀN NGAY

- Tiền lãi thấp, rủi ro thấp
- Không có mức đầu tư tối thiểu
- Tiền mặt có thể được rút ra khi cần

TÀI KHOẢN TIẾT KIỆM CÓ THÔNG BÁO

- Tiền lãi từ thấp đến trung bình, rủi ro thấp
- Có thể yêu cầu mức tiền gửi tối thiểu
- Việc rút tiền mặt phải được thu xếp trước

TÀI KHOẢN TIỀN GỬI HẰNG THÁNG TỐI THIỂU

- Tiền lãi từ thấp đến trung bình, rủi ro thấp
- Mức lãi suất cao hơn, nhưng có những hạn chế
- Cần mức đặt cọc đáng kể để kiếm được thu nhập thỏa đáng

CHỨNG CHỈ TIỀN GỬI

- Tiền lãi từ thấp đến trung bình, rủi ro thấp
- Mức lãi suất cố định
- Không thể rút tiền mặt ngay lập tức, do tiền được giữ trong kỳ hạn cố định (từ 1 tháng đến 5 năm)

Nó diễn ra như thế nào

Theo truyền thống, các tài khoản tiết kiệm và tài khoản gửi kỳ hạn cố định cung cấp một nguồn thu được đảm bảo, với chỉ chút ít rủi ro liên quan tới những nguy cơ gắn với các sản phẩm đầu tư biến động nhanh hơn, như cổ phần hay các quỹ có quản lý. Tuy nhiên, khi lãi suất thấp, người ta khó có thể tìm ra một sản phẩm tiết kiệm hoặc tiền gửi nào cung cấp tiền lãi đủ cao để mang lại một thu nhập thỏa đáng. Nhiều nhà đầu tư tận dụng các mức lãi suất biến động, liên tục theo dõi các đề xuất chào hàng mới nhất để đảm bảo tiền của họ luôn kiếm được mức lãi cao nhất có thể. Với một khoản tiền gửi dồi dào, thậm chí những thay đổi nhỏ của lãi suất cũng có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể đối với số tiền kiếm được.

11% là tỷ lệ tiết kiệm tổng của các hộ gia đình châu Âu trong 10 năm qua

TÀI KHOẢN KỲ THÁC CỦA THỊ TRƯỜNG TIỀN

- Tiền lãi từ trung bình đến cao
- Rủi ro cao nhưng một số ngân hàng đảm bảo cho khoản tiền gửi
- Lãi suất cao nhưng tiền gửi cũng cao và thường có kỳ hạn hạn chế

TÀI KHOẢN TIỀN GỬI MIỄN THUẾ

- Tiền lãi từ trung bình đến cao
- Lợi thế thuế được bảo toàn, nghĩa là số tiền kiếm được không bị bòn rút

TRÁI PHIẾU LÃI SUẤT CỐ ĐỊNH

- Tiền lãi từ trung bình đến cao
- Có thể có rủi ro cao, nhưng một số ngân hàng bảo hiểm cho tiền gửi
- Lãi suất cao; một số quỹ tái đầu tư tiền lãi

CHO VAY NGANG HÀNG

- Tiền lãi từ trung bình đến cao
- Rủi ro trung bình, nhưng tiềm năng lãi cao
- Cung cấp các khoản thanh toán vốn và lãi

Đầu tư vào các quỹ được quản lý

Các nhà đầu tư trong các quỹ được quản lý không có quyền kiểm soát trực tiếp những gì xảy ra với tiền của họ. Thay vào đó, họ dựa vào một giám đốc đầu tư đứng ra đầu tư thay họ.

Nó hoạt động như thế nào

Khi một nhà đầu tư đặt tiền vào một quỹ được quản lý, tiền mặt của họ được gom lại cùng tiền của các nhà đầu tư khác. Một giám đốc quỹ đầu tư sau đó sẽ đầu tư toàn bộ tiền trong quỹ vào cổ phần hoặc các tài sản khác như trái phiếu hoặc cho vay bất động sản. Khi quỹ có được lợi nhuận, lợi nhuận đó được trả cho các nhà đầu tư khác nhau tương ứng với khoản đầu tư ban đầu.

Các nhà đầu tư có thể chọn một quỹ đơn tài sản hoặc một quỹ đa ngành, theo đó tiền của họ được đầu tư cho các tài sản khác nhau. Cách này có ưu điểm là tình hình đầu tư của một tài sản có thành tích yếu kém sẽ được cân bằng với phần tiền lãi cao do các tài sản khác mang lại *(xem trang 188-189)*. Các quỹ có thể được quản lý chủ động hoặc bị động. Một quỹ được quản lý chủ động cố gắng vượt trội trong thị trường, trong khi một quỹ được quản lý bị động có mục tiêu là vận hành song song với thị trường với chi phí thấp.

Quá trình

Các nhà đầu tư quyết định đầu tư vào một quỹ được quản lý cần ra một loạt quyết định để đảm bảo rằng khoản đầu tư của họ có lãi và an toàn nhất có thể.

1 Các loại quỹ được quản lý

Chủ động Giám đốc quỹ chủ động mua và bán để có thành tích tốt hơn trên thị trường.

Bị động Các tài sản vận hành theo một chuẩn so sánh nhất định, như danh sách Standard & Poor's 500.

Tài sản đơn nhất Tất cả tiền được đầu tư vào một loại tài sản duy nhất, ví dụ như trái phiếu hoặc cổ phần.

Đa lĩnh vực Các khoản đầu tư được dàn trải trên nhiều loại tài sản khác nhau.

Được niêm yết Các khoản đầu tư trong quỹ được niêm yết và có thể theo dõi trên thị trường cổ phiếu.

Không được niêm yết Các quỹ chỉ có thể được mua và bán thông qua một quản lý cổ phiếu.

2 Chọn một quỹ

Rủi ro Các nhà đầu tư phải quyết định xem họ sẵn sàng chịu rủi ro mất bao nhiêu tiền trong khoản đầu tư của mình.

Khung thời gian Khoảng thời gian mà khi đó các khoản đầu tư diễn ra sẽ ảnh hưởng tới các điều khoản đầu tư.

Thông tin sản phẩm Trước khi đầu tư, các nhà đầu tư nghiên cứu các chi tiết về phí và tiền phạt, bảo hiểm thua lỗ và đảm bảo thành tích.

Thành tích lâu dài Các nhà đầu tư nghiên cứu thị trường để xác định các quỹ có hiệu quả tốt, ổn định.

RỦI RO VÀ PHẦN THƯỞNG CỦA PHÂN KHÚC QUỸ ĐƯỢC QUẢN LÝ

Nhìn chung, tài sản càng có tính thanh khoản cao, lợi nhuận thu về càng tốt. Dàn trải các khoản đầu tư giúp đạt được lợi nhuận cao trong khi tối thiểu hóa rủi ro.

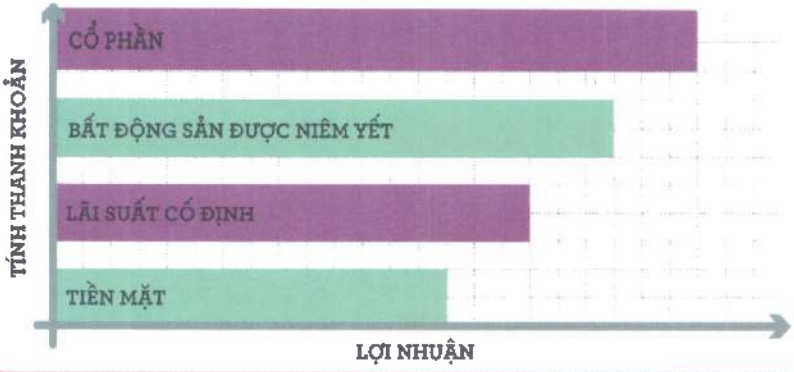

CẦN BIẾT

- **Chỉ số thị trường** Một phương thức thống kê phản ánh thành tích của cổ phiếu, cổ phần và trái phiếu trong một thị trường đơn nhất.
- **Kiếm lời chênh lệch chỉ số** Một chiến lược đầu tư kiếm lời từ chênh lệch giá mua vào và bán ra các giao dịch kỳ hạn của cùng một chỉ số cổ phiếu. *Xem trang 64-65.*
- **Quỹ chỉ số** Một quỹ đầu tư bao gồm các cổ phiếu trong một chỉ số thị trường cụ thể, như danh sách Standard & Poor's 500 *(xem phần dưới).*

3 Mua một quỹ

Đăng ký
Giám đốc quỹ nên nằm trong danh sách cùng với các nhà điều hành chứng khoán.

Đầu tư trực tiếp
Người ta có thể mua và bán quỹ thông qua các nhà môi giới trực tuyến.

Lời khuyên của chuyên gia
Các nhà cố vấn có thể gợi ý nên mua đơn vị nào và tiêu bao nhiêu tiền.

Đa dạng hóa
Bằng cách đầu tư vào nhiều quỹ khác nhau, rủi ro tiềm ẩn có thể được giảm bớt.

Phí
Các nhà đầu tư làm việc chăm chỉ để giữ mức phí thấp, mức phí cao hơn có thể đồng nghĩa với lợi nhuận thấp hơn.

Quyền rút tiền
Có thể phải chịu một khoản tiền phạt cho các trường hợp bán các đơn vị trong quỹ quá sớm.

Các chỉ số cần biết

- **FTSE 100** 100 công ty hàng đầu tại UK.
- **FTSE All-share** Tất cả các công ty có mặt trên thị trường chứng khoán London.
- **Dow Jones** 30 công ty hàng đầu tại Mỹ.
- **Standard & Poor's 500** 500 công ty hàng đầu tại Mỹ.
- **Wilshire 5000** Toàn bộ cổ phiếu tại Mỹ.
- **MSCI EAFE** Thị trường cổ phiếu tại 21 nước châu Âu và Thái Bình Dương.

4 Quản lý một quỹ

Báo cáo kết quả định kỳ
Các con số nhận được mỗi tháng hoặc mỗi quý cung cấp thông tin cập nhật về lợi nhuận hoặc thua lỗ.

Các dấu hiệu cảnh báo
Các dấu hiệu này có thể bao gồm việc hứa hẹn lợi nhuận cao với rủi ro ít hoặc không có, nên được tìm hiểu thêm.

Các bảng kê
Biên lai môi giới, bản tóm tắt thường niên và các báo cáo khác, tất cả nên được lưu lại thành hồ sơ.

Thu nhập từ cho thuê bất động sản

Có tiềm năng là một trong những khoản đầu tư tạo ra thu nhập sinh lãi nhiều nhất, bất động sản cũng có thể rủi ro vì không giống những sản phẩm tài chính như trái phiếu, nó cũng tạo ra các chi phí và đòi hỏi phải bảo trì.

Thu nhập từ tiền cho thuê | **Chi phí của chủ nhà**

Lợi tức cho thuê cao

Một nhà đầu tư mua một ngôi nhà và trở thành chủ nhà trong một thành phố công nghiệp có dân số đông gồm những người lao động theo mùa vụ. Nhu cầu thuê nhà ở ngắn hạn cao.

Trong năm đầu tiên, nhà đầu tư-chủ nhà phải sửa hệ thống sưởi, bên cạnh việc đáp ứng các chi phí bảo hiểm và thanh toán lãi vay thế chấp.

Lợi tức cho thuê thấp

Một nhà đầu tư mua một ngôi nhà và trở thành chủ nhà trong một thành phố công nghiệp đang phát triển bùng nổ. Giá nhà đất cao nhưng người ta chỉ thuê nhà ngắn hạn trước khi mua nhà.

Nhà đầu tư-chủ nhà phải chi tiền sơn lại nhà. Tiền thanh toán lãi suất tốn kém do khoản tiền đặt cọc là tối thiểu và số tiền vay rất lớn.

Nó hoạt động như thế nào

Mua bất động sản để cho thuê đã trở thành một lựa chọn đầu tư phổ biến tại nhiều nơi trên thế giới nhờ lãi suất thế chấp thấp và tiền cho thuê tương đối cao. Tuy nhiên, chủ nhà cần chi tiền định kỳ cho lãi suất thế chấp, bảo hiểm, phí môi giới, bảo trì và sửa chữa; họ cũng có thể cần dành thời gian để quản lý bất động sản. Cũng có rủi ro là chủ nhà chịu thua thiệt về mặt tài chính nếu bất động sản của họ không được thuê trong một thời gian dài hoặc người thuê không có khả năng thanh toán tiền thuê hoặc gây bất kỳ thiệt hại nào cho tài sản. Các chủ nhà thường đánh giá sự thành công của kiểu đầu tư này dựa trên giá trị của lợi tức cho thuê định kỳ mà nó mang lại.

Giá của bất động sản × 100 = Lợi tức cho thuê

Sau khi trừ đi các chi phí, thu nhập từ tiền cho thuê nhà tính theo phần trăm trên chi phí bất động sản – lợi tức – là cao so với mức trung bình của cả nước.

Lợi tức cho thuê cao có thể cho thấy:

- **Sự hiện diện của một lượng lớn dân nhập cư** hoặc cư dân ngắn hạn, những người tranh thủ các cơ hội ở địa phương và không sẵn lòng hoặc không có khả năng mua bất động sản.
- **Việc cho thuê nhà diễn ra đều đặn** và giá bất động sản giảm – ví dụ, trong một thành phố bùng nổ có nhiều công việc lương cao, hấp dẫn những cư dân mới, đáp ứng nhu cầu cho thuê nhà tại địa phương.

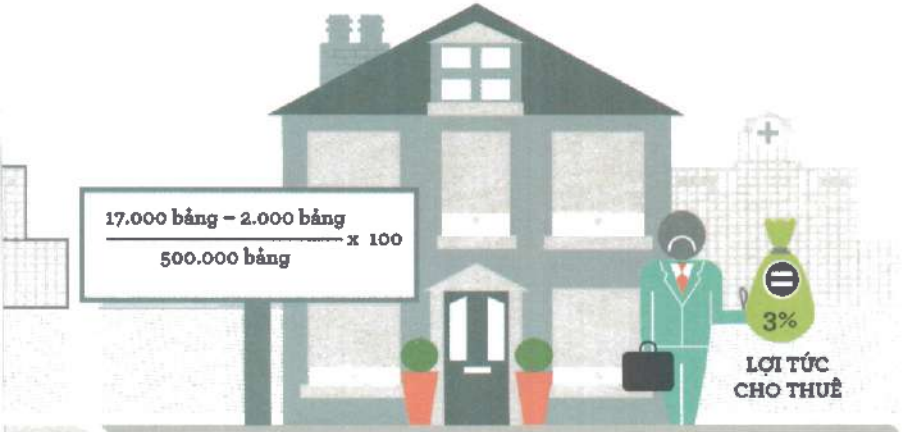

Sau khi trừ đi các chi phí, thu nhập từ tiền cho thuê nhà tính theo phần trăm so với chi phí bất động sản – lợi tức – là tương đối thấp so với mức trung bình của cả nước.

Lợi tức cho thuê thấp có thể cho thấy:

- **Việc cho thuê nhà diễn ra đều đặn** và giá bất động sản tăng – ví dụ, các mức lãi suất thấp thúc đẩy bong bóng bất động sản, kéo theo chi phí nhà ở so với giá thuê nhà và thu nhập tăng.
- **Nhu cầu thuê nhà giảm** nên tiền thuê nhà tăng chậm hơn so với giá bất động sản – ví dụ, trong một thành phố có số người thất nghiệp thấp thì khi lãi suất thấp, người thuê nhà được khuyến khích mua bất động sản.

Bảo hiểm sinh mạng

Thường là bảo hiểm tính mạng sẽ không tạo ra thu nhập cho người được bảo hiểm cho đến khi người đó qua đời, nhưng nó sẽ mang lại lợi ích cho gia đình họ, những người có thể nhận được các khoản thanh toán định kỳ hoặc trả hết một lần.

Nó hoạt động như thế nào

Hai thuật ngữ đôi khi vẫn được sử dụng thay thế cho nhau nhưng bảo hiểm tính mạng (life assurance) khác với bảo hiểm nhân thọ (life insurance). Bảo hiểm sinh mạng bảo vệ người được bảo hiểm trước một sự kiện không thể tránh khỏi – cái chết – trong khi bảo hiểm nhân thọ bảo vệ họ trước khả năng cái chết xảy ra trong một khoảng thời gian cố định – ví dụ như 50 năm kể từ ngày mua bảo hiểm. Do đó, nếu người được bảo hiểm có bảo hiểm nhân thọ kỳ hạn 50 năm qua đời trước khi kỳ hạn kết thúc, những người được hưởng lợi sẽ nhận một khoản chi trả. Tuy nhiên, nếu người đó chết sau khi mua bảo hiểm 51 năm, không có khoản chi trả nào được thực hiện cả.

Ngược lại, chính sách của bảo hiểm sinh mạng sẽ chi trả khi người được bảo hiểm qua đời, bất kể việc đó xảy ra khi nào, hoặc thanh toán gọn một lần nếu người được bảo hiểm sống lâu hơn điều khoản hợp đồng bảo hiểm.

BÁN MỘT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM NHÂN THỌ

- **Dàn xếp nhân thọ** Một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ được bán cho một bên thứ ba với giá trị cao hơn giá trị tiền mặt để mua nó nhưng ít tiền bồi thường tử vong hơn. Người mua nối tiếp phần phí bảo hiểm còn lại và được chi trả khi người được bảo hiểm gốc qua đời. Người ta có thể bán một hợp đồng bảo hiểm vì họ muốn mua một hợp đồng bảo hiểm khác hoặc không thể trang trải phí bảo hiểm.
- **Dàn xếp trước khi chết** Tương tự thanh toán nhân thọ, chỉ có điều chủ hợp đồng sẽ bán gói bảo hiểm đi vì họ mắc bệnh giai đoạn cuối.

Bảo hiểm nhân thọ

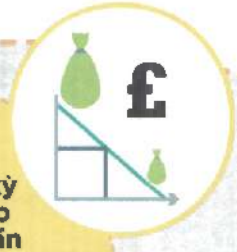

Bảo hiểm tử kỳ có số tiền bảo hiểm giảm dần

Khoản chi trả giảm theo thời gian, nghĩa là phí bảo hiểm thấp hơn so với bảo hiểm nhân thọ có số tiền bảo hiểm không đổi.

Trợ cấp thu nhập cho gia đình

Hợp đồng này chi trả hằng tháng một khoản thu nhập đã thỏa thuận từ ngày yêu cầu cho đến hết kỳ hạn. Phí bảo hiểm thấp hơn nhưng kiểu hợp đồng này không xóa nợ thế chấp.

Bảo hiểm nhân thọ

Còn được gọi là bảo hiểm kỳ hạn, bảo vệ người mua trong một khoảng thời gian cố định, với tài sản của họ nhận được một khoản chi trả nếu họ chết trong khoảng thời gian đã nêu trong hợp đồng. Phí bảo hiểm rẻ nhưng nếu người được bảo hiểm sống thọ hơn kỳ hạn đã định, tài sản của họ sẽ không nhận được gì. Hầu hết các hợp đồng thế chấp quy định rằng người vay tiền phải có bảo hiểm nhân thọ.

Bảo hiểm nhân thọ biến đổi

Đây là hợp đồng bảo hiểm nhân thọ vĩnh viễn bao gồm một phần về đầu tư. Hợp đồng này có một tài khoản giá trị tiền mặt, tức một khoản đầu tư miễn lãi không chịu thuế, được đầu tư vào các tài khoản con.

Bảo hiểm nhân thọ có số tiền bảo hiểm không đổi

Hợp đồng bảo hiểm này chi trả gọn một lần nếu người được bảo hiểm qua đời trong kỳ hạn. Số tiền chi trả không thay đổi theo thời gian nên người được bảo hiểm biết chính xác các khoản tiền còn lại là bao nhiêu khi họ qua đời.

Bảo hiểm tính mạng

Bảo hiểm hỗn hợp

Đây là những kế hoạch đầu tư hiệu quả kèm theo việc bảo vệ toàn bộ cuộc đời người được bảo hiểm. Chúng từng được mua nhiều bởi những người được bảo hiểm thế chấp chỉ phải trả lãi suất; họ dùng những bảo hiểm này để gây dựng các khoản tiết kiệm nhằm trả lại vốn đã vay thế chấp.

Bảo hiểm có lãi

Hợp đồng bảo hiểm có lãi toàn bộ cuộc đời bao gồm một phần đầu tư, như vậy khoản chi trả trong trường hợp người được bảo hiểm qua đời là tổng tiền đã bảo hiểm, cộng với bất cứ tiền lãi đầu tư nào đã định rõ cho hợp đồng bảo hiểm.

Bảo hiểm trên 50 tuổi

Được thiết kế cho những người trên 50 tuổi chưa từng sử dụng bất kỳ loại bảo hiểm nhân thọ hay tính mạng nào, kiểu bảo hiểm này đảm bảo một khoản chi trả khiêm tốn khi người được bảo hiểm qua đời để trang trải chi phí đám tang.

Cả hai

Cả đời

Hợp đồng bảo hiểm này bảo vệ toàn bộ cuộc đời của người được bảo hiểm mà không có kỳ hạn định sẵn, đảm bảo một khoản chi trả toàn bộ một lần tại bất cứ độ tuổi nào mà họ qua đời, miễn là tiền đóng bảo hiểm được đóng liên tục từ đầu.

Bảo hiểm tính mạng

Một hợp đồng bảo hiểm tính mạng hứa hẹn một khoản chi trả toàn bộ một lần cho người được bảo hiểm – dù họ qua đời lúc nào hay kỳ hạn của hợp đồng kết thúc vào lúc nào. Nó cũng có thể được dùng để thanh toán bất kỳ khoản thuế thừa kế tương lai nào. Thực tế khoản chi trả được đảm bảo một cách chắc chắn đồng nghĩa với việc tiền đóng bảo hiểm hằng tháng hoặc hằng năm cao đối với bảo hiểm tính mạng hơn là bảo hiểm nhân thọ. Đây là một kiểu đầu tư dài hạn.

Bảo hiểm bồi thường tối đa

Hợp đồng bảo hiểm này mang lại mức bồi thường ban đầu cao với phí bảo hiểm thấp, cho đến khi xem xét lại hợp đồng. Sau đó, tiền bảo hiểm có lẽ sẽ tăng đáng kể để mang lại mức bồi thường tương đương.

Bảo hiểm trọn đời

Hợp đồng bảo hiểm này có mức độ bảo vệ linh hoạt với một phần tiết kiệm được đầu tư để cung cấp giá trị tiền mặt. Người được bảo hiểm có thể sử dụng tiền lãi từ tài khoản tiết kiệm tích lũy để giúp trả tiền bảo hiểm theo thời gian.

Bảo hiểm có mức bảo vệ cân bằng

Hợp đồng bảo hiểm này có mức tiền bảo hiểm do người cung cấp dịch vụ đặt ra đủ cao để duy trì trong suốt thời hạn hợp đồng. Một phần tiền bảo hiểm được đầu tư để mang lại phần bảo vệ tăng cường theo thời gian.

Các khoản đầu tư gây dựng của cải

Mục đích của đầu tư là tạo ra thu nhập (để trang trải khi nghỉ hưu chẳng hạn) hoặc gây dựng của cải, dù hai chức năng này thường chồng chéo lên nhau. Khi một tài sản đầu tư tạo ra thu nhập ở dạng tiền lãi, cổ tức, tiền cho thuê, vân vân – tiền có thể được tái đầu tư để tạo của cải thay vì dùng để thanh toán chi phí sinh hoạt. Các dạng đầu tư gây dựng của cải không mang lại thu nhập nhưng tăng giá trị theo thời gian và có thể đem bán để thu lợi nhuận.

Gây dựng của cải thông qua các khoản đầu tư

Các nhà cố vấn tài chính đồng ý rằng cách tốt nhất để gây dựng của cải là đầu tư tiền tiết kiệm để kiếm thêm tiền và mua các khoản đầu tư sẽ tạo ra thu nhập và/hoặc tăng giá trị theo thời gian. Để gây dựng của cải, các khoản đầu tư cần phải phù hợp hoặc nhiều hơn chi phí sinh hoạt, do đó các nhà đầu tư cần theo dõi sát sao thị trường và cập nhật các tin tức kinh tế, đặc biệt là những thay đổi về các mức lãi suất và lạm phát.

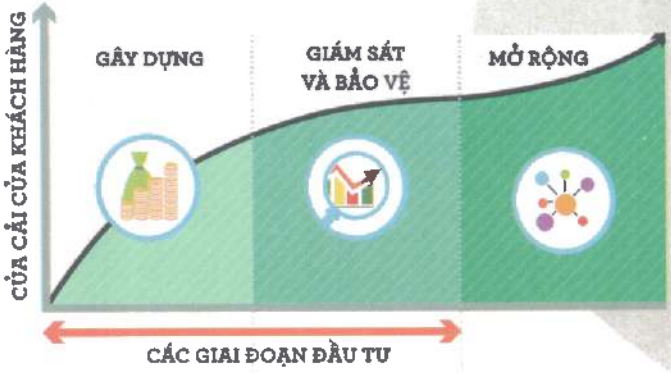

Đầu tư tạo ra thu nhập và các dạng đầu tư khác sẽ gia tăng giá trị theo thời gian, cung cấp các khối xây dựng cơ bản.

Giám sát sát sao các khoản đầu tư và bán những khoản kém hiệu quả, giúp duy trì và tăng cường của cải.

Tái đầu tư thu nhập từ các khoản đầu tư mang lại tiền lãi, tiền cho thuê hoặc cổ tức để tối đa hóa lợi nhuận.

Các khoản đầu tư tạo ra thu nhập

Những khoản đầu tư này tạo ra thu nhập ở dạng doanh thu hằng năm, hằng quý hoặc hằng tháng. Nếu thu nhập này được tái đầu tư, thay vì chi tiêu, giá trị tài sản sẽ tiếp tục tăng lên, gây dựng của cải nhiều hơn trong dài hạn.

TIỀN MẶT TRONG TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG

Các tài khoản dài hạn nhìn chung chi trả mức lãi suất cao hơn nhưng cũng có thể bị phạt tiền khi rút tiền mặt quá sớm.

PHỤ CẤP HƯU TRÍ

Được thiết kế với mục đích tạo thu nhập khi nghỉ hưu, những kế hoạch này cũng thường mang lại những ưu đãi tiết kiệm thuế, bổ sung vào thu nhập tiềm năng.

CÁC QUỸ ĐƯỢC QUẢN LÝ

Những quỹ này mang theo rủi ro cao hơn tài khoản tiết kiệm ở ngân hàng nhưng có thể mang lại thu nhập lớn hơn nếu giám đốc của các quỹ đó đầu tư thành công. *Xem trang 184-185*

7-9%

là lợi nhuận thường niên trung bình của một danh mục cổ phiếu đầu tư kể từ Chiến tranh Thế giới thứ hai

GÂY DỰNG CỦA CẢI THÔNG QUA ĐẦU TƯ

- **Khởi đầu sớm** Các nhà đầu tư bắt đầu từ khi còn trẻ nhìn chung có tính linh động hơn đối với việc chấp nhận rủi ro – và có nhiều thời gian hơn để phục hồi sau bất cứ thua lỗ nào.
- **Đo lường** Các cá nhân nên đánh giá tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư của mình trước khi bắt đầu xây dựng danh mục đầu tư.
- **Kế hoạch đơn giản** Kế hoạch càng ít phức tạp, việc giám sát và quản lý càng dễ dàng, khả năng thành công với các mục tiêu đã định càng cao.
- **Danh mục đầu tư cân bằng** Thông thường, các phần mua và bán trong danh mục đầu tư "cân bằng" nhau, giúp giữ cho mức rủi ro và mục tiêu đúng với kế hoạch gốc của nhà đầu tư; điều này có thể dẫn đến việc phát sinh các khoản phí.

CỔ PHẦN
Những cổ phần này chi trả cổ tức định kỳ và có khả năng tăng giá trị trong dài hạn mang lại tiềm năng gây dựng của cải tốt nhất. *Xem trang 182-183*

BẤT ĐỘNG SẢN
Bất động sản có thể tăng giá và trong trường hợp bất động sản cho thuê, nó cũng tạo ra một nguồn thu nhập thường xuyên. *Xem trang 176-181*

ĐỒ CỔ
Các nhà đầu tư phải tự tin rằng họ có thể nhận ra một tạo tác thật và sẵn sàng dành thời gian để thăm dò thị trường.

TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT
Những tác phẩm của các nghệ sĩ đầy hứa hẹn vẫn còn ở giai đoạn đầu sự nghiệp là những điểm khởi đầu tốt để đầu tư.

ĐÁ QUÝ
Đá quý nhìn chung tăng giá cùng với tốc độ của lạm phát. Món hời nhất là mua đá rời từ một người bán sỉ, dù chúng không dễ dàng để bán nhanh được.

VÀNG
Thứ kim loại quý giá này thường giữ giá trị theo thời gian nhưng thường được coi là một khoản đầu tư dài hạn. Không giống đá quý, người ta dễ dàng thuyết phục người khác mua để bán được nó nhanh chóng.

Các khoản đầu tư tăng giá trị
Những khoản đầu tư này không tạo thu nhập nhưng giá trị của chúng có thể tăng lên đáng kể theo thời gian.

Đầu tư vào bất động sản

Có nhiều cách để kiếm tiền từ bất động sản nhưng mỗi cách lại bao gồm rất nhiều công sức nghiên cứu và quản lý, cũng như rủi ro tiềm ẩn.

Nó hoạt động như thế nào

Không giống nhiều cách đầu tư khác như mua cổ phần hoặc trái phiếu, các nhà đầu tư không cần trả toàn bộ tiền để mua một bất động sản, chỉ cần đủ để đặt cọc. Hầu hết những người cho vay yêu cầu khoảng 25-30% tổng giá trị và người ta có thể có được một khoản vay (thế chấp) để thanh toán phần còn thiếu.

Mục tiêu của đầu tư vào bất động sản để gây dựng của cải là mua khi giá thấp và bán kiếm lời, sau đó sử dụng bất cứ lợi nhuận nào để bỏ vốn cho những vụ mua bất động sản mới. Có vài cách để làm điều này. Một người có thể mua và cải tạo một ngôi nhà rồi bán nó kiếm lời, hoặc mua ở một khu vực giá rẻ và đợi cho đến khi khu vực đó tăng giá. Mua ở một thị trường trì trệ có thể gặt hái nhiều thành quả khi các điều kiện được cải thiện. Mua để cho thuê có thể tạo thu nhập để thanh toán thế chấp và phần còn thừa cũng có thể dùng làm tiền cọc cho một bất động sản đầu tư khác.

Từ năm 2004 đến 2009, nhà ở Mỹ mất đi 30% giá trị

CẦN BIẾT

- **Giá trị thị trường** Lượng tiền mà một người mua sẵn lòng trả cho một bất động sản (hoặc các tài sản khác) ở bất kỳ thời điểm cho trước nào.
- **Dưới giá trị thị trường (BMV)** Giá của một bất động sản thấp hơn rất nhiều so với giá trung bình của những bất động sản dạng tương tự trong khu vực (tức là những bất động sản có giá ở mức giá trị thị trường).
- **Thế chấp mua để cho thuê (BTL)** Thế chấp cho những nhà đầu tư đang mua bất động sản với tầm nhìn là cho thuê trong một khoảng thời gian.
- **Thế chấp mua để bán** Thế chấp được thiết kế dành cho những nhà đầu tư đang mua bất động sản để bán không lâu sau đó.
- **Tỷ lệ vốn hóa** Tỷ lệ lợi nhuận tiềm năng trên một bất động sản đầu tư, tỷ lệ càng cao càng tốt.
- **Các chi phí vận hành** Chi phí quản trị hàng ngày của một bất động sản (hoặc doanh nghiệp).
- **Báo cáo tín dụng** Một báo cáo chi tiết về lịch sử tín dụng của một người, bao gồm đánh giá mức độ tín dụng ở dạng số, cho thấy khả năng thanh toán nợ.

Theo dõi giá thị trường

Giá bất động sản đôi khi có thể tăng hoặc giảm chóng mặt từ năm này qua năm khác. Các nhà đầu tư có thể thu lời từ những lần tăng giá đáng kể bằng cách bán ở điểm tối ưu.

Đầu tư như thế nào

Kiếm tiền từ bất động sản là một trò chơi với đủ thăng trầm có thể dẫn tới những đợt sụt giảm ngắn hạn cũng như những thành quả trên con đường đi tới vạch đích. Thành công trong dài hạn dựa vào chiến lược của nhà đầu tư. Người ta cần cân nhắc một vài yếu tố: lập kế hoạch tài chính cẩn thận; xác định đúng thời điểm (để tận dụng sự tăng hoặc giảm của thị trường bất động sản); nghiên cứu kỹ địa điểm; đánh giá các phương án đầu tư thương mại so với các phương án đầu tư cư trú; và hiểu rõ các chỉ báo kinh tế cũng như mức lãi suất.

Bắt đầu

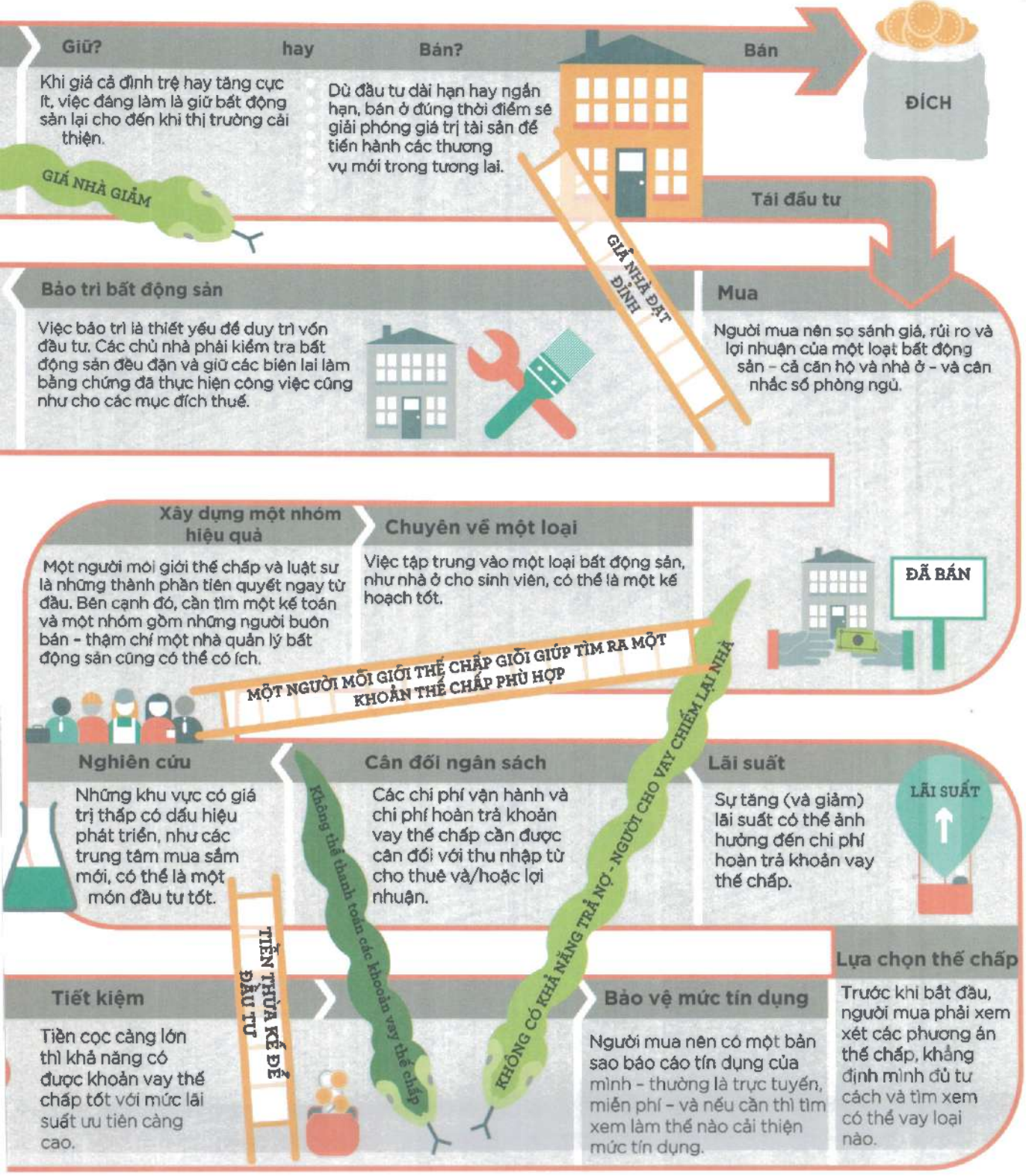
Giữ?
hay
Bán?
Bán
Khi giá cả đình trệ hay tăng cực ít, việc đáng làm là giữ bất động sản lại cho đến khi thị trường cải thiện.
Dù đầu tư dài hạn hay ngắn hạn, bán ở đúng thời điểm sẽ giải phóng giá trị tài sản để tiến hành các thương vụ mới trong tương lai.
ĐÍCH
GIÁ NHÀ GIẢM
Tái đầu tư
GIÁ NHÀ ĐẠT ĐỈNH
Bảo trì bất động sản
Việc bảo trì là thiết yếu để duy trì vốn đầu tư. Các chủ nhà phải kiểm tra bất động sản đều đặn và giữ các biên lai làm bằng chứng đã thực hiện công việc cũng như cho các mục đích thuế.
Mua
Người mua nên so sánh giá, rủi ro và lợi nhuận của một loạt bất động sản – cả căn hộ và nhà ở – và cân nhắc số phòng ngủ.
Xây dựng một nhóm hiệu quả
Một người môi giới thế chấp và luật sư là những thành phần tiên quyết ngay từ đầu. Bên cạnh đó, cần tìm một kế toán và một nhóm gồm những người buôn bán – thậm chí một nhà quản lý bất động sản cũng có thể có ích.
Chuyên về một loại
Việc tập trung vào một loại bất động sản, như nhà ở cho sinh viên, có thể là một kế hoạch tốt.
ĐÃ BÁN
MỘT NGƯỜI MÔI GIỚI THẾ CHẤP GIỎI GIÚP TÌM RA MỘT KHOẢN THẾ CHẤP PHÙ HỢP
Nghiên cứu
Những khu vực có giá trị thấp có dấu hiệu phát triển, như các trung tâm mua sắm mới, có thể là một món đầu tư tốt.
Cân đối ngân sách
Các chi phí vận hành và chi phí hoàn trả khoản vay thế chấp cần được cân đối với thu nhập từ cho thuê và/hoặc lợi nhuận.
Lãi suất
Sự tăng (và giảm) lãi suất có thể ảnh hưởng đến chi phí hoàn trả khoản vay thế chấp.
LÃI SUẤT
Không thể thanh toán các khoản vay thế chấp
KHÔNG CÓ KHẢ NĂNG TRẢ NỢ - NGƯỜI CHO VAY CHIẾM LẠI NHÀ
TIỀN THỪA KẾ ĐỂ ĐẦU TƯ
Tiết kiệm
Tiền cọc càng lớn thì khả năng có được khoản vay thế chấp tốt với mức lãi suất ưu tiên càng cao.
Bảo vệ mức tín dụng
Người mua nên có một bản sao báo cáo tín dụng của mình – thường là trực tuyến, miễn phí – và nếu cần thì tìm xem làm thế nào cải thiện mức tín dụng.
Lựa chọn thế chấp
Trước khi bắt đầu, người mua phải xem xét các phương án thế chấp, khẳng định mình đủ tư cách và tìm xem có thể vay loại nào.

Mua và bán để kiếm lời

Biết khi nào nên mua và bán là chìa khóa để tích lũy của cải thông qua bất động sản. Như với các thị trường tài chính, giá cả trong thị trường bất động sản có tính chu kỳ, lên và xuống phụ thuộc vào tình hình kinh tế. Các yếu tố như mức lãi suất và lạm phát, mức độ tăng trưởng GDP, tình trạng có việc làm, cơ sở hạ tầng và nhập cư đều có thể ảnh hưởng đến giá bất động sản. Mẹo để đầu tư bất động sản thành công là biết cách đánh giá thị trường và nhận ra thời điểm đúng để đầu tư, loại đầu tư đúng và thời điểm đúng để bán.

Chu trình bất động sản

Các chuyên gia kinh tế từng nghiên cứu các xu hướng bất động sản trong hơn một thế kỷ đã kết luận rằng giá bất động sản tăng và giảm theo những quy luật rõ ràng, do các sự kiện và xu hướng kinh tế và xã hội kích hoạt. Tiếp nối một đợt bùng nổ bất động sản là sự chững lại và đình trệ. Cuối cùng, thị trường nhà đất phục hồi và bắt đầu bùng nổ trở lại.

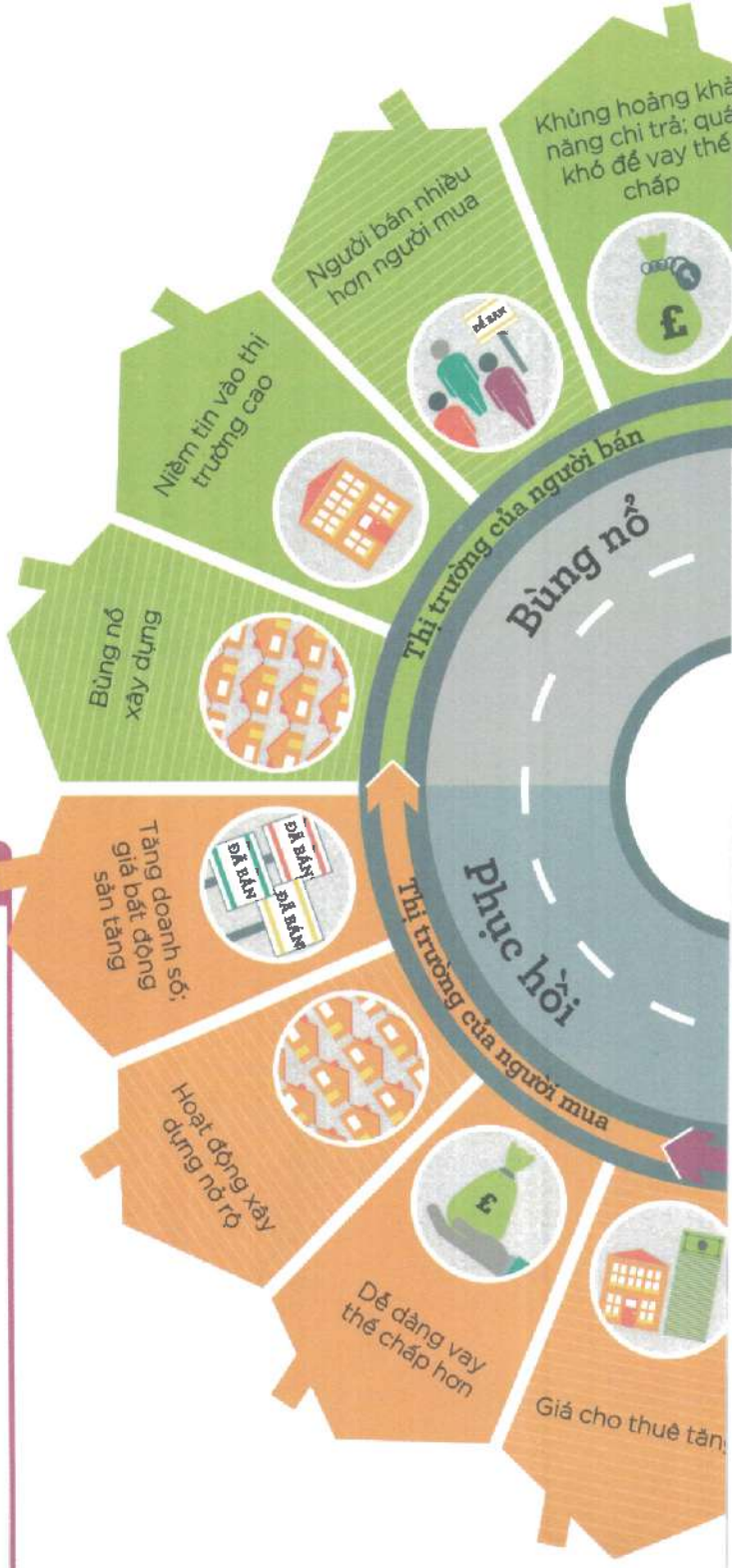

THƯƠNG MẠI VÀ CƯ TRÚ

Bất động sản thương mại

- Là một khoản đầu tư, bất động sản thương mại có thể mang lại lợi nhuận cho thuê cao hơn rất nhiều so với bất động sản cư trú, đồng thời thời gian cho thuê cũng dài hơn; nhưng thặng dư vốn đầu tư lại ít có khả năng tăng cao. Việc có được tiền vay thế chấp từ một bất động sản thương mại có thể khó khăn hơn, nhưng việc đầu tư vẫn có thể được thực hiện thông qua các quỹ bất động sản thương mại.

Bất động sản cư trú

- Đầu tư vào bất động sản cư trú thường mang lại doanh thu dễ dự đoán hơn so với bất động sản thương mại, cả về tiền cho thuê và tiền bán lại, mặc dù địa điểm luôn là yếu tố then chốt. Bất động sản cư trú có thể được định giá dễ dàng hơn bất động sản thương mại, do đó giúp bán đi dễ hơn.

CHU TRÌNH BẤT ĐỘNG SẢN 18 NĂM

Ý tưởng cho rằng sự lên-xuống của thị trường bất động sản diễn ra trong một chu trình kéo dài 18 năm là dựa trên những nghiên cứu của Mỹ đối với thị trường bất động sản trong hai thế kỷ qua do nhà dự báo kinh tế Phillip J Anderson thực hiện. Ông chứng minh rằng doanh số bán đất và thi công bất động sản đạt đỉnh cứ trung bình 18 năm một lần, 14 năm lên và 4 năm xuống.

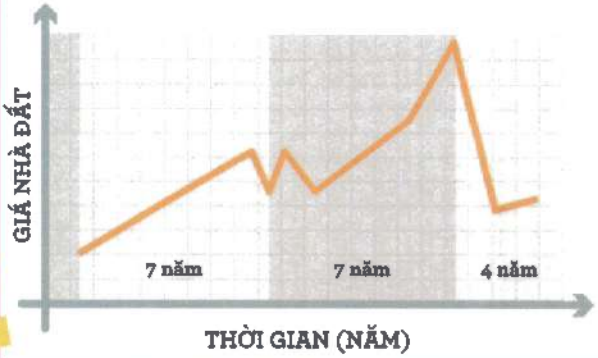

8,75%

là mức tăng giá nhà hằng năm tại Vương quốc Liên hiệp Anh trong 47 năm, từ năm 1968 đến 2015

CẦN BIẾT

- **Tăng giá** Việc tăng giá trị của một bất động sản theo thời gian.
- **Giảm giá** Việc giảm giá trị của một bất động sản theo thời gian.
- **Thặng dư vốn** Sự tăng giá trị của một bất động sản (hoặc các tài sản khác) từ giá mua được; điều này có thể ngắn hạn (dưới một năm) hoặc dài hạn.
- **BRR (Buying, Refurbishing and Refinancing strategy)** Chiến lược mua, tân trang và tái cấp vốn.

Giá trị tài sản thế chấp

Giá trị tài sản thế chấp là một cách đo giá trị bất động sản. Đó là giá trị có thể đổi thành tiền mặt mà chủ sở hữu có thể kỳ vọng nếu bất động sản đó được bán đi, sau khi trừ đi các khoản nợ có liên quan đến nó.

Nó diễn ra như thế nào

Giá trị tài sản thế chấp của một bất động sản được tính bằng cách lấy giá trị thực của bất động sản đó trừ đi tất cả những khoản nợ còn tồn tại liên quan đến nó. Giá trị này tăng khi thế chấp (tiền vay) được thanh toán hết và/hoặc giá trị của bất động sản tăng. Các tổ chức tài chính tính giá trị tài sản thế chấp bằng một tỷ lệ tiền vay-trên-giá trị (LTV), tức là chia bất kỳ dư nợ cho vay còn lại nào cho giá trị thị trường hiện tại của bất động sản. LTV thấp (dưới 80%) được xem là ít có rủi ro hơn khi cho vay thêm.

✓ CẦN BIẾT

- **Vật thế chấp** Một bất động sản hoặc tài sản mà người cho vay sẽ lấy đi nếu người vay không hoàn trả được khoản vay.
- **Vay thế chấp tài sản nhà** Khoản vay sử dụng giá trị tài sản thế chấp của một bất động sản làm vật thế chấp.
- **Giá trị tài sản thế chấp** Giá trị tài sản của một bất động sản bằng với giá trị hiện thời của bất động sản đó trừ đi số nợ còn tồn tại.

11,9 nghìn tỷ đô la Mỹ **là tổng số nợ thế chấp của Mỹ tính đến cuối năm 2008**

Giá trị tài sản thế chấp dương

Nếu giá trị thị trường thực của một bất động sản lớn hơn tổng nợ có liên quan đến nó ở dạng thế chấp thì bất động sản đó được gọi là có giá trị tài sản thế chấp dương.

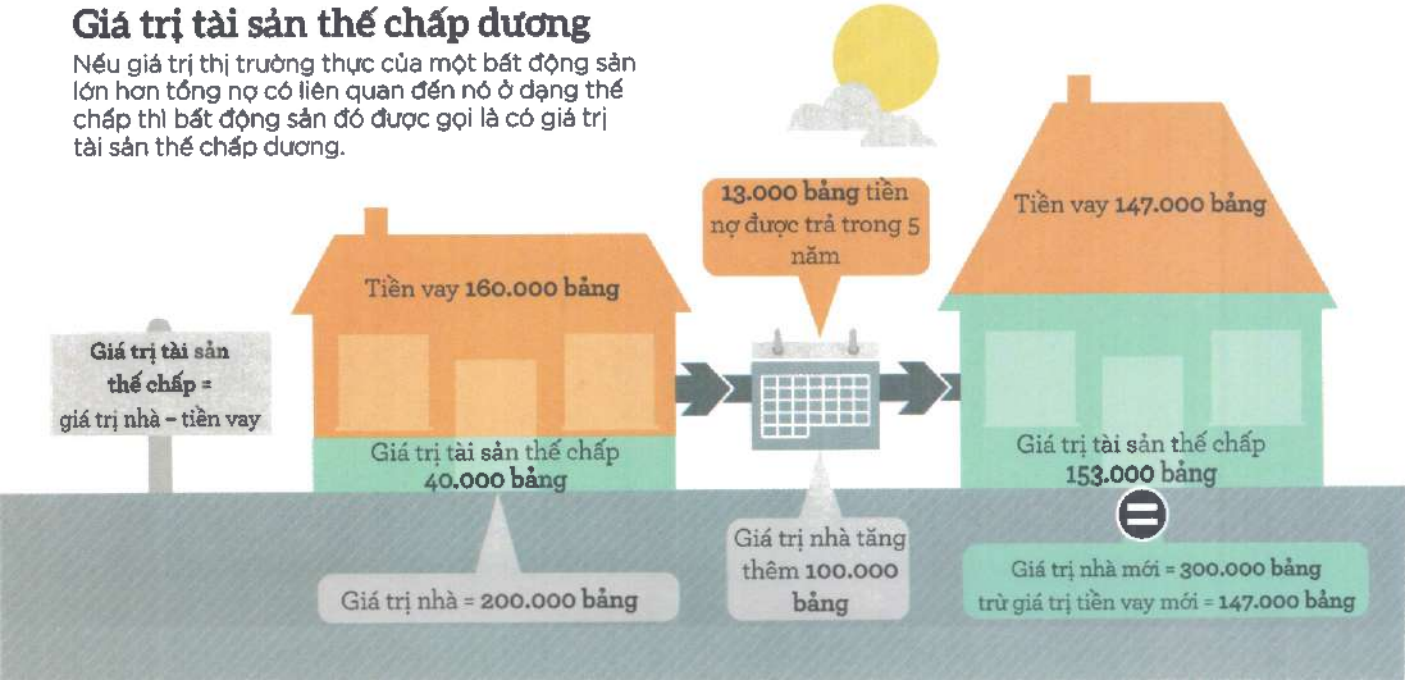

Giá trị tài sản thế chấp

Khi phần vay thế chấp được thanh toán và/hoặc giá trị bất động sản tăng lên, giá trị tài sản thế chấp cũng tăng.

TIỀN VAY, GIÁ TRỊ VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Giá trị tài sản thế chấp biến động phụ thuộc vào giá trị thị trường của một bất động sản và số tiền vay thế chấp để mua nó. Nếu một ngôi nhà được mua với giá trị 500.000 bảng, vay 400.000 bảng thì giá trị tài sản thế chấp của nó là 100.000 bảng. Sau 5 năm, nếu khoản tiền vay được thanh toán xuống còn 300.000 bảng nhưng giá trị đã giảm xuống dưới 300.000 bảng thì giá trị tài sản thế chấp của ngôi nhà là âm vì số tiền vay lớn hơn giá trị thị trường.

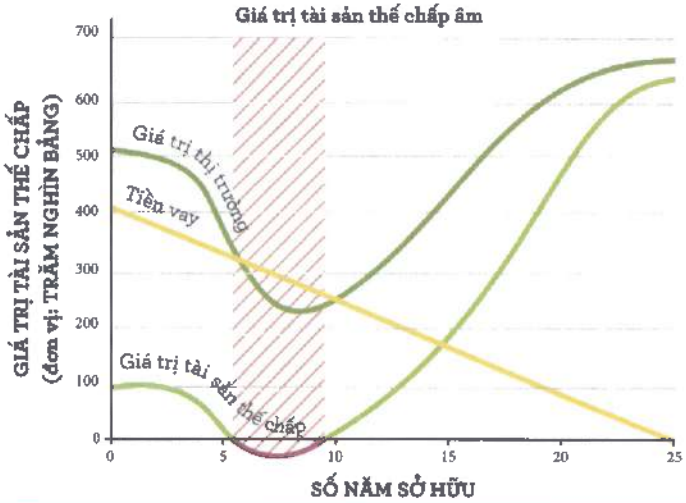

Giá trị tài sản thế chấp âm

Khi giá trị của một bất động sản giảm, nói chung là kết quả của giai đoạn đình trệ bất động sản, tới mức nó thấp hơn số tiền vay thế chấp mà chủ nhà còn nợ thì bất động sản đó được gọi là có giá trị tài sản âm.

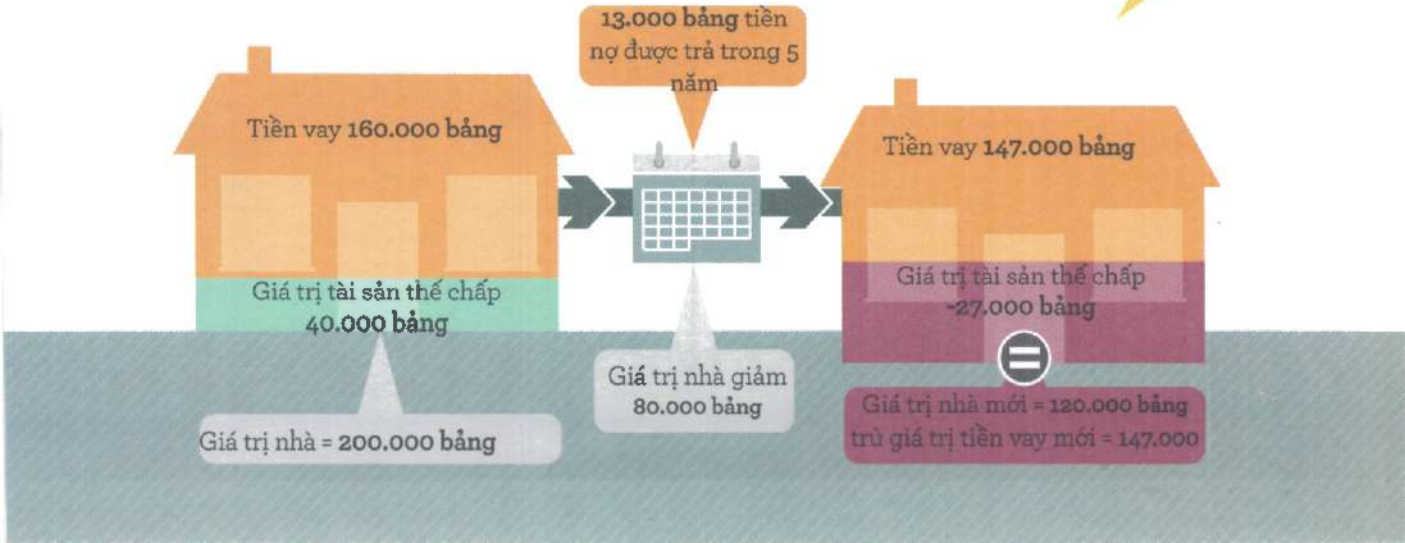

Cổ phần

Khi các cá nhân đầu tư vào cổ phần, họ mua "một cổ phần" của một doanh nghiệp, nghĩa là họ sở hữu một phần công ty đó. Cổ phần có thể được mua và bán; giá cổ phần có thể tăng hoặc giảm.

Nó hoạt động như thế nào

Các công ty phát hành cổ phần (hoặc thông qua việc bán cổ phiếu) để gây vốn. Các nhà đầu tư mua cổ phần trong một doanh nghiệp vì họ tin rằng công ty đó sẽ làm ăn tốt và họ muốn được chia phần trong thành công đó.

Công ty không nhất thiết phải được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì mới phát hành cổ phần. Một số công ty khởi nghiệp gây vốn từ một số lượng nhỏ các nhà đầu tư bên ngoài, đổi lại, những người này được chia cổ phần của công ty.

Khi một công ty muốn gây vốn rộng rãi hơn, công ty đó có thể đăng ký xin được niêm yết – hoặc yết giá – công khai trên một thị trường chứng khoán, ví dụ như sàn chứng khoán London. Công ty sẽ cần trải qua một quá trình phê duyệt để được niêm yết. Một khi đã được niêm yết, cổ phần của công ty được mô tả là "đã yết giá" vì giá của chúng được niêm yết hằng ngày trên sàn chứng khoán. Mua bán cổ phần do những người môi giới chứng khoán tiến hành, những người này mua và bán cổ phần trên danh nghĩa các nhà đầu tư.

Những người có cổ phần có quyền nói rằng họ đang tham gia vào quá trình vận hành doanh nghiệp mà họ sở hữu cổ phần: ví dụ, họ có quyền biểu quyết ngày họp của các giám đốc và gói chi trả cổ tức của mình.

CÁC THỊ TRƯỜNG BÒ VÀ GẤU

Thị trường bò (thị trường đầu cơ giá lên)

- Vài tháng hoặc vài năm giá cổ phiếu tăng, cùng doanh số cao và một nền kinh tế nhìn chung là mạnh mẽ. Các nhà đầu tư lạc quan và mua cổ phiếu, kỳ vọng rằng giá vẫn tiếp tục tăng.

Thị trường gấu (thị trường đầu cơ giá xuống)

- Sự giảm sút tổng thể trong toàn thị trường chứng khoán trong một khoảng thời gian, giá giảm, doanh số trì trệ và ít sự lạc quan. Điều này dẫn tới một nền kinh tế yếu, lợi nhuận kinh doanh giảm sút và tình trạng thất nghiệp cao.

Mua cổ phần như thế nào

Đầu tư vào thị trường cổ phiếu có thể là một cách làm hay cho các cá nhân muốn gây dựng của cải. Người ta có nhiều cách khác nhau để mua và giữ cổ phần.

Nền tảng giao dịch cổ phần trực tuyến

Những người môi giới cổ phiếu trực tuyến giá rẻ, người môi giới chiết khấu hoặc chỉ mua hộ cho phép các nhà đầu tư mua và bán cổ phần một cách đơn giản và thường là không cần bất cứ chỉ dẫn cụ thể hay lời khuyên về đầu tư nào.

Chương trình mua cổ phần tiết kiệm

Một số công ty cho các nhân viên của mình cơ hội mua cổ phần của doanh nghiệp. Những cổ phần này có thể được rao bán với giá có chiết khấu so với giá thị trường và thường được thanh toán bằng cách trừ vào lương tháng của nhân viên.

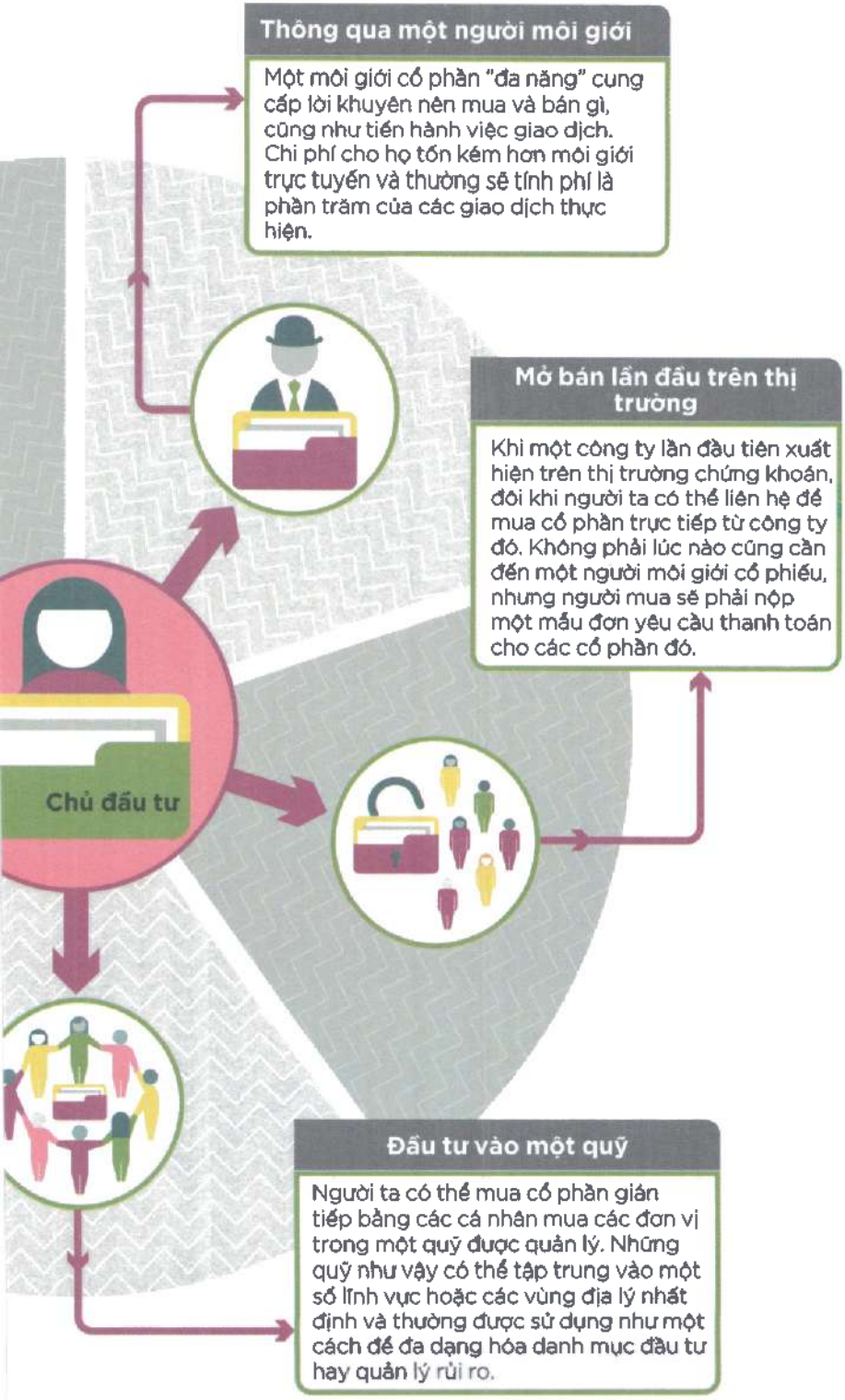

TẠI SAO GIÁ CỔ PHẦN LẠI QUAN TRỌNG

- **Các nhà đầu tư tập trung** vào tăng trưởng vốn sẽ chỉ kiếm lời nếu giá cổ phần của họ tăng lên. Họ cũng có thể mất tiền nếu giá cổ phần giảm.
- **Giá cổ phần đang giảm** có thể tác động đến danh tiếng của một công ty và việc quản lý cũng như đến khả năng vay tiền của công ty đó.
- **Các công ty đại chúng** có giá cổ phiếu giảm có thể trở thành những mục tiêu thôn tính của những cổ đông giàu có hoặc những công ty đối thủ.
- **Giá trị của những khoản tiền tiết kiệm hưu trí** có liên hệ với thị trường chứng khoán sẽ giảm nếu giá cổ phiếu cơ sở giảm. Đây là tin xấu cho những người sắp nghỉ hưu.
- **Khi các thị trường cổ phiếu** ở một nước suy giảm, các nhà đầu tư nước ngoài có thể cùng nhau rút tiền ra khỏi nước đó, làm giảm giá trị đồng tiền của nước này.

Năm **1987**

đánh dấu thời điểm bắt đầu của thị trường bò dài nhất tại Mỹ tính đến nay, kéo dài 13 năm

Các quỹ được quản lý

Những cá nhân thiếu kinh nghiệm hoặc ít thời gian thường lựa chọn đầu tư vào một quỹ được quản lý, nơi vô số người tập hợp tiền của mình lại và đầu tư vào một loạt thị trường. Quỹ này do một chuyên gia quản lý.

Nó hoạt động như thế nào

Các quỹ được quản lý mang tới cho các nhà đầu tư một phương pháp đơn giản để tiếp cận một loạt thị trường đầu tư. Bên cạnh ưu thế là có một quỹ do các chuyên gia về đầu tư quản lý, việc đầu tư thông qua một quỹ là một cách minh bạch để đa dạng hóa các hạng mục đầu tư. Trong nhiều trường hợp, người ta chỉ đòi hỏi một lượng tiền nhỏ ban đầu để bắt đầu và những đầu tư sau đó có thể được tạo ra bằng một khoản trả gọn một lúc hoặc các khoản đóng góp đều đặn (hàng tháng). Theo truyền thống, các quỹ được quản lý được gây dựng dưới dạng "các đơn vị tín thác" với mỗi nhà đầu tư sở hữu một số đơn vị.

Các đơn vị ủy thác đầu tư

Khi các cá nhân đầu tư vào một quỹ được quản lý, họ thường được phân phối cho một số đơn vị dựa vào số tiền họ đầu tư và giá đơn vị hiện thời. Giá đơn vị phản ánh giá trị của các khoản đầu tư của quỹ và sự tăng, hoặc giảm, tương ứng với những đầu tư đó. Các nhà đầu tư thu được lợi nhuận từ các quỹ được quản lý bằng cách bán đi các đơn vị.

NHÀ ĐẦU TƯ

Mua các đơn vị để vào quỹ. Số lượng đơn vị họ nhận được phụ thuộc vào giá đơn vị vào ngày hôm đó.

QUẢN LÝ QUỸ

Tập hợp tiền của các nhà đầu tư để đầu tư vào các cổ phiếu, tài sản và các vùng địa lý trên toàn cầu.

Hầu hết các quỹ phát hành các đơn vị mới cho các nhà đầu tư trong một khoảng thời gian nhất định trước khi đóng cửa. Các nhà đầu tư trả phí quản lý định kỳ cho giám đốc quỹ.

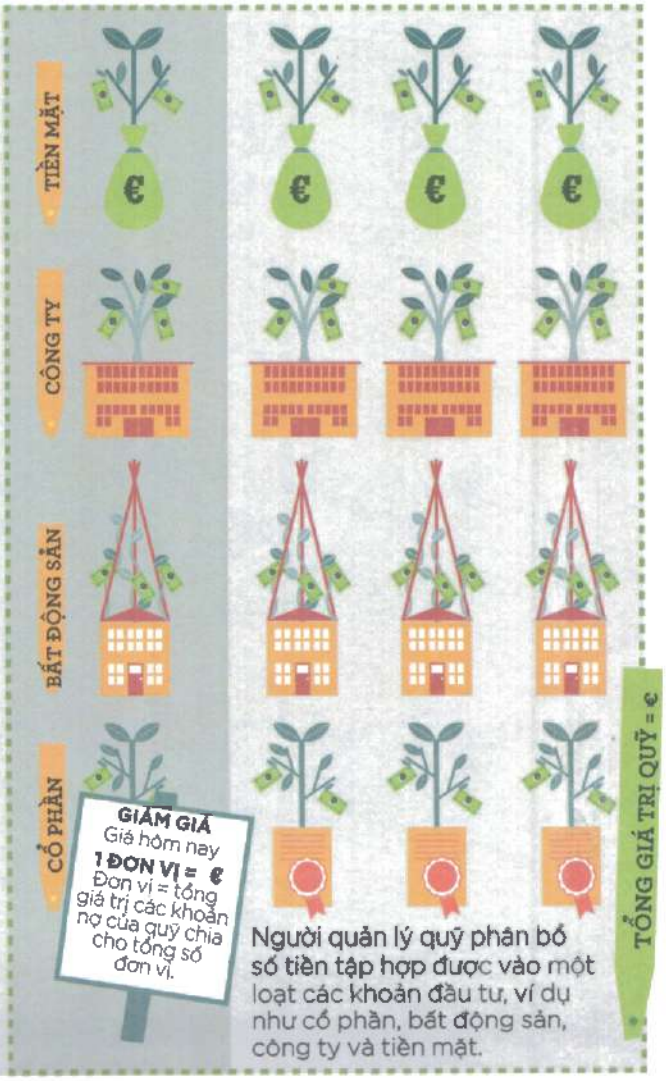

Người quản lý quỹ phân bổ số tiền tập hợp được vào một loạt các khoản đầu tư, ví dụ như cổ phần, bất động sản, công ty và tiền mặt.

CÁC CHIẾN LƯỢC CỦA QUỸ ĐƯỢC QUẢN LÝ

Quỹ đầu tư theo chỉ số

Những quỹ này có mục tiêu là có được mức thu nhập như mức bạn mong muốn theo một chỉ số tài chính cụ thể, ví dụ như FTSE 100.

Quỹ được quản lý chủ động

Những quỹ này có mục tiêu mang lại kết quả cao hơn doanh thu trung bình. Các nhà quản lý chủ động sẽ phân tích, nghiên cứu và dự đoán các thị trường để đưa ra các quyết định đầu tư, những mục chứng khoán nào nên mua và giữ hoặc bán.

Quỹ lợi nhuận tuyệt đối

Những quỹ này có mục tiêu mang lại lợi nhuận nhất quán bất kể thị trường chứng khoán tăng giảm ra sao.

CẢNH BÁO

- **Giá trị của các khoản đầu tư** sẽ biến động tùy theo thị trường chứng khoán, theo đó giá của quỹ cũng dao động theo.
- **Biến động** nghĩa là các nhà đầu tư có thể không thu về được số tiền vốn đã đầu tư ban đầu.

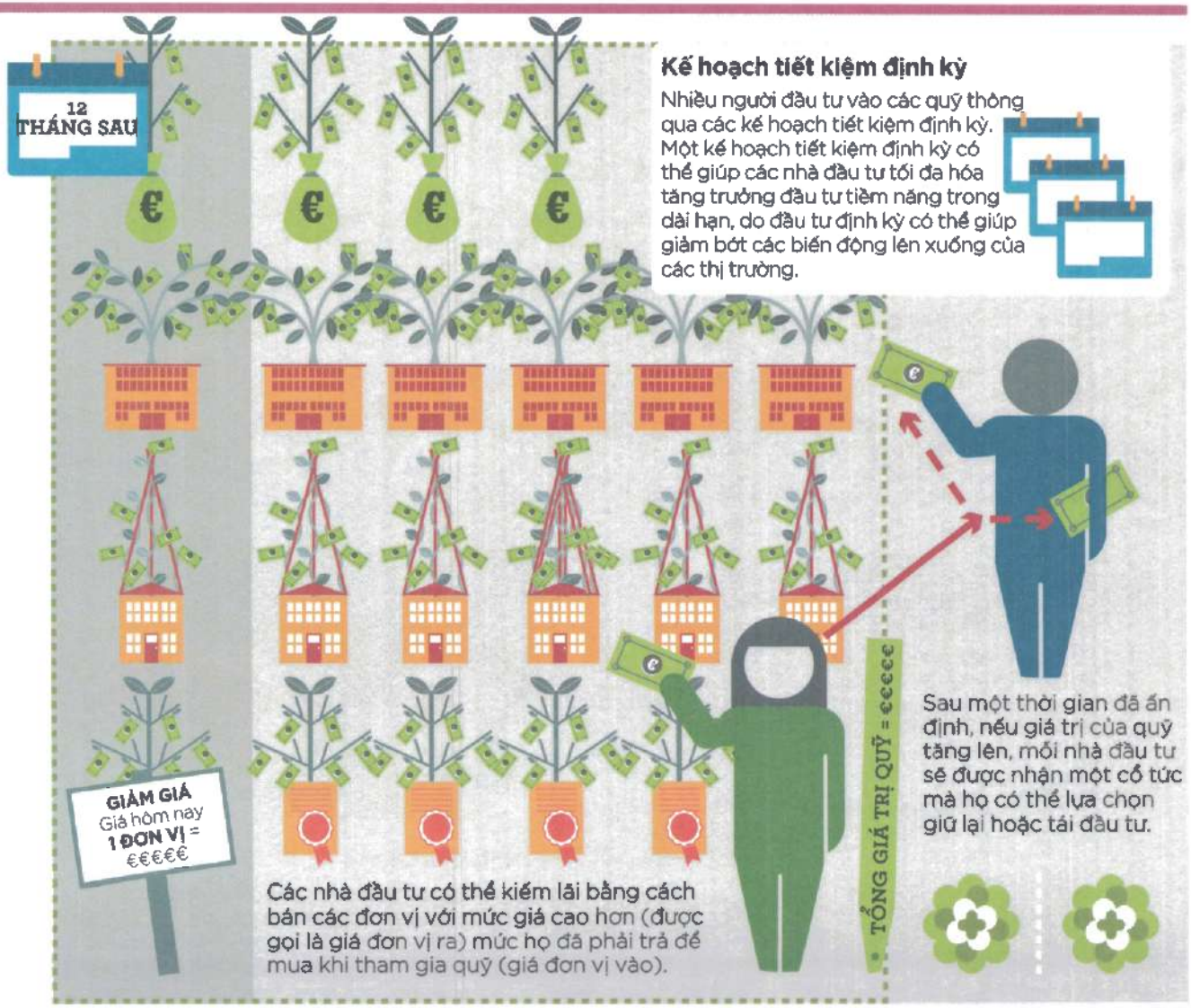

Kế hoạch tiết kiệm định kỳ

Nhiều người đầu tư vào các quỹ thông qua các kế hoạch tiết kiệm định kỳ. Một kế hoạch tiết kiệm định kỳ có thể giúp các nhà đầu tư tối đa hóa tăng trưởng đầu tư tiềm năng trong dài hạn, do đầu tư định kỳ có thể giúp giảm bớt các biến động lên xuống của các thị trường.

Sau một thời gian đã ấn định, nếu giá trị của quỹ tăng lên, mỗi nhà đầu tư sẽ được nhận một cổ tức mà họ có thể lựa chọn giữ lại hoặc tái đầu tư.

Các nhà đầu tư có thể kiếm lãi bằng cách bán các đơn vị với mức giá cao hơn (được gọi là giá đơn vị ra) mức họ đã phải trả để mua khi tham gia quỹ (giá đơn vị vào).

Quản lý các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư là thứ mà các cá nhân mua hoặc đặt tiền vào để tạo ra lợi nhuận, hoặc "lợi tức". Có nhiều kiểu đầu tư khác nhau – được gọi là các nhóm tài sản – mỗi nhóm mang lại một loại lợi tức khác nhau. Các nhà đầu tư có thể nhận lãi (từ tiền mặt hoặc trái phiếu), cổ tức (từ cổ phần), tiền cho thuê (từ bất động sản) hoặc tiền vốn khi họ bán một tài sản nào đó đi (chênh lệch giữa giá mua và giá bán). Các nhà đầu tư có thể quản lý những khoản đầu tư của mình hoặc trả tiền để một người nào đó làm việc này cho họ.

Những vấn đề cơ bản của đầu tư cá nhân

Lần đầu tiên đầu tư tiền là một bước đi lớn và chuẩn bị thật đầy đủ là hết sức cần thiết. Đầu tư có nghĩa là chấp nhận rủi ro với tiền và bạn có thể mất đi một ít hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư. Trước khi quyết định đầu tư vào cái gì, một cá nhân phải đánh giá tình trạng tài chính cá nhân của mình. Họ nên thanh toán hết các khoản nợ và tiền vay hiện có trước và duy trì khả năng tiếp cận một nguồn tiền mặt trong trường hợp khẩn cấp.

Phân bổ tài sản

Các nhóm tài sản đơn giản là các hạng mục đầu tư khác nhau. Có bốn nhóm chính là tiền mặt, trái phiếu (hoặc chứng khoán có lãi suất cố định), cổ phần (hoặc cổ phiếu thường) và bất động sản *(xem trang 188-189)*.

TIỀN MẶT
Tiền giữ trong các tài khoản tiết kiệm vừa an toàn, vừa dễ dàng tiếp cận. Tuy nhiên, tiền lãi thu được thấp và có thể mất sạch do lạm phát.

TRÁI PHIẾU
Các chứng khoán có lãi suất cố định như trái phiếu và chứng khoán viền vàng mang lại thu nhập đều đặn; nhìn chung, chúng có rủi ro thấp hơn so với các hình thức đầu tư khác như cổ phần.

CỔ PHẦN
Mua cổ phần đồng nghĩa với việc đầu tư vào một công ty, do vậy sở hữu một phần công ty đó. Cổ phần có thể mang lại cổ tức đều đặn hoặc tăng giá trị gốc.

BẤT ĐỘNG SẢN
Các đơn vị nhà ở cư trú và thương mại có thể mang lại thu nhập cho thuê ổn định và thặng dư vốn cao khi bán đi, nhưng bất động sản là tương đối khó chuyển thành tiền mặt.

Đa dạng hóa tài sản

Đa dạng hóa nghĩa là đầu tư vào các nhóm tài sản khác nhau. Việc này giúp dàn trải rủi ro, bằng cách trải tiền ra khắp các tài sản, nguy cơ mất toàn bộ tiền khi tình hình chuyển biến xấu sẽ thấp hơn so với khi toàn bộ tiền bị đổ vào một nhóm duy nhất.

ĐẦU TƯ NHƯ THẾ NÀO

- **Chọn cách tiếp cận DIY (tự thân vận động)** Đây là một phương pháp đầu tư trong đó nhà đầu tư tự xây dựng và quản lý danh mục đầu tư của mình mà không cần sự tư vấn chuyên nghiệp.
- **Tham khảo một cố vấn tài chính** Đó là chuyên gia có thể đưa lời khuyên về những loại tài sản nên mua và thời điểm mua dựa trên các mục tiêu và khả năng chịu đựng rủi ro.
- **Mua từ một siêu thị trường quỹ hoặc một người môi giới chiết khấu** Những công ty tài chính này cung cấp những dịch vụ "chỉ thực hiện", không kèm lời khuyên, cho phép các cá nhân mua và bán các cổ phần hoặc quỹ.
- **Đầu tư vào một công ty quỹ** Những công ty đầu tư này dàn trải rủi ro bằng cách tập hợp tiền của các nhà đầu tư và mua các đơn vị trong một quỹ đầu tư vào nhiều công ty khác nhau.

"Điều quan trọng nhất của một triết lý đầu tư là có một triết lý như vậy để bạn có thể bám lấy nó."

Daniel Booth, doanh nhân Mỹ

Trung bình hóa chi phí đầu tư

Còn được gọi là trung bình hóa chi phí đơn vị, chiến lược trung bình hóa chi phí khoản đầu tư là việc mua dần một khoản đầu tư có lượng tiền cố định theo thời gian, thay vì đầu tư tổng số tiền mong muốn vào một khoản trả gọn. Chiến lược này có thể giảm chi phí trung bình trên mỗi phần đầu tư, do người ta có thể mua nhiều đơn vị hơn khi giá thấp và ít đơn vị hơn khi giá cao. *Xem trang 190-191*

- Trung bình hóa chi phí đầu tư cũng được gọi là "mớm tiền nhỏ giọt".
- Sử dụng cách tiếp cận này nghĩa là các nhà đầu tư không phải giám sát các động thái của thị trường và thời điểm để đầu tư một cách chiến lược nữa.
- Hầu hết các công ty đầu tư đưa ra các kế hoạch tiết kiệm định kỳ cho phép các nhà đầu tư tận dụng chiến lược trung bình hóa chi phí đầu tư, đồng thời cho phép họ tiết kiệm một chút tiền mỗi lần đầu tư.

Khả năng chịu đựng rủi ro/ Đánh đổi giữa rủi ro và lợi nhuận

Trong các thuật ngữ đầu tư, rủi ro là khả năng mất một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư. Người ta phải quyết định một mức rủi ro chấp nhận được trước khi lựa chọn các phương án đầu tư. *Xem trang 192-193.*

- Tất cả các khoản đầu tư đều diễn ra với một mức độ rủi ro nào đó, nhưng một số tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn số còn lại.
- Một cố vấn tài chính có thể giúp xây dựng một danh mục đầu tư phù hợp với khả năng chịu đựng rủi ro của nhà đầu tư.

Danh mục đầu tư tối ưu

Danh mục đầu tư trong đó sự kết hợp giữa rủi ro-thành quả mang lại lợi tức cao nhất có thể được gọi là một danh mục đầu tư tối ưu. Danh mục đầu tư tối ưu là khác nhau giữa các nhà đầu tư, tương ứng với mức chịu đựng rủi ro của họ.

- "Tỷ trọng" danh mục đầu tư là tỷ phần một hạng mục cụ thể nắm giữ trong danh mục đầu tư.
- Các nhà đầu tư nên tái đánh giá và cân bằng các danh mục đầu tư của mình hàng năm.

Phân bổ và đa dạng hóa tài sản

Để giảm rủi ro cho việc đầu tư, các nhà đầu tư thường cố gắng đa dạng hóa danh mục đầu tư của mình, dàn trải rủi ro mà mình gặp phải bằng cách đầu tư vào các tài sản, lĩnh vực hoặc vùng khác nhau.

Phân bổ tài sản chiến lược

Một nhà đầu tư phòng thủ có thể chọn sử dụng phân bổ tài sản chiến lược. Điều này bao gồm việc đầu tư vào một sự kết hợp gồm nhiều nhóm tài sản, xem xét lợi nhuận kỳ vọng cho từng nhóm tài sản, do đó xét cả lợi nhuận kỳ vọng tổng thể cho toàn bộ khoản đầu tư. Trong hình minh họa bên phải, lợi nhuận kỳ vọng từ cổ phiếu là 10%, do đó bằng cách phân bổ 20% danh mục đầu tư vào cổ phiếu, nhà đầu tư hy vọng chúng sẽ mang lại 2% lợi nhuận tổng.

VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG

Tổng giá trị của một công ty – thị giá vốn của công ty đó – bằng tổng số cổ phần của nó nhân với giá của mỗi cổ phần. Ví dụ, nếu một công ty có 100 cổ phần và mỗi cổ phần của công ty đáng giá 50 bảng thì thị giá vốn của công ty sẽ là 5.000 bảng (50 bảng x 100). Lĩnh vực đầu phản ánh quy mô của vốn hóa thị trường khi ta nói đến các công ty lớn (hay "cổ phiếu thượng hạng" - blue chip), vừa hoặc nhỏ. Công ty lớn thường ổn định hơn nhưng mang lại những cơ hội tăng trưởng rất hạn chế cho nhà đầu tư. Các công ty vừa và nhỏ có nguy cơ rủi ro hơn nhưng lại có thể tăng trưởng nhanh chóng.

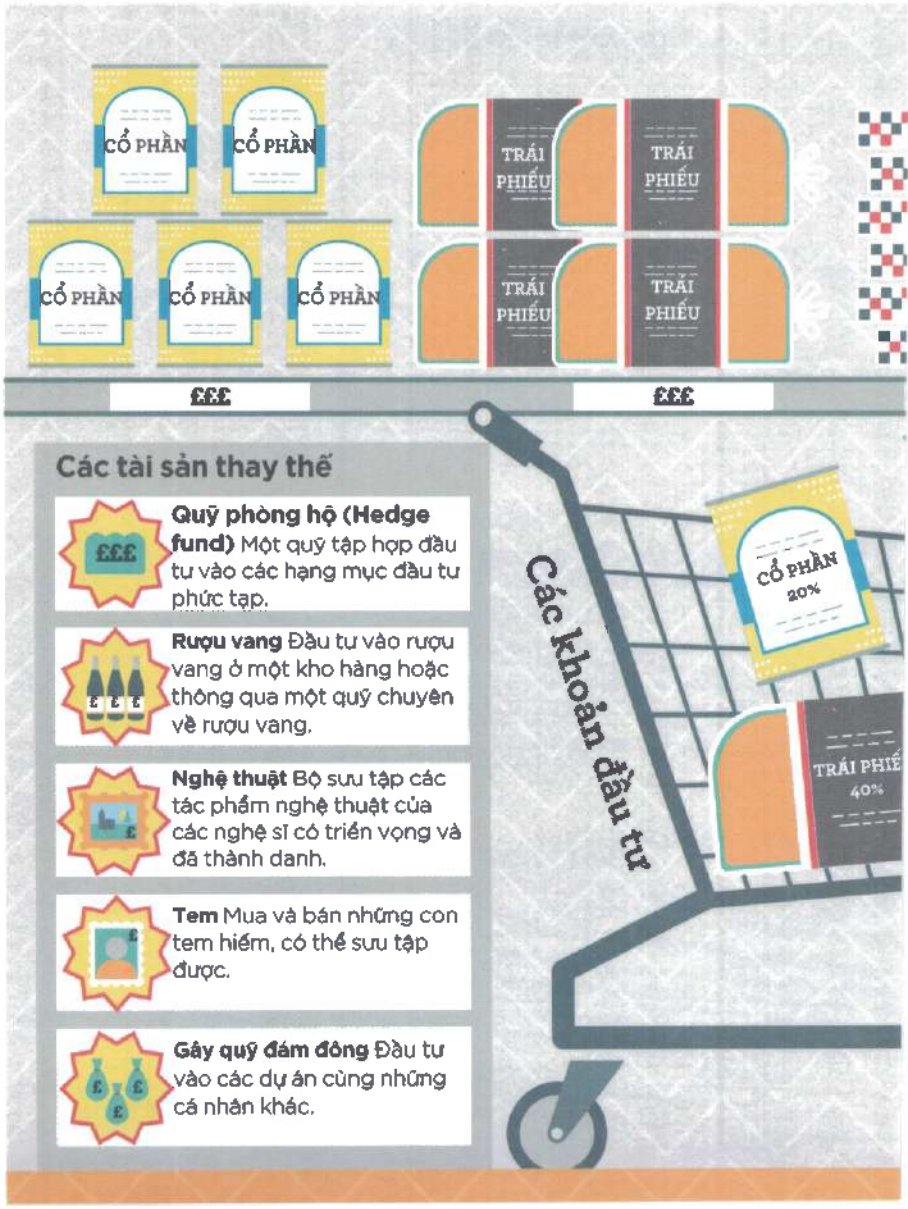

Nó hoạt động như thế nào

Các nhóm tài sản là các hạng mục đầu tư khác nhau. Các nhà đầu tư đa dạng hóa bằng cách đầu tư vào các nhóm tài sản khác nhau, hoặc vào các công ty, ngành, thị trường, vùng hoặc nước khác nhau trong cùng một nhóm tài sản. Một chiến lược khác, được gọi là phân bổ tài sản, nỗ lực cân bằng rủi ro và thành quả bằng cách đặt ra tỷ phần mỗi nhóm tài sản trong một danh mục đầu tư – cổ phiếu và cổ phần, trái phiếu, bất động sản, tiền mặt và các tài sản thay thế – tùy theo khả năng chịu đựng rủi ro, mục tiêu và khung thời gian của nhà đầu tư. Phần trăm của một cổ phần cụ thể trong một danh mục đầu tư được gọi là "tỷ trọng danh mục đầu tư". Việc đa dạng hóa giúp giảm rủi ro cho mỗi nhóm tài sản trong danh mục đầu tư.

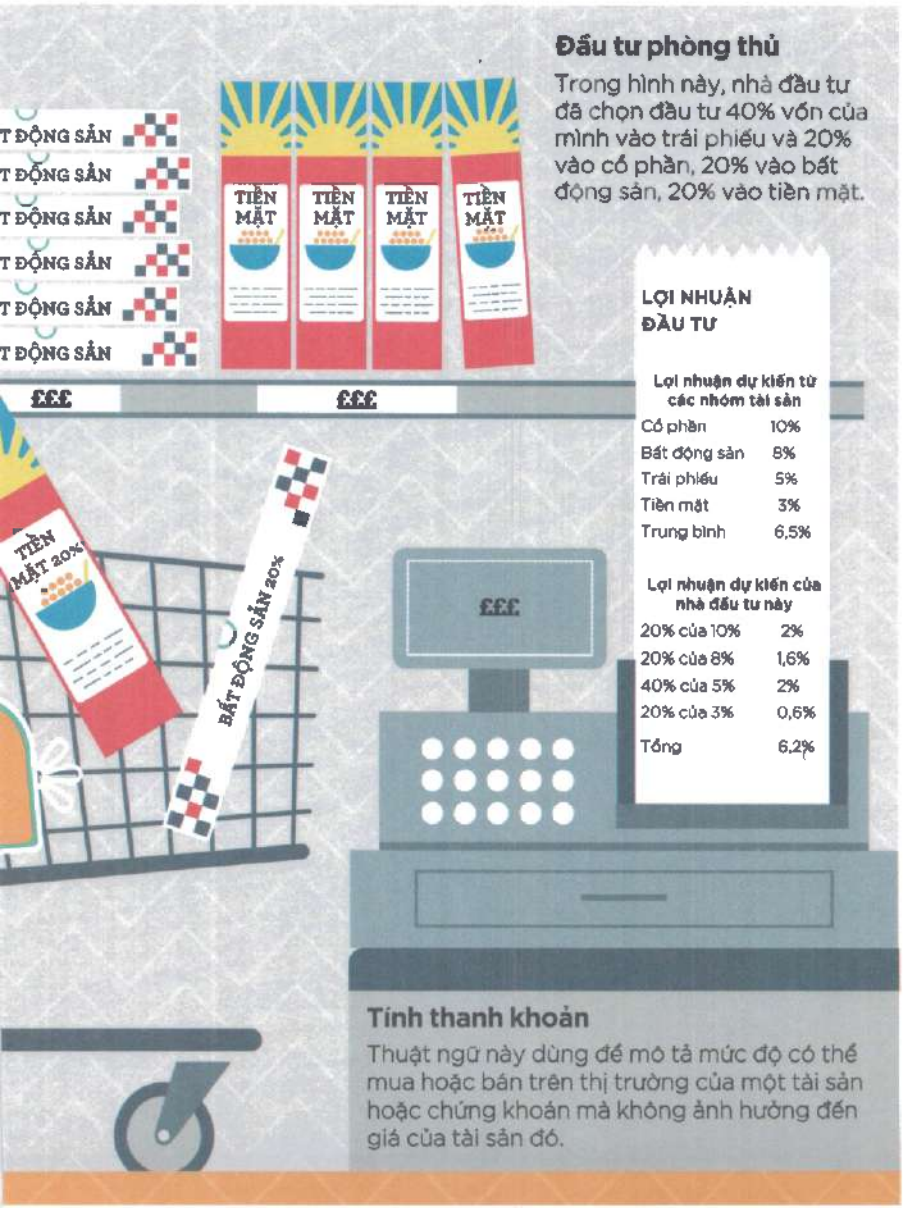

Đầu tư phòng thủ
Trong hình này, nhà đầu tư đã chọn đầu tư 40% vốn của mình vào trái phiếu và 20% vào cổ phần, 20% vào bất động sản, 20% vào tiền mặt.

Tính thanh khoản
Thuật ngữ này dùng để mô tả mức độ có thể mua hoặc bán trên thị trường của một tài sản hoặc chứng khoán mà không ảnh hưởng đến giá của tài sản đó.

"Hãy có một cách phân bổ tài sản chiến lược hỗn hợp, giả định rằng bạn không biết tương lai sẽ diễn biến thế nào."

Ray Dalio, doanh nhân Mỹ

CÁC MÔ HÌNH PHÂN BỔ TÀI SẢN

- **Phòng thủ** Một phần nhỏ tài sản (cổ phần và cổ phiếu) và một lượng vốn lớn được đầu tư vào những nhóm tài sản ổn định hơn như trái phiếu và tiền mặt.
- **Thu nhập** Hầu hết đầu tư là vào trái phiếu và các tài sản thay thế. Mô hình này được thiết kế dành cho những nhà đầu tư tìm kiếm thu nhập, sẵn sàng chấp nhận một mức rủi ro phải chăng.
- **Thu nhập và tăng trưởng** Khoảng một nửa quỹ là dồn vào cổ phiếu thường, với phần còn lại là vào trái phiếu và các tài sản thay thế khác. Mô hình này tập trung vào một khoản doanh thu là sự kết hợp cả thặng dư vốn lẫn thu nhập.
- **Tăng trưởng** Hầu hết khoản đầu tư là dồn vào cổ phiếu thường, nhưng một ít vào trái phiếu và các tài sản thay thế. Mô hình này hướng đến thặng dư vốn lâu dài hơn.

Trung bình hóa chi phí đầu tư

Trung bình hóa chi phí đầu tư (DCA) là phương pháp gây dựng vốn đầu tư dần dần theo thời gian, thay vì đầu tư một khoản toàn bộ ngay ban đầu.

Nó diễn ra như thế nào

Việc chạm đáy thị trường để nắm được giá đơn vị tốt nhất là điều hết sức khó khăn, thậm chí những chuyên gia đôi khi còn để vuột mất. Một cách để các nhà đầu tư giảm thiểu những biến động lên-xuống của thị trường là dàn trải hay "nhỏ giọt" tiền vào các khoản đầu tư thay vì mua đứt một lần. Cách này được gọi là trung bình hóa chi phí đầu tư. Ví dụ, nếu mỗi tháng người ta đầu tư 100 đô la Mỹ vào một quỹ, số tiền này sẽ mua được ít đơn vị quỹ hơn khi giá cao và mua được nhiều hơn khi giá thấp. Giá trung bình của mỗi cổ phiếu theo thời gian là trung bình của các mức cao và thấp. Bên cạnh việc giúp các nhà đầu tư không phải đoán các xu hướng của thị trường, cách tiếp cận này khuyến khích việc đầu tư đều đặn mỗi tháng. DCA đặc biệt có thể mang lại lợi ích trong một thị trường đang đi xuống vì có nhiều cổ phiếu đang được bán ra nên lợi nhuận thu được sẽ cao hơn khi thị trường khởi sắc.

Trung bình hóa chi phí đầu tư và đầu tư trả gọn một lúc

Một lập luận then chốt ủng hộ cách đầu tư nhỏ giọt đều đặn là hiệu ứng của trung bình hóa chi phí đầu tư. DCA cho phép những người tiết kiệm tiền được hưởng lợi từ tính bất ổn định của thị trường bằng cách đầu tư đều đặn một khoản tiền nhỏ, nhờ đó họ được mua các đơn vị rẻ hơn (tính trung bình).

Nhà đầu tư A

Đầu tư trả gọn một lúc

Nhà đầu tư A có một khoản tiền là 1.400 đô la Mỹ để đầu tư và đang cố gắng "tìm đúng thời điểm của thị trường". Tại thời điểm đầu tư, mỗi cổ phiếu có giá 20 đô la Mỹ do đó số tiền trả gọn một lúc mua được 70 cổ phiếu.

SO VỚI

Nhà đầu tư B

Trung bình hóa chi phí đầu tư

Nhà đầu tư B cũng có 1.400 đô la Mỹ nhưng quyết định nhỏ giọt tiền vào thị trường với mức 200 đô la Mỹ mỗi tháng. Số tiền này mua được lượng cổ phiếu khác nhau vào mỗi tháng.

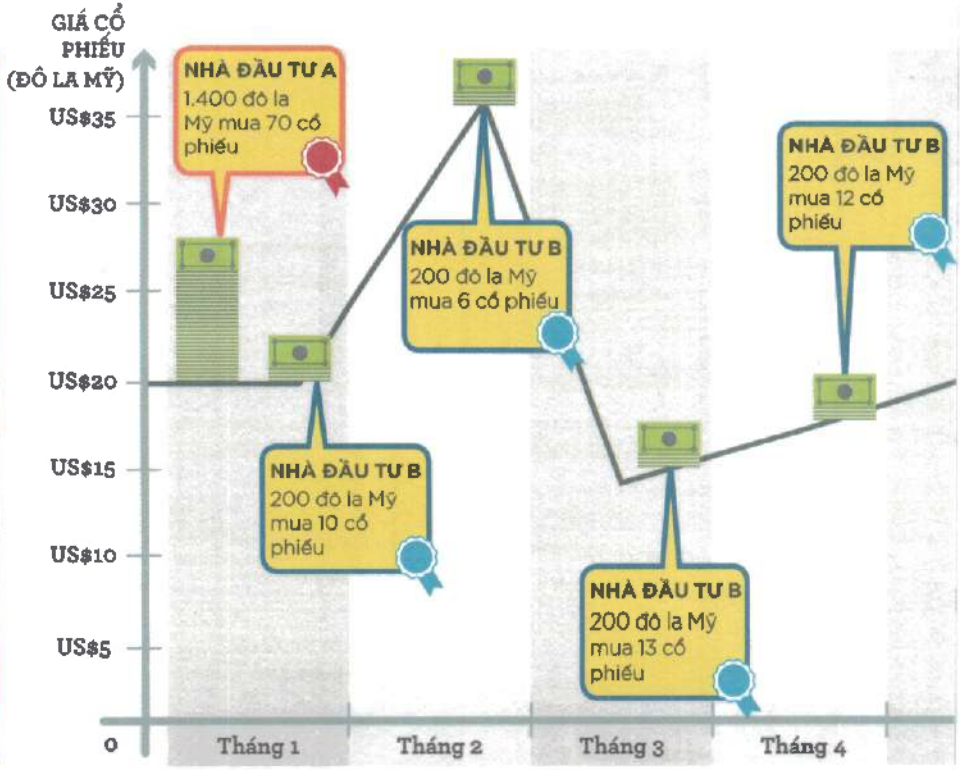

TÍNH BẤT ỔN ĐỊNH CỦA THỊ TRƯỜNG LÀ GÌ?

Tính bất ổn định là mức độ biến động trong giá giao dịch. Nó được đo bằng cách xem xét sai số tiêu chuẩn của lợi nhuận – lợi nhuận giảm so với giá trị trung bình ra sao. Tính bất ổn định thấp có nghĩa là giá cổ phiếu không biến động đột ngột nhưng những thay đổi về giá trị diễn ra với tốc độ ổn định.

CẦN BIẾT

- **Đầu tư trả gọn một lúc** Dù có lợi nhuận cao, nhưng việc đặt những khoản tiền lớn, duy nhất vào thị trường có xu hướng đòi hỏi một cách tiếp cận ngắn hạn, mạnh hơn, do đó có thể phản tác dụng.
- **Các điều kiện thị trường** Trung bình hóa chi phí đầu tư nghĩa là các nhà đầu tư không phải nghiên cứu chi tiết về hành vi của thị trường để tối đa hóa lợi nhuận.
- **Các khoản đầu tư từ thu nhập** Bằng cách đầu tư đều đặn và trực tiếp từ thu nhập thường xuyên, các nhà đầu tư có thể giữ tiền mặt trong tay cho những mục đích hoặc các trường hợp khẩn cấp khác.

"Các nhà đầu tư cá nhân nên hành động nhất quán như một nhà đầu tư và đừng là một kẻ đầu cơ."

Benjamin Graham, nhà kinh tế học và nhà đầu tư người Mỹ gốc Anh thế kỷ 20

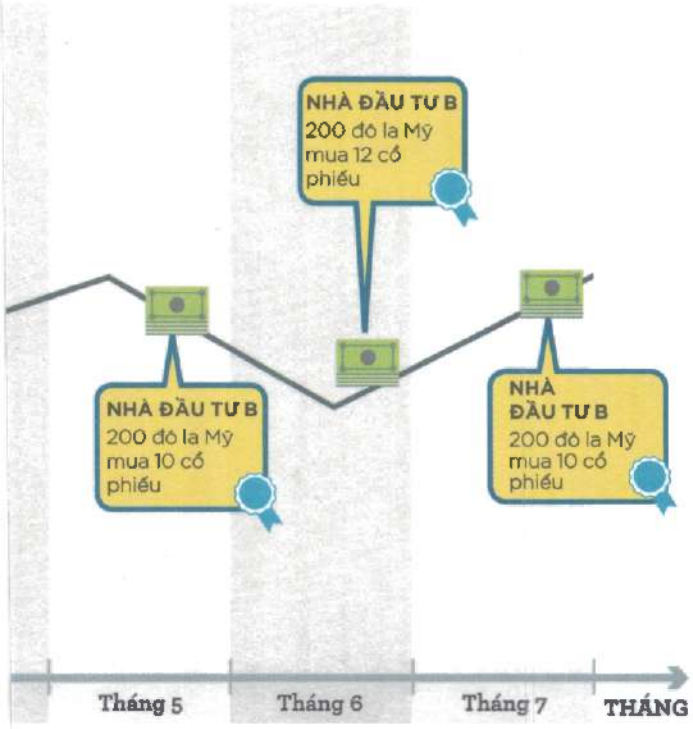

NHÀ ĐẦU TƯ A
1.400 đô la Mỹ mua 70 cổ phiếu giá

SO VỚI

NHÀ ĐẦU TƯ B
1.400 đô la Mỹ mua 73 cổ phiếu

Thêm 3 cổ phiếu cho cùng số tiền đầu tư

CẢNH BÁO

- **"Tìm đúng thời điểm của thị trường"** để có giá đơn vị tốt nhất là rất khó.
- **Giá cổ phiếu dao động** nghĩa là khoản tiền trả gọn một lúc sẽ phải mất nhiều tiền hơn cho một cổ phiếu trung bình.

CẢNH BÁO

- **DCA** có thể hạn chế lợi nhuận trong một thị trường đang bùng nổ.
- **Nếu giá cổ phiếu tăng** dần theo thời gian, DCA đồng nghĩa với việc sẽ phải mất nhiều tiền hơn cho mỗi cổ phiếu (tính trung bình).

Khả năng chịu đựng rủi ro

Trước khi đầu tư, điều rất quan trọng đối với các nhà đầu tư là hiểu được khả năng chịu đựng rủi ro cá nhân của mình, tức là khả năng đương đầu với những biến động lớn về mặt giá trị của danh mục đầu tư theo thời gian.

Nó diễn ra như thế nào

Để đánh giá khả năng chịu đựng rủi ro, các nhà đầu tư nên xem xét lại những tình huống xấu nhất của các nhóm tài sản khác nhau để biết họ có thể mất bao nhiêu tiền vào những năm thất bát và ước lượng mức độ thoải mái mà họ cảm thấy với những tổn thất như vậy. Các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng chịu đựng rủi ro của một nhà đầu tư bao gồm khung thời gian, hoàn cảnh cá nhân và khả năng kiếm được tiền trong tương lai. Nhìn chung, khung thời gian càng dài thì nhà đầu tư càng có nguy cơ phải đón nhận nhiều rủi ro hơn. Các nhà đầu tư cũng cần đánh giá số tiền họ có thể chấp nhận thua lỗ mà không ảnh hưởng đến phong cách sống của mình. Thậm chí với những cá nhân có giá trị ròng cao cùng những khoản tiền rất lớn khả dụng với tư cách tiền mặt, việc đầu tư vài phần trăm vốn vẫn khôn ngoan hơn là đầu tư cả một khoản lớn.

Các kiểu nhà đầu tư

Các nhà quản lý quỹ và các cố vấn tài chính thường cung cấp các bảng câu hỏi thăm dò ý kiến dành cho các nhà đầu tư cá nhân để giúp họ xác định những dạng đầu tư nào phù hợp với họ nhất. Những bảng câu hỏi này xem xét khả năng chịu đựng rủi ro, khung thời gian, mục tiêu và kiến thức về đầu tư của nhà đầu tư.

Bảo thủ

Các nhà đầu tư không sẵn lòng mạo hiểm nhiều và vui vẻ chấp nhận rằng lợi nhuận thấp hơn có thể là kết quả của việc thích một danh mục đầu tư có một tỷ lệ tiền mặt đáng kể hơn hoặc các tài sản có doanh thu đảm bảo như trái phiếu.

5 YẾU TỐ THEN CHỐT ẢNH HƯỞNG TỚI KHẢ NĂNG CHỊU ĐỰNG RỦI RO

Các nhà đầu tư cần xem xét những yếu tố này để lựa chọn các mục đầu tư phù hợp với cân bằng rủi ro-lợi nhuận mà họ cảm thấy thoải mái.

Khung thời gian
Khoảng thời gian diễn ra việc đầu tư. Người ta có thể chấp nhận mạo hiểm hơn trong một khung thời gian dài hơn.

Vốn mạo hiểm
Số tiền khả dụng cho việc đầu tư hoặc thương mại, nếu mất đi cũng không ảnh hưởng đến lối sống của nhà đầu tư.

Các mục tiêu đầu tư
Các mục tiêu như có tiền trang trải cho giáo dục hoặc nghỉ hưu.

Kinh nghiệm
Kinh nghiệm của nhà đầu tư đối với các khoản đầu tư trong quá khứ và hiểu biết của họ về tài sản và rủi ro.

Thái độ đối với rủi ro
Thái độ của nhà đầu tư đối với việc thua lỗ khoản vốn đầu tư của mình.

Rủi ro cao

Các nhà đầu tư sẵn sàng chấp nhận nhiều rủi ro hơn để có lợi nhuận tiềm năng cao hơn có thể cân nhắc tham gia những thị trường đang nổi và sở hữu các nhóm tài sản thay thế trong danh mục đầu tư của mình.

Cân bằng

Những nhà đầu tư vui vẻ đầu tư nhiều hơn vào cổ phần và bất động sản có nhiều khả năng chỉ muốn một phần nhỏ vốn của mình dưới dạng tiền mặt trong các tài khoản có lãi suất cố định.

Thận trọng

Những nhà đầu tư sẵn lòng đón nhận rủi ro để đổi lấy lợi nhuận có nhiều khả năng lựa chọn một tập hợp tài sản gồm cả tăng trưởng và phòng thủ, đồng thời đầu tư nhiều vào cổ phần hơn là trái phiếu.

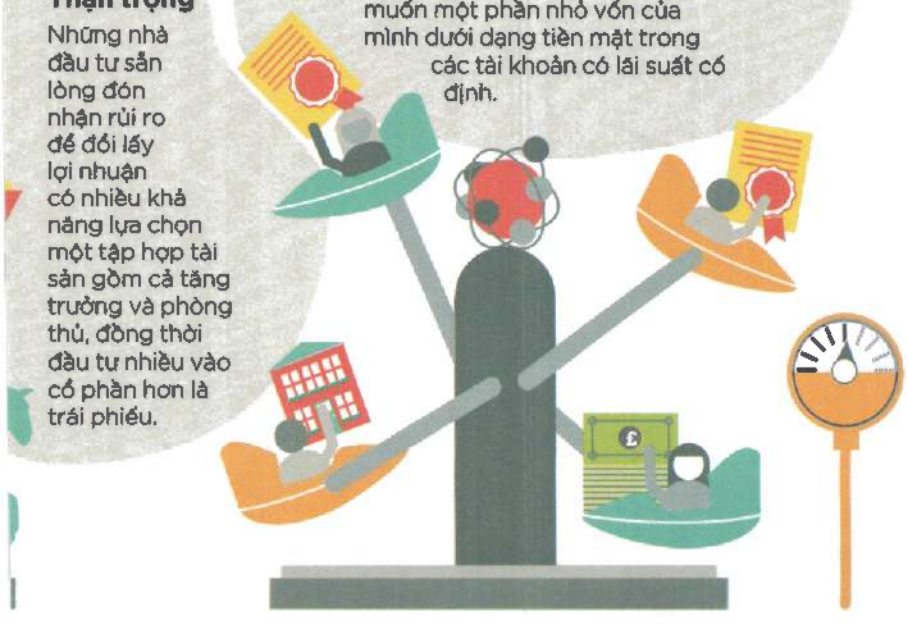

✓ CẦN BIẾT

- **Rủi ro vốn** Khả năng mất đi số vốn (tiền) ban đầu đã được đầu tư. Với những khoản đầu tư mạo hiểm hơn, vốn có thể tăng đáng kể nhưng nó cũng có thể giảm ngoạn mục.
- **Rủi ro lạm phát** Rủi ro giá tăng làm sụt giảm sức mua của đồng tiền. Nếu lợi nhuận từ các khoản đầu tư không tương xứng hoặc vượt qua lạm phát thì chúng sẽ mất đi giá trị theo từng năm.
- **Rủi ro lãi suất** Khả năng một công cụ nợ có lãi suất cố định, ví dụ như trái phiếu, giảm giá trị do lãi suất tăng. Nếu những trái phiếu mới được phát hành có mức lãi suất cao hơn, giá thị trường của những trái phiếu hiện có sẽ giảm.
- **Lãi suất âm** Hiện tại mười tỷ euro đang được đầu tư tại châu Âu với mức lãi suất âm chỉ nhằm mang lại rủi ro thấp và sự an toàn.

"Chiến lược duy nhất chắc chắn sẽ thất bại là không chấp nhận rủi ro."

Mark Zuckerberg, nhà sáng lập Facebook

Danh mục đầu tư tối ưu

Một danh mục đầu tư bao gồm sự lựa chọn các tài sản khác nhau. Danh mục đầu tư tối ưu đạt được cân bằng lý tưởng giữa rủi ro tiềm năng và thành quả khả thi, tùy thuộc vào lợi nhuận mong muốn và thái độ đối với rủi ro của nhà đầu tư.

Nó hoạt động như thế nào

Danh mục đầu tư tối ưu là một mô hình toán học cho thấy một nhà đầu tư sẽ đương đầu với rủi ro tăng lên nếu rủi ro đó được bù đắp bởi lợi nhuận cao hơn kỳ vọng; và ngược lại, nhà đầu tư muốn lợi nhuận cao hơn kỳ vọng phải chấp nhận rủi ro nhiều hơn.

Danh mục đầu tư tối ưu giảm thiểu rủi ro bằng cách lựa chọn và cân bằng các tài sản dựa trên các kỹ thuật thống kê và xác định số lượng sự đa dạng giữa các tài sản. Đặc tính then chốt của danh mục đầu tư tối ưu là người ta không nên đánh giá rủi ro và lợi nhuận của một tài sản theo tiềm năng rủi ro và lợi nhuận của chính nó, mà nên theo mức độ nó đóng góp vào rủi ro và lợi nhuận tổng thể của một danh mục đầu tư. Mục tiêu chính của danh mục đầu tư tối ưu là mang lại lợi nhuận cao nhất trên một mức rủi ro nhất định hoặc rủi ro thấp nhất trên mức lợi nhuận nhất định, đây chính là những mục tiêu phổ biến nhất của các nhà đầu tư.

Đường biên hiệu quả

Đường biên hiệu quả được coi là tỷ lệ tối ưu giữa rủi ro và thành quả - tức là lợi nhuận kỳ vọng cao nhất cho một mức rủi ro đã định, hoặc rủi ro thấp nhất cho một mức lợi nhuận kỳ vọng cho trước. Các danh mục đầu tư nằm dưới đường biên hiệu quả là dưới tối ưu, vì chúng chưa mang lại đủ lợi nhuận cho mức độ rủi ro đó, hoặc chúng có mức rủi ro quá cao cho một tỉ suất thu lợi đã định. Tương quan tài sản là phép đo cách thức các khoản đầu tư chuyển dịch tương quan với nhau, và có vai trò quan trọng đối với đường biên hiệu quả. Một danh mục đầu tư sẽ được cân bằng tốt hơn nếu giá của các loại chứng khoán trong đó di chuyển theo các hướng khác nhau trong các hoàn cảnh tương tự nhau, cân bằng một cách hiệu quả rủi ro trong toàn danh mục đầu tư.

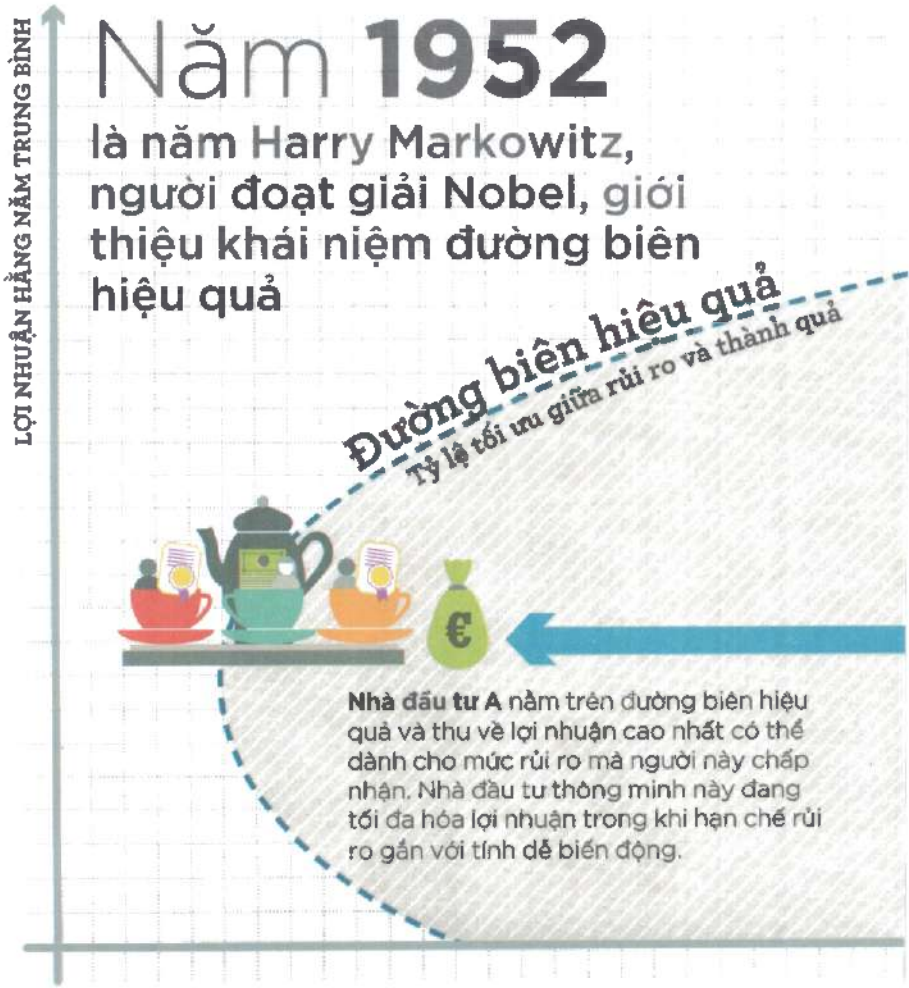

TÁI CÂN BẰNG MỘT DANH MỤC ĐẦU TƯ

Các tài sản khác nhau trong một danh mục đầu tư sẽ vận động theo thị trường. Theo thời gian, điều này sẽ dẫn tới tỷ phần của mỗi nhóm tài sản trong danh mục đầu tư thay đổi mà ban đầu danh mục này được sắp xếp cho phù hợp với mức độ rủi ro ưa thích của nhà đầu tư. Nếu cứ để nguyên không điều chỉnh, danh mục đầu tư sẽ trở nên quá rủi ro hoặc quá thận trọng. Để giữ cho hồ sơ rủi ro của danh mục đầu tư tương đối sát với mức độ chịu đựng rủi ro của nhà đầu tư, các mục đầu tư nên được xem xét định kỳ và tái cân bằng khi cần.

Mục tiêu của việc tái cân bằng là đưa tài sản phân bổ trở lại đúng theo kế hoạch ban đầu. Phương pháp này là một trong những chiến lược năng động chính đối với phân bổ tài sản, và được gọi là chiến lược xáo trộn liên tục.

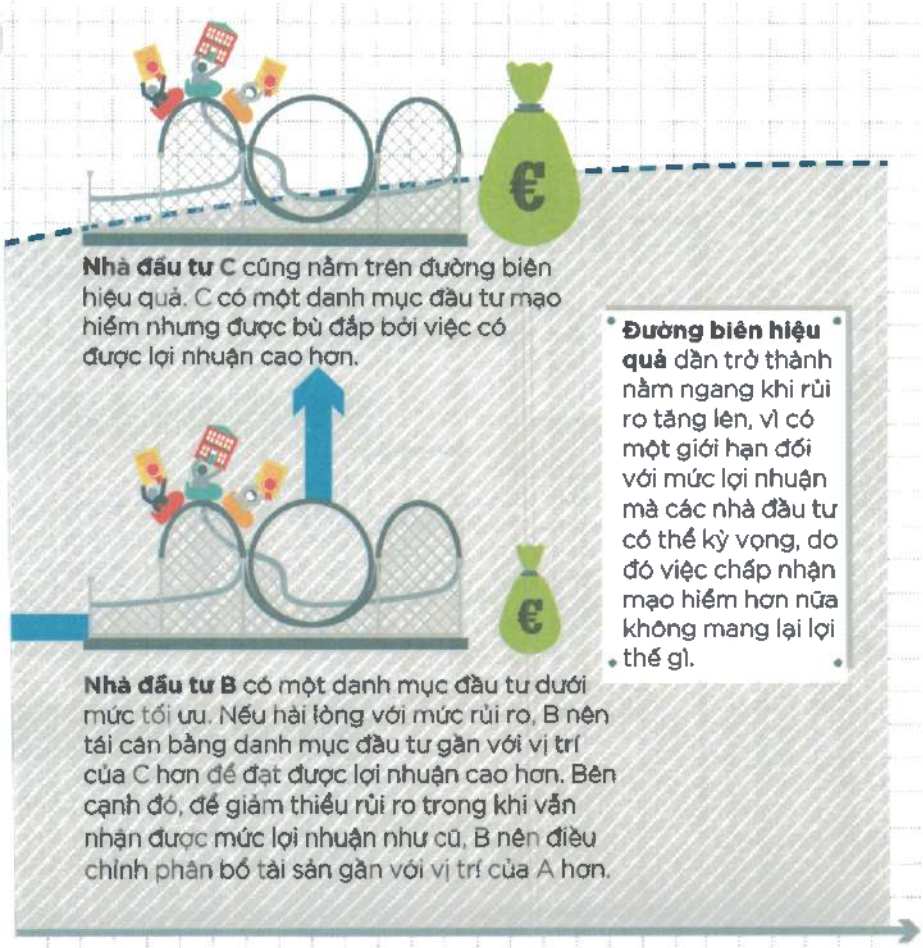

Nhà đầu tư C cũng nằm trên đường biên hiệu quả. C có một danh mục đầu tư mạo hiểm nhưng được bù đắp bởi việc có được lợi nhuận cao hơn.

Đường biên hiệu quả dần trở thành nằm ngang khi rủi ro tăng lên, vì có một giới hạn đối với mức lợi nhuận mà các nhà đầu tư có thể kỳ vọng, do đó việc chấp nhận mạo hiểm hơn nữa không mang lại lợi thế gì.

Nhà đầu tư B có một danh mục đầu tư dưới mức tối ưu. Nếu hài lòng với mức rủi ro, B nên tái cân bằng danh mục đầu tư gần với vị trí của C hơn để đạt được lợi nhuận cao hơn. Bên cạnh đó, để giảm thiểu rủi ro trong khi vẫn nhận được mức lợi nhuận như cũ, B nên điều chỉnh phân bổ tài sản gần với vị trí của A hơn.

RỦI RO, ĐƯỢC ĐO BẰNG ĐỘ LỆCH CHUẨN CỦA LỢI NHUẬN HẰNG NĂM

✓ CẦN BIẾT

- **Tỷ trọng** Phần trăm danh mục đầu tư bao gồm những loại tài sản nhất định. Được tính bằng cách chia giá trị hiện tại của mỗi tài sản cho tổng giá trị của danh mục đầu tư.
- **Phương sai** Phép đo cho biết lợi nhuận của một nhóm chứng khoán trong danh mục đầu tư dao động ra sao theo thời gian.
- **Độ lệch chuẩn** Một số đo thống kê lợi suất thường niên của một khoản đầu tư, cung cấp một dấu hiệu về tính biến động theo thời gian của khoản đầu tư đó, có thể dùng để ước lượng tính biến động kỳ vọng trong tương lai.
- **Lợi nhuận kỳ vọng** Giá trị ước tính của một khoản đầu tư, bao gồm sự thay đổi về giá và mọi khoản thanh toán hay cổ tức, được tính toán từ một đường cong phân phối xác suất của tất cả các lợi suất khả thi.
- **Tương quan tài sản** Một con số thống kê đo mức độ giá trị của hai tài sản dịch chuyển so với nhau. Một tương quan dương nghĩa là các tài sản đó dịch chuyển cùng chiều; tương quan âm nghĩa là chúng dịch chuyển ngược chiều nhau.

Lương hưu và hưu trí

Kế hoạch lương hưu là một dạng kế hoạch tiết kiệm giúp để dành tiền cho giai đoạn hưu trí. Lương hưu cho phép người lao động đầu tư một phần thu nhập của mình theo định kỳ trong suốt thời gian đi làm để có một khoản thu nhập khi nghỉ hưu. Điều quan trọng là người lao động cần phải nghĩ đến việc để ra những khoản tích góp lương hưu từ khi họ còn trẻ, thay vì lúc cập kề tuổi về hưu. Tại nhiều nước, lương hưu được hưởng những quyền lợi cụ thể về thuế so với những dạng tiết kiệm khác.

Tiết kiệm

10%
lương tháng

Đầu tư sớm

Jane, 25 tuổi, muốn nghỉ hưu ở tuổi 68 với lương hưu là 15.000 bảng/năm. Cô ấy cần tiết kiệm 165 bảng/tháng. *Xem trang 198-199*

THỜI GIAN LÀM VIỆC

15%
lương tháng

Đầu tư muộn

Paul, 45 tuổi, muốn nghỉ hưu ở tuổi 68 với lương hưu là 15.000 bảng/năm. Ông ấy cần tiết kiệm 322 bảng/tháng. *Xem trang 198-199*

Tuổi nghỉ hưu đang thay đổi

Hầu hết các nước đều có một mốc tuổi tối thiểu mà một cá nhân phải chạm đến trước khi có thể tiếp cận bất kỳ khoản lương hưu cá nhân nào – ở Vương quốc Anh, mốc tuổi này hiện là 55. Con số này khác với tuổi hưu trí của nhà nước, khi những người nghỉ hưu bắt đầu nhận tiền từ chính phủ. Tuổi hưu trí của Vương quốc Anh được kỳ vọng là tăng từ 65 lên 68 ở thời điểm giữa những năm 2040. Người ta có xu hướng nghỉ hưu sớm hơn ở lục địa châu Âu – hiện tại, một phần lý do của hiện tượng này là thực tế có ít công việc dành cho người cao tuổi hơn. *Xem trang 202-203*

Kế hoạch lương hưu

Phần đóng thuế trong một số năm → Lương hưu của nhà nước

Chế độ lương hưu

Những phần đóng góp do chính phủ thu từ người đóng thuế. Những người đã đóng đủ sẽ nhận được một khoản lương hưu của nhà nước khi đến tuổi nghỉ hưu.

Người lao động đóng một số % của lương tháng → Lương hưu của công ty

Công ty đóng thêm một số % nhất định vào lương hưu của nhân viên

Lương hưu công ty

Người lao động và người thuê lao động đều đặn hàng tháng đóng tiền vào một quỹ do một công ty lương hưu quản lý. Họ cũng có thể được chính phủ miễn giảm thuế.

Các cá nhân đóng góp một khoản nhất định hằng tháng → Lương hưu tư nhân

Lương hưu tư nhân

Những khoản lương hưu "tự thân vận động" cho phép người lao động lựa chọn các khoản đầu tư và công ty quản lý lương hưu của riêng mình. Họ cũng có thể yêu cầu chính phủ miễn giảm thuế.

CÁC PHƯƠNG ÁN TIẾP CẬN LƯƠNG HƯU

Các nước khác nhau có các quy định khác nhau về cách tiếp cận tiền tiết kiệm hưu trí. Vương quốc Anh có ba phương án chính:

- **Phương án 1** Lấy 100% lương hưu dưới dạng tiền mặt để chi tiêu hoặc đầu tư. Chỉ 25% ngân sách lương hưu có thể tiếp cận miễn thuế, phần còn lại sẽ bị đánh thuế như bất kỳ khoản tiết kiệm nào khác. Rủi ro của phương án này là sớm hay muộn cũng sẽ hết tiền mặt.
- **Phương án 2** Mua một khoản trợ cấp hằng năm. Đây là một sản phẩm bảo hiểm cung cấp một lượng tiền mặt cố định hằng năm đến hết đời. Trợ cấp hằng năm nghĩa là tiền sẽ không hết nhưng tỷ suất thu nhập sẽ thấp hơn.
- **Phương án 3** Sử dụng biện pháp giải ngân thu nhập. Điều này có nghĩa là rút lượng tiền đầu tư ra khi cần thiết. Rủi ro của phương án này là hết tiền nếu người ta rút ra quá nhiều hoặc quỹ vận hành kém.

"Bạn có thể trẻ và không có tiền, nhưng bạn không thể già mà không có tiền được."

Tennessee Williams, nhà soạn kịch Mỹ

Nghỉ hưu

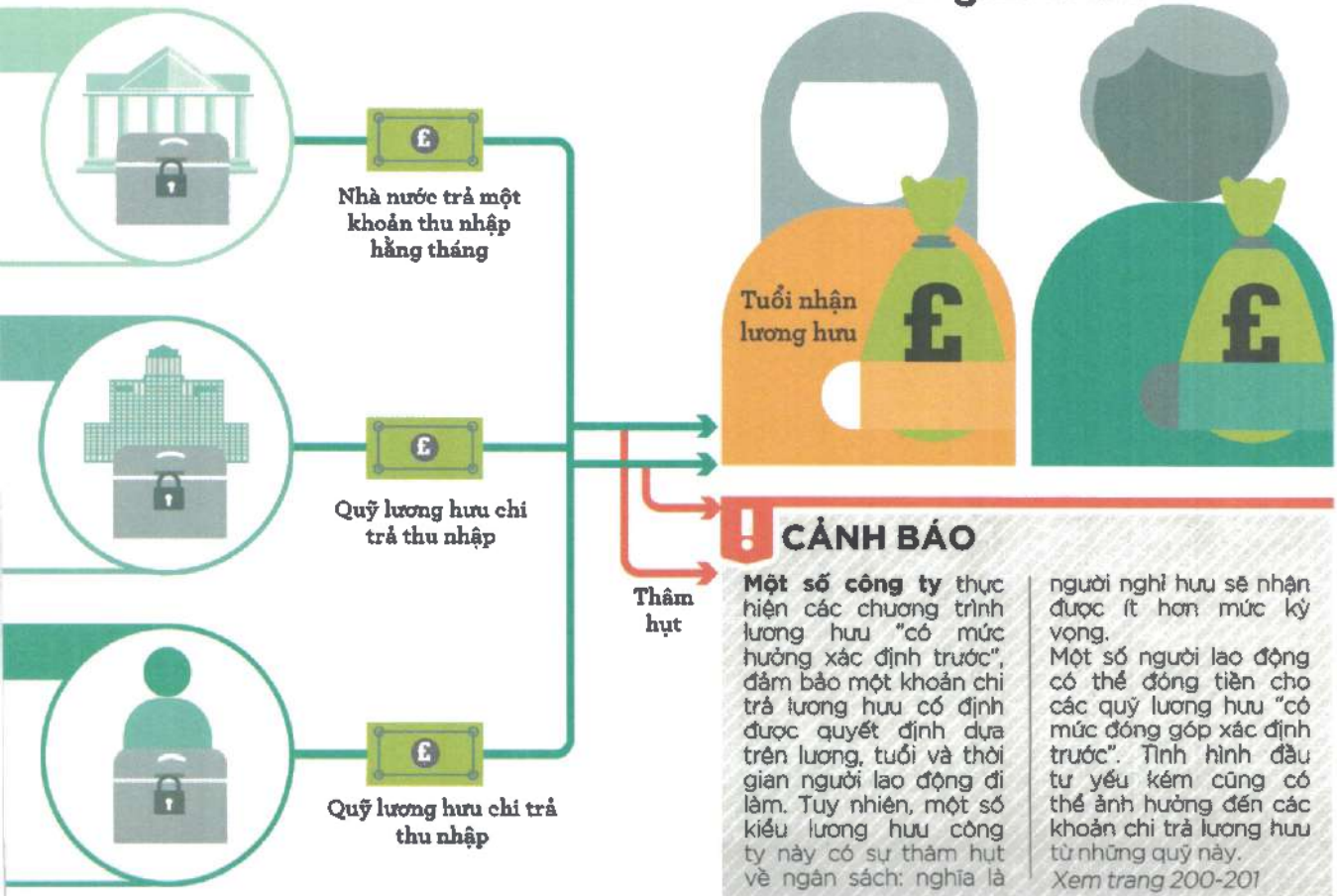

CẢNH BÁO

Một số công ty thực hiện các chương trình lương hưu "có mức hưởng xác định trước", đảm bảo một khoản chi trả lương hưu cố định được quyết định dựa trên lương, tuổi và thời gian người lao động đi làm. Tuy nhiên, một số kiểu lương hưu công ty này có sự thâm hụt về ngân sách: nghĩa là người nghỉ hưu sẽ nhận được ít hơn mức kỳ vọng.

Một số người lao động có thể đóng tiền cho các quỹ lương hưu "có mức đóng góp xác định trước". Tình hình đầu tư yếu kém cũng có thể ảnh hưởng đến các khoản chi trả lương hưu từ những quỹ này.

Xem trang 200-201

Tiết kiệm và đầu tư cho lương hưu

Khoản thu nhập mà lương hưu có thể mang lại trong giai đoạn hưu trí phụ thuộc vào việc người ta đã tiết kiệm được bao nhiêu tiền và các khoản đầu tư có kết quả tốt như thế nào.

Nó hoạt động như thế nào

Một số quốc gia trả lương hưu nhà nước cho người nghỉ hưu dựa vào phần đóng góp của người đóng thuế. Tuy nhiên, lương hưu nhà nước chỉ đủ cho tiêu chuẩn sống hết sức cơ bản và vì thế, các nước khuyến khích người dân tiết kiệm tiền trong khi vẫn đang đi làm để đảm bảo cho họ một khoản thu nhập gia tăng và có giai đoạn hưu trí dễ chịu hơn.

Gửi tiền vào một quỹ lương hưu tư nhân là cách phổ biến nhất. Lương hưu là một kế hoạch tiết kiệm dài hạn, trong đó tiền được đầu tư vào cổ phần, trái phiếu và các loại tài sản khác với mục đích thu được lợi nhuận. Càng nhiều tiền được tiết kiệm khi còn đang đi làm và các khoản đầu tư càng có kết quả tốt thì người ta càng có nhiều tiền để trang trải khi nghỉ hưu.

✓ CẦN BIẾT

- **Lương hưu nhà nước** Việc chi trả lương hưu được xác định dựa trên các phần đóng góp định kỳ của người đóng thuế.
- **Mức đóng góp xác định trước** Việc chi trả lương hưu được xác định dựa trên số tiền đã đóng vào quỹ đầu tư và vận hành của quỹ đó.
- **Mức hưởng xác định trước** Việc chi trả lương hưu từ một người sử dụng lao động được xác định dựa trên lương cuối hoặc lương trung bình.
- **SIPP (Self-invested personal pension)** Lương hưu cá nhân tự đầu tư, các khoản đầu tư do người tiết kiệm tự lựa chọn.

Đầu tư sớm mang lại thu nhập tối đa

Một người càng bắt đầu tiết kiệm tiền để gây quỹ lương hưu càng sớm thì càng tốt. Thứ nhất, họ sẽ chỉ cần phải để dành một khoản tiền ít hơn mỗi tháng để đạt được số tiền mong muốn khi nghỉ hưu. Thứ hai, một số người thuê lao động cũng đóng góp vào các khoản tiết kiệm hưu trí của nhân viên trong khi một số chính phủ cung cấp những ưu đãi thuế cho các khoản tiết kiệm hưu trí. Thứ ba, các khoản đầu tư sẽ phải mất nhiều thời gian mới có thể vượt qua những thăng giáng của thị trường, do đó những người tiết kiệm tiền sẽ được hưởng lợi nhiều hơn từ lãi suất vì lãi được cộng dồn qua nhiều năm.

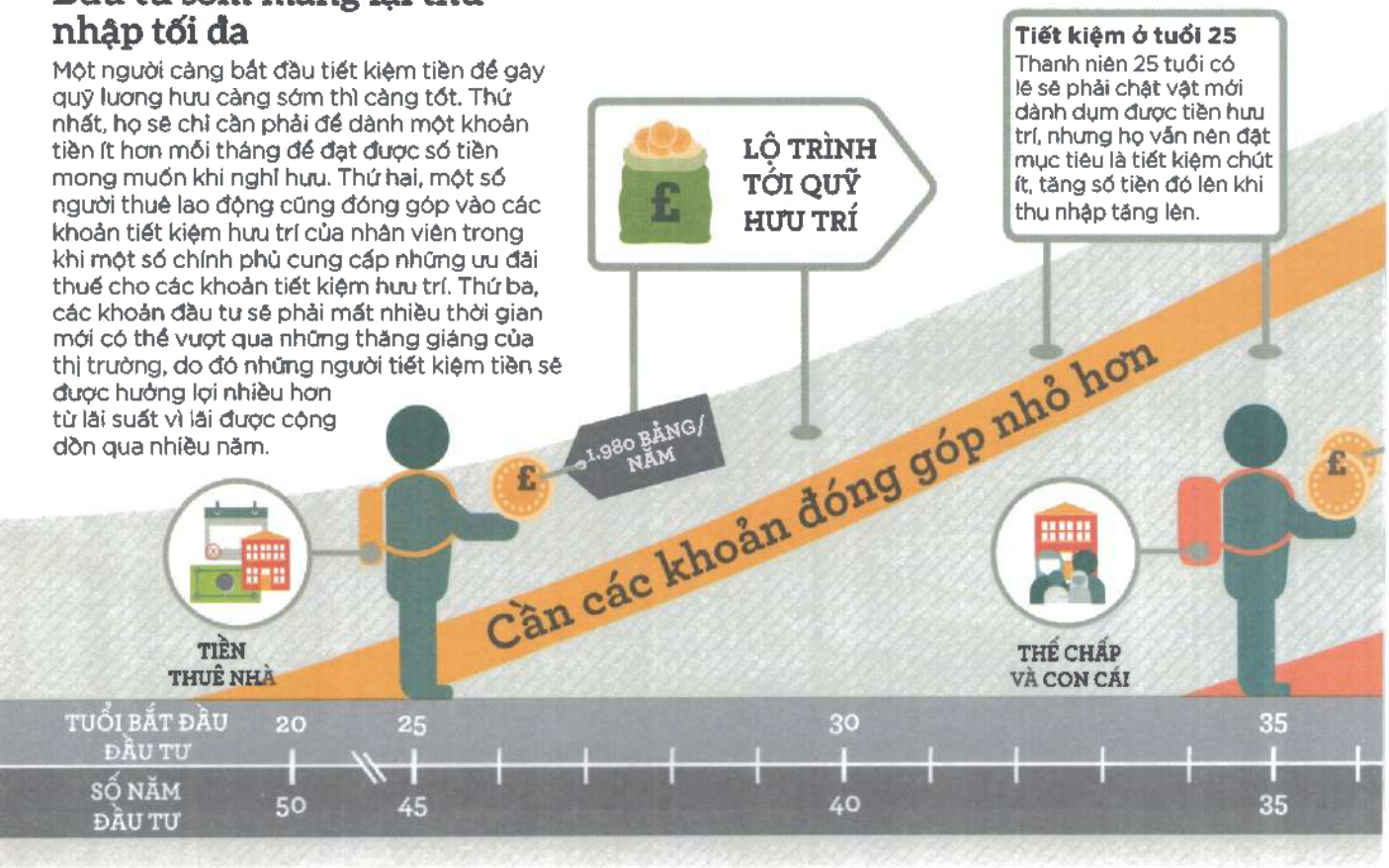

CÁC PHẦN ĐÓNG GÓP VÀO LƯƠNG HƯU

Những tính toán của Hiệp hội người tiêu dùng Anh cho thấy để đạt được thu nhập hưu trí hằng năm là 15.000 bảng ở tuổi 68, những người bắt đầu tiết kiệm tiền ở tuổi 25 cần phải để dành 165 bảng/tháng. Bắt đầu từ tuổi 35 sẽ đồng nghĩa với việc để dành ra 215 bảng/tháng.

Một nhà cố vấn tài chính chuyên nghiệp có thể tính toán chính xác số tiền một cá nhân cần để dành để đạt được mục tiêu hưu trí của mình, đồng thời cung cấp lời khuyên về các dạng lương hưu và các khoản đầu tư khả dĩ.

Lấy tuổi của một người chia đôi, ta được phần trăm tiền lương người đó cần để dành cho giai đoạn hưu trí khi bắt đầu gây quỹ lương hưu

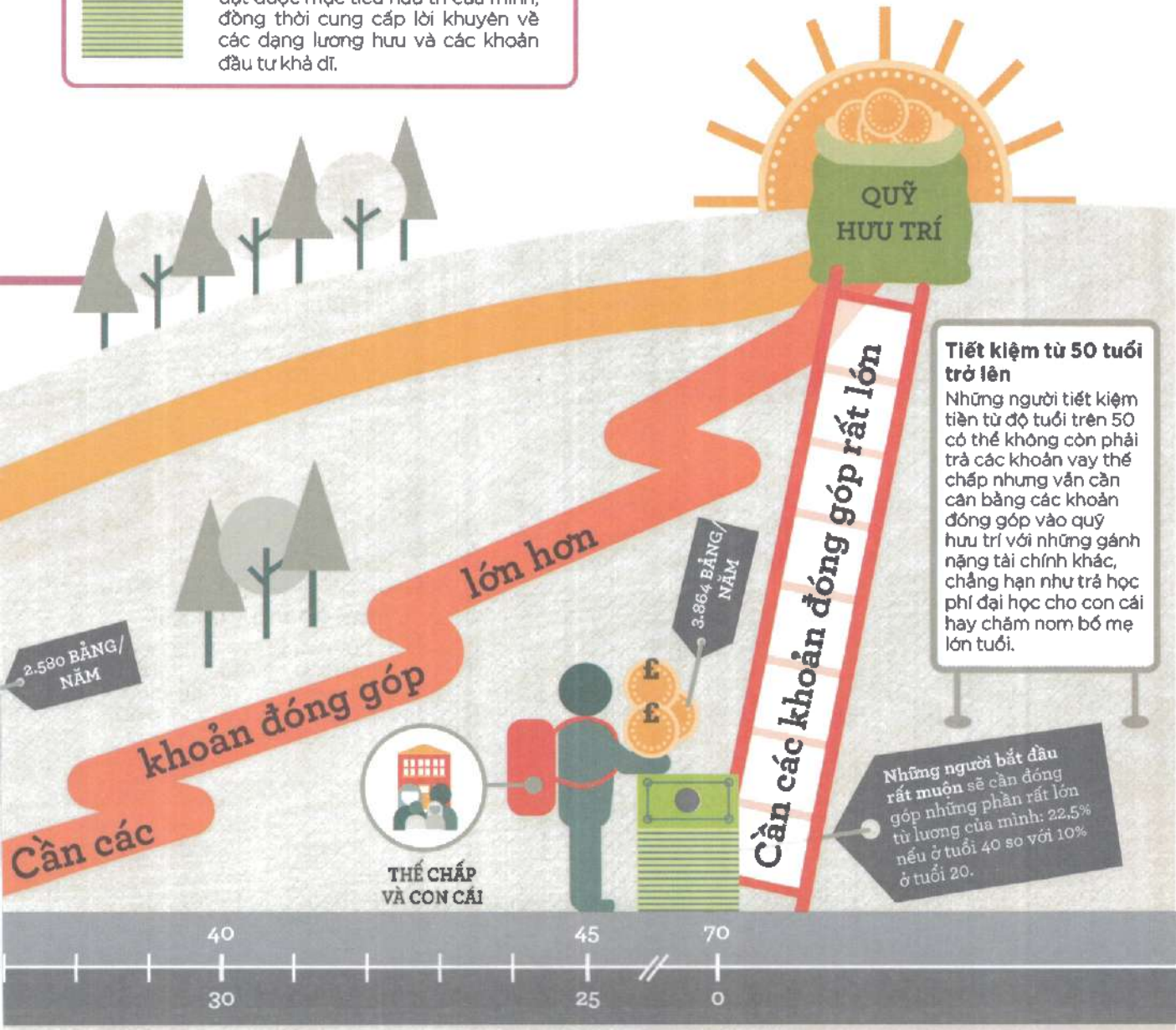

Tiết kiệm từ 50 tuổi trở lên
Những người tiết kiệm tiền từ độ tuổi trên 50 có thể không còn phải trả các khoản vay thế chấp nhưng vẫn cần cân bằng các khoản đóng góp vào quỹ hưu trí với những gánh nặng tài chính khác, chẳng hạn như trả học phí đại học cho con cái hay chăm nom bố mẹ lớn tuổi.

Những người bắt đầu rất muộn sẽ cần đóng góp những phần rất lớn từ lương của mình: 22,5% nếu ở tuổi 40 so với 10% ở tuổi 20.

Mức hưởng và mức đóng góp xác định trước

Các chương trình lương hưu của công ty hứa hẹn một mức lương hưu cố định hàng tháng được gọi là chương trình mức hưởng xác định trước. Hình thức này rủi ro cho người thuê lao động vì phải đóng góp bất kể tình hình của các khoản đầu tư hưu trí tốt xấu ra sao. "Lời hứa lương hưu" này dẫn tới việc một số quỹ lương hưu không đáp ứng được cam kết do các kết quả tài chính nghèo nàn của các chương trình lương hưu. Với các chương trình có mức đóng góp xác định trước, người lao động chính là người phải gánh chịu rủi ro đầu tư. Thành công của cả hai hình thức này đều phụ thuộc vào việc các khoản đầu tư vào lương hưu thuận lợi, nhưng nếu các quỹ có mức đóng góp xác định trước làm mất tiền, thì khoản lương hưu của một cá nhân có thể nhỏ hơn kỳ vọng khi người đó nghỉ hưu.

Tại sao lương hưu thất bại

Điều quan trọng là các cá nhân phải nhận được lời khuyên tài chính chuyên nghiệp tại các giai đoạn khác nhau của cuộc đời, để đảm bảo rằng khoản lương hưu của mình vẫn theo đúng kế hoạch nhằm có được mức thu nhập mong muốn khi về hưu. Một nhà cố vấn tài chính có thể cung cấp chỉ dẫn về số tiền nên tiết kiệm, cách tốt nhất để thanh toán tiền vào một quỹ hưu trí và bất kỳ việc gì cần làm để giảm rủi ro tiết kiệm lương hưu thất bại. Trong một số trường hợp, những người tiết kiệm tiền có thể được khuyên là tăng các phần đóng góp của mình lên hoặc đa dạng hóa các khoản đầu tư hưu trí của họ.

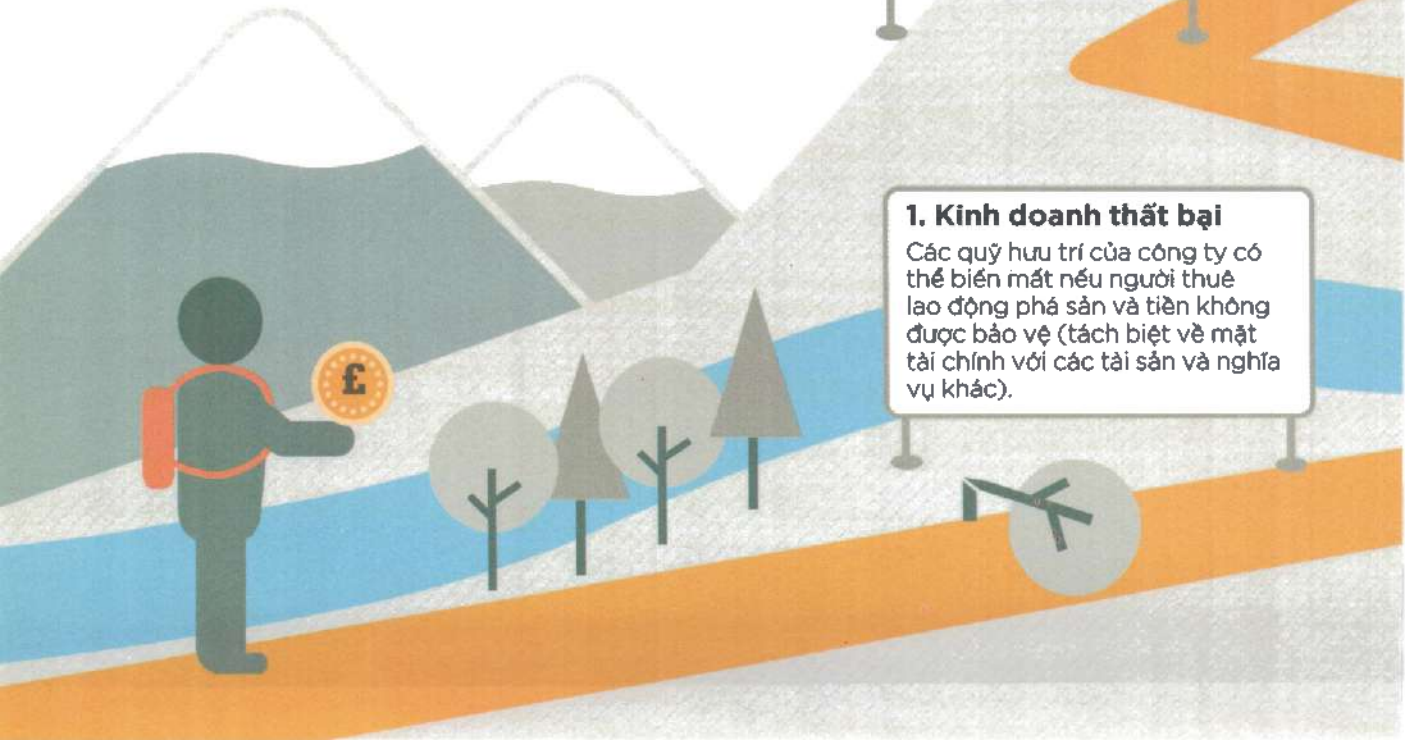

5. Lạm phát cao

Việc tăng chi phí sinh hoạt cần được phản ánh trong giá trị của quỹ lương hưu để đảm bảo rằng nó sẽ mang lại thu nhập thỏa đáng trong thời gian hưu trí.

3. Thuế

Lương hưu thường bị đánh thuế như với thu nhập, do đó những khoản thuế liên quan cần được tính đến khi thiết kế một khoản lương hưu.

1. Kinh doanh thất bại

Các quỹ hưu trí của công ty có thể biến mất nếu người thuê lao động phá sản và tiền không được bảo vệ (tách biệt về mặt tài chính với các tài sản và nghĩa vụ khác).

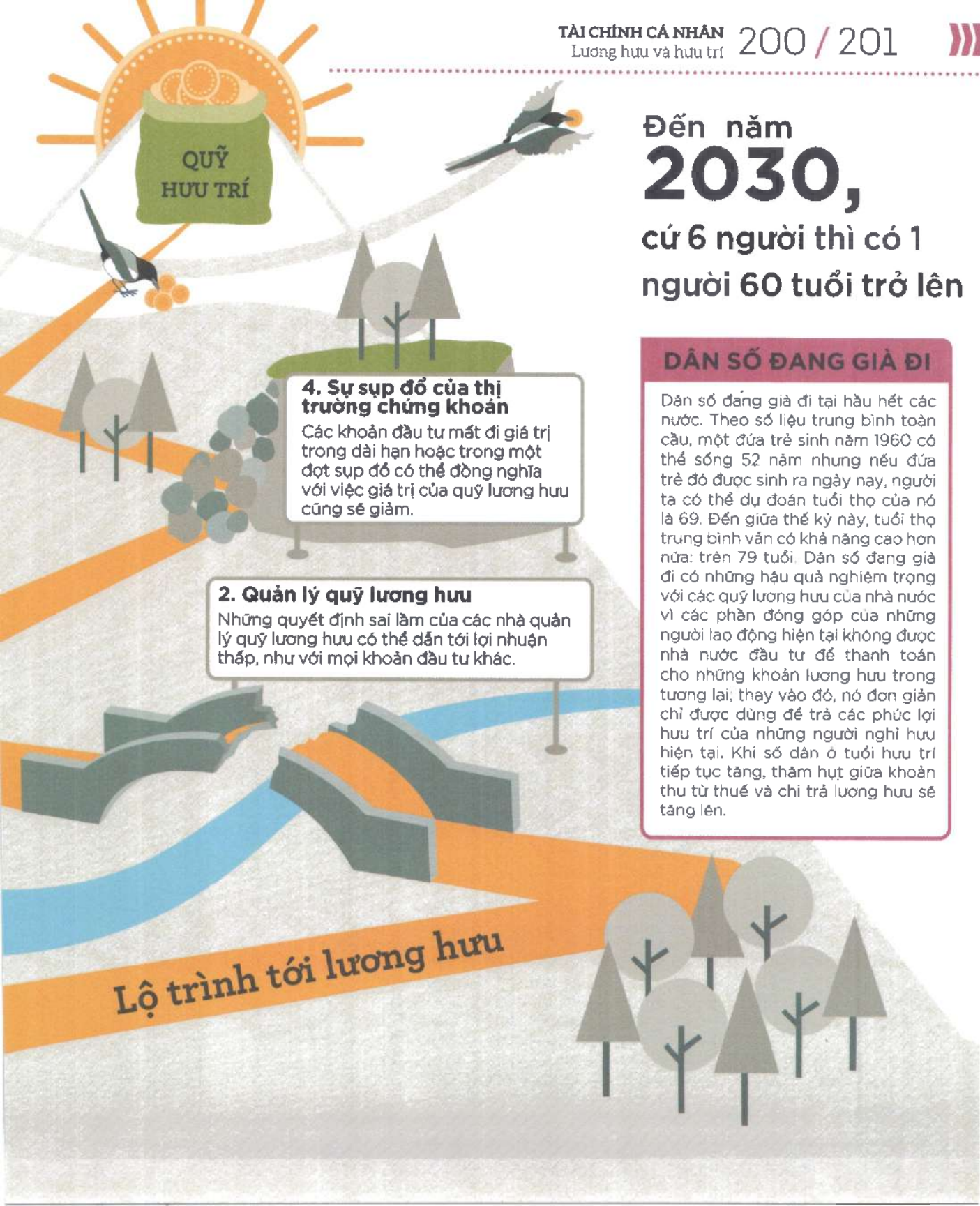

4. Sự sụp đổ của thị trường chứng khoán

Các khoản đầu tư mất đi giá trị trong dài hạn hoặc trong một đợt sụp đổ có thể đồng nghĩa với việc giá trị của quỹ lương hưu cũng sẽ giảm.

2. Quản lý quỹ lương hưu

Những quyết định sai lầm của các nhà quản lý quỹ lương hưu có thể dẫn tới lợi nhuận thấp, như với mọi khoản đầu tư khác.

Đến năm 2030, cứ 6 người thì có 1 người 60 tuổi trở lên

DÂN SỐ ĐANG GIÀ ĐI

Dân số đang già đi tại hầu hết các nước. Theo số liệu trung bình toàn cầu, một đứa trẻ sinh năm 1960 có thể sống 52 năm nhưng nếu đứa trẻ đó được sinh ra ngày nay, người ta có thể dự đoán tuổi thọ của nó là 69. Đến giữa thế kỷ này, tuổi thọ trung bình vẫn có khả năng cao hơn nữa: trên 79 tuổi. Dân số đang già đi có những hậu quả nghiêm trọng với các quỹ lương hưu của nhà nước vì các phần đóng góp của những người lao động hiện tại không được nhà nước đầu tư để thanh toán cho những khoản lương hưu trong tương lai, thay vào đó, nó đơn giản chỉ được dùng để trả các phúc lợi hưu trí của những người nghỉ hưu hiện tại. Khi số dân ở tuổi hưu trí tiếp tục tăng, thâm hụt giữa khoản thu từ thuế và chi trả lương hưu sẽ tăng lên.

Biến lương hưu thành thu nhập

Khi nghỉ hưu, những người có tiền tiết kiệm có thể đầu tư tiền từ quỹ lương hưu của mình để mang lại cho bản thân một khoản thu nhập thường xuyên cố định, rút tiền mặt gọn một lần hoặc nhiều lần, hoặc chọn một phương án kết hợp cả hai lựa chọn trên.

Nó hoạt động như thế nào

Có hai lựa chọn chính để biến lương hưu tiết kiệm được thành thu nhập. Lựa chọn thứ nhất bao gồm việc mua một sản phẩm bảo hiểm sẽ mang lại một khoản tiền cố định như một thu nhập hằng tháng hoặc hằng năm cho đến hết đời. Điều này được gọi là tiền trợ cấp hằng năm và cũng được biết đến với tên gọi "các khoản chi trả đều đặn" hay "dòng thu nhập hưu trí". Lựa chọn thứ hai là rút các khoản tiết kiệm hưu trí ra thành tiền mặt, gọn một lần hoặc nhiều lần, còn phần tiền còn lại được mang đi đầu tư. Rút tiền và để lại một phần để đầu tư theo cách này được gọi là giải ngân thu nhập. Những người tiết kiệm tiền có thể kết hợp một khoản tiền trợ cấp hàng năm với những lần rút tiền mặt với nhau.

Các lựa chọn về lương hưu

Các lựa chọn khả dụng đối với những người nghỉ hưu sẽ phụ thuộc vào dạng lương hưu mà họ có (mức hưởng xác định trước hay mức đóng xác định trước), quy mô quỹ hưu trí của họ và các luật, quy định thuế tại nước họ đang sống.

Tiền mặt trả gọn một lần

Một số chương trình lương hưu cho phép người tiết kiệm tiền rút một phần hoặc toàn bộ lương hưu dưới dạng tiền mặt trả gọn một lần khi nghỉ hưu. Sau đó, những người nghỉ hưu có thể chi tiêu, đầu tư hay để dành tiền lương hưu của mình theo cách họ cảm thấy phù hợp. Tuy nhiên, phương pháp này có rủi ro là sớm hay muộn cũng sẽ hết tiền, đặc biệt nếu họ sống thọ.

Phần trăm miễn thuế

Cách đánh thuế các khoản tiền tiết kiệm hưu trí khác nhau ở mỗi quốc gia. Ví dụ, tại Vương quốc Anh, người tiết kiệm tiền có thể được miễn thuế 25% tổng tiền hưu trí, dù là rút gọn một lần hay chia thành nhiều lần. Phần còn lại sẽ bị đánh thuế ở mức cận biên (mức thuế đối với các khoản thu nhập trong các nhóm thuế thu nhập) bên cạnh các thu nhập khác.

LÀM THẾ NÀO ĐỂ HỢP NHẤT CÁC KHOẢN LƯƠNG HƯU?

Hầu hết mọi người sẽ phải đóng tiền hưu trí tại nhiều tổ chức khác nhau do họ chuyển từ nhà tuyển dụng này tới nhà tuyển dụng khác theo thời gian. Kết quả là họ khó có thể theo dõi từng quỹ lương hưu của mình đang được vận hành như thế nào, bao nhiêu tiền đã được tiết kiệm trong các quỹ đó và tình hình hiện tại của chúng ra sao. Việc hợp nhất các khoản lương hưu vào một kế hoạch khiến người tiết kiệm tiền có thể theo dõi các khoản tiết kiệm hưu trí của mình dễ dàng hơn – và việc đó cũng có thể giúp tiết kiệm thêm tiền nhờ giảm phí và chi phí hành chính. Tuy nhiên, một số chương trình hưu trí cũ hơn có những phúc lợi tốt hơn có thể bị mất đi nếu tất cả các kế hoạch hưu trí được gộp lại vào một quỹ duy nhất.

! CẢNH BÁO

Tất cả các chương trình lương hưu đều có những quy định rất nghiêm ngặt, do đó, nếu người tiết kiệm tiền nhận được một bức thư, cuộc gọi hay thư điện tử gợi ý rằng việc vi phạm những quy định này sẽ không bị phạt, thì cần phải cảnh giác. Những kẻ lừa đảo cố gắng dụ dỗ những người tiết kiệm tiền trao các quỹ lương hưu của họ cho chúng bằng cách nói về:

- Một khoản đầu tư hoặc các cơ hội kinh doanh hái ra tiền khác
- Các cách thức mới để đầu tư tiền lương hưu của họ
- Tiếp cận tiền lương hưu của họ trước khi đến tuổi nghỉ hưu

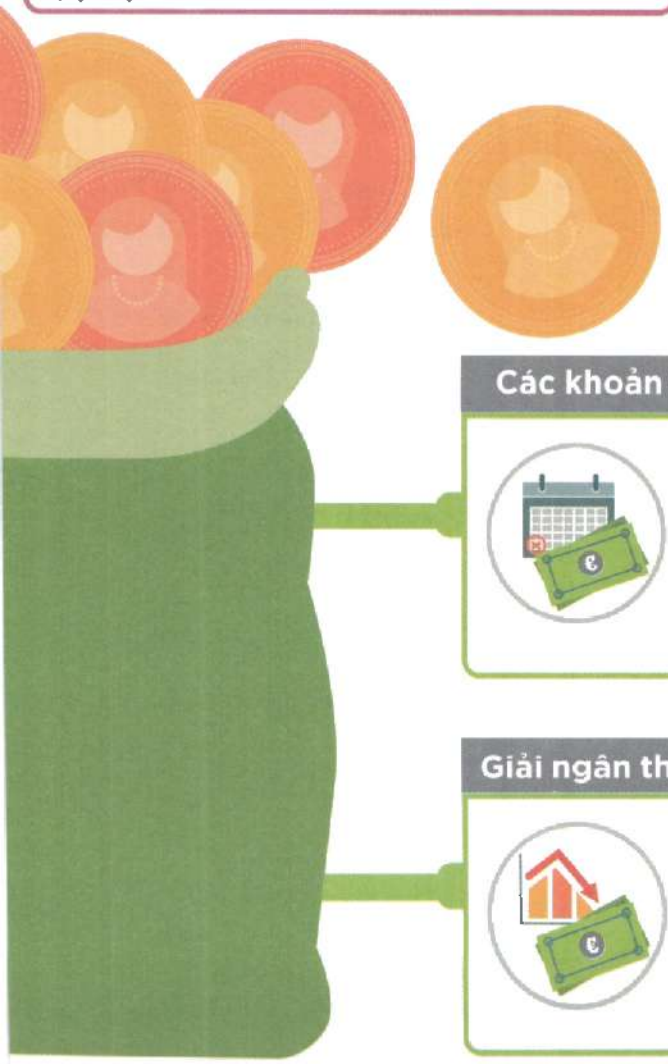

Năm 1891 là năm quỹ lương hưu đầu tiên trên thế giới dành cho tuổi già được triển khai tại Đức

Các khoản trợ cấp hằng năm

Một khoản trợ cấp hằng năm là một sản phẩm bảo hiểm mang lại thu nhập cố định hằng tháng hoặc hằng năm đến hết đời. Ví dụ, khoảng 80% các quỹ lương hưu được chuyển thành các khoản trợ cấp hằng năm tại Thụy Sĩ nhưng ở Úc thì lại ít hơn rất nhiều. Một thay đổi về quy định tại Vương quốc Anh đồng nghĩa với việc những người tiết kiệm tiền không còn nghĩa vụ pháp lý phải mua một khoản trợ cấp hằng năm khi nghỉ hưu nữa.

Giải ngân thu nhập

Một số kế hoạch lương hưu đưa ra lựa chọn là liên tục đầu tư tiền – và hy vọng mang lại các khoản lợi nhuận thích đáng – đồng thời cho phép rút tiền mặt khi cần. Tuy nhiên, nếu quá nhiều tiền mặt bị rút ra, hay kết quả đầu tư tồi tệ, thì người tiết kiệm có nguy cơ bị mất sạch tiền.

Nợ

Đây là khoản tiền mà một bên này vay từ các bên khác. Vay tiền là khi các doanh nghiệp và cá nhân thực hiện những thương vụ mua lớn mà nếu không vay thì sẽ không chi trả được. Họ trả tiền lãi, một loại phí được tính cho đặc quyền vay tiền, thường là một số phần trăm của số tiền đã vay. Các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác đưa ra các dạng sản phẩm vay tiêu dùng khác nhau, từ thấu chi ngân hàng và thẻ tín dụng đến vay thế chấp và vay thường.

Các cách vay tiền

Có nhiều tổ chức tài chính sẵn sàng và có khả năng cho các cá nhân vay tiền và mỗi tổ chức lại đưa ra một số sản phẩm tài chính khác nhau. Người vay tiền cần nghiên cứu các lựa chọn phù hợp nhất với hoàn cảnh của họ.

Vay thường

Các khoản vay cá nhân cho phép người vay vay gọn một khoản tiền mà sau đó sẽ được trả lại theo những kỳ cố định trong một khoảng thời gian đã được thỏa thuận trước. Các khoản vay có thể có đảm bảo hoặc không đảm bảo. *Xem trang 210-211*

- **Các loại hình vay tiền** Có nhiều loại hình vay tiền như vay mua xe, vay học phí, hợp nhất nợ và vay nóng.
- **Người cho vay** Các ngân hàng, các hiệp hội nhà ở và các tổ chức tài chính khác đều cung cấp các khoản vay.

Thẻ tín dụng

Các thẻ này đưa ra một dạng tín dụng xoay vòng, cho phép người vay mua sắm mà không cần dùng tiền của chính họ và hoàn trả hằng tháng, hoặc muộn hơn với một khoản phí gia tăng. *Xem trang 218-219*

- **Tín dụng trả góp** Trái với tín dụng xoay vòng – tiền được hoàn trả dưới dạng trả góp nhiều kỳ.
- **Các thẻ hai mục đích** Tại một số nước, các ngân hàng phát hành các thẻ vừa cho vay ghi nợ vừa là thẻ tín dụng.

Bảng kê

CÁC GIAO DỊCH

CÁC GIAO DỊCH

VAY THẾ CHẤP

THẺ TÍN DỤNG

VAY MUA XE

LƯƠNG

TIỀN MẶT

PHÍ THẤU CHI

TỔNG HIỆN TẠI

SỐ DƯ CUỐI KỲ

1.496 nghìn tỷ bảng

là số tiền người dân tại Vương quốc Anh đang nợ

ĐÁNH GIÁ TÍN DỤNG

Đánh giá tín dụng là ước đoán của người cho vay tiền về khả năng thực hiện đầy đủ cam kết tài chính của một cá nhân hay tổ chức dựa trên lịch sử tín dụng của họ. Nó có thể được dùng để giúp những người cho vay quyết định cho ai vay tiền, cho vay bao nhiêu và, trong một số trường hợp, tính lãi bao nhiêu.

Mức nợ hiện hữu cao, thanh toán sót hoặc muộn một khoản nợ hay thẻ tín dụng, có lịch sử yêu cầu tín dụng nhiều lần, tất cả những điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến đánh giá tín dụng của một cá nhân.

Các cá nhân có thể kiểm tra báo cáo tín dụng của mình thông qua một số trang web và nếu cần, thực hiện các biện pháp để cải thiện đánh giá tín dụng của mình.

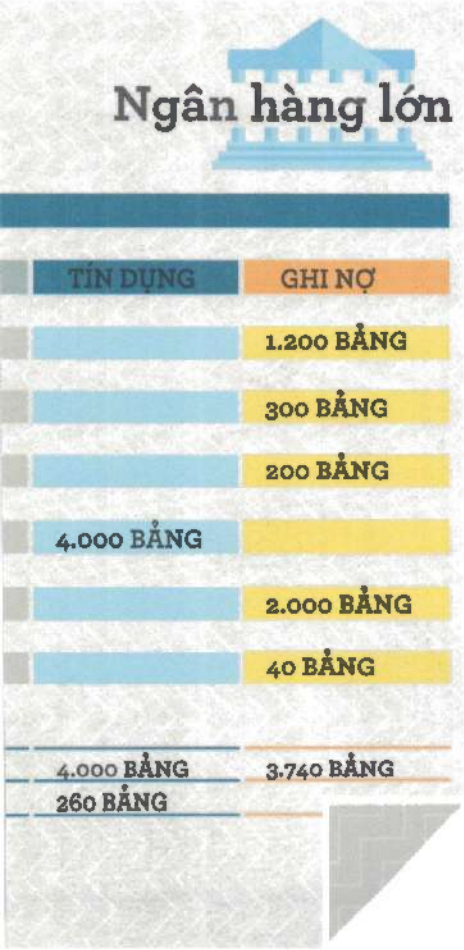

Vay thế chấp

Vay thế chấp là một khoản vay dài hạn hơn được dùng để mua một bất động sản, chính là thứ dùng để đảm bảo cho khoản vay. Người cho vay có thể thu hồi bất động sản nếu số tiền vay thế chấp không được hoàn trả như đã thỏa thuận. *Xem trang 212-215*

- **Thanh toán vay thế chấp** Các khoản thanh toán này bao gồm thanh toán vốn – ứng với số tiền đã vay – cộng với tiền lãi.

Vay trên giá trị (Loan-to-value – LTV) Đây là giá trị vay thế chấp được tính theo phần trăm giá bán của bất động sản.

Hiệp hội tín dụng

Các hiệp hội tín dụng là những tổ chức cộng đồng phi lợi nhuận cung cấp các dịch vụ tiết kiệm, tín dụng và tài chính khác cho các thành viên của mình. Những người vay tiền cần là thành viên của hiệp hội tín dụng để có thể vay tiền từ hiệp hội đó. *Xem trang 216-217*

- **Quy mô và tài sản** của các hiệp hội tín dụng là rất khác nhau
- **Sở hữu** Các hiệp hội tín dụng không có cổ đông, chỉ có các thành viên.

Tại sao người ta vay nợ

Người ta sử dụng khoản tiền vay để thực hiện việc mua sắm hoặc đầu tư mà bình thường họ có thể chi trả được. Vay tiền để đầu tư có thể mang lại lợi nhuận lớn hơn bất kỳ cách nào khác, nhưng các khoản nợ phải được hoàn trả đầy đủ cộng với tiền lãi.

Nó hoạt động như thế nào

Các nước, công ty và cá nhân đều dùng tiền đi vay để vận hành. Vay nợ có thể là một phương pháp hữu hiệu để dàn trải chi phí mua sắm, đầu tư hoặc quản lý tài chính. Tuy nhiên, rất nguy hiểm nếu số tiền đi vay này không thể hoàn trả được. Vay thế chấp để mua một bất động sản là ví dụ về một khoản "nợ tốt" vì ít người có khả năng mua một ngôi nhà ngay lập tức.

Có rất nhiều ví dụ về các khoản "nợ xấu", trong đó người ta vay tiền, thường là với mức lãi suất cao, để thực hiện những giao dịch được cho là không cần thiết. Những người làm như vậy có thể nhận thấy chỉ việc thanh toán tiền lãi cho khoản vay của họ cũng đã là quá sức. Điều này có thể dẫn tới việc cần phải vay thêm tiền chỉ để trang trải tiền lãi và những người đi vay không bao giờ trả được phần vốn vay ban đầu.

Đòn bẩy

Lực của đòn bẩy, hay tác dụng đòn bẩy, là việc sử dụng tiền vay được để nhân doanh thu (hay thua lỗ) lên nhiều lần. Nó được các công ty cũng như các cá nhân sử dụng trong thị trường chứng khoán.

MUA BẰNG TIỀN MẶT

Người mua A mua một chiếc xe Jaguar dòng E.

Người mua A trả cho người bán gọn một khoản 50.000 bảng.

SỬ DỤNG TIỀN VAY ĐƯỢC

Đòn bẩy bao gồm việc mua nhiều hơn một tài sản bằng cách sử dụng các khoản tiền vay, với niềm tin rằng tài sản sẽ tăng giá nhiều hơn chi phí vay tiền. Trong ví dụ này, Người mua B mua 10 chiếc Jaguar dòng E bằng cách chia 50.000 bảng tiền mặt của mình (vốn chủ sở hữu) thành 10 lần trả trước trị giá 5.000 bảng và vay thêm 450.000 bảng. Điều này có nghĩa là người mua "có đòn bẩy tài chính cao" vì tỷ lệ giữa tiền nợ so với vốn chủ sở hữu là cao. Nó rủi ro vì 450.000 bảng đi vay (cộng tiền lãi) sẽ phải được hoàn trả bất kể giá bán của những chiếc xe này là bao nhiêu.

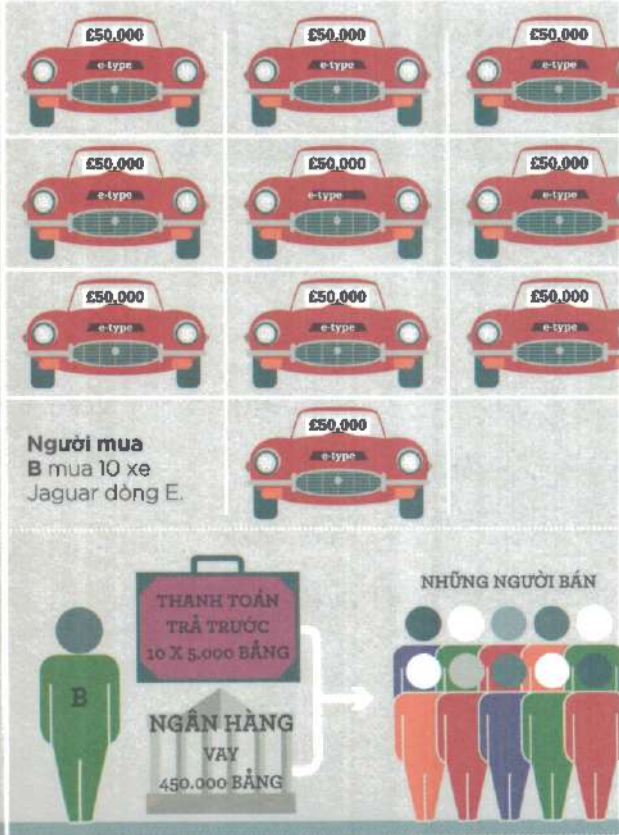

CẢNH BÁO

- **Chi phí vay** Các chi phí có thể cao hơn thu nhập từ các tài sản mua được đem lại.
- **Giá trị tài sản có thể giảm** Nếu điều này xảy ra, việc bán các tài sản sẽ không hoàn trả được khoản nợ gốc.
- **Mức lãi có thể tăng** Điều này có thể đồng nghĩa với việc chi phí vay cao hơn giá trị của tài sản, ngay cả khi giá trị tài sản tăng.

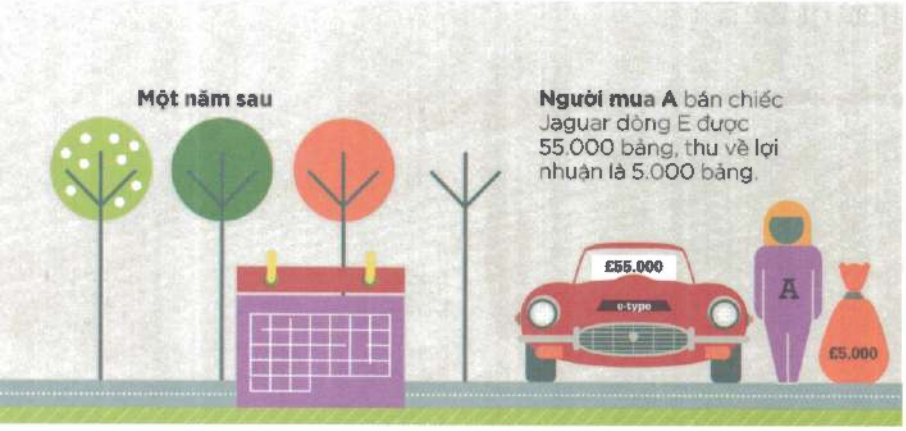

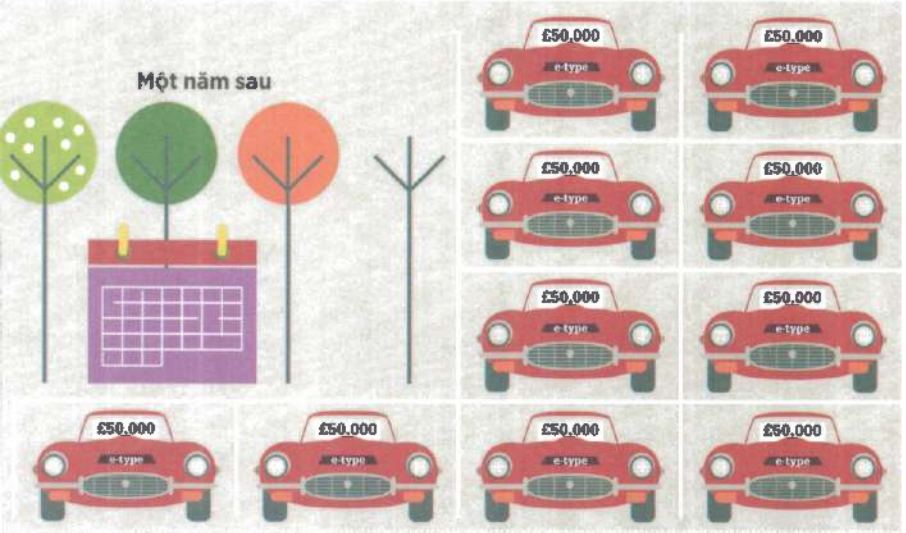

TĂNG GIÁ TRỊ CỦA XE

Người mua B thu về lợi nhuận lớn do tiền lời được nhân lên 10 lần khi bán toàn bộ số xe với lợi nhuận 5.000 bảng một chiếc. Lãi gộp là 50.000 bảng; lãi ròng có thể được tính bằng cách trừ đi các khoản thanh toán tiền lãi. Tuy nhiên, cũng có khả năng mất nhiều tiền hơn nếu xe mất giá.

Người mua B thu về lãi gộp là 50.000 bảng

265%

là tỷ lệ nợ gia đình so với thu nhập gia đình tại Đan Mạch, mức cao nhất thế giới

LÃI VÀ PHÁ SẢN

Lãi

Đây là chi phí phải trả để vay được tiền. Nó được thể hiện dưới dạng phần trăm của số tiền vay được. Các sản phẩm cho vay khác nhau có những mức lãi suất khác nhau. Lãi suất có thể được cố định trong một khoảng thời gian nhất định hoặc "biến thiên", nghĩa là nó có thể thay đổi. Điều rất quan trọng là các cá nhân phải tính đến chi phí trả lãi khi vay tiền để đầu tư.

Phá sản

Đây là một quá trình pháp lý giải phóng một cá nhân (hoặc công ty) khỏi hầu hết mọi khoản nợ. Các cá nhân (hoặc công ty) có thể tuyên bố phá sản nếu họ không thấy có khả năng hoàn trả các khoản nợ của mình trong thực tế. Người ta có thể dùng phá sản để bắt đầu lại từ đầu, nhưng hậu quả tài chính có thể tác động tiêu cực đến đánh giá tín dụng của một cá nhân, do đó ảnh hưởng đến khả năng vay tiền của họ trong tương lai.

Lãi đơn và lãi kép

Khi tiền được gửi tiết kiệm, nó "kiếm được" lãi đơn. Lãi kép dồn lại nếu nhà đầu tư tái đầu tư, tức là không rút lãi ra.

Hiệu ứng quả cầu tuyết

Nếu một quả cầu tuyết được lăn xuống một con dốc, nó sẽ lớn dần do thu gom được thêm tuyết. Tốc độ của quả cầu tuyết cũng tăng lên khi nó lăn xuống dốc, vì diện tích bề mặt của nó lúc này đã lớn hơn nên tiếp xúc (dính) với tuyết nhiều hơn. Do vậy, nếu có đủ thời gian, một quả cầu tuyết tí hon có thể trở thành khổng lồ. Lãi kép được mô tả như một "hiệu ứng quả cầu tuyết" vì nó diễn ra chủ yếu theo cách này, nghĩa là một khoản đầu tư nhỏ có thể mang lại lợi nhuận lớn hơn một khoản đầu tư mà tiền lãi được thanh toán cho nhà đầu tư hàng năm.

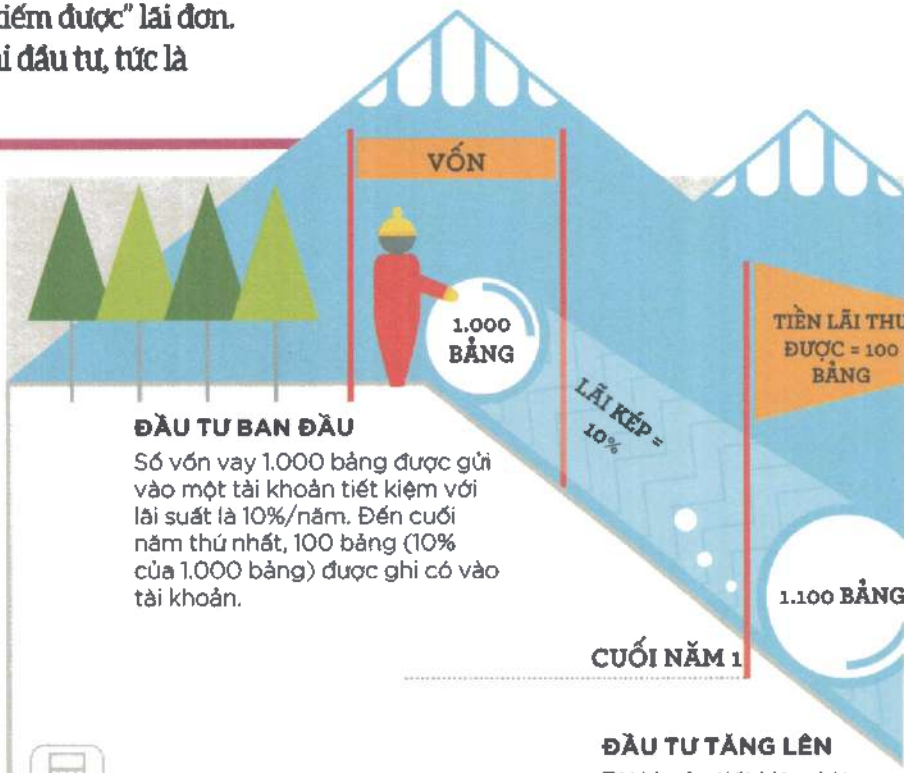

ĐẦU TƯ BAN ĐẦU

Số vốn vay 1.000 bảng được gửi vào một tài khoản tiết kiệm với lãi suất là 10%/năm. Đến cuối năm thứ nhất, 100 bảng (10% của 1.000 bảng) được ghi có vào tài khoản.

ĐẦU TƯ TĂNG LÊN

Tài khoản tiết kiệm hiện có 1.100 bảng, sau đó nhận thêm 110 bảng (10% của 1.100 bảng) trong năm thứ hai. Đến cuối năm thứ hai, tài khoản có số dư là 1.210 bảng.

Công thức tính lãi kép

A là số tiền cuối cùng trong tài khoản tiết kiệm sau T năm hưởng lãi kép N lần, với mức lãi suất là R cho khoản tiền ban đầu là P.

$$A = P\,(1 + R/N)^{NT}$$

- A: Số tiền cuối
- P: Khoản tiền ban đầu (gốc)
- R: Mức lãi suất
- N: Tần suất lãi kép/năm
- T: Thời gian (năm)

CẦN BIẾT

- **Tiền vốn vay** Khoản vốn gốc được đầu tư hoặc vay.
- **Tần suất lãi kép** Số lần tiền lãi được cộng dồn vào tiền vốn vay trong một năm. Ví dụ, nếu tiền lãi được cộng vào hằng tháng thì tần suất lãi kép là 12.
- **Lãi suất thực tế (EIR)** Còn được gọi là lãi suất thực hưởng (annual equivalent rate – AER). Xét đến tần suất lãi kép trong một khoảng thời gian nhất định, do đó có thể được dùng để so sánh các sản phẩm tài chính có tần suất lãi kép khác nhau.

Nó hoạt động như thế nào

Lãi là chi phí cho việc vay tiền, ví dụ như từ một ngân hàng, và nó được tính là phần trăm của số tiền cho vay. Khi tiền được gửi tiết kiệm, người ta gọi là nó được đem cho tổ chức tài chính vay, sau đó nhà đầu tư được nhận tiền lãi, nghĩa là số vốn ban đầu "kiếm được" lãi.

Với lãi đơn, tiền được thanh toán cho nhà đầu tư hàng năm. Lãi kép là lãi được trả trên những khoản lãi đơn đã được tái đầu tư và áp dụng cho cả tiền tiết kiệm và tiền vay. Lãi đơn từ năm đầu tiên được cộng vào số tiền ban đầu nên đến năm thứ hai, lãi được trả cho vốn ban đầu cộng với lãi dồn lại. Vào năm thứ ba, lãi được trả cho tiền vốn ban đầu cộng với lãi của hai năm đầu tiên, cứ như vậy.

"Lãi kép là kỳ quan thứ tám của thế giới. Ai hiểu nó sẽ kiếm được tiền nhờ nó; ai không hiểu nó sẽ phải trả giá vì nó."

Albert Einstein, nhà vật lý gốc Đức

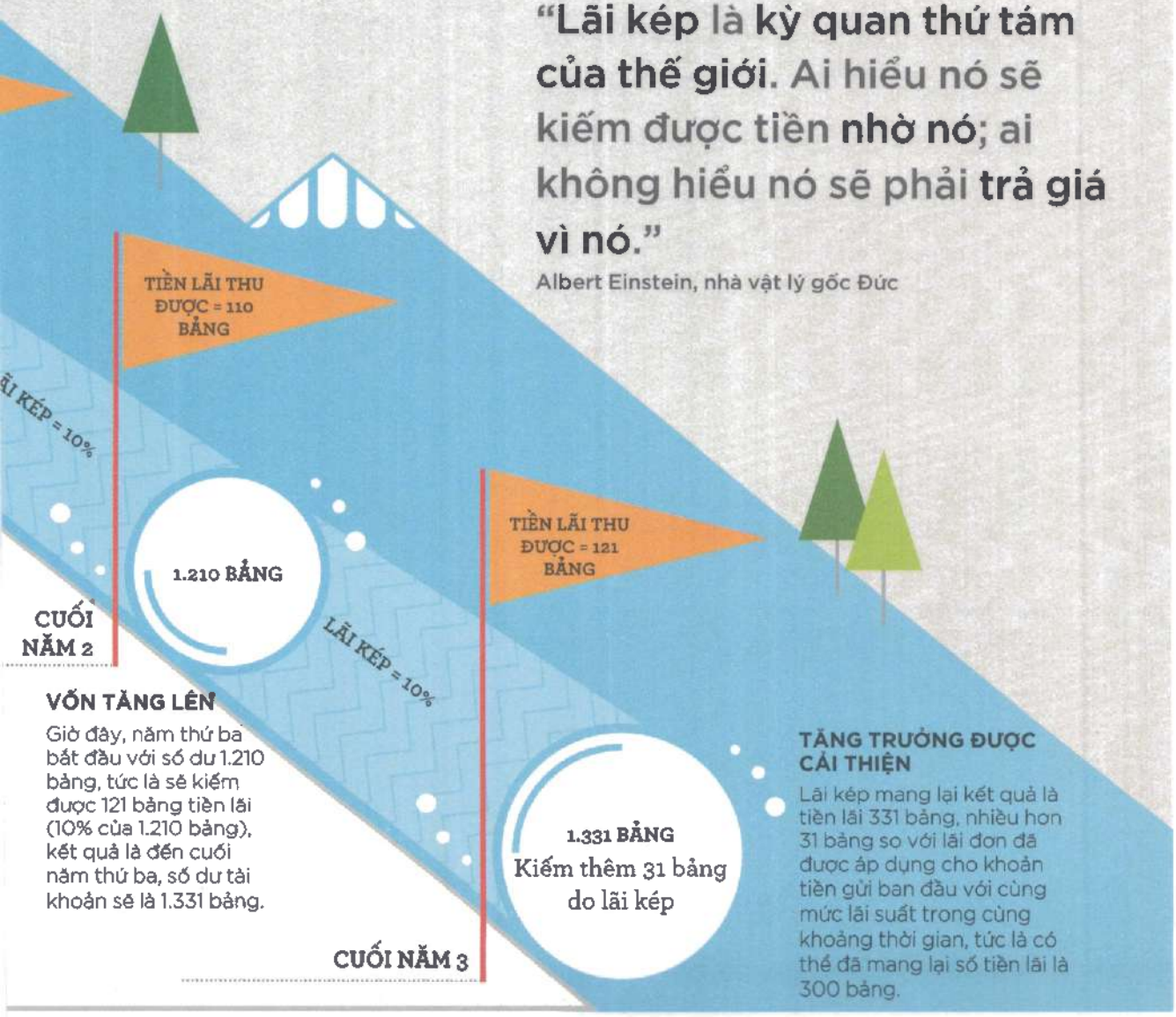

VỐN TĂNG LÊN

Giờ đây, năm thứ ba bắt đầu với số dư 1.210 bảng, tức là sẽ kiếm được 121 bảng tiền lãi (10% của 1.210 bảng), kết quả là đến cuối năm thứ ba, số dư tài khoản sẽ là 1.331 bảng.

TĂNG TRƯỞNG ĐƯỢC CẢI THIỆN

Lãi kép mang lại kết quả là tiền lãi 331 bảng, nhiều hơn 31 bảng so với lãi đơn đã được áp dụng cho khoản tiền gửi ban đầu với cùng mức lãi suất trong cùng khoảng thời gian, tức là có thể đã mang lại số tiền lãi là 300 bảng.

Tiền vay

Tiền vay mang lại một khoản tiền cố định sẽ phải hoàn trả cùng với tiền lãi trong một khoản thời gian cố định. Các khoản vay cá nhân có thể được sử dụng tùy ý người vay nhưng một số dạng vay khác có một mục đích cụ thể.

Nó hoạt động như thế nào

Tiền vay cho phép các cá nhân mượn được một khoản tiền để sử dụng trong ngắn hạn, sau đó họ phải hoàn trả theo dạng trả góp tại những khoảng thời gian nhất định trong một giai đoạn dài hạn hơn đã được thỏa thuận. Ví dụ, một người có thể mượn 10.000 bảng và hoàn trả trong 5 năm. Cùng với việc hoàn trả tiền gốc, người vay cũng phải trả tiền lãi. Các khoản trả nợ định kỳ được tính toán để người vay hoàn trả một phần tiền vốn và một phần tiền lãi trong mỗi lần thanh toán.

Tiền vay có thể được sử dụng như một phương án thay thế phải chăng hơn cho những biện pháp mượn tiền khác như vay thấu chi và thẻ tín dụng. Nếu một khoản vay được "đảm bảo" bởi một tài sản (như một ngôi nhà) và tiền vay không được thanh toán đúng hạn, người cho vay có quyền lấy tài sản đó. Thông thường, khoản vay đảm bảo ít tốn kém cho người vay hơn là một khoản vay không đảm bảo. Vay thế chấp là một dạng vay đảm bảo được dùng để mua bất động sản mà không cần phải thanh toán toàn bộ giá trị vật mua ngay từ đầu.

Nhiều tổ chức, bao gồm ngân hàng, hiệp hội nhà ở, người cho vay nặng lãi, hiệp hội tín dụng, siêu thị và những người cho vay ngang hàng, đều bán các khoản vay. Những người môi giới vay cũng có thể chào bán các khoản vay từ các nhà cho vay khác nhau.

✓ CẦN BIẾT

- **APR (lãi suất phần trăm bình quân năm)** Lãi suất hằng năm phải trả (cho các khoản vay), có tính cả những khoản phí khác.
- **AER (lãi suất thực hưởng)** Dùng cho các tài khoản tiết kiệm, AER xét đến tần suất thanh toán lãi cũng như tác động của lãi kép.

! CẦN BIẾT

Cho vay nặng lãi được thiết kế để trang trải những thâm hụt tài chính ngắn hạn. Ý tưởng ở đây là người ta sẽ trả lại khoản nợ vào ngày thanh toán lương tiếp theo. Khách hàng thường trả khoảng 25 bảng để vay 100 bảng trong 28 ngày, tương đương với APR là trên 4.000%. Họ cũng phải trả phí khi thanh toán không đúng hạn hoặc gia hạn khoản vay.

5.583% là APR của công ty cho vay nặng lãi Wonga trước khi những quy định mới được áp dụng vào năm 2014

NGHIÊN CỨU TÌNH HUỐNG

Các khoản hoàn trả tiền vay

Với các khoản vay có số tiền hoàn trả là cố định hằng tháng, gồm tiền vay gốc cộng lãi, ban đầu số tiền hoàn trả này chủ yếu là tiền lãi. Đó là vì tiền lãi được trả mỗi tháng là phần trăm của dư nợ (số tiền vay chưa hoàn trả). Do mỗi lần hoàn trả cũng gồm một phần tiền vay gốc nên dư nợ (và do đó cả tiền lãi) giảm đi theo từng tháng trong khi phần tiền hoàn trả được dành để trả nợ ngày càng nhiều. Những lần hoàn trả cuối gồm phần lớn là tiền vay gốc so với tiền lãi (do tiền lãi được trả cho phần dư nợ ngày càng ít đi).

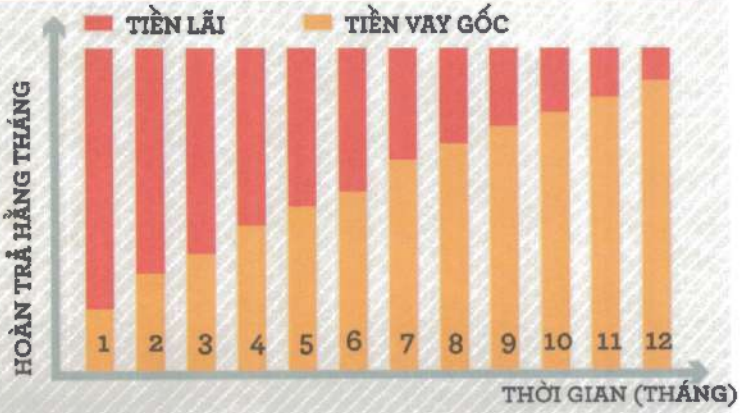

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Ngân hàng A

Hợp đồng cho vay là một văn bản chính thức do bên cho vay tiền đưa ra, trong đó quy định các kỳ hạn và điều kiện của khoản vay.

Hợp đồng cho vay (gọi tắt là "Hợp đồng") được lập và sẽ có hiệu lực từ **ngày 04 tháng Tư năm 2017.**

GIỮA Bên cho vay: Ngân hàng A **VÀ** Bên vay: ("Cá nhân A")

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN

1. CAM KẾT THANH TOÁN

Trong vòng **60 tháng** kể từ hôm nay, Bên vay cam kết sẽ trả Bên cho vay số tiền là **20.000 bảng** cùng tiền lãi và những phí khác liệt kê dưới đây.

2. CHI TIẾT KHOẢN VAY

Bên vay đồng ý hoàn trả tổng số tiền gốc đã vay, cộng các khoản phí, lãi suất, số tiền lãi và tổng số tiền phải hoàn trả.

Số tiền vay:	**20.000 bảng**
Khác (như phí thu xếp):	**200 bảng**
Số tiền được cấp:	**19.800 bảng**
Tổng số tiền hoàn trả:	**23.533,94 bảng**
Lãi suất năm:	**6,8%**

3. ĐIỀU KHOẢN HOÀN TRẢ

Bên vay sẽ hoàn trả số tiền đã ghi trong hợp đồng này thành các khoản trả góp liên tục 60 tháng là **392,23 bảng**, mỗi lần vào ngày **04** hằng tháng, bắt đầu vào ngày **04** tháng Tư năm 2017 và kết thúc vào ngày **04** tháng Tư năm 2022.

4. TRẢ TRƯỚC

Bên vay có quyền hoàn trả toàn bộ khoản tiền bất cứ lúc nào, nhưng một khoản phí có thể sẽ được thu cho việc hoàn trả sớm là: **1.360,00 bảng**

5. PHÍ TRẢ MUỘN

Bất kỳ khoản hoàn trả nào không được thanh toán trong vòng **15 ngày** kể từ ngày đến hạn sẽ phải nộp phí trả muộn là 4% khoản hoàn trả: **15,69 bảng.**

6. VỠ NỢ

Vì bất cứ lý do gì mà Bên vay không thể thanh toán các khoản hoàn trả đúng hạn, Bên vay sẽ bị coi là vỡ nợ. Khi đó, Bên cho vay có thể yêu cầu thanh toán ngay lập tức toàn bộ số dư còn lại chưa được hoàn trả của số tiền vay mà không cần thông báo thêm.

Điều khoản cho vay
Khoảng thời gian mà số tiền cho vay được hoàn trả thành những lần trả góp đều đặn. Thông thường, con số này được thể hiện bằng số tháng.

Số tiền cho vay
Số tiền gốc được cho vay ban đầu và được đưa cho người vay. Nó có thể xuất hiện dưới dạng tiền tệ, như bảng, euro hoặc đô la.

Tổng số tiền hoàn trả
Tổng số tiền gốc, lãi và phí mà bên vay cần trả cho bên cho vay trong toàn bộ thời gian vay.

APR
Lãi suất phần trăm bình quân hằng năm: một phép tính xét đến lãi suất cộng với phí và tiền phải trả thêm khác như phí thu xếp.

Các khoản thanh toán định kỳ
Những khoản trả góp định kỳ để hoàn trả số tiền đã vay, ví dụ, hằng tuần, hằng tháng hoặc hằng quý.

Phí hoàn trả sớm
Một khoản tiền cộng thêm sẽ được áp dụng nếu bên vay trả hết (trả) tiền vay sớm hơn kỳ hạn cuối.

Phí trả muộn
Một khoản tiền cộng thêm sẽ được áp dụng nếu bên vay không thanh toán tiền đúng ngày thỏa thuận. Bên vay tiếp tục bị phạt tiền cho đến khi họ phục hồi lại lịch hoàn trả gốc.

Vỡ nợ
Tình trạng không đáp ứng được các điều kiện pháp lý của một khoản vay đặt bên vay vào trạng thái vỡ nợ. Hợp đồng cho vay quy định các hậu quả của việc vỡ nợ.

Vay thế chấp

Vay thế chấp là một khoản vay dài hạn, cho phép người vay tiền mua được bất động sản hay đất đai. Một khoản vay thế chấp bao gồm số tiền được vay – tiền gốc – cộng với lãi suất tính trên số tiền đó.

Nó hoạt động như thế nào

Từ vay thế chấp (mortgage) xuất phát từ một thuật ngữ tiếng Pháp cổ do các luật sư người Anh sử dụng thời Trung cổ, nghĩa đen của nó là "thế chấp chết", vì thỏa thuận sẽ chết nếu khoản nợ được hoặc không được thanh toán. Vay thế chấp được đảm bảo bằng bất động sản của người vay, nghĩa là một cơ chế luật pháp được áp đặt, cho phép người cho vay được hưởng quyền sở hữu trong trường hợp người vay vỡ nợ hoặc không tuân thủ các điều khoản vay. Việc này được gọi là thu hồi hoặc tịch thu tài sản để thế nợ. Hầu hết những người cho vay thế chấp yêu cầu người vay nộp một phần trăm nào đó của giá trị bất động sản làm một khoản đặt cọc (hoặc tiền trả trước) trước khi nhận được tiền vay thế chấp; tiền cọc càng lớn, họ cần vay số tiền càng ít hơn.

Các dạng vay thế chấp

Các nước khác nhau có các dạng vay thế chấp khác nhau, cũng như những quy định xử lý các vấn đề khác nhau. Số tiền có thể vay phụ thuộc vào bất động sản, tình trạng cá nhân và điều kiện kinh tế trước mắt; nhưng cuối cùng, tất cả các khoản vay sẽ cần được hoàn trả cùng tiền lãi.

Vay thế chấp trả góp hay vay thế chấp trả hằng năm

- Đây là dạng vay thế chấp phổ biến nhất tại Vương quốc Anh.
- Đầu tiên, ngân hàng sẽ kiểm tra tình trạng của người vay để đảm bảo rằng họ có thể trang trải được các khoản thanh toán vay nợ.
- Sau đó, người vay nộp một khoản tiền cọc và ngân hàng cho họ vay phần còn lại của giá mua bất động sản. Ví dụ, nếu giá mua bất động sản là 300.000 bảng, người vay có thể nộp tiền cọc là 5% (15.000 bảng) và vay phần còn lại là 285.000 bảng từ ngân hàng. Khoản tiền này còn gọi là tiền gốc, hay vốn.
- Ngân hàng áp một mức lãi suất lên tiền gốc, dựa vào loại thế chấp và lãi suất cơ bản. Lãi suất có thể cố định trong một khoảng thời gian hoặc biến động.
- Người vay trả lại cả tiền gốc và tiền lãi thông qua các khoản trả góp hằng tháng. Khi họ đã hoàn trả toàn bộ số tiền đã vay, cùng với tiền lãi, họ sở hữu hoàn toàn bất động sản đó.

Vay thế chấp bù trừ tài khoản

- Nếu người vay có tài khoản tiết kiệm ở đúng ngân hàng mà họ vay thế chấp, vay thế chấp bù trừ tài khoản sẽ cho phép họ bù trừ tài khoản tiết kiệm vào số tiền họ vay.
- Kết quả là tiền lãi phải trả cho khoản vay thế chấp ít hơn, nghĩa là người vay sẽ có khả năng trả hết khoản vay thế chấp nhanh hơn.
- Ví dụ, nếu người vay có khoản vay thế chấp là 200.000 bảng và tiết kiệm được 30.000 bảng, khoản vay thế chấp bù trừ tài khoản cho phép họ chỉ phải trả lãi trên 170.000 bảng tiền vay.
- Không phải ngân hàng nào cũng cung cấp các khoản vay thế chấp bù trừ tài khoản và lãi suất vay có thể cao hơn các sản phẩm vay thế chấp khác.
- Nếu người vay chỉ có một tài khoản tiết kiệm nhỏ, mức lãi suất cao hơn có thể đồng nghĩa với việc không đáng tìm một khoản vay thế chấp bù trừ tài khoản.
- Nếu người vay có một tài khoản tiết kiệm lớn, có lẽ sẽ lợi hơn khi họ cân nhắc sử dụng một phần các khoản tiết kiệm này để giảm tỷ lệ khoản cho vay trên giá trị (LTV) của khoản vay thế chấp.

70% công dân Liên minh châu Âu sống trong ngôi nhà họ đứng tên chủ sở hữu

Vay thế chấp chỉ trả lãi

- Vay thế chấp chỉ trả lãi cho phép người vay chỉ hoàn trả tiền lãi của số tiền mà họ vay chứ không phải là tiền gốc.
- Ngân hàng cho người vay vay thế chấp, ví dụ là 240.000 bảng, và người vay trả lãi cho số tiền này bằng các khoản trả góp hằng tháng.
- Số tiền phải trả mỗi tháng sẽ thấp hơn so với vay thế chấp trả góp, nhưng người vay thường sẽ phải nộp tiền cọc cao hơn, hoặc chứng minh khoản thu nhập cao hơn, để được vay thế chấp chỉ trả lãi.
- Đến cuối kỳ hạn vay, người vay phải hoàn trả toàn bộ số tiền vay gốc, trong trường hợp này là 240.000 bảng. Nếu giá cả đã tăng lên rất nhiều trong thời gian vay thế chấp, do lạm phát, thì xét về mặt tương đối, số tiền nợ sẽ thấp hơn. Nhưng nếu họ không có các khoản tiết kiệm thỏa đáng, người vay có thể phải bán bất động sản để trả nợ.

Vay thế chấp ngược hằng năm

- Dạng vay thế chấp này cho phép người sở hữu nhà được tiếp cận giá trị của một bất động sản mà họ toàn quyền sở hữu.
- Những người chọn vay thế chấp ngược hằng năm thường là người cao tuổi – tại Vương quốc Anh, những người vay tiền phải ít nhất 55 tuổi mới đủ điều kiện vay thế chấp dạng này; trong khi tại Mỹ, con số này là 62 tuổi.
- Ngân hàng cho chủ sở hữu nhà vay tiền dựa vào giá trị bất động sản của họ (giá trị tài sản thế chấp) nhưng thường kèm theo các loại phí rất cao.
- Sau đó, ngân hàng sẽ trả số tiền này cho chủ sở hữu nhà theo dạng trả góp hằng tháng hoặc đôi khi là ở dạng trả gọn một lần.
- Khi chủ sở hữu nhà qua đời, bất động sản của họ được bán đi để hoàn trả số tiền đã vay.
- Phần tiền còn lại từ việc bán bất động sản, sau khi số tiền vay đã được hoàn trả, sẽ được trả lại cho những người thụ hưởng trong di chúc của chủ sở hữu nhà.

CẦN BIẾT

- **Tỷ lệ khoản cho vay trên giá trị (LTV)** Phần trăm giá trị của một bất động sản được vay thế chấp.
- **Đảm bảo** Bảo lãnh cho khoản vay; với vay thế chấp thì đó là bất động sản.
- **Tái thế chấp** Một khoản vay khác hoặc gia tăng có được từ một bất động sản.
- **Kỳ hạn** Số năm mà khoản vay thế chấp được hoàn trả dần.
- **Giá trị tài sản thế chấp** Giá trị của một bất động sản so với số tiền vay thế chấp.
- **Giá trị tài sản thế chấp âm** Giá trị của bất động sản thấp hơn số tiền vay thế chấp.
- **Người bảo lãnh** Người đồng ý chịu trách nhiệm đáp ứng các khoản hoàn trả vay thế chấp nếu người vay không thực hiện được nghĩa vụ đó.

VAY THẾ CHẤP HỒI GIÁO

Luật Hồi giáo cấm việc thu lãi trên các khoản cho vay mua nhà. Có ba dạng vay thế chấp Hồi giáo tuân theo luật Shariah:

- Ngân hàng mua một bất động sản trên danh nghĩa của một người mua và sau đó cho người này thuê lại. Đến cuối kỳ hạn cho thuê, quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua/người thuê nhà.
- Một người mua chung một bất động sản với ngân hàng và trả tiền thuê nhà cho phần tiền họ không sở hữu. Sau đó, họ mua cổ phần trong phần bất động sản còn lại và khi cổ phần của họ tăng lên, tiền thuê nhà của họ giảm xuống.
- Ngân hàng mua một bất động sản và bán nó cho người muốn mua nhà, người này phải hoàn trả hằng tháng một khoản nhất định, tổng các khoản tiền này sẽ là một mức giá cao hơn chi phí mua ban đầu.

Lãi suất vay thế chấp

Các ngân hàng cung cấp rất nhiều dạng vay thế chấp với các mức lãi suất khác nhau, mỗi dạng lại có một tỷ lệ rủi ro khả năng hoàn trả khác nhau.

Các dạng vay thế chấp lãi suất cố định mang đến cho người vay các khoản thanh toán hằng tháng cố định trong một khoảng thời gian cố định. Tại Vương quốc Anh, lãi suất cố định trong 2, 3 hoặc 5 năm là phổ biến. Khi đó, người vay có thể tái vay thế chấp sang một sản phẩm vay thế chấp có lãi suất cố định khác, hoặc khoản vay thế chấp ban đầu không có khả năng trả nợ và chuyển sang dạng vay thế chấp lãi suất thay đổi. Lãi suất cố định không thay đổi theo sự thay đổi lãi suất hay các điều kiện kinh tế khác. Điều này có nghĩa là người cho vay, chứ không phải người vay, sẽ gánh rủi ro lãi suất chính.

Lãi suất thay đổi

Vay thế chấp lãi suất thay đổi hoặc có thể điều chỉnh được có lãi suất có thể thay đổi trong kỳ hạn vay thế chấp, đôi khi là theo một chỉ số thị trường nào đó như lãi suất cơ bản của ngân hàng trung ương. Các khoản thanh toán vay thế chấp hằng tháng theo đó sẽ tăng hoặc giảm theo biến động của lãi suất cơ bản. Điều này có nghĩa là rủi ro lãi suất đặt lên vai người vay, người này sẽ phải chắc chắn là mình vẫn có thể trang trải được khoản vay thế chấp khi lãi suất tăng. Tỷ lệ vay thế chấp có lãi suất thay đổi khác nhau giữa các quốc gia.

Các dạng lãi suất vay thế chấp

Nói chung, người vay tiền càng được đảm bảo an toàn hơn thì các loại phí liên quan cũng sẽ cao hơn. Một số thỏa thuận cũng buộc người vay vào một mức lãi suất nhất định, ít linh hoạt hơn.

Vay thế chấp lãi suất cố định

- Mức lãi suất được áp cho một khoảng thời gian hoặc đến hết kỳ hạn vay, bất kể lãi suất cơ bản là bao nhiêu. Điều này mang lại sự đảm bảo do người vay phải trả một khoản tiền cố định hằng tháng.
- Những khoản vay như thế này thường kèm theo phí thu xếp cao hơn và các khoản thanh toán sẽ duy trì cố định dù lãi suất cơ bản giảm.

Vay thế chấp lãi suất thay đổi tiêu chuẩn (SVR)

- Người cho vay có thể nâng và hạ lãi suất, tức là có thể chịu ảnh hưởng của lãi suất cơ bản của ngân hàng trung ương, nhưng cũng có thể thay đổi mà không phụ thuộc vào lãi suất cơ bản.
- Dạng vay thế chấp này thường ít tốn kém hơn các khoản vay thế chấp lãi suất cố định nhưng người vay có khả năng phải chịu lãi suất tăng.

Tại sao lãi suất lại quan trọng?

Những biến đổi nhỏ trong mức lãi suất cũng có thể tạo ra khác biệt lớn trong tổng số tiền lãi phải trả trong toàn bộ kỳ hạn vay thế chấp.

Thỏa thuận vay thế chấp 1

2007

là năm mà việc không chi trả được các khoản nợ dưới chuẩn tại Mỹ đã biến thành cuộc khủng hoảng

VAY THẾ CHẤP DƯỚI CHUẨN VÀ THẮT CHẶT TÍN DỤNG

Khủng hoảng vay thế chấp dưới chuẩn bắt đầu vào năm 2007 đã dẫn tới những thay đổi căn bản trong các sản phẩm vay thế chấp và quy định của chúng. Tại Mỹ, vay thế chấp đã được bán cho những người không có thu nhập hoàn trả tiền vay. Khi bong bóng nhà ở vỡ, điều này dẫn tới một làn sóng thu hồi nhà đất và tổn thất của các ngân hàng. Trái phiếu bảo đảm bằng thế chấp mất giá trị và một số ngân hàng phá sản.

- **Thắt chặt tín dụng** Các ngân hàng và những người cho vay khác giảm số lượng tín dụng dành cho vay thế chấp và các khoản vay khác.
- **Suy thoái** Khủng hoảng vay dưới chuẩn dẫn tới một cuộc suy thoái hay giảm tốc tại một số nước. Bên cạnh tình trạng thu hồi bất động sản, các ngân hàng và các doanh nghiệp khác phá sản.

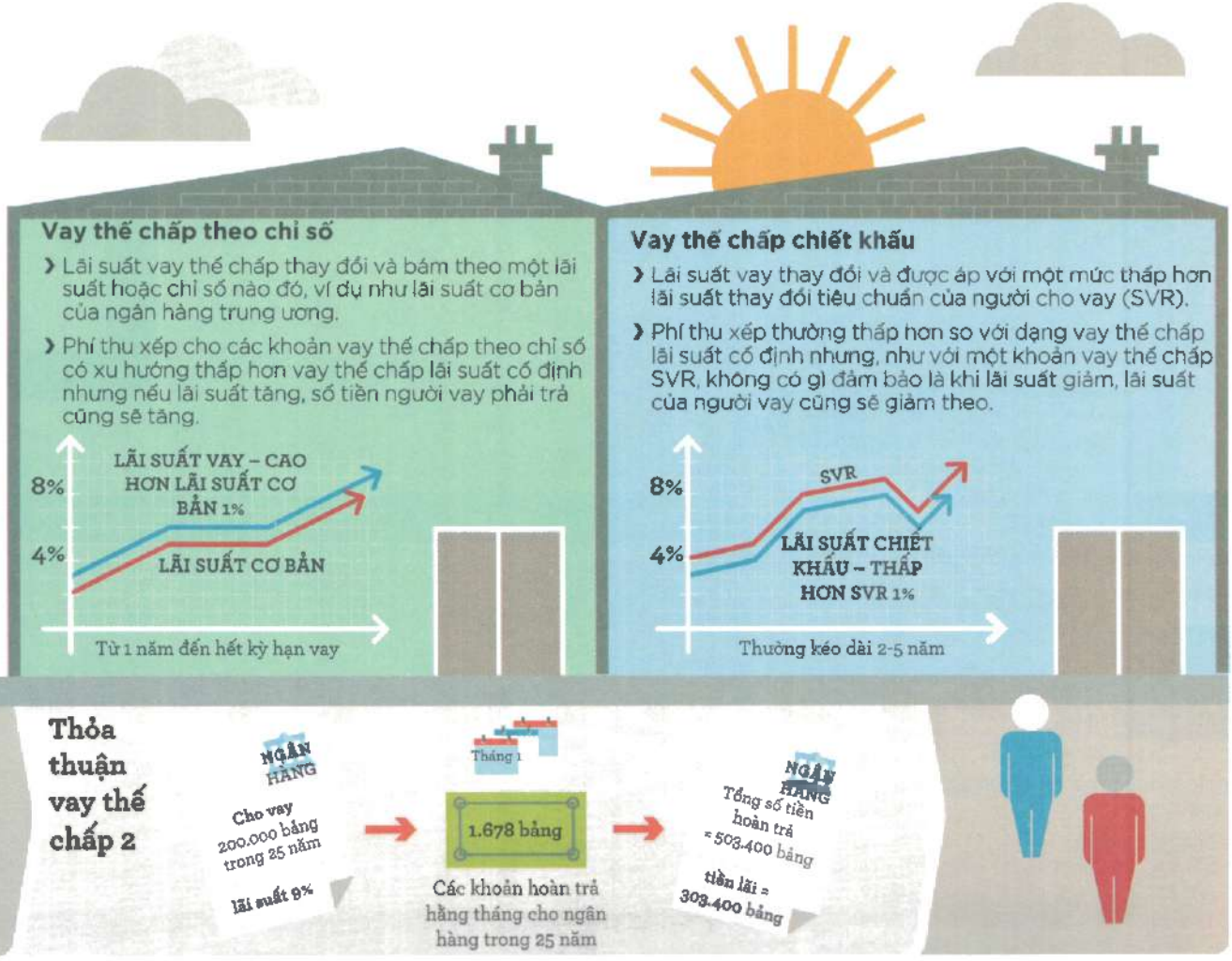

Hiệp hội tín dụng

Là các tổ chức tài chính phi lợi nhuận, do các hội viên làm chủ, cung cấp các dịch vụ tiết kiệm, tín dụng và tài chính khác cho các thành viên.

Nó hoạt động như thế nào

Bắt nguồn tại Đức từ giữa thế kỷ 19, các hiệp hội tín dụng là các công ty tài chính phi lợi nhuận do các hội viên lập nên vì lợi ích chung của bản thân họ. Những người này có chung một "mối liên kết": ví dụ, sự kết nối giữa họ có thể là việc sống chung trong một thành phố, làm việc trong cùng một ngành hoặc thuộc về cùng một hiệp hội thương mại hay nhóm cộng đồng.

Ban đầu vốn là những tổ chức rất nhỏ, ngày nay có khoảng 217 triệu người trên khắp thế giới là hội viên của các hiệp hội tín dụng. Một số hiệp hội lớn hơn có hàng trăm nghìn hội viên và giá trị tài sản lên tới vài tỷ đô la Mỹ.

Các hiệp hội tín dụng phổ biến nhất ở các khu vực có thu nhập thấp và có thể đặc biệt hữu ích với những người có đánh giá tín dụng thấp, không đủ tư cách để vay những khoản tiền lớn hoặc phải trả lãi suất cao hơn khi vay những khoản tiền đó. Các hội viên cũng có xu hướng hưởng lợi từ việc trả ít phí hơn. Một số hiệp hội yêu cầu các hội viên tiết kiệm tiền cùng với hội trước khi có thể vay tiền, do các hiệp hội có nguồn tài chính cho các danh mục vay của mình là từ việc huy động tiền từ các khoản tiền gửi của các hội viên thay vì dựa vào vốn bên ngoài. Tuy nhiên, các khoản tiết kiệm này vẫn đảm bảo được các mức giới hạn đã định mà các chương trình đền bù do chính phủ hỗ trợ đặt ra trong trường hợp hiệp hội tín dụng ngừng giao dịch.

Không vì lợi nhuận

Các hiệp hội tín dụng giống các hiệp hội nhà ở chung ở chỗ chúng thuộc sở hữu của các hội viên (khách hàng) của mình, từng người trong số đó đã bỏ phiếu bầu ra một ban giám đốc để điều hành tổ chức. Tuy nhiên, các hiệp hội tín dụng tập trung vào các dịch vụ ngân hàng cộng đồng mang lại lợi ích cho các hội viên của nó thay vì vào lợi nhuận và thu nhập cho những cổ đông bên ngoài. Lợi nhuận dư ra được tái đầu tư vào hiệp hội tín dụng để cung cấp các dịch vụ cá nhân hóa, các tư vấn tài chính, các sản phẩm tốt hơn và lãi suất càng có tính cạnh tranh càng tốt.

57.000

là số lượng các hiệp hội tín dụng tại 105 nước trên toàn thế giới

Vì lợi nhuận

Mục đích là kiếm tiền và tối đa hóa lợi nhuận cho những người sở hữu và các cổ đông. Các mục tiêu và lợi ích của tổ chức được đặt lên trước các mục tiêu và lợi ích của khách hàng.

Thuộc sở hữu của các công ty tư nhân/cổ đông

Các ngân hàng được điều hành bởi các giám đốc được trả lương hậu hĩnh, và quyền bỏ phiếu của một cá nhân phụ thuộc vào số lượng cổ phần mà người đó sở hữu.

Hướng tới việc kinh doanh

Các ngân hàng phát triển và bán các sản phẩm kiếm ra tiền để đổi lấy lợi nhuận cho các cổ đông.

Nhiều dịch vụ trực tuyến hơn

Vận hành trực tuyến một phần hoặc toàn bộ, các ngân hàng cung cấp ít dịch vụ gặp mặt trực tiếp hoặc cá nhân hóa.

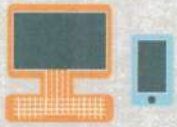

Tập trung vào những khách hàng có khả năng chi trả

Khách hàng không đáp ứng được hồ sơ tín dụng ưu tiên của ngân hàng thường sẽ bị từ chối cung cấp dịch vụ.

Ngân hàng

CÁC SẢN PHẨM CỦA HIỆP HỘI TÍN DỤNG

- **Cho vay** Không có phí ẩn và các khoản vay thường có thể được hoàn trả sớm mà không bị tính phí phạt. Một số khoản vay cũng bao gồm bảo hiểm nhân thọ.
- **Tiết kiệm** Hiệp hội tín dụng sẵn sàng dùng các khoản tiền gửi để cho các hội viên cần vay tiền. Lãi suất cho các khoản tiết kiệm có thể thấp và sẽ được trả dưới dạng tiền lãi hoặc cổ tức hằng năm. Một số hiệp hội tín dụng có các hạn mức gửi tiết kiệm tối đa.
- **Tài khoản tiền tệ** Hiệp hội tín dụng không đòi hỏi việc kiểm tra tín dụng, không có phí hằng tháng đối với tài khoản và không được rút quá số tiền trong tài khoản. Một số tài khoản cung cấp các phương tiện và tư vấn dự thảo ngân sách.

! CẢNH BÁO

- **Các mức lãi suất và điều khoản vay** có thể không cạnh tranh như của các sản phẩm dẫn đầu thị trường, nhưng chúng tốt hơn những người cho vay nặng lãi.
- **Lượng tiền vay tối đa** là tương đối thấp. Việc duyệt vay thường kèm theo điều kiện là đang có tiền gửi tại hiệp hội tín dụng.
- **Như các tổ chức phi lợi nhuận khác,** các hiệp hội tín dụng thường có số vốn hạn chế nên không lắp đặt các máy rút tiền tự động tại các địa điểm thuận lợi, hay đầu tư vào công nghệ như trang web hay tiếp cận tài khoản trực tuyến.

Thẻ tín dụng

Do những người cho vay tiền như ngân hàng hoặc các hiệp hội nhà ở phát hành, các thẻ tín dụng bằng nhựa, vừa xinh trong ví, có chức năng như những phương tiện vay tiền linh hoạt, cho phép chủ sở hữu thẻ được mua chịu hàng hóa và dịch vụ.

Nó hoạt động như thế nào

Tài khoản thẻ tín dụng cho phép một cá nhân mua chịu đến một giới hạn tối đa đã thỏa thuận nào đó. Người sử dụng có thể chi tiêu thoải mái như họ muốn trong hạn mức ấy mà không phải trả phí – miễn là họ trang trải số dư tài khoản (nợ dồn) đầy đủ vào đúng ngày đã thỏa thuận hằng tháng. Người dùng phải trả tiền lãi cho bất kỳ số dư tài khoản nào vượt quá giới hạn tối đa, nhưng họ chỉ có nghĩa vụ đáp ứng một khoản hoàn trả tối thiểu *(xem bên dưới)*. Khoản tiền tối thiểu này có thể thay đổi, nhưng nhìn chung, người dùng trả một số phần trăm nào đó của số dư tài khoản còn lại hoặc một khoản tiền tối thiểu cố định, phương án nhiều tiền hơn trong hai phương án này, cộng với lãi suất và mọi khoản phí mặc định khác.

Thường không có hạn chót đối với việc phải hoàn trả toàn bộ nợ thẻ tín dụng – nó tùy thuộc vào người sử dụng quyết định khi nào là phù hợp để hoàn trả – nhưng việc chỉ hoàn trả khoản mức tối thiểu của thẻ tín dụng hằng tháng là một trong những cách quản lý chi tiêu thẻ tín dụng tốn kém nhất, do lãi suất sẽ cộng dồn trên số tiền chưa được hoàn trả.

Các khoản hoàn trả tối thiểu

Không giống những người vay thường và vay thế chấp, người sử dụng thẻ tín dụng có thể chọn mình sẽ hoàn trả trên mức tối thiểu đã quy định là bao nhiêu mỗi tháng. Các khoản hoàn trả tối thiểu là số tiền thấp nhất mà người sử dụng thẻ tín dụng phải hoàn trả mỗi tháng để không bị phạt. Tuy nhiên, nếu chỉ trả khoản tối thiểu này mỗi tháng, số dư chưa hoàn trả sẽ tiếp tục được tính dồn lãi suất và số tiền mà họ mang nợ sẽ tăng lên. Điều này có nghĩa là khoản nợ của họ sẽ kéo dài lâu hơn khi họ hoàn trả một khoản tiền cố định, cao hơn, hoặc khi họ thanh toán dứt điểm số dư hằng tháng.

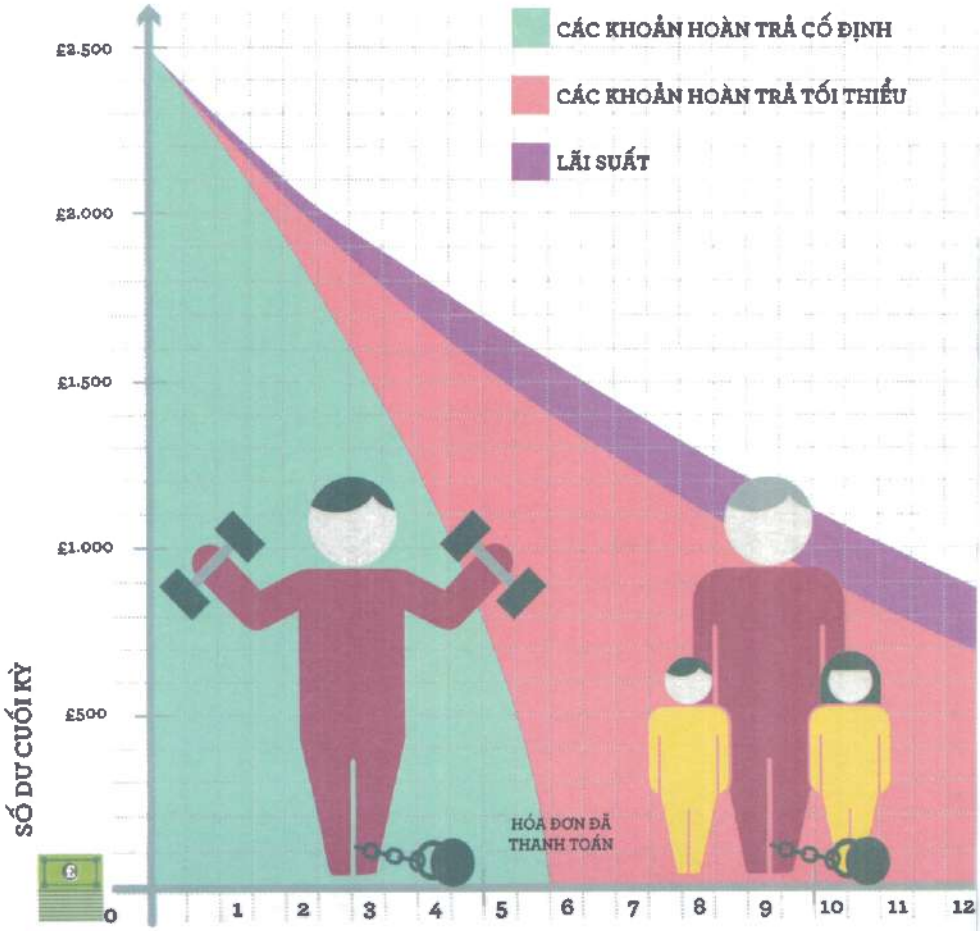

CẦN BIẾT

- **Chuyển số dư** Chuyển tất cả số dư vượt mức từ một thẻ tín dụng này sang một thẻ tín dụng khác.
- **Ứng trước tiền mặt** Việc sử dụng thẻ tín dụng để rút tiền mặt từ một máy rút tiền tự động (ATM). Thông thường, công ty phát hành thẻ tín dụng sẽ áp lãi suất, đồng thời phí phụ trội, cao hơn khi thẻ tín dụng được dùng theo cách này.
- **Tín dụng xoay vòng** Một dòng tín dụng cho phép khách hàng sử dụng quỹ khi cần. Loại tín dụng này thường được dùng cho các mục đích vận hành và có thể dao động hằng tháng tùy theo dòng tiền mà khách hàng cần.
- **Giới hạn tín dụng** Khoản tiền tối đa mà một cá nhân có thể vay tại bất kỳ thời điểm nào.

TÍN DỤNG XOAY VÒNG

Thẻ tín dụng là một dạng tín dụng xoay vòng. Đây là một thỏa thuận cho phép một khoản tiền vay được rút ra, hoàn trả và lại rút ra với số lần không giới hạn. Người vay tiền có thể rút tiền tới một giới hạn đã định.

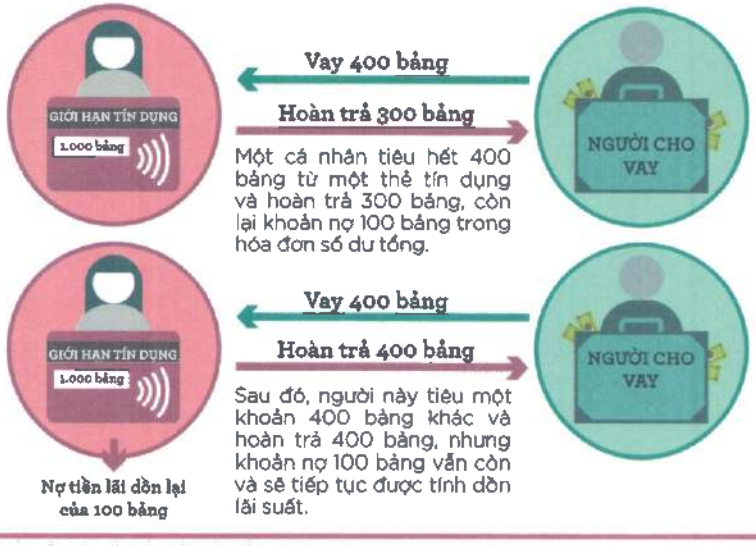

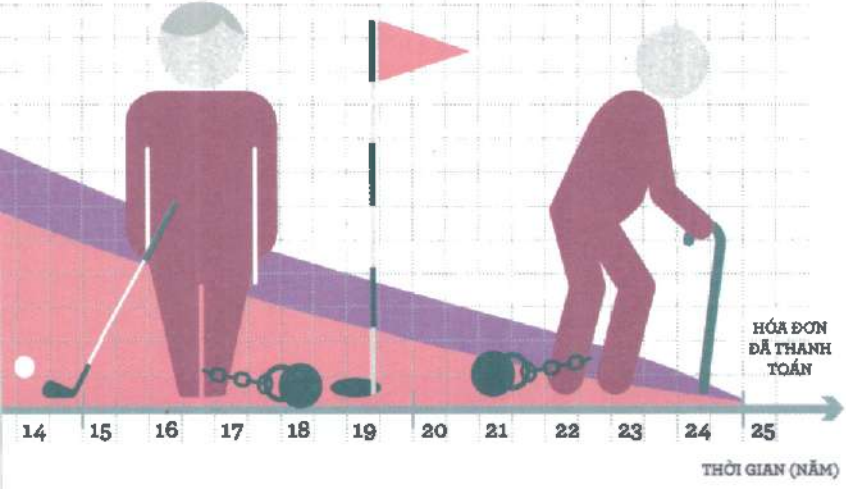

CẢNH BÁO

Gian lận thẻ tín dụng tức là việc sử dụng một thẻ tín dụng làm nguồn tiền gian lận trong giao dịch.

Trong hình thức đơn giản nhất của loại tội phạm này, kẻ gian lận thu được các chi tiết thẻ tín dụng của một cá nhân và sử dụng chúng trên điện thoại hoặc trên mạng để mua sắm bằng tên của chủ thẻ.

Trong một tình huống nguy hiểm hơn, kẻ gian lận có thể sử dụng các chi tiết của chủ thẻ để đóng giả danh tính của người đó, mở các tài khoản ngân hàng khác nhau, thu về các thẻ tín dụng hoặc dàn xếp các khoản vay và các dòng tín dụng khác dưới tên chủ thẻ.

Chủ thẻ tín dụng lúc nào cũng nên kiểm tra cẩn thận các sao kê tài khoản hằng tháng của mình để xác định xem có bất kỳ giao dịch gian lận nào không.

Tiền trong kỷ nguyên điện tử

Tương tự như Internet đã cách mạng hóa truyền thông và hiện thực hóa việc toàn cầu hóa, tiền điện tử, còn được gọi là tiền mã hóa, hứa hẹn sẽ thay đổi cách mọi người chi trả cho hàng hóa và dịch vụ. Tiền điện tử mang lại một "đồng tiền" quốc tế duy nhất không nằm dưới tầm kiểm soát của bất kỳ tổ chức tài chính nào. Thay vì tiền giấy và tiền xu do các ngân hàng quốc gia đơn lẻ in và đúc ra, máy vi tính được sử dụng để tạo ra các đơn vị tiền điện tử.

Thoát cũi sổ lồng

Tiền của tương lai, tiền mã hóa, là một môi trường trao đổi tài chính được các nhóm chuyên gia (còn gọi là "miner" – thợ mỏ) tạo ra bằng kỹ thuật số. Những người này sử dụng các phần cứng chuyên biệt để tiến hành các giao dịch đảm bảo bằng cách giải các bài toán phức tạp mã hóa tiền điện tử. Tiền mã hóa có thể được giao dịch giữa các cá nhân và được mua, bán thông qua các sàn giao dịch trực tuyến. Tiền mã hóa cũng có thể được dùng cho các phương pháp giao dịch mới như cho vay ngang hàng và gây quỹ cộng đồng.

26%

thế hệ millennial (những người sinh ra từ đầu những năm 1980 đến đầu những năm 2000) được cho là sẽ sử dụng tiền điện tử vào năm 2020

Tài chính truyền thống

Chỉ có một loại tiền truyền thống duy nhất với một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ. Nó cũng được gọi là tiền pháp định – fiat currency, từ Latin gốc *fiat* nghĩa là "để nó được thực hiện", một thuật ngữ được dùng khi đưa ra một sắc lệnh của chính phủ. Tiền pháp định do các ngân hàng trung ương của các quốc gia phát hành và giá trị của nó được quyết định bởi cung cầu.

CÁC MỐC THỜI GIAN CỦA TIỀN ĐIỆN TỬ

Kể từ khi công nghệ cho tiền điện tử được hoàn thiện, nhiều loại tiền mã hóa đã được phát hành – dù Bitcoin vẫn đang chiếm giữ số lượng lớn nhất. Hiện nay, thậm chí các ngân hàng trung ương cũng đã bắt đầu nghiên cứu tiềm năng của tiền điện tử.

Thời gian (năm)

Ra mắt Bitcoin tháng Mười năm 2008

Giao dịch Bitcoin đầu tiên tháng Năm năm 2010

Phát hành Ripple tháng Chín năm 2013

Giá trị cao nhất của Bitcoin cho đến nay ngày 29 tháng Mười một năm 2013

Ra mắt Mazacoin tháng Hai năm 2014

Phát hành Eretheum tháng Tám năm 2015

Ngân hàng Anh công bố RSCoin tháng Ba năm 2016

Tiền điện tử

Tiền có thể được giao dịch trực tiếp trên các sàn giao dịch giữa các cá nhân sử dụng một máy tính hay thiết bị di động có kết nối Internet. Tiền điện tử cũng có thể được mua và bán bằng tiền truyền thống. *Xem trang 222-225*

Gây quỹ cộng đồng

Một cách để các cá nhân và nhóm gây quỹ quyên góp từ những người ủng hộ trên mạng Internet, bỏ qua các ngân hàng, các tổ chức thiện nguyện hay các tổ chức chính phủ. Nó được quản lý thông qua một trung gian trực tuyến, người sẽ thu phí là số phần trăm nào đó của số tiền quyên góp được. *Xem trang 226-227*

Cho vay ngang hàng

Các khoản cho vay được thu xếp bởi các nhân viên môi giới trực tuyến, người sẽ ghép đôi những người muốn vay tiền với người cho vay tiền. Cho vay ngang hàng thường chịu ít quy định hơn cho vay truyền thống. Người vay tiền được rà soát để xem xét mức độ rủi ro tiềm năng và rủi ro đó được phản ánh trong mức lãi suất mà họ phải trả. *Xem trang 228-229*

Tiền mã hóa

Là một dạng của tiền điện tử được mã hóa, tiền mã hóa được tạo ra, điều tiết và đảm bảo an toàn bởi một mạng lưới máy tính. Bitcoin là ví dụ đầu tiên của tiền mã hóa, nhưng hiện nay có nhiều tiền mã hóa hơn thế.

Nó hoạt động như thế nào

Một đồng tiền mã hóa có hai đặc tính chính. Thứ nhất, nó chỉ tồn tại ở dạng "xu" ảo. Thay vì được một ngân hàng trung ương nào đó tạo ra, nó do một nhóm các chuyên gia, còn gọi là "thợ mỏ", tạo ra bằng kỹ thuật số nhờ việc sử dụng phần cứng máy vi tính chuyên biệt. Được mã hóa bằng những mã kỹ thuật số liên tục thay đổi để giảm nguy cơ giả mạo, tiền mã hóa có thể được chuyển khoản dễ dàng trên mạng giữa các cá nhân độc lập với các tổ chức tài chính hay chính phủ.

Đặc tính thứ hai là tổng số lượng của một tiền mã hóa bị chặn trên. Mỗi "xu" do một thợ mỏ tạo ra được liệt kê trên một sổ cái ảo công khai gọi là "blockchain". Mỗi xu được chi tiêu lại được đăng ký trên cùng sổ cái, do đó, không giống với tiền tệ do các ngân hàng trung ương phát hành, khi chạm tới ngưỡng trên này, không có xu mới nào được tạo ra nữa. Kết quả là, tiền mã hóa được xem là ít chịu áp lực của lạm phát và giảm phát do những thay đổi chính trị và kinh tế, vốn vẫn tác động đến tiền truyền thống, hơn.

Tiền thông thường và tiền mã hóa

Sức hấp dẫn của tiền mã hóa là ở chỗ nó có thể được sử dụng để tiến hành các giao dịch tài chính trực tiếp ở bất kỳ đâu mà không đòi hỏi một tài khoản ngân hàng. Các giao dịch gần như nặc danh, không có sự kiểm soát trung tâm từ ngân hàng hoặc chính phủ, và phí là tối thiểu. Tiền mã hóa khác với tiền quốc gia ở rất nhiều điểm, chẳng hạn như cách chúng được xác định giá trị, tạo ra và kiểm soát, đối với lượng dự trữ cũng như giao dịch của mình.

! CẢNH BÁO

- **Bản đối chiếu thu chi tiền mã hóa được lưu trữ trên một máy tính.** Nếu máy tính của chủ sở hữu tiền gặp sự cố và các giao dịch không có sao lưu, sẽ không có bằng chứng cho thấy quỹ tiền mã hóa thuộc sở hữu của người đó.
- **Không có nhiều nhà bán lẻ chấp nhận tiền mã hóa** Nhìn chung, càng nhiều nơi chấp nhận tiền mã hóa thì càng tốt, nhưng một số tiền mã hóa có các công năng chuyên biệt.

Hơn **700** là số tiền mã hóa có thể giao dịch hiện nay

LÀM THẾ NÀO XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA TIỀN MÃ HÓA

Tổng giá trị của tất cả các xu và khối lượng giao dịch hằng ngày của chúng

Tổng giá trị ở mức cao có thể là dấu hiệu cho thấy giá trị của mỗi "xu" là cao, hoặc có thể đơn giản là có rất nhiều xu trong lưu thông. Khối lượng giao dịch hằng ngày là một chỉ số cho biết số xu được truyền từ người này sang người khác trong một ngày. Cách tốt nhất là xem xét cả hai con số thống kê này cùng nhau. Một đồng tiền mã hóa có khối lượng giao dịch rất ổn định cũng như mức độ vốn hóa thị trường cao có nhiều khả năng là có giá trị cao.

Các phương tiện được dùng để đảm bảo và xác thực các giao dịch

Các đồng tiền mã hóa khác nhau có các cách xác thực và đảm bảo giao dịch khác nhau. Các hệ thống phụ thuộc vào các phép tính toán học phức tạp và tính hiệu quả của chúng dựa trên thời gian tiến hành một giao dịch và tính dễ bị tấn công của chúng. Hầu hết các đồng tiền sử dụng một hoặc hai hệ thống là Proof of Work (của bitcoin) hoặc Proof of Stake, hoặc kết hợp cả hai để đảm bảo an ninh mạng lưới tốt nhất.

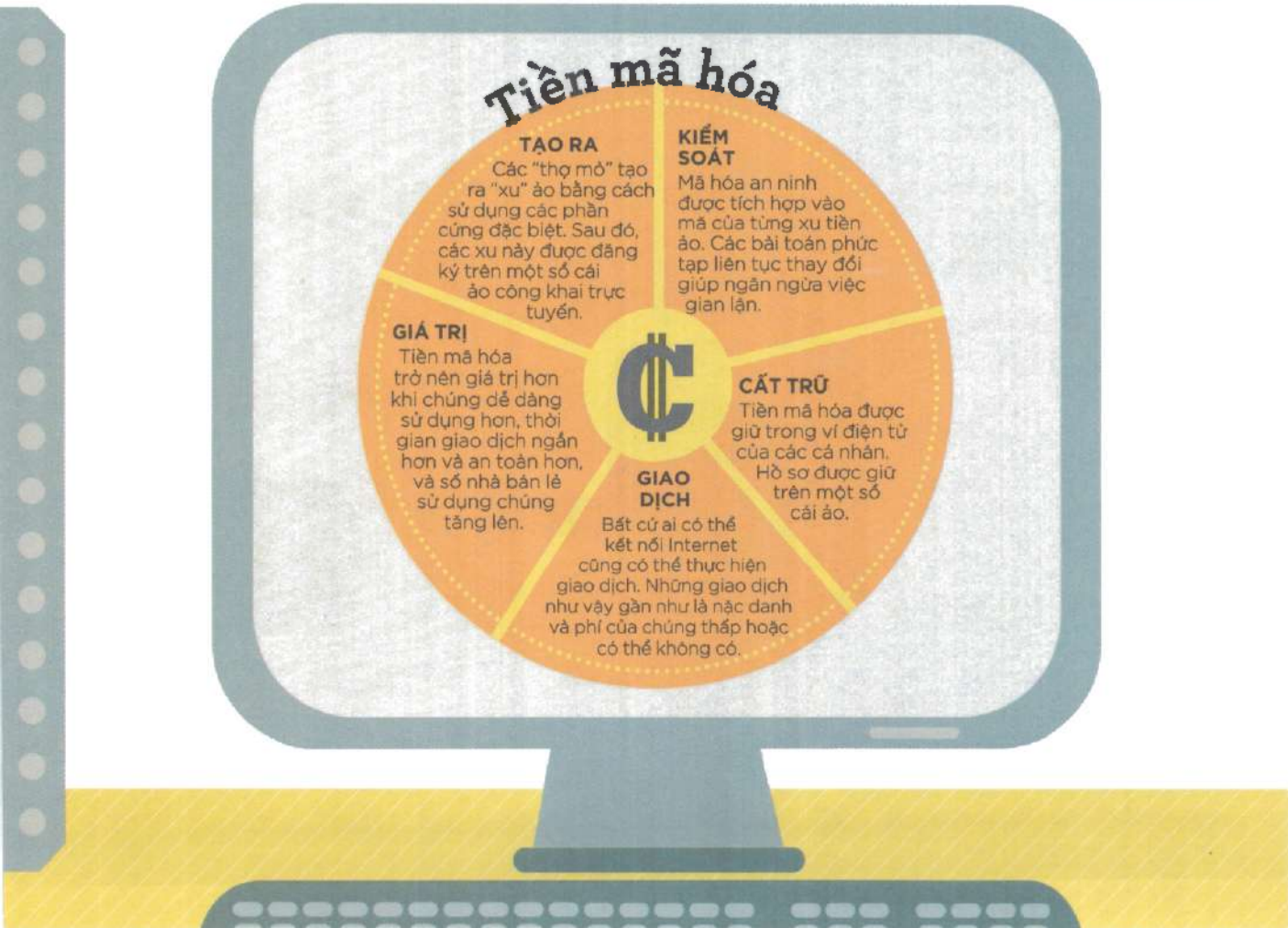

Bitcoin

Các đồng tiền mã hóa như Bitcoin được tạo ra trực tuyến. Chúng có thể được chuyển nhượng trực tiếp từ người này sang người khác trên mạng Internet hoặc mua và bán bằng tiền truyền thống.

Nó hoạt động như thế nào

Được ra mắt vào năm 2009, Bitcoin là đồng tiền mã hóa đầu tiên và đến nay vẫn là đồng tiền được sử dụng rộng rãi nhất. Không giống với tiền truyền thống được chính phủ chống lưng, Bitcoin dựa vào công nghệ mã hóa, một hệ thống tạo các mã toán học để mang lại các mức bảo mật cao. Điều này khiến việc người này sử dụng tiền từ ví điện tử của người khác, hay làm gián đoạn các giao dịch là bất khả, do mỗi giao dịch cần được những người dùng khác xác thực. Việc này được thực hiện bởi người dùng, họ sẽ chuyển đổi các giao dịch này thành các đoạn mã dạng số duy nhất. Những người dùng xác thực các giao dịch theo cách này được thưởng bằng bitcoin. Các xu có thể được mua bán trên các sàn giao dịch điện tử hoặc giữa các cá nhân.

Một giao dịch bitcoin

Trước tiên, những người dùng bitcoin tạo ra một "ví" ảo. Ví này đóng vai trò như một tài khoản ngân hàng trực tuyến cực kỳ bảo mật để gửi, nhận và cất trữ bitcoin. Các ví có thể được liên kết với một tài khoản ngân hàng thông thường để chuyển khoản tiền theo luật định và đổi lấy bitcoin. Khi bitcoin được chuyển từ ví này sang ví khác, các chuyên gia trong mạng lưới bitcoin, được gọi là "thợ mỏ", cạnh tranh với nhau để làm người đầu tiên xác thực các giao dịch. Một khi đã được xác thực, tiền sẽ xuất hiện trong ví bitcoin của người nhận. Người mua thường trả một khoản phí nhỏ, khoảng 1%, và số tiền ấy được chia cho tất cả các thợ mỏ.

2. Đào bitcoin

Để chứng minh rằng các giao dịch bitcoin chứa trong khối là hợp lệ, và không chứa các xu đã được tiêu ở một nơi khác, những thợ mỏ bitcoin dùng các chương trình máy tính để giải các bài toán phức tạp đang bảo vệ khối đó. Thợ mỏ đầu tiên làm được điều này sẽ được thưởng những đồng bitcoin mới (đây là cách tiền mới được phát hành) và khối đó được liệt kê vào sổ cái ảo (blockchain).

1. Người mua trả tiền cho người bán để mua một thứ gì đó

Một người mua trả bitcoin cho một người bán bằng cách sử dụng một dạng giao dịch trực tuyến, trong đó đề cập đến số địa chỉ ví của người bán và lượng bitcoin được gửi. Người mua và mọi người trên mạng lưới của Bitcoin có thể nhìn thấy giao dịch này. Nó có chứa một mã bí mật gọi là khóa cá nhân, cho biết nó đến từ ví nào. Nó được nhóm với các giao dịch khác từ một giai đoạn xác định thành một danh sách mã hóa gọi là khối - "block".

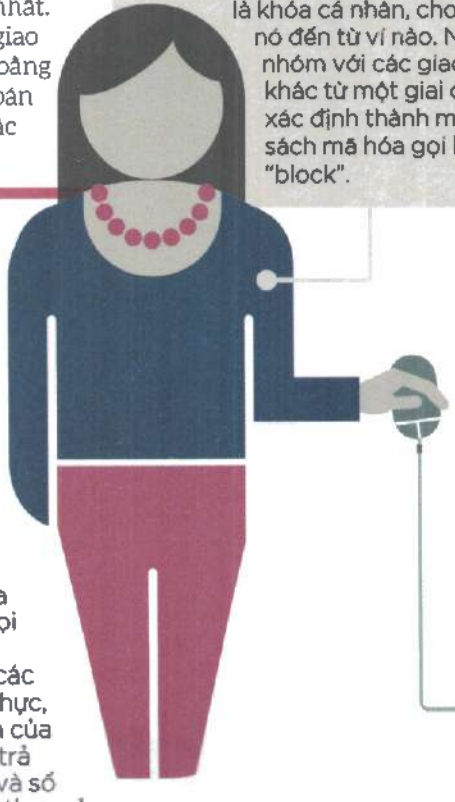

3. Chuỗi khối

Chuỗi khối hơi giống với một sổ cái công cộng mà người ta có thể xem trực tuyến. Mỗi khối đã được xác thực sẽ thêm vào khối liền trước. Khi "hash" hay chữ ký của mỗi tệp được tạo ra sử dụng một phần chữ ký của khối liền trước, nó định nhân thời gian cho mỗi giao dịch. Điều này khiến việc giả mạo chúng trở nên rất khó khăn.

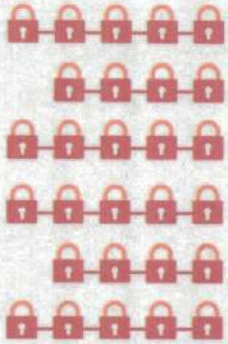

GIÁ TRỊ CỦA BITCOIN

Số lượng bitcoin có thể được tạo ra bị giới hạn ở mức 21 triệu. Điều này nhằm ngăn ngừa đồng tiền mất giá trị do cung quá lớn. Ngoài ra, khi lượng bitcoin trong lưu thông tăng lên, việc lập trình sẽ khiến việc xác thực trở nên khó khăn hơn, nghĩa là quá trình đào sẽ mất thời gian hơn, ít tiền được tạo ra hơn và nguồn cung hạn chế sẽ đảm bảo rằng giá trị của đồng tiền vẫn được duy trì ở mức cao.

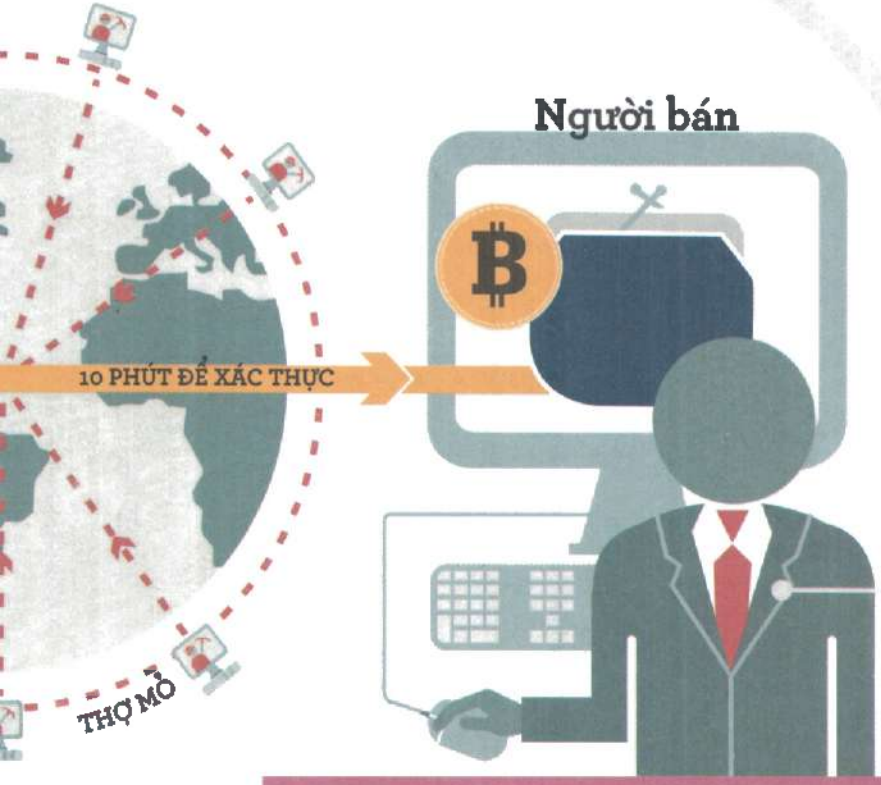

4. Bitcoin được sử dụng

Một khi bitcoin đến tài khoản của người bán, người bán có thể dùng chúng để mua sắm thông qua một nhà bán lẻ, bán chúng qua một sàn giao dịch hay trực tiếp bán cho một người mua trực tuyến. Bên cạnh đó, khi sử dụng những trang web như LocalBitcoins.com và Meetup.com, người dùng có thể thực hiện những giao dịch mặt-đối-mặt bằng cách mang theo ví điện tử của họ (trên một thiết bị di động) để mua sắm.

TẠI SAO BITCOIN LẠI BẢO MẬT

Do tất cả các giao dịch phải được xác thực nên những kẻ tấn công khó có thể can thiệp vào hệ thống. Nếu có một nỗ lực nào đó nhằm can thiệp vào một giao dịch trong chuỗi khối, nó sẽ làm thay đổi chữ ký kết quả và vô hiệu hóa tất cả những khối tiếp theo sau. Tuy nhiên, do bitcoin được bảo mật chặt chẽ nên nó không thể phục hồi nếu mật khẩu bị mất hay phần cứng bị hỏng.

Gây quỹ cộng đồng

Không giống với cách gây quỹ truyền thống, gây quỹ cộng đồng cho phép bất cứ ai cũng có thể tập hợp tiền trực tiếp từ những người quyên góp tiềm năng – thường là trực tuyến, thông qua các phương tiện xã hội. Nó hoạt động trên nguyên tắc đề nghị nhiều người đóng một phần quyên góp nhỏ.

Nó hoạt động như thế nào

Hầu hết các cuộc gây quỹ tập trung vào những lý do từ thiện hoặc đầu tư vào một thương vụ đáng giá hoặc có khả năng sinh lợi. Khi kết nối mạng xã hội chưa ra đời, gây quỹ thường được tổ chức thông qua một bên thứ ba như một ngân hàng hoặc một tổ chức từ thiện, thông qua một chương trình quyên góp, hoặc bằng cách đề nghị gia đình và bạn bè hỗ trợ tài chính. Gây quỹ cộng đồng là một sự tiến bộ vượt bậc của những phương pháp này và hầu như chỉ diễn ra trên mạng thay vì trực tiếp.

Ưu điểm của gây quỹ cộng đồng

Gây quỹ cộng đồng khác với cách gây quỹ truyền thống ở điểm nó cắt bỏ "người trung gian", đảm bảo rằng số tiền quyên góp đến đúng mục tiêu hơn. Nó cũng cho phép bất cứ ai, bất kể thương vụ của họ như thế nào, đều có thể kêu gọi ủng hộ tiền trực tuyến; và nó có thể tới với lượng khán giả rộng hơn rất nhiều so với chỉ các nhà đầu tư tiềm năng nhờ một chương trình quyên góp chẳng hạn.

Tạo một lời kêu gọi

Lời kêu gọi, được thiết kế để hấp dẫn càng nhiều người đóng góp càng tốt, đặt ra mục tiêu của dự án hoặc hoạt động từ thiện cần được cấp tiền, và thường quy định một mục tiêu tài chính nhất định.

Lựa chọn nền tảng

Các nền tảng gây quỹ cộng đồng thường cung cấp các mẫu, bảng kiểm kê quyên góp và nhắc nhở tự động. Một số chuyên hỗ trợ các mục đích từ thiện, các nền tảng khác lại chuyên về các dự án đầu tư.

Quá trình rà soát

Các nền tảng gây quỹ cộng đồng sẽ rà soát những người đề nghị trước khi tiến hành một chiến dịch. Như với các ngân hàng, một số nền tảng có các tiêu chí rà soát nghiêm ngặt hơn các nền tảng khác.

Trên 2,6 tỷ đô la Mỹ

là số tiền đã quyên góp được trên Kickstarter kể từ khi nền tảng này ra mắt vào tháng Tư năm 2009

Xúc tiến trực tuyến

Các thủ thuật marketing kỹ thuật số giúp xác định mục tiêu là những người có khả năng đóng góp cao nhất. Các kế hoạch tưởng thưởng được đưa ra, trong đó những người đóng góp được hưởng một phần thưởng nào đó dành cho khoản đầu tư, có thể giúp tối đa hóa lượng tiền quyên góp được.

Đóng góp trực tuyến

Hầu hết các lượt quyên góp được thực hiện khi quá trình xúc tiến vừa bắt đầu, nhưng việc giữ cho chiến dịch "sống" bằng những lời nhắc nhở, cập nhật và bài viết mới hết sức quan trọng.

PHÍ

Phí cho các nền tảng gây quỹ cộng đồng khác nhau, nhưng thường là khoảng 5%, chưa bao gồm khoản tiền công thiết kế hoặc phí xử lý thanh toán nào. Một số nền tảng cung cấp một cấu trúc "được ăn cả, ngã về không", tức là số tiền quyên góp được sẽ được hoàn trả lại người đóng góp nếu tổng tiền không đạt mức mục tiêu đã định.

Theo dõi

Khi chiến dịch kết thúc, số tiền được chuyển đến người chủ trì hoặc chuyển lại cho những người quyên góp, tùy vào thỏa thuận. Sau đó, người chủ trì có thể chuẩn bị những người quyên góp mới cho thương vụ tiếp theo.

Cho vay ngang hàng

Còn được gọi là cho vay cộng đồng, cho vay ngang hàng là một cách "mai mối" những người có tiền tiết kiệm đang tìm cách kiếm lời từ số tiền mặt của mình với những người đi vay hoặc các công ty đang cần đầu tư. Là một dạng cho vay tương đối mới, nó có thể mang lại lợi nhuận khả quan cho số tiền tiết kiệm.

Nó hoạt động như thế nào

Giống như một công ty mai mối ảo dành cho những người đi vay và cho vay, cho vay ngang hàng bỏ qua các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác bằng cách sử dụng một người môi giới cho vay cộng đồng có chuyên môn để xem xét kỹ những người muốn vay tiềm năng và kết nối họ với những nhà đầu tư sẵn sàng cho vay số tiền nhàn rỗi.

Điểm hấp dẫn đối với những người cho vay-các nhà đầu tư là tỷ lệ lợi nhuận cao hơn so với mức họ nhận được từ các ngân hàng - thường là gấp đôi. Trong khi đó, người đi vay có thể hưởng lợi từ mức lãi suất thấp hơn của các khoản vay (trừ phi họ bị đánh giá là có rủi ro cao). Người môi giới kiểm tra xếp hạng tín dụng của những người vay tiền và cung cấp một số biện pháp phòng vệ như giữ tiền theo ủy thác để trang trải mọi khoản nợ xấu. Họ cũng thường thu phí cả hai bên vay và cho vay. Cho vay ngang hàng (P2P) bùng nổ từ khủng hoảng kinh tế năm 2008 nhưng nhìn chung, nó vẫn chưa được hiệu chuẩn và quy định đầy đủ, nghĩa là có những rủi ro tiềm ẩn với những người cho vay.

CẦN BIẾT

- **P2P** Viết tắt của quan hệ ngang hàng (peer-to-peer); bất cứ mạng lưới nào cho phép các máy tính được trao đổi thông tin trực tiếp với nhau mà không qua máy chủ trung tâm.
- **Sự bảo vệ** Hầu hết các môi giới viên P2P trực tuyến cung cấp biện pháp phòng vệ cho người cho vay ở dạng quỹ dự trữ. Các quỹ này sẽ hoàn tiền cho chủ nợ nếu các con nợ không có khả năng thanh toán.

Sử dụng cho vay ngang hàng

Bất kỳ cá nhân hay doanh nghiệp nào cũng có thể đăng ký với một công ty cho vay ngang hàng. Các điều khoản cho vay thường trong khoảng 1 đến 5 năm, mức lãi suất và phí rất khác nhau. Dưới đây là một tình huống điển hình.

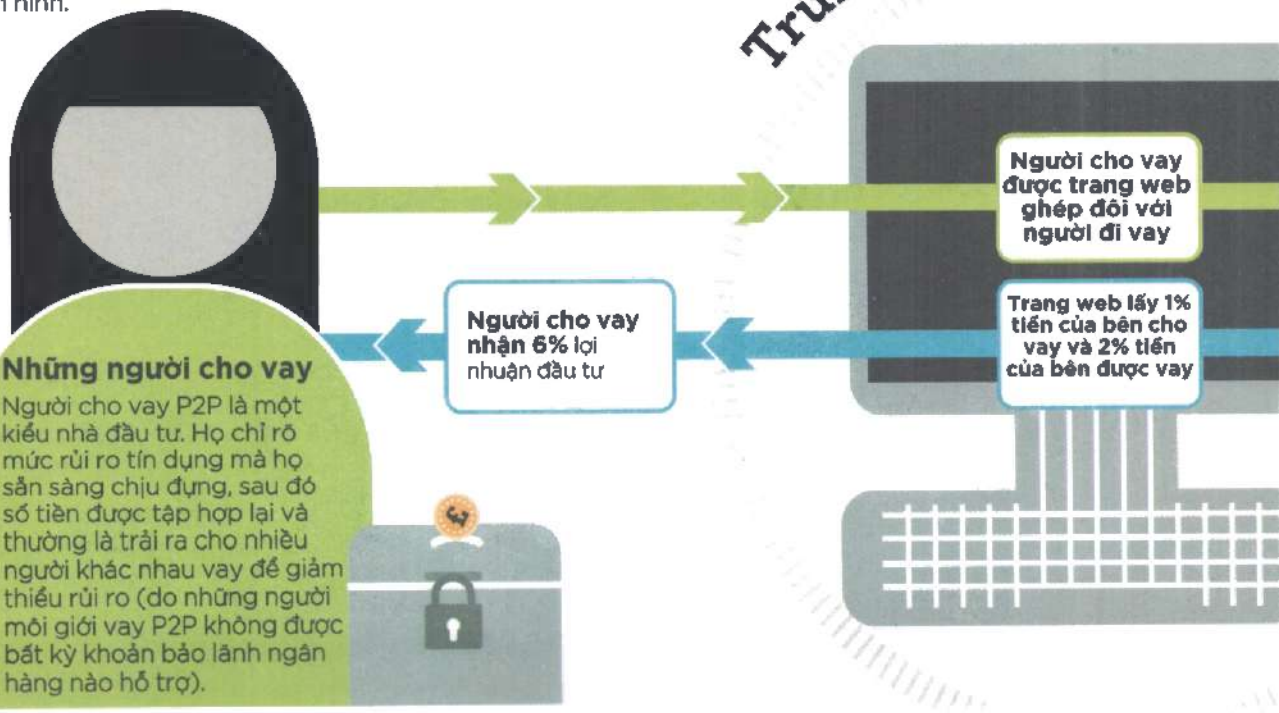

Những người cho vay

Người cho vay P2P là một kiểu nhà đầu tư. Họ chỉ rõ mức rủi ro tín dụng mà họ sẵn sàng chịu đựng, sau đó số tiền được tập hợp lại và thường là trải ra cho nhiều người khác nhau vay để giảm thiểu rủi ro (do những người môi giới vay P2P không được bất kỳ khoản bảo lãnh ngân hàng nào hỗ trợ).

DÀN TRẢI RỦI RO

Một số chủ nợ giảm thiểu rủi ro của họ bằng cách chủ động quản lý các khoản cho vay của mình, cung cấp một phần số tiền mà họ sẵn lòng cho vay cho một con nợ và để những chủ nợ khác cho vay phần còn lại.

Nhiều chủ nợ cho một con nợ vay Số tiền đưa cho con nợ được tập hợp từ tiền của một vài chủ nợ.

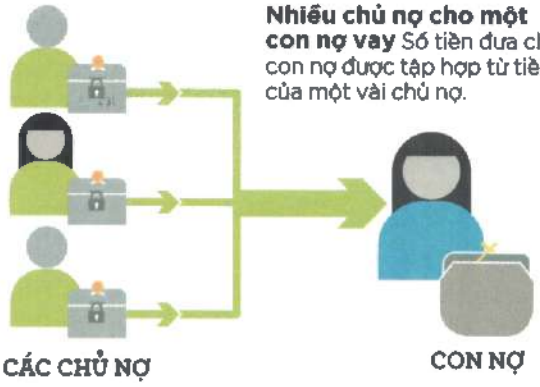

Nhiều chủ nợ cho nhiều con nợ vay
Các chủ nợ dàn trải số tiền mà họ sẵn sàng cho vay bằng cách cho nhiều con nợ vay nhằm giảm thiểu rủi ro cho bản thân.

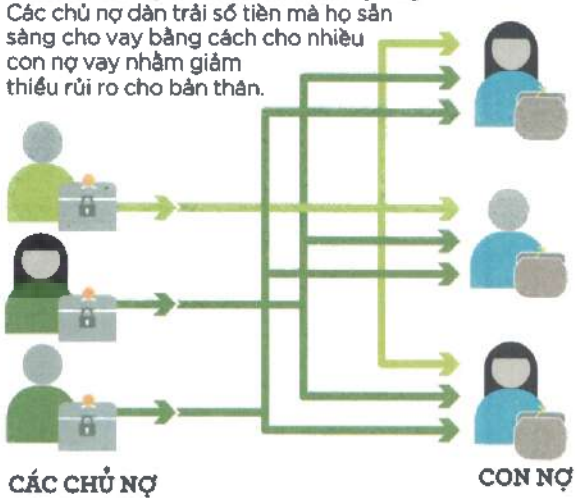

Đến năm 2025, giá trị cho vay P2P toàn cầu được dự đoán là 1 nghìn tỷ đô la Mỹ

Người đi vay trả lại tiền vay + 9% lãi suất cho các lần trả nợ

Người đi vay

Sau khi được kiểm tra tình trạng tín dụng và đánh giá rủi ro tín dụng, những người đi vay thường nhận được tiền vài ngày sau khi nộp đơn, mặc dù việc chuyển khoản có thể mất lên tới 14 ngày. Số tiền cho vay là từ 1.000 đô la Mỹ trở lên.

CẢNH BÁO

- **Vỡ nợ** Người cho vay P2P có rủi ro không thu được tiền trả nợ nếu người vay tiền không có khả năng chi trả (vỡ nợ).
- **Chỉ thực hiện qua trung gian** Các công ty P2P không có nhiều dự trữ tiền mặt.
- **Bảo vệ** Các khoản tiết kiệm không được luật Bồi thường Dịch vụ Tài chính (Vương quốc Anh) bảo lãnh.
- **Nghĩa vụ pháp lý** Nếu một công ty P2P phá sản, những người cho vay theo đó có nghĩa vụ tự thu hồi các khoản tiền cho vay của mình.
- **Chưa được hiệu chuẩn** Do P2P là một hình thức cho vay tương đối mới nên nó chưa được thử nghiệm trong những điều kiện khắc nghiệt, ví dụ như suy thoái.

KHOẢN
LƯƠNG
HƯU

Tiền tại Vương quốc Anh

Thị trường chứng khoán London và chỉ số FTSE

Một trong những thị trường chứng khoán lâu đời nhất thế giới, thị trường chứng khoán London (LSE) cho phép các công ty từ khắp thế giới gọi vốn, cải thiện tình trạng hồ sơ và có được một đánh giá thị trường thông qua nhiều lộ trình khác nhau.

Sở giao dịch chứng khoán London

Trung tâm của thế giới tài chính Anh là Sở giao dịch chứng khoán London (LSE). Nó được xếp thứ ba trên thế giới về mặt vốn hóa thị trường – tổng giá trị của các cổ phiếu được giao dịch trên sàn chứng khoán. Nó cũng là một trong những thị trường chứng khoán có tính quốc tế nhất với các công ty từ hơn 60 quốc gia góp mặt.

Số cổ phiếu đóng góp vào số lượng hoạt động bán khổng lồ, nhưng LSE cũng bán các loại hình chứng khoán khác như trái phiếu, các công cụ tài chính phái sinh, quỹ, lệnh trả tiền, hàng hóa và hối phiếu (chủ yếu là trái phiếu của chính phủ Anh).

Khoảng 2.600 công ty được niêm yết trên LSE. Những công ty này được chia thành hai khu vực chính: Thị trường chính dành cho những công ty lớn nhất và Thị trường thứ cấp (AIM) cho những công ty nhỏ đến trung bình. Ngoài ra còn có các khu vực chuyên sâu, bao gồm Thị trường chứng khoán chuyên nghiệp (PSM) và Quỹ thị trường chuyên sâu (SMF). Tất cả những khu vực này vận hành với tư cách là các thị trường. Người mua có thể mua các khoản đầu tư từ các công ty hoặc tổ chức đang tìm cách gây vốn bằng cách bán quyền sở hữu công việc kinh doanh của họ (cổ phiếu), hoặc bằng cách đưa ra một khoản lãi suất đổi lấy việc mua một khoản nợ tạm thời (chứng khoán nợ như trái phiếu).

Tổng giá trị của tất cả các công ty giao dịch trên LSE là khoảng 3 nghìn tỷ bảng; 100 công ty hàng đầu đóng góp gần 80% giá trị này. Đây là những công ty hàng đầu đứng vững trong một thời gian dài, có kết quả hoạt động xuất sắc và được giao dịch trên Thị trường chính và do FTSE, chỉ số 100 chứng khoán của Financial Times, theo dõi. Các công ty còn lại giao dịch trên Thị trường thứ cấp, AIM, hoặc tại PSM hoặc SMF.

Thuộc sở hữu của Tập đoàn Chứng khoán London, LSE cũng cung cấp cơ hội tiếp cận các nền tảng giao dịch khác của tập đoàn như Borsa Italiana, thị trường chứng khoán chính của Ý; MTS, thị trường thu nhập cố định hàng đầu châu Âu, chủ yếu giao dịch các trái phiếu chính phủ; và Turquoise, một nền tảng thương mại đa phương toàn châu Âu, nơi giao dịch chứng khoán từ 19 nước của châu lục này.

Thị trường chính

Trước khi được niêm yết trên Thị trường chính của LSE, một công ty phải có giá trị ít nhất là 700.000 bảng. Nó cũng phải cung cấp được các báo cáo kế toán đã được kiểm toán của ít nhất ba năm; những báo cáo này được chuẩn bị theo Tiêu chuẩn Báo cáo Tài chính Quốc tế (IFRS).

Thị trường chính bao gồm một số khu vực, mỗi khu vực lại có những yêu cầu riêng dành cho việc niêm yết và một chỉ số để theo dõi sự tăng, giảm giao dịch.

FTSE 100 Chỉ số nổi tiếng nhất của LSE là chỉ số 100 chứng khoán của Financial Times. Có biệt danh là Footsie, chỉ số này theo dõi việc bán cổ phiếu của 100 công ty hàng đầu được niêm yết trên LSE, bao gồm BP, Rio Tinto, Tesco và RBS. Nó được tính toán 15 giây một lần để cho biết khối lượng giao dịch trực tiếp và biến động thị trường từng phút một. Các công ty trong danh sách 100 công ty hàng đầu được xem xét và điều chỉnh hàng quý để có chỗ cho những công ty xuất sắc mới.

FTSE 250 FTSE 250 niêm yết 250 công ty giá trị nhất kế tiếp (đứng sau các công ty thuộc nhóm FTSE 100), xếp hạng từ 101 đến 350.

FTSE 350 FTSE 350 niêm yết 350 công ty hàng đầu tại UK và là sự kết hợp của FTSE 100 và FTSE 250.

FTSE SmallCap Các công ty FTSE SmallCap (bậc tiếp theo các công ty FTSE 350) được xếp hạng theo giá trị của chúng từ số 351 đến 619. Cái tên SmallCap ám chỉ thực tế là những công ty này có giá trị vốn hóa nhỏ hơn những công ty thuộc danh sách FTSE 350.

FTSE All-Share Là sự kết hợp của FTSE 100, 250 và SmallCap, chỉ số FTSE All-Share mang lại một cái nhìn tổng quan rộng hơn về tình hình vận hành của các công ty công khai trên LSE.

FTSE Fledgling Chỉ số FTSE Fledgling bao gồm khoảng 200 công ty nhỏ hơn các công ty thuộc FTSE All-Share nhưng vẫn đủ tư cách được niêm yết trên Thị trường chính.

Thị trường thứ cấp

Hay Thị trường đầu tư thay thế (AIM) được thiết kế dành cho các công ty phát hành cổ phiếu và bán chúng trên LSE nhưng lại khó đáp ứng được các quy định ngặt nghèo của Thị trường chính. Ví dụ, các quy định của AIM, không như các quy định của Thị trường chính, không yêu cầu các công ty phải có quy mô tối thiểu hoặc có một hồ sơ thương mại uy tín. Điều này khiến các công ty đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển sự nghiệp có thể tham gia các thị trường công khai.

Còn được gọi là thị trường thứ cấp, được ra mắt vào năm 1995 để mang lại cơ hội thu hút vốn từ các nhà đầu tư cho các công ty nhỏ hơn. Có khoảng 1.450 công ty được niêm yết trên AIM và chúng được chia thành ba nhóm sau:

Chỉ số FTSE AIM UK 50 50 công ty hàng đầu tại Anh

Chỉ số 100 FTSE AIM 100 công ty hàng đầu

Chỉ số FTSE AIM All-Share Tất cả các công ty được niêm yết trên AIM.

Quy định

Các hoạt động trên LSE được một nhánh của Cơ quan Dịch vụ Tài chính (FSA) điều tiết, gọi là Cơ quan Niêm yết Vương quốc Liên hiệp Anh (UKLA). Bất kỳ công ty nào muốn được niêm yết trên LSE đều phải được sự chấp thuận của UKLA và phải thỏa mãn những tiêu chí hợp lệ nhất định. Những yêu cầu là khác nhau, tùy thuộc vào hình thức niêm yết mà công ty đó muốn có. Vị trí được niêm yết càng cao – với Thị trường chính là cao nhất – thì quá trình xem xét tiêu chí hợp lệ của UKLA càng nghiêm ngặt.

CÁC QUỸ PHÒNG HỘ

Các quỹ phòng hộ là các phương án đầu tư có thể mang lại lợi nhuận tiềm năng khổng lồ, mặc dù chúng cũng có rủi ro cao. Quỹ phòng hộ sẽ đầu tư tiền vào một loạt sản phẩm tài chính, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và những danh mục tài sản phức tạp hơn gọi là các công cụ phái sinh – ví dụ như quyền chọn, chứng chỉ, giao dịch giao sau và hoán đổi. Bất cứ thứ gì mà người quản lý quỹ lường trước sẽ mang lại một khoản lợi nhuận nào đó đều là một mục tiêu tiềm năng, bất kể tình hình tài chính hiện tại là thế nào. Có rất ít sự kiểm soát đối với các hình thức đầu tư mà người quản lý quỹ phòng hộ có thể thực hiện, đồng nghĩa với việc chúng có rủi ro cao.

Trong khi các hình thức đầu tư khác cố gắng vượt qua một chỉ số cụ thể nào đó, ví dụ như FTSE, các quỹ phòng hộ được thiết kế với mục tiêu đơn giản là tạo ra lợi nhuận. Điều này có nghĩa là các nhà đầu tư thuần túy dựa vào kỹ năng của người quản lý quỹ phòng hộ để quyết định một chiến lược đầu tư và lựa chọn một sự kết hợp các sản phẩm tài chính sinh lợi nhiều nhất. Phí quản lý quỹ thường vào khoảng 2%, cộng thêm 20% phí thực hiện.

Các quỹ phòng hộ được dành riêng cho giới siêu giàu hoặc các tổ chức tài chính do họ cần đến hàng triệu đô la trong khi số tiền chi ra là tối thiểu. Tuy nhiên, mãi tới gần đây, các nhà đầu tư tư nhân tại Anh với những ngân quỹ khiêm tốn hơn đã có thể đặt tiền của mình vào một "quỹ của các quỹ", tập hợp tiền từ vô số nhà đầu tư và phân bổ nó cho một vài quỹ phòng hộ để giảm thiểu rủi ro. Tại Vương quốc Anh, việc marketing của những quỹ này bị kiểm soát nghiêm ngặt để bảo vệ những nhà đầu tư tư nhân nhỏ lẻ và người ta có quyền truy đòi nếu tình hình xấu đi, trừ phi người quản lý quỹ đã được đăng ký với FCA.

Cục Quản lý Doanh nghiệp và kế toán doanh nghiệp

Cục Quản lý Doanh nghiệp, một cơ quan do Bộ Kinh doanh, Năng lượng & Chiến lược Công nghiệp bảo trợ, có trách nhiệm sáp nhập và giải thể các công ty hữu hạn, đăng ký thông tin doanh nghiệp và công bố thông tin đó tới người dân.

Đăng ký doanh nghiệp

Bất cứ công ty nào kinh doanh tại Vương quốc Anh cũng có các nghĩa vụ pháp lý. Nếu công ty đó có một địa điểm kinh doanh thực tại Vương quốc Anh, dù đó là một doanh nghiệp thành lập tại Vương quốc Anh hay từ nước ngoài, một trong những nghĩa vụ đầu tiên của nó là đăng ký với Cục Quản lý Doanh nghiệp.

Các công ty nước ngoài phải đăng ký trong vòng một tháng sau khi mở địa điểm kinh doanh tại Vương quốc Anh, nhưng một số dạng doanh nghiệp nước ngoài, như hợp danh, hợp danh hữu hạn hay các cơ quan chính phủ, không thể đăng ký tại Vương quốc Anh.

Để đăng ký, các doanh nghiệp phải hoàn thành một mẫu đăng ký và trả một khoản phí tiêu chuẩn nhỏ. Một số doanh nghiệp nước ngoài cũng có thể phải cung cấp bản sao các tài liệu sáp nhập cũng như các báo cáo kế toán mới nhất của họ. Một khi đã được đăng ký, các công ty được kỳ vọng là sẽ nộp một tờ khai thuế thường niên cho Cục Quản lý Doanh nghiệp. Họ cũng phải nộp các báo cáo quý và báo cáo thường niên cho Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia (HMRC) và đóng thuế doanh nghiệp hằng năm đối với các khoản lợi nhuận từ 1,5 triệu bảng trở xuống và đóng thuế định kỳ cho các khoản lợi nhuận trên 1,5 triệu bảng.

Ba loại doanh nghiệp phải đóng thuế doanh nghiệp cho lợi nhuận của mình là: các công ty Anh; các công ty nước ngoài đăng ký tại Vương quốc Anh; và các hiệp hội, các hợp tác xã hoặc các hình thức liên kết khác như các nhóm cộng đồng hoặc các câu lạc bộ thể thao.

Các công ty hợp doanh không đăng ký với Cục Quản lý Doanh nghiệp và không có nghĩa vụ nộp các báo cáo kế toán cho HMRC – ngoài những kê khai thuế thu nhập cá nhân của các cá nhân trong các công ty đó.

Các tiêu chuẩn kế toán của Vương quốc Anh

Cả Cục Quản lý Doanh nghiệp và HMRC đều yêu cầu các báo cáo tài chính phải được chuẩn bị theo một bản mẫu tuân theo những tiêu chuẩn kế toán chính thức của Vương quốc Anh, nghĩa là những hạng mục và các dạng tính toán cụ thể phải được đưa vào báo cáo kế toán. Các tiêu chuẩn do Hội đồng Báo cáo Tài chính (FRC) ban hành và bộ Thực hành Kế toán được chấp nhận chung của Vương quốc Anh (UK GAAP) là các quy định đã được thiết lập trong một thời gian dài, quy định cách chuẩn bị và tường trình các báo cáo kế toán của các công ty tại Vương quốc Anh. Nó bao gồm các tiêu chuẩn kế toán cũng như các điều luật doanh nghiệp của Vương quốc Anh. Khung khuôn khổ kế toán bao gồm sáu tiêu chuẩn khác nhau, FRS 100 đến FRS 105, mỗi tiêu chuẩn đặt ra các tiêu chuẩn báo cáo áp dụng cho các loại công ty khác nhau tại Vương quốc Anh, ví dụ như công ty mẹ, công ty chưa niêm yết và công ty bảo hiểm.

Các báo cáo kế toán doanh nghiệp cần được nộp cho cả HMRC và Cục Quản lý Doanh nghiệp vào cuối năm tài chính. Năm tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng Sáu và kết thúc vào ngày 31 tháng Năm, nhưng những ngày này có thể khác một chút trong năm đầu tiên doanh nghiệp hoạt động vì doanh nghiệp bắt đầu giai đoạn kế toán của mình vào ngày nó thành lập, không phải ngày nó bắt đầu giao dịch.

Các công ty không phải có một nhân viên kế toán để chuẩn bị các báo cáo kế toán, nhưng các giám đốc có nghĩa vụ trước pháp luật là đảm bảo rằng các báo cáo tài chính phải bám sát những hướng dẫn do FRC ban hành. Các công ty tư nhân có nghĩa vụ giữ các hồ sơ kế toán của mình trong ba năm, còn các công ty công phải giữ các tài liệu đó trong sáu năm.

Ngăn ngừa gian lận

Từ năm 2017, luật về trốn thuế sẽ bao gồm quy định mới về phá sản doanh nghiệp để ngăn ngừa việc trốn thuế, cả ở Vương quốc Anh và nước ngoài. Điều này có nghĩa là bất cứ ai làm ngơ cho một doanh nghiệp trốn

thuế, hoặc liên đới tới quá trình trốn thuế dưới bất kỳ hình thức nào khi đang làm việc cho một công ty, đều sẽ có nguy cơ bị truy tố. Luật nhắm đến bất cứ ai đại diện cho một tổ chức, như một nhân viên hoặc một đơn vị kế toán, cũng như những cá nhân đóng thuế.

Luật sở hữu trí tuệ

Các công ty kinh doanh tại Vương quốc Anh có thể nộp hồ sơ cho Văn phòng Sở hữu Trí tuệ (IPO) để đăng ký sở hữu trí tuệ. Sở hữu trí tuệ bao gồm các thương hiệu như tên sản phẩm; nhạc hiệu và logo; các thiết kế đã được đăng ký (tức vẻ ngoài của một sản phẩm, bao gồm bao bì, họa tiết và hình dáng); và các bằng sáng chế, có thể áp dụng cho những sáng chế và sản phẩm như máy móc và dược phẩm.

Bản quyền của những tác phẩm viết, phim, ảnh, âm nhạc, nội dung trang web và các bản thu âm được luật pháp Vương quốc Anh tự động bảo trợ, như các quyền thiết kế, liên quan đến hình dáng của các đối tượng và cách sắp xếp các bộ phận khác nhau của chúng với nhau.

Sau khi Vương quốc Anh rút khỏi Liên minh châu Âu, các công ty Anh sẽ vẫn có thể đăng ký một thương hiệu hoặc một thiết kế của Liên minh châu Âu và các doanh nghiệp Anh sẽ vẫn có thể nộp hồ sơ cho Văn phòng Bằng sáng chế châu Âu để được bảo vệ. Các công ty đã có hồ sơ bằng sáng chế quốc tế có thể nộp đăng ký tại Vương quốc Anh, miễn là việc nộp hồ sơ được thực hiện trong vòng 31 tháng trong trường hợp đăng ký quốc tế.

Các mức thuế doanh nghiệp

Cho đến năm 2016, mức thuế doanh nghiệp chính được áp dụng là 20%; nhưng trong Ngân sách năm 2016, chính phủ đã tuyên bố mức thuế sẽ thay đổi còn 19% cho những năm thuế (bắt đầu vào ngày 1 tháng Tư) 2017, 2018 và 2019; vào ngày 1 tháng Tư năm 2020, nó sẽ giảm xuống còn 17%. Mức thuế này áp dụng cho mọi công ty, trừ những công ty thu lợi từ khai thác dầu hoặc các quyền lợi liên quan đến dầu mỏ tại Vương quốc Anh (còn gọi là các công ty "hàng rào kín").

KÊ KHAI THUẾ

Năm kế toán

Hằng năm, các công ty trách nhiệm hữu hạn phải đệ trình các báo cáo kế toán thường niên cho Cục Quản lý Doanh nghiệp và một bản khai báo lợi tức để đóng thuế của công ty cho HMRC. Với những công ty mới, năm kế toán đầu tiên bắt đầu từ cuối tháng thành lập đầu tiên. Nó được gọi là Ngày đối chiếu kế toán (ARD). Hạn chót để đệ trình các báo cáo kế toán là 21 tháng sau ARD cho các công ty tư nhân và 18 tháng sau ARD cho các công ty trách nhiệm hữu hạn công (plcs).

Thời hạn đệ trình báo cáo kế toán

Hoạt động	Hạn chót
Đệ trình các báo cáo kế toán đầu tiên với Cục Quản lý Doanh nghiệp	21 tháng sau khi đăng ký với Cục Quản lý Doanh nghiệp
Đệ trình các báo cáo kế toán năm cho Cục Quản lý Doanh nghiệp	9 tháng sau khi năm tài chính của công ty kết thúc
Nộp thuế doanh nghiệp, hoặc thông báo cho HMRC rằng công ty trách nhiệm hữu hạn không nợ bất kỳ khoản thuế doanh nghiệp nào	9 tháng 1 ngày sau khi giai đoạn kế toán dành cho thuế doanh nghiệp của công ty kết thúc
Đệ trình tờ khai thuế của công ty	12 tháng sau khi giai đoạn kế toán dành cho thuế doanh nghiệp của công ty kết thúc

Ngân hàng Anh và nền kinh tế Vương quốc Anh

Ngân hàng Anh đóng vai trò là một ngân hàng đối với chính phủ, cũng như với các ngân hàng thương mại. Ngân hàng phát hành tiền tệ, áp mức lãi suất cơ bản và điều phối hệ thống ngân hàng, tác động đến nền kinh tế Vương quốc Anh.

Ngân hàng trung ương của Vương quốc Anh

Ngân hàng Anh (BOE) được thành lập vào năm 1694, là ngân hàng trung ương lâu đời thứ nhì thế giới, sau Riksbank của Thụy Điển. Từ tháng Sáu năm 1998, Ngân hàng Anh đã hoàn toàn độc lập với chính phủ Vương quốc Anh. Sau cuộc bầu cử năm 1997 đưa Đảng Lao động lên cầm quyền, thủ tướng khi ấy là Gordon Brown đã khởi xướng Luật Ngân hàng Anh 1998 để Ngân hàng Anh được phép hoạt động độc lập với chính sách tiền tệ.

Ngân hàng Anh đóng vai trò như một ngân hàng đối với các ngân hàng thương mại tại Vương quốc Anh và như một "người cho vay cuối cùng". Nó cũng duy trì tài khoản ngân hàng của chính phủ, tức Ngân khố Anh.

Bên cạnh việc giữ vai trò như một ngân hàng đối với chính phủ, Ngân hàng Anh có ba vai trò chính: phát hành tiền, áp mức lãi suất cơ bản và điều phối hệ thống ngân hàng. Trong hai vai trò đầu tiên, Ngân hàng Anh nhắm đến việc duy trì giá cả ổn định trong khắp nền kinh tế của Vương quốc Anh và lòng tin vào đồng bảng Anh. Nó đưa ra những quyết định sống còn đối với nguồn cung tiền và lãi suất cơ bản được áp lên các khoản tiền cho các ngân hàng thương mại vay, cũng là số tiền có thể được thanh toán cho các khoản tiền mà các ngân hàng này gửi ở ngân hàng trung ương. Đổi lại, những chức năng này góp phần vào sự vận động của tỷ giá hối đoái, đẩy giá trị đồng bảng Anh tăng hoặc giảm so với đồng tiền của các quốc gia khác. Bằng cách thao túng nguồn cung tiền, Ngân hàng Anh có sức ảnh hưởng trực tiếp tới tình hình kinh tế của Vương quốc Anh.

Ngoại tệ

Ngân hàng Anh cũng chịu trách nhiệm quản lý dự trữ vàng và ngoại hối cho Kho bạc Nhà nước (HMT). Dự trữ ngoại tệ của Vương quốc Anh được giữ trong một tài khoản chính phủ dành cho HMT. Ngân hàng Anh đóng vai trò như đại diện của HMT, mua và bán ngoại tệ, đầu tư một phần tiền trong giới hạn mà HMT đặt ra. Những dự trữ này có thể được dùng một phần để đề phòng những lần dao động lớn của đồng bảng Anh. Ví dụ, trong 12 tháng trước cuộc bỏ phiếu rời khỏi Liên minh châu Âu (Brexit) năm 2016, Ngân hàng Anh tăng dự trữ ngoại tệ của mình lên 34%. Các nhà kinh tế đã thấy động thái này như một biện pháp phòng xa nhằm bảo vệ đồng bảng Anh không bị mất giá trị quá nhiều do tình trạng không rõ ràng theo sau quyết định Brexit.

In và bảo mật tiền giấy

Tại Anh, chỉ có Ngân hàng Anh in đồng bảng Anh; nhưng tại Scotland và Bắc Ireland, bảy ngân hàng khác có giấy phép in các đồng tiền địa phương với sự cho phép từ Ngân hàng Anh. Ba ngân hàng đặt tại Scotland và bốn ngân hàng đặt tại Bắc Ireland. Ngân hàng Anh phát hành tiền giấy với các mệnh giá 50 bảng, 20 bảng, 10 bảng và 5 bảng để lưu hành tại Anh và xứ Wales. Scotland và Bắc Ireland cũng phát hành tờ 100 bảng, nhưng chỉ Scotland mới in tờ 1 bảng.

Tiền giấy được phát hành tại Bắc Ireland và Scotland có thể được dùng ở bất cứ đâu trên Vương quốc Anh, nhưng chỉ khi người giao dịch đồng ý. Tương tự, tiền giấy do Ngân hàng Anh phát hành có thể được dùng ngoài Anh và Wales nếu cả hai bên tiến hành giao dịch cùng chấp nhận. Nói cách khác, tiền giấy của Ngân hàng Anh chỉ là đồng tiền pháp định tại Anh và Wales trong khi tiền giấy được in tại Scotland và Bắc Ireland chỉ là đồng tiền pháp định tại các vùng tương ứng.

Các mức lãi suất

Trước khi ra quyết định tăng, giảm hoặc duy trì các mức lãi suất, Ngân hàng Anh đánh giá dữ liệu kinh tế

hiện thời, ví dụ như tỷ lệ thất nghiệp, sự tăng trưởng của tổng sản phẩm quốc nội (GDP) và lạm phát. Ngân hàng cũng thu thập dữ liệu từ khắp nơi trong Vương quốc Anh thông qua 12 cơ quan đặt tại Scotland, Bắc Ireland, Wales và các vùng thuộc Anh. Những cơ quan này đóng vai trò như "tai mắt" của ngân hàng, thu thập thông tin về điều kiện kinh doanh trên khắp Vương quốc Anh.

Các quyết định liên quan đến các mức lãi suất do Ủy ban Chính sách Tiền tệ (MPC) của Ngân hàng Anh đưa ra và chúng được công bố hằng tháng, luôn vào 12 giờ trưa một ngày thứ Năm. MPC cũng công bố các dự đoán về lạm phát và tăng trưởng trong Báo cáo Lạm phát của mình, phát hành bốn lần mỗi năm vào tháng Hai, tháng Năm, tháng Tám và tháng Mười một. Những dự đoán này tạo nên cơ sở cho các quyết định liên quan đến các thay đổi của lãi suất.

Nếu nền kinh tế trì trệ, Ngân hàng Anh sẽ giảm lãi suất để khuyến khích chi tiêu và kích thích nền kinh tế. Nếu nền kinh tế đang có nguy cơ tăng trưởng quá nhanh, Ngân hàng Anh sẽ tăng lãi suất để khiến việc vay tiền trở nên đắt đỏ hơn và hạn chế hoạt động chi tiêu. Là một phần của việc ra quyết định, Ngân hàng Anh phải tính đến mục tiêu đã đề ra của chính phủ là hạn chế lạm phát ở mức 2%.

Nới lỏng định lượng

Khi việc chính thức giảm lãi suất vẫn chưa đủ để kích thích tăng trưởng kinh tế, Ngân hàng Anh có thể thực thi một chính sách tiền tệ gọi là nới lỏng định lượng (QE) để tác động hơn nữa đến các mức lãi suất. Trong nới lỏng định lượng, Ngân hàng tạo thêm tiền điện tử mới (thay vì in tiền giấy) và dùng nó để mua trái phiếu chính phủ. Điều này có tác động nâng giá bán trái phiếu chính phủ, tức là giảm lợi tức hay lãi suất phải trả cho các nhà đầu tư. Giảm lãi suất khuyến khích các doanh nghiệp vay thêm tiền. Theo đó, các doanh nghiệp chi tiêu nhiều hơn và thuê thêm nhân viên, do vậy thúc đẩy nền kinh tế.

HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG ANH

Ra mắt tiền polymer

Tháng Chín năm 2016, Ngân hàng Anh cho ra mắt đồng 5 bảng bằng polymer in trên màng nhựa mỏng, đánh dấu giai đoạn bắt đầu chấm dứt tiền giấy tại Vương quốc Anh. Đồng 5 bảng cũ bằng giấy không còn là tiền pháp định vào ngày 5 tháng Năm năm 2017. Đồng 10 bảng và 20 bảng mới bằng polymer sẽ được phát hành tại Anh và Wales vào năm 2020. Ba ngân hàng phát hành tiền tại Scotland cũng sẽ in những đồng tiền mới của mình trên chất liệu polymer. Vì polymer bền cũng như chịu được ẩm và bụi bẩn tốt hơn rất nhiều nên các đồng tiền này sẽ có tuổi thọ lâu hơn tới 2,5 lần. Chúng cũng có thể được in với thiết kế của sổ trong suốt, khiến chúng khó bị giả mạo hơn.

Sau Brexit

Để kích thích nền kinh tế sau cú huých Brexit, Ngân hàng Anh thực hiện một biện pháp chưa từng có tiền lệ là xúc tiến một chương trình mua các trái phiếu công ty, như ngày 27 tháng Chín năm 2016. Với một ngân sách lên tới 10 tỷ bảng, chương trình mua trái phiếu doanh nghiệp dự kiến làm giảm chi phí vay tiền, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, theo đó thúc đẩy công ăn việc làm và tăng trưởng kinh tế.

Hệ thống thuế của Vương quốc Anh

Trách nhiệm đối với hệ thống thuế của Vương quốc Anh được chia sẻ cho ba cơ quan: chính quyền trung ương tại Westminster, chính quyền địa phương và các chính quyền quốc gia được ủy nhiệm.

Vai trò của chính quyền

Chính quyền trung ương thu cả thuế trực tiếp, như thuế thu nhập, và thuế gián tiếp, như thuế giá trị gia tăng (VAT). Các chính quyền địa phương thu thuế kinh doanh và thuế hội đồng.

Các chính quyền quốc gia được ủy nhiệm của Scotland, Wales và Bắc Ireland có quyền áp một số mức thuế của riêng mình, đặc biệt là thuế kinh doanh và thuế đất. Scotland có thêm quyền áp thuế giao dịch đất và nhà cửa và thuế chôn lấp rác, cả hai đều do Cục Thuế Scotland thu. Từ năm 2018, Wales cũng có quyền định thuế giao dịch đất đai và thuế chôn lấp rác, và Cục Thuế xứ Wales đang được thành lập để quản lý những loại thuế này. Chỉ Scotland có mức thuế thu nhập riêng, dù loại thuế này cũng do chính quyền trung ương thu. Bắc Ireland hiện nay được tự do định mức thuế doanh nghiệp của riêng họ.

Chính quyền trung ương đặt tại Westminster cung cấp ngân sách cho các hội đồng địa phương và các chính quyền quốc gia được ủy nhiệm, đồng thời thu lợi tức thông qua nhiều nguồn. Lợi tức này do hai cơ quan tài chính cơ bản quản lý là Kho bạc Nhà nước (HMT) và Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia (HMRC). Trong khi HMT chịu trách nhiệm giám sát hệ thống thuế thì HMRC chịu trách nhiệm thu thuế trên phạm vi toàn vương quốc và quản lý hệ thống thuế một cách công bằng.

HMRC được Ngân khố thành lập vào năm 2005 như một bộ không có bộ trưởng của chính quyền, một sự hợp nhất giữa Cục Thuế nội địa, cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm thu các thuế trực tiếp như thuế thu nhập, và Cơ quan Hải quan và Thuế hàng hóa, nơi thu các thuế gián tiếp như VAT.

Các nguồn thuế

HMRC hiện nay thu hầu hết các khoản thuế chảy vào các kho bạc của chính quyền Vương quốc Anh. Phần lớn tiền thuế đến ở dạng thuế trực tiếp, tức các thuế áp dụng cho thu nhập, lợi nhuận và các hoa lợi khác như thuế thừa kế. Những thuế này được khấu trừ ngay từ nguồn, ví dụ như hệ thống PAYE (pay as you earn, tức nộp thuế ngay khi kiếm được tiền) trừ tiền thuế từ lương hằng tháng của người lao động, hoặc có thể đóng cho HMRC, ví dụ như thuế doanh nghiệp. Thuế thu nhập và số tiền đóng Bảo hiểm Quốc gia là những thuế trực tiếp chủ yếu (khoảng 45%). Các thuế trực tiếp khác bao gồm thuế lãi vốn, thuế thừa kế và thuế doanh nghiệp.

Trong số đó, thuế thu nhập là nguồn thu quan trọng nhất của chính quyền. Trong thập niên vừa qua, sau những thay đổi trong chính sách của chính quyền, số thuế đến từ những người có thu nhập cao đã tăng lên và số thuế đến từ những người có thu nhập thấp hơn đã giảm. Tiền khấu trừ cá nhân cho những người đóng thuế có thu nhập thấp hơn thì tăng lên trong khi ngưỡng xác định những người đóng thuế có thu nhập cao hơn lại giảm xuống. Kết quả là số lượng người đóng những khoản thuế nhiều hơn đã tăng thêm hơn một triệu người.

Những khoản thuế gián tiếp cũng do HMRC thu. Những thuế này do người tiêu dùng trả khi họ mua các sản phẩm và dịch vụ. Sau đó, người bán có trách nhiệm đóng thuế cho HMRC. VAT là thuế gián tiếp chính, chiếm khoảng 18% tiền thuế của chính quyền. Khi được cộng với các thuế gián tiếp khác, thuế đối với hàng hóa và dịch vụ chiếm khoảng 28% tổng thu thuế.

Thu nhập của hội đồng

Ở cấp địa phương, các hội đồng chủ yếu dựa vào thuế hội đồng và thuế kinh doanh làm nguồn thu chính. Họ được phép nâng thuế hội đồng với một lượng được giới hạn do chính quyền quốc gia ấn định. Các hội đồng có quyền tăng thuế kinh doanh cho phù hợp với Chỉ số Giá bán lẻ (RPI), giá trị đo những thay đổi về giá của một "giỏ hàng" gồm các hàng hóa và dịch vụ bán lẻ. "Giỏ" này gồm một loạt các mặt hàng mà người tiêu dùng có thể chi trả thường xuyên như thực phẩm, hóa đơn khí đốt, phí trông trẻ và vé xem bóng đá.

RPI có tên gọi chính thức là RPIJ, chữ J nhắc đến phương pháp tính toán ra chỉ số này gọi là Jevons. Chỉ số này được tính toán hằng năm và sau đó, chính quyền sẽ dùng nó để đánh giá các dạng đánh thuế khác như ưu đãi thuế và tiền hưu trí. Ví dụ, nếu RPI tăng, chính quyền sẽ phải cân nhắc việc tăng các khoản đóng tiền hưu trí để bù đắp lại chi phí sinh hoạt cao hơn.

Thu thuế

Quyền thu thuế của HMRC đã tăng lên đáng kể kể từ năm 2005. Hiện nay, nó có quyền thu thập thông tin liên lạc để xử vắng mặt các cá nhân đóng thuế thông qua một bên thứ ba. Nó cũng có thể kiến nghị tòa án đặt một công ty nào đó vào tình trạng thanh lý và yêu cầu thế chấp trước khả năng có nợ xấu trong tương lai nếu một công ty trước đó đã không hoàn thành các nghĩa vụ thuế của mình.

Từ ngày 6 tháng Tư năm 2016, HMRC đã có thể đòi lại các khoản nợ còn thiếu trực tiếp từ tài khoản của người đóng thuế, miễn là khoản nợ trên 1.000 bảng, và HMRC để lại tối thiểu 5.000 bảng trong tài khoản của người mắc nợ. HMRC có thể chỉ làm như vậy nếu trước tiên, nó tuân theo một giao thức nghiêm ngặt, bao gồm việc gặp mặt trực tiếp người đóng thuế, thảo luận về các phương án hoàn trả có thể quản lý được và cung cấp hỗ trợ cho người vay tiền được xem là "có rủi ro".

NGUỒN THU TỪ THUẾ

Các nguồn thu từ thuế tại Vương quốc Anh

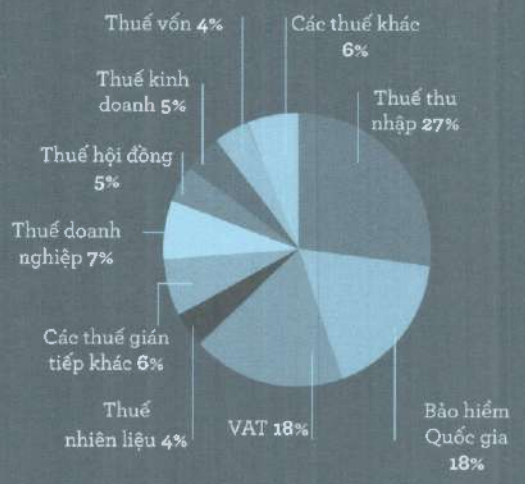

Phần lớn nguồn thu thuế đến từ thuế thu nhập và các phần đóng góp cho Bảo hiểm Quốc gia, trong khi thuế từ các doanh nghiệp và thuế kinh doanh nhỏ hơn rất nhiều.

Chênh lệch thuế

Hằng năm, một phần đáng kể tiền thuế lẽ ra phải nộp cho HMRC đã không thu được. Ví dụ, theo số liệu thống kê của HMRC, chênh lệch thuế năm 2013-2014 là khoảng 34 tỷ bảng, hay 6,4% tổng hóa đơn tính thuế. Con số này ít hơn hóa đơn tính thuế của năm 2005-2006 là 2%; sự giảm sút này chủ yếu là do các công cụ mới đã khiến HMRC có nhiều quyền lực và nguồn lực hơn để giảm trốn thuế, đồng thời khuyến khích các cá nhân và doanh nghiệp kê khai chính xác và tự nguyện đóng thuế. Con số của chính phủ cho thấy trong năm 2014-2015, HMRC đã có doanh thu thuế là 517,7 tỷ bảng, trong đó, 26,6 tỷ bảng có thể đã bị thất thu do trốn thuế.

Bảo hiểm Quốc gia và các thuế gián tiếp

Tại Vương quốc Anh, các chương trình hưu trí của chính phủ lấy nguồn tiền từ các khoản đóng góp vào Bảo hiểm Quốc gia. Tiền cũng được thu về thông qua các khoản tiền phải trả áp lên sản phẩm như VAT, thuế cho một số mặt hàng nhất định và các thuế gián tiếp khác.

Tiền thu từ Bảo hiểm Quốc gia

Tiền chính phủ nhận được từ các khoản đóng góp cho Bảo hiểm Quốc gia (NI) được dành riêng cho việc trả lương hưu trí. Về bản chất, tiền thu NI của năm nay sẽ thanh toán những yêu cầu về lương hưu của năm nay. Các khoản đóng góp NI đi trực tiếp vào một quỹ riêng và được tách biệt với bất kỳ khoản thu từ thuế nào khác. Không giống các quốc gia khác như Mỹ, Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất và Nauy, Vương quốc Anh không có quỹ đầu tư quốc gia, tức một quỹ đầu tư do chính quyền sở hữu, có thể được dùng cho tiền hưu trí và các mục đích khác. Điều đó có nghĩa là chính quyền Vương quốc Anh không mua cổ phiếu hay đầu tư tiền trên danh nghĩa quốc gia. Ví dụ, chính phủ có thể đầu tư số tiền thuế đánh lên dầu Biển Bắc trong những năm 1970 và 1980, mua các trái phiếu chính phủ và làm gia tăng đáng kể ngân quỹ của mình. Tuy nhiên, thay vào đó, số tiền này đã được dùng để hỗ trợ cắt giảm thuế và chi tiêu công; thâm hụt ngân sách hiện nay của Vương quốc Anh khiến việc thiết lập một quỹ đầu tư quốc gia khó thực hiện được.

Dù không có quỹ đầu tư quốc gia, chính phủ Vương quốc Anh vẫn đầu tư các khoản đóng NI trong tài khoản tiền gửi có thông tri do Văn phòng Quản lý nợ phụ trách. Tiền được gửi trong một tài khoản qua đêm và cho vay để thu lãi với mức lãi suất hiện hành. Lượng tiền trong tài khoản được điều chỉnh hàng ngày để chính quyền có thể rút tiền ra khi cần thanh toán các khoản lương hưu. Việc rút tiền không có hạn chế nào và hệ quả là lãi suất thu được thấp, chỉ đóng góp một lượng tiền gia tăng nhỏ vào quỹ NI.

Từ những năm 1990, quỹ NI đã bội thu, nghĩa là có nhiều tiền đi vào dưới dạng tiền đóng NI hơn là tiền đi ra dưới dạng lương hưu. Tuy nhiên, sự dôi dư này đã bắt đầu co lại do số các khoản thu giảm sút nhiều lên. Khủng hoảng tài chính 2007-2008 đã gây ra sự sụt giảm tiền lương thực tế trên 10% trong vòng 9 năm cho đến năm 2016. Những con số về tiền lương "thực tế" đã được điều chỉnh theo lạm phát để chúng đo lường chính xác sức chi tiêu, tức lượng hàng hóa và dịch vụ có thể mua bằng khoản tiền lương trung bình hằng tháng. Cho đến khi tiền lương thực tế bắt đầu phục hồi, sự dôi dư của NI sẽ tiếp tục thu nhỏ lại do chủ lao động và người lao động chi tiêu ít hơn. Một số dự đoán của chính phủ nói rằng nếu xu hướng này tiếp tục diễn ra, đến năm 2035-2036, quỹ NI sẽ cạn kiệt. Để đối phó phần nào với thách thức này, chính quyền đã giới thiệu một chính sách Hưu trí Quốc gia mới vào năm 2016 và hiện đang dần nâng cao tuổi nghỉ hưu. Mọi người nghỉ hưu sau năm 2021 sẽ có một mức lương hưu đồng hạng là trong khoảng 145 và 155 bảng mỗi tuần. Để có đủ điều kiện hưởng quyền lợi này, người lĩnh lương hưu phải đóng tiền cho NI trong 35 năm. Việc tăng lương hưu quốc gia được tính toán dựa trên một "khóa ba lớp", tức tiền lương hưu tăng cùng tốc độ với lạm phát, thu nhập trung bình, hoặc 2,5%, tùy theo con số nào là cao nhất.

VAT

Thuế giá trị gia tăng (VAT) đóng góp khoảng 18% thu nhập của chính phủ, cạnh tranh với các khoản thu của quỹ Bảo hiểm Quốc gia để làm mục đóng góp lớn thứ hai, sau thuế thu nhập. VAT được trả cho mọi trường hợp mua bán tại Vương quốc Anh. Người bán có trách nhiệm đóng VAT mà họ đã nhận được cho chính phủ, trừ đi bất kỳ VAT nào mà họ đã thanh toán. Các doanh nghiệp phải đăng ký VAT nếu doanh thu đạt trên 83.000 bảng trong khoảng thời gian 12 tháng.

Mức tiêu chuẩn của VAT là 20%, vẫn được cộng trực tiếp vào phần lớn hàng hóa và dịch vụ. Mức thuế này đã được lưu hành từ tháng Một năm 2011, tăng từ 17,5%. Thuế giảm trừ 5% được áp dụng với một số sản phẩm, bao gồm ghế ngồi xe hơi cho trẻ em, sản phẩm vệ sinh, khí gas và điện nội địa.

Các mặt hàng được áp thuế 0% hết sức đa dạng, bao gồm các thực phẩm cơ bản; sách, báo và tạp chí; quần áo và giày dép cho trẻ em; các biện pháp tiết kiệm năng lượng trong hộ gia đình và phí giao thông công cộng.

Các quy định về VAT có một số điểm kỳ quặc. Chẳng hạn, thực phẩm lạnh mang đi có thuế 0%, nhưng bất kỳ thực phẩm mang đi nào được bán và ăn khi nóng, như bánh nướng có nhân, bánh sandwich nướng, pizza và súp, canh, đều có mức VAT tiêu chuẩn là 20%. Khoai tây rán miếng tròn chịu mức thuế tiêu chuẩn trong khi các món ăn vặt từ ngô, như miếng tortilla, lại được miễn VAT. Trong một phiên tòa nổi tiếng diễn ra vào năm 1991, người ta cho rằng bánh Jaffa của McVitie là bánh ngọt, tức được miễn VAT, chứ không phải bánh quy phủ sôcôla, mặt hàng bị đánh thuế ở mức tiêu chuẩn.

Các loại thuế gián tiếp khác

Rất nhiều loại thuế gián tiếp khác đã đóng góp vào doanh thu của chính quyền, ví dụ như thuế nhiên liệu, thuế thuốc lá và cồn, thuế trước bạ và thuế đất, thuế lãi vốn, thuế thừa kế, thuế hải quan, thuế chôn lấp rác, thuế đặt cược và đánh bạc, thuế phí bảo hiểm (IPT), tức là thuế dành cho việc mua hợp đồng bảo hiểm và được tăng từ 6 lên 10% vào năm 2017.

Những loại thuế gia tăng nhỏ hơn đã được xúc tiến từ năm 2010, một phần để bù đắp lại phần thu sụt giảm của thuế doanh nghiệp, do thuế này được ấn định giảm từ mức trước đó là 20% xuống 17% vào năm 2020-2021. Vào năm 2011, một loại thuế ngân hàng mới có hiệu lực, phạt nhiều ngân hàng lớn vì những khoản nợ thặng dư trên các báo cáo tài chính của họ. Một khoản thuế gia tăng đối với lợi nhuận ngân hàng đã được thực hiện vào năm 2016, nghĩa là các ngân hàng phải trả thêm 8% trên lợi nhuận, ngoài thuế doanh nghiệp, và hiện nay là nguồn thuế lớn hơn trước. Các thuế mới khác có mục đích xã hội cũng như để tạo nguồn thu. Ví dụ, thuế đồ uống có gas sẽ không chỉ tạo nguồn thu mà còn giải quyết các rủi ro đối với sức khỏe liên quan đến lượng đường nạp vào cơ thể cao.

CHI TIÊU CỦA CHÍNH PHỦ

Doanh thu được chi tiêu như thế nào

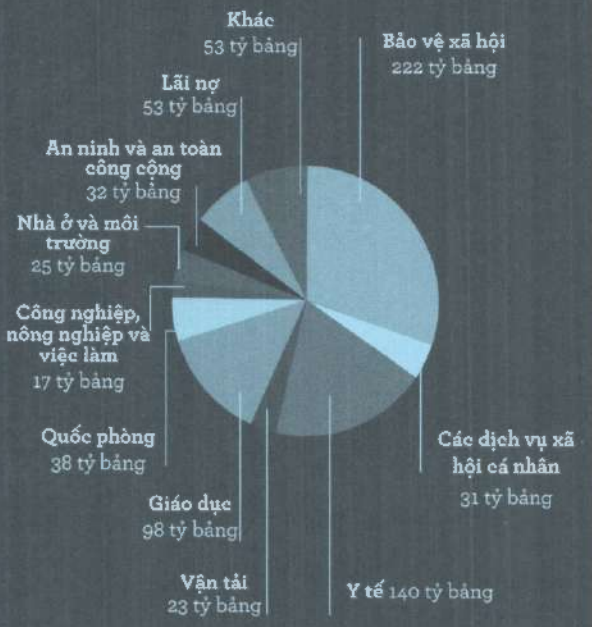

Các khoản thu mà chính quyền Vương quốc Anh nhận được thông qua các loại thuế trực tiếp và gián tiếp được dùng cho chi tiêu công. Phần lớn khoản thu của chính phủ đáp ứng các nghĩa vụ an ninh xã hội, bao gồm lương hưu từ chính phủ, trợ cấp quốc doanh, phúc lợi nhà ở và thất nghiệp. Phần chi lớn thứ hai là y tế công, tiếp đến là giáo dục.

Thuế cá nhân

Bất kỳ ai sinh sống tại Vương quốc Anh nộp tiền vào một tài khoản tiết kiệm, mua cổ phiếu hay đầu tư vào các sản phẩm tài chính khác đều phải đóng thuế cho thu nhập từ những hoạt động này. Việc miễn trừ được áp dụng cho một số nhóm, ví dụ như những người có thu nhập thấp và nhóm thiểu số.

Thuế đối với tiền tiết kiệm

Tháng Tư năm 2016, quy định mới về Thu nhập tiết kiệm miễn thuế đã có hiệu lực, nghĩa là người sở hữu tài khoản nhận được một phần thu nhập miễn thuế từ lãi suất của khoản tiết kiệm của họ. Trước tháng Tư năm 2016, các hiệp hội nhà ở và ngân hàng trừ thuế từ nguồn và trả thực lãi; giờ đây, lãi suất được thanh toán tổng mà không bị trừ bất kỳ khoản thuế nào.

Nếu tổng thu nhập chịu thuế của bạn là 17.000 bảng, bạn sẽ không phải trả bất kỳ khoản thuế nào cho thu nhập tiết kiệm. Trên mức đó, những người đóng thuế với mức cơ bản có thể kiếm được 1.000 bảng. Những người đóng thuế có mức thuế cao hơn có thể kiếm được 500 bảng trong khi những người chịu mức thuế gia tăng, mục thuế cao nhất, không được hưởng Thu nhập tiết kiệm miễn thuế và phải đóng thuế cho khoản lãi của họ. Thu nhập kiếm được từ các tài khoản miễn thuế, như Tài khoản tiết kiệm cá nhân (ISA) và một số tài khoản Tiết kiệm quốc gia và Đầu tư không được tính vào thu nhập miễn thuế.

Các quy định khác nhau được áp dụng cho các tài khoản của trẻ em và nước ngoài. Mặc dù lãi suất đối với các tài khoản của trẻ em thường được miễn thuế, nhưng nếu tài khoản của trẻ em thu được trên 100 bảng tiền lãi từ số tiền mà bố hoặc mẹ nộp vào thì người bố hoặc mẹ đó phải đóng thuế cho tiền lãi nếu nó vượt quá mức thu nhập miễn thuế của họ. Một trường hợp ngoại lệ cho quy định này là khi tiền lãi thu được từ khoản tiền do ông bà, họ hàng hay bạn bè tặng hoặc từ số tiền trong một Tài khoản Tiết kiệm cá nhân (ISA) thiếu niên hoặc Quỹ Tín thác Trẻ em.

Tiền được giữ trong một tài khoản ISA thiếu niên được miễn thuế đến giới hạn tối đa là 4.080 bảng. Trong trường hợp ISA tiền mặt, tiền lãi thu được không bị đánh thuế. Với một ISA được đầu tư vào cổ phiếu và chứng khoán, không có khoản thuế nào phải đóng cho bất kỳ cổ tức hoặc tăng trưởng vốn nào. Bất cứ ai dưới 18 tuổi và sống tại Vương quốc Anh đều có thể dùng những loại tài khoản này. ISA thiếu niên hiện nay đã thay thế cho các Quỹ Tín thác Trẻ em. Các Quỹ Tín Thác Trẻ em hiện đã bị đóng và không có tài khoản mới nào được mở thêm nữa, nhưng các tài khoản đang hiện hữu vẫn được hưởng lợi từ những khoản tiết kiệm miễn thuế lên tới 4.080 bảng.

Việc giảm thuế cho các vụ đầu tư

Thu nhập thu được từ các vụ đầu tư được đối xử như bất kỳ thu nhập nào khác, với ngoại lệ dành cho Tài khoản Tiết kiệm Cá nhân (ISA), trong đó số tiền 15.240 bảng có thể được gửi miễn thuế trong bất kỳ năm thuế nào. Số tiền này có thể được gửi vào một trong ba dạng ISA: tiền mặt, cổ phiếu và chứng khoán, hoặc công cụ tài chính mới. Các nhà đầu tư có thể đặt tất cả vào một loại ISA hoặc chia số tiền miễn thuế tổng ra hai hoặc ba dạng ISA. Giống như với ISA thiếu niên, không cần đóng thuế cho tiền lãi kiếm được từ một ISA tiền mặt, cũng như cho cổ tức hoặc tăng vốn từ cổ phiếu và chứng khoán, hay một ISA tài chính mới.

ISA tài chính mới bao gồm những loại đầu tư tương đối mới, ví dụ như cho vay ngang hàng. Các kiểu đầu tư thay thế khác cũng được miễn thuế. Các nhà đầu tư vào đất rừng chẳng hạn, họ sẽ không phải đóng thuế thu nhập, thuế lãi vốn hay thuế thừa kế nếu họ bám rừng trong tối thiểu hai năm.

Thuế thừa kế

Trong Ngân sách 2015, thủ tướng Vương quốc Anh tuyên bố những thay đổi đối với thuế thừa kế (IHT), ngay lập tức tăng ngưỡng đóng thuế cho cả những người độc thân cũng như các cặp đôi đã kết hôn *(khung bên phải)*. Từ tháng Tư năm 2020, những người thân thuộc gần nhất được thừa kế tài sản sẽ chỉ phải đóng thuế thừa kế nếu tài sản trị giá trên 500.000 bảng. Nếu được thừa kế từ một cặp đôi kết hôn hoặc từ bạn đời dân sự, con số này tăng lên 1 triệu bảng.

Thay đổi chính đối với thuế này là việc đưa vào khoản miễn thuế gia đình trị giá 175.000 bảng một người, cộng với khoản miễn thuế hiện hữu là 375.000 bảng thì được ngưỡng mới là 500.000 bảng. Một khi vượt qua ngưỡng này, mức IHT 40% sẽ được áp dụng. Con

số này có thể được giảm xuống 36% nếu từ 10% giá trị tịnh của di sản được dành cho từ thiện. Người thực hiện sẽ trực tiếp đóng mọi khoản thuế còn thiếu từ di sản cho HMRC.

Như một cách khuyến khích những người có nhà rộng và con cái trưởng thành đã rời khỏi nhà, chính quyền đưa ra một tín dụng thuế thừa kế cho những người sở hữu bất động sản bán và chuyển sang những bất động sản nhỏ hơn, miễn là phần lớn tài sản của họ được để lại cho những người nối dõi. Nếu người qua đời để lại ngôi nhà của gia đình cho vợ hoặc chồng, người được hưởng sẽ không phải đóng thuế thừa kế. Một quy định "7 năm" được áp dụng cho bất kỳ món quà nào có giá trị trên 3.000 bảng mỗi năm được tặng cho người thừa kế trực tiếp. Nếu người tặng quà qua đời trong vòng 7 năm sau khi tặng quà, một mức thuế trượt được áp dụng dựa vào số năm đã trôi qua kể từ khi tặng quà.

Thuế đối với các đồng tiền kỹ thuật số

Chính quyền Anh vẫn đang xây dựng một chính sách đầy đủ về việc điều tiết bitcoin và các đồng tiền kỹ thuật số khác. Cho đến tháng Ba năm 2014, VAT mức 20% được áp dụng cho các giao dịch bitcoin nhưng hiện nay, nó đã được đối xử như tiền cá nhân, giống bất kỳ đồng tiền nào khác. Điều đó có nghĩa là người ta không phải trả VAT khi trao đổi bitcoin lấy đồng bảng Anh hay các đồng tiền khác. Tuy nhiên, nếu hàng hóa hay dịch vụ đang được cung cấp và thanh toán bằng bitcoin, VAT được áp dụng như bình thường, nếu người cung cấp đã đăng ký VAT.

Lợi nhuận và thua lỗ trên bất kỳ lãi vốn nào được tạo ra từ việc mua và bán bitcoin đều phải chịu thuế giống bất kỳ lãi vốn nào khác. Thu nhập kiếm được từ bitcoin được tính thuế ở mức thông thường như với thuế thu nhập và thuế doanh nghiệp.

Một số sàn giao dịch tiền mã hóa trực tuyến vận hành từ Anh, cung cấp một thị trường ảo để mua và bán bitcoin. Người ta có thể mua hoặc bán bitcoin dùng bảng Anh hay các đồng tiền chủ chốt khác; một số giao dịch cho phép việc mua tiền kỹ thuật số bằng thẻ tín dụng hoặc ghi nợ. Bitcoin được mua bán trên các sàn giao dịch ảo, cũng như một số sàn giao dịch chứng khoán quốc tế, nghĩa là các nhà đầu tư có thể đối xử với bitcoin như với các đồng tiền khác, mua bitcoin bằng đồng bảng Anh chẳng hạn, sau đó bán nó đi khi giá trị bitcoin tăng so với đồng bảng.

CÁC MỨC THUẾ THỪA KẾ

Những thay đổi về ngưỡng thuế thừa kế sẽ có hiệu lực từ tháng Tư năm 2020. Các mức thuế khác nhau sẽ áp dụng cho những người độc thân, các cặp đôi đã kết hôn hoặc bạn đời dân sự.

Người độc thân

Giá trị của các tài sản khác	Giá trị nhà của gia đình	Giá trị tài sản	Nghĩa vụ IHT khi đến tháng Tư/2020
175.000 bảng	175.000 bảng	350.000 bảng	Không
200.000 bảng	300.000 bảng	500.000 bảng	Không
200.000 bảng	400.000 bảng	600.000 bảng	60.000 bảng
400.000 bảng	600.000 bảng	1.000.000 bảng	200.000 bảng
750.000 bảng	750.000 bảng	1.500.000 bảng	400.000 bảng
1.000.000 bảng	1.000.000 bảng	2.000.000 bảng	600.000 bảng

Các cặp đôi đã kết hôn

Giá trị của các tài sản khác	Giá trị nhà của gia đình	Giá trị tài sản	Nghĩa vụ IHT khi đến tháng Tư/2020
175.000 bảng	175.000 bảng	350.000 bảng	Không
200.000 bảng	300.000 bảng	500.000 bảng	Không
250.000 bảng	400.000 bảng	650.000 bảng	Không
400.000 bảng	600.000 bảng	1.000.000 bảng	Không
750.000 bảng	750.000 bảng	1.500.000 bảng	200.000 bảng
1.000.000 bảng	1.000.000 bảng	2.000.000 bảng	400.000 bảng

Vay thế chấp và thẻ tín dụng

Thị trường vay thế chấp và thẻ tín dụng tại UK nằm trong số những thị trường phát triển nhất thế giới. Có vô số hình thức vay thế chấp để những người mua nhà tương lai lựa chọn và số thẻ tín dụng được dùng tại Vương quốc Anh nhiều hơn bất cứ đâu tại châu Âu.

Vay thế chấp

Vương quốc Anh có một trong những thị trường vay thế chấp đa dạng nhất thế giới với chủng loại sản phẩm phong phú hơn hầu hết các quốc gia. Khoảng 300 tổ chức cho vay bao gồm các ngân hàng, các hiệp hội nhà ở, các tổ chức chuyên cho vay thế chấp, các công ty bảo hiểm và các quỹ hưu trí.

Vương quốc Anh có ba dạng vay thế chấp. Vay thế chấp lãi suất cố định là loại phổ biến nhất do lãi suất được ấn định ở cùng một mức trong 2, 3, 5 hoặc thậm chí 10 năm, cho phép người vay tiến lập kế hoạch hoàn trả. Vay thế chấp theo lãi suất được cố định theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Anh ấn định, trong khi mức lãi suất khả biến có thể thay đổi tùy ý theo người vay thế chấp.

Xem xét thị trường vay thế chấp

Tư cách vay thế chấp của một người vay tiền hiện đang được xác định theo các quy tắc xem xét thị trường vay thế chấp do Cơ quan Thực thi tài chính (FCA) đưa ra vào tháng Tư năm 2014. Điều này khiến việc người vay được người cho vay phê chuẩn trở nên khó khăn hơn. Giờ đây, người cho vay không chỉ xem xét thu nhập công khai mà cả các khoản chi tiêu của ứng viên, những gì còn lại sau mọi khoản chi tiêu định kỳ hằng tháng của họ, được xác thực bởi các báo cáo tài khoản. Những người cho vay cũng phải cân nhắc liệu những người vay tiền tiềm năng có khả năng đáp ứng được việc trả nợ không nếu lãi suất tăng, thường là tính toán mức tăng tiềm năng trong khoảng 6 đến 7%.

Các xu hướng vay thế chấp

Theo số liệu của Văn phòng Thống kê Quốc gia Anh, khi thị trường nhà ở là ổn định, vay thế chấp 25 năm phải cạnh tranh với vay thế chấp 30 năm. Từ năm 2006 đến năm 2015, thị phần của vay thế chấp 25 năm trong toàn bộ thị trường Vương quốc Anh đã giảm từ 42,2% xuống còn 21,5%. Trong khi đó, vẫn khoảng thời gian ấy, thị phần của vay thế chấp 30 năm đã tăng từ 7,2% lên 19,1%. Sản phẩm vay thế chấp dài hạn hơn này khiến các khoản hoàn trả hằng tháng phải chăng hơn, đặc biệt với những người mua bất động sản lần đầu. Thực tế, hầu như một phần ba những người mua nhà lần đầu hiện nay đều chọn kỳ hạn 35 năm.

Các khoản đặt cọc tối thiểu để vay thế chấp bắt đầu từ 5% nhưng hầu hết những người mua nhà hướng đến mức đặt cọc cao hơn do điều này giúp họ tiếp cận được mức lãi vay tốt hơn và các khoản trả nợ định kỳ thấp hơn. Tại Anh, số tiền đặt cọc trung bình hiện là khoảng 30% số tiền vay, hay chỉ hơn 70.000 bảng.

Mua để cho thuê

Việc ra mắt các sản phẩm vay thế chấp mua nhà để cho thuê vào cuối những năm 1990 đã thúc đẩy sự gia tăng chóng mặt số lượng chủ bất động sản-nhà đầu tư, những người mua nhiều bất động sản, cạnh tranh với những người mua lần đầu để mua những bất động sản trong các khu vực phát triển đô thị và khiến giá bán tăng lên. Vào năm 2015, mua để cho thuê đã chiếm 9% tất cả những giao dịch bất động sản tại Anh. Để kiềm chế sự hăng hái này của các nhà đầu tư nhằm xoa dịu những người mua nhà lần đầu, chính quyền đã đưa ra các mức thuế trước bạ cao hơn đối với các bất động sản mua để cho thuê. Hầu hết các khoản vay mua bất động sản để cho thuê đòi hỏi phần tiền đặt cọc tối thiểu là 25%.

Các chương trình kích cầu

Chương trình "Hỗ trợ mua" sản phẩm vay thế chấp của chính phủ, trong đó giúp những người mua nhà lần đầu có được số tiền đặt cọc lớn hơn, đã kết thúc vào cuối năm 2016. Các biện pháp khác được đưa vào thực thi với mục tiêu kích thích thị trường nhà ở, vốn có mức giá nhà cao so với thu nhập và khiến những người mua nhà lần đầu đặc biệt gặp khó khăn khi đặt chân lên nấc thang bất động sản đầu tiên. Theo chương trình "Quyền được mua", những người thuê bất động sản của hội đồng và hiệp hội nhà ở nếu sống trong nhà của họ trong khoảng thời gian tối thiểu là 3 năm có thể có đủ tư cách mua lại ngôi nhà đó, với mức chiết khấu lên

tới 103.900 bảng ở vùng Đại London và 77.900 bảng ở vùng ngoài London.

Những người mua nhà lần đầu trong khu vực tư nhân có thể mở một ISA "Hỗ trợ mua" để tích lũy tiền đặt cọc. Với mỗi 1 bảng được tiết kiệm trong tài khoản này, chính phủ sẽ nâng thêm 25% với mức tối đa là 3.000 bảng. Tại Anh, sáng kiến Nhà cho người mới bắt đầu của chính phủ có mục tiêu giúp những người dưới 40 tuổi mua nhà lần đầu có thể mua được một ngôi nhà mới, đưa ra mức chiết khấu tối thiểu là 20% so với giá thị trường. Theo chương trình này, chi phí tối đa cho một ngôi nhà mới ở vùng ngoài London sẽ là 250.000 bảng và giới hạn tối đa của vùng trong London là 450.000 bảng.

Các quy định về thẻ tín dụng

Vương quốc Anh có thị trường thẻ tín dụng phát triển nhất châu Âu, với số thẻ tín dụng đang được sử dụng và số giao dịch trên đầu người cao hơn bất cứ nước nào tại châu lục này. Hơn 60 triệu thẻ tín dụng đang trong lưu thông tại Vương quốc Anh, gần với 52 triệu tài khoản. Khoảng 42% tài khoản thẻ tín dụng có số dư có lãi suất tích lũy là 0% do số dư được thanh toán đầy đủ hàng tháng. Tiền lãi trên những tài khoản không được thanh toán đầy đủ được tính theo hai cách: "số dư hàng ngày trung bình" hoặc "số dư hàng ngày". Cả hai phương án này đều dẫn đến kết quả giống nhau bằng cách tính toán tiền lãi còn nợ dựa trên số dư hàng ngày được nêu ra trên thẻ tín dụng.

Các công ty thẻ tín dụng thường tính tiền lãi trên thẻ tín dụng ngay khi việc chi tiêu được thực hiện. Tuy nhiên, miễn là số dư được thanh toán đầy đủ hàng tháng, hầu hết các thẻ đều đưa ra một giai đoạn miễn lãi, khoảng thời gian giữa ngày chi tiêu và ngày lập bảng kê, và/hoặc thời gian giữa ngày lập bảng kê và hạn thanh toán.

Luật Tín dụng tiêu dùng năm 1974 quản lý các thẻ tín dụng tại Anh. Luật này đưa ra một số biện pháp bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm giai đoạn xét duyệt 5 ngày. Mục 75 của luật bảo vệ người tiêu dùng khi dùng thẻ chi tiêu trong khoảng 100 đến 30.000 bảng trong trường hợp người bán vi phạm hợp đồng hoặc khai báo sai. Nếu khách hàng không thể nhận được khoản tiền hoàn trả từ nhà bán lẻ thì luật quy định công ty thẻ tín dụng phải có trách nhiệm đối với trường hợp này và họ phải chi trả số tiền hoàn trả đó.

THUẾ TRƯỚC BẠ

Thuế trước bạ theo vùng

Thuế trước bạ đối với mua đất (SDLT) được thanh toán khi mua đất hoặc bất động sản tại Anh, Wales và Bắc Ireland. Thuế áp dụng cho những giao dịch mua đất và bất động sản nhà ở là trên 125.000 bảng, cho đất và bất động sản không để ở là trên 150.000 bảng. Các mức thuế khác nhau được áp dụng cho việc mua bất động sản thứ hai hay mua để cho thuê.

Thuế đối với việc mua bất động sản nhà ở tại Anh, Wales và Bắc Ireland

Giá trị bất động sản hoặc số tiền đặt cọc hoặc giao dịch	Mức SDLT
Từ 125.000 bảng trở xuống	0%
Từ 125.001 bảng đến 250.000 bảng	2%
Từ 250.001 bảng đến 925.000 bảng	5%
Từ 925.001 bảng đến 1,5 triệu bảng	10%
1,5 triệu bảng trở lên	12%

Tại Scotland, thuế tương đương với SDLT là thuế giao dịch đất và nhà (LBTT) có hiệu lực từ ngày 1 tháng Tư năm 2015. Mức thuế tương tự với phần còn lại của Vương quốc Anh, nhưng các ngưỡng phân chia là khác đi.

Thuế đối với các mua bán bất động sản để ở tại Scotland

Giá mua	Mức LBTT
Từ 145.000 bảng trở xuống	0%
Từ 145.001 bảng đến 250.000 bảng	2%
Từ 250.001 bảng đến 325.000 bảng	5%
Từ 325.001 bảng đến 750.000 bảng	10%
Từ 750.001 bảng trở lên	12%

Lương hưu

Chính quyền Vương quốc Anh cấp lương hưu cho các công dân đã đóng góp đủ cho Bảo hiểm Quốc gia trong quá trình lao động. Ngoài ra cũng có các quyền chọn lương hưu tư nhân, đôi khi do người thuê lao động bổ sung.

Lương hưu nhà nước mới

Một hệ thống lương hưu mới tại Vương quốc Anh đã bắt đầu có hiệu lực vào tháng Tư năm 2016: lương hưu nhà nước mới có khoản trợ cấp tối đa hàng tuần là 155,65 bảng. Lương này chỉ áp dụng cho những người đã đạt đến tuổi nghỉ hưu vào đúng hoặc sau ngày 6 tháng Tư năm 2016. Những người hiện đang nghỉ hưu không chịu tác động và tiếp tục nhận khoản lương hưu nhà nước cũ, bao gồm một khoản cơ bản là 119,30 bảng cộng với trung bình 40 bảng cho những người đóng tiền cho Quỹ hưu Nhà nước thứ hai (cũng được gọi là Quỹ hưu liên quan đến thu nhập từ chính phủ, hay SERPS).

Để nhận được mức tối thiểu của lương hưu nhà nước mới, những người nghỉ hưu cần phải đóng góp cho Bảo hiểm Quốc gia trong 10 năm. Để nhận được khoản lương hưu nhà nước đầy đủ là 155,65 bảng, người ta cần phải đóng góp trong 35 năm. Những người chưa đóng đủ khoảng thời gian dài như vậy sẽ nhận được một số tiền tỷ lệ với số năm họ đã đóng, miễn là đáp ứng được yêu cầu tối thiểu là 10 năm. Con số này được tính toán bằng cách nhân số năm người đó đã đóng với 4,45 bảng (155,65 bảng chia cho 35 năm).

Bảo hiểm Quốc gia

Người ta có thể nộp các khoản đóng góp cho Bảo hiểm Quốc gia khi thu nhập vượt ngưỡng 155 bảng/tuần. Thuế thu nhập và các khoản đóng cho Bảo hiểm Quốc gia được người thuê lao động tự động khấu trừ và đóng cho HMRC, nhưng những người tự làm chủ sẽ có trách nhiệm tự đóng những khoản này. Bất cứ thiếu hụt nào trong Bảo hiểm Quốc gia cũng có thể được nộp bù để đáp ứng yêu cầu tối thiểu và những người đã không có khả năng lao động do ốm đau, tàn tật, thất nghiệp hay phải chăm sóc người khác đều có thể nộp đơn để xin tín dụng của Bảo hiểm Quốc gia. Thông thường, giới hạn thời gian 6 năm được ấn định để nộp bù cho bất kỳ năm thuế nào. Ví dụ, hạn chót để nộp bù năm thuế 2015-2016 là năm 2022. Những thay đổi về lương hưu nhà nước năm 2016 cũng ảnh hưởng đến tuổi nghỉ hưu và các phương án tiếp cận tích lũy hưu trí một khi người nghỉ hưu có đủ tư cách. Trước đó, phụ nữ chạm ngưỡng nghỉ hưu muộn hơn. Vào năm 2018, tuổi nghỉ hưu của nữ là 65, bằng với tuổi nghỉ hưu của nam. Đến năm 2020, tuổi nghỉ hưu của cả hai giới sẽ nâng lên 66 và rồi 67 khi đến năm 2028.

Khi nói đến lương hưu tư nhân, bao gồm các chương trình của người thuê lao động, những người nghỉ hưu sẽ được linh hoạt quyết định tiền có thể tiêu vào việc gì hơn. Đến tháng Tư năm 2015, những người nghỉ hưu có thể nhận tích lũy hưu trí của mình bằng một khoản trả gọn và dùng nó để mua một khoản trợ cấp hàng năm, tức là người ta đưa tiền cho một công ty bảo hiểm nhân thọ và công ty này sẽ trả cho họ một khoản thu nhập định kỳ hàng tháng. Theo những quy định mới, tích lũy hưu trí đó có thể dùng để rút gọn một khoản thay vì chỉ cho một khoản trợ cấp hằng năm. Mặt hạn chế của một khoản trợ cấp hằng năm là khi người nghỉ hưu qua đời, khoản trợ cấp đó sẽ kết thúc cùng với họ; mặt tích cực là nó đảm bảo một thu nhập trọn đời. Mặt khác, việc rút gọn một khoản cho phép người nghỉ hưu để lại một ít tiền cho người thân sau khi họ qua đời và phần còn lại có thể được dùng để đầu tư hoặc hưởng thụ.

Lương hưu tư nhân

Chính phủ khuyến khích người lao động đóng tiền vào một quỹ hưu trí tư nhân nhờ những khích lệ bằng thuế. Những khoản đóng góp cho các chương trình hưu trí tư nhân thường được miễn thuế đến một giới hạn nhất định *(xem khung bên phải)* và điều này được áp dụng cho hầu hết các chương trình. Vương quốc Anh có hai nhóm hưu trí tư nhân chính: lương hưu nơi làm việc, tức người thuê lao động đóng tiền vào đây là một phần trong tiền lương trọn gói của nhân viên, và lương hưu tư nhân mà nhân viên tự đóng, có thể được cung cấp thông qua nơi làm việc.

Trong các chương trình lương hưu tư nhân, một hợp đồng được lập trực tiếp với người cung cấp bảo hiểm; trong khi đó, với lương hưu nơi làm việc, người thuê

lao động sẽ lập hợp đồng bảo hiểm và đóng tiền vào đó thay cho người lao động. Nếu nhân viên thôi việc, họ có thể chuyển quỹ lương hưu đã tích lũy được sang một chương trình mới hoặc tiếp tục đóng vào chương trình lương hưu nơi làm việc, cho dù họ không còn là nhân viên tại công ty nữa.

Lương hưu liên đới được ra mắt vào năm 2001 như một phương án hưu trí cá nhân đơn giản hơn, phải chăng hơn. Cụ thể là hướng đến những người có thu nhập thấp hơn, những chương trình lương hưu này phải gắn với một bộ hướng dẫn của chính phủ. Chúng bao gồm các khoản phí cộng đồng là 1,5%/năm trong 10 năm đầu tiên.

SIPP

Một trong những loại lương hưu cá nhân phổ biến nhất là lương hưu cá nhân tự đầu tư (SIPP). SIPP đưa ra nhiều cơ hội đầu tư hơn hầu hết các kế hoạch hưu trí cá nhân khác, mặc dù phí phải đóng thường là cao hơn. Những người đóng tiền có thể xây dựng danh mục đầu tư của riêng họ bằng cách đầu tư một loạt tài sản đa dạng, bao gồm những cổ phiếu của các công ty tại Vương quốc Anh và nước ngoài được niêm yết, những cổ phiếu tự do, các hình thức đầu tư chung như các đơn vị tín thác, đầu tư và tín thác, trái phiếu bảo hiểm và bất động sản (nhưng không phải bất động sản để ở).

Một khi SIPP đã được thiết lập và vận hành, người giữ lương hưu có thể giám sát các tài sản đầu tư và thay đổi chúng tùy theo tình hình hoạt động. Những đơn vị cung cấp SIPP khác nhau ở lựa chọn tài sản của họ; những đơn vị đưa ra những phương án lựa chọn đầy đủ nhất nằm trong hướng dẫn của HMRC thường được quản lý thông qua một cố vấn tài chính.

Hợp đồng trợ cấp hằng năm khi nghỉ hưu và chính sách mua lại

Các hợp đồng trợ cấp hằng năm khi nghỉ hưu và chính sách mua lại là những dạng quỹ hưu trí cũ hơn, không còn mở cho những nhà đầu tư mới nữa. Những người cung cấp có nghĩa vụ trả một khoản tiền đảm bảo tối thiểu. Các chính sách mua lại được đưa ra vào đầu những năm 1980 nhưng sau đó đã kết thúc vào ngày 6 tháng Tư năm 1988 khi các phương án lương hưu cá nhân ra đời. Các trợ cấp hằng năm khi nghỉ hưu được xúc tiến vào năm 1970 nhưng cũng khép lại vào năm 1988 khi các phương án lương hưu cá nhân xuất hiện trên thị trường.

MIỄN THUẾ VÀ NGHỈ HƯU Ở NƯỚC NGOÀI

Giảm thuế đối với lương hưu tư nhân

Việc miễn thuế được dành cho những khoản đóng góp vào các chương trình hưu trí tư nhân. Tuy nhiên, những người đóng tiền phải đảm bảo rằng chương trình của họ đã được đăng ký với HMRC, nếu không nó sẽ không đủ tư cách được hưởng miễn thuế. Bên cạnh đó, người cung cấp lương hưu phải đầu tư theo những quy định của HMRC. Các chương trình lương hưu cá nhân phải đăng ký với Cơ quan Thực thi Tài chính (FCA) và lương hưu liên đới là đăng ký với Cơ quan Điều phối Hưu trí. Lương hưu tư nhân thường có thể được rút ra trong khoảng từ 60 đến 65 tuổi, tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ. Từ năm 55 tuổi trở đi, tối đa là 25% tổng quỹ hưu tích lũy có thể được rút ra một lần gọn mà không phải chịu thuế.

Các khoản đóng góp cho các chương trình lương hưu tư nhân được miễn thuế:

- lên tới 100% thu nhập mỗi năm
- lên tới 40.000 bảng mỗi năm
- lên tới 1.000.000 bảng trọn đời

Ưu đãi thuế có thể bù cho phần ưu đãi chưa sử dụng từ ba năm thuế trước đó. Tuy nhiên, nếu tiền được rút ra khỏi quỹ hưu trí thì ưu đãi thuế đầy đủ sẽ không còn, thường là rơi từ 40.000 bảng xuống 10.000 bảng. Không có hạn chế nào về số lượng quỹ hưu trí mà người ta có thể đóng, nhưng ngưỡng miễn thuế được áp dụng cho tổng các khoản đóng góp trong tất cả các quỹ.

Nghỉ hưu ở nước ngoài

Công dân Anh quốc sống ở nước ngoài có thể yêu cầu lương hưu trong vòng bốn tháng khi đến tuổi nghỉ hưu, miễn là họ đã đóng các khoản cần thiết cho Bảo hiểm Quốc gia. Lương hưu có thể được thanh toán vào một tài khoản ngân hàng ở nước ngoài hoặc tài khoản của Vương quốc Anh. Những người nghỉ hưu tại khu vực kinh tế châu Âu, Gibralta, Thụy Sĩ hay một quốc gia có các quyền phúc lợi xã hội tương hỗ sẽ có lương hưu tiếp tục được tăng theo giá sinh hoạt nên nó theo kịp tốc độ lạm phát. Với những người nghỉ hưu tại các quốc gia không có các quyền phúc lợi xã hội tương hỗ các khoản thanh toán của họ sẽ bị đóng băng ở mức tại thời điểm họ rời khỏi Vương quốc Anh.

CHỈ MỤC

Số trang **in đậm** là các đề mục chính.

Quỹ kỳ hạn 24 giờ trên thị trường tiền tệ 87

A

Anderson, Phillip J 179
Argentina, vỡ nợ 146-147
AER (lãi suất hằng năm) 208, 210

B

"bàn tay vô hình" 20-21
bán chéo 73
bán khống 66
bản quyền 235
Bản vị Vàng 18, 95
bằng sáng chế 235
báo cáo giữa kỳ 62
báo cáo kết quả kinh doanh 31
báo cáo tài chính 35, 44-45
báo cáo tín dụng 176
báo cáo, doanh nghiệp 44-45
bảo hiểm
    bất động sản 170
    chi phí 31, 157
    công ty bảo hiểm 70
    ngăn ngừa rủi ro 46, 47
    nguy cơ và quy định 78-79
    nhân thọ 172
bảo hiểm có kỳ hạn 172
bảo hiểm hỗn hợp 173
bảo hiểm nhân thọ **172**
Bảo hiểm Quốc gia (NI) 106, 140, **240-241**, 246
bảo hiểm sinh mạng **172-173**
bảo lãnh 75
bảo trì, bất động sản 170, 171, 177
bảng cân đối kế toán
    doanh nghiệp 34, 44-45
    ngân hàng 88, 89
bất động sản
    chu trình 178-179
    chương trình kích cầu giá 135
    đầu tư vào 161, **176-179**
    giá trị nhà 180-181
    mua và bán để thu lợi nhuận 178
    thị trường 80, 176, 178
    thu nhập từ tiền cho thuê 155, 163, **170-171**, 186 244-245
    thương mại và để ở 178
    và gây dựng của cải 175
    vay thế chấp **212-215**
bất động sản cho thuê 170-171
bất động sản để ở 178
Bernanke, Ben 99
bê bối
    kế toán 35
    Libor
bitcoin 19, 221, 222, **224-225**, 243
biến số kinh tế 119
Borsa Italiana 232
Börse đặt tại Frankfurt (FWB) 55
Bộ Kinh doanh, Năng lượng & Chiến lược Công nghiệp 234
bố mẹ lớn tuổi 199
blockchain 222, 225
blogging 159
Brexit 59, 71, 235, 236, 237
Brown, Gordon 236
Buffett, Warren 31, 163

C

cá nhân có giá trị ròng cao (HNWI) 153
các báo cáo thường niên 44
các chỉ số kinh tế 114, **116-117**
các công cụ phái sinh 47, **52-53**
các dạng nhà đầu tư 192-193
các hãng cho vay đặc biệt 83
các khoản nợ
    bảng cân đối kế toán 44-45, 141
    cá nhân 152-153
    ngân hàng 88, 89
các khoản nợ kéo dài 152
các khoản nợ ngắn hạn 152
các mức lãi suất **120-123**
các ngành được trợ cấp 128
các nhà giao dịch tần suất cao (HFT) 64, 65
các nhóm nghiên cứu thị trường 159
các phương án 52, 54, 163
các quỹ được quản lý 174, 183, **184-185**
    đầu tư vào 163, **168-169**
các thiết kế đã đăng ký 235
các tiêu chuẩn kế toán của UK 234
các yếu tố 39
cân bằng thị trường 20-21
cán cân đối ngoại 115
cán cân thanh toán (BOP) 136, 137
cặp tiền tệ 59
cắt giảm và chi tiêu 128
cầu tiềm ẩn 134
chênh lệch giá 69, 76
chi cho cơ sở hạ tầng 128
chi cho phúc lợi 128
chỉ đạo tín dụng 102, 103
chi phí
    bất động sản 170-171
    doanh nghiệp 27, 29
    với tư cách tài sản 30-31
chi phí vốn 30, 37, 130-131
chi phí sinh hoạt 132,154
chi phí tiêu dùng 114
chi phí và vốn hóa 27, **30-31**
chi phí vận hành (bất động sản) 176
chỉ số giá tiêu dùng (CPI) 120
chỉ số thị trường 169
chi tiêu
    cá nhân 156-157
    chính phủ 96, 97, 115, **128-129**, 135
    tăng/giảm 119
    và cắt giảm 128
    và của cải 156, 160
chiến lược mua, tân trang và tái cấp vốn (BRR) 179
chính phủ
    chi tiêu 96, 97, 115, **128-129**, 135, **241** *xem thêm* tài chính công
    cung cấp cho tương lai 130-131
    kiếm tiền 105
    mất lòng tin 142-143
    phá sản **142-147**
    và tiền 98-99
    vay tiền 108-109
chính sách kinh tế 118-119
chính sách lãi suất âm (NIRP) 123
chính sách mở rộng 93
chính sách mua lại 247
chính sách ngân khố 112
chính sách thu hẹp 93
cho vay cá nhân 204
cho vay ngang hàng 82, 166, 167, 220, 221, **228-229**
cho vay thương mại 82
chủ nghĩa bảo hộ **21**
chủ nghĩa trọng thương 20, **21**
chủ nhà 170-171
chủ nợ 41, 43
chu trình bất động sản, 18 năm 179
chúc thư 161
chứng khoán 51, 60, 76, 80, 101
chứng khoán viền vàng 50
chứng nhận tiền gửi 57, 165
chương trình mua cổ phần tiết kiệm 182
chương trình Quyền được mua 244
chương trình vay thế chấp "Hỗ trợ mua" 244
chuyển số dư 219
cổ đông
    chi trả cho 36, 48, 49
    Thị trường Chứng khoán London 232
    vai trò đối với sự vận hành
cổ phần

(ác-bít) 64-65
cách mua 182-183
cổ tức từ **164-165**
đầu tư rủi ro cao 163
đầu tư vào **182-183**, 186
giao dịch trong ngày 68-69
khoản đảm bảo 75
môi giới 76-77
mua bán cổ phiếu 54-55
mua lại 36
phát hành 42
tại sao giá cổ phiếu lại quan trọng 183
thanh khoản 68-69, 76
thao túng giá 66-67
thu nhập trên mỗi cổ phiếu 28
và gây dựng của cải 175
và tỷ suất vốn vay 40
với tư cách công cụ tài chính 46, **48-49**
với tư cách tài sản 155
cổ phần được yết giá 48, 182
cổ phần lưu động 68-69, 76
cổ phần phổ thông 163
cổ phần ưu tiên 163, 165
Cơ quan Dịch vụ Tài chính (FSA) 233
Cơ quan Niêm yết Vương quốc Anh (UKLA) 233
Cơ quan Thực thi Tài chính 83, 244
cổ tức
các quỹ của cổ đông 45
các quỹ được quản lý 185
cổ phần 36, 38, 42, 43, 46, 48, 49, 68, 81, 154, 158, 159, **164-165**, 174, 175, 186
mức bảo chứng cổ tức 165
ngân hàng đầu tư 75
ngân hàng thương mại 72, 73
cố vấn tài chính 151, 187, 199, 200
cồn, thuế đối với 126, 241
công cụ tài chính **46-53**
công cụ phái sinh 52-53
trái phiếu 50-51
cổ phần 48-49
công ty cổ phần 19
công ty đầu tư **80-81**
công ty quỹ 187
của cải **150-161**
đầu tư gây dựng của cải **174-185**
giá trị, của cải và thu nhập 150-151
tính toán và phân tích giá trị ròng 152-153
và bất động sản 176-181
và cổ phần 182-183
và quỹ được quản lý 184-185
và thu nhập 154-159
Cục Quản lý Doanh nghiệp **234**, 235
Cục Thống kê Lao động Mỹ 117
cung tiền 13, **86-95**
chính phủ và 98-99
doanh nghiệp 182
dự trữ ngân hàng 90-91
suy thoái và cung tiền 92-93
tăng lưu thông tiền 88-89
từ suy thoái đến đại suy thoái 94-95
cung và cầu 13, 134

D

Dalio, Ray 189
danh mục đầu tư tối ưu 187, **194-195**
dân số đang già đi 201
dàn xếp nhân thọ 172
dàn xếp trước khi chết 172
danh mục đầu tư
đa dạng hóa 80
phân bổ và đa dạng hóa đầu tư 47, 79, 162
phí quản lý cho môi giới 76
tái cân bằng 175, 195
tài sản 188-189
thu nhập từ 159
tối ưu 187, **194-195**
tỷ trọng 187, 189, 195
dịch vụ công 104-105
diễn đàn đầu tư 67
doanh nghiệp công 60, 183
doanh thu 154, 156
được báo cáo 31, 34
không ổn định 34
thổi phồng 29
trên cổ phần 28, 29
doanh thu dự kiến 195
doanh thu kinh doanh 36
dòng tiền 26, **36-39**
dương và âm 38-39
khoảng cách dòng tiền 39
quản lý 38-39
dòng tiền âm 39
dòng tiền đầu tư 39
dòng tiền dương 38
dòng tiền tài chính 39
dòng tiền vận hành 39
Dow Jones 169
dự đoán doanh số 38
dữ liệu thị trường 69
dự trữ một phần 90-91
dự trữ ngân hàng 86, **90-91**
dự trữ ngoại tệ 139
dự trữ vàng 236
dự trữ vốn 72, 73, 98
dự trữ, ngân hàng **90-91**, 124-125
dừng lỗ 59
dưới giá trị thị trường (BMV) 176, 179

Đ

đa dạng hóa 80, 169, 188-189
Đại suy thoái (1929-1941) **94-95**
đánh thuế 96, **106-107**
bản khai thu nhập cá nhân 107
các mức **126-127**
chênh lệch thuế 239
đệ trình thuế 235
giảm thuế 126
hệ thống thuế Vương quốc Anh **238-239**
hoàn thuế 37
mức thuế 107
mức tối ưu 127
những hiệu ứng vô tình của 127
sống ở nước ngoài 247
tăng/giảm 118, 133, 135
thiên đường thuế má 107
thu thuế 239
thuế cá nhân 242-243
thuế doanh nghiệp 235
thuế gián tiếp 241
thuế hội đồng 238
tránh và trốn thuế 107, 126, 127, 234-235, 239
và cung tiền 98
và dòng tiền 37
và hành vi 106, 126
và lương hưu 197, 200, 202, 247
và lương hưu nhà nước 140
và quỹ/nợ chính phủ 104-105, 108, 109, 110, 114, 128
VAT 240-241
đặt ra các mục tiêu tài chính 150
đầu tư
các công cụ phái sinh 52-53
các công cụ tài chính 46-47
các mục tiêu 192
cấp tiền cho doanh nghiệp 42-43
chính phủ 97, 114
cổ phần 48-49, 54, 60-61, 164-165, 182-183
công ty đầu tư 80-81
doanh thu 189
dự đoán thị trường chứng khoán 62-63
gây dựng của cải **174-185**
giá trị giao động 185
giao dịch trong ngày 68-69
khả năng chịu đựng rủi ro 192-193
kiếm thu nhập từ tiền tiết

kiệm 166-167
miễn thuế 242
ngoại hối 58-59
quản lý 161, **186-203**
quỹ được quản lý 168-169, 184-185
tạo thu nhập 151, **162-173**
thị trường tiền tệ 56-57
trái phiếu 50-51
trong kinh doanh 36, 161
trung bình hóa chi phí đầu tư 190-191
từ thu nhập 191
và của cải 154, 155, 157, 159, 161
và lương hưu 198-201
và lương hưu chính phủ 140-141
vào bất động sản **176-179**
đầu tư bảo đảm 52, 63
đầu tư cá nhân 131
đầu tư đứt một lần 190, 191
điều kiện của thị trường 190, 191
điều khoản, xây dựng 34
đồ cổ 175
đô la Mỹ 19
độ lệch chuẩn 195
độc lập tài chính 150-151
đối thủ cạnh tranh 62
đòn bẩy 59, 206
đòn bẩy tài chính quá mức 41
đơn vị (quỹ được quản lý) 169, 184, 185
đơn vị tín thác 184
đóng góp vào lương hưu 199
Đức, siêu lạm phát 144-145
được niêm yết (cổ phiếu) 48, 168
đường biên hiệu quả 194-195

E

Einstein, Albert 209
Enron 35
Eretheum 221
euro 19
Euronext 55

F

Fisher, Irving 22
Friedman, Milton 23, 118, 133
FTSE 100 76, 165, 169, 187, **232**
FTSE 350 232
FTSE All-share 169, 233
FTSE Fledgling 233
FTSE SmallCap 232-233

G

Garfield, James 86
gây quỹ 226
gây quỹ cộng đồng 83, 188, 220, 221, **226-227**
giá
bất động sản 135
dữ liệu giá 63
lạm phát 116, 132-135
ổn định giá 100, 120
siêu lạm phát 144-145
và cân bằng thị trường 20-21
giá đơn vị ra 185
giá đơn vị vào 185
giá trị
bất động sản 213
nhà ở **180-181**
tài chính 40
giá trị âm 181, 213
giá trị danh nghĩa 133
giá trị dương 180
giá trị tài sản thế chấp **180-181**
giá trị tài sản thế chấp âm 181, 213
giá trị tài sản thế chấp dương 180
giá trị ròng 150, **152-153**
giá trị ròng dương 153
giá trị thị trường 50, 51, 176, 181
giá trị thực 133
giá trị tiền tệ 55
giải ngân thu nhập 197, 202, **203**
giảm biến thiên doanh thu 26, **34-35**
giảm bớt quyền sở hữu 41
giao dịch kỳ hạn 52, 54, 163
giao dịch ký quỹ 69
giao dịch thời gian thực 77
giao dịch trong ngày **68-69**
giao dịch, và tiền 12, 14-15
giáo dục
chi phí 152, 155, 162, 199
đầu tư của chính phủ vào 131
giới hạn tín dụng 219
ghi sổ kép 88, **89**
Google 47
Graham, Benjamin 191
Gresham, Sir Thomas/ Định luật Gresham 19

H

Hamilton, Alexander 109
hàng đổi hàng 12, **14-15**, 16
hàng hóa 54
hao mòn 32, 33
hao tổn **32-33**
Hayek, Friedrich 23
hệ số khả năng thanh toán lãi vay 41
chênh lệch lãi 102
có lời 72
dao động 122, 167
ngân hàng thương mại 29, 72-73
ngân hàng trung ương và 98, 100-103, 113, 120-121, 124, 236-237
tác động của thay đổi 122-123
tăng/cắt giảm 119, 122-123, 135
và lạm phát 121
và nguy cơ phá sản 146
và nợ 206, 207
và nới lỏng định lượng 124, 125
và tỷ giá quy đổi 138,139
và vay tiền của chính phủ 108-109, 114
vay thế chấp 72, 177, 214-215
hệ thống PAYE 238
hiệu ứng số nhân 91
hiệp hội nhà ở 83
hiệp hội tín dụng 83, 205
Hội đồng Báo cáo Tài chính (FRC) 234
hợp danh 234
hợp đồng trợ cấp hằng năm khi nghỉ hưu 247
Hưu trí Quốc gia mới 240, 246
HMRC (Cơ quan Thuế và Hải quan Hoàng gia) 236, 238
HMT (Kho bạc Nhà nước) 236, 238

I

Internet 220
IOU **14-15**, 16

K

kẻ giao dịch lừa đảo 55, 66-67
Keynes, John Maynard 22-23
khả năng quy trách nhiệm **112-113**
khấu hao 27, 29, **32-33**
khấu trừ dần **32-33**
khoản đảm bảo 75
khoản hoàn trả tối thiểu 218
khoản phải thu 39
khoản phải trả 39
khoản thu bất thường 37
khối lượng giao dịch 64-65
khởi nghiệp 43
không có khả năng trả nợ do đầu cơ quá khả năng 38
khủng hoảng 34
khủng hoảng kinh tế Hy Lạp 71, 127, 146, 147
khủng hoảng tài chính Nga 65
khủng hoảng tài chính toàn cầu 35, 75, 82, 92, 128, 215
kiếm lời chênh lệch chỉ số 169
kiểm toán 112
kinh doanh
đăng ký 234
đầu tư vào 39, 161
kế toán doanh nghiệp **26-45**
mở rộng 42-43
VAT 240
kinh doanh chênh lệch giá

64-65
kinh tế học hiện đại **20-21**
kinh tế tự do 20, 21
kinh tế vi mô 13

L

Laffer, Arthur/đường cong Laffer 127
lãi kép 208-209
lãi suất
đối với các khoản nợ của chính phủ 108, 110
đối với đầu tư 174, 186
đối với thẻ tín dụng 218-219, 245
đối với tiền vay 43, 210-211
lãi đơn và lãi kép **208-209**
từ các quỹ được quản lý 168
với tư cách thu nhập 154, 159
lãi suất âm 193
lãi suất danh nghĩa 121
lãi suất dự trữ 100-103
lãi suất cơ bản 100-103, 120-123, 236
lãi suất phần trăm bình quân năm 208, 210, 211
lãi suất thật 121
lãi suất vay liên ngân hàng 55, 121
lãi vốn 47, 159, 177, 179, 186
lạm phát 13, 18, 102, **132-135**
mục tiêu của chính phủ 120
mục tiêu lạm phát 100, 119
nguy cơ lạm phát 193
siêu lạm phát 97, 142, 143, **144-145**
tốc độ 100
và lãi suất 121, 122
và lương hưu 200
và nợ 110, 111
và nới lỏng định lượng 125
và tình trạng thất nghiệp 118-119
và tỷ giá trao đổi 138, 139
với tư cách là một chỉ số kinh tế 116
Vương quốc Anh 237
lạm phát cầu kéo 132, 134-135
lạm phát chi phí đẩy 132-133
Lehman Brothers 35, 71
Libor 57, 67
Liên minh châu Âu, nghỉ hưu 247
lợi nhuận
bất động sản cho thuê 170-171
biên 72
cổ tức 164
được báo cáo 34
suy thoái 34
tăng ổn định 35
trái phiếu 50, 51
và cổ tức từ cổ phần 165
lợi nhuận sau thuế 29
lợi nhuận thực 28
lòng tin, công chúng 142-143, 144
lừa đảo
lương hưu 203
ngăn ngừa 234-235
thẻ tín dụng 219
luật sở hữu trí tuệ **235**
Luật Tín dụng tiêu dùng (1974) 245
lương hưu **196-203**
chuyển thành thu nhập 202-203
hợp nhất 203
miễn thuế đối với 247
quỹ hưu trí 61, 201
tiết kiệm và đầu tư cho 198-201
và giá cổ phần 183
Vương quốc Anh 246-247
xem thêm lương hưu cá nhân; lương hưu quốc gia, lương hưu cá nhân
lương hưu cổ đông 247
lương hưu nhà nước 198, 201
các khoản đóng vào bảo hiểm quốc gia 240, 246
Hưu trí Quốc gia mới 240, 246
quản lý **140-141**
và hưu trí 196-197
Vương quốc Anh 246
lương và tiền công 13, 31, 36, 117, 154, 156, 158
chi phí của 132, 133
lướt sóng 69

M

"mã chứng khoán" 55
Madoff, Bernie 35
mạng lưới thanh toán toàn cầu 204
Marx, Karl 22
Mazacoin 221
mệnh giá 50, 51
minh bạch 113
mở rộng (ngoại hối) 59
môi giới 54, 60, 61, 71, **76-77**
ngân hàng đầu tư 74
vay đồng đẳng 228
môi giới chiết khấu 76, 187
môi giới cầm đồ 83
môi giới chứng khoán 182, 183
môi giới trực tuyến 76
mớm tiền nhỏ giọt 187, 190
MONIAC 114, 115
MSCI EAFE 169
MTS 232
mua bán cổ phiếu 48-49, **54-55**
Thị trường Chứng khoán London **232-233**
mua sắm 157
mức đóng góp xác định trước 198, 200
mức hưởng xác định trước 197, 198, 200
mức huy động tiền, lương hưu 141

N

năm kế toán 235
năng lượng
chi phí 132
đầu tư của chính phủ cho 130
Nasdaq 61
nền kinh tế xám 126, 127
ngân hàng
các ngân hàng đầu tư 74-75
cho vay 37, 88, 89
kiếm tiền và mất tiền 75
phí 29, 73
rút tiền 72
so với hiệp hội tín dụng 217
tài sản lưu động và khoản nợ 88, 89
tăng lưu thông tiền tệ 88-89
thuế gia tăng đối với lợi nhuận 241
thương mại và thế chấp 72-73
tiền gửi 57
trong một đợt suy thoái 95
trung ương **100-103**
truyền thống 83
và thị trường tiền tệ 56-57
Ngân hàng Anh 19, 125, 221, **236-237**
Ngân hàng Barrings 53
ngân hàng cho vay thế chấp **72-73**
ngân hàng đầu tư 71, **74-75**
ngân hàng thương mại 71, **72-73**
cho vay 98
lãi suất 121
lãi suất âm 123
lãi suất dự trữ 90
tiền vay 88, 89
và ngân hàng trung ương 100-103, 113, 121, 124
ngân hàng trung ương **100-103**, 112
hỗ trợ các ngân hàng thương mại 88
minh bạch và khả năng quy trách nhiệm 113
Ngân hàng Anh **236-237**
trường hợp độc lập 99
và cung tiền 98, 99
và dự trữ ngân hàng 90
và lãi suất âm 123
và lãi suất cơ bản 120, 122-

Chỉ mục

123, 236
Ngân hàng Trung ương châu Âu 100
Ngân khố Anh 236
ngân sách
cá nhân **157**, 160
cân đối ngân sách 97
hằng năm của chính phủ 112
ràng buộc ngân sách **104-105**
thâm hụt ngân sách 104, 128
Ngày đối chiếu kế toán (ARD) 235
nghỉ hưu 156, 157, **196-203**
lên kế hoạch cho độc lập tài chính 150-151
ở nước ngoài 247
quản lý lương hưu nhà nước 140-141
tuổi 161, 196, 246
xem thêm lương hưu; lương hưu nhà nước
nghiên cứu khoa học 128, 131
người bảo lãnh 213
người cho vay cứu cánh cuối cùng 100, 236
người giao dịch 62
người mua lần đầu 244-245
người tạo lập thị trường 61
nguyên liệu thô, chi phí 132, 133
nhà cung cấp, thanh toán 37
nhà đầu tư thiên thần 41
nhà ở xã hội 131
nhập khẩu 115
nhu cầu có khả năng thanh toán 134, 135
niềm tin của công chúng, mất 142-143, 144
nợ **204-219**
các cách vay tiền 204-205
các khoản vay 210-211
cách doanh nghiệp sử dụng 42-43
chính phủ phá sản 142-143, 146-147
chính phủ trả nợ 97, 108, 109
của người đóng thuế 239
hiệp hội tín dụng 216-217
lãi đơn và lãi kép 208-209
nợ công 110-111
quản lý cá nhân 151, 157
quốc nội và bên ngoài 111
tài chính 41
tại sao chúng ta dùng tiền vay nợ 206-207
thái độ với 157
thẻ tín dụng 218-219
và của cải 155
và giá trị ròng 152-153
và tỷ suất vốn vay 40-41
vay thế chấp 212-215
vòng xoáy 146-147
nợ bên ngoài 111
nợ công **110-111**
nợ quốc nội 111
nợ tiềm ẩn 153
nới lỏng định lượng (QE) 98, 114, 124-125, 237
nước ngọt, thuế 126-127, 241

P

phá sản 39, **41**, 207
phân bổ tài sản chiến lược 188
phân tích cơ bản 62, 63
phân tích dữ liệu toàn cầu 63
phân tích kỹ thuật 62, 63
phân tích, thị trường 62-63
phát hành cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO) 48, 60, 61, 75, 183
phí nhượng quyền 159
phí trả muộn 211
phí trả nợ trước hạn 221
phí, bảo hiểm 78, 79
Phillips, Bill 114
phong cách sống 156, 163, 192
phỏng vấn nhóm 159
phương sai 195
phương tiện dịch vụ, đầu tư của chính phủ 130
Pigou, Arthur/ thuế Pigou 126
Proof of Stake 233
Proof of Work 233

Q

quà tặng 37
quản lý quỹ 80-81, 169, 184
quỹ
đầu tư 47
được quản lý **168-169**
quỹ chỉ số 169, 185
quỹ chưa được niêm yết 168
quỹ của thị trường tiền 57
quỹ đa ngành 168
quỹ đầu tư 80
quy định
cho vay ngang hàng 221
ngân hàng 82, 83, 92
ngành bảo hiểm 79
sản phẩm vay thế chấp 215
thẻ tín dụng 245
Thị trường Chứng khoán London 233
quỹ được quản lý chủ động 168, 185
quỹ được quản lý thụ động 168
Quỹ hưu liên quan đến thu nhập từ chính phủ (SERPS) 246
Quỹ hưu Nhà nước thứ hai 246
Quỹ lợi nhuận tuyệt đối 185
quỹ phòng hộ 56, 61, 65, 75, 188, **233**
quỹ phòng hộ Long-Term Capital Management (LTCM) 65
quy tắc xem xét thị trường vay thế chấp 244
quỹ tài sản đơn nhất 168
Quỹ thị trường chuyên sâu (SMF) 232
quỹ thị trường tiền tệ có kỳ hạn trên 24 giờ 87
Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) 146, 147
Quỹ Tín thác Trẻ em 242
quyền lực thị trường 134

R

Ricardo, David 21
Riksbank (Thụy Điển) 103, 236
Ripple 221
Roosevelt, Franklin D 95
Royal Mint 19
RPI (chỉ số giá bán lẻ) 238-238
RSCoin 221
rủi ro
bảo hiểm 78-79
cân bằng với lợi nhuận 187, 189, 194-195
cho vay ngang hàng 229
đầu tư 47, 162-163, 186
khả năng chịu đựng rủi ro 187, **192-193**
kiểm soát 46
và các quỹ được quản lý 168, 169
và tỷ suất vốn vay 40-41
rủi ro lãi suất 193
rủi ro vốn 192, 193

S

sáng kiến Nhà cho người mới bắt đầu 245
sáp nhập và mua lại 75
Sargent, Thomas 145
séc du lịch 86
séc tín dụng 82
siêu lạm phát 97, 142, 143, 144-145
siêu thị trường quỹ 187
Simmel, Georg 17
SIPP (lương hưu cá nhân tự đầu tư) 198, **247**
Smith, Adam **14**, 20-21
Sở giao dịch Chứng khoán Thâm Quyến (SZSE) 55
Sở giao dịch Chứng khoán Thượng Hải (SSE) 55
sống ở nước ngoài, giảm thuế **247**
Standard & Poor's 500 169
sự bảo vệ 228
sự sụp đổ của Phố Wall (1929) 34
sửa chữa, bất động sản 170, 171
suy thoái 146, 215

và cung tiền **92-93**
và đại suy thoái **94-95**
suy thoái **94-95**

T

tài chính cá nhân **148-229**
đầu tư tạo thu nhập 162-173
đầu tư xây dựng của cải 174-185
giá trị, của cải và thu nhập 150-161
lương hưu và hưu trí 196-203
nợ 204-219
quản lý các khoản đầu tư 186-195
tiền trong kỷ nguyên điện tử 200-229
Vương quốc Anh 242-247
tài chính công
cung tiền **86-95**
nỗ lực kiểm soát **114-141**
quản lý tài chính quốc gia **96-113**
tại sao chính phủ vỡ nợ **142-147**
Vương quốc Anh **236-241**
tài chính doanh nghiệp
các công cụ phái sinh 52-53
cách các công ty sử dụng dòng tiền 36-39
chi tiêu và vốn hóa 30-31
cổ phần 48-49
cổ tức 164-465
đệ trình thuế 235
giảm biến thiên doanh thu 34-35
khấu hao, khấu trừ dần và hao tổn 32-33
lương hưu 196-197, 200
phát hành cổ phần 182, 183
tài chính doanh nghiệp **26-45, 234-235**
thu nhập ròng 28-29
tỷ suất vốn vay và rủi ro 40-41
tiền vay 42-43
trái phiếu 50-51, 237
và các ngân hàng đầu tư 74-75
và thị trường tiền tệ 56-57
vốn lớn, vừa và nhỏ 188
Vương quốc Anh **232-235**
tài chính nhà nước, quản lý **96-113**
cách thuế vận hành 106-107
chính phủ và tiền 98-99
khả năng quy trách nhiệm 112-113
ngân hàng trung ương 100-103
nợ công 110-111
thắt chặt ngân sách 104-105
vay chính phủ 108-109
tài khoản hiện tại
các tổ chức tài chính phi ngân hàng 83
cán cân thanh toán 136, 137
hiệp hội tín dụng 217
ngân hàng thương mại 72, 73
tài khoản ký thác của thị trường tiền 167
tài khoản tài chính (BOP) 136, 137
tài khoản tiền gửi 56, 87, 166-167
tài khoản tiền gửi có thông tri 240
tài khoản tiền gửi hàng tháng tối thiểu 166
tài khoản tiết kiệm cá nhân (ISA) 242, 245
tài khoản tiết kiệm có thông báo 72, 87, 166
tài nguyên tự nhiên 32-33, 136
tài sản
bản 37
bảng cân đối kế toán 44-45
cá nhân 152-153
các nhóm tài sản 186, 189
các quỹ được quản lý 168
đầu tư để có thu nhập 162-163
giá trị ròng 152-153
khấu hao của 27, 29, **32-33**, 206
ngân hàng 88, 89
phân bổ và đa dạng hóa 186, **188-189**
rủi ro và lợi nhuận 194-195
tài sản mua và tài sản thuê 33
tương quan tài sản 194, 195
và chi phí vốn 30
và của cải 155
vô hình 32, 33
tài sản đầu tư 152
tài sản lưu động 152
tài sản thương mại 178
tái vay thế chấp 213
tăng trưởng 116
tạo lợi nhuận 55
tẩu thoát vốn 138
Tesco 29
thâm hụt
chính phủ 104, 109, 110, 128
quỹ lương hưu 141
thặng dư 110
tháo gỡ đòn bẩy tài chính 41
thắt chặt tín dụng 92, 215
thất nghiệp 13, 93, 117
trong suy thoái 94
và lãi suất 122, 123
và lạm phát 118-119
và tỷ giá hối đoái 138, 139
thấu chi 37, 73
thay đổi của thị trường, dự đoán **62-63**
thế chấp 180
thế chấp mua để bán 176
thế chấp mua để cho thuê (BTL) 176, 244
thẻ ghi nợ 88, 204
thẻ tín dụng 18, 155, 204, **218-219**
lừa đảo 219
nợ 207
phí 73
Vương quốc Anh 245
thị trường bò 182, 183
Thị trường chính (LSE) 232-233
thị trường chứng khoán
cổ phần **48-49**, 182, 183
dự đoán **62-63**
sụp đổ 201
thao túng **66-67**
thị trường tài chính **54-55**
thị trường chứng khoán chuyên nghiệp (PSM) 232
Thị trường chứng khoán Hồng Kông (SEHK) 55
Thị trường Chứng khoán London (LSE) 55, 61, 65, 182, **232-233**
Thị trường Chứng khoán New York (NYSE) 49, 55, 60, 61, 64
Thị trường Chứng khoán Nhật Bản (JPX) 55
Thị trường Chứng khoán Toronto (TSE) 55
thị trường gấu 182
thị trường ngoại hối 61
thị trường sơ cấp **60-61**
thị trường tài chính **54-69**
dự đoán thay đổi của thị trường 62-63
giao dịch trong ngày 68-69
kinh doanh chênh lệch 64-65
thao túng thị trường chứng khoán 66-67
thị trường sơ cấp và thứ cấp 60-61
thị trường tiền tệ 56-57
trao đổi và giao dịch ngoại tệ 58-59
thị trường thứ ba 61
Thị trường thứ cấp (AIM) 60, 61, 68, 102, 232, **233**
thị trường tiền tệ 56-57
thị trường toàn cầu 71
thị trường trực tuyến 159, 182

Chỉ mục

thiết bị 37
thợ mỏ 220, 222, 223, 224
thỏa thuận mua lại của chính phủ 87
thỏa thuận quốc tế 107
thời chiến, nợ của chính phủ trong 111
thống kê dân số 141
thu nhập
  cá nhân 150
  chính phủ 130, 131
  chính phủ 96, 115
  cho vay ngang hàng 228
  danh mục đầu tư tối ưu 194-195
  đầu tư cho 162-173, 174
  độ lệch chuẩn 191
  hiệp hội tín dụng 217
  hiệu ứng quả cầu tuyết 208
  lương hưu 201, 203
  phân tích 62
  quốc gia 114-115
  quỹ được quản lý 168, 169, 185
  tài khoản tiết kiệm và tiền gửi 159, 162, 163
  tiền cho thuê bất động sản 170-171
  từ các quỹ được quản lý 168-169
  từ cổ tức của cổ phần 164-165
  từ đầu tư 40, 47, 51, 79, 81, 130, 131, 141, 154, 161, 162, 174, 186, 189
  từ lương hưu 202-203
  từ tài sản 88, 113, 188, 189, 198
  từ tiền tiết kiệm 150, 166-167
  và của cải **154-157**, 160, 161
  và đánh thuế 106
  và rủi ro 166, 187, 192-193, 194
  và thu nhập ròng 28
thu nhập chủ động 158, 160
thu nhập chưa kiếm được 159
thu nhập của hội đồng 238-239
thu nhập quốc dân 115
thu nhập ròng 26, **28-29**, 106
thu nhập sau thuế 114
thu nhập thụ động 158, **159**, 160
Thu nhập tiết kiệm miễn thuế 242
thu nhập từ tiền cho thuê 154, 158, 159, 163, **170-171**, 174, 186
Thực hành kế toán được chấp nhận chung của Vương quốc Anh (UK GAAP) 234
thuế bán hàng 37
thuế chôn lấp rác 238, 241
thuế đánh bạc 241
thuế đất 238, 241
thuế doanh nghiệp 37, 126, 234, **235**, 238, 241
thuế gián tiếp 106, 107, 133, 135, 238, **240-241**
thuế hàng hóa 107
thuế hội đồng 238
thuế kinh doanh 238-239
thuế lãi vốn 241
thuế phí bảo hiểm (IPT) 241
thuế quan 241
thuế suất biên 126
thuế thu nhập 106, 126, 238
thuế thu nhập cá nhân37
thuế thừa kế 173, 238, 241, **242-243**
thuế thực tiễn 126
thuế trực tiếp 106, 135, 238
thuế trước bạ 241, **245**
thuốc lá, thuế 106, 126, 241
thương hiệu 235
thương phiếu 57
tỷ lệ tiền vay-trên-giá-trị (LTV) 180, 205, 213
tiền
  các đặc điểm 16
  các lý thuyết kinh tế về 22-23
  đầu cơ 95
  giá trị của 15, 16, 17
  hàng đổi hàng, IOU và 14-15
  in 96, **97**, 104, 105, 143, 236
  kinh tế học về 18-19
  lạm phát và tốc độ của 134
  sức mua 132
  tạo ra loại tiền mới 124
  tạo tác của 16-19
  tiến hóa của **12-23**
  trong kỷ nguyên số **220-229**
  trong lưu thông 88-89, 123
tiền chi tiêu 154-155, 156, 157
tiền có hàng hóa đứng sau 87
tiền đại diện 87
tiền đi vay
  các cách vay tiền 204-205
  các công ty 42-43
  chi phí 121, 206
  chính phủ 96, 104, 105,
  sự hạn chế 98
  thị trường tiền tệ 56-57
  và chi phí vốn 131
  vay 210-211
  vay ngang hàng 228-229
  vay thế chấp 212-215
tiền dự trữ 139
tiền đúc 12, 16-19
tiền giấy 13, 236, 237
tiền gửi (bất động sản) 176, 244
tiền gửi có kỳ hạn 163
tiền gửi miễn thuế 167
tiền hẹp 86
tiền mã hóa 220, **222-225**, 243
tiền mặt 186
  chuyển đổi 38, 39
  rút gọn một lần hay chia thành nhiều lần (lương hưu) 197, 202
  trong tài khoản ngân hàng 174
  ứng trước tiền mặt 219
tiền mặt dữ trự 90
tiền mất giá 18
tiền pháp định 87, 220, 236
tiền số 13, 18, **220-229**
  bitcoin 224-225
  cho vay ngang hàng 228-229
  gây quỹ cộng đồng 226-227
  thuế đối với 243
  tiền mã hóa 222-223
tiền tệ 46
  biến động tiền tệ quốc tế 138-139
  có hàng hóa đứng sau 87
  đại diện 87
  độ tin cậy về giá trị 97
  dự trữ 139
  dự trữ ngoại tệ của Vương quốc Anh 236
  ngân hàng trung ương 100
  pháp định 87, 220
  số 220, 221
  trao đổi và mua bán ngoại tệ 58-59
  trong lưu thông 86, 99
  truyền thống 222
  Vương quốc Anh 236
tiền tín dụng 88
tiền trả đứt một lần, lương hưu 246
tiền trợ cấp 37
tiền vay
  các dạng 204
  chi phí 122, 123
  chính phủ 47
  doanh nghiệp 41, 47
  được đảm bảo 121
  hiệp hội tín dụng 216, 217
  hoàn trả 36, 37, 210
  không đảm bảo 121
  lãi suất đối với 72, 73
  môi giới 210
  ngân hàng 88, 89
  thị trường tiền tệ và 56-57
  và giá trị bất động sản 181
  và nợ 155, 204, 210-211
  xem thêm vay thế chấp
tiền vay có đảm bảo 121, 204, 210
tiếp cận tín dụng 103
tiết kiệm cá nhân thiếu niên 242
tiết kiệm tiếp cận tức thì 86, 166

tiêu chuẩn sống 98, 117, 150, 151, 198
tiêu dùng nội địa 115
tiêu dùng, chính phủ 97
tín dụng trả góp 204
tín dụng xoay vòng 204, 219
tính dễ biến động 34, 52, 53, 80, 169, 190, 191
tính phi thanh khoản 54, 60
tính thanh khoản 38, 61, 76, 189
    bẫy thanh khoản 95
    và giá trị ròng 153
tính thanh khoản của cổ phiếu 67
tổ chức công nghiệp 13
tổ chức phi lợi nhuận 205, 216, 217
tổ chức tài chính **70-83**
    các tổ chức tài chính phi ngân hàng 82-83
    công ty đầu tư 80-81
    môi giới 76-77
    ngân hàng thương mại và ngân hàng đầu tư 74-75
    nguy cơ và quy định bảo hiểm 78-79
    thế chấp 72-73
tổ chức tài chính phi ngân hàng 70, **82-83**
tốc độ tiền 134
tổng sản phẩm nội địa (GDP) 93, 94, 116, 138, 139, 237
tổng thu nhập quốc dân (GNI) 115
trách nhiệm pháp lý với tiền gửi 90
trái khoán 163
trái phiếu
    chính phủ 108
    đầu tư vào 47, **50-51**, 54, 80, 186
    lãi suất cố định 167
    lãi suất từ 158
    ngân hàng trung ương và 102-103
trái phiếu chính phủ 50, 102-103, 108
trái phiếu kho bạc 57
trái phiếu lãi suất cố định 167
trái phiếu rác 51
trang sức, đầu tư vào 155
trao đổi và giao dịch với nước ngoài **58-59**, 236
trẻ em
    chi phí 152, **153**, 162, 198, 199
    tài khoản tiết kiệm 242
trợ cấp hàng năm 197, 202, **203**, 246, 247
trợ cấp, chính phủ 128
trung bình hóa chi phí đầu tư 187, **190-191**
Trung Quốc, sự chững lại của kinh tế **71**
Trường phái Cổ điển 23
tư nhân hóa 131
tư vấn doanh nghiệp (ngân hàng đầu tư) 74, 75
tuổi nghỉ hưu 163, 174
Turquoise 232
tỷ giá hối đoái 100, 133, 136-139
tỷ lệ dự trữ 90, 98, 102
tỷ suất vay nợ cao 40-41
tỷ suất vốn vay 27, **40-41**
tỷ suất vốn vay thấp 40-41
tỷ trọng 195
vay thế chấp lãi suất thay đổi tiêu chuẩn (SVR) 214

U

ưu thế cạnh tranh 21
Ủy ban Chính sách Tiền tệ (MPC) 237

V

vận chuyển
    chi phí 132
    đầu tư của chính phủ vào 130
vận hành thị trường mở 98, 100, 103
Văn phòng Sáng chế châu Âu 235
VAT 37, 106, 107, 238, **240-241**
vay giá trị nhà 180
vay không đảm bảo 121, 204
vay nóng 210
vay thế chấp 155, 157, 198, 199, 205, **212-215**
    các dạng 212-213
    dưới chuẩn 92, 215
    Hồi giáo 213
    lãi suất 122
    lựa chọn 177
    mua để bán 176
    mua để cho thuê 176
    mức lãi suất thế chấp 214-215
    và giá trị nhà 180-181
    Vương quốc Anh 244-245
vay thế chấp bù trừ tài khoản 213
vay thế chấp chỉ trả lãi 213
vay thế chấp chiết khấu 215
vay thế chấp dưới chuẩn 92, 215
vay thế chấp lãi suất cố định 214, 244
vay thế chấp lãi suất thay đổi 214, 244
vay thế chấp ngược hàng năm 212
vay thế chấp theo chỉ số 215, 244
vay thế chấp trả góp 212
vay thế chấp trả hàng năm 212
ví, điện tử 223, 224
vỡ nợ 51, 109, 110, 111, 142, **146-147**, 211
vốn 36
vốn cổ phần 80
    đầu tư quá mức vào 141
vốn hóa thị trường 188
vốn hóa và chi phí 27, **30-31**
vốn khởi đầu 43
vốn mạo hiểm 43
vòng đời ("giai đoạn nợ") 43
Vương quốc Anh
    tài chính cá nhân **242-247**
    tài chính công **236-241**
    tài chính doanh nghiệp **232-235**
vượt mức bồi thường (bảo hiểm) 79
vượt mức dự trữ 90

W

Warren, Elizabeth 141
Welch, Jack 35
Wilshire 5000 169
WorldCom 35

X

xếp hạng tín dụng 160, 177, **205**, 207, 216
"xu" ảo 222, 223
xuất khẩu 115, 135

Y

yêu cầu bảo chứng 59
yêu cầu bồi thường, bảo hiểm 79

Lời cảm ơn

Dorling Kindersley xin gửi lời cảm ơn đến Alexandra Beeden vì đã đọc biên tập, Emma Wicks vì đã hỗ trợ thiết kế, Phil Gamble vì đã thiết kế các biểu tượng, và Helen Peter vì đã viết phần chỉ mục.

Nguồn số liệu thống kê và thông tin:
Bìa sách: blogs.spectator.co.uk/2016/09/paper-5-polymer-origins-banknote/; en.wikipedia.org/wiki/List_of_circulating_currencies; www.worldbank.org/en/topic/poverty/overview; en.wikipedia.org/wiki/Crowdfunding; en.wikipedia.org/wiki/1891; money.howstuffworks.com/currency6.htm; en.wikipedia.org/wiki/European_debt_crisis; www.bbc.co.uk/news/business-18944097; www.ilo.org/global/research/global-reports/global-wage-report/2014/lang--en/index.htm; en.wikipedia.org/wiki/Rai_stones; www.worldbank.org/en/news/press-release/2015/04/15/massive-drop-in-number- of-unbanked-says-new-report; manchesterinvestments.com/portfolio-compass-january-20-2016/; www.imf.org/external/pubs/ft/fandd/2014/09/kose.htm

trang 13: money.visualcapitalist.com/; **trang 19**: www. royalmint.com/bullion/products/gold- sovereign; **trang 27**: www.moodys.com/research/Moodys-US-non-financial-corporates-cash- pile-increases-to-168--PR_349330; **trang 29**: www.apple.com/uk/pr/library/2016/01/26Apple-Reports-Record- First-Quarter-Results.html; **trang 33**: www.theaa. com/motoring_advice/car-buyers-guide/cbg_depreciation.html; **trang 39**: www. modestmoney.com/cash-flow-problems-small- business-startups-tackle/9820; **trang 41**: www. tutor2u.net/business/reference/gearing-ratio; **trang 47**: www.cnbc.com/2015/07/17/googles- one-day-rally-is-the-biggest-in-history.html; **trang 49**: www.thetradenews.com/Regions/Asia/Tokyo-needs-foreigners-to-revitalise-volumes/; **trang 51**: www.tradingeconomics.com/germany/government-bond-yield; **trang 53**: www. prmia.org/sites/default/files/references/Baring_Brothers_Short_version_April_2009. pdf; **trang 59**: www.wsj.com/articles/pound-drops-to-31-year-low-against-dollar-on-brexit-concerns-1475566159; **trang 60**: www.forbes.com/sites/ryanmac/2014/09/22/alibaba-claims-title-for-largest-global-ipo-ever-with-extra-share-sales/#7e4c5c887c26; **trang 65**: www.dbresearch.com/PROD/DBR_INTERNET_EN-PROD/PROD0000000000406105/High-frequency_trading%3A_Reaching_the_limits.pdf; **trang 71**: www.investopedia.com/articles/economics/09/lehman-brothers-collapse. asp#ixzz4M7KQIMTg; **trang 72**: www. federalreserve.gov/monetarypolicy/reservereq.htm; **trang 76**: www.tdameritrade.com/about-us.page; **trang 81**: www.morganstanley.com/im/emailers/media/pdf/liq_sol_updt_012013_rule_2a-7.pdf; **trang 83**: www.ey.com/Publication/vwLUAssets/ey-global-consumer-banking-survey/$FILE/ey-global-consumer-banking-survey.pdf; **trang 88**: positivemoney.org/how-money-works/how-banks-create-money/; **trang 93**: As estimated by former Bank of England Governor Mervyn King, www.telegraph.co. uk/finance/recession/7077442/Recession-Facts-and-figures.html; **trang 95**: www.nber.org/chapters/c2258.pdf; **trang 97**: www. usgovernmentspending.com/; **trang 100**: www. ecb.europa.eu/home/html/index.en.html; **trang 103**: www.riksbank.se/en/The-Riksbank/History/Important-date/1590-1668/; **trang 105**: www.worldbank.org/en/country/libya/overview; **trang 107**: www.forbes.com/sites/frederickallen/2012/07/23/super-rich-hide-21- trillion-offshore-study-says/#386b08de73d3; **trang 110**: www.nationaldebtclocks.org/debtclock/unitedstates; **trang 115**: fred.stlouisfed. org/series/MKTGNIJPA646NWDB; **trang 117**: www.bls.gov/k12/history_timeline.htm; **trang 123**: www.tradingeconomics.com/argentina/inflation-cpi; **trang 125**: www.aei.org/publication/since-2009-feds-qe-purchases-transferred-almost-half-trillion-dollars-treasury-isnt-gigantic-wealth-transfer/; **trang 127**: www.economist.com/news/finance-and-economics/21623742-getting-greeks-pay-more-tax-not-just-hard-risky-treasures; **trang 135**: www.federalreserve.gov/faqs/economy_14400.htm; **trang 139**: www.dailyfx. com/forex/education/trading_tips/daily_ trading_lesson/2014; **trang 143**: This Time It's Different: Eight Centuries of Financial Folly (tạm dịch: Lần này sẽ khác: Tám thế kỷ ngu ngơ về tài chính) – Preface Reinhart, Carmen and Rogoff, Đại học Kenneth tại Maryland, College Park, Khoa Kinh tế, Đại học Harvard, 2009; **trang 145**: www.globalfinancialdata.com/gfdblog/?p=2382; **trang 147**: en.wikipedia.org/wiki/European_debt_crisis; **trang 151**: www.forbes.com/sites/jamiehopkins/2014/08/28/not-enough-people-have-financial-advisers- and-new-research-shows-they- should/#4e7ad5fd7648; **trang 153**: en.wikipedia. org/wiki/Ultra_high-net-worth_individual; **trang 157**: www.forbes.com/sites/afontevecchia/2014/10/02/the-new-forbes- 400-self-made-score-from-silver-spooners-to-boostrappers/#2cf326c97d40; **trang 164**: siblisresearch.com/data/ftse-all-total-return- dividend/; **trang 167**: www.tradingeconomics. com/european-union/personal-savings; **trang 175**: manchesterinvestments.com/portfolio-compass-january-20-2016/; **trang 176**: en.wikipedia.org/wiki/Subprime_mortgage_ crisis; **trang 179**: www.thisismoney.co.uk/money/mortgageshome/article-3452615/SIMON- LAMBERT-house-prices-double-15-years. html; **trang 180**: www.mybudget360.com/negative-equity-nation-for-1-out-of-5-homeowners-the-psychology-of-the-10-million-american-homeowners-with-zero-equity/; **trang 183**: money.cnn.com/2016/04/29/investing/stocks-2nd-longest-bull-market-ever/; **trang 194**: en.wikipedia.org/wiki/Efficient_frontier; **trang 199**: www.moneysavingexpert.com/savings/discount-pensions; **trang 201**: www.un.org/en/development/desa/population/publications/pdf/ageing/WPA2015_Report.pdf; **trang 203**: en.wikipedia.org/wiki/1891; **trang 205**: themoneycharity.org.uk/money-statistics/; **trang 207**: uk.businessinsider.com/eurostat-data-on-household-debt-2016-3; **trang 210**: www. theguardian.com/business/2014/dec/16/wonga-cuts-cost-borrowing-interest-rate; **trang 213**: ec.europa.eu/eurostat/statistics-explained/index.php/People_in_the_ EU_%E2%80%93_statistics_on_housing_ conditions#Ownership:_tenure_status; **trang 214**: news.bbc.co.uk/1/hi/business/7073131.stm; **trang 217**: www.woccu.org/; **trang 220**: thefinancialbrand.com/45284/banking-mobile-payments-bitcoin-research/; **trang 223**: en.wikipedia.org/wiki/List_of_cryptocurrencies; **trang 227**: www.kickstarter.com/about; **trang 229**: www.statista.com/statistics/325902/global-p2p-lending/